




Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng trước biểu tượng **CHÚ Ý**. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản, hoặc môi trường.

Biểu tượng   trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng giúp vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng  được mã hóa bằng màu để thể hiện “nguy hiểm” (màu đỏ), “cảnh báo” (màu cam), hoặc “chú ý” (màu hồ phách).

 **Nhãn An Toàn** Tr. 102


Một Vài Chú Ý Về An Toàn

An toàn của bạn, an toàn của mọi người là rất quan trọng. Và vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.


Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra làm bạn và những người khác bị thương.


Tất nhiên, nó không thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải tự xử lý được các tình huống.


Bạn sẽ thấy thông tin an toàn quan trọng này trong những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Các Nhãn An Toàn** - trên xe.
- **Thông Tin An Toàn** - dán phía sau biểu tượng cảnh báo  và một trong các từ sau: **NGUY HIỂM, CẢNH BÁO**

hoặc **LƯU Ý**. Những tín hiệu này có nghĩa:

 NGUY HIỂM Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.

 CẢNH BÁO Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.

 LƯU Ý Bạn CÓ THỂ BỊ THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

- **Các Đề Mục An Toàn** - như những Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn.
- **Phản Hướng Dẫn An Toàn** - như Lái Xe An Toàn.
- **Các Hướng Dẫn** - cách sử dụng xe sao cho đúng và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc một cách cẩn thận.

Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thông thường nhằm mục đích Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố. Thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu khác nhau của xe như việc nổ túi khí SRS và lỗi các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên dữ liệu này có thể truy cập bởi Honda, các đại lý được ủy nhiệm và thợ sửa chữa được ủy nhiệm, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được ủy nhiệm vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Thiết Bị Ghi Chẩn Đoán Dịch Vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Dữ liệu này không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên dữ liệu này có thể truy cập bởi Honda, các đại lý được ủy nhiệm và thợ sửa chữa được ủy nhiệm, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được ủy nhiệm vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này được coi như một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho tất cả các loại xe. Bạn có thể tìm thấy các miêu tả của các thiết bị và các tính năng mà xe bạn không có.

Những hình ảnh có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này miêu tả những tính năng và thiết bị chỉ có ở một số loại xe nhất định, không phải có ở tất cả các kiểu xe. Bởi vậy, sẽ có một số tính năng mà xe bạn không có.

Thông tin và các thông số kỹ thuật có trong tài liệu có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor giữ bản quyền này và được quyền cất bỏ và thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu này áp dụng với cả hai loại vô lăng bên trái và vô lăng bên phải, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại vô lăng bên trái.

➤ Lái Xe An Toàn Tr. 37

Lái Xe An Toàn Tr. 38 Dây Đai An Toàn Tr. 42 Túi Khí Tr. 55

➤ Bảng Điều Khiển Tr. 103

Đèn Báo Tr. 104 Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị Tr. 159

➤ Điều Khiển Tr. 169

Đồng Hồ Tr. 170 Khoá và Mở Khoá Cửa Tr. 172
Cửa Sổ Trời Tr. 201
Điều Chỉnh Ghế Tr. 226

➤ Tính Năng Tr. 253

Hệ Thống Âm Thanh Tr. 254 Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh Tr. 262, 283
Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346, 353

➤ Lái Xe Tr. 417

Trước Khi Lái Xe Tr. 418 Kéo Rơ-moóc* Tr. 422
Camera Lùi Đa Hướng Tr. 530 Nạp Nhiên Liệu Tr. 532

➤ Bảo Dưỡng Tr. 539

Trước Khi Tiến Hành Bảo Dưỡng Tr. 540 Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Dầu Tr. 543
Thay Bóng Đèn Tr. 580 Kiểm tra và Bảo Dưỡng Lưới Gạt Mưa Tr. 592
Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ xa Tr. 606 Kiểm tra và Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu Tr. 608

➤ Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 617

Dụng Cụ Tr. 618 Nếu Lốp Xe Bị Xẹp Tr. 619
Quá Nhiệt Tr. 636 Đèn Báo, Sáng/Nhấp Nháy Tr. 639
Khi Bạn Không Thể Mở Khoá Cửa Bình Nhiên Liệu Tr. 659

➤ Thông Tin Tr. 661

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 662 Số Nhận Dạng Tr. 669

Nội dung

Hướng Dẫn Tham khảo Nhanh Tr. 4

Lái Xe An Toàn Tr. 37

Bảng Điều Khiển Tr. 103

Điều Khiển Tr. 169

Tính Năng Tr. 253

Lái Xe Tr. 417

Bảo Dưỡng Tr. 539

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 617

Thông Tin Tr. 661

Phụ Lục Tr. 675

Hệ Thống Bật Nấp Ca-pô* Tr. 68 An Toàn Cho Trẻ Em Tr. 72 Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 101 Các Nhãn An Toàn Tr. 102

Mở và Đóng Nắp Khoang Hành Lý Tr. 192 Hệ Thống An Ninh Tr. 195 Mở và Đóng Cửa Kính Tr. 198
Vận Hành Công Tắc Quanh Vô Lãng Tr. 203 Điều Chỉnh Gương Tr. 223
Đèn Trong xe/Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Tr. 235 Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu Tr. 244

Thông Báo Lỗi Âm Thanh Tr. 338 Thông Tin Chung Về Hệ Thống Âm Thanh Tr. 340
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay Tr. 377, 398

Khi Lái Xe Tr. 428 Honda Sensing* Tr. 467 Phan xe Tr. 512 Đổ Xe Tr. 522
Nạp Nhiên Liệu và Khí Xả CO₂ Tr. 537 Xe Có Động Cơ Tăng Áp* Tr. 538

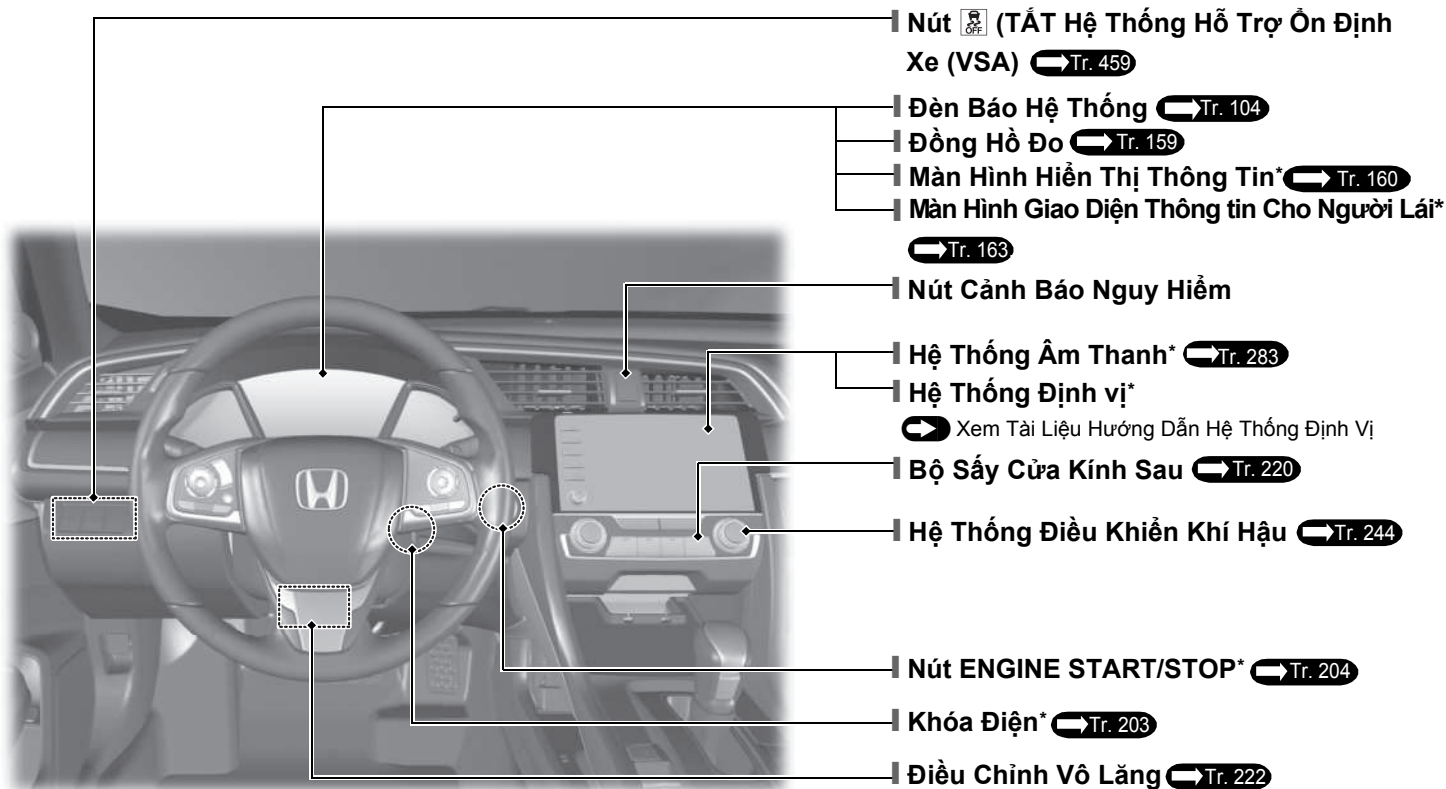
Lịch Bảo Dưỡng* Tr. 552 Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-Pô Tr. 561
Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lớp Xe Tr. 595 Ác Quy Tr. 602
Vệ Sinh Tr. 610 Phụ Kiện và Điều Chỉnh Tr. 615

Động Cơ Không Khởi Động Được Tr. 626 Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài Tr. 630
Cầu Chì Tr. 646 Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 656 Không Gạt Được Cần Số Tr. 634
Khí Bạ Không Thở Mở Nắp Khoang Hành Lý Tr. 660

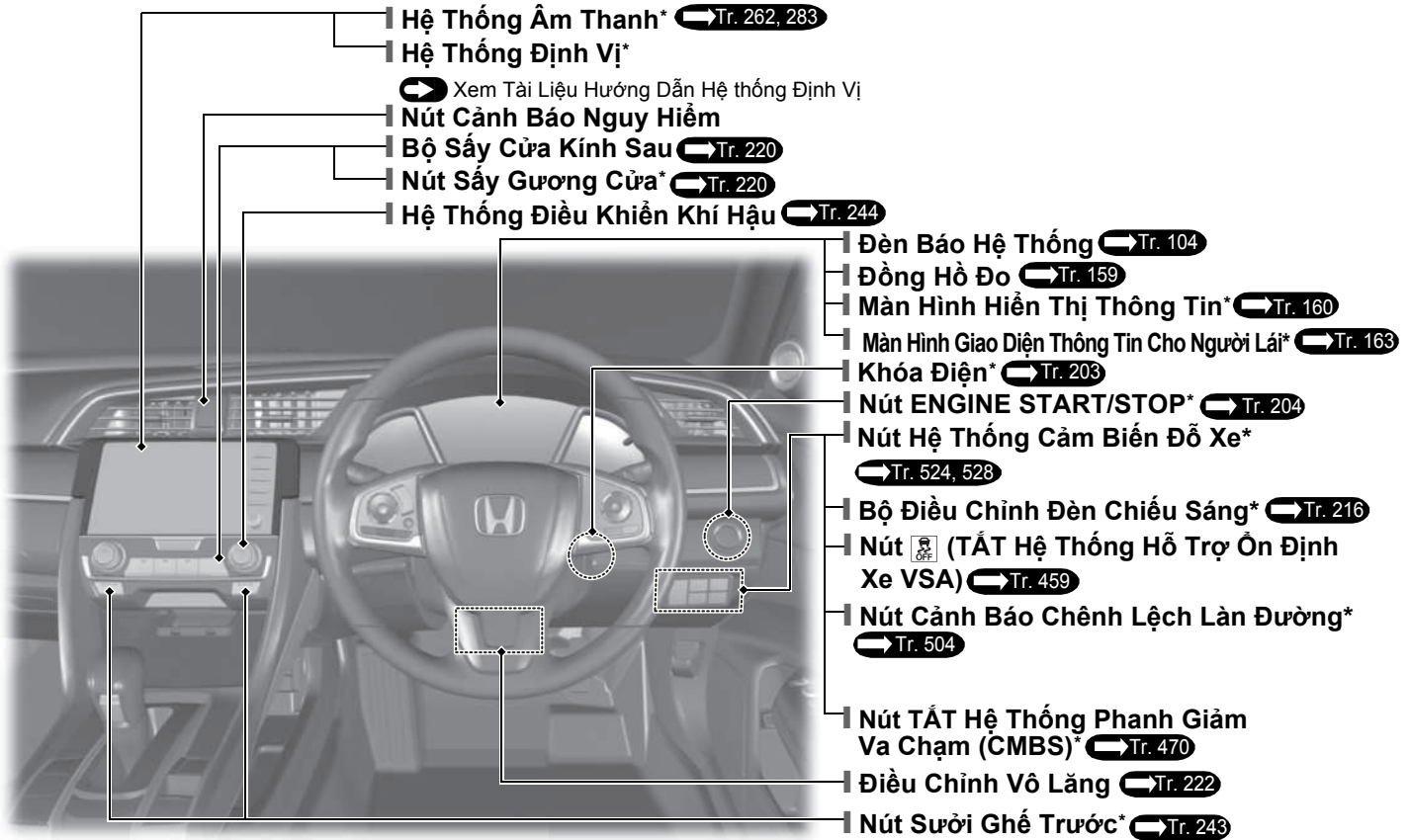
Thiết Bị Phát Sóng Radio* Tr. 671

Mục Lục Trực Quan

Loại Vô lăng Bên Trái

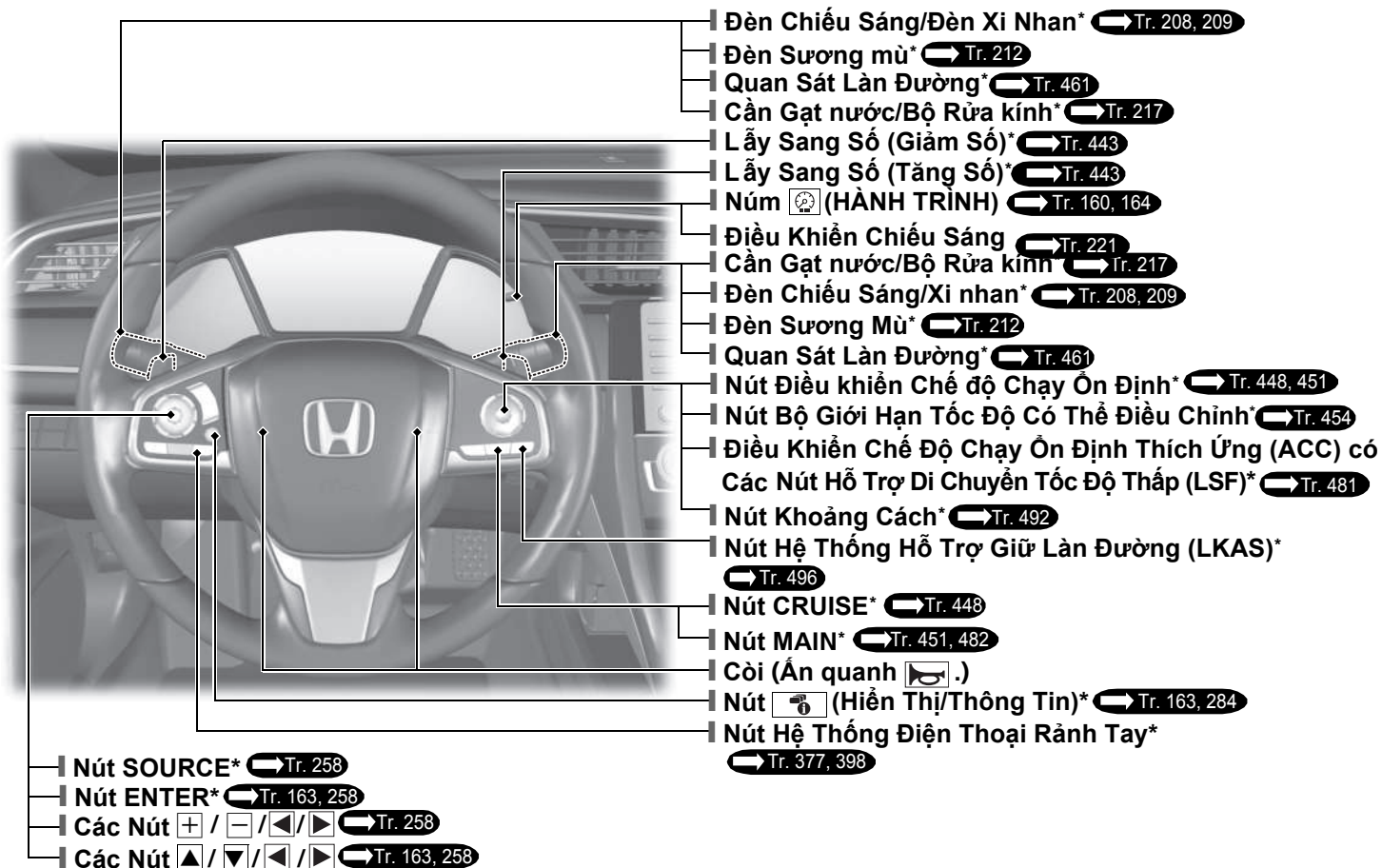


Loại Vô Lãng Bên Phải



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

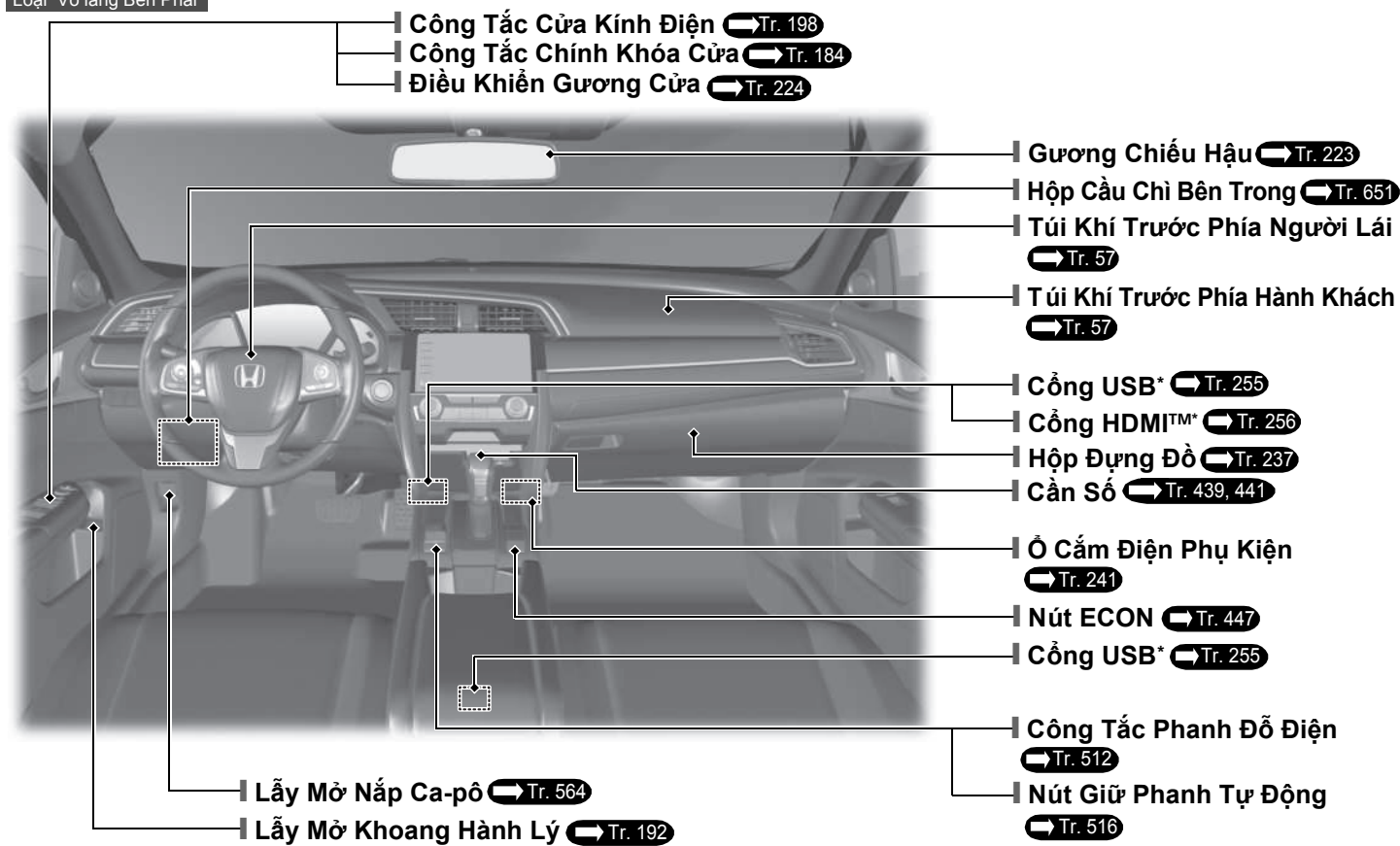
Mục Lục Trực Quan



- | Đèn Chiếu Sáng/Đèn Xi Nhan* ➔ Tr. 208, 209
- | Đèn Sương mù* ➔ Tr. 212
- | Quan Sát Làn Đường* ➔ Tr. 461
- | Cản Gạt nước/Bộ Rửa kính* ➔ Tr. 217
- | Lẫy Sang Số (Giảm Số)* ➔ Tr. 443
- | Lẫy Sang Số (Tăng Số)* ➔ Tr. 443
- | Nút (HÀNH TRÌNH) ➔ Tr. 160, 164
- | Điều Khiển Chiếu Sáng ➔ Tr. 221
- | Cản Gạt nước/Bộ Rửa kính ➔ Tr. 217
- | Đèn Chiếu Sáng/Xi nhan* ➔ Tr. 208, 209
- | Đèn Sương Mù* ➔ Tr. 212
- | Quan Sát Làn Đường* ➔ Tr. 461
- | Nút Điều khiển Chế độ Chạy Ổn Định* ➔ Tr. 448, 451
- | Nút Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều chỉnh* ➔ Tr. 454
- | Điều Khiển Chế độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Các Nút Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)* ➔ Tr. 481
- | Nút Khoảng Cách* ➔ Tr. 492
- | Nút Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)* ➔ Tr. 496
- | Nút CRUISE* ➔ Tr. 448
- | Nút MAIN* ➔ Tr. 451, 482
- | Còi (Ấn quanh)
- | Nút (Hiển Thị/Thông Tin)* ➔ Tr. 163, 284
- | Nút Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay* ➔ Tr. 377, 398

- | Nút SOURCE* ➔ Tr. 258
- | Nút ENTER* ➔ Tr. 163, 258
- | Các Nút ➔ Tr. 258
- | Các Nút ➔ Tr. 163, 258

Loại Vô lăng Bên Phải



Công Tắc Cửa Kính Điện Tr. 198

Công Tắc Chính Khóa Cửa Tr. 184

Điều Khiển Gương Cửa Tr. 224

Gương Chiếu Hậu Tr. 223

Hộp Cầu Chì Bên Trong Tr. 651

Túi Khí Trước Phía Người Lái Tr. 57

Túi Khí Trước Phía Hành Khách Tr. 57

Cổng USB* Tr. 255

Cổng HDMI™ Tr. 256

Hộp Đựng Đồ Tr. 237

Cần Số Tr. 439, 441

Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Tr. 241

Nút ECON Tr. 447

Cổng USB* Tr. 255

Công Tắc Phanh Đỗ Điện Tr. 512

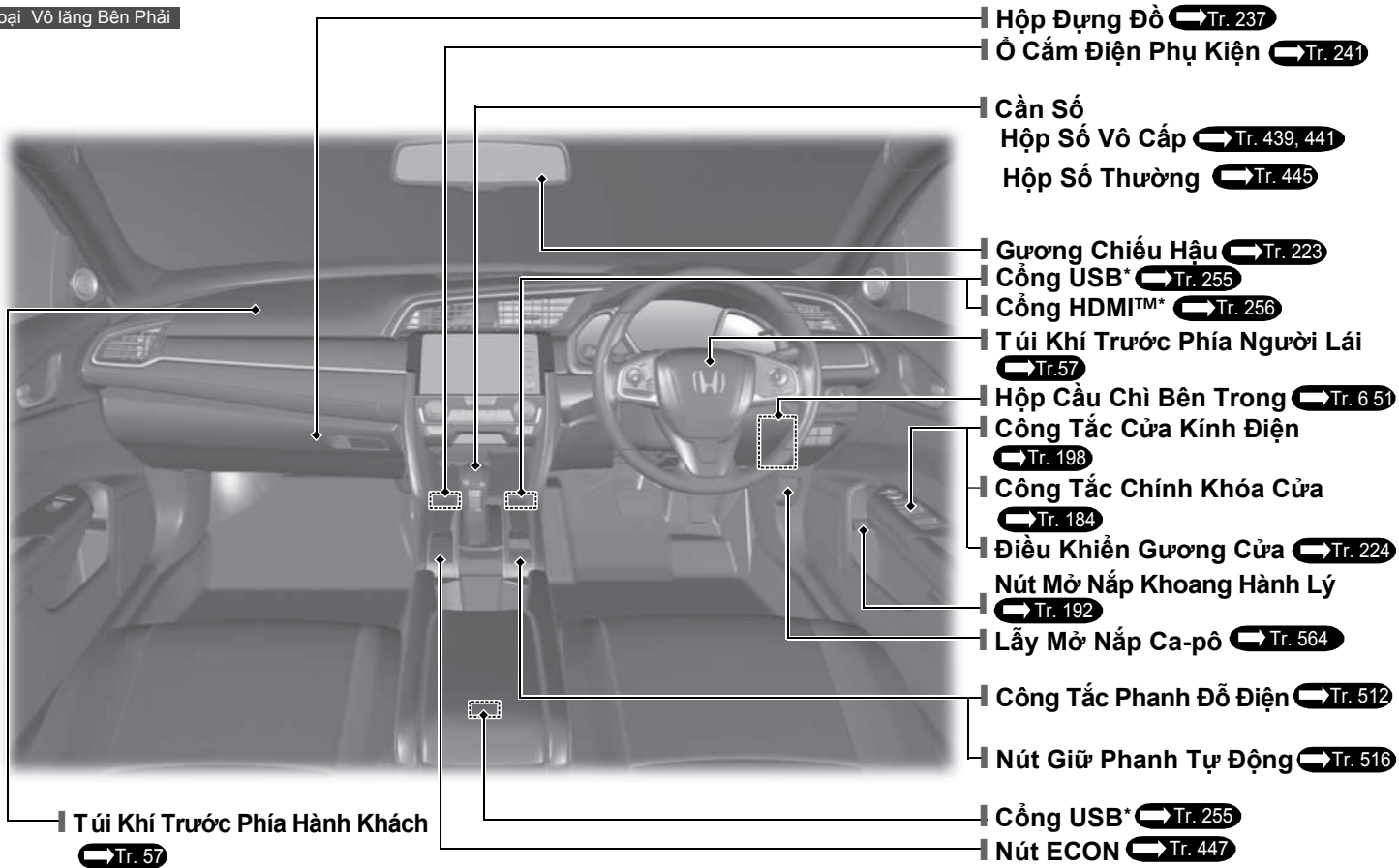
Nút Giữ Phanh Tự Động Tr. 516

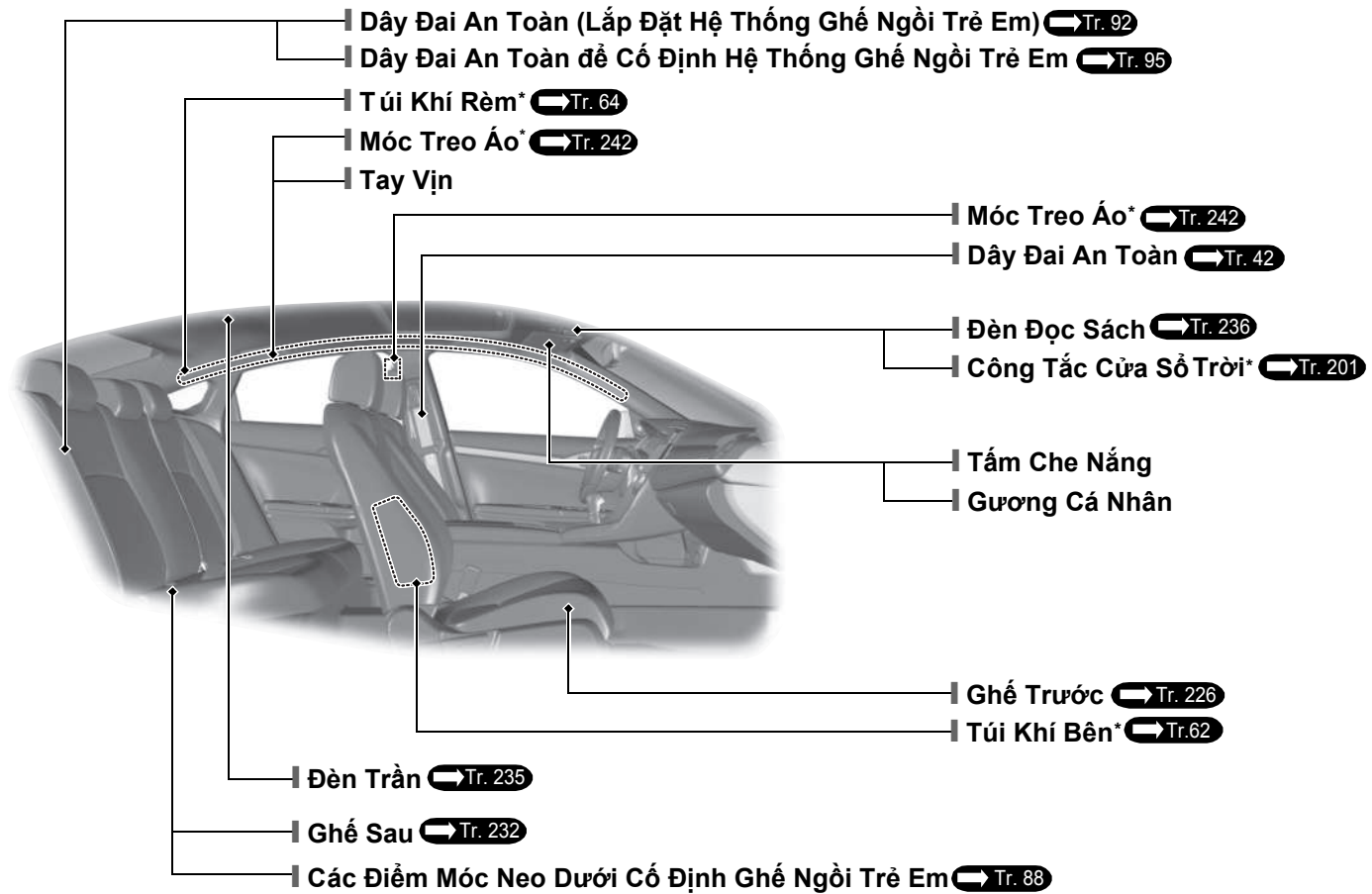
Lấy Mờ Nắp Ca-pô Tr. 564

Lấy Mờ Khoang Hành Lý Tr. 192

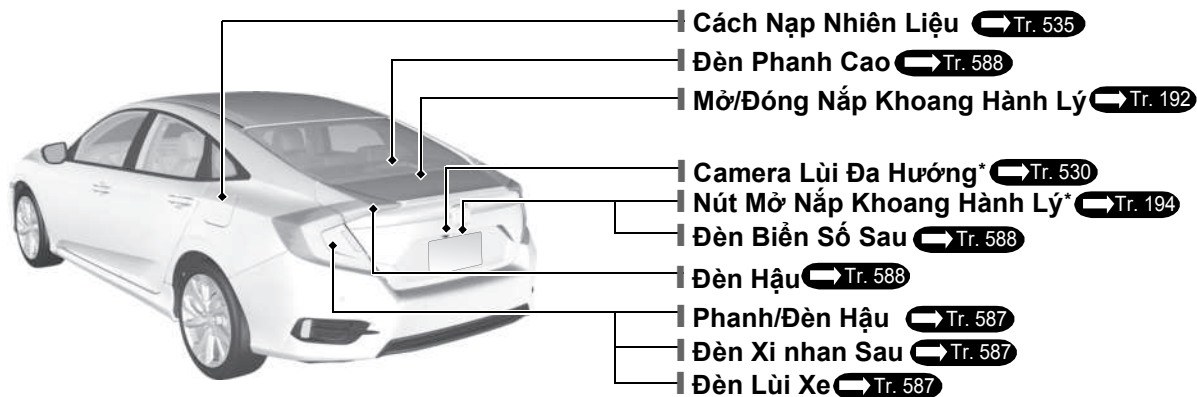
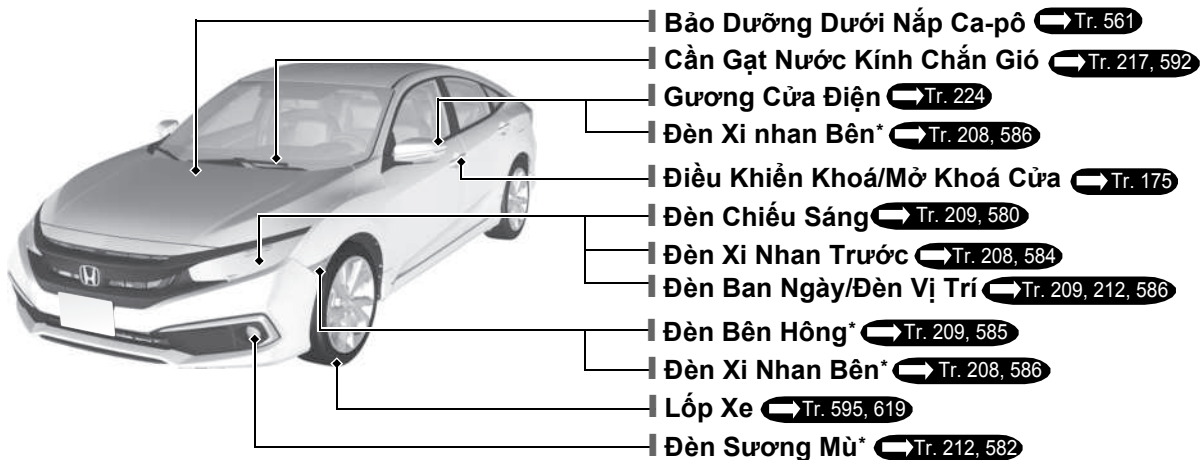
Mục Lục Trực Quan

Loại Vô lăng Bên Phải





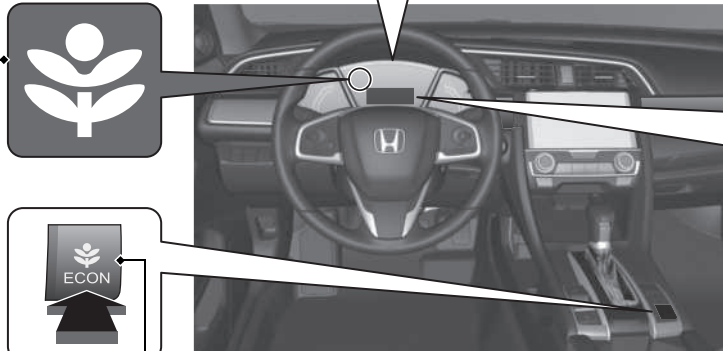
Mục Lục Trực Quan



Hệ Thống Hỗ Trợ Eco

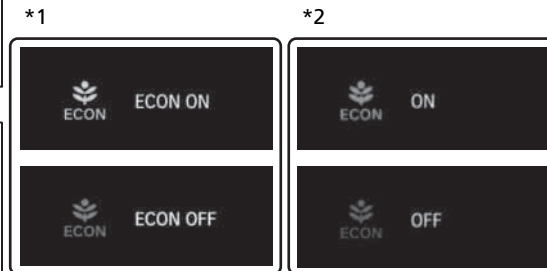
Đèn Viên Đồng hồ

- Đèn viên đồng hồ chuyển sang màu xanh lục cho biết người lái đang lái xe với mức tiêu hao nhiên liệu hợp lý.



Đèn Báo Chế Độ ECON  Tr. 124
Sáng khi ấn nút ECON.

Nút ECON  Tr. 447
Giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa.

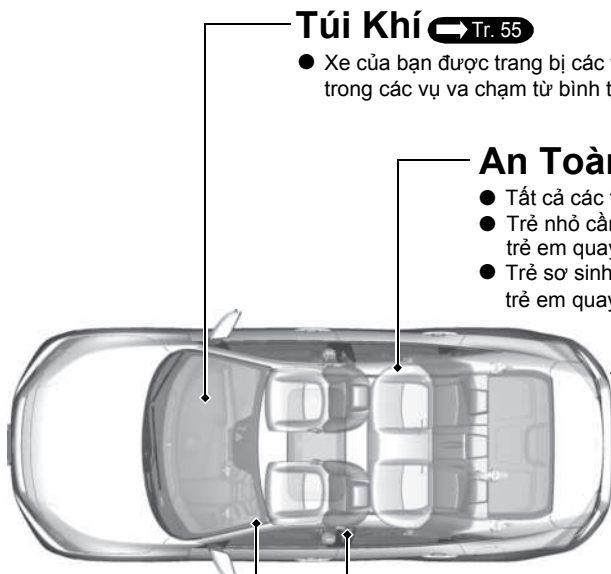


Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái
Thông báo hiển thị trong vài giây khi ấn nút ECON.

*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi
*2: Loại xe Châu Phi

*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Lái Xe An Toàn Tr. 37



Túi Khí Tr. 55

- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm từ bình thường đến nghiêm trọng.

An Toàn Cho Trẻ Em Tr. 72

- Tất cả các trẻ em dưới 12 tuổi nên được ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế sau.

Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 101

- Xe của bạn thải ra một lượng khí xả nguy hiểm có chứa hàm lượng CO. Không được khởi động xe ở những vùng không gian hẹp kín nơi có thể tích tụ CO.

Dây Đai An Toàn Tr. 42

- Thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.
- Kiểm tra hành khách của bạn đã thắt dây đai an toàn đúng cách.

Danh Mục Kiểm Tra Trước Khi Lái Xe Tr. 418

- Trước khi lái xe, kiểm tra các ghế phía trước, tựa đầu, vô-lăng và các gương đã được điều chỉnh đúng chưa.



Thắt dây đai an toàn hông càng thấp càng tốt.

Bảng Điều Khiển Tr.103

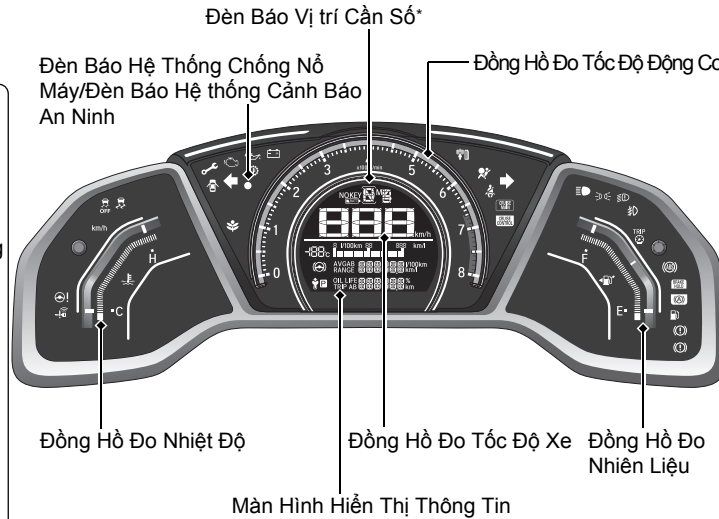
Đồng Hồ Đo Tr.159 /Màn Hình Hiển Thị Thông Tin* Tr.160 /

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái* Tr. 163 /Đèn Báo Hệ Thống Tr. 104




Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Đèn Báo Hệ Thống

-  Đèn Báo Sự Cố
-  Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp
-  Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện
-  Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)
-  Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn định Xe (VSA)
-  Đèn Báo TẮT VSA
-  Đèn Báo Cửa và Nắp Khoang Hành Lý Mở
-  Đèn Báo Chế Độ ECON
-  Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ thống Phanh (Đỏ)
-  Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ thống Phanh (Hở Phách)
-  Đèn Báo Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*
-  Đèn Báo Hệ Thống Lái Điện (EPS)
-  Các Đèn Xi Nhan và Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm



Các Đèn Báo

-  Đèn Báo Các Đèn Sáng
-  Đèn Báo Chiếu Xa
-  Đèn Báo Đèn Sương Mù*

Đèn Báo Hệ Thống

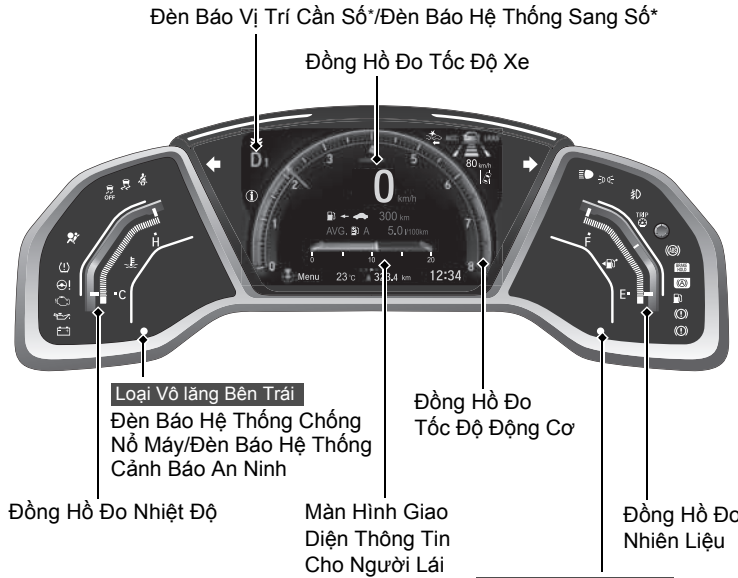
-  Đèn Báo Nhiệt Độ Hộp Số
-  Đèn Báo Điều Khiển Đèn*
-  Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp
-  Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn
-  Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ
-  Đèn Báo Chế Độ Chạy Ổn Định Chính*
-  Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*
-  Đèn Cảnh Báo Tốc Độ*
-  Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động*
-  Đèn Báo Hệ Thống Giám Sát Dầu*
-  Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động
-  Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động
-  Đèn Báo Sang số Đổ*
-  Đèn Báo Nhấn Phanh
-  Đèn Báo Xoay Vô lăng*

*Không áp dụng cho tất cả các đời xe




Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Đèn Báo Hệ Thống

-  Đèn Báo Sự Cố
-  Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp
-  Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện
-  Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (**ABS**)
-  Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)
-  Đèn Báo TẮT VSA
-  Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động
-  Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động
-  Đèn Báo Chế Độ ECON
-  Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Đồ)
-  Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách)
-  Đèn Báo Sấy Nóng*
-  Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống
-  Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp/Áp Suất Lốp Thấp*



Các Đèn Báo

-  Đèn Báo Các Đèn Sáng
-  Đèn Báo Chiếu Xa
-  Đèn Báo Đèn Sương Mù*

Đèn Báo Hệ Thống






-  Các Đèn Xi Nhan và Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm
-  Đèn Báo Hệ Thống Lái Điện (EPS)
-  Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp
-  Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đại An Toàn
-  Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ
-  Đèn Cảnh Báo Tốc Độ*
-  Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) (Hỗ Phách/Xanh Lục)*
-  Đèn Báo Cảnh Báo Chệch Làn Đường*
-  Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)*
-  Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Hỗ Phách/Xanh Lục)*
-  Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động*

Điều Khiển Tr. 169

Đồng Hồ Tr. 170

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu



- 1 Ấn và giữ nút **MENU/CLOCK**.
- 2 Xoay  để điều chỉnh giờ, sau đó ấn .
- 3 Xoay  để điều chỉnh phút, sau đó ấn .
- 4 Chọn **Set**, sau đó ấn .

Những đèn báo này được dùng để chỉ cách vận hành nút chọn.




- Xoay  để chọn.
- Ấn  để thực hiện.

Loại xe có hệ thống định vị

Hệ thống định vị nhận các tín hiệu từ vệ tinh GPS, tự động cập nhật đồng hồ.

Loại xe có Màn Hình Âm Thanh



- 1 Chọn biểu tượng  (MÀN HÌNH CHÍNH), sau đó chọn **Settings**.
- 2 Chọn **Clock**, sau đó **Clock Adjustment**.
- 3 Chạm vào biểu tượng  /  để điều chỉnh tương ứng tăng hoặc giảm giờ hoặc phút.
- 4 Chọn **OK**.

Nút ENGINE START/ STOP* Tr. 204

- Ấn nút để thay đổi chế độ nguồn của xe.

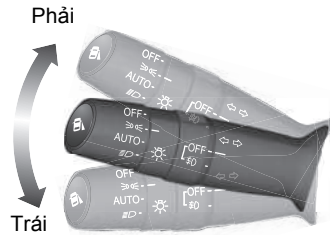


Xi Nhan Tr. 208

Loại Vô lăng Bên Trái

Loại Vô lăng Bên Phải đối với loại xe Châu Phi

Cần Điều Khiển Xi Nhan



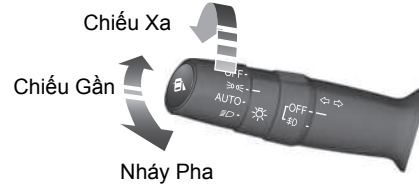
Loại Vô lăng Bên Phải ngoại trừ loại xe Châu Phi

Cần Điều Khiển Xi Nhan



Đèn Tr. 209





Công Tác Điều Khiển Đèn

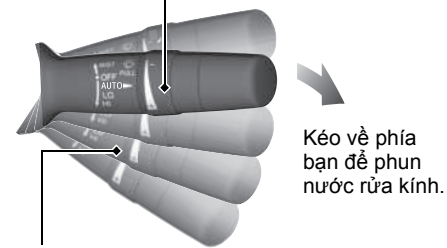


Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính Tr. 217

Cần Điều Khiển Gạt Nước/Rửa Kính

Vòng Điều Chỉnh*

- : Độ Nhạy Thấp*¹
- : Tốc độ chậm hơn, gạt ít hơn*²
- : Độ Nhạy Cao*¹
- : Tốc độ nhanh hơn, gạt nhiều hơn*²



MIST
OFF

AUTO¹: Tốc độ cần gạt nước thay đổi tự động

INT²: Tốc độ chậm và ngắt quãng

LO: Gạt tốc độ chậm

HI: Gạt tốc độ nhanh

* 1: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

* 2: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

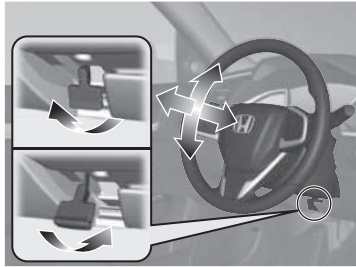
Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

Luôn **TẮT** chế độ **AUTO** trong các tình huống sau để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Lái xe qua bùng rửa xe
- Không có mưa

Vô Lãng Tr. 222

- Để điều chỉnh, kéo cần điều chỉnh về phía bạn, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về phía sau đúng vị trí.



Mở Khóa Các Cửa Phía Trước từ Bên Trong

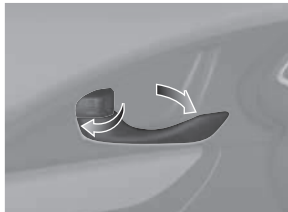
 Tr. 183

Loại xe Châu Phi

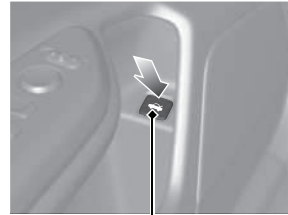
- Kéo một trong hai tay nắm bên trong cửa trước để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi

- Kéo tay nắm bên trong cửa phía người lái để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.



Khoang Hành Lý Tr. 192



Lấy Mở Khoang Hành Lý

- Để mở khóa và mở khoang hành lý:
- Ấn và giữ lấy mở khoang hành lý ở cửa phía người lái.
- Ấn nút mở khoang hành lý trên bộ truyền tín hiệu từ xa.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

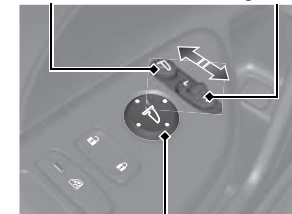
- Ấn nút mở khoang hành lý ở nắp khoang hành lý trong trường hợp mang chìa khóa điều khiển từ xa.

Gương Cửa Điện

 Tr. 224

- Khi khóa điện ở BẬT **II***¹, gạt công tắc bộ chọn đến L hoặc R.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp* để cụp vào hoặc duỗi gương cửa ra.

Nút Cụp* Công Tắc Chọn

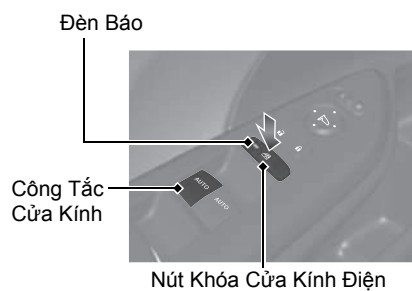


Công Tắc Điều Chỉnh

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Cửa Kính Điện ↔ Tr. 198

- Khi khóa điện ở BẬT **[II]***1, mở và đóng cửa kính điện.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, có thể mở hoặc đóng các cửa kính điện phía hành khách bằng công tắc của mỗi cửa.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí bật (đèn báo sáng), công tắc cửa kính điện phía hành khách không thể hoạt động.

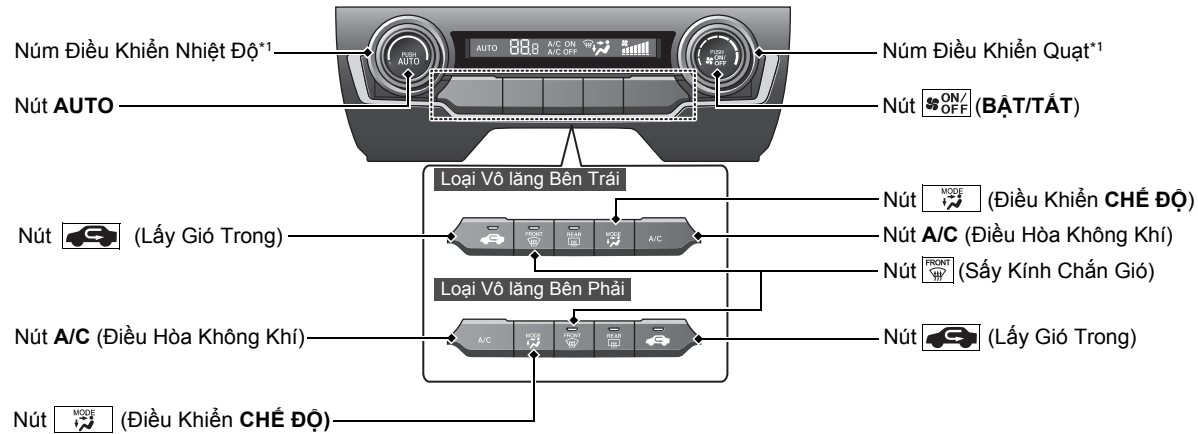


* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu Tr. 244

- Ấn nút **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều khiển khí hậu.
- Ấn nút **ON/OFF** để bật hoặc tắt hệ thống.
- Ấn nút **FRONT OFF** để sấy kính chắn gió.

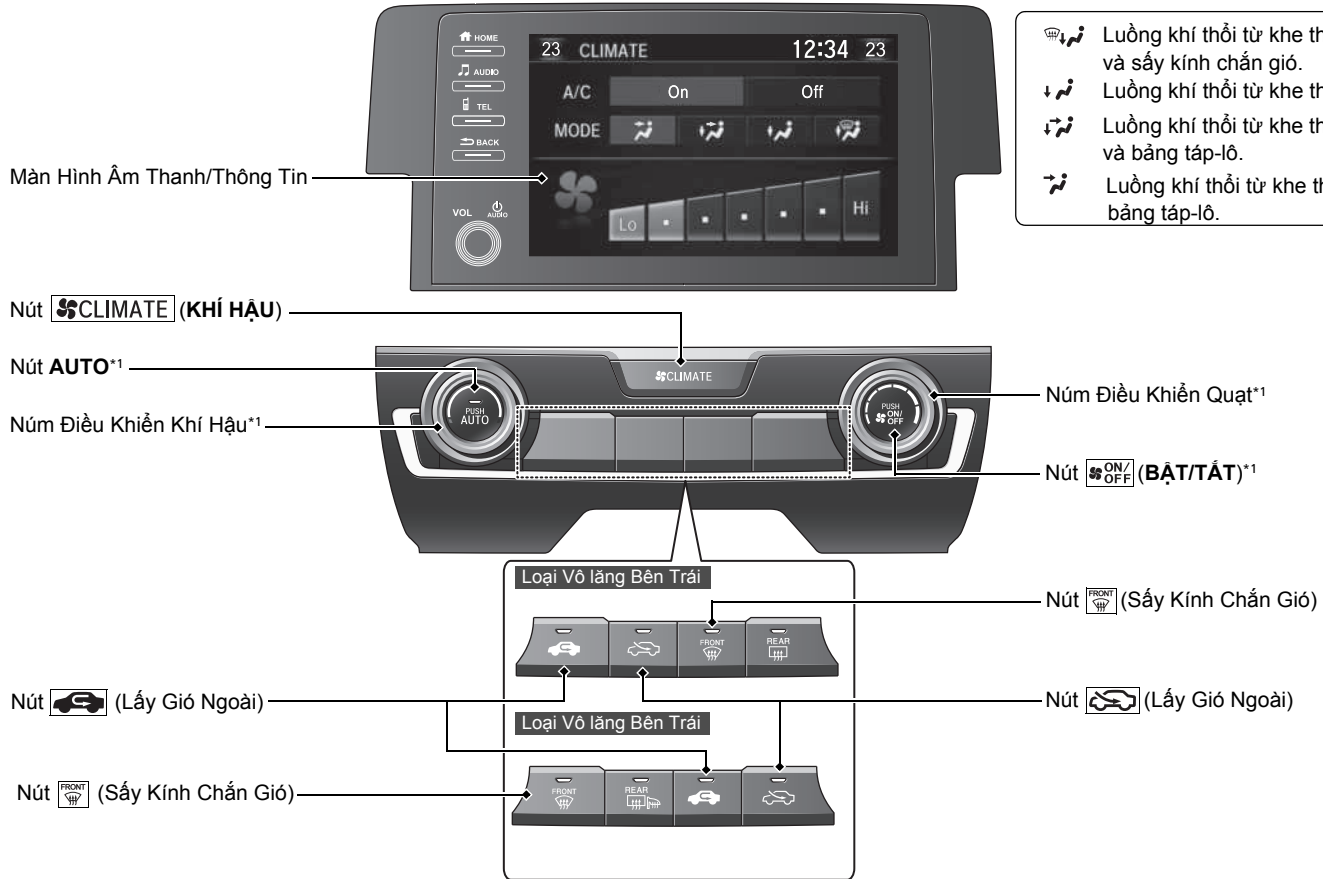
Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu



- Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió.
- Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn.
- Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và bảng táp-lô.
- Luồng khí thổi từ khe thông gió bảng táp-lô.

*1: Loại vô lăng bên trái như hình vẽ. Đối với loại vô lăng bên phải, các nút này được đặt ở các vị trí đối xứng.

Loại xe có Màn Hình Âm Thanh
 Loại xe không có nút SYNC



- Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió.
- Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn.
- Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và bảng táp-lô.
- Luồng khí thổi từ khe thông gió bảng táp-lô.

Loại xe có Màn Hình Âm Thanh

Loại xe có nút SYNC

- Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió.
- Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn.
- Luồng khí thổi từ khe thông gió sàn và bảng tập-lô.
- Luồng khí thổi từ khe thông gió bảng tập-lô.



Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Các Nút / (Điều Khiển Quạt)

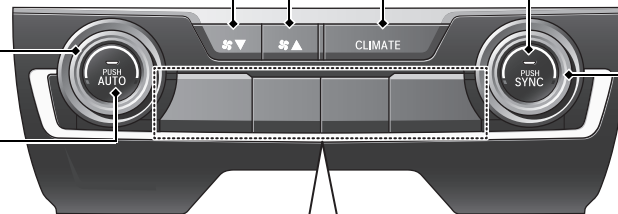
Nút (KHÍ HẬU)

Nút SYNC (Đồng Bộ)^{*1}

Núm Điều Khiển Nhiệt Độ
Phía Người Lái^{*1}

Núm Điều Khiển Nhiệt
Độ Phía Hành Khách^{*1}

Nút AUTO^{*1}



Nút (BẬT/TẮT)

Nút (Lấy Gió Trong)

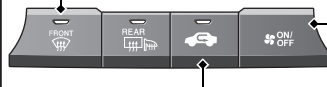
Nút (Sấy Kính Chắn Gió)

Nút (BẬT/TẮT)

Loại Vô lăng Bên Trái



Loại Vô lăng Bên Phải



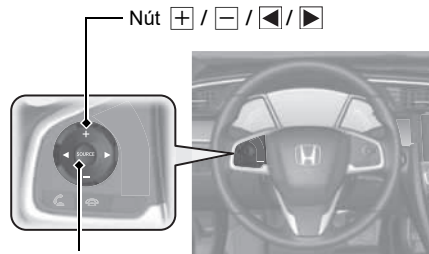
* 1: Loại vô lăng bên trái như hình vẽ. Đối với loại vô lăng bên phải, các nút này được đặt ở các vị trí đối xứng.

Tính Năng Tr. 253

Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa

Tr. 258

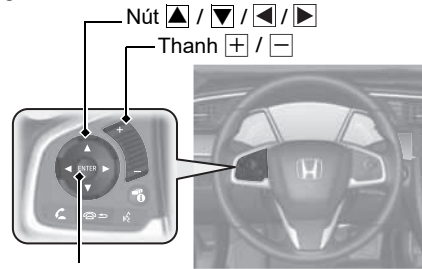
Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu



Nút **SOURCE** (NGUỒN)

- Nút **+** / **-**
Ấn để điều chỉnh tăng/giảm âm lượng.
- Nút **SOURCE** (NGUỒN)
Ấn để thay đổi chế độ âm thanh: FM1/FM2/LW/AM/USB/iPod/Âm thanh *Bluetooth*®.
- Nút **◀** / **▶**
Radio: Ấn để thay đổi kênh cài đặt sẵn.
Ấn và giữ để chọn kênh sau hoặc kênh trước.
Thiết bị USB:
Ấn để bỏ qua đến phần đầu của bài tiếp theo hoặc trở lại phần đầu của bài đang phát.
Ấn và giữ để thay đổi thư mục.

Loại xe có Màn Hình Âm Thanh









Nút **ENTER**

- Thanh **+** / **-**
Ấn để điều chỉnh tăng/giảm âm lượng.
- Nút **▲** / **▼**
Ấn **▲** hoặc **▼** để rảo hết lượt chế độ âm thanh như bên dưới:
FM→DAB→AM→USB→iPod→
Âm Thanh *Bluetooth*®→Apps→
Audio Apps→AUX-HDMI™



- Nút **ENTER**
- Khi nghe đài

- 1 Ấn **ENTER** để chuyển màn hình đến danh sách cài đặt trước mà bạn đã lưu trong các nút cài đặt trước.
- 2 Ấn **▲** hoặc **▼** để chọn một kênh cài đặt trước, sau đó ấn **ENTER**.
 - Khi nghe trên USB
- 1 Ấn **ENTER** để hiển thị danh sách thư mục.
- 2 Ấn **▲** hoặc **▼** để chọn một thư mục.
- 3 Ấn **ENTER** để hiển thị một danh sách các bài hát trong thư mục đó.
- 4 Ấn **▲** hoặc **▼** để chọn một bài hát, sau đó ấn **ENTER**.

- Khi nghe iPod

- 1 Ấn **ENTER** để hiển thị danh sách nhạc của iPod.
- 2 Ấn  hoặc  để chọn một hạng mục.
- 3 Ấn **ENTER** để hiển thị danh sách các mục trong hạng mục.
- 4 Ấn  hoặc  để chọn một mục, sau đó ấn **ENTER**.
 - ▶ Ấn **ENTER** và ấn  hoặc  lặp lại cho đến khi hiển thị mục bạn muốn nghe.

- Khi nghe Âm Thanh *Bluetooth*[®]

- 1 Ấn **ENTER** để hiển thị danh sách bài hát.
- 2 Ấn  hoặc  để chọn một bài hát, sau đó ấn **ENTER**.

- Nút  / 

Radio: Ấn để thay đổi kênh cài đặt sẵn.

Ấn và giữ để chọn kênh sau hoặc kênh trước.

Ấn và giữ để chọn kênh dịch vụ sau hoặc trước (DAB*).

Thiết bị USB:

Ấn để bỏ qua đến phần đầu của bài tiếp theo hoặc trở lại phần đầu của bài đang phát. Ấn và giữ để thay đổi thư mục.

Nút :

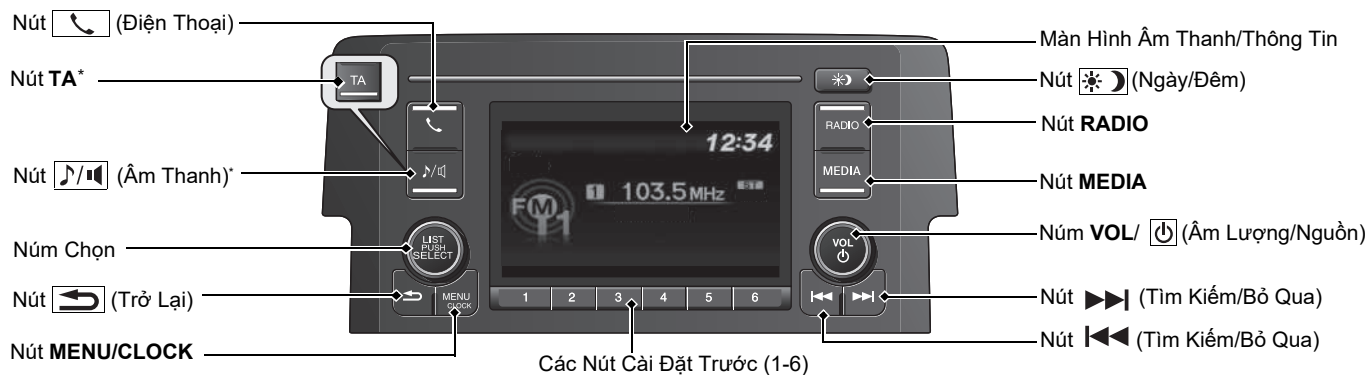
Ấn để thay đổi các nội dung.

 **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái***  Tr. 163

*Không áp dụng cho tất cả các đời xe

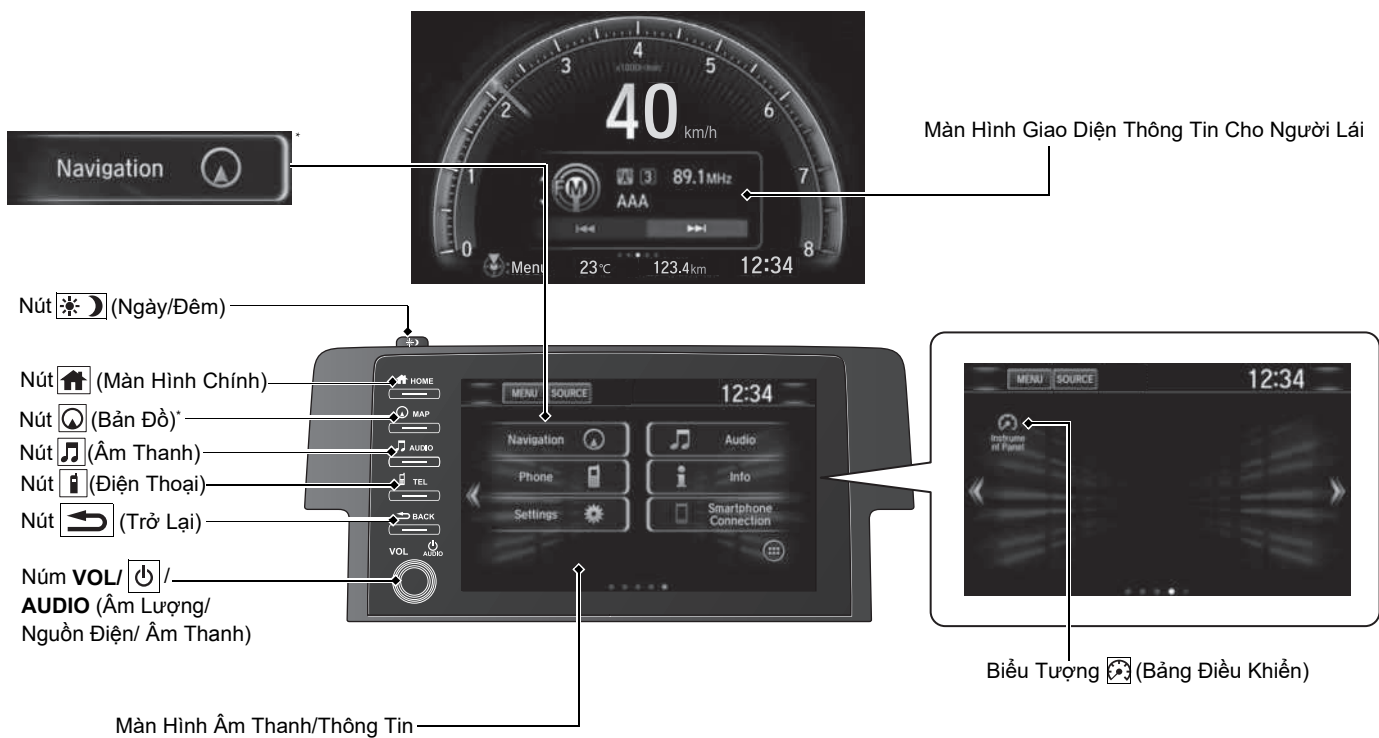
Hệ Thống Âm Thanh* Tr. 254

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu  Tr. 262



Loại xe có Màn Hình Âm Thanh Tr. 283

Để vận hành hệ thống định vị Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Hệ Thống Định Vị



Lái Xe Tr. 417

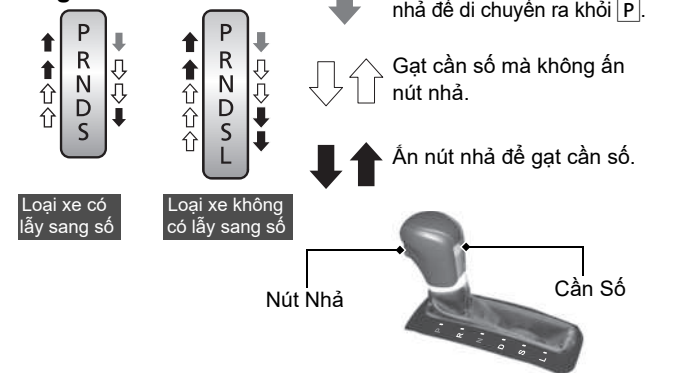
Hộp Số Thường* Tr. 445

Hộp Số Vô Cấp*

Tr. 439, 441

- Sang số **P** và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Sang Số



P **Số Đỗ**
Tắt hoặc khởi động động cơ.
Hộp số bị khoá.

R **Số Lùi**
Dùng khi lùi xe.

N **Số Không**
Hộp số không bị khoá.

D **Số Lái (S)**

- Lái thường.
- Trên các xe có lấy sang số, có thể sử dụng tạm thời chế độ sang số thường 7 cấp.

S **Số Lái (S)**

- Tăng tốc tốt hơn.
- Tăng phanh động cơ.
- Lên dốc hoặc xuống dốc.
- Trên các xe có lấy sang số, có thể sử dụng chế độ sang số bằng tay 7 cấp.

L **Số Thấp***

- Tăng phanh động cơ tốt hơn.
- Lên dốc hoặc xuống dốc.

Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp* Tr. 443

- Lấy sang số cho phép bạn sang số gần giống như hộp số thường (từ số 1 đến số 7). Điều này rất hữu dụng cho việc phanh động cơ.

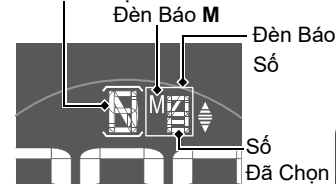
Khi cần số ở **D**

- Hộp số có thể trở về chế độ tự động khi hệ thống phát hiện xe đang ở chế độ chạy ổn định.

Khi cần số ở **S**

- Giữ số đã chọn và đèn báo **M** sáng.

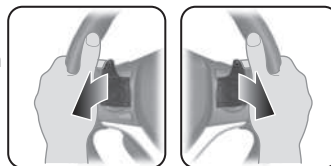
Đèn Báo Vị Trí Cần Số



- Số đã chọn được hiển thị trên bảng điều khiển.

Lấy Giảm Số (-)

Lấy Tăng Số (+)



Bật và Tắt VSA ↔ Tr. 459

- Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua, và giúp duy trì bám đường khi xe tăng tốc trên bề mặt trơn hoặc lầy.
- VSA tự động sáng mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt VSA, ấn và giữ nút đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* ↔ Tr. 448

- Điều khiển chế độ chạy ổn định cho phép bạn duy trì tốc độ cài đặt mà không cần giữ chân trên bàn đạp ga.

Loại xe không có Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thẻ Điều Chỉnh

- Để sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định, ấn nút **CRUISE**, sau đó ấn nút **-/SET** khi bạn đã đạt được tốc độ mong muốn (trên 40 km/h).

Loại xe có Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thẻ Điều Chỉnh

- Để sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định, ấn nút **MAIN**. Chọn điều khiển chế độ chạy ổn định bằng cách ấn nút **LIM**, sau đó ấn **-/SET** khi bạn đã đạt được tốc độ mong muốn (trên 30km/h).

Bật và Tắt CMBS* ↔ Tr. 470

- Khi khả năng xảy ra va chạm là không thể tránh được, CMBS có thể giúp bạn giảm tốc độ của xe và giảm va chạm mạnh.
- Để bật hoặc tắt CMBS, ấn và giữ nút đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thẻ Điều Chỉnh* ↔ Tr. 454

- Hệ thống này có thể giúp bạn cài đặt tốc độ tối đa mà bạn không thể vượt quá ngay cả khi bạn nhấn bàn đạp ga.
- Để sử dụng bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh, ấn nút **MAIN**. Chọn bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh bằng cách ấn nút **LIM**, sau đó ấn **-/SET** khi xe bạn đạt đến tốc độ mong muốn.
- Giới hạn tốc độ xe có thể cài đặt từ 30 km/h đến 250 km/h.

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* ↔ Tr. 463

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp phát hiện sự thay đổi số vòng quay bánh xe khi áp suất lốp giảm.

Nạp Nhiên Liệu Tr. 532


Loại xe chạy xăng

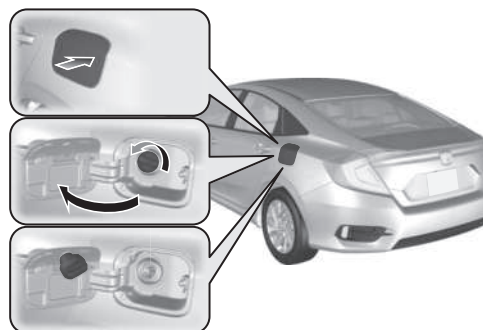
Nhiên Liệu khuyến dùng:	Loại xe Thái Lan có động cơ 1.8 L Xăng không chì/pha cồn lên tới E85 (15% xăng và 85% ethanol), chỉ số ốctan 91 trở lên
	Loại xe Thái Lan có động cơ 1.5 L Xăng không chì/pha cồn lên tới E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số ốctan 91 trở lên
	Loại xe Pakistan có động cơ 1.8 L Xăng không chì, chỉ số ốctan 87 trở lên
	Các loại xe khác Xăng không chì, chỉ số ốctan 91 trở lên

Dung tích bình nhiên liệu: 47 L

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

Nhiên Liệu
khuyến dùng: **Nhiên Liệu Đi-ê-zen Dùng Cho Ô Tô**
Dung tích bình nhiên liệu: 47 L

- 1** Mở khóa cửa phía người lái.  Tr. 183
- 2** Ấn nhẹ vào mép của cửa nạp nhiên liệu để nó bật nhẹ ra.
- 3** Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để tháo nắp.
- 4** Đặt nắp trên ngăn cửa nạp nhiên liệu.
- 5** Sau khi nạp nhiên liệu, xoay nắp lại đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.

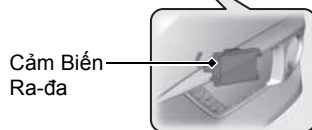
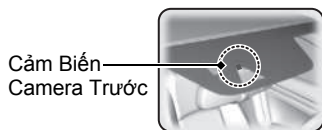


Honda Sensing*

Tr. 467

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe có sử dụng hai loại cảm biến khác nhau, một cảm biến ra-đa nằm ở phía dưới tấm chắn và một camera cảm biến phía trước được gắn phía bên trong của kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.

Camera được lắp ở phía sau gương chiếu hậu.



Cảm biến ra-đa ở phía dưới tấm chắn.

Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) Tr. 470

Có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với xe hoặc người đi bộ phía trước. CMBS được thiết kế cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời giảm tốc độ xe khi xác định không thể tránh khỏi va chạm giúp giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481

Giúp duy trì tốc độ ổn định cho xe và khoảng cách an toàn giữa xe của bạn với xe phía trước và nếu xe được phát hiện dừng lại, nó sẽ giảm tốc độ xe dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 496

Bằng việc điều khiển hệ thống lái, xe được giữ ở giữa làn đường, nếu xe nằm ngoài làn đường mà xe đã xác nhận hệ thống sẽ đưa ra các cảnh báo dưới dạng hình ảnh và tác động lên xúc giác.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 504

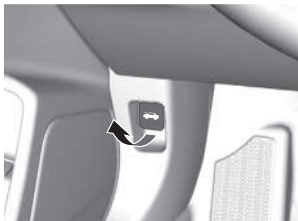
Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định khả năng xe bạn vô tình cắt ngang qua vạch kẻ đường và/hoặc lòng đường

Bảo Dưỡng ↔Tr. 539

Dưới Nắp Ca-pô ↔Tr. 561

- Hãy kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính chắn gió. Bỏ sung thêm nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh và ly hợp*.
- Kiểm tra tình trạng ắc quy hàng tháng.

1 Kéo lấy mở nắp ca-pô ở bên dưới góc của bảng táp-lô.



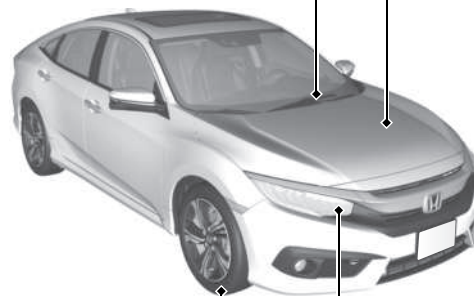
2 Xác định vị trí cần chốt nắp ca-pô, kéo nó lên sau đó nâng nắp ca-pô lên. Khi đã nâng nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.



3 Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp ca-pô đã được khóa chắc chắn và đúng vị trí.

Lưới Gạt Nước ↔Tr. 592

- Thay lưới gạt nếu chúng để lại vết trên kính chắn gió.



Lốp Xe ↔Tr. 595

- Kiểm tra lốp và bánh xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên.
- Lắp lốp mùa đông khi lái xe vào mùa đông.

Đèn ↔Tr. 580

- Kiểm tra hệ thống đèn thường xuyên.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 617

Xẹp Lốp Tr. 619

- Đỗ xe ở nơi an toàn và thay lốp bị xẹp bằng lốp dự phòng trong khoang hành lý.



Động Cơ Không

Khởi Động Tr. 626

- Nếu ắc quy bị hết điện, mời khởi động bằng ắc quy tăng cường.



Quá Nhiệt Tr. 636

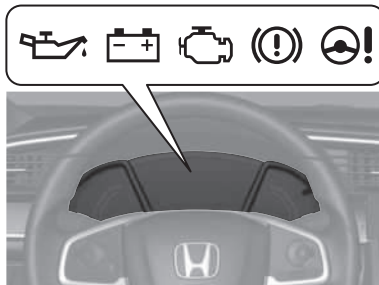
- Đỗ xe ở vị trí an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



Đèn Báo Sáng

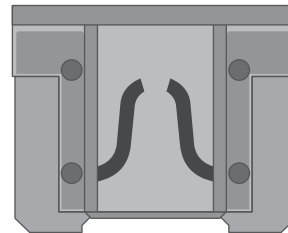
 Tr. 639

- Nhận dạng đèn báo và tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng.



Nổ Cầu Chì Tr. 646

- Kiểm tra nổ cầu chì nếu có một thiết bị điện không hoạt động.



Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 656

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe của bạn.



Làm Gì Nếu

Q Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa
Không xoay được khóa điện từ [0] đến [1]. Tại sao?
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
Không thay đổi được chế độ nguồn từ TẮT MÁY (KHÓA) sang PHỤ KIỆN. Tại sao?

A Vô lăng có thể bị khóa.
Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa
 • Thử xoay vô lăng sang trái và phải trong khi xoay khóa điện.
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
 • Xoay vô lăng sang trái và phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.



Q Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa
Không xoay được khóa điện từ [1] đến [0] và không thể rút chìa khóa. Tại sao?
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
Không thay đổi được chế độ nguồn từ PHỤ KIỆN sang TẮT MÁY (KHÓA). Tại sao?

A Nên gạt cần số tới **P**.

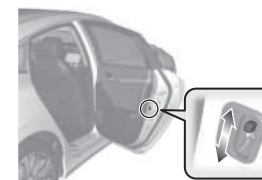


Q Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn bàn đạp phanh?

A Điều này có thể xảy ra khi ABS được kích hoạt, đó là điều bình thường. Nhấn phanh dứt khoát, ổn định. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.
 ► Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) **Tr. 519**

Q Không thể mở được cửa sau từ bên trong xe. Tại sao?

A Kiểm tra xem khóa trẻ em có khóa đúng vị trí không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm cửa bên ngoài.
Để hủy chức năng này, gạt cần đến vị trí mở khóa.



Q Tại sao các cửa khoá sau khi tôi mở khoá các cửa?


A Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, cửa tự động khóa lại để đảm bảo an ninh.

Q Tại sao tiếng bip vang lên khi tôi mở cửa phía người lái?

A Tiếng bip vang lên khi:

- Các đèn bên ngoài còn sáng.
- Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa
- Chìa khóa vẫn nằm trong khóa điện.
- Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
- Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.

Q Loại xe có chức năng tự khóa cửa khi ra khỏi xe
Tại sao tiếng bip kêu lên khi tôi ra khỏi xe sau khi tôi đóng cửa?

A Tiếng bip kêu lên nếu bạn đi ra ngoài phạm vi hoạt động của khóa cửa tự động khi ra khỏi xe trước khi cửa đóng hoàn toàn.
 ► Khóa các cửa và khoang hành lý (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe *)  Tr. 177


Q **Tại sao tiếng bip kêu lên khi tôi bắt đầu lái xe?**

A Tiếng bip vang lên khi người lái và/hoặc hành khách phía trước* không thắt dây đai an toàn.

Q **Ấn công tắc phanh đỗ điện mà không nhả phanh đỗ. Tại sao?**

A Ấn công tắc phanh đỗ điện và nhấn bàn đạp phanh.

Q Loại xe có Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp
Tôi đang thấy đèn báo lốp màu hổ phách với một dấu chấm than. Đó là gì?

A Cần chú ý đến Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp. Nếu bạn mới bơm hơi hoặc thay lốp xe bạn cần phải hiệu chỉnh lại hệ thống.
 ► Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*  Tr. 463

Q **Nhấn bàn đạp ga mà phanh đỗ không tự động nhả. Tại sao?**

A

- Thắt dây đai an toàn người lái.
- Kiểm tra hộp số có ở **[P]*** hoặc **[N]**. Nếu có, chọn bất kỳ vị trí số nào khác.

Q Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi nhấn bàn đạp phanh?

A Có thể cần thay má phanh. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Q Loại xe Indonesia
Nên sử dụng xăng không chì có Chỉ Số Óc-tan (RON) 91 trở lên. Có thể sử dụng xăng không chì có Chỉ Số Óc-tan (RON) 88 trở xuống cho loại xe này không?

A Nên sử dụng xăng không chì có chỉ số óc-tan (RON) 91 trở lên. Sử dụng xăng có chỉ số óc-tan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và sẽ dẫn đến giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng có chỉ số óc-tan thấp hơn 88 có thể làm hỏng động cơ.

Q Loại xe Pakistan có động cơ 1.5 L
Có thể sử dụng xăng không chì có Chỉ Số Óc-tan (RON) 87 trở lên cho loại xe này không?

A Xe bạn được thiết kế để vận hành bằng xăng không chì có chỉ số óc-tan 91 trở lên. Nếu không có loại xăng này, có thể dùng tạm xăng có chỉ số óc-tan 87 trở lên. Sử dụng xăng có chỉ số óc-tan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và sẽ dẫn đến giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng không đúng chỉ định trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ.



Lái Xe An Toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và trong tài liệu hướng dẫn này.

Lái Xe An Toàn

Các Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn	38
Các Tính Năng An Toàn Của Xe	40
Danh Mục Kiểm Tra An Toàn	41

Dây Đai An Toàn

Dây Đai An Toàn Của Xe.....	42
Thắt Dây Đai An Toàn	48
Kiểm Tra Dây Đai An Toàn	52
Điểm Treo	53

Túi Khí

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí	55
Các Loại Túi Khí	57

Túi Khí Trước (SRS)	57
Túi Khí Bên	62
Túi Khí Rèm	64
Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí.....	66
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí.....	67

Hệ Thống Bật Nấp Ca-pô*

Về Hệ Thống Bật Nấp Ca-pô.....	68
Bảo Dưỡng Hệ Thống Bật Nấp Ca-pô	71

An Toàn Cho Trẻ

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ.....	72
An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ.....	77
An Toàn Cho Trẻ Lớn	98

Khí Xả Nguy Hiểm

Khí CO	101
--------------	-----

Nhân An Toàn

Các Vị Trí Nhân	102
-----------------------	-----

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Lái Xe An Toàn

Những trang sau đây trình bày các tính năng an toàn trên xe và cách sử dụng nó một cách chính xác. Các chú ý an toàn dưới đây là những điều quan trọng nhất cần phải lưu ý.

Các Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

■ Bảo vệ trẻ em ở tất cả các lứa tuổi

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nên được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi chúng có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót.

■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, tuy nhiên nó cũng có thể làm người trên xe bị thương nếu ngồi quá gần chúng, hoặc được bảo vệ không đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kỵ. Thậm chí một lượng nhỏ bia rượu cũng làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi của xung quanh, và tốc độ phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

☒ Các Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay khi đang lái xe.

■ Tập trung lái xe an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện, và người đi đường khác từ đó có thể gây ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến điều khác.

■ Kiểm soát tốc độ

Tốc độ quá cao là nguyên nhân chính gây ra thương tích, tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi đang ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa được phép là bao nhiêu.

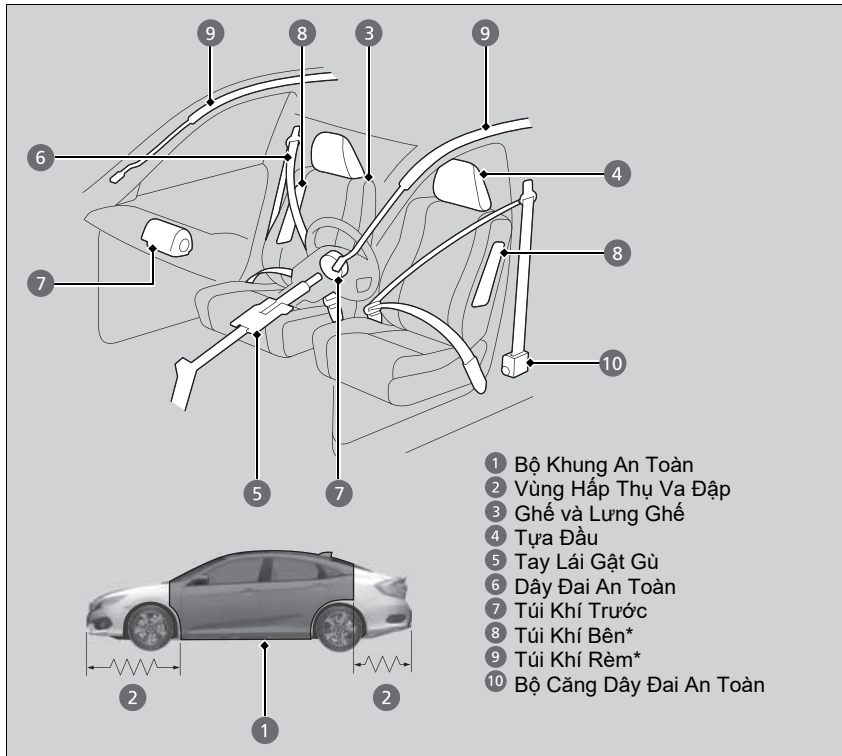
■ Duy trì xe trong điều kiện hoạt động an toàn

Xẹp lốp hoặc trục trặc kỹ thuật có thể cực kỳ nguy hiểm. Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như thực hiện bảo dưỡng định kỳ.

■ Luôn giám sát khi trẻ ngồi trên xe

Nếu trẻ, thú cưng không được giám sát cẩn thận chúng có thể kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe dẫn đến bị thương. Chúng có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến trẻ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ bên trong xe có thể tăng lên mức cao nhất, khiến trẻ bị thương hoặc tử vong. Ngay cả khi bật hệ thống điều khiển khí hậu, cũng không được để trẻ trong xe một mình vì hệ thống điều khiển khí hậu có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

Các Tính Năng An Toàn Của Xe



Bảng liệt kê những mục sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

►►Các Tính Năng An Toàn Của Xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những thiết bị này bao gồm bộ khung thép khoẻ tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ lực va đập lực phía trước và phía sau, tay lái gật gù, và bộ căng đai để thắt chặt đai an toàn phía trước khi va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Vi sự an toàn của bạn và hành khách, hãy kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể bị tổn thương nghiêm trọng hoặc thậm chí tử vong khi có va chạm.
 ➤ **Điều Chỉnh Ghế Ngồi** Tr. 226
- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với phần giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.
 ➤ **Điều Chỉnh Tựa Đầu Trước** Tr. 226
- Luôn luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo rằng tất cả hành khách đều thắt đúng cách.
 ➤ **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 48
- Bảo vệ trẻ em bằng cách thắt dây đai an toàn hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao cân nặng.
 ➤ **An Toàn Cho Trẻ** Tr. 72

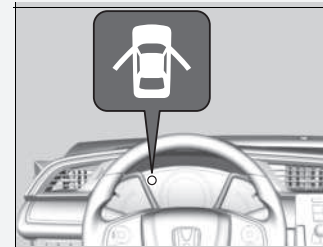
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nếu đèn báo cửa/nắp khoang hành lý mở sáng lên tức là cửa và/hoặc nắp khoang hành lý không được đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa cho đến khi đèn báo tắt.

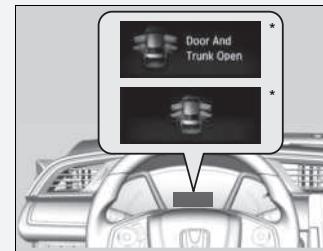
➤ **Đèn Báo Cửa và Nắp Khoang Hành Lý Mở*** Tr. 118



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu thông báo cửa và/hoặc nắp khoang hành lý mở xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin của người lái, chứng tỏ cửa và/hoặc nắp khoang hành lý không được đóng hoàn toàn. Đóng chặt tất cả cửa và nắp khoang hành lý cho đến khi thông báo biến mất.

➤ **Cảnh Báo và Thông Báo Trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái*** Tr. 136



Dây Đai An Toàn

Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất bởi vì nó giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng rất nhiều tính năng an toàn bên trong. Nó giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp trong vụ va chạm để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ khác của các túi khí.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn hầu hết trong các tình huống va chạm, bao gồm:

- va chạm phía trước
- va chạm bên
- va chạm phía sau
- va chạm lộn vòng

»Dây Đai An Toàn Của Xe

CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo rằng bạn và hành khách của bạn luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể, vì thế hãy thắt thấp phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc chắn càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Dây đai an toàn thắt lỏng sẽ giảm khả năng bảo vệ rất lớn cho người sử dụng.

CẢNH BÁO: Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

CẢNH BÁO: Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người. Sẽ cực kỳ nguy hiểm khi vòng dây đai an toàn ngang qua người trẻ em đang ngồi trong lòng người sử dụng.

■ Dây đai an toàn hông/vai

Cả năm ghế ngồi đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai với bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ khóa dây đai an toàn cho phép bạn di chuyển thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi va chạm hoặc dừng đột ngột, bộ khóa dây đai an toàn sẽ khóa lại để bảo vệ cơ thể.

Loại xe có dây đai an toàn có bộ rút có thể khóa

Các dây đai an toàn ở giữa và bên ngoài ghế sau cũng có bộ rút dây đai có thể khóa được cùng với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

➤ **Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai An Toàn Hông/Vai** Tr. 92

Loại xe không có dây đai an toàn có bộ rút có thể khóa

Phải thắt dây đai an toàn đúng cách khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

➤ **Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai An Toàn Hông/Vai** Tr. 92

⌘ Dây Đai An Toàn Của Xe

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, nó sẽ bị khóa lại. Nếu điều này xảy ra, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn, sau đó nói ra từ từ.

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị trọng thương.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu những yêu cầu về luật pháp của quốc gia mà bạn lái xe.

■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt cuộc hành trình. Ngồi thông xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị trọng thương trong các trường hợp va chạm.
- Không được để phần đai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn. Điều này sẽ dẫn đến trọng thương khi có va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người. Nếu làm vậy, họ có thể bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Việc lắp thêm các phụ kiện hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

►► Dây Đai An Toàn Của Xe

Loại xe có dây đai an toàn có bộ rút có thể khoá

Nếu hành khách phía sau di chuyển xung quanh và làm cho dây đai an toàn bị kéo ra, bộ khóa dây đai an toàn có thể được kích hoạt. Nếu điều này xảy ra, hãy nhả bộ rút dây đai an toàn bằng cách thả lỏng dây đai an toàn và để dây rút lại hoàn toàn. Sau đó thắt lại dây đai.

■ Bộ Nhắc Thất Dây Đai An Toàn



■ Ghế trước

Hệ thống dây đai an toàn có cả một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách phía trước* hoặc cả hai thắt dây đai an toàn. Nếu khóa điện được xoay đến BẬT [II]*¹ và dây đai an toàn không được thắt, tiếng bíp* sẽ vang lên và đèn báo nhấp nháy. Sau vài giây, tiếng bíp* ngừng kêu và đèn báo sẽ sáng và tiếp tục sáng cho đến khi dây đai an toàn được thắt.

Tiếng bíp kêu từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy trong khi xe đang di chuyển cho đến khi dây đai an toàn được thắt.

▶▶ Bộ Nhắc Thất Dây Đai An Toàn

Loại xe có bộ nhắc thất dây đai an toàn hành khách trước
Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn trong vòng 6 giây sau khi xoay khóa điện đến BẬT [II]*¹.

Loại xe có bộ nhắc thất dây đai an toàn hành khách trước
Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, đèn báo sẽ không sáng và sẽ không phát ra tiếng bíp.

Loại xe có bộ nhắc thất dây đai an toàn hành khách trước
Đèn báo sẽ sáng hoặc tiếng bíp sẽ phát ra khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước. Kiểm tra nếu:

- Không có vật nặng trên ghế hành khách trước.
- Dây đai an toàn người lái đã được thắt.

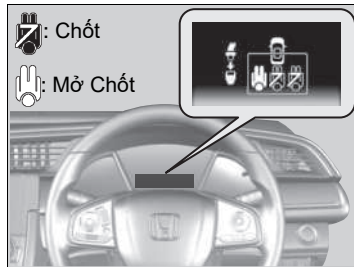
Loại xe có bộ nhắc thất dây đai an toàn hành khách trước
Nếu đèn báo không sáng khi hành khách đã ngồi và không thắt dây đai an toàn, có thể có sự cố với cảm biến nhận biết người ngồi. Kiểm tra xem:

- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách phía trước ngồi không đúng tư thế chưa.

Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



■ Ghế sau*


Xe của bạn cũng kiểm soát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ thông báo cho bạn biết nếu dây đai an toàn sau được sử dụng.

Màn hình hiển thị xuất hiện khi:

- Một cửa sau được mở hoặc đóng.
- Có hành khách ngồi ghế sau đóng chốt hoặc mở chốt dây đai an toàn của họ.

Tiếng bíp vang lên nếu có dây đai an toàn hành khách sau được mở chốt trong khi đang lái xe.

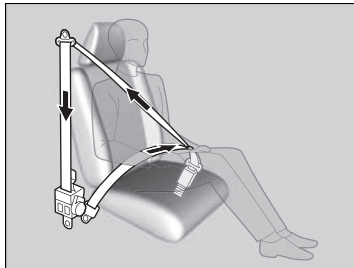
Để nhìn thấy hiển thị:

Ấn nút  (hiển thị/thông tin).

■ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Các ghế trước được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.

Bộ căng dây đai an toàn tự động siết chặt dây đai an toàn ghế trước khi có va chạm vừa đến và va chạm mạnh, thậm chí đôi khi nếu sự va chạm không đủ mạnh để làm bung túi khí phía trước.



▣ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Bộ căng dây đai an toàn chỉ có thể vận hành một lần.

Khi bộ căng được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó không còn chức năng bảo vệ sau những lần va chạm sau đó.

Loại xe có túi khí rèm

Khi có va chạm bên từ trung bình đến mạnh, bộ căng đai ở bên va chạm cũng sẽ kích hoạt.

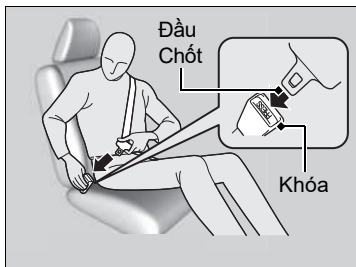
Thất Dây Đai An Toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước về vị trí phù hợp, ngồi thẳng và tựa vào lưng ghế:

► **Điều Chỉnh Ghế** Tr. 226



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.



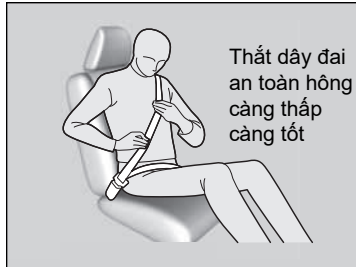
2. Gài chốt cài vào trong ổ khóa, sau đó kéo dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.

► Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

Thất Dây Đai An Toàn

Không nên để ai ngồi ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không đúng. Sử dụng dây đai hoạt động không đúng có thể không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Không được đưa bất kỳ vật lạ nào vào khóa hoặc cơ cấu rút dây.



3. Điều chỉnh phần hông của dây đai càng thấp càng tốt qua hông bạn, sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên để khít vào phần hông. Như vậy nếu có va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe hơn trên cơ thể chịu lực và giảm nguy cơ bị nội thương.
4. Nếu cần thiết kéo phần đai lên trên để tránh dây đai bị chùng, tiếp theo kiểm tra xem phần đai vai này có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Việc này có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương khỏe nhất nửa phần trên cơ thể.

►► Thắt Dây Đai An Toàn

⚠ CẢNH BÁO

Dây đai an toàn nếu không được thắt đúng có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong nếu có va chạm.

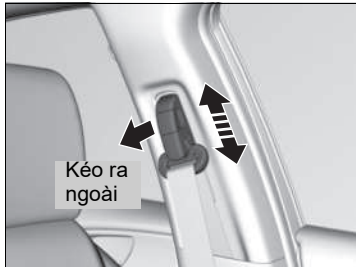
Đảm bảo thắt dây đai an toàn trước khi lái xe.

Để tháo dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn dây đai an toàn đến khi nó rút lại hoàn toàn.

Khi bạn đã ra khỏi xe đảm bảo xếp gọn dây đai an toàn để nó không vướng vào lối đi và không bị mắc khi đóng cửa.

■ Điều Chỉnh Móc Neo Vai

Các ghế trước có móc neo vai có thể điều chỉnh để phù hợp với người dùng.



1. Di chuyển móc neo lên và xuống trong khi kéo móc neo vai ra ngoài.
2. Định vị móc neo sao cho dây đai chéo qua phần giữa ngực và vòng qua vai.

»» Điều Chỉnh Móc Neo Vai

Độ cao móc neo vai có thể điều chỉnh theo 4 mức. Nếu dây đai an toàn chạm vào cổ bạn, hãy hạ chiều cao của móc neo vai từng mức một.

Sau khi điều chỉnh, cố định vị trí móc neo vai.

■ Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng bạn khi lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt.

Thắt dây đai an toàn qua ngực, tránh thắt qua phần bụng.



Giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt.

▶▶ Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Mỗi lần bạn đi kiểm tra sức khỏe, hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm khả năng xảy ra thương tích cho bạn và em bé trong bụng do nổ túi khí trước:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra các vết xước, cắt, cháy và mòn.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa làm việc trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
 - Nếu dây đai không rút dễ dàng, khắc phục bằng cách làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng chất tẩy hoặc dung môi để làm sạch. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi nó rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt. Nếu dây đai an toàn bị hỏng do xe bị va chạm sẽ không đảm bảo mức độ an toàn trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

►► Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

⚠ CẢNH BÁO

Không kiểm tra hoặc không bảo dưỡng dây đai an toàn cẩn thận có thể gây thương tích hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động tốt khi cần thiết.

Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO: Người sử dụng không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn vì có thể cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

CẢNH BÁO: Phải thay hệ thống dây đai an toàn nếu đã xảy ra va chạm gây mòn dây đai, hoặc ngay cả khi dấu hiệu hư hỏng hệ thống dây đai là không rõ ràng.

CẢNH BÁO: Cần bảo vệ dây đai an toàn để dây đai không bị bẩn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất, dung dịch axit của bình ắc quy. Làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng và nước. Thay dây đai nếu bị xơ xước, quá bẩn hoặc bị hỏng.

Điểm Treo

Ghế Trước



Khi thay dây đai an toàn hãy sử dụng những điểm treo như hình vẽ. Ghế trước có một dây đai an toàn hông/vai.

Ghế Sau
Ngoại trừ loại xe Ấn Độ và Thái Lan



Ghế Sau
Loại xe Ấn Độ và Thái Lan



Ghế sau có ba dây đai an toàn hông/vai.

Túi Khí

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí

Túi khí trước, túi khí bên phía trước*, và túi khí rèm* được thiết kế để nổ theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí trước SRS (Hệ thống Bảo vệ Phụ trợ). Túi khí phía người lái được đặt ở giữa vô lăng; túi khí trước phía hành khách được đặt trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

Loại xe có túi khí bên

- Hai túi khí bên, một cho người lái, một cho hành khách phía trước. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Loại xe có túi khí rèm

- Hai túi khí rèm, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa sổ. Tại trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khi khóa điện ở BẬT **II***¹, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm khác nhau, cảm biến dây đai và khóa, cảm biến lộn vòng, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và thông tin khác của xe. Trong quá trình xảy ra va chạm, bộ này sẽ ghi lại thông tin như vậy.
- Bộ căng dây đai an toàn tự động phía trước.

Loại xe không có túi khí bên

- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm có mức độ từ trung bình đến mạnh từ phía trước.

Loại xe có túi khí bên

- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm có mức độ từ trung bình đến mạnh từ phía trước hoặc hai bên.
- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo cho bạn biết nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.

Loại xe có hệ thống tắt túi khí trước phía hành khách

- Một đèn báo trên bảng táp-lô sẽ cảnh báo cho bạn biết túi khí trước phía hành khách trước đã được tắt.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Những Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi nó hoạt động đúng, túi khí phải nổ ra với một lực rất mạnh. Do đó túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bỏng, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác, thậm chí đôi khi nó sẽ gây tử vong nếu người ngồi không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

Bạn cần phải làm gì: Luôn luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều kiện lái xe thoải mái. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích trong các vụ va chạm với cường độ mạnh, thậm chí ngay cả khi thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí nổ.

Không được để vật nặng hoặc nhọn giữa bạn và túi khí trước.

Để các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút tẩu thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích khi túi khí trước nổ.

Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước. Vật thể trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở việc vận hành túi khí đúng cách hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích khi nổ túi khí.

►► Những Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Không được cố huỷ kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực nổ của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

Các Loại Túi Khí

Xe của bạn được trang bị 3 loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước các ghế người lái và hành khách trước.
- **Túi khí bên*:** Các túi khí ở lưng ghế người lái và hành khách phía trước.
- **Túi khí rèm*:** Các túi khí phía trên cửa kính bên.

Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

Túi Khí Trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách phía trước.


SRS (Hệ thống Bảo Vệ Phụ Trợ) cho biết túi khí được thiết kế để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Dây đai an toàn là hệ thống phòng ngừa quan trọng nhất.

Vị Trí Lắp Đặt

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và trong bảng táp-lô cho hành khách phía trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

ⓧ Các Loại Túi Khí

Túi khí có thể nổ bất kỳ khi nào khóa điện ở vị trí **BẬT** *1.

Sau khi túi khí nổ khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một thứ giống như khói bay ra. Đây thực chất là một loại bột tạo ra do quá trình cháy. Mặc dù bột này không có độc hại nhưng nó cũng gây khó chịu cho một số người hít phải. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

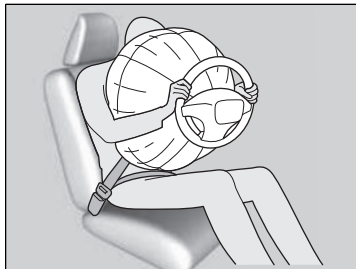
*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Hoạt Động

Túi khí trước được thiết kế để nổ ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình tới mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển. Bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ nổ.

Khi xảy ra va chạm từ phía trước có thể là vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

■ Hoạt Động Của Túi Khí Trước



Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.

Túi khí trước sẽ xẹp đi ngay lập tức nên nó không cản trở tầm quan sát của lái xe, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe.

Túi khí nổ và xẹp đi trong thời gian rất nhanh, tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã nổ cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.

■ Khi túi khí trước không nổ

Va chạm nhẹ từ phía trước: Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, nhưng bạn vẫn có thể bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ thấp hơn mức trung bình đến mạnh.

Va chạm bên: Túi khí trước có thể bảo vệ khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái và hành khách phía trước nhào về phía trước. Túi khí bên và túi khí rèm được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ thương tích khi có va chạm bên từ cường độ trung bình đến cường độ mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

Va chạm phía sau: Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không tạo ra sự bảo vệ và không được thiết kế để nổ trong trường hợp có va chạm này.

Va chạm lộn vòng: Dây đai an toàn và các túi khí rèm mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp va chạm lộn vòng. Vì túi khí phía trước có thể mang lại hiệu quả bảo vệ thấp vì chúng không được thiết kế ra để bảo vệ trong trường hợp này.

■ Khi túi khí trước nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí cảm nhận sự giảm tốc đột ngột, nên khi có va chạm mạnh vào phần khung hoặc hệ thống giảm xóc của xe sẽ làm cho một hoặc nhiều túi khí nổ. Ví dụ khi gầm xe va vào rìa đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định khác phía dưới có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm từ phía gầm của xe, hư hỏng có thể không thấy rõ.

■ Khi túi khí trước không nổ ngay cả trong trường hợp xuất hiện hư hỏng nặng từ bên ngoài.

Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động đúng hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không nổ bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi nó nổ.

■ Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*

Nếu buộc phải lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế hành khách phía trước, bạn phải huỷ kích hoạt hệ thống túi khí trước phía hành khách bằng tay, bằng cách sử dụng chìa khóa điện.

■ Công tắc BẬT/TẮT túi khí trước phía hành khách



Khi công tắc **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách ở vị trí:

TẮT: Túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt. Túi khí trước phía hành khách sẽ không nổ khi xảy ra va chạm từ phía trước mà chỉ có túi khí trước phía người lái nổ.

Đèn báo tắt túi khí trước phía hành khách vẫn sáng để nhắc nhở bạn.

BẬT: Túi khí trước phía hành khách được kích hoạt. Đèn báo túi khí trước phía hành khách sáng lên và tiếp tục sáng trong khoảng 60 giây.

■ Để huỷ kích hoạt hệ thống túi khí trước phía hành khách



1. Cài phanh đỗ và đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA).
2. Mở cửa phía hành khách trước.
3. Cắm chìa khoá tích hợp vào công tắc **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách.
 - Công tắc được đặt ở tấm ốp bên cửa bảng điều khiển phía hành khách trước.
4. Xoay chìa khoá đến **OFF** và rút chìa khoá ra khỏi ổ khoá.

►► Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*

⚠ CẢNH BÁO

Nếu buộc phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước, phải tắt hệ thống túi khí trước phía hành khách.

Nếu túi khí trước phía hành khách nổ, nó có thể va đập vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực mạnh gây tử vong hoặc trọng thương cho trẻ sơ sinh.

⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo bật hệ thống túi khí trước phía hành khách khi không còn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước.

Nếu không kích hoạt hệ thống túi khí trước phía hành khách có thể sẽ gây trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

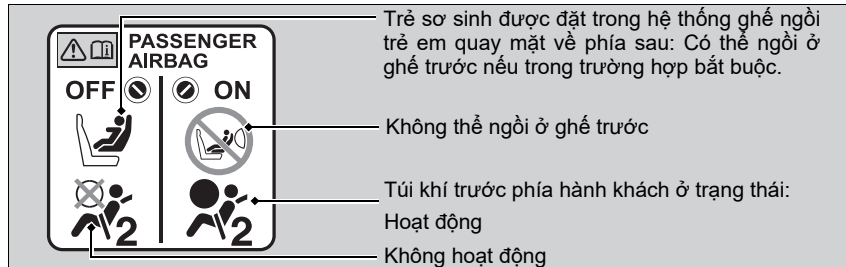
■ **Đèn báo tắt túi khí trước phía hành khách**

Khi hệ thống túi khí trước phía hành khách được kích hoạt, đèn báo sẽ tắt sau vài giây khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Khi hệ thống túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt, đèn báo vẫn sáng, hoặc tắt đi trong giây lát sau đó sáng trở lại.

■ **Nhãn hệ thống tắt túi khí trước phía hành khách**

Nhãn này được dán ở tấm ốp bên cửa bảng điều khiển bên phía hành khách trước.



⊗ **Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách***

CHÚ Ý

- Sử dụng chìa khoá điện để xoay công tắc **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách. Nếu sử dụng chìa khoá khác, có thể làm hỏng công tắc, hoặc hệ thống túi khí trước phía hành khách có thể không hoạt động đúng.
- Không được đóng cửa hoặc tác động lực mạnh vào chìa khoá điện trong khi chìa khoá vẫn ở trong công tắc **BẬT/TẮT** túi khí trước phía hành khách. Khoá điện hoặc chìa khoá có thể bị hư hỏng.

Bạn không nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước.

🔒 **Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh Tr. 77**

Bạn cần phải thay đổi cài đặt để **TẮT** hệ thống túi khí trước phía hành khách khi bạn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước.

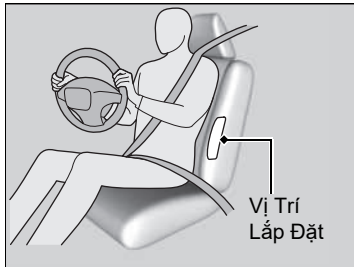
Khi không còn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước, hãy kích hoạt lại hệ thống.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Túi Khí Bên*

Túi khí bên giúp bảo vệ phần trên thân mình và xương chậu của người lái hoặc hành khách phía trước khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

■ Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí bên được lắp vào cạnh ngoài của lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách.

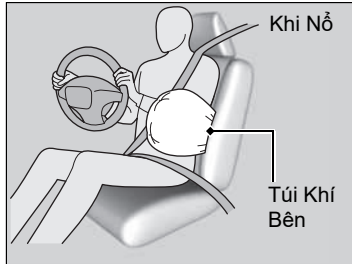
Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

►► Túi Khí Bên*

Không để hành khách phía trước dựa nghiêng sang một bên với đầu nghiêng về hướng nổ của túi khí bên. Khi túi khí bên nổ có thể bật ra lực rất mạnh và gây trọng thương tích cho hành khách.

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gắn túi khí bên. Chúng có thể cản trở túi khí vận hành đúng cách, hoặc làm ai đó bị thương nếu có một túi khí nổ.

■ Hoạt Động



Khi các cảm biến phát hiện mức độ va chạm bên từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để nổ ngay lập tức.

■ Khi túi khí bên nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí nhận biết có sự tăng tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm nổ túi khí. Trong trường hợp đó có thể có hư hỏng nhỏ hoặc không hư hỏng nhưng cảm biến bên phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để nổ túi khí.

■ Khi túi khí bên không thể nổ ngay cả khi có hư hỏng nặng

Túi khí có thể không nổ khi xảy ra va chạm gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi điểm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ nếu nó nổ.

►►Túi Khí Bên*

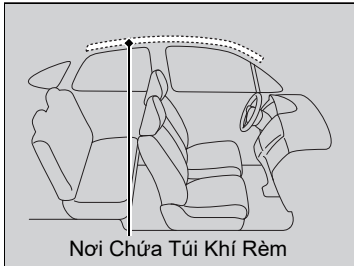
Không bọc hoặc thay vỏ lưng ghế phía trước mà không tham khảo đại lý. Thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ lưng ghế trước có thể cản trở túi khí bên nổ đúng cách khi xảy ra va chạm bên.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Túi Khí Rèm*

Các túi khí rèm giúp bảo vệ đầu người lái và hành khách ở vị trí cố định bên ngoài khi xảy ra va chạm bên với mức độ trung bình đến mạnh.

■ Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí rèm được đặt trên trần, ngay phía trên cửa kính ở hai bên của xe.

►►Túi Khí Rèm*

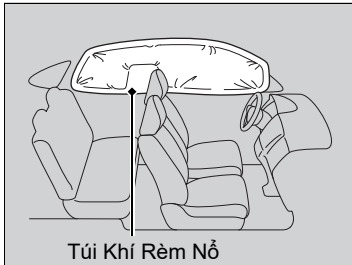
Túi khí rèm có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế.

Không gắn bất cứ vật gì vào phía cửa kính hoặc tấm ốp trụ đỡ nóc xe vì nó có thể khiến túi khí rèm hoạt động không đúng cách.

Loại xe có móc treo áo

Không treo áo khoác hoặc vật nặng lên móc áo. Điều này có thể gây ra thương tích nếu túi khí rèm nổ.

Hoạt Động



Túi Khí Rèm Nổ

Túi khí rèm được thiết kế để nổ khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

■ Khi các túi khí rèm nổ trong trường hợp có va chạm trước

Một hoặc cả hai túi khí rèm có thể nổ trong trường hợp va chạm từ góc phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí

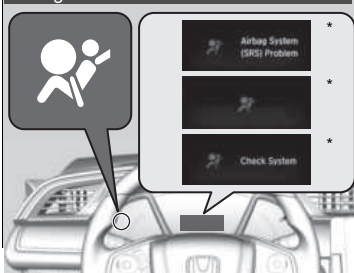
Nếu có sự cố xảy ra trong hệ thống túi khí, đèn báo SRS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*.

Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái



■ Khi xoay khóa điện đến BẬT *1

Đèn báo sáng trong vài giây, sau đó tắt, tức là hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động tốt khi cần.

►►Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

⚠CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây thương tích hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động đúng.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo sự cố có thể xảy ra.

Loại xe có hệ thống tắt túi khí trước phía hành khách

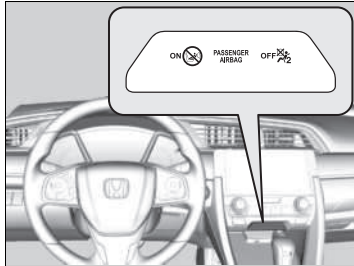
⚠CẢNH BÁO

Tháo ngay hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ra khỏi ghế hành khách phía trước nếu đèn báo SRS sáng. Ngay cả khi túi khí phía trước hành khách đã được huỷ kích hoạt, không được bỏ qua đèn báo SRS.

Hệ thống SRS có thể bị sự cố do túi khí trước phía hành khách được kích hoạt, gây trọng thương hoặc tử vong.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Đèn Báo Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*



■ Khi đèn báo tắt túi khí hành khách sáng

Đèn báo vẫn sáng trong khi hệ thống túi khí trước phía hành khách đã được huỷ kích hoạt.

Khi không sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế hành khách phía trước, bật lại hệ thống bằng tay. Đèn báo phải tắt.

Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ thành phần nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra trong các tình huống sau:

■ Khi túi khí đã nổ

Nếu túi khí đã nổ, phải thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan. Tương tự, khi bộ căng dây đai an toàn tự động đã được kích hoạt, phải thay nó.

■ Khi xe đã bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không nổ, hãy đến đại lý để kiểm tra các mục sau: Bộ căng dây đai an toàn trước và từng dây đai an toàn có bị mòn không khi xảy ra va chạm.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

Trong trường hợp có sự cố hoặc ngưng hoạt động hoặc sau khi túi khí nổ/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, cần yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô*

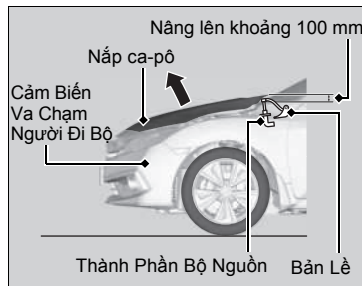
VỀ HỆ THỐNG BẬT NẮP CA-PÔ

Hệ thống bật nắp ca-pô được thiết kế để giảm nguy cơ bị thương ở đầu cho người đi bộ khi xảy ra va chạm ở phía trước xe.

■ Hệ thống kích hoạt khi

Xe của bạn va chạm với người đi bộ hoặc vật thể khác ở tốc độ trung bình hoặc cao hơn.

■ Cách hoạt động của hệ thống



Khi cảm biến va chạm người đi bộ phát hiện va chạm, hệ thống bật nắp ca-pô sẽ kích hoạt và phía sau của nắp ca-pô sẽ nâng lên.

Nắp ca-pô được nâng lên sẽ giảm nguy cơ bị thương ở đầu cho người đi bộ.

» Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô

⚠ CẢNH BÁO

Sau khi bật nắp ca-pô được kích hoạt, các thành phần bộ nguồn sẽ rất nóng và có thể gây bỏng. Không được chạm vào các thành phần này cho đến khi chúng đã nguội.

CHÚ Ý

Không cố mở nắp ca-pô sau khi hệ thống bật nắp ca-pô đã kích hoạt. Sau khi hệ thống kích hoạt, đảm bảo ca-pô được nâng không ảnh hưởng đến tầm nhìn, sau đó lái xe từ từ và cẩn thận.

Nếu nắp ca-pô không được đóng hoàn toàn, nó sẽ hoạt động không đúng. Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô trước khi lái xe.

Các tình huống bên dưới có thể làm kích hoạt hệ thống.

- Va chạm mạnh ở phần dưới của xe.
- Lái xe qua gờ giảm tốc hoặc ổ gà lớn với tốc độ cao.
- Khi có vật thể va chạm với cảm biến va chạm người đi bộ.

Hệ thống sẽ không nếu xe:

- Bị va chạm từ phía sau hoặc bên cạnh.
- Bị lật nghiêng hoặc lộn vòng.
- Người đi bộ va chạm vào góc.

Các yếu tố khác như vị trí, góc nào, hoặc tốc độ bao nhiêu khi xảy ra va chạm cũng có thể làm hệ thống bật nắp ca-pô không kích hoạt.

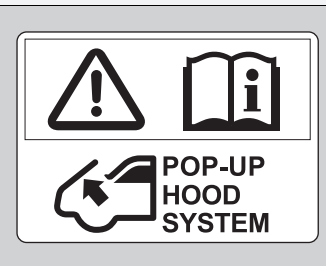
►► Về Hệ Thống Bật Nấp Ca-pô

Để hệ thống bật nắp ca-pô hoạt động đúng:

- Luôn sử dụng lốp có kích thước như lốp ban đầu. Hệ thống có thể không đọc đúng được tốc độ xe dùng lốp khác kích thước.
- Không tác động mạnh lên bộ nguồn của hệ thống. Nó có thể bị hỏng nếu bạn sập nắp ca-pô.
- Không tác động lên cảm biến va chạm người đi bộ ở cản trước.

Nhãn Hệ Thống Bật Nấp Ca-pô ở dưới nắp ca-pô:

► Các Vị Trí Nhãn Tr. 102



■ Thông Báo Cảnh Báo Hệ Thống khi Bật Nắp Ca-pô



■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Thông báo cảnh báo hệ thống sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái nếu có sự cố tiềm ẩn với hệ thống bật nắp ca-pô.

▣ Thông Báo Cảnh Báo Hệ Thống khi Bật Nắp Ca-pô

⚠ CẢNH BÁO

Bỏ qua thông báo bật nắp ca-pô có thể dẫn đến sự cố bật nắp ca-pô. Điều này có thể gây trọng thương hoặc tử vong nếu xe va chạm với người đi bộ.

Nếu thông báo bật nắp ca-pô sáng, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt.

Bảo Dưỡng Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô

Bạn không cần và cũng không nên tự mình thực hiện bảo dưỡng hoặc thay thế các thành phần hệ thống bật nắp ca-pô.

Tuy nhiên, nếu hệ thống bật nắp ca-pô đã kích hoạt, bạn cần phải đưa xe đến đại lý để thay thế bộ điều khiển và các bộ phận liên quan khác.

▣ Bảo Dưỡng Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô

Nếu cần trước bị hỏng, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay cả khi hệ thống bật nắp ca-pô không kích hoạt.

An Toàn Cho Trẻ

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi, bởi vì chúng không được bảo vệ an toàn hoặc được bảo vệ nhưng không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây ra tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương tích và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.

Lái Xe An Toàn

»»Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

⚠CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc bảo vệ không đúng cách có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, chúng cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Ở nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ thấp hơn 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia, quy định sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở bất kỳ ghế hành khách nào. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

Loại xe Campuchia, Ấn Độ và Malaysia

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đáp ứng quy định số 44 của Liên Hợp Quốc hoặc của địa phương.

➔ **Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tr. 81**

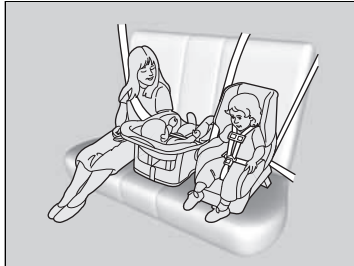
Ngoại trừ loại xe Campuchia, Ấn Độ và Malaysia

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng quy định số 44 hoặc 129 của Liên Hợp Quốc hoặc các quy định của địa phương.

➔ **Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi trẻ Em Tr. 81**

72 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Trẻ em phải được ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau. Vì những lý do sau:



- Túi khí trước hoặc túi khí bên* nổ có thể gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.
- Trẻ em ngồi ở ghế trước có thể làm phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Số liệu thống kê cho thấy trẻ nhỏ với mọi tầm vóc và lứa tuổi sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Loại xe có bộ rút có thể khoá

⚠ CẢNH BÁO

Để cho trẻ chơi với dây đai an toàn hoặc quần dây đai an toàn quanh cổ có thể gây trọng thương hoặc tử vong.

Yêu cầu trẻ không nghịch dây đai an toàn và đảm bảo phải khóa chắc chắn dây đai an toàn chưa sử dụng đến mà trẻ có thể với tới được, hãy rút lại hoàn toàn và khóa.

Tấm Che Nắng Hành Khách Phía Trước

Ngoại trừ loại xe An Độ

⚠ CẢNH BÁO



KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước. Vì việc này có thể khiến TRẺ bị TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG.

- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, chúng phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.
- Không được ôm trẻ nhỏ trong lòng bởi vì điều đó không thể bảo vệ chúng khi xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua bạn và trẻ nhỏ. Khi xảy ra va chạm, dây đai sẽ siết chặt vào trẻ dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.
- Không được để hai trẻ thắt chung dây đai an toàn. Cả hai trẻ có thể bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không để trẻ vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng mà nhiệt độ bên trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể kích hoạt hệ thống điều khiển vô tình làm xe di chuyển.

►►Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Loại xe An Độ

⚠CẢNH BÁO



KHÔNG LẮP ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau lên ghế có túi khí.

Có thể gây **TỬ VONG** hoặc **TRỌNG THƯƠNG**.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Thanh Dọc Cửa Phía Hành Khách Trước*

⚠ CẢNH BÁO



Cảnh Báo Nguy Hiểm!
KHÔNG ĐƯỢC đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí phía trước!

CẢNH BÁO: Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để tránh trẻ nghịch cửa kính, việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm hoặc làm cho lái xe mất tập trung.

➤ Mở/Đóng Các Cửa Kính Điện Tr. 198

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Loại xe có bộ rút có thể khoá

Để hủy kích hoạt bộ rút có thể khoá, nhả khóa và để dây đai cuộn vào hết.

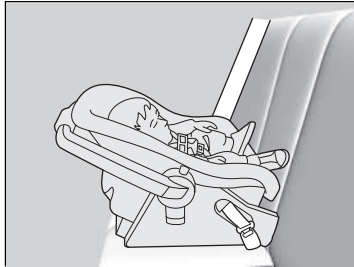
Để nhắc bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn trẻ em, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng hành khách trước. Hãy đọc và làm theo các hướng dẫn trên nhãn này.

► **Nhãn An Toàn** Tr. 102

An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ

■ Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Trẻ sơ sinh phải được đặt trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, ngả ra cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn trọng lượng và chiều cao để sử dụng ghế của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em và chỉ dùng cho trẻ đã được ít nhất một năm tuổi.



■ Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- Trong trường hợp này, bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ngay phía sau ghế ngồi hành khách phía trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, và để trống ghế ngồi phía trước.
- Hoặc bạn có thể lắp một hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.
- Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không va vào nhau.

►►Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong khi túi khí trước phía hành khách nổ.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho trẻ ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Theo quy định UN số 94:

Ngoại trừ loại xe Ấn Độ

⚠ CẢNH BÁO



KHÔNG dùng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước. Vì việc này có thể khiến TRẺ bị TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG.

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách, có thể khiến người lái hoặc hành khách ngồi ghế trước không ngả hết cỡ ghế của họ về phía sau được, hoặc khiến họ không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn được.

►► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Loại xe An Độ

⚠ WARNING



KHÔNG ĐƯỢC đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí phía trước!

Có thể gây **TỬ VONG** hoặc **TRỌNG THƯƠNG**.

Nhiều chuyên gia khuyến nghị nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

Nếu túi khí trước phía hành khách nổ, nó có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ bị trọng thương.

Không được lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở vị trí quay mặt về phía trước.

►► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Luôn tham khảo hướng dẫn hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

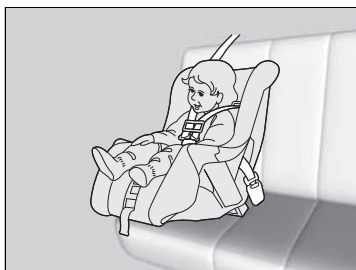
Loại xe có hệ thống tắt túi khí trước phía hàng khách
Nếu bắt buộc phải lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế hành khách trước, hãy dùng tay tắt hệ thống túi khí trước phía hành khách.

►► Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách* Tr. 60

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

Nếu trẻ được ít nhất một tuổi với cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên đặt trẻ ngồi chắc chắn trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho trẻ ở hàng ghế sau.

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Đặt ở ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

▣ Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí nổ.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy di chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại nước sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

■ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo ở phía dưới. Một vài hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một vài loại khác có móc treo mềm. Cả hai đều dễ sử dụng. Một vài hệ thống hiện tại hoặc trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn về sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất về hạn sử dụng khuyến cáo hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như hướng dẫn trong cuốn tài liệu này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo tối đa an toàn cho trẻ.

Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Ở ghế ngồi và xe không được trang bị hệ thống móc neo ở phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng cách dùng dây đai an toàn và dây thắt ở phía trên để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyến bạn nên sử dụng dây đai an toàn cho hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISO FIX* khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn dành cho người sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

■ Những lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo thông số kỹ thuật của quy định UN số 44 hoặc số 129* hoặc quy định của mỗi quốc gia. Hãy tìm nhãn chứng nhận tiêu chuẩn và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất hệ thống.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe có móc neo ở phía dưới rất đơn giản.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo ở phía dưới được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau hoặc quay mặt về phía trước phù hợp cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ loại ISOFIX chính hiệu Honda. Hãy tham khảo đại lý.

■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai

Không phải tất cả các loại hệ thống ghế ngồi trẻ em đều phù hợp để sử dụng trên xe của bạn. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy tham khảo bảng bên dưới để đảm bảo rằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đó phù hợp với xe của bạn, với vị trí ngồi, cân nặng (nhóm khối lượng) và tầm vóc của trẻ.

▣ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai

Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em có quy định về nhóm khối lượng. Đảm bảo kiểm tra nhóm khối lượng được quy định trong hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất cũng như trên bao bì và nhãn của hệ thống.

Các hệ thống ghế ngồi trẻ em được liệt kê trong bảng là sản phẩm chính hiệu của Honda. Chúng có ở các đại lý.

Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Loại xe Campuchia

■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai An Toàn

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Vị trí ghế ngồi				Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng*1
	Ghế hành khách phía trước	Ghế sau			
		Bên trái	Bên phải	Giữa	
Nhóm 0 Lên đến 10 kg	X	U	U	U	Honda Baby Safe
Nhóm 0+ Lên đến 13 kg	X	U	U	U	Honda Baby Safe
Nhóm I 9 đến 18 kg	UF*2	U	U	U	Honda ISOFIX (Có dây đai)
Nhóm II 15 đến 25 kg	UF*2, *3	U	U	U	
Nhóm III 22 đến 36 kg	UF*2, *3	U	U	U	

- U: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- UF: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- L: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em cụ thể có trong danh sách này. Những hệ thống bảo vệ này có thể thuộc hạng mục “xe cụ thể”, “hạn chế”, hoặc “bán thông dụng”.
- X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.
- * 1: Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là khuyến nghị của Honda vào thời điểm xuất bản. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về CRS. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn. Tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này .
- * 2: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau và điều chỉnh lưng ghế trước đến vị trí thẳng đứng nhất.
- * 3: Nếu bạn không thể cố định Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em, điều chỉnh góc lưng ghế song song với phía sau của Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em và vẫn giữ nó hướng về phía trước của móc neo dây đai vai.

Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Đảm bảo kiểm tra kích thước được chỉ ra trong các hướng dẫn của nhà sản xuất, bao bì và nhãn ghế ngồi trẻ em.

Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

Loại xe Ấn Độ

■ Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây đai hông/vai

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Vị trí ghế ngồi				Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng
	Ghế hành khách phía trước	Ghế sau			
		Bên trái	Bên phải	Giữa	
Nhóm 0 Lên đến 10 kg	X	U	U	U	
Nhóm 0+ Lên đến 13 kg	X	U	U	U	
Nhóm I 9 đến 18 kg	UF*1	U	U	U	
Nhóm II 15 đến 25 kg	UF*1	U	U	U	
Nhóm III 22 đến 36 kg	UF*1	U	U	U	

U: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

UF: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.

X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.

* 1: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau và điều chỉnh lưng ghế trước đến vị trí thẳng đứng nhất.

Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Đảm bảo kiểm tra kích thước được chỉ ra trong các hướng dẫn của nhà sản xuất, bao bì và nhãn ghế ngồi trẻ em.

Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

Loại xe Campuchia

■ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng

■ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Nhóm kích thước	Đồ gá	Vị trí ISOFIX trên xe				Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyến Dùng*1
			Ghế trước Hành Khách	Ghế sau			
				Trái	Phải	Giữa	
Trẻ nằm nôi	F	ISO/L1	X	X	>	X	
	G	ISO/L2		X	>	X	
Nhóm 0 lên đến 10 kg	E	ISO/R1	X	IL	IL	X	Honda Baby Safe ISOFIX Honda ISOFIX Neo
Nhóm 0+ lên đến 13 kg	E	ISO/R1	X	IL	II	X	Honda Baby Safe ISOFIX Honda ISOFIX Neo
	D	ISO/R2		IL	II	X	Honda Baby Safe ISOFIX Honda ISOFIX Neo
	C	ISO/R3		IL	II	X	Honda Baby Safe ISOFIX Honda ISOFIX Neo
Nhóm I 9 đến 18 kg	D	ISO/R2	X	IL	IL	X	
	C	ISO/R3		IL	IL	X	
	B	ISO/F2		IUF	IUF	X	Honda ISOFIX Honda ISOFIX Neo
	B1	ISO/F2X		IUF	IUF	X	Honda ISOFIX Honda ISOFIX Neo
	A	ISO/F3		IUF	IUF	X	Honda ISOFIX Honda ISOFIX Neo
Nhóm II 15 đến 25 kg			X	X	X	X	
Nhóm III 22 đến 36 kg			X	X	X	X	

►► Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

Nhóm Kích Thước ISOFIX	Đồ gá (CRF)	Mô tả
G	ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nôi)
F	ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nôi)
E	ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về sau
D	ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước nhỏ
C	ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước lớn
B1	ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về trước loại thấp
B	ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về trước loại thấp
A	ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về trước loại cao

-
- IUF: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX quay mặt về phía trước thông dụng được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- IL: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX (CRS) cụ thể, được liệt kê ở mục tương ứng trong cột bên phải của bảng. Những ISOFIX CRS này thuộc hạng mục "xe cụ thể", "hạn chế", hoặc "bán thông dụng".
- X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.
- * 1: Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về CRS. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn. Tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này .
-

Loại xe Malaysia

■ Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Khuyên Dùng

Có nhiều loại hệ thống ghế ngồi trẻ em. Không phải tất cả các loại đều thích hợp cho xe bạn. Hãy tham khảo bảng sau để chọn loại hệ thống ghế ngồi trẻ em có thể sử dụng trên mỗi vị trí ghế ngồi.

Nhóm	Khối Lượng	Vị Trí Ghế Ngồi		
		Hành Khách Phía Trước	Hành Khách Phía Sau	
			Bên Ngoài Phía Sau	Giữa Phía Sau
nhóm 0	Lên đến 10 kg	X	U	U
nhóm 0+	Lên đến 13 kg	X	U hoặc IL (Honda BABY SAFE ISOFIX, Honda ISOFIX Neo)	U
nhóm I	9 kg đến 18 kg	UF ^{*1, *2}	U hoặc IUF (Kích cỡ A,B1,B) hoặc IL ^{*3} (Honda ISOFIX Neo)	U
nhóm II	15 kg đến 25 kg	UF ^{*1, *2}	U	U
nhóm III	22 kg đến 36 kg	UF ^{*1, *2}	U	U

- U: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- UF: Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước “thông dụng” được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- IL: Thích hợp riêng cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX (CRS) được liệt kê trong danh sách.
- IUF: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX quay mặt về phía trước thông dụng được phê duyệt sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- X: Vị trí ghế ngồi không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.
- * 1: Góc lưng ghế ở vị trí thẳng đứng (vị trí khoá hết cỡ về phía trước).
- * 2: Ngả ghế trước hết cỡ về phía sau.
- * 3: Honda ISOFIX Neo có thể được trang bị cho ghế quay mặt về phía trước.

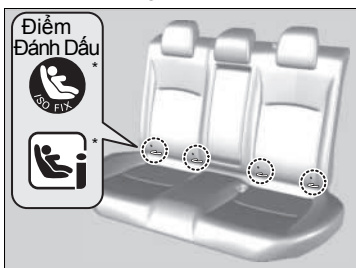
Kích thước cụ thể được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Đảm bảo kiểm tra kích thước được chỉ ra trong các hướng dẫn của nhà sản xuất, bao bì và nhãn ghế ngồi trẻ em.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em cụ thể ở bảng trên là các Phụ Tùng Chính Hiệu Honda và luôn có sẵn ở các đại lý.

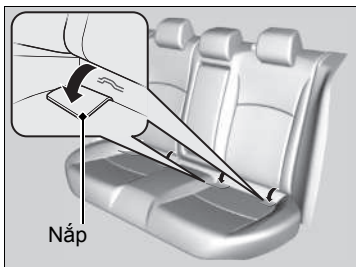
Để lắp đặt đúng, hãy tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới*

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới ở một trong hai ghế sau bên ngoài. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới với móc treo cứng hoặc móc treo mềm.



1. Cố định móc neo phía dưới vào các điểm đánh dấu.



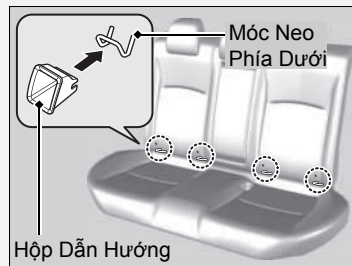
2. Kéo nắp* móc neo ở dưới điểm đánh dấu ra để nhìn thấy móc neo phía dưới.

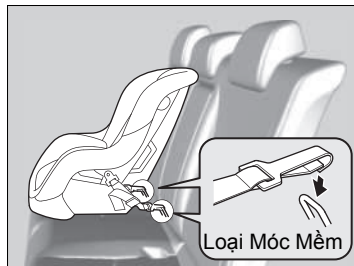
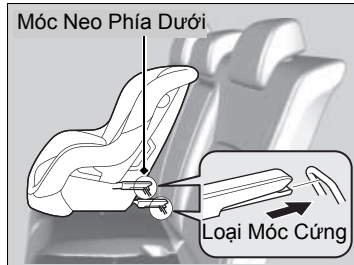
►► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

⚠ CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và nó có thể bị gãy, khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong.

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh gây hư hỏng cho ghế ngồi. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo giống như hình vẽ.





3. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe, sau đó gắn hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo chỉ dẫn lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em.

► Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai hoặc bất kỳ vật gì khác.

4. Mở nắp che móc neo phía sau tựa đầu.

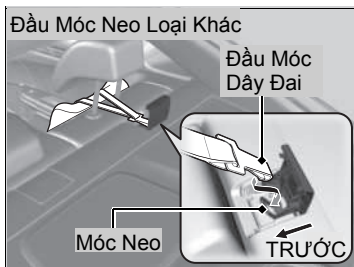
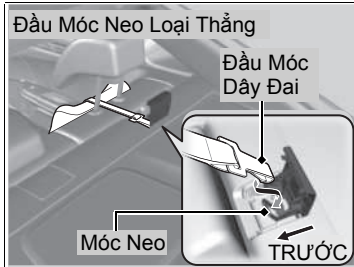
► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới*

CẢNH BÁO: Không được sử dụng móc không có biểu tượng Top Tether (Đầu Buộc) móc neo để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em đã lắp đặt.

Vi sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, đảm bảo hệ thống ghế ngồi được cố định chắc chắn trên xe. Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

Loại móc mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây đai

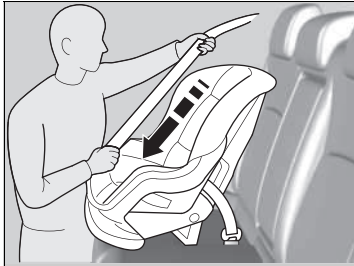
5. Nâng tựa đầu lên đến vị trí cao nhất, sau đó luồn đầu móc của dây đai qua phần chân tựa đầu và lắp chắc đầu móc vào móc neo. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
6. Thắt chặt dây đai như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
7. Đảm bảo rằng hệ thống ghế ngồi trẻ em được cố định chắc chắn bằng cách lắc nó về phía trước, về phía sau, sang hai bên; cho đến khi chỉ còn thấy có một chút dịch chuyển.
8. Đảm bảo các dây đai an toàn không sử dụng đến nằm trong tầm với của trẻ phải được khóa lại, kích hoạt bộ rút dây đai có thể khóa và rút và khóa hoàn toàn dây đai an toàn.



Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ

- 5.** Duỗi chân đỡ ra cho đến khi nó chạm đến sàn như trong hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
- Đảm bảo khu vực sàn nơi đặt chân đỡ phải bằng phẳng. Nếu khu vực đó không bằng phẳng, chân đỡ sẽ không đỡ được.
 - Đảm bảo ghế của trẻ và ghế phía trước không va vào nhau.

■ Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hông/Vai



1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe.
2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.
 - Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi có tiếng tách.

Loại có bộ rút có thể khoá

3. Kéo từ từ phần vai của dây đai an toàn ra hết cỡ cho đến khi cơ cấu nhả dây dừng hẳn. Làm như vậy để kích hoạt bộ rút có thể khoá.
4. Để dây đai an toàn rút lại vài cm và thử kéo nó ra để kiểm tra bộ rút đã khoá chưa. Nếu bộ rút hoạt động đúng thì sẽ không rút được dây đai ra cho đến khi thiết lập lại bằng cách tháo đầu chốt ra khỏi ổ khóa.
 - Nếu bạn có thể kéo dây đai vai ra, bộ rút có thể khoá không được kích hoạt. Từ từ kéo dây đai an toàn ra hết cỡ và lặp lại các bước từ 3 đến 4.

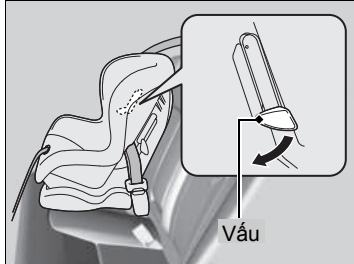
►► Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hông/Vai

Để kiểm tra xem dây đai an toàn hông/vai có được trang bị bộ rút có thể khoá hay không, kéo hết phần vai của dây đai hông/vai ra, để dây đai an toàn rút lại từ từ, sau đó kéo nhẹ dây đai an toàn lại lần nữa. Nếu dây đai bị khóa thì dây đai an toàn được trang bị bộ rút có thể khoá.

Loại xe có bộ rút có thể khoá

Dây đai an toàn có bộ rút có thể khoá được dán nhãn như hình vẽ.





- 5.** Giữ phần vai của dây đai an toàn gần đầu khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.
- Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy nó vào trong ghế.

Loại xe không có bộ rút có thể khóa

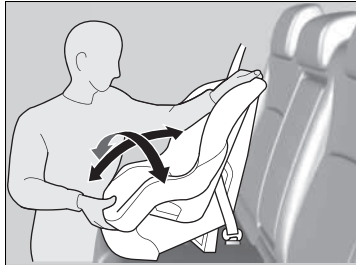
- 3.** Đẩy vấu khóa xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào trong khe của cạnh bên của hệ thống ghế ngồi trẻ em.
- 4.** Giữ phần vai của dây đai gần đầu khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.
- Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy nó vào trong ghế xe.
- 5.** Định vị dây đai an toàn vào đúng vị trí và đẩy vấu khóa. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
- Khi đẩy vấu khóa lên trên, kéo phần phía trên vai của dây đai để dây hết chùng.

►► Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hông/Vai

Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ đúng cách khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

Loại xe có bộ rút có thể khóa

Sau khi lắp đặt đúng cách hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy kiểm tra để đảm bảo đã kích hoạt bộ rút có thể khóa và đã rút hoàn toàn và khóa dây đai an toàn. Để ngừng hoạt động của bộ rút có thể khóa, hãy nhả khóa và để dây đai an toàn cuộn vào hết.



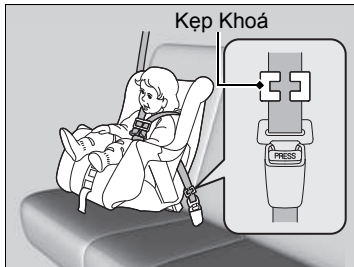
Tất cả các loại xe

6. Đảm bảo rằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn bằng cách lắc nó về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
7. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ khi chưa sử dụng đến.

Loại xe không có bộ rút có thể khoá

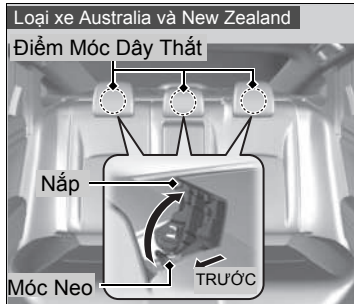
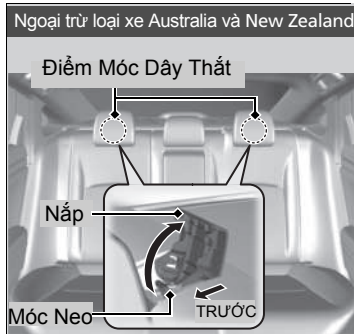
Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em trên xe không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khoá vào dây đai an toàn.

Sau khi xong bước 1 và 2, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.



3. Gài chặt phần dây đai gần đầu chốt. Kẹp chặt hai phần của dây đai để chúng không bị trượt qua đầu chốt. Tháo khóa dây đai an toàn.
4. Lắp kẹp khóa như trong hình. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.
5. Gài đầu chốt vào trong khóa. Chuyển sang bước 6 và 7.

■ Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt



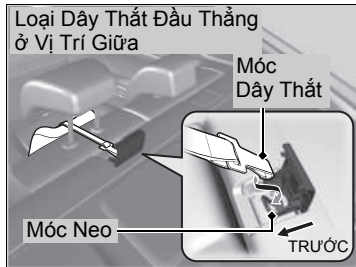
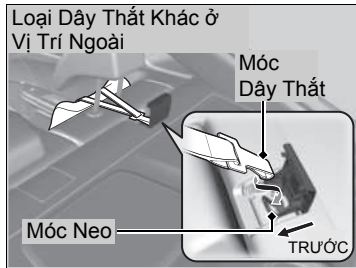
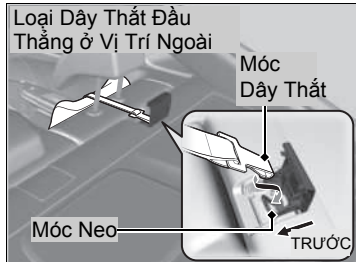
Điểm móc dây thắt được đặt ở đằng sau vị trí ngồi bên ngoài ghế sau hoặc ở tất cả vị trí ngồi của ghế sau. Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt đi kèm, bạn cũng có thể sử dụng dây đai an toàn để lắp nó, có thể sử dụng thêm dây thắt để tăng độ an toàn.

1. Định vị điểm móc dây thắt tương ứng và nâng nắp lên.

▣ Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt

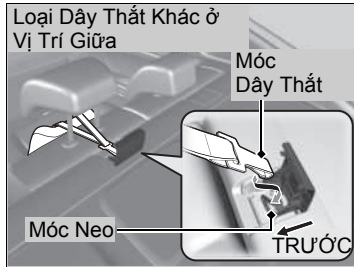
CẢNH BÁO: Các móc neo ghế ngồi trẻ em được thiết kế để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng cho dây đai an toàn của người lớn, sử dụng để cố định hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước khi sử dụng dây đai an toàn hoặc các móc neo dưới.



2. Nâng tựa đầu lên đến vị trí cao nhất, sau đó luồn đầu móc của dây thắt qua phần chân tựa đầu và lắp chắc đầu móc dây thắt vào móc neo. Đảm bảo dây không bị xoắn.

3. Lắp chắc đầu móc dây thắt vào móc neo.
4. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



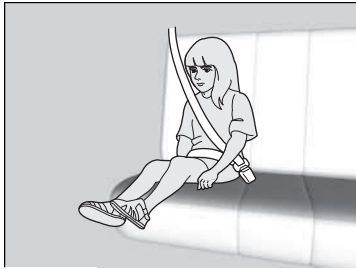
An Toàn Cho Trẻ Lớn

■ Bảo Vệ Trẻ Lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra dây đai an toàn, loại ghế lót được sử dụng cho trẻ khi cần, và những phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

■ Kiểm Tra Độ Phù Hợp Của Dây Đai An Toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng cách sử dụng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra độ an toàn theo các mục sau:



■ Danh Mục Kiểm Tra

- Đầu gối của trẻ có gấp thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có đặt vào vị trí giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn hông/vai theo đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt đến khi dây đai an toàn hông/vai phù hợp với cơ thể trẻ và không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

►► An Toàn Cho Trẻ Lớn

⚠ CẢNH BÁO

Cho trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm chúng bị thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

Nếu phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế ngồi trước càng lùi về sau càng tốt, để trẻ ngồi ngay ngắn và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

■ Ghế Lót Đặc Biệt



Nếu dây đai an toàn hông/vai được sử dụng không đúng cách, hãy đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra trẻ có đáp ứng với các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót không.



Phần tựa lưng ghế được thiết kế để gắn ghế lót đặc biệt. Lắp ghế lót đặc biệt vào tựa lưng và điều chỉnh nó cùng ghế ngồi theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót. Đảm bảo luôn dây đai qua khe dẫn hướng của phần vai của tựa lưng và không để dây đai chạm hoặc vắt ngang qua cổ của trẻ.

▣ Ghế Lót Đặc Biệt

Khi lắp ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn. Có ghế lót đặc biệt loại lưng cao và loại lưng thấp. Hãy chọn loại ghế lót có thể thắt dây đai an toàn đúng cách.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có đệm lưng để điều chỉnh dây đai vai để thoải mái hơn.

■ Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Lớn - Kiểm Tra Cuối Cùng

Nên để trẻ ngồi ở ghế sau để chúng được bảo vệ đúng cách. Nếu trên xe có một nhóm trẻ, thì một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu hết hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Ngả ghế hành khách phía trước càng lùi về phía sau càng tốt.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra dây đai an toàn đã ở đúng vị trí chưa. Như vậy trẻ mới được bảo vệ an toàn trên ghế.

■ Giám sát trẻ em

Bạn nên để mắt đến trẻ khi đi xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành hơn đôi khi cũng cần nhắc thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

Khí Xả Nguy Hiểm


Khí CO

Trong khí thải của xe có chứa CO, là một chất không màu, không mùi, độc tố cao. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí này sẽ không vào xe bạn.

■ Phải kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi:

- Có âm thanh khác lạ trên hệ thống xả.
- Có hư hỏng trong hệ thống xả.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà mở nắp khoang hành lý, luồng khí có thể lùa khí thải vào trong xe và gây nguy hại. Nếu bạn buộc phải mở nắp khoang hành lý khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và điều chỉnh hệ thống điều khiển khí hậu như chỉ dẫn sau.

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.
2. Chọn chế độ .
3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái nhất.

Điều chỉnh hệ thống điều khiển khí hậu giống như trên nếu bạn phải ngồi trên xe khi đỗ xe mà động cơ vẫn đang chạy.

☒ Khí CO

⚠ CẢNH BÁO

Khí CO là khí độc.

Hít phải khí độc hại có thể gây bất tỉnh hoặc tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những nơi sản xuất có thải khí CO.

Lượng khí CO có thể tập trung ở các khu vực kín như gara.

Không được để động cơ nổ máy khi cửa gara đang đóng. Ngay cả khi cửa gara đang mở, lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

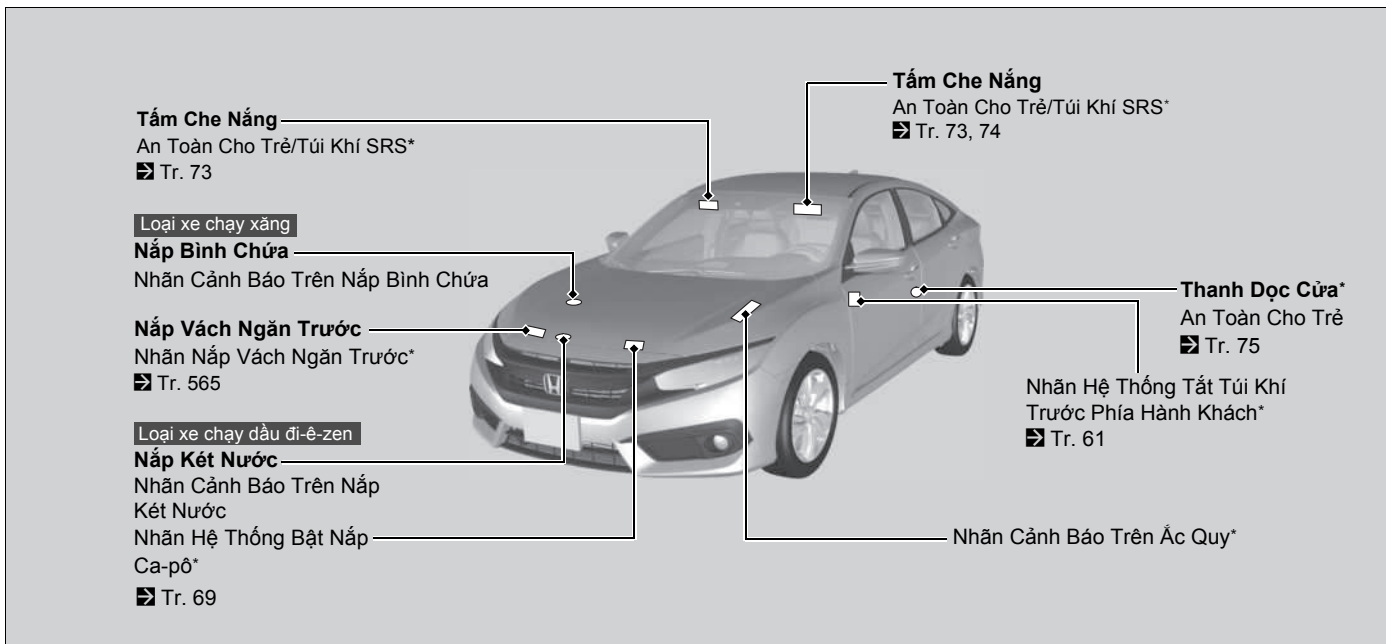
Nhãn An Toàn

Vị Trí Nhãn

Các nhãn an toàn này ở các vị trí như hình vẽ. Chúng cảnh báo cho bạn nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây trọng thương hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu nhãn này bị mất đi hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.

Lái Xe An Toàn



Bảng Điều Khiển

Phần này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.

Đèn Báo

Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Hiển Thị Thông Tin	135
Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái	136

Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị

Đồng Hồ Đo	159
Màn Hình Hiển Thị Thông Tin	160
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái*	163

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
 (Màu Đỏ)	Đèn Báo Hệ Thống Phanh và Phanh Đỗ (Đỏ)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}, sau đó tắt nếu phanh đỗ đã được nhả. Sáng lên khi phanh đỗ được nhấn và tắt khi nhả. Sáng lên khi mức dầu phanh thấp. Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống phanh. Tiếng bíp vang lên và đèn báo sáng lên khi bạn lái xe mà không nhả phanh đỗ hoàn toàn. Sáng trong khoảng 15 giây khi bạn kéo công tắc phanh đỗ điện trong khi khoá điện ở KHÓA ^{*1}. Vẫn sáng trong khoảng 15 giây khi bạn xoay khoá điện đến KHÓA ^{*1} trong khi phanh đỗ điện được cài. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi lái xe - Đảm bảo phanh đỗ đã được nhả. Kiểm tra mức dầu phanh. <ul style="list-style-type: none"> ➔ Phải làm gì nếu đèn báo sáng khi lái xe Tr. 641 Sáng cùng với đèn báo ABS - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. <ul style="list-style-type: none"> ➔ Nếu Đèn Báo Hệ thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Tr. 641 Nhấp nháy và đèn báo hệ thống phanh (hồ phách) sáng cùng lúc - Hệ thống phanh đỗ điện có sự cố. Có thể chưa cài đặt phanh đỗ. Tránh dùng phanh đỗ và đưa xe đến đại lý kiểm tra ngay lập tức. <ul style="list-style-type: none"> ➔ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) sáng hoặc nhấp nháy cùng lúc khi Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hồ Phách) sáng Tr. 642 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  <p>Release Parking Brake</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>*4</p>  <p>Release Parking Brake</p> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="text-align: center;">  <p>Brake Fluid Low</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>WARNING: Brake Fluid Low</p> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="text-align: center;">  <p>Check System</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Brake System Problem</p> </div> </div> <div style="margin-top: 10px;"> <p>*3</p>    </div>

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philipin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào và Philipin và Việt Nam

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
 (Hỗ Phách)	Đèn Báo Hệ Thống Phanh và Phanh Đỡ (Hỗ Phách)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*¹, sau đó tắt. Sáng nếu có sự cố với hệ thống liên quan đến phanh ngoại trừ hệ thống phanh thông thường. Sáng nếu có sự cố với hệ thống phanh đỗ điện hoặc hệ thống giữ phanh tự động. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý kiểm tra. Sáng trong khi lái xe - Tránh dùng phanh đỗ và đưa xe đến đại lý kiểm tra ngay lập tức. 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>*3</p>  </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;"> <p>*4</p>  </div>

Bảng Điều Khiển

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.



*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn Báo ►

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
 (Hỗ Phách)	Đèn Báo Hệ Thống Phanh và Phanh Đỗ (Hỗ Phách)	<p>Loại xe có CMBS</p> <ul style="list-style-type: none"> Sáng lên nếu cảm biến ra-đa có sự cố. Đèn báo sáng tức thời khi vượt quá Giới Hạn Tải Tối Đa. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tổng tải trọng nằm trong Giới Hạn Tải Tối Đa.  Giới Hạn Tải Tr. 421 Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}, sau đó tắt. Sáng lên khi bật hệ thống giữ phanh tự động. 	<p> Giữ Phanh Tự Động Tr. 516</p>	<p>*2  Brake Hold System Standby</p> <p>*3 </p> <p>*4  Brake Hold System Standby</p>
	Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}, sau đó tắt. Sáng lên khi giữ phanh tự động được kích hoạt. 	<p> Giữ Phanh Tự Động Tr. 516</p>	—
	Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn xoay khoá điện đến BẬT ^{*1}, và tắt khi động cơ khởi động. Sáng lên khi áp suất dầu động cơ thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong khi lái xe - Dừng xe ở nơi an toàn ngay lập tức.  Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng Lên Tr. 639 	<p>*2  Oil Pressure Low</p> <p>*3 </p> <p>*4  Check Engine Oil Level</p>

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn Báo ►

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Sự Cố	<p>Loại xe chạy xăng</p> <ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn xoay khoá điện đến BẬT [II]^{*1}, và tắt khi động cơ khởi động hoặc tắt sau vài giây nếu động cơ không khởi động. <p>Loại xe chạy dầu đī-ê-zen</p> <ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn thiết lập chế độ nguồn ở BẬT và tắt khi động cơ khởi động. <p>Tất cả các loại xe</p> <ul style="list-style-type: none"> Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống kiểm soát khí xả. Nhấp nháy khi phát hiện mất lửa trong các xy lanh 	<p>➔ Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy Tr. 640</p>	<p>*2</p>  <p>*4</p>  <p>*3</p> 

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi khóa điện ở BẬT II^{*1}, và tắt khi động cơ khởi động. Sáng lên khi ắc quy không nạp điện. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi đang lái xe - Tắt hệ thống điều khiển khí hậu và bộ sấy kính sau để giảm tiêu thụ điện. ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng Lên Tr. 639 	
	Đèn Báo Vị Trí Cần Số*	<ul style="list-style-type: none"> Hiện thị vị trí số hiện tại. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Sang Số Tr. 439, 441 	
	Đèn Báo Hệ Thống Hộp Số*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. Nhấp nháy nếu hệ thống hộp số có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy trong khi lái xe - Tránh khởi động và tăng tốc đột ngột và đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay lập tức. 	

Bảng Điều Khiển




*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe


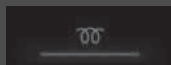
Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo M (chế độ sang số thường 7 cấp)/Đèn Báo Sang Số*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi kích hoạt chế độ sang số thường 7 cấp. Nhấp nháy nếu hệ thống hộp số có sự cố. 	<p>☒ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp Tr. 443</p>	
	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	<ul style="list-style-type: none"> Sáng và tiếng bíp vang lên* nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}. Loại xe có bộ nhắc thắt dây đai an toàn hành khách phía trước Nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng lên trong vài giây sau đó. Tất cả các loại xe Nhấp nháy khi đang lái xe nếu bạn hoặc hành khách phía trước* không thắt dây đai an toàn. Hệ thống cảnh báo phát ra tiếng bíp* và đèn báo nhấp nháy đều. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách phía trước* đã thắt dây đai an toàn. Vẫn sáng sau khi bạn hoặc hành khách phía trước* đã thắt dây đai an toàn - Có thể xảy ra lỗi phát hiện trong cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ☒ Bộ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 45 	<p>*2 *4</p>  <p>*3</p>

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam



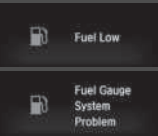
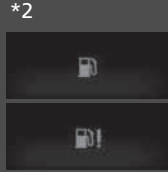
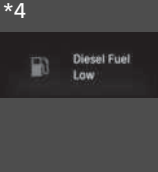
*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào và Philippin và Việt Nam

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo
	Đèn Báo Sấy Nóng*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên vài giây khi bạn thiết lập chế độ nguồn đến BẬT, sau đó tắt đi. 	<ul style="list-style-type: none"> Vẫn sáng - Động cơ nguội. Không khởi động động cơ cho đến khi đèn báo tắt. ➤ Khởi Động Động Cơ Tr. 431 Nếu động cơ vẫn khó nổ, đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên nếu động cơ nguội khi bạn ấn nút ENGINE START/STOP. 	<ul style="list-style-type: none"> Động cơ tự khởi động khi đèn báo tắt. ➤ Khởi Động Động Cơ Tr. 431 	

Bảng Điều Khiển

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe










Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 7,0 lít). Nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng - Nạp đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt. Nhấp Nháy - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	<div style="display: flex; flex-wrap: wrap;"> <div style="width: 50%;"> <p>*1</p>  </div> <div style="width: 50%;"> <p>*3</p>  </div> </div>
		<p>Loại xe chạy dầu đi-ê-zen</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi Quãng Đường trên màn hình giao diện thông tin cho người lái đạt 0. 	<ul style="list-style-type: none"> Tốc độ tối đa bị hạn chế. Nạp nhiên liệu cho xe càng sớm càng tốt. Giới hạn tốc độ xe sẽ biến mất khi nạp nhiên liệu từ 10 lít trở lên. <p>► Nạp Nhiên Liệu Tr. 532</p>	<div style="display: flex; flex-wrap: wrap;"> <div style="width: 50%;"> <p>*2</p>  </div> <div style="width: 50%;"> <p>*4</p>  </div> </div>

*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*2: Loại xe Châu Phi

*3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*4: Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	<p>Loại xe chạy dầu đi-ê-zen</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi nhiên liệu gần hết. 	<ul style="list-style-type: none"> Xe bị dừng lại. Bạn không thể khởi động lại động cơ. <p>Nạp nhiên liệu ngay lập tức.  Nạp Nhiên Liệu Tr. 532</p>	
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT *1, sau đó tắt. Nếu đèn báo này sáng vào những lúc khác, ABS có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng. <p> Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) Tr. 519</p>	<p>*2  *4 </p> <p>*3 </p>

Bảng Điều Khiển

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.


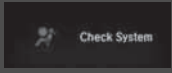


*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

►► Đèn Báo ►

Bảng Điều Khiển


Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*¹, sau đó tắt. Sáng lên nếu phát hiện sự cố của các hệ thống sau: <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống bảo vệ phụ trợ Hệ thống túi khí bên* Hệ thống túi khí rèm* Bộ căng dây đai an toàn 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục hoặc không sáng - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>*4</p>  </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;"> <p>*3</p>  </div>

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Bật/ Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*	<ul style="list-style-type: none"> Cả hai đèn báo sáng trong vài giây khi bạn xoay khoá điện đến BẬT [II]^{*1}, sau đó tắt sau khi hệ thống kiểm tra. Khi túi khí trước phía hành khách được kích hoạt: Đèn báo sẽ sáng trở lại và sáng trong khoảng 60 giây. Khi túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt: Đèn báo tắt sẽ sáng trở lại và duy trì sáng. Đây là bộ nhắc cho biết túi khí trước phía hành khách được huỷ kích hoạt. 	<p>► Hệ Thống Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách* Tr. 60</p>	





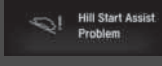
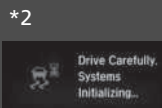
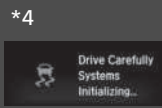
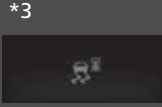
Bảng Điều Khiển

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Đèn Báo►

Bảng Điều Khiển







Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. Nhấp nháy khi kích hoạt VSA. Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống VSA hoặc hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) Tr. 458 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>*4</p>  </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*3</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>*4</p>  </div> </div>
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống VSA bị huỷ kích hoạt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó kết nối lại. 	<ul style="list-style-type: none"> Lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>*4</p>  </div> </div> <div style="text-align: center;"> <p>*3</p>  </div>

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}, sau đó tắt. Sáng lên khi bạn huỷ kích hoạt VSA. 	 Bật và Tắt VSA Tr. 459	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  Vehicle Stability Assist OFF </div> <div style="text-align: center;"> <p>*4</p>  Vehicle Stability Assist (VSA) OFF </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;"> <p>*3</p>  OFF </div>
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống VSA bị huỷ kích hoạt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó nổi lại. 		<ul style="list-style-type: none"> Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ hơn 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bảng Điều Khiển

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Đèn Báo►



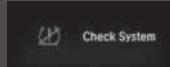
Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Cửa và Nắp Khoang Hành Lý Mở*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT [II]^{*1}, sau đó tắt. Sáng lên nếu bất kỳ cửa hoặc nắp khoang hành lý nào không đóng hoàn toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn sáng nếu bất kỳ cửa nào hoặc nắp khoang hành lý mở trong khi lái xe. 	<ul style="list-style-type: none"> Tắt đi khi tắt cả các cửa hoặc nắp khoang hành lý đóng. 	—
	Đèn Báo Nhiệt Độ Dầu Hộp Số	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi nhiệt độ dầu hộp số quá cao. 	<ul style="list-style-type: none"> Dừng tại nơi an toàn và gạt cần số sang vị trí [P]. 	—
	Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT [II]^{*1}, và tắt đi khi động cơ khởi động. Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống EPS (Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện). 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục hoặc không sáng - Đưa xe đến Đại lý để kiểm tra. ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng Tr. 643 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  <p>Check System</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>*4</p>  <p>Power Steering System (EPS) Problem</p> </div> </div> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;"> <p>*3</p>  </div>

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp/ Áp Suất Lốp Thấp*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*¹, sau đó tắt. Có thể sáng lên một lúc khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*¹ và không di chuyển xe trong vòng 45 giây, để thông báo quá trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn tất. Sáng lên và tiếp tục sáng khi: <ul style="list-style-type: none"> Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp. Hệ thống chưa được hiệu chỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái - Dừng xe ở nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp xe và bơm (các) lốp xe nếu cần. Tiếp tục sáng cho đến khi lốp được bơm đến áp suất khuyến cáo - Cần hiệu chỉnh hệ thống. <ul style="list-style-type: none"> ➤ Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp Tr . 463 	
		<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu có sự cố xảy ra với hệ thống cảnh báo xẹp lốp, hay khi lắp tạm thời lốp dự phòng loại nhỏ*. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy và tiếp tục nhấp <ul style="list-style-type: none"> Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu xe vừa với lốp dự phòng loại nhỏ, hãy để lốp đã được vá hoặc thay thế phía sau xe bạn càng sớm càng tốt. 	






Bảng Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.





* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn Báo ►

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp bị ngừng kích hoạt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại. 	<ul style="list-style-type: none"> Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ hơn 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	
	Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên cùng với tiếng bíp vang lên khi phát hiện ra sự cố. Đồng thời thông báo hệ thống trên màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ xuất hiện cùng một lúc. 	<ul style="list-style-type: none"> Trong khi đèn báo sáng, ấn nút  (màn hình hiển thị/thông tin) để xem lại thông báo. Tham khảo thông tin các đèn báo trong phần này khi thông báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Xử lý theo thông báo tương ứng. Màn hình giao diện thông tin cho người lái không trở về màn hình bình thường trừ khi cảnh báo được hủy hoặc ấn nút . 	




*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

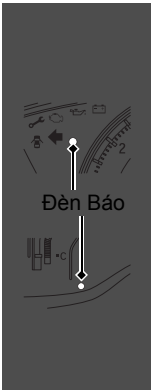
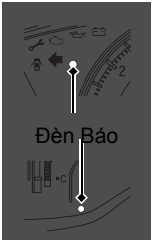

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi bạn vận hành cần xi nhan. Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh  Thay Bóng Đèn Tr. 584, 586, 587 	—
		<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi lái xe ở tốc độ cao. 	<ul style="list-style-type: none">  Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp Tr. 521 	
	Đèn Báo Chiếu Xa	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bật các đèn chiếu xa. 	—	—
	Đèn Báo Đèn Chiếu Sáng Bật	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi công tắc đèn bật hoặc ở AUTO* khi đèn bên ngoài sáng. 	<ul style="list-style-type: none"> Nếu bạn rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa*1 trong khi các đèn bên ngoài xe vẫn sáng, chuông sẽ kêu khi cửa người lái mở. 	—
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bật đèn sương mù trước. 	—	—

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Điều Khiển Đèn*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu có sự cố với hệ thống điều khiển đèn. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Bật đèn bằng tay và đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	—
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu có sự cố với các đèn chiếu sáng. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Đèn chiếu sáng có thể không bật. Khi các điều kiện cho phép bạn lái xe an toàn, hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra sớm nhất có thể. 	—
	Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn thiết lập chế độ nguồn đến BẬT, sau đó tắt đi. Sáng lên khi tất cả các điều kiện vận hành của chiếu xa tự động được đáp ứng. 	 Chiếu Xa Tự Động* Tr. 213	—

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy - Bạn không thể khởi động động cơ. Xoay khóa điện đến KHÓA [0]^{*1}, rút chìa khóa ra, sau đó cắm chìa khóa vào, xoay lại đến BẬT [II]^{*1}. Nhấp nhiều lần - Hệ thống có thể có sự cố. Đưa xe đến đại lý kiểm tra. Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị khác vào hệ thống. Sự cố điện có thể xảy ra. 	—
	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi hệ thống cảnh báo an ninh được cài đặt. 	<p> Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh Tr. 196</p>	—


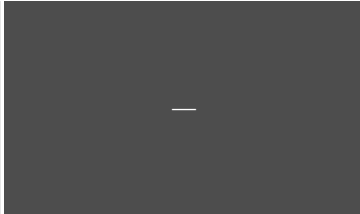





* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Bảng Điều Khiển

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

▶▶ Đèn Báo ▶▶

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn BẬT nguồn điện. Sáng lên ngay lập tức nếu phát hiện có sự cố trong hệ thống truy cập từ xa hoặc hệ thống khởi động từ xa. 	<ul style="list-style-type: none"> Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	
	Đèn Báo Chế Độ ECON	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bạn ấn nút ECON. 	 Nút ECON Tr. 447	<p>*1</p>  <p>*3</p>  <p>*2</p> 

*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*2: Loại xe Châu Phi

*3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH CHÍNH*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn ấn nút CRUISE. 	 Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 448	—
	Đèn Báo ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ CHẠY ỔN ĐỊNH*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên nếu bạn đặt tốc độ cho điều khiển chế độ chạy ổn định. 	 Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 448	—
80 km/h	Đèn Cảnh Báo Tốc Độ*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên vài giây khi bạn cài đặt chế độ nguồn ở BẬT, sau đó tắt. Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 80 km/h. Âm thanh nhắc nhở vang lên trong khoảng hai phút. Đèn báo này nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm thanh cảnh báo kêu liên tục. 	<ul style="list-style-type: none"> Đèn báo này tiếp tục nhấp nháy khi tốc độ xe trên 80 km/h. Đèn báo này nhấp nháy khi tốc độ xe trên 120 km/h. 	—
	Đèn Báo Hệ Thống Giám Sát Dầu*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II¹, sau đó tắt. Sáng lên khi sắp tới lịch bảo dưỡng. 	 Hệ Thống Giám Sát Dầu* Tr. 543	—




* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn Báo ►

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Chế Độ Chạy Ổn Định Chính*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn ấn nút MAIN. Nếu đèn báo khác sáng, thì ấn nút LIM. 	<ul style="list-style-type: none"> ☒ Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 451 	—
	Đèn Báo Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi bạn ấn nút MAIN. Nếu đèn báo khác sáng, thì ấn nút LIM. 	<ul style="list-style-type: none"> ☒ Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh* Tr. 454 	—
	Đèn Báo Tốc Độ Cài Đặt Cho Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định và Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên nếu bạn đặt tốc độ cho điều khiển chế độ chạy ổn định. Sáng lên nếu bạn đặt tốc độ cho bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> ☒ Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định* Tr. 452 ☒ Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh* Tr. 455 	—
	Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi hệ thống khởi động có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Giải pháp tạm thời là ấn và giữ nút ENGINE START/STOP trong 15 giây đồng thời nhấn bàn đạp phanh. Sau đó khởi động động cơ bằng tay. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	—

Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Quay Vô Lãng*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi vô lăng được khoá. 	<ul style="list-style-type: none"> Quay vô lăng sang trái và phải và ấn nút ENGINE START/STOP. 	— — — — — — — — — —
	Đèn Báo Sang Số Đỗ*	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi bạn ấn nút ENGINE START/STOP để tắt động cơ mà không gạt cần số sang P. 	<ul style="list-style-type: none"> Gạt cần số sang P, sau đó ấn nút ENGINE START/STOP 2 lần. 	
	Đèn Báo Nhấn Phanh*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. <p>Hệ Thống Phanh Đỗ Điện</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi ấn công tắc phanh đỗ điện mà không nhấn bàn đạp phanh trong khi phanh đỗ điện hoạt động. <p>Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi ấn nút giữ phanh tự động mà không nhấn bàn đạp phanh trong khi giữ phanh tự động đang hoạt động. Nhấp nháy nếu giữ phanh tự động bị hủy tự động trong khi nó đang hoạt động. Tiếng bíp vang lên. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy trong khi lái xe - Ấn công tắc phanh đỗ điện và nhấn bàn đạp phanh. ➔ Phanh Đỗ Tr. 512 Nhấp nháy trong khi lái xe - Ấn nút giữ phanh tự động và nhấn bàn đạp phanh. ➔ Giữ Phanh Tự Động Tr. 516 Ngay lập tức nhấn bàn đạp phanh. 	

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn báo ►







Bảng Điều Khiển

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Cảnh Báo Chệch Làn Đường*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. Sáng nếu có sự cố với hệ thống cảnh báo chệch làn đường. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>*3</p>  </div> </div>
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi hệ thống cảnh báo chệch làn đường tự tắt. 	<ul style="list-style-type: none"> Vẫn sáng - Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để làm mát camera. Hệ thống kích hoạt khi nhiệt độ bên trong camera hạ thấp. <input checked="" type="checkbox"/> Camera Cảm Biến Trước* Tr. 509 	
			<ul style="list-style-type: none"> Vẫn sáng - Xung quanh camera bị bụi, bùn, v.v. bám vào. Dừng xe tại một địa điểm an toàn, dùng khăn vải mềm lau sạch. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra nếu đèn báo và thông báo sáng trở lại sau khi lau sạch xung quanh camera. <input checked="" type="checkbox"/> Camera Cảm Biến Trước* Tr. 509 	

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Châu Phi

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Cảnh Báo Chệch Làn Đường*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên khi hệ thống cảnh báo chệch làn đường tự tắt. 	<ul style="list-style-type: none"> Khi cảm biến ra-đa bị bẩn. Dừng xe tại một vị trí an toàn, dùng khăn vải mềm lau sạch. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra nếu thông báo không biến mất sau khi lau sạch nắp cảm biến. 	
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu phát hiện chệch làn đường bị huỷ kích hoạt tạm thời sau khi tháo ốc quy, sau đó lắp lại. 	<ul style="list-style-type: none"> Lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu không tắt, đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*1</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  </div> </div>
		<ul style="list-style-type: none"> Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá Giới Hạn Tải Tối Đa. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong Giới Hạn Tải Tối Đa.  Giới Hạn Tải Tr. 421 Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

* 2: Loại xe Châu Phi

Bảng Điều Khiển

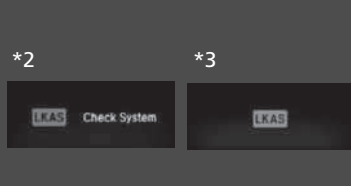
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
ACC	Đèn Báo Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) (Hỗ Phách)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*¹, sau đó tắt. Sáng lên nếu có sự cố với hệ thống ACC có LSF. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi đang lái xe - Đưa xe đến đại lý kiểm tra. 	
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu hệ thống ACC có LSF bị ngừng kích hoạt tạm thời sau khi tháo ốc quy, sau đó lắp lại. Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá Giới Hạn Tải Tối Đa. ACC có LSF bị hủy tự động. 	<ul style="list-style-type: none"> Lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu không tắt, đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong Giới Hạn Tải Tối Đa. ☞ Giới Hạn Tải Tr. 421 Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	
ACC	Đèn Báo Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) (Xanh Lục)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bạn ấn nút MAIN. 	<ul style="list-style-type: none"> ☞ Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481 	—

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Châu Phi

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
LKAS	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Hỗ Phách)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. Sáng nếu hệ thống LKAS có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	
LKAS	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Xanh Lục)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi bạn ấn nút MAIN. 	<p>☑ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 496</p>	—






Bảng Điều Khiển

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Châu Phi







* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)	<ul style="list-style-type: none"> Sáng lên trong vài giây khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, sau đó tắt. Sáng khi bạn hủy kích hoạt CMBS. Thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái xuất hiện trong 5 giây. Sáng nếu CMBS có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục trong khi không tắt CMBS - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ☒ Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) Tr. 470 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>*3</p>  </div> </div>
		<ul style="list-style-type: none"> Sáng nếu CMBS bị ngừng kích hoạt tạm thời sau khi tháo ốc quy, sau đó lắp lại. 	<ul style="list-style-type: none"> Lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu không tắt, đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  </div> <div style="text-align: center;"> <p>*3</p>  </div> </div>

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Châu Phi

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)*	<ul style="list-style-type: none"> Sáng khi hệ thống CMBS tự tắt. 	<ul style="list-style-type: none"> Vẫn sáng - Xung quanh camera bị bụi, bùn, v.v. bám vào. Dừng xe tại vị trí an toàn, dùng khăn vải mềm lau sạch.  Camera Cảm Biến Trước* Tr. 509 	
			<ul style="list-style-type: none"> Khi cảm biến ra-đa dính bẩn, dừng xe ở nơi an toàn, dùng khăn lau sạch. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra nếu đèn báo vẫn không tắt ngay cả khi bạn đã vệ sinh nắp cảm biến. 	
			<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục sáng - Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để giảm nhiệt độ của camera. Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ camera giảm xuống.  Camera Cảm Biến Trước* Tr. 509 	

Bảng Điều Khiển

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe


►► Đèn Báo ►

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải	Thông Báo*
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)*	<ul style="list-style-type: none"> Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá Giới Hạn Tải Tối Đa. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong Giới Hạn Tải Tối Đa. ► Giới Hạn Tải Tr. 421 Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. 	—





Bảng Điều Khiển

Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Hiển Thị Thông Tin*

Các thông báo sau chỉ xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin.

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi có sự cố với cảm biến trên ắc quy. 	<ul style="list-style-type: none"> Sáng liên tục - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.


Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

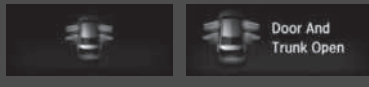



Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn đóng cửa với chế độ nguồn ở BẬT và không có chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe. 	<ul style="list-style-type: none"> Thông báo biến mất nếu bạn mang chìa khóa điều khiển từ xa trở lại xe và đóng cửa.  BỘ NHẮC CHÌA KHÓA ĐIỀU KHIỂN TỪ XA Tr. 206
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu. 	<ul style="list-style-type: none"> Thay pin càng sớm càng tốt.  CHÌA KHÓA ĐIỀU KHIỂN TỪ XA* Tr. 607

Bảng Điều Khiển

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái*




Thông báo sau xuất hiện chỉ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Ấn nút  (hiển thị/thông tin) để xem lại thông báo với đèn báo thông báo hệ thống sáng.

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1, *2 *3</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu bất kỳ cửa nào hoặc nắp khoang hành lý không đóng hoàn toàn. Xuất hiện nếu bất kỳ cửa nào hoặc nắp khoang hành lý mở trong khi đang lái xe. Hệ thống cảnh báo sẽ phát ra tiếng bíp. 	<ul style="list-style-type: none"> Tắt khi tắt cả các cửa và nắp khoang hành lý đóng.
<p>Loại xe có hệ thống cảm biến đỗ</p> <p>*1 *3</p>  <p>*2</p>  <p>Loại xe có hệ thống camera quan sát sau</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu có sự cố với hệ thống cảm biến đỗ. Nếu có sự cố với bất kỳ cảm biến nào, tất cả (các) đèn báo cảm biến sẽ sáng màu đỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra khu vực xung quanh (các) cảm biến có bị bùn, băng, tuyết, v.v. phủ lên không. Nếu (các) đèn báo vẫn sáng hoặc tiếng bíp không dừng lại ngay cả khi bạn đã làm sạch khu vực đó, đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Châu Phi


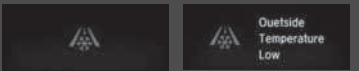

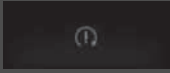
* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>Loại xe có hệ thống cảm biến đỗ</p> <p>*1, *2 *3</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu có vật cản quanh cảm biến. 	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra vật cản xung quanh xe bạn để đảm bảo đủ an toàn để đỗ.
<p>*1 *3</p>  <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi có sự cố với cảm biến trên ắc quy. Xuất hiện cùng với đèn báo hệ thống nạp điện khi ắc quy không nạp được. 	<ul style="list-style-type: none"> Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ► Kiểm Tra Ắc Quy Tr. 602 Tắt hệ thống điều khiển khí hậu và bộ sấy kính sau để giảm lượng tiêu thụ điện năng. ► Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng Tr. 639

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*2, *4 *3</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi nhiệt độ nước làm mát động cơ tăng cao bất thường. 	<p>► Quá Nhiệt Tr. 636</p>
<p>*2, *3 *4</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện mỗi khi nhiệt độ bên ngoài thấp hơn 3°C khi khoá điện ở BẬT II^{*1}. 	<ul style="list-style-type: none"> Có khả năng mặt đường bị đóng băng và trơn trượt.
<p>*2 *4</p>  <p>*3</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi có sự cố với hệ thống khởi động. 	<ul style="list-style-type: none"> Tạm thời ấn và giữ nút ENGINE START/STOP 15 giây trong khi nhấn bàn đạp phanh. Sau đó khởi động động cơ bằng tay. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 3: Loại xe Châu Phi

* 4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*2</p> <p>To Unlock Wheel: Push + Turn</p> <p>*4</p> <p>To Unlock Wheel: Push + Rotate</p> <p>*3</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi vô lăng được khóa. 	<ul style="list-style-type: none"> Quay vô lăng sang trái và phải trong khi ấn nút ENGINE START/STOP.
<p>*2</p> <p>Fasten Seat Belt</p> <p>*4</p> <p>Fasten Seat Belt</p> <p>*3</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn xoay khóa điện đến BẬT *1 mà không thắt dây đai an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> Thắt đúng dây đai an toàn trước khi bắt đầu lái xe.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

*4: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

►►Đèn Báo►Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái*

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1, *3 *2</p>  	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi nhiệt độ của hộp số bắt đầu quá nóng. Công suất của xe có thể bị giảm. 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm tốc độ và để hệ thống nguội xuống cho đến khi thông báo mất đi.
<p>*1 *2</p> <p>Loại hộp số vô cấp</p>  <p>Loại hộp số thường</p>  <p>*3</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu giữ phanh tự động bị hủy tự động trong khi đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập tức nhấn phanh đỗ.
<p>*1 *3</p>  <p>*2</p>  <p>Brake Hold System OFF</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi hệ thống giữ phanh tự động tắt. 	<p>➡ Giữ Phanh Tự Động Tr. 516</p>

Bảng Điều Khiển

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

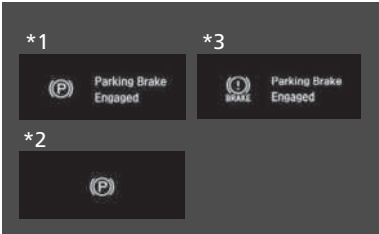
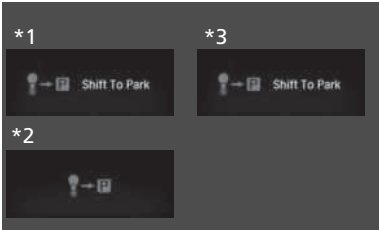
Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1</p>  <p>To Enable Brake Hold: Seat Belt + Push</p> <p>*3</p>  <p>To Enable Brake Hold: Seat Belt + Push</p> <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút giữ phanh tự động mà người lái không thắt dây đai an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> Thắt dây đai an toàn của người lái.  Giữ Phanh Tự Động Tr. 516
<p>*1</p> <p>Loại hộp số vô cấp</p>  <p>To Disable Brake Hold: Brake + Push</p> <p>Loại hộp số thường</p>  <p>To Disable Brake Hold: Brake + Push</p> <p>*2</p>  <p>*3</p>  <p>To Disable Brake Hold: Brake + Push</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút giữ phanh tự động mà không nhấn bàn đạp phanh trong khi giữ phanh tự động đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Ấn nút giữ phanh tự động và nhấn bàn đạp phanh.  Giữ Phanh Tự Động Tr. 516

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*2: Loại xe Châu Phi

*3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

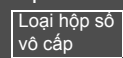

Bảng Điều Khiển

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi phanh đỗ được nhấn tự động trong khi nó đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Giữ Phanh Tự Động Tr. 516 Phanh Đỗ Tr. 512
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn ấn nút ENGINE START/STOP để tắt động cơ mà không gạt cần số sang P. 	<ul style="list-style-type: none"> Gạt cần số sang P, sau đó ấn nút ENGINE START/STOP 2 lần.

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Châu Phi


* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>*1</p>  <p>Loại hộp số vô cấp</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>*2</p>  <p>Loại hộp số thường</p> </div> </div> <p>To Release Parking Brake: Brake + Push</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn công tắc phanh đỗ điện mà không nhấn bàn đạp phanh trong khi phanh đỗ điện đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi lái xe - Ấn công tắc phanh đỗ điện trong khi nhấn bàn đạp phanh. <ul style="list-style-type: none"> ► Phanh Đỗ Tr. 512


* 1:Ngoại trừ loại xe Châu Phi

* 2:Loại xe Châu Phi

Loại xe Australia và New Zealand

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bất kỳ dây đai an toàn sau được khóa hoặc không được khóa, cửa sau mở hoặc đóng. 	<ul style="list-style-type: none"> ► Bộ Nhắc Thắc Dây Đai An Toàn Tr. 45







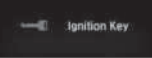

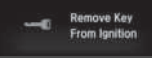
Loại xe có cảnh báo tốc độ

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi tốc độ xe đạt tốc độ cài đặt. Bạn có thể cài đặt hai tốc độ khác nhau để cảnh báo. 	<ul style="list-style-type: none"> ► Cảnh Báo Tốc Độ* Tr. 167

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Bảng Điều Khiển

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1  Return IGN Switch To (0) Position</p> <p>*2 </p> <p>*3  Return Ignition Switch To Lock (0) Position</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn mở cửa phía người lái trong khi khóa điện ở PHỤ KIỆN I. 	<ul style="list-style-type: none"> Xoay khóa điện đến KHÓA 0, sau đó rút chìa khoá ra.
<p>*1  Accessory (1) Position</p> <p>*2 </p> <p>*3  Accessory (1) Position</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi khóa điện được xoay từ BẬT II đến PHỤ KIỆN I. (Cửa phía người lái đóng.) 	<p>—</p>
<p>*1  Ignition Key</p> <p>*2 </p> <p>*3  Remove Key From Ignition</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn mở cửa phía người lái khi khóa điện ở KHÓA 0. 	<ul style="list-style-type: none"> Rút chìa khoá ra khỏi ổ khoá điện.

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1</p>  <p>*3</p>   <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện ngay khi phát hiện có sự cố trong hệ thống truy cập từ xa hoặc hệ thống khởi động từ xa. 	<ul style="list-style-type: none"> Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
<p>*1</p>  <p>*3</p>   <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn đóng cửa với nguồn điện đang bật và không có chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe. 	<ul style="list-style-type: none"> Thông báo biến mất khi bạn mang chìa khóa điều khiển từ xa trở lại xe và đóng cửa. <ul style="list-style-type: none"> ► Bộ Nhắc Điều Khiển Mờ Cửa Từ Xa Tr. 206
<p>*1</p>  <p>*3</p>   <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu. 	<ul style="list-style-type: none"> Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa càng sớm càng tốt. <ul style="list-style-type: none"> ► Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa* Tr. 607

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Châu Phi












* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

hàng Điều Khiển

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. 	<p>➡ Khởi Động Động Cơ Tr. 431</p>
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu bạn ấn nút ENGINE START/STOP trong khi xe đang di chuyển. 	<p>➡ Dừng Động Cơ Khẩn Cấp Tr. 629</p>

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam
 * 2: Loại xe Châu Phi
 * 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1</p>  <p>*3</p>  <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN. 	<p>—</p>
<p>*1</p>  <p>*3</p>  <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện sau khi cửa phía người lái mở khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN. 	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi chế độ nguồn sang TẮT MÁY.  Nút ENGINE START/STOP* Tr. 204
<p>*1</p>  <p>*3</p>  <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu và không thể khởi động động cơ hoặc chìa khóa không nằm trong phạm vi hoạt động để khởi động động cơ. Tiếng bíp vang lên sáu lần. 	<ul style="list-style-type: none"> Đề chìa khóa điều khiển từ xa ở phía trước nút ENGINE START/STOP để kích hoạt nó.  Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu Tr. 628










* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Châu Phi.

* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam





* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại có CMBS

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ACC có LSF bị hủy tự động. 	<ul style="list-style-type: none"> Bạn có thể khôi phục lại tốc độ đã cài đặt sau khi điều kiện làm cho ACC có LSF bị hủy được cải thiện. Ấn nút RES/+. ► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481
*1  *2 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước quá gần trong khi ACC có LSF đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> ACC có LSF bị hủy tự động. ► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481
*1  *2 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút -/SET trong khi khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước quá gần. 	<ul style="list-style-type: none"> Không thể cài đặt ACC có LSF. ► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481
*1  *2 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút -/SET trong khi dây đai an toàn của người lái không được thắt. 	<ul style="list-style-type: none"> Không thể cài đặt ACC có LSF. ► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481
*1  *2 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi xe phía trước xe bạn bắt đầu di chuyển trong khi xe của bạn tự động dừng lại bởi ACC có LSF. 	<ul style="list-style-type: none"> Ấn nút RES/+ hoặc -/SET hoặc nhấn bàn đạp ga. ► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481




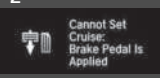





* 1: Loại xe Châu Phi

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1  *2  Cannot Set Cruise: Shift To Drive</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút –/SET trong khi cần số ở vị trí bất kỳ trừ D hoặc S. 	<ul style="list-style-type: none"> Không thể cài đặt ACC có LSF. <ul style="list-style-type: none"> ► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481
<p>*1  *2  Cruise Cancelled: Slope Too Steep</p> <p>  Cruise Cancelled: Slope Too Steep</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi xe dừng trên dốc có độ dốc lớn trong khi ACC có LSF đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> ACC có LSF bị hủy tự động. <ul style="list-style-type: none"> ► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481
<p>*1  *2  Cannot Set Cruise: Slope Too Steep</p> <p>  Cannot Set Cruise: Slope Too Steep</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút –/SET trong khi xe dừng trên dốc có độ dốc lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> Không thể cài đặt ACC có LSF. <ul style="list-style-type: none"> ► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481
<p>*1  *2  Cruise Cancelled: Parking Brake Was Applied</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi phanh đỗ nhấn tự động trong khi ACC có LSF đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> ACC có LSF bị hủy tự động. <ul style="list-style-type: none"> ► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481 ► Phanh Đỗ Tr. 512




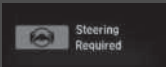
* 1: Loại xe Châu Phi

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1  *2 </p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút -/SET trong khi nhấn phanh đỗ. 	<ul style="list-style-type: none"> Không thể cài đặt ACC có LSF. <ul style="list-style-type: none"> ☑ Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481 ☑ Phanh Đỗ Tr. 512
<p>*1  *2 </p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi ấn nút -/SET trong khi xe đang di chuyển và nhấn bàn đạp. 	<ul style="list-style-type: none"> Không thể cài đặt ACC có LSF. <ul style="list-style-type: none"> ☑ Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481
<p>*1  *2 </p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu ACC có LSF bị hủy trong khi xe của bạn dừng tự động bởi ACC có LSF. 	<ul style="list-style-type: none"> Ngay lập tức nhấn bàn đạp phanh.
	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi hệ thống cảm nhận được khả năng có thể xảy ra va chạm với một xe ở phía trước. 	<ul style="list-style-type: none"> Thao tác phù hợp để ngăn va chạm (nhấn phanh, chuyển làn, v.v.) <ul style="list-style-type: none"> ☑ Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481 ☑ Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) Tr. 470
<p>*1  *2 </p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu VSA hay chức năng điều khiển lực kéo hoạt động khi ACC đang hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> ACC bị hủy tự động. <ul style="list-style-type: none"> ☑ Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481

* 1: Loại xe Châu Phi

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi





Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1</p>  <p>*2</p> 	<p>Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi xe của bạn đi khỏi làn đường đã phát hiện. Vô lăng rung mạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> Giữ xe trong làn đường bạn đang đi. <ul style="list-style-type: none"> ► Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 496
	<p>Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi xe của bạn đi khỏi làn đường đã phát hiện. <ul style="list-style-type: none"> Khi bạn lựa chọn Warning Only (Chỉ Cảnh Báo) <ul style="list-style-type: none"> - Vô lăng rung mạnh khi xe đi ra khỏi làn đã phát hiện. Khi bạn chọn Normal (Bình Thường), Delayed (Trì Hoãn) hoặc Early^{*3} (Sớm) <ul style="list-style-type: none"> - Vô lăng rung mạnh khi xe đi ra khỏi làn đã phát hiện. Hệ thống cũng điều khiển xe để giúp bạn ở trong làn đường đang đi. 	<ul style="list-style-type: none"> Giữ xe trong làn đường bạn đang đi. <ul style="list-style-type: none"> ► Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 504 Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt hệ thống cảnh báo chệch làn đường. Có thể chọn Normal (Bình Thường), Delay (Trì Hoãn) và Warning only (Chỉ Cảnh Báo) và Early^{*3} (Sớm). <ul style="list-style-type: none"> ► Tính Năng Tùy Chọn Tr.346
<p>*1</p>  <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấp nháy khi bạn không lái được xe. Đồng thời tiếng bip sẽ vang lên. 	<ul style="list-style-type: none"> Vận hành vô lăng để khôi phục LKAS.


* 1: Loại xe Châu Phi

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

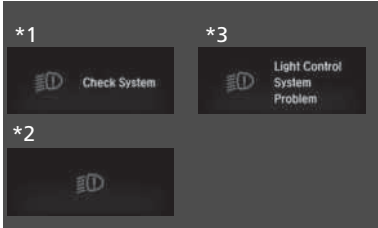
* 3: Loại xe Australia và New Zealand

Bảng Điều Khiển

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<p>Loại xe Australia và New Zealand</p> <ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi xe của bạn đi khỏi làn đường đã phát hiện. Vô lăng rung mạnh. Hệ thống cũng điều khiển xe để giúp bạn ở trong làn đường đang đi. 	—
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu LKAS đang hoạt động hoặc ấn nút LKAS, nhưng hệ thống liên quan đến LKAS có sự cố. LKAS bị hủy tự động. Đồng thời tiếng bíp vang lên nếu chọn tùy chọn. 	<ul style="list-style-type: none"> Nếu đèn báo các hệ thống khác như VSA, ABS và hệ thống phanh sáng, hãy thao tác phù hợp. <p>► Đèn Báo Tr. 104</p>
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu có bất kỳ vật gì che nắp cảm biến ra-đa và ngăn cản cảm biến ra-đa phát hiện xe phía trước. Có thể xuất hiện khi lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.) 	<ul style="list-style-type: none"> Khi cảm biến ra-đa dính bẩn, dừng xe ở nơi an toàn, dùng khăn lau sạch. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra nếu thông báo vẫn xuất hiện sau khi bạn vệ sinh nắp cảm biến. <p>► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) Tr. 481</p> <p>► Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 504</p> <p>► Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) Tr. 470</p>
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu nhiệt độ bên trong camera cảm biến trước quá cao và một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để giảm nhiệt độ camera. Biến mất - Camera đã được làm mát và hệ thống hoạt động bình thường. <p>► Camera Cảm Biến Trước Tr. 509</p>

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none">• Xuất hiện nếu khu vực xung quanh camera cảm biến trước dính bẩn, bùn, v.v và ngăn cản cảm biến phát hiện xe phía trước.• Có thể xuất hiện khi lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.)	<ul style="list-style-type: none">• Khi cửa kính trước bị bẩn, dừng xe ở nơi an toàn và dùng khăn lau sạch.• Đưa xe đến đại lý để kiểm tra nếu thông báo vẫn xuất hiện sau khi bạn vệ sinh khu vực xung quanh camera. 📺 Camera Cảm Biến Trước Tr. 509

Loại xe có hệ thống điều khiển đèn

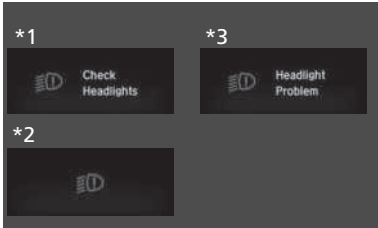
Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu có sự cố với hệ thống điều khiển đèn. 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi lái xe - Bật đèn bằng tay và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Loại xe có đèn chiếu sáng LED


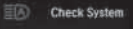
Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu có sự cố với đèn chiếu sáng. 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi lái xe - Đèn chiếu sáng có thể không sáng. Khi đảm bảo các điều kiện cho phép bạn lái xe an toàn, hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra sớm nhất có thể.

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam





Loại xe có hệ thống chiếu xa tự động

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1 </p> <p>*2 </p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu hệ thống chiếu xa tự động có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Bật tắt công tắc đèn chiếu sáng bằng tay. Khi bạn đang lái xe mà các đèn chiếu xa xảy ra sự cố này, các đèn chiếu sáng sẽ chuyển sang chiếu gần.

* 1: Loại xe Châu Phi

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Loại xe có bộ khởi động động cơ từ xa

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1 </p> <p>*2 </p> <p>*3 </p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi bạn mở khóa và mở cửa phía người lái trong khi động cơ đang chạy bằng khởi động động cơ từ xa. 	<p> Khởi Động Động Cơ Từ Xa* Tr. 433</p>

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam


* 2: Loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảng Điều Khiển




Loại xe có hệ thống giám sát dầu

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1  *3 </p> <p>*2 </p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi sắp đến lịch bảo dưỡng. 	<ul style="list-style-type: none"> Khuyến cáo thay dầu sớm.
<p>*1  *3 </p> <p>*2 </p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi đến lịch bảo dưỡng. 	<ul style="list-style-type: none"> Thay dầu động cơ.  Hệ Thống Giám Sát Dầu* Tr. 543
<p>*1  *3 </p> <p>*2 </p>	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi quá hạn lịch bảo dưỡng. 	<ul style="list-style-type: none"> Thay dầu động cơ ngay.  Hệ Thống Giám Sát Dầu* Tr. 543

*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*2: Loại xe Châu Phi

*3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam



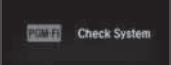
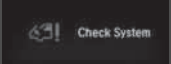
Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
<p>*1</p>  <p>*3</p>  <p>*2</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện nếu hệ thống giám sát dầu có sự cố. 	<ul style="list-style-type: none"> Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*2: Loại xe Châu Phi

*3: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

Thông Báo	Điều Kiện	Diễn Giải
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện chữ màu trắng nếu bàn đạp ly hợp không được nhấn hết cỡ khi bạn khởi động động cơ. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhấn bàn đạp ly hợp.
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi có nước tích tụ trong hệ thống nhiên liệu. Xuất hiện nếu bạn đỗ xe lâu. 	<ul style="list-style-type: none"> Đưa xe đến đại lý để xả hết nước trong hệ thống càng nhanh càng tốt. Vì nước tích tụ lâu có thể làm hỏng hệ thống nhiên liệu.
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện trong quá trình lái nếu hệ thống điều khiển động cơ có sự cố. Xuất hiện nếu bạn không sử dụng nhiên liệu phù hợp với điều kiện thời tiết và điều kiện từng vùng miền. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nếu Biểu Tượng PGM-FI Xuất Hiện Tr. 645 Sử dụng loại nhiên liệu không phù hợp có thể làm giảm hiệu suất động cơ. ➤ Nhiên liệu khuyên dùng Tr. 532
	<ul style="list-style-type: none"> Xuất hiện khi có sự cố với hệ thống bật nắp ca-pô. 	<ul style="list-style-type: none"> Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng nhanh sớm càng tốt. ➤ Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô* Tr. 68

Bảng Điều Khiển

Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị

Đồng Hồ Đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo tốc độ động cơ, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan. Nó hiển thị khi khóa điện ở BẬT [II]*1.

■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe

Hiển thị tốc độ chạy xe bằng km/h.

■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ vòng/phút.

■ Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn trong bình chứa nhiên liệu.

■ Đồng Hồ Đo Nhiệt Độ

Hiển thị nhiệt độ nước làm mát động cơ.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

» Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng đến [0] hoặc [E].

Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, hư hỏng bộ trung hòa khi xả.

Lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

» Đồng Hồ Đo Nhiệt Độ

CHÚ Ý


Lái xe khi kim chỉ đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát cao bất thường có thể làm cho động cơ bị hư hỏng nghiêm trọng. Lái xe vào lề đường và để nhiệt độ động cơ trở lại mức bình thường.

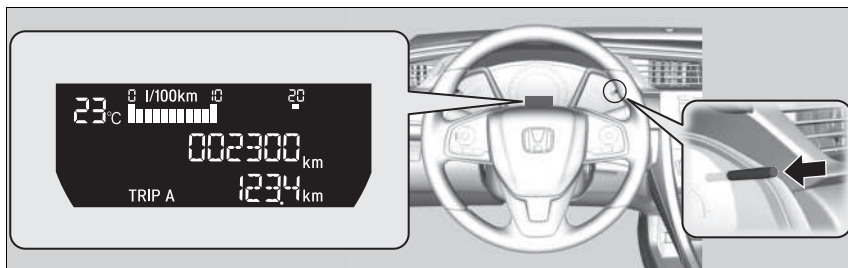
☛ **Quá Nhiệt** Tr. 636

Màn Hình Hiển Thị Thông Tin*

Màn hình hiển thị thông tin hiển thị đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình, tuổi thọ dầu động cơ và các đồng hồ đo khác.

Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị


Ấn nút  (HÀNH TRÌNH) để thay đổi màn hình hiển thị.



Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được.

Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Mỗi lần bạn ấn nút , màn hình hiển thị thông tin thay đổi như sau:

Tiết Kiệm Nhiên Liệu Tức Thời, Đồng Hồ Đo Quãng Đường, Đồng Hồ Đo Hành Trình A, Nhiệt Độ Bên Ngoài



Tiết Kiệm Nhiên Liệu Tức Thời, Khoảng Cách, Đồng Hồ Đo Hành Trình A, Nhiệt Độ Bên Ngoài



Tiết Kiệm Nhiên Liệu Tức Thời, Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình A, Đồng Hồ Đo Hành Trình A, Nhiệt Độ Bên Ngoài



Tiết Kiệm Nhiên Liệu Tức Thời, Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình B, Đồng Hồ Đo Hành Trình B, Nhiệt Độ Bên Ngoài




Tuổi Thọ Dầu Động Cơ*

■ Đồng Hồ Đo Hành Trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đi được kể từ lần cài đặt trước. Đồng hồ A và B có thể được sử dụng để đo hai hành trình riêng biệt.

■ Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, hiển thị nó, sau đó ấn và giữ nút . Đồng hồ đo được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Lượng Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Cho biết mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình bằng l/100 km hoặc km/l. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại thì đồng hồ tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Đồng Hồ Đo Lượng Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời

Chỉ lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột l/100 km hoặc km/l.

■ Tuổi Thọ Dầu Động Cơ*

Chỉ tuổi thọ dầu còn sử dụng được.

■ Hệ thống Giám sát Dầu* Tr. 543

■ Khoảng Cách

Cho biết khoảng cách ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Khoảng cách này được dự tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu của các hành trình trước.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Nhiệt Độ Bên Ngoài



Hiển thị nhiệt độ bên ngoài bằng đơn vị độ C.

Nếu nhiệt độ bên ngoài dưới 3°C tại thời điểm bạn xoay khóa điện đến BẬT

II^{*1}, đèn báo nhiệt độ bên ngoài nhấp nháy khoảng 10 giây.

■ Điều chỉnh chỉ báo hiển thị nhiệt độ bên ngoài

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống $\pm 3^{\circ}\text{C}$ nếu nhiệt độ không chính xác.

1. Xoay khoá điện đến BẬT II^{*1}.
2. Ấn và giữ nút  (**HÀNH TRÌNH**) trong khoảng 10 giây hoặc hơn trong khi màn hình thông tin hiển thị nhiệt độ bên ngoài.
 - Màn hình thông tin chuyển sang chế độ điều chỉnh nhiệt độ. Màn hình bắt đầu hiển thị nhiệt độ từ -3°C đến $+3^{\circ}\text{C}$.
3. Nhả nút  khi hiển thị số lượng điều chỉnh đúng.
 - Hoàn thành việc điều chỉnh.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

► Nhiệt Độ Bên Ngoài

Cảm biến nhiệt độ nằm ở tầm cân trước. Nhiệt độ từ mặt đường và khí xả của xe có thể làm ảnh hưởng tới nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h.




Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi nhiệt độ đã ổn định.

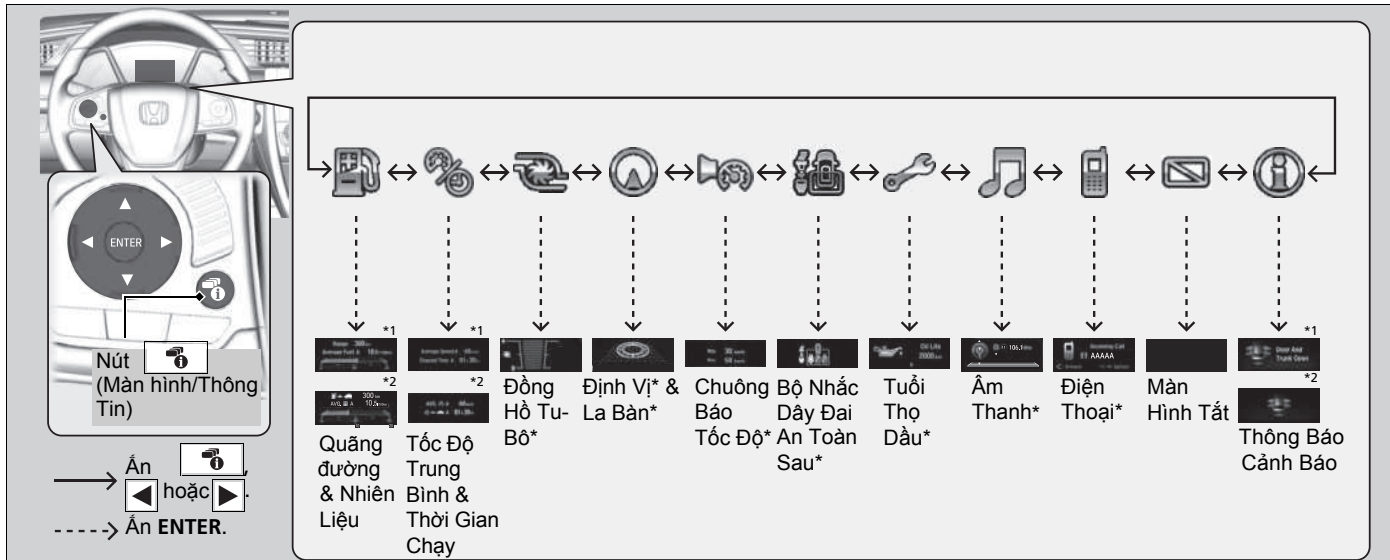
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái*

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình, đèn báo nhiệt độ bên ngoài, và các đồng hồ đo khác. Nó cũng hiển thị các thông báo quan trọng như các cảnh báo và các thông tin hữu ích khác.


■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

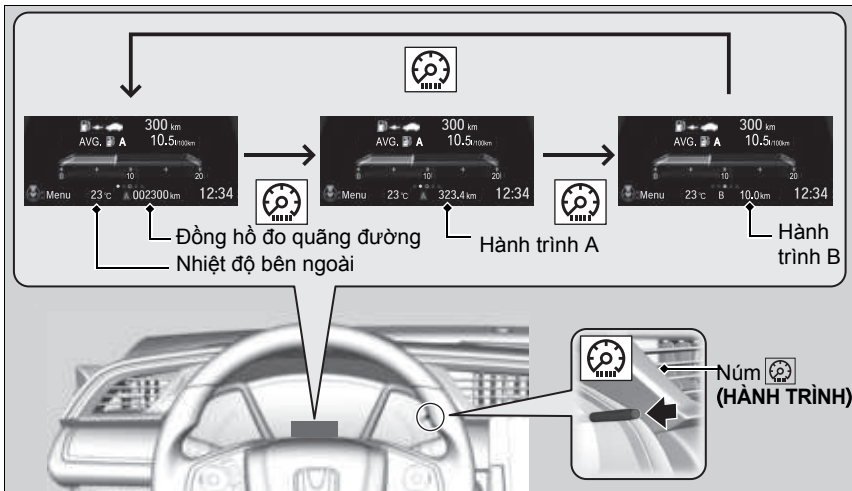
■ Màn hình hiển thị chính

Ấn nút  (màn hình/thông tin), và sau đó ấn  hoặc  để thay đổi màn hình hiển thị. Ấn **ENTER** để xem thông tin chi tiết.



■ Máy tính hành trình

Ấn nút  (**HÀNH TRÌNH**) để thay đổi màn hình hiển thị.




■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiện thị tổng số km xe bạn đi được.


■ Đồng Hồ Đo Hành Trình

Hiện thị tổng số km xe bạn đi được kể từ lần cài đặt trước. Đồng hồ A và B có thể được sử dụng để đo hai hành trình riêng biệt.

►► Đồng Hồ Đo Hành Trình

Chuyển đổi giữa đồng hồ hành trình A và B bằng cách ấn nút .

■ Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để đặt lại đồng hồ hành trình, hiển thị nó, ấn và giữ nút . Đồng hồ đo được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu được ước tính cho mỗi hành trình bằng l/100 km hoặc km/l. Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi đồng hồ đo hành trình cài đặt lại thì đồng hồ tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Khoảng Cách

Cho biết khoảng cách ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Khoảng cách này được dự tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu của các hành trình trước.

■ Thời Gian Chạy

Cho biết thời gian chạy kể từ hành trình A hoặc B trước đã được cài đặt lại.

■ Tốc Độ Trung Bình

Cho biết tốc độ trung bình bằng km/h kể từ hành trình A hoặc B trước đã được cài đặt lại.

■ Đồng Hồ Đo Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời

Chỉ lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột l/100 km hoặc km/l.

■ Tuổi Thọ Dầu Động Cơ*

Hiển thị tuổi thọ dầu còn sử dụng được.

► **Hệ Thống Giám Sát Dầu*** Tr. 543

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

► Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

► Thời Gian Chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian chạy.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

► Tốc Độ Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ chạy.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

■ Bộ Nhắc Dây Đai An Toàn Sau*

Xuất hiện khi bất kỳ dây đai an toàn sau nào được chốt hoặc không chốt.

■ Nhiệt Độ Bên Ngoài

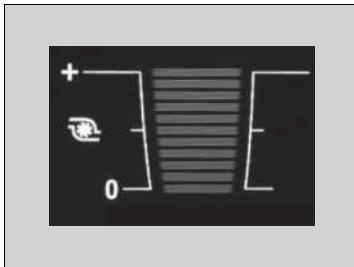
Hiển thị nhiệt độ bên ngoài bằng đơn vị độ C.

Nếu nhiệt độ bên ngoài dưới 3°C tại thời điểm bạn xoay khóa điện đến BẬT II^{*1}, đèn báo nhiệt độ bên ngoài nhấp nháy khoảng 10 giây.

■ Điều chỉnh chỉ báo hiển thị nhiệt độ bên ngoài

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống $\pm 3^{\circ}\text{C}$ nếu nhiệt độ không chính xác.

■ Đồng Hồ Tu-Bô*



Khi bộ nạp tu-bô được kích hoạt, đồng hồ này chỉ báo áp suất tăng áp.

» Nhiệt Độ Bên Ngoài

Cảm biến nhiệt độ nằm ở tám căn trước. Nhiệt độ từ mặt đường và khí xả của xe có thể làm ảnh hưởng tới số đo nhiệt độ khi tốc độ xe thấp hơn 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi nhiệt độ đã ổn định.

Sử dụng các tính năng tùy chọn của màn hình âm thanh/thông tin để hiệu chỉnh nhiệt độ.

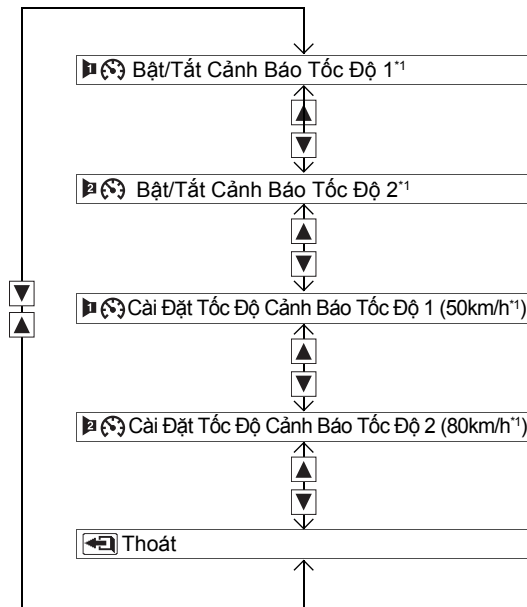
► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346**

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Cảnh Báo Tốc Độ*

Cài đặt cảnh báo tốc độ và thay đổi cài đặt cảnh báo tốc độ.

Mỗi khi bạn ấn nút ▲/▼, cài đặt cảnh báo tốc độ thay đổi như sau:



* 1: Cài đặt Mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Dẫn Hướng Chi Tiết*

Chỉ ra cho bạn các hướng lái xe chi tiết để tới điểm đến được kết nối với hệ thống định vị.

► Tham Khảo Tài Liệu Hệ Thống Định Vị

■ Âm Thanh*

Hiện thị thông tin âm thanh đang phát.

► Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh Tr. 283

■ Điện Thoại*

Hiện thị thông tin điện thoại đang bật.

► Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay Tr. 398

»» Dẫn Hướng Chi Tiết*

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị la bàn khi hệ thống dẫn đường không được sử dụng.

Bạn có thể chọn cả màn hình dẫn hướng chi tiết bật và hệ thống dẫn đường.

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346

Điều Khiển

Chương này mô tả cách điều khiển các vận hành khác nhau cần thiết khi lái xe.

Đồng Hồ	170	Mở và Đóng Cửa Kính	198	Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính.....	217
Khoá và Mở Khoá Cửa		Cửa Sổ Trời	201	Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa	220
Loại Chia Khoá và Chức Năng	172	Vận Hành Các Công Tắc Quanh Vô lăng		Điều Khiển Chiếu Sáng	221
Tín Hiệu Chia Khoá Điều Khiển Từ		Khoá Điện	203	Điều Chỉnh Vô-Lăng	222
Xa Yếu	174	Nút ENGINE START/STOP	204	Điều Chỉnh Gương	
Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Ngoài.....	175	So Sánh Khoá Điện và Chế Độ Nguồn..	207	Gương Chiếu Hậu Trong Xe	223
Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Trong.....	183	Xi Nhan	208	Gương Cửa Điện	224
Khoá Phòng Ngừa Trẻ Em	184	Công Tắc Đèn	209	Điều Chỉnh Ghế Ngồi	226
Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động		Đèn Sương Mù	212	Đèn Bên Trong/Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong	
Tuỳ Chọn Cài Đặt Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động	185	Đèn Ban Ngày.....	212	Đèn Trong Xe	235
Mở và Đóng Nắp Khoang Hành Lý	192	Chiếu Xa Tự Động	213	Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong	237
Hệ Thống An Ninh		Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng	216	Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu	244
Hệ Thống Chống Nổ Máy	195				
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	196				

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

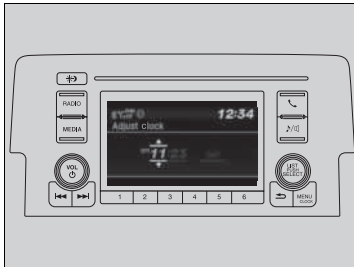
Đồng Hồ

Điều Chỉnh Đồng Hồ

Loại xe không có hệ thống định vị

Bạn có thể điều chỉnh thời gian hiện trên màn hình hiển thị đồng hồ khi khóa điện ở BẬT II*1.

Điều Chỉnh Thời Gian



Loại xe có hệ thống âm thanh màu

Sử dụng nút MENU/CLOCK

1. Ấn và giữ nút **MENU/CLOCK**.
 - ▶ Chọn **Adjust clock** (điều chỉnh đồng hồ).
2. Xoay để thay đổi giờ, sau đó ấn .
3. Xoay để thay đổi phút, sau đó ấn .
4. Để vào mục lựa chọn, xoay và chọn **Set**, sau đó ấn .

Điều Chỉnh Đồng Hồ

Loại xe có hệ thống định vị

Đồng hồ được tự động cập nhật qua hệ thống âm thanh, vì vậy không cần phải điều chỉnh giờ.

Sử dụng nút MENU/CLOCK

Loại xe có hệ thống âm thanh màu

Chỉ báo này được sử dụng để chỉ cách vận hành nút chọn.

Xoay để chọn.

Ấn để thực hiện.

Bạn có thể tùy chọn hiển thị đồng hồ để hiển thị đồng hồ 12 tiếng hoặc 24 tiếng.

▶ **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346**

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.



Loại Xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

■ Sử dụng danh mục Cài Đặt trên màn hình âm thanh/thông tin

1. Chọn **Settings**.
2. Chọn **Clock**.
3. Chọn **Clock Adjustment**.
4. Chọn ▲ hoặc ▼ để chỉnh giờ.
5. Chọn ▲ hoặc ▼ để chỉnh phút, sau đó chọn **OK**.

☒ Sử dụng danh mục Cài Đặt trên màn hình âm thanh/thông tin

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm thanh

Bạn có thể tùy chọn hiển thị đồng hồ để hiển thị 12 tiếng hoặc 24 tiếng và bật và tắt màn hình hiển thị đồng hồ.

☒ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353

Bạn cũng có thể điều chỉnh đồng hồ bằng cách chạm vào đồng hồ hiển thị bên góc phải trên cùng của màn hình hiển thị.

1. Chạm vào đồng hồ trên màn hình hiển thị trong vài giây.
2. Chọn **Clock Adjustment**.
3. Chọn ▲ hoặc ▼ để thay đổi giờ.
4. Chọn ▲ hoặc ▼ để thay đổi phút, sau đó chọn **OK**.

Bạn không thể điều chỉnh thời gian khi xe đang di chuyển.

Khoá và Mở Khóa Cửa

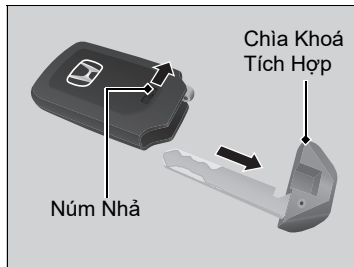
Loại Chìa Khoá và Chức Năng

Xe này có những chìa khoá sau:



Sử dụng chìa khóa để khởi động, dừng động cơ và để khóa, mở khóa các cửa, khoang hành lý và cửa nạp nhiên liệu. Bạn cũng có thể sử dụng bộ truyền tín hiệu từ xa để khóa và mở khóa tất cả các cửa, khoang hành lý và cửa nạp nhiên liệu.

Chìa Khóa Tích Hợp*



Có thể sử dụng chìa khoá tích hợp để khoá/mở khóa các cửa khi pin chìa khoá điều khiển từ xa yếu và không thể khoá/mở khóa cửa điện. Để tháo chìa khoá tích hợp, trượt núm nhả, sau đó kéo chìa khoá ra. Để lắp lại, đẩy chìa khoá tích hợp vào trong chìa khoá điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

Loại Chìa Khoá và Chức Năng

Tất cả các chìa khóa đều có một hệ thống chống nổ máy. Hệ thống chống nổ máy giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

☒ Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 195

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hư hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc đặt vật nặng lên nó.
- Để chìa khóa xa các chất lỏng, bụi bẩn hoặc cát.
- Không tháo rời các bộ phận chìa khóa ra, ngoại trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hư hỏng, động cơ có thể không khởi động được và bộ truyền tín hiệu từ xa có thể không hoạt động.

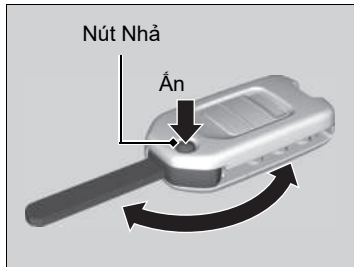
Nếu chìa khóa không hoạt động tốt, đem chìa khóa đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có bộ khởi động động cơ từ xa

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng bộ khởi động động cơ từ xa.

☒ Khởi Động Động Cơ Từ Xa* Tr. 433

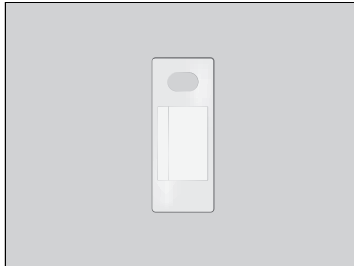
■ Chìa Khóa Có Thẻ Gập*



Chìa khóa gập vào bên trong điều khiển mở cửa từ xa.

1. Ấn nút nhả để bật chìa khóa ra khỏi điều khiển mở cửa từ xa.
 - Đảm bảo chìa khóa phải được kéo ra hoàn toàn.
2. Để gập chìa khóa, ấn nút nhả sau đó gập chìa khóa vào bên trong bộ truyền tín hiệu đến khi nghe thấy tiếng tách.

■ Nhãn Mã Số Chìa Khoá



Chứa mã số mà bạn sẽ cần nếu bạn mua một cái thay thế.

☒ Chìa Khóa Có Thẻ Gập*

Nếu chìa khóa không được kéo ra hoàn toàn, hệ thống chống nổ máy có thể không hoạt động chính xác và động cơ có thể không khởi động. Tránh tiếp xúc với chìa khóa khi chìa được kéo ra hoặc rút lại.

☒ Nhãn Mã Số Chìa Khoá

Để nhãn mã số chìa khoá tách biệt với chìa khoá tại một nơi an toàn bên ngoài xe. Nếu bạn muốn mua thêm một chìa khoá nữa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu bạn mất chìa khoá và bạn không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu*

Xe truyền tín hiệu sóng radio để định vị chìa khóa điều khiển từ xa khi khóa/mở khóa cửa và khoang hành lý, cửa nạp nhiên liệu hoặc để khởi động động cơ.

Trong các trường hợp sau, khóa/mở khóa cửa và khoang hành lý hoặc khởi động động cơ có thể bị hạn chế hoặc vận hành không ổn định:

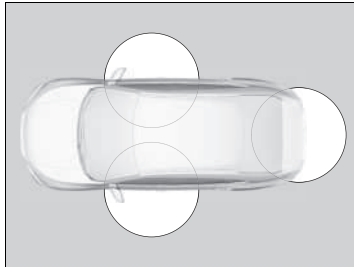
- Có một thiết bị gần đó đang phát sóng radio mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa cùng với các thiết bị như: máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa.

►►Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu*

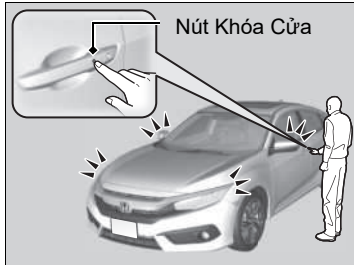
Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa. Tuổi thọ pin được khoảng hai năm, nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng. Pin tiêu thụ điện mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa nhận được sóng radio. Tránh đặt cạnh các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.

Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

■ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*



■ Khóa cửa và khoang hành lý



Khi cầm chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa, cửa nạp nhiên liệu và mở nắp khoang hành lý. Bạn có thể khóa/mở khóa cửa và cửa nạp nhiên liệu trong bán kính 80 cm tính từ tay nắm bên ngoài cửa. Bạn có thể mở nắp khoang hành lý trong bán kính 80 cm tính từ nút mở nắp khoang hành lý.

Ấn nút khóa cửa trên cửa trước.

- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy: tất cả các cửa và nắp khoang hành lý khoá lại và hệ thống an ninh được kích hoạt.

▣ Khoá/Mở Khóa Cửa Từ Bên Ngoài

Nếu công tắc đèn bên trong xe ở cửa ở vị trí kích hoạt, đèn bên trong sẽ sáng khi bạn mở khóa cửa.

Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây. Các cửa bị khóa lại bằng chìa khóa điều khiển từ xa: Đèn tắt ngay lập tức.

► Đèn Bên Trong Tr. 235

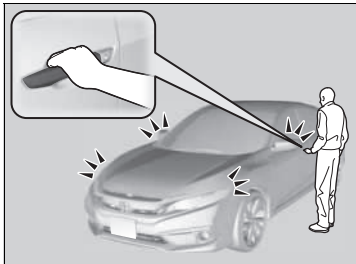
▣ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*

Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng bộ truyền tín hiệu từ xa, các cửa sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa cửa bằng hệ thống truy cập từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA).

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Mở khoá cửa và khoang hành lý



Loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh

Nắm tay nắm cửa người lái:

- ▶ Cửa người lái và cửa nạp nhiên liệu mở.
- ▶ Một số đèn bên ngoài nhấp nháy 2 lần và tiếng bíp vang lên 2 lần.

Nắm tay nắm cửa hành khách phía trước:

- ▶ Tất cả các cửa và khoang hành lý mở.
- ▶ Một số đèn bên ngoài nhấp nháy 2 lần và tiếng bíp vang lên 2 lần.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh

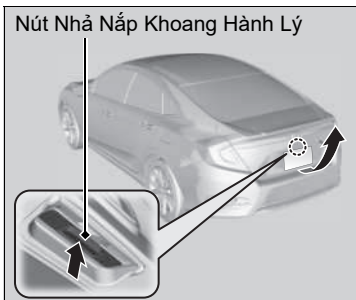
Nắm tay nắm cửa trước:

- ▶ Tất cả các cửa, khoang hành lý, cửa nạp nhiên liệu mở khóa.
- ▶ Một số đèn bên ngoài nhấp nháy 2 lần và tiếng bíp vang lên 2 lần.

Ấn nút nhả nắp khoang hành lý:

- ▶ Nắp khoang hành lý mở khóa và mở ra.
- ▶ Một số đèn bên ngoài nhấp nháy 2 lần và tiếng bíp vang lên.

☒ **Sử Dụng Nút Nhả Nắp Khoang Hành Lý*** Tr.194



Nút Nhả Nắp Khoang Hành Lý

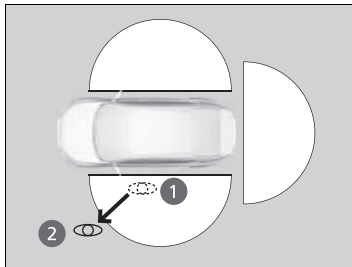
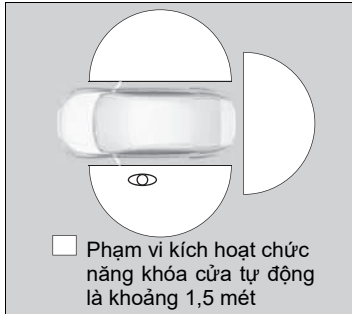
»» Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo bên mình.
- Thậm chí nếu bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khoá/mở khóa các cửa và khoang hành lý khi ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi cho phép.
- Có thể không mở được khóa cửa nếu tay nắm cửa bị dính nước khi trời mưa to hoặc khi rửa xe nếu chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm vào tay nắm cửa trước, cảm biến cửa có thể phản ứng chậm hoặc không phản ứng khi mở khóa cửa.
- Sau khi khoá cửa, chờ 2 giây, sau đó kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa khoá chưa. Nếu bạn muốn mở khóa ngay sau khi khoá cửa, phải đợi ít nhất hai giây trước khi cầm tay nắm cửa, nếu không sẽ thể mở khóa cửa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo nó ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và chắc chắn rằng cửa đã mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Thậm chí trong bán kính 80 cm, bạn không thể khoá/mở khóa cửa và khoang hành lý bằng chìa khóa điều khiển từ xa nếu để nó trên hoặc dưới tay nắm cửa bên ngoài.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu nó ở quá gần cửa hoặc cửa kính.

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để cài đặt tùy chọn các chế độ nhấp nháy, tiếng bíp và mở khóa*.

☒ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 353



■ **Khoá cửa và khoang hành lý (Khoá cửa tự động khi ra khỏi xe)**

Khi bạn ra khỏi xe và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, các cửa sẽ tự động khoá. Chức năng khoá cửa tự động sẽ hoạt động khi tắt cả các cửa đều đóng và chìa khóa điều khiển từ xa cách tay nắm cửa bên ngoài 1,5 m.

Ra khỏi xe, mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng (các) cửa.

1. Cách xe khoảng 1,5 m.
 - Tiếng bíp vang lên, chức năng khoá cửa tự động sẽ hoạt động.
2. Khi điều khiển mở cửa từ xa được mang ra ngoài xe, cách xe 1,5 m và ở ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.
 - Một số đèn bên ngoài xe nhấp nháy; tiếng bíp vang lên; sau đó tất cả các cửa sẽ được khoá.

☒ **Khoá cửa và khoang hành lý (Khoá cửa tự động khi ra khỏi xe)**

Chức năng khoá cửa tự động được cài đặt ở chế độ TẮT là cài đặt mặc định của nhà máy. Chức năng khoá cửa tự động có thể được cài đặt ở chế độ BẬT bằng cách sử dụng màn hình âm thanh/thông tin.

Nếu bạn đặt chức năng khoá cửa tự động ở chế độ BẬT bằng cách sử dụng màn hình âm thanh/thông tin, chỉ có thể sử dụng bộ truyền tín hiệu từ xa để mở khoá cửa phía người lái trước khi thay đổi cài đặt mới có thể kích hoạt khoá tự động.

☒ **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353**

Sau khi chức năng khoá cửa tự động được kích hoạt, khi bạn ở trong phạm vi vận hành khóa/mở khóa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa sẽ liên tục nhấp nháy cho tới khi các cửa khóa.

Khi bạn ở bên cạnh xe trong phạm vi vận hành, các cửa sẽ tự động khóa trong khoảng 30 giây sau khi chức năng khoá cửa tự động kích hoạt bộ phát tiếng bíp.

Khi bạn mở một cửa sau khi chức năng khoá cửa tự động kích hoạt bộ phát tiếng bíp, chức năng khoá cửa tự động sẽ bị trì hoãn cho đến khi tắt cả các cửa và khoang hành lý đóng.

Trong các trường hợp sau, chức năng khoá cửa tự động sẽ không hoạt động:

- Chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe.
- Tiếng bíp không vang lên.
- Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi phạm vi hoạt động trước khi tắt cả các cửa đóng.
- Tiếng bíp sẽ vang lên.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tạm thời hủy kích hoạt chức năng:

1. Tắt nguồn điện.
2. Mở cửa phía người lái.
3. Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:
Khóa → Mở Khóa → Khóa → Mở Khóa.
► Tiếng bíp vang lên và chức năng khóa cửa tự động bị hủy.

Để khôi phục chức năng:

- Bật nguồn điện.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa cửa tự động.
- Mang theo điều khiển mở cửa từ xa và đi ra xa khỏi phạm vi vận hành chức năng khóa tự động.
- Mở bất kỳ cửa nào.

►► Khoá cửa và khoang hành lý (Khoá cửa tự động khi ra khỏi xe*)

Chức năng khóa cửa tự động không hoạt động khi đáp ứng bất kỳ điều kiện nào sau đây:

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
- Một cửa hoặc nắp ca pô không đóng.
- Chế độ nguồn được đặt ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa cách xe 1,5 mét khi bạn ra khỏi xe và đóng các cửa.

Tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động

Sau khi chức năng khóa cửa tự động hoạt động, tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa vang lên trong khoảng hai giây trong những trường hợp sau.

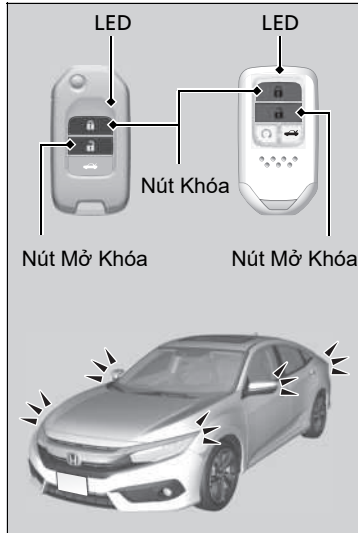
- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa vào bên trong xe qua cửa kính.
- Bạn đứng quá gần xe.
- Để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý.

Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, kiểm tra để đảm bảo bạn đang cầm chìa khóa điều khiển từ xa. Sau đó mở/đóng một cửa và xác nhận tiếng bíp báo khóa cửa tự động hoạt động vang lên.

Trong trường hợp chìa khóa điều khiển từ xa nằm ngoài phạm vi hoạt động khi bạn đóng cửa hoặc khoang hành lý, tiếng bíp vang lên để chỉ báo chức năng khóa cửa tự động bị hủy.

■ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

■ Khoá cửa và khoang hành lý



Ấn nút khoá.

- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy, tất cả các cửa và khoang hành lý được khoá và hệ thống an ninh được thiết lập.

»» Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng bộ truyền tín hiệu từ xa, các cửa sẽ tự động khóa lại.

Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ khóa lại.

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Bộ truyền tín hiệu từ xa sẽ không hoạt động khi chìa khóa ở trong ổ khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Bạn chỉ có thể khoá hoặc mở khoá cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA).

Chìa khóa điều khiển từ xa sẽ không thể khóa xe khi một cửa đang mở.

■ Mở khoá cửa và khoang hành lý

Loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh

Ấn nút mở khoá.

Một lần:

- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy 2 lần, cửa phía người lái và cửa nấp nhiên liệu mở.

Hai lần:

- Các cửa còn lại và khoang hành lý mở.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh

Ấn nút mở khoá.

- Một số đèn bên ngoài nhấp 2 lần, tất cả các cửa, khoang hành lý và nắp nấp nhiên liệu mở khoá.

» Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Nếu ở khoảng cách hoạt động của bộ truyền tín hiệu từ xa hay bị thay đổi, có thể pin bị yếu. Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, pin bị hết điện.

► **Thay Pin** Tr. 606

Loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khoá cửa.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 353

■ Khoá/Mở Khoá Cửa Bằng Chìa Khóa

Nếu nút khoá hoặc mở khoá cửa của điều khiển mở cửa từ xa không hoạt động, sử dụng chìa khoá để thay thế.



Cắm hoàn toàn chìa khoá vào ổ và xoay nó.

►► Khoá/Mở Khoá Cửa Bằng Chìa Khóa

Loại xe Mỹ La-tinh

Khi bạn khoá cửa người lái bằng chìa khoá, tất cả các cửa khác khoá cùng một lúc. Khi mở khoá, cửa người lái được mở khoá đầu tiên.

Xoay chìa lần thứ hai trong vòng vài giây để mở khoá các cửa còn lại.

Loại xe Châu Phi

Khi bạn khoá cửa phía người lái bằng chìa khoá, tất cả các cửa khác khoá cùng một lúc.

Khi mở khoá, cửa phía người lái sẽ mở khoá đầu tiên.

Xoay chìa khoá lần thứ hai trong vài giây không làm mở khoá các cửa còn lại.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh

Khi bạn khoá/mở khoá cửa người lái bằng chìa khoá, tất cả các cửa khác khoá/mở khoá cùng một lúc.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh

Mở khoá các cửa bằng chìa khoá làm cho hệ thống an ninh phát cảnh báo. Luôn mở khoá cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa.

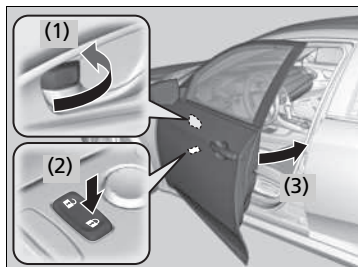
Loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh có màn hình Hiển Thị Âm Thanh

Bạn có thể tùy chọn chế độ mở khoá cửa.

➔ **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353**

■ Khoá Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa hoặc vì lý do nào đó bạn không thể mở khóa cửa bằng chìa khóa, bạn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa khóa.



■ Khoá cửa phía người lái

Đẩy tai khóa về phía trước (1) hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính theo hướng khóa (2), sau đó kéo và giữ tay nắm cửa bên ngoài (3). Đóng cửa, sau đó thả tay ra.

■ Khoá cửa phía hành khách

Đẩy tai khóa về phía trước và đóng cửa.

■ Hệ thống chống khóa cửa

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Không thể khoá các cửa và khoang hành lý khi chìa khóa điều khiển từ xa ở bên trong xe.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Không thể khoá các cửa và khoang hành lý khi chìa khóa ở trong ổ khóa điện.

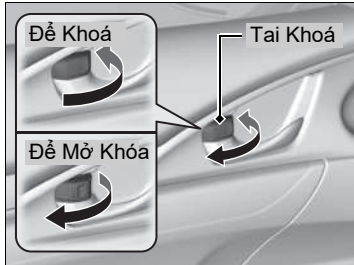
►► Khoá Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Khi bạn khoá cửa người lái, tất cả các cửa khác và khoang hành lý khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.

Khoá/Mở Khoá Cửa từ Bên Trong

Sử Dụng Tai Khoá



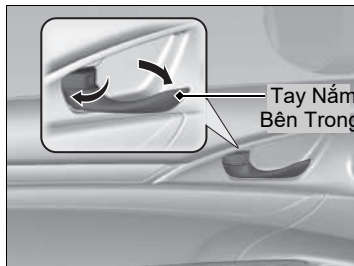
■ Khoá cửa

Đẩy tai khoá lên phía trước.

■ Mở khoá cửa

Kéo tai khoá về phía sau.

Mở Khoá Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Trước



Loại xe Châu Phi

Kéo tay nắm bên trong cửa phía người lái.

- Cửa được mở khoá và mở cùng một lúc.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Kéo tay nắm bên trong cửa phía người lái.

- Cửa được mở khoá và mở cùng một lúc.

☒ Sử Dụng Tai Khoá

Khi bạn khoá/mở khoá cửa bằng tai khoá trên cửa phía người lái, tất cả các cửa khác và nắp khoang hành lý đều khoá/mở khoá cùng lúc.

☒ Mở Khoá Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Trước

Loại xe Châu Phi

Tay nắm bên trong cửa trước được thiết kế cho phép người ngồi ghế trước mở cửa với một động tác. Tuy nhiên tính năng này yêu cầu người ngồi ghế trước không được phép kéo tay nắm bên trong cửa trước khi xe đang di chuyển.

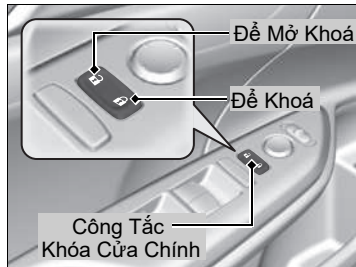
Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Tay nắm bên trong cửa người lái được thiết kế cho phép người lái mở cửa với một động tác. Tuy nhiên tính năng này yêu cầu người lái không được phép kéo tay nắm bên trong cửa trước khi xe đang di chuyển.

Trẻ em luôn phải ngồi ghế sau có khóa phòng ngừa trẻ em.

☒ **Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em Tr. 184**

■ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính



Ấn công tắc khóa cửa chính như mô tả để khoá và mở khóa tất cả các cửa và nắp khoang hành lý.

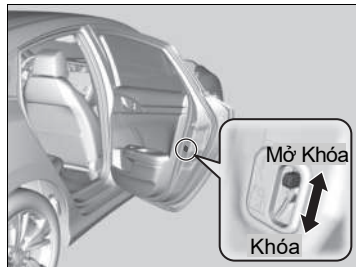
►► Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính

Khi bạn khóa/mở khóa các cửa trước bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác khóa/mở khóa cùng một lúc.

Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Khóa phòng ngừa trẻ em ngăn không cho các cửa phía sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tay khóa ở đâu.

■ Cài Đặt Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em



Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm cửa bên ngoài.

►► Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa phòng ngừa trẻ em bật, gạt tay khóa đến vị trí mở khóa, hạ kính cửa sau, đưa tay bạn ra bên ngoài cửa sổ, và kéo tay nắm cửa bên ngoài.

Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động*

Xe của bạn tự động khoá tất cả các cửa hoặc mở khoá tất cả các cửa/cửa người lái khi đáp ứng một số điều kiện nhất định.

■ Khoá Cửa Tự Động

■ Chế độ khoá khi lái xe

Tất cả các cửa khoá khi tốc độ xe đạt 15 km/h.

■ Mở Khóa Cửa Tự Động

■ Chế độ mở khoá khi đỗ xe

Loại xe Châu Phi và Mỹ La-Tinh

Cửa người lái mở khoá khi cần số ở **P** và nhấn bàn đạp phanh.

Cài đặt có thể thay đổi sang mở khoá tất cả các cửa.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi và Mỹ La-Tinh

Tất cả các cửa mở khoá khi cần số ở **P** và nhấn bàn đạp phanh.

►►Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động khác bằng cách sử dụng công tắc khoá cửa chính.

►►Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Cửa Tự Động* Tr. 186

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Loại xe Châu Phi và Đông Nam Á ngoại trừ Loại xe Brunei

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động khác bằng cách sử dụng màn hình âm thanh/ thông tin.

►►Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Bạn có thể tùy chọn cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động theo ý muốn sử dụng công tắc khóa cửa chính.

Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động

Loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh

■ Khoá cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Drive Lock Mode^{*1}(Chế Độ Khóa Khi Lái Xe^{*1})	Tất cả các cửa khóa khi tốc độ xe đạt 15 km/h.
Park Lock Mode (Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe)	Tất cả các cửa khóa khi nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số ra khỏi P .
Off (Tắt)	Khoá cửa tự động ngừng kích hoạt mọi lúc.

■ Mở khóa cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả	
Park Unlock Mode (Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe)	Driver's door unlocks^{*1} (Để mở khóa cửa phía người lái^{*1})	Tất cả các cửa và nắp khoang hành lý mở khóa khi cần số ở P và nhấn bàn đạp phanh.
	All doors and the boot unlock (Để mở khoá tất cả các cửa và nắp khoang hành lý)	Tất cả các cửa và nắp khoang hành lý mở khóa khi cần số ở P và nhấn bàn đạp phanh.
Ignition Switch Unlock Mode (Chế Độ Mở Khoá Khi Xoay Khoá Điện)	Driver's door unlocks (Để mở khóa cửa người lái)	Cửa phía người lái mở khóa khi xoay khóa điện ra khỏi vị trí BẬT II ^{*2} .
	All doors and the boot unlock (Để mở khoá tất cả các cửa và nắp khoang hành lý)	Tất cả các cửa và nắp khoang hành lý mở khóa khi xoay khóa điện ra khỏi vị trí BẬT II ^{*2} .
Off (Tắt)	Luôn tắt chế độ mở khoá cửa tự động.	

*1:Cài đặt mặc định

*2:Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Ngoại trừ loại xe Châu Phi và Mỹ La-Tinh

■ Khóa cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Drive Lock Mode*¹ (Chế Độ Khóa Khi Lái Xe*¹)	Tắt cả các cửa khóa khi tốc độ xe đạt 15 km/h.
Park Lock Mode (Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe)	Tắt cả các cửa khóa khi nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số ra khỏi P .
Tắt	Luôn tắt chế độ khoá cửa tự động.

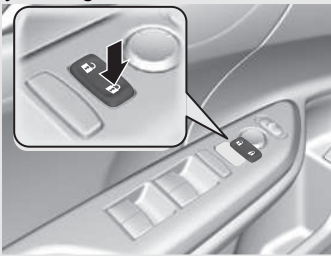
■ Mở khóa cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Park Unlock Mode*¹ (Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe*¹)	Tắt cả các cửa và nắp khoang hành lý mở khóa khi cần số ở P và nhấn bàn đạp phanh.
Ignition Switch Unlock Mode (Chế Độ Mở Khóa Khi Xoay Khoá Điện)	Tắt cả các cửa và nắp khoang hành lý mở khóa khi xoay khóa điện ra khỏi vị trí BẬT II * ² .
Off (Tắt)	Luôn tắt chế độ mở khoá cửa tự động.

*1:Cài đặt mặc định

*2:Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Các Bước Tùy Chọn Để Khoá Cửa Tự Động


Bước	Chế Độ Khóa Khi Lái Xe*1	Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe	Tắt
1	Nhấn phanh đỗ. Gạt cần số đến P .		
2	Đóng cửa phía người lái.		Mở cửa phía người lái.
3	Xoay khoá điện đến BẬT II *2.		
4	Gạt cần số ra khỏi P và nhấn bàn đạp phanh.	—	—
5	<p>Ấn và giữ nút khóa cửa công tắc khóa cửa chính trên cửa phía người lái trên 5 giây. Nhả công tắc sau khi nghe thấy 2 tiếng tách.</p> 		Ấn và giữ nút khóa cửa công tắc khóa cửa chính trên cửa phía người lái trong hơn 5 giây. Nhả công tắc sau khi nghe thấy 1 tiếng tách.
6	Gạt cần số đến P .	—	—
7	Xoay khoá điện đến TẮT *2 trong vòng 20 giây. ► Hoàn thành tùy chọn.		

*1:Cài đặt mặc định

*2:Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Các Bước Tùy Chọn Để Mở Khóa Cửa Tự Động

Loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh

Bước	Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe		Chế Độ Mở Khóa Khi Xoay Khóa Điện		Tắt
	Mở khóa cửa phía người lái*1	Để mở khóa tất cả các cửa và nắp khoang hành lý	Mở khóa cửa phía người lái	Mở khóa tất cả các cửa và nắp khoang hành lý	
1	Nhấn phanh đỗ. Gạt cần số đến P .				
2	Đóng cửa phía người lái.				Mở cửa phía người lái.
3	Xoay khoá điện đến BẬT II *2.				
4	—	—	Gạt cần số ra khỏi P trong khi nhấn bàn đạp phanh.		—
5	<p>Ấn và giữ nút mở khóa của công tắc khóa cửa chính trên cửa phía người lái trong hơn năm giây sau khi bạn nghe thấy hai tiếng tách.</p> 				

*1:Cài đặt mặc định

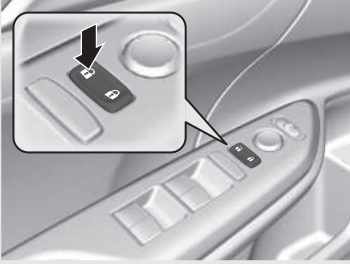
*2:Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Bước	Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe		Chế Độ Mở Khoá Khi Xoay Khoá Điện		Tắt
	Mở khóa cửa phía người lái*1	Mở khoá tất cả các cửa và nắp khoang hành lý	Mở khóa cửa phía người lái	Mở khoá tất cả các cửa và nắp khoang hành lý	
6	Nhả công tắc.	Tiếp tục giữ công tắc thêm năm giây để nghe thấy một tiếng tách nữa.	Nhả công tắc.	Tiếp tục giữ công tắc thêm 5 giây để nghe thấy một tiếng tách nữa.	Nhả công tắc.
7	—	—	Gạt cần số đến P .		—
8	Xoay khóa điện đến TẮT*2 trong vòng 20 giây. ► Hoàn thành tùy chọn.				

*1:Cài đặt mặc định

*2:Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Ngoại trừ Loại xe Châu Phi và Mỹ La-tinh

Bước	Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe* ¹	Chế Độ Mở Khóa Khi Xoay Khóa Điện	Tắt
1	Nhấn phanh đỗ. Gạt cần số đến P .	Đề cần số ở P .	
2	Đóng cửa phía người lái		Mở cửa phía người lái.
3	Xoay khóa điện đến BẬT II ^{*2} .		
4	—	Gạt cần số ra khỏi P trong khi nhấn bàn đạp phanh.	—
5	<p>Ấn và giữ nút mở khóa cửa công tắc khóa cửa chính trên cửa phía người lái trên năm giây. Thả tay sau khi bạn nghe thấy hai tiếng tách.</p> 		
6	—	Đề cần số ở P .	—
7	<p>Xoay khóa điện đến TẮT^{*2} trong vòng 20 giây. ► Hoàn thành tùy chọn.</p>		

*1:Cài đặt mặc định

*2:Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Mở và Đóng Nắp Khoang Hành Lý

Lưu Ý Khi Mở/Đóng Nắp Khoang Hành Lý

■ Mở nắp khoang hành lý

Mở hết cỡ nắp khoang hành lý.

- ▶ Nếu nắp khoang hành lý không mở hết, nó sẽ tự đóng lại bởi trọng lượng của nó.

■ Đóng nắp khoang hành lý

Giữ cho nắp khoang hành lý đóng khi lái xe để:

- ▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
- ▶ Ngăn không cho khí xả rò rỉ vào xe.

☒ **Khí CO** Tr. 101

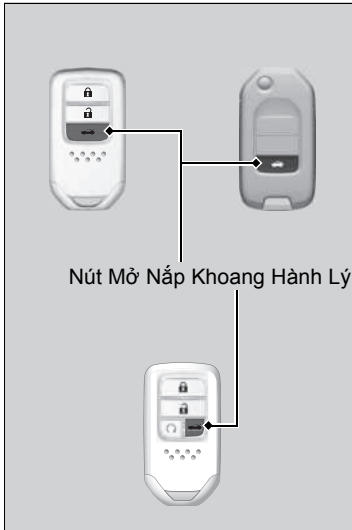
Sử Dụng Nút Mở Nắp Khoang Hành Lý



Ấn và giữ nút mở nắp khoang hành lý trên cửa người lái để mở khoá và mở nắp khoang hành lý.

☒ **Khí Bạn Không Mở Được Cửa Nắp Khoang Hành Lý** Tr. 660

Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

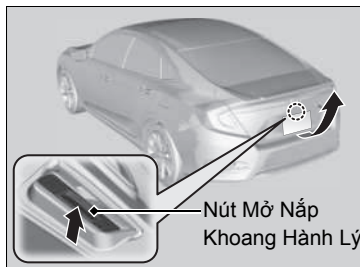


Ấn nút mở nắp khoang hành lý khoảng một giây để mở khoá và mở nắp khoang hành lý.

☒ Sử Dụng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Nếu cửa phía người lái bị khóa, nắp khoang hành lý sẽ tự động khóa khi bạn đóng nó. Nếu không, bạn sẽ phải khóa bằng tay.

Sử Dụng Nút Mở Nắp Khoang Hành Lý*



Đẩy nút mở trên nắp khoang hành lý lên sau khi các cửa đã mở khóa.

Thậm chí khi nắp khoang hành lý được khóa, bạn có thể mở nếu mang theo chìa khoá điều khiển từ xa.

► Tiếng bíp sẽ vang lên.

»» Sử Dụng Nút Mở Nắp Khoang Hành Lý*

- Nếu bạn quên chìa khoá điều khiển từ xa bên trong xe, tiếng bíp sẽ vang lên và nắp khoang hành lý không đóng.
- Khi không mang theo chìa khoá điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể mở khóa nắp khoang hành lý khi có ai đó cầm chìa khoá điều khiển từ xa ở phạm vi cho phép.
- Nếu tiếng bíp vang lên sau khi bạn đóng nắp khoang hành lý, hãy mang chìa khoá điều khiển từ xa ra xa nắp khoang hành lý và đóng lại.
- Chìa khoá điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu nó ở quá gần nắp khoang hành lý.

Hệ Thống Chống Nổ Máy

Hệ thống chống nổ máy giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký trước. Mỗi chìa khóa có gắn bộ truyền tín hiệu điện tử, bộ này sử dụng những tín hiệu điện tử để xác minh mã chìa khóa.

Chú ý những điểm sau khi tra chìa khóa vào ổ khóa* hoặc chọn nút **ENGINE START/STOP**†:

- Không để những vật có sóng radio mạnh gần ổ khóa điện* hoặc nút **ENGINE START/STOP**†.
- Đảm bảo chìa khóa không bị che hay chạm vào những vật thể bằng kim loại.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần khóa điện* hoặc nút **ENGINE START/STOP**†.
- Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như Tivi và các hệ thống âm thanh tạo ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

⌘ Hệ Thống Chống Nổ Máy

CHÚ Ý

Để chìa khóa trong xe có thể bị mất trộm hoặc vô tình làm xe di chuyển. Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi bạn ra khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào nó. Làm vậy bạn có thể làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Nếu hệ thống liên tiếp không nhận mã chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý. Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh

Hệ thống cảnh báo an ninh kích hoạt khi nắp khoang hành lý, nắp ca-pô hoặc các cửa bị mở khi bị tác động vào với một lực mạnh. Cảnh báo không kích hoạt nếu nắp khoang hành lý hoặc các cửa được mở bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

Loại xe Mỹ La-tinh

Hệ thống cảnh báo an ninh kích hoạt khi nắp khoang hành lý, nắp ca-pô hoặc các cửa bị mở khi bị tác động vào với một lực mạnh. Cảnh báo không kích hoạt nếu nắp khoang hành lý hoặc các cửa được mở bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh kích hoạt

Còi kêu liên tục và một số đèn bên ngoài nhấp nháy

■ Huỷ kích hoạt hệ thống cảnh báo an ninh

Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh

Mở khoá xe bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*, hoặc xoay khóa điện đến BẬT [II]*1. Hệ thống, còi và đèn đang nhấp nháy sẽ ngừng hoạt động.

Loại xe Mỹ La-tinh

Mở khóa xe bằng chìa khóa, bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa hoặc đặt chế độ nguồn đến BẬT. Hệ thống cùng với còi và đèn nhấp nháy ngừng hoạt động.

►► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào nó. Làm vậy bạn có thể làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục cảnh báo trong khoảng 5 phút trước khi hệ thống an ninh ngừng hoạt động. Hệ thống sẽ tiến hành đủ mười chu kỳ 30 giây, trong khi đó còi sẽ kêu và các đèn báo khẩn cấp nhấp nháy. Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong vòng hơn 5 phút.

Không cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể kích hoạt ngẫu nhiên khi:

- Mở khoá cửa bằng tai khoá.
- Mở nắp khoang hành lý bằng nút mở nắp khoang hành lý hoặc lấy mở nắp khoang hành lý.
- Mở nắp ca-pô bằng tay nắm mở nắp ca-pô.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh

Nếu ắc quy bị hết điện sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, cảnh báo an ninh có thể ngừng hoạt động khi ắc quy được nạp lại hoặc thay thế. Nếu trường hợp này xảy ra, huỷ kích hoạt hệ thống an ninh bằng cách dùng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa* để mở khoá một cửa.

■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh tự động hoạt động trong những trường hợp sau:

- Khoá điện ở KHÓA **0**^{*1}, và chìa khoá đã được rút ra khỏi ổ khoá điện*.
- Nắp ca-pô đóng .
- Tất cả các cửa và nắp khoang hành lý được khoá bằng chìa khoá, bộ truyền tín hiệu từ xa, hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy. Thời gian nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh

Hệ thống cảnh báo an ninh được hủy khi xe được mở khoá bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa* hoặc khi xoay chìa khoá điện đến BẬT **II**^{*1}. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh cũng sẽ tắt.

Loại xe Mỹ La-tinh

Hệ thống cảnh báo an ninh được hủy khi xe được mở khoá bằng chìa khoá, bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa hoặc khi chế độ nguồn ở BẬT. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh cũng sẽ tắt.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho chìa khoá điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Loại xe Mỹ La-tinh

Nếu ắc quy bị hết điện sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, cảnh báo an ninh có thể ngừng hoạt động khi ắc quy được nạp lại hoặc thay thế. Nếu trường hợp này xảy ra, huỷ kích hoạt hệ thống an ninh bằng cách dùng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa để mở khoá một cửa.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La-tinh

Nếu bạn mở khoá một cửa bằng chìa khoá trong khi hệ thống an ninh không hoạt động, cảnh báo sẽ tắt.

Mở và Đóng Cửa Kính

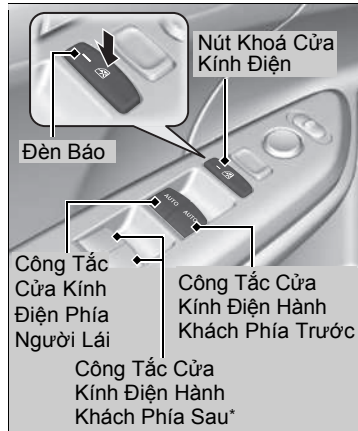
Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Có thể sử dụng các công tắc trên các cửa để mở và đóng cửa kính điện khi khóa điện ở BẬT [II]^{*1}.

Có thể sử dụng các công tắc phía người lái để mở và đóng tất cả các cửa kính. Nút khóa cửa kính điện ở phía người lái phải tắt (không được ấn, đèn báo tắt) thì mới mở và đóng được cửa kính từ vị trí bất kỳ ngoại trừ ghế người lái.

Khi nút khóa cửa kính điện được ấn, đèn báo sẽ sáng và bạn có thể chỉ vận hành cửa kính phía người lái. Bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ nhỏ trên xe.

Mở/Đóng Cửa Kính có Chức Năng Mở/Đóng Tự Động



■ Vận hành bằng tay

Để mở: Ấn nhẹ công tắc và giữ nó cho đến khi kính di chuyển đến vị trí mong muốn.

Để đóng: Kéo nhẹ công tắc lên và giữ nó cho đến khi kính di chuyển đến vị trí mong muốn.

■ Vận hành tự động

Để mở: Ấn dứt khoát công tắc xuống.

Để đóng: Kéo dứt khoát công tắc lên. Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Để dừng cửa kính điện, ấn hoặc kéo nhẹ công tắc.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mở/Đóng Cửa Kính Điện

⚠ CẢNH BÁO

Đóng cửa kính điện trong khi có người đang để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính đó có thể gây trọng thương.

Đảm bảo tay của hành khách ở xa cửa sổ trước khi đóng cửa.

CẢNH BÁO: Luôn luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand

Chức năng mở/đóng tự động trên tất cả các cửa

Cửa kính điện có thể vận hành trong 10 phút sau khi bạn thiết lập chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA).

Đóng cửa phía người lái để hủy chức năng này.

Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand

Chức năng mở/đóng tự động trên các cửa trước

Cửa kính điện có thể vận hành trong 10 phút sau khi bạn xoay khóa điện đến KHOÁ [0]^{*1}.

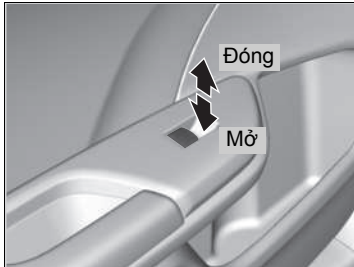
Mở cửa trước để hủy chức năng này.

Loại xe Australia và New Zealand

Cửa kính điện có thể vận hành trong 45 giây sau khi bạn xoay khóa điện đến KHOÁ [0]^{*1}.

Mở cửa trước để hủy chức năng này.

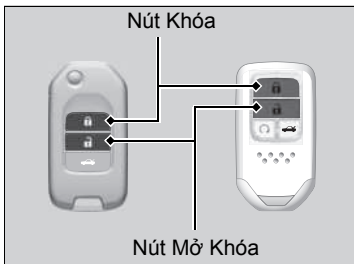
Mở/Đóng Cửa Kính mà không có Chức Năng Đóng/Mở Tự Động*



Để mở: Ấn công tắc xuống.
Để đóng: Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính dịch chuyển đến vị trí mong muốn.

Mở/Đóng* Cửa Kính và Cửa Sổ Trời* bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



Để mở: Ấn nút mở khóa và sau đó trong 10 giây, ấn lại và giữ.
Để đóng*: Ấn nút khóa và sau đó trong 10 giây, ấn lại và giữ.

Nếu cửa kính và cửa sổ trời* dừng ngang chừng, làm lại bước này.

►► Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Tự Động Đảo Chiều

Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi cửa đang đóng tự động, nó sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

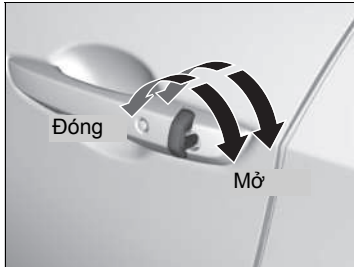
Chức năng tự động đảo chiều cửa kính phía người lái bị vô hiệu hoá khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần như hoàn toàn.

Bạn không thể mở hoàn toàn các cửa kính sau.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Mở/Đóng Cửa Kính và Cửa Sổ Trời* bằng Chìa Khoá*



Để mở*: Mở khoá cửa người lái bằng chìa khoá. Trong vòng 10 giây nhả chìa khoá đến vị trí giữa, tiếp theo xoay chìa khoá theo hướng mở khoá và giữ nó tại đó.

Để đóng: Khoá cửa phía người lái bằng chìa khoá. Trong vòng 10 giây nhả chìa khoá đến vị trí giữa, tiếp theo xoay chìa khoá theo hướng khoá và giữ nó tại đó.

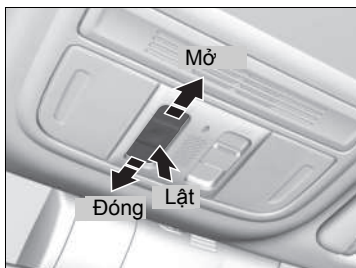
Nhả chìa khoá để dừng cửa kính và cửa sổ trời* tại vị trí bạn muốn. Nếu bạn muốn điều chỉnh thêm, làm lại cách thực hiện trên.

Cửa Sổ Trời*

Mở/Đóng Cửa Sổ Trời

Bạn chỉ có thể vận hành cửa sổ trời khi chế độ nguồn ở BẬT. Sử dụng công tắc ở phía trước trần xe để mở và đóng cửa sổ trời.

Sử Dụng Công Tắc Cửa Sổ Trời



■ Vận hành tự động

Để mở: Kéo dứt khoát công tắc về phía sau.

Để đóng: Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước.

Cửa sổ trời sẽ tự động mở hoặc đóng hết cỡ. Để dừng cửa sổ trời tại vị trí mong muốn, ấn công tắc dứt khoát.

■ Vận hành bằng tay

Để mở: Kéo nhẹ công tắc về phía sau và giữ nó cho đến khi đến vị trí bạn muốn.

Để đóng: Ấn nhẹ công tắc về phía trước và giữ nó cho đến khi đến vị trí bạn muốn.

■ Lật cửa sổ trời lên

Để lật: Ấn vào giữa công tắc cửa sổ trời.

Để đóng: Kéo công tắc dứt khoát về phía trước, sau đó nhả ra.

» Cửa Sổ Trời*

⚠ CẢNH BÁO

Mở hoặc đóng cửa sổ trời trong khi có người đang để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa sổ trời có thể gây trọng thương.

Đảm bảo không ai để tay và ngón tay lên cửa sổ trời trước khi mở hoặc đóng.

CẢNH BÁO: Luôn luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

CHÚ Ý

Vận hành cửa sổ trời dưới nhiệt độ đóng băng khi bị tuyết hoặc băng đá che phủ có thể gây hỏng khung hoặc mô-tơ.

Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand

Chức năng mở/đóng tự động trên tất cả các cửa kính
Cửa sổ trời có thể vận hành trong 10 phút sau khi bạn thiết lập chế độ nguồn đến TẮT MÁY (KHÓA).

Đóng cửa phía người lái để hủy chức năng này.

Ngoại trừ loại xe Australia và New Zealand

Chức năng mở/đóng tự động trên các cửa trước
Cửa sổ trời có thể vận hành trong 10 phút sau khi bạn thiết lập chế độ nguồn đến TẮT MÁY (KHÓA).

Mở cửa trước bất kỳ để hủy chức năng này.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

» Cửa Sổ Trời*

Loại xe Australia và New Zealand

Cửa sổ trời có thể vận hành trong 45 giây sau khi bạn xoay khoá điện đến TẮT (KHOÁ). Mở một trong hai cửa trước để huỷ chức năng này.

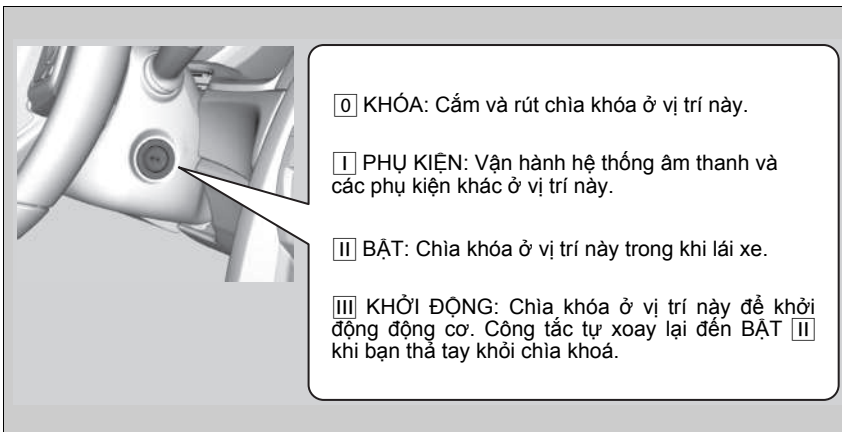
Khi phát hiện vật cản, chức năng đảo chiều tự động làm cho cửa sổ trời đảo chiều sau đó dừng lại. Đảo chiều tự động dừng cảm nhận khi cửa sổ trời đóng gần như hoàn toàn.

Bạn có thể dùng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc chìa khoá để vận hành cửa sổ trời.

- ▶ **Mở/Đóng* Cửa Kính và Cửa Sổ Trời* bằng Chìa Khoá Điều Khiển Từ Xa* Tr. 199**
- ▶ **Mở/Đóng Cửa Kính và Cửa Sổ Trời* bằng Chìa Khoá* Tr. 200**

Vận Hành Công Tắc Quanh Vô Lãng

Khóa Điện*



▣ Khóa Điện*

Nếu bạn mở cửa phía người lái khi chìa khóa ở KHÓA ☐ hoặc PHỤ KIỆN ▣, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên để nhắc bạn rút chìa khóa ra.

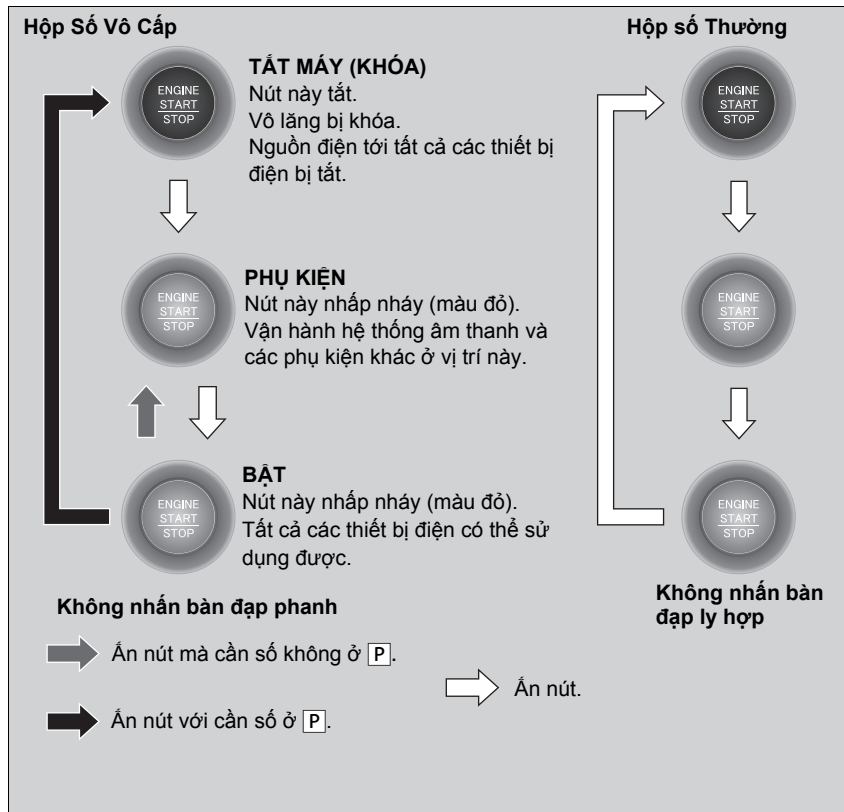
Nếu chìa khóa không xoay được từ KHÓA ☐ sang PHỤ KIỆN ▣, thì hãy xoay chìa khóa đồng thời quay vô lăng sang trái và phải. Vô lăng sẽ được mở khóa, cho phép chìa khóa xoay được.

Bạn không thể rút chìa khóa trừ khi cần số ở P.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

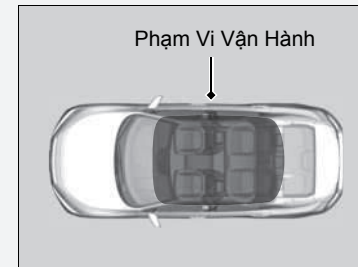
Nút ENGINE START/STOP*

Thay Đổi Chế Độ Nguồn



Nút ENGINE START/STOP*

Phạm Vi Vận Hành Nút **ENGINE START/STOP**
Bạn có thể khởi động động cơ khi chìa khoá điều khiển từ xa ở trong xe.



Nếu pin chìa khoá điều khiển từ xa yếu, động cơ có thể không khởi động khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**. Nếu động cơ không khởi động, tham khảo mục sau.

► **Nếu Pin Chìa Khoá Điều Khiển Từ Xa Yếu**
Tr. 628

Động cơ cũng có thể khởi động nếu chìa khoá điều khiển từ xa ở gần cửa hoặc cửa kính, ngay cả khi nó ở bên ngoài xe.

Chế độ **BẬT**:
Nút **ENGINE START/STOP** sáng (màu đỏ) khi động cơ đang chạy.

■ Tắt Nguồn Tự Động

Nếu bạn ra khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút mà để cần số ở **P** (Hộp Số Vô Cấp) và chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như TẮT MÁY (KHOÁ) để tránh làm hao điện ắc quy.

Khi xe ở chế độ này:

Vô lăng không khóa.

Bạn không thể khoá hoặc mở khoá các cửa bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

Ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHOÁ) .

■ Bộ Nhắc Chế Độ Nguồn

Nếu bạn mở cửa phía người lái khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên.

►► Nút ENGINE START/STOP*

Nếu chế độ nguồn không chuyển từ TẮT MÁY sang PHỤ KIỆN, ấn nút **ENGINE START/STOP** đồng thời xoay vô lăng sang trái và phải. Vô lăng sẽ mở khóa để cho phép thay đổi chế độ.

Không để chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT khi bạn ra khỏi xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Bộ Nhắc Chìa Khoá Điều Khiển Từ Xa

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



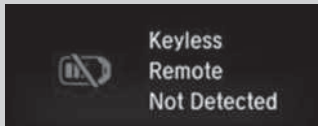
Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philipin và Việt Nam



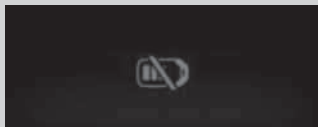
Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Loại xe Campuchia, Lào, Philipin và Việt Nam



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Loại xe Châu Phi



Tiếng bip vang lên từ bên trong và/hoặc bên ngoài xe để nhắc cho bạn biết chìa khoá điều khiển từ xa đang ở bên ngoài xe. Nếu tiếng bip vẫn tiếp tục vang lên sau khi chìa khoá điều khiển từ xa đã ở bên trong xe, hãy để chìa khoá trong phạm vi hoạt động của nó.

■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Nếu chìa khoá điều khiển từ xa được mang ra khỏi xe, và cửa phía người lái đóng, tiếng bip cảnh báo sẽ vang lên từ bên trong và cả bên ngoài xe. Thông báo cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin* hoặc màn hình giao diện thông tin cho người lái* để báo cho người lái đang ở trong xe biết chìa khoá điều khiển từ xa đang ở ngoài xe.

■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Nếu chìa khoá điều khiển từ xa được mang ra khỏi xe, và tất cả các cửa đã đóng, tiếng bip cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

► Bộ Nhắc Chìa Khoá Điều Khiển Từ Xa

Khi điều khiển từ mở cửa xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống, và cửa phía người lái được đóng, chức năng cảnh báo sẽ bị hủy.

Nếu chìa khoá điều khiển từ xa được mang ra khỏi xe sau khi động cơ đã được khởi động, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ. Luôn đảm bảo chìa khoá điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn vận hành nút **ENGINE START/STOP**.

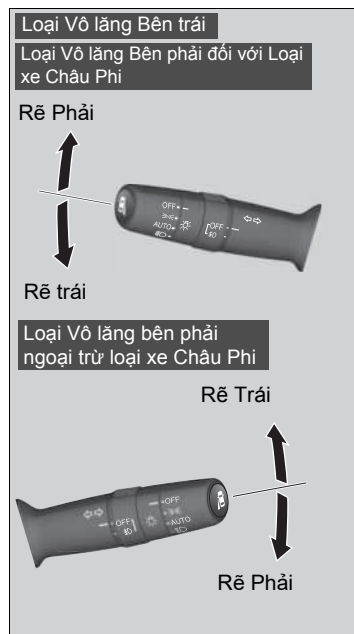
Lấy chìa khoá điều khiển từ xa ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt được bộ phát tiếng bip cảnh báo.

Không đặt chìa khoá điều khiển từ xa trên bảng táp-lô hoặc trong hộp đựng đồ. Nó có thể làm cho bộ phát tiếng bip cảnh báo ngừng hoạt động. Trong một số điều kiện khác, việc này có thể làm cho xe không định vị được chìa khoá, bộ phát tiếng bip cảnh báo có thể ngừng hoạt động kể cả khi chìa khoá điều khiển từ xa nằm trong phạm vi vận hành của hệ thống.

So Sánh Khoá Điện và Chế Độ Nguồn

Vị Trí Khóa Điện	KHOÁ 0 (có/ không có chìa khoá)	PHỤ KIỆN I	BẬT II	KHỞI ĐỘNG III
Không Có Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	<ul style="list-style-type: none"> • Động cơ tắt và điện được ngắt. • Vô lăng bị khóa. • Không sử dụng được các thiết bị điện. 	<ul style="list-style-type: none"> • Động cơ tắt. • Một số hệ thống điện như hệ thống âm thanh và ổ cắm điện phụ kiện có thể hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> • Vị trí bình thường của chìa khoá trong khi lái xe. • Có thể sử dụng được tất cả các thiết bị điện. 	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng vị trí này để khởi động động cơ. • Khóa điện trở về vị trí BẬT II khi bạn thả chìa khoá.
Chế Độ Nguồn	TẮT MÁY (KHÓA)	PHỤ KIỆN	BẬT	KHỞI ĐỘNG
Có Hệ Thống Truy Cập Từ Xa và Nút ENGINE START/ STOP	<p>Nút-Tắt</p> <ul style="list-style-type: none"> • Động cơ tắt và nguồn tắt. • Vô lăng bị khóa. • Không sử dụng được các thiết bị điện. 	<p>Nút-Nhấp nháy</p> <ul style="list-style-type: none"> • Động cơ tắt. • Một số hệ thống điện như hệ thống âm thanh và giắc cắm điện phụ kiện có thể hoạt động. 	<p>Nút- Nhấp nháy (động cơ tắt) Bật (động cơ đang chạy)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có thể sử dụng được tất cả các thiết bị điện. 	<p>Nút-Bật</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chế độ tự động trở lại BẬT sau khi động cơ khởi động.

Xi Nhan



Có thể bật xi nhan khi khóa điện ở BẬT

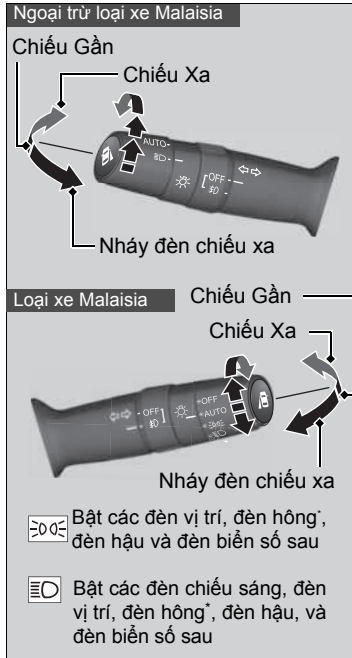
II*1.

■ Xi nhan gạt một lần

Khi bạn gạt nhẹ lên hoặc xuống và nhả cần xi nhan, các đèn xi nhan bên ngoài và đèn báo xi nhan sẽ nhấp nháy ba lần. Có thể sử dụng tính năng này khi chuyển làn đường.

Công Tắc Đèn

Vận Hành Tự Động



Xoay công tắc đèn để bật và tắt các đèn, bất kể chế độ nguồn hoặc khóa điện ở vị trí nào.

■ Đèn chiếu xa

Đẩy cần về phía trước đến khi bạn nghe thấy tiếng tách.

■ Đèn chiếu gần

Khi ở chế độ chiếu xa, kéo cần trở lại để về chế độ chiếu gần.

■ Nháy đèn

Kéo cần về phía sau và thả ra.

Loại xe Malaysia

■ Tắt đèn

Xoay cần sang **OFF** hoặc khi:

- Cần số ở **P**. (Loại xe có Hộp số Vô Cấp)
- Nhấn phanh đỗ.

Để bật lại các đèn, xoay cần sang **OFF** để hủy chế độ tắt đèn. Thậm chí nếu bạn không hủy chế độ tắt đèn, các đèn cũng tự động sáng khi:

- Cần số ở ngoài vị trí **P**. (Loại xe có có Hộp số Vô Cấp)
- Nhả phanh đỗ.
- Xe bắt đầu di chuyển.

►► Công Tắc Đèn

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Nếu bạn để chế độ nguồn ở **TẮT MÁY (KHOÁ)** trong khi các đèn đang bật, chuông cảnh báo sẽ vang lên khi bạn mở cửa phía người lái.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Nếu bạn rút chìa khóa ra khỏi khóa điện trong khi các đèn đang bật, chuông cảnh báo sẽ vang lên khi cửa phía người lái mở.

Khi các đèn được bật, các đèn báo trên bảng điều khiển sẽ sáng.

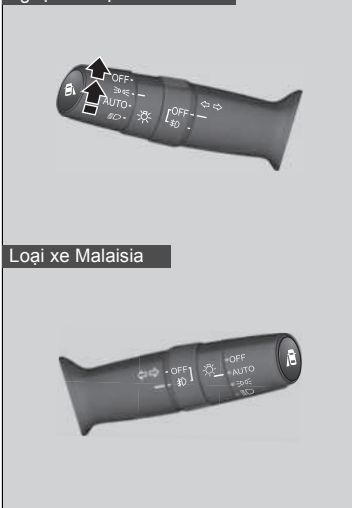
► Đèn Báo Đèn Bật Tr. 121

Không để đèn sáng khi động cơ tắt, bởi vì nó sẽ làm cho ắc quy bị hao điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*

Ngoại trừ loại xe Malaysia



Điều khiển chiếu sáng tự động có thể được sử dụng khi khóa điện ở BẬT II*1.

Khi công tắc đèn ở **AUTO**, đèn chiếu sáng và các đèn bên ngoài khác sẽ bật và tắt tự động phụ thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh.

Đèn chiếu sáng sẽ bật khi bạn mở khoá một cửa ở khu vực tối với công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.

- Khi bạn khoá cửa, đèn chiếu sáng sẽ tắt.

►► Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*

Bạn nên bật đèn bằng tay khi lái xe vào ban đêm, khi sương mù dày đặc, hoặc ở khu vực tối như trong đường hầm hay các bãi đỗ xe.

Cảm biến ánh sáng được lắp tại vị trí như hình vẽ bên dưới. Không được phủ bất cứ vật gì lên cảm biến ánh sáng này, nếu không, hệ thống chiếu sáng tự động này có thể không hoạt động đúng.

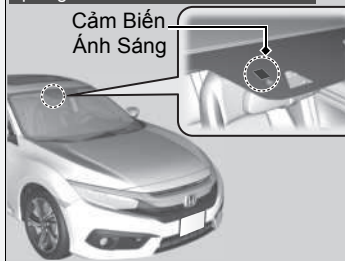
Loại xe không có chế độ gạt tự động ngắt quãng

Cảm Biến Ánh Sáng



Loại xe có chế độ gạt tự động ngắt quãng

Cảm Biến Ánh Sáng



* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cản Gạt Nước*

Các đèn chiếu sáng tự động sáng khi các cản gạt nước được gạt vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.
Các đèn chiếu sáng tự động tắt sau vài phút nếu các cản gạt nước ngừng hoạt động.

Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn bên ngoài khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt trong 15 giây sau khi bạn rút chìa khoá và đóng cửa phía người lái.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn bên ngoài khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt trong 15 giây sau khi bạn đặt chế độ nguồn **TẮT MÁY (KHÓA)**, hãy mang theo chìa khoá điều khiển từ xa và đóng cửa người lái.

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

► Bạn có thể thay đổi cài đặt bộ hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353**

Nếu bạn xoay chìa điện đến **KHÓA 0**^{*1} khi các đèn chiếu sáng bật, nhưng không mở cửa, các đèn chiếu sáng sẽ tắt sau 10 phút (ba phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO**).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở khóa hoặc mở cửa phía người lái. Nếu bạn mở khóa cửa, nhưng không mở cửa trong 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa phía người lái, bạn sẽ nghe thấy âm thanh báo nhắc đèn đang bật.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho chìa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh ngoại trừ loại xe Malaysia

Bạn có thể điều chỉnh độ nhạy chiếu sáng tự động như sau:

Cài Đặt	Các đèn bên ngoài sáng khi ánh sáng xung quanh ở mức
Cao Nhất	Sáng
Cao	
Trung Bình	
Thấp	Tối
Thấp Nhất	

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr.353**

►► Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cản Gạt Nước*

Tính năng này được kích hoạt trong khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO**.
Độ sáng bảng điều khiển không thay đổi khi các đèn chiếu sáng được bật.

Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cản gạt nước.

Đèn Sương Mù*



Có thể được sử dụng khi bật đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng.

Đèn Ban Ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày sáng trong các điều kiện sau:

- Khóa điện ở BẬT II^{*1}.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO*** hoặc **OFF**.

Tắt khoá điện^{*1} sẽ tắt các đèn ban ngày.

Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động

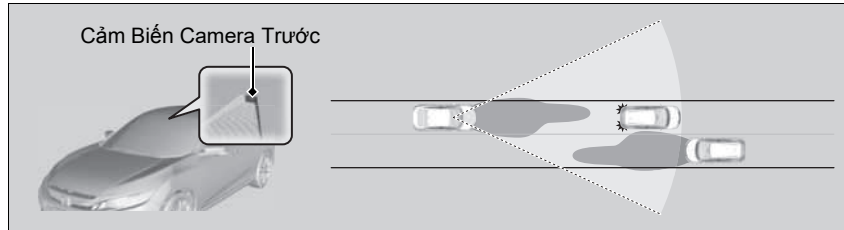
Đèn ban ngày sẽ tắt khi công tắc đèn chiếu sáng bật, hoặc khi công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO** và bên ngoài trời tối dần.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

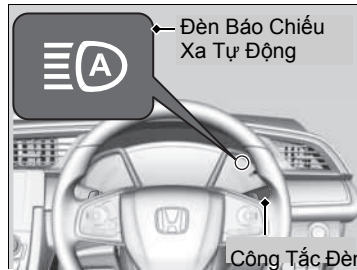
Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động*

Cảm biến Camera trước phát hiện nguồn sáng của xe cùng chiều phía trước, hay xe ngược chiều đang đến gần hay đèn đường. Khi bạn lái vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng điều kiện.




Cách Sử Dụng Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động

Khi tất cả các điều kiện sau được đáp ứng, đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng và hệ thống chiếu xa tự động sẽ được kích hoạt.



- Chế độ nguồn ở ON.
- Công tắc đèn ở AUTO.
- Cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.
- Đèn chiếu sáng đã được kích hoạt tự động.
- Bên ngoài xe tối.

Nếu đèn báo chiếu xa tự động vẫn không sáng khi tất cả các điều kiện trên được đáp ứng, hãy thực hiện theo quy trình sau và đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn và giữ trong hơn hai giây sau đó thả ra.
- Bật công tắc đèn đến  sau đó bật công tắc đến **AUTO**.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

ⓘ Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động*

Hệ thống chiếu xa tự động không thể hoạt động trong mọi tình huống mà chỉ có thể hỗ trợ người lái. Vì thế bạn cần phải luôn quan sát xung quanh khi lái xe và chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra sẽ thay đổi tùy vào điều kiện giao thông xung quanh.

Về việc xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió, tham khảo phần sau.

📖 **Cảm Biến Camera Trước** Tr. 509

Để hệ thống chiếu xa tự động hoạt động đúng:

- Không để bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh kính chắn gió khu vực quanh camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc film lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu tác động mạnh lên camera hay cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

■ Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Khi chế độ chiếu xa tự động được kích hoạt, có thể chuyển chế độ từ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại dựa vào các điều kiện dưới đây.

Chuyển sang chế độ chiếu xa:

Tất cả các điều kiện sau phải được đáp ứng trước khi bật chế độ chiếu xa.

- Tốc độ xe từ 30 km/h trở lên.
- Xe cùng chiều phía trước hoặc xe ngược chiều đang đến gần không bật đèn pha hoặc đèn hậu.
- Có ít đèn đường phía trước.



Chuyển sang chế độ chiếu gần:

Một trong các điều kiện sau phải được đáp ứng trước khi bật chế độ chiếu gần.

- Tốc độ xe từ 24 km/h trở xuống.
- Xe cùng chiều phía trước hoặc xe ngược chiều đang đến gần bật đèn pha hoặc đèn hậu.
- Có nhiều đèn đường phía trước.

■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Nếu bạn muốn chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện theo quy trình dưới đây. Cần lưu ý khi bạn chuyển chế độ, đèn báo chiếu xa tự động sẽ tắt và chế độ chiếu xa tự động sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng cần điều khiển để chuyển:

Kéo cần về phía bạn để bật đèn chiếu xa sau đó thả ra hoặc đẩy cần đến vị trí chiếu xa.

► Để kích hoạt chế độ chiếu xa tự động, thực hiện theo các quy trình dưới đây và đèn báo chế độ chiếu xa sẽ sáng.

- Kéo cần về phía bạn và giữ nó trong hơn hai giây rồi thả ra.
- Bật công tắc đèn đến sau đó đến **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần.

Sử dụng công tắc đèn:

Bật công tắc đèn sang .

► Để kích hoạt lại chế độ chiếu xa tự động, bật công tắc đèn sang **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần, đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng.

►► Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Trong các trường hợp sau, hệ thống chiếu xa tự động có thể chuyển chế độ chiếu sáng phù hợp, hoặc thời gian chuyển chế độ có thể thay đổi. Nếu người lái không quen với việc vận hành chuyển chế độ tự động, hãy dùng tay bật đèn chiếu sáng.

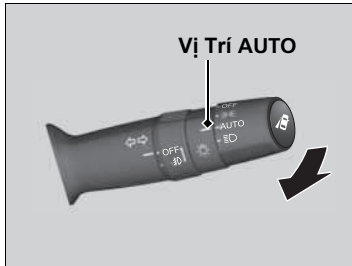
- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe đang đến gần quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v).
- Các nguồn sáng khác như đèn đường, đèn biển quảng cáo và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Mức độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường xá gồ ghề, có nhiều khúc cua.
- Có xe khác cắt ngang phía trước xe bạn hoặc xe phía trước không chạy theo hướng ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Tín hiệu giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản hồi ánh sáng mạnh về phía xe.
- Xe đang đến gần bất ngờ khuất sau các lùm cây bên đường hoặc vật cản giữa đường.
- Xe cùng chiều phía trước hoặc xe đang đến gần là xe máy, xe đạp, xe scooter tự động hay xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống chiếu xa tự động sẽ giữ ở chế độ chiếu gần tự động khi:

- Cần gạt kính chắn gió ở tốc độ cao.
- Camera bị mờ do có lớp sương dày phủ lên.

■ Cách Tắt Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động

Bạn có thể tắt hệ thống chiếu xa tự động. Nếu bạn tắt hoặc bật hệ thống, bật nguồn điện, rồi thực hiện theo các quy trình sau khi xe đang đỗ.



Để tắt hệ thống:

Với công tắc đèn ở **AUTO**, kéo cần công tắc đèn về phía bạn và giữ trong ít nhất 40 giây. Sau khi đèn báo chiếu xa tự động nhấp hai lần, thả cần ra.

Để bật hệ thống:

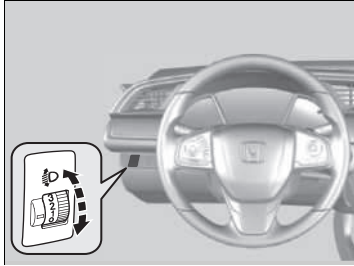
Với công tắc đèn ở **AUTO**, kéo cần công tắc đèn về phía bạn và giữ trong ít nhất 30 giây. Sau khi đèn báo chiếu xa tự động nhấp một lần, thả cần ra.

☒ Cách Tắt Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động

Nếu bạn tắt hệ thống chiếu xa tự động, hệ thống sẽ không hoạt động cho đến khi bạn bật.

Đỗ xe nơi an toàn trước khi tắt hoặc bật hệ thống.

Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*



Bạn có thể điều chỉnh góc của đèn chiếu sáng chiếu gần theo chiều dọc khi khóa điện ở BẬT **II***1.

Xoay nút điều chỉnh để chọn góc phù hợp cho các đèn chiếu sáng.

Số vạch điều chỉnh càng lớn tức là góc đèn càng thấp.

■ Chọn vị trí vạch điều chỉnh

Tham khảo bảng dưới đây tùy vào điều kiện lái và tải của xe.

Điều kiện	Vị trí vạch
Một người lái	0
Một người lái và một hành khách phía trước	
Năm người tính cả hàng ghế trước và hàng ghế sau	1
Năm người tính cả hàng ghế trước và hàng ghế sau và hành lý trong khoang hành lý, trong giới hạn tải trọng tối đa của trục và trọng tải xe tối đa cho phép	2
Một người lái và hành lý trong khoang hành lý, nằm trong giới hạn tải trọng tối đa của trục và trọng tải xe tối đa cho phép	3

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*

Loại xe có hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động

Xe có hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động có thể tự động điều chỉnh góc của đèn chiếu sáng chiếu gần theo chiều dọc. Nếu bạn thấy sự thay đổi rõ góc dọc của đèn chiếu sáng, có thể có sự cố với hệ thống. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

Các đèn chiếu sáng thích hợp dùng cho xe có vô lăng bên phải và vô lăng bên trái mà không cần bất kỳ điều chỉnh hay che chắn nào theo Quy Định Dover UN số 48.

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

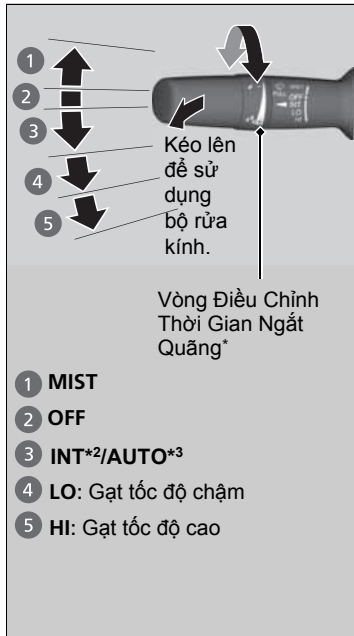
Có thể bạn cần thay đổi độ chụm của đèn chiếu sáng.

► Điều Chỉnh Phân Phối Đèn Chiếu Sáng

Tr. 466

Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính

■ Cần Gạt Nước Kính Chắn Gió/Bộ Rửa Kính



Các cần gạt nước và bộ rửa kính có thể được sử dụng khi khóa điện ở vị trí **BẬT** ^{*1}.

■ MIST

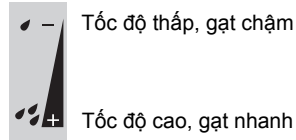
Các cần gạt nước gạt nhanh cho đến khi bạn nhả cần.

■ Công tắc cần gạt nước (INT*2/AUTO*3, LO, HI)

Di chuyển cần gạt nước lên hoặc xuống để thay đổi cài đặt cần gạt nước.

■ Điều chỉnh hoạt động cần gạt nước*

Xoay vòng điều chỉnh để điều chỉnh hoạt động cần gạt nước.



►►Cần Gạt Nước và Bộ Rửa Kính

CHÚ Ý

Không vận hành các cần gạt nước khi kính chắn gió khô. Kính chắn gió sẽ bị xước, hoặc các lưỡi cao su có thể bị hỏng.

Hãy tắt chế độ rửa kính nếu không có nước phun ra. Nếu không bơm có thể bị hỏng.

Mô-tơ cần gạt nước có thể dừng hoạt động để tránh quá tải. Vận hành cần gạt nước sẽ trở lại bình thường trong vài phút khi mạch điện trở về bình thường.

Loại xe có vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng

Nếu tốc độ xe tăng trong khi các cần gạt nước đang vận hành ngắt quãng, cần gạt sẽ gạt nhanh hơn.

Khi xe tăng tốc, cài đặt của cần gạt nước ở chế độ nhanh nhất () giống với chế độ **LO**.

CHÚ Ý

Khi trời lạnh, các lưỡi gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió, nó sẽ bị kẹt.

Vận hành các cần gạt trong điều kiện này có thể làm hỏng các cần gạt nước. Sử dụng bộ sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật các cần gạt.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe có vận hành ngắt quãng bằng tay

*3: Loại xe có vận hành ngắt quãng tự động

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Bộ rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cản gạt về phía bạn. Khi bạn thả cản gạt nước trong hơn một giây, nước sẽ ngừng phun, cản gạt nước sẽ quét thêm hai hoặc ba lần trước khi dừng hẳn.

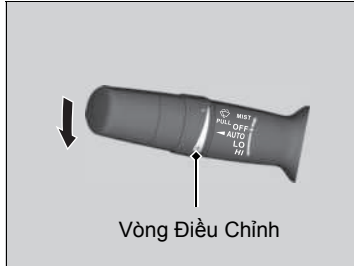
►► Cản Gạt Nước và Bộ Rửa Kính

Nếu cản gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, hãy đỗ xe ở vị trí an toàn.

Xoay công tắc cản gạt nước đến **OFF** và xoay khoá điện đến PHỤ KIỆN **1** hoặc KHÓA **0**^{*1}, sau đó loại bỏ vật cản.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng*



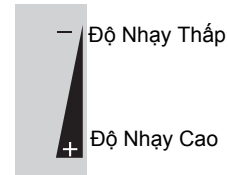
Khi bạn gạt cần đến **AUTO**, cần gạt nước kính chắn gió sẽ gạt một lần, rồi vào chế độ tự động.

Các cần gạt vận hành ngắt quãng, ở tốc độ thấp, hoặc tốc độ cao và dừng phù hợp với lượng mưa được phát hiện bằng cảm biến lượng mưa.

■ Điều chỉnh độ nhạy TỰ ĐỘNG

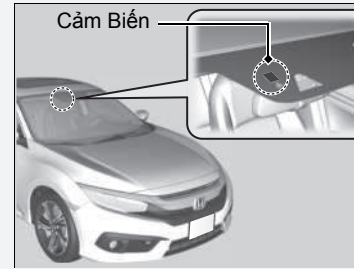
Khi cài đặt chức năng cần gạt nước ở chế độ **TỰ ĐỘNG**, bạn có thể điều chỉnh độ nhạy của cảm biến lượng mưa (sử dụng vòng điều chỉnh) để cần điều chỉnh vận hành theo mong muốn của bạn.

Độ nhạy cảm biến



► Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng*

Cảm biến lượng mưa được đặt ở vị trí như hình vẽ bên dưới.



Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn **TẮT** chế độ **TỰ ĐỘNG** khi:

- Vệ sinh kính chắn gió.
- Rửa xe
- Không có mưa

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa*

Ấn nút sấy kính sau và sấy gương cửa để làm tan sương kính sau và gương cửa khi khóa điện ở BẬT **II***1.

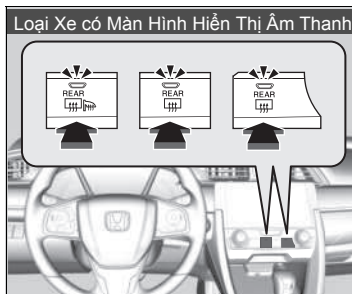


Loại xe không có bộ sấy gương cửa

Bộ sấy kính sau tự động tắt sau 10-30 phút phụ thuộc vào nhiệt độ bên ngoài. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ bên ngoài là 0°C hoặc thấp hơn, nó sẽ không tự động tắt.

Loại xe có bộ sấy gương cửa

Bộ sấy kính sau và sấy gương cửa tự động tắt sau 10-30 phút phụ thuộc vào nhiệt độ bên ngoài. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ bên ngoài là 0°C hoặc thấp hơn, nó sẽ không tự động tắt.



► Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa*

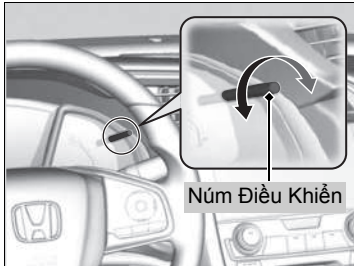
Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, do vậy hãy tắt hệ thống này khi các cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu ngay cả khi động cơ đang chạy không tải. Sử dụng như vậy có thể làm ắc quy bị yếu, động cơ sẽ khó khởi động.

Loại xe có bộ sấy gương cửa

Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và nhiệt độ bên ngoài xuống dưới 5°C, bộ sấy gương cửa sẽ tự động kích hoạt trong 10 phút.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Điều Chỉnh Độ Sáng

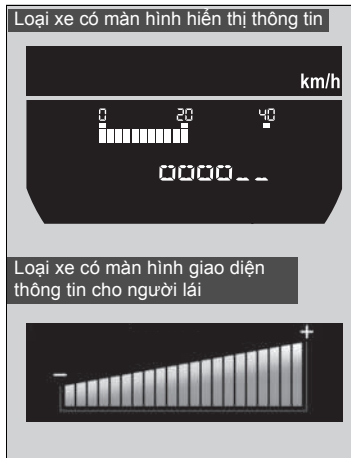


Khi độ sáng của đồng hồ đo giảm xuống, bạn có thể sử dụng nút điều chỉnh độ sáng để điều chỉnh độ sáng bảng điều khiển.

Sáng lên: Xoay nút sang bên phải.

Mờ đi: Xoay nút sang bên trái.

Bạn sẽ nghe thấy tiếng bíp* khi độ sáng đạt tối đa hoặc tối thiểu. Màn hình hiển thị sẽ trở lại trạng thái ban đầu sau khi bạn điều chỉnh độ sáng vài giây.



■ Đèn báo mức độ sáng

Mức độ sáng được hiển thị trên màn hình hiển thị trong khi bạn điều chỉnh nó.

►► Điều Chỉnh Độ Sáng

Độ sáng bảng điều khiển thay đổi tùy theo các đèn bên ngoài bật hay tắt. Bảng điều khiển sẽ mờ đi để giảm độ chói khi sáng.

Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động và Màn Hình Âm Thanh

Theo cài đặt mặc định, bảng điều khiển chuyển chế độ ban đêm khi các đèn chiếu sáng tự động bật. Bạn có thể trì hoãn thời gian kích hoạt chế độ ban đêm khi công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353**

Loại xe có đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước

Khi bên ngoài trời sáng và tính năng điều khiển đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước được kích hoạt, độ sáng bảng điều khiển sẽ không thay đổi.

Độ sáng bảng điều khiển sẽ giảm khi:

- Khóa điện ở BẬT (II)*1.

Loại xe không có điều khiển chiếu sáng tự động

- Các đèn vị trí được bật.

Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động

- Công tắc đèn ở vị trí bất kỳ ngoại trừ tắt và bên ngoài trời tối.

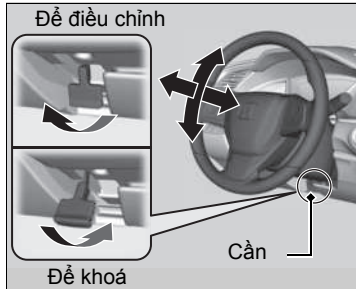
Để hủy giảm độ sáng bảng điều khiển khi các đèn bên ngoài bật, xoay nút sang bên phải cho đến khi độ sáng đạt tối đa, tiếng bíp sẽ vang lên.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Chỉnh Vô Lãng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao và khoảng cách từ vô lăng đến người bạn để có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái.



1. Kéo lấy điều chỉnh vô lăng lên.
 - Lấy điều chỉnh vô lăng nằm ở dưới trụ lái.
2. Di chuyển vô lăng lên hoặc xuống, vào trong hoặc ra ngoài.
 - Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo bằng điều khiển.
3. Ấn lấy điều chỉnh vô lăng xuống để khoá vị trí vô lăng.
 - Sau khi điều chỉnh vị trí, đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng ở một chỗ bằng cách thử lắc vô lăng lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

►► Điều Chỉnh Vô Lãng

⚠ CẢNH BÁO

Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái có thể làm bạn mất kiểm soát xe và bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

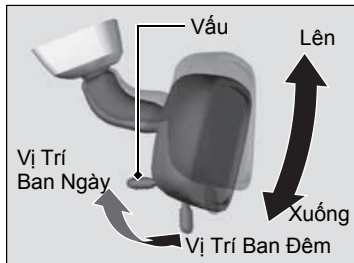
Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe đã dừng.

Điều Chỉnh Gương

Gương Chiếu Hậu Trong Xe

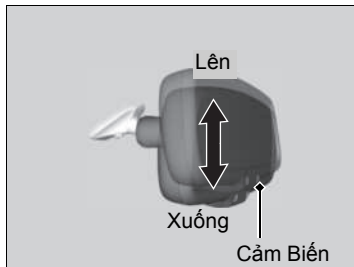
Điều chỉnh góc gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

■ Gương Chiếu Hậu với Các Vị Trí Ban Ngày và Ban Đêm*



Lật vấu để chuyển vị trí.
Vị trí ban đêm giúp giảm chói từ các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn khi lái xe trong trời tối.

■ Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự động*



Khi trời tối, gương chiếu hậu làm mờ tự động sẽ làm giảm độ chói của các đèn chiếu sáng đằng sau bạn, dựa vào tín hiệu từ cảm biến gương. Tính năng này luôn được kích hoạt.

» Điều Chỉnh Gương

Giữ cho mặt trong và mặt ngoài các gương sạch và được điều chỉnh để dễ nhìn nhất.

Điều chỉnh các gương trước khi bạn bắt đầu lái.

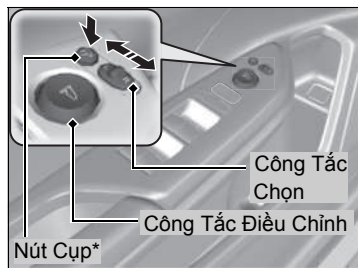
▣ **Các Ghế Trước** Tr. 226

» Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự động*

Chức năng làm mờ tự động bị huỷ khi cần số ở **R**.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Gương Cửa Điện



Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi khóa điện ở BẬT **II***1.

■ Điều chỉnh vị trí gương

Công tắc chọn L/R: Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, bật lại công tắc đến vị trí giữa.

Công tắc điều chỉnh vị trí gương: Ấn công tắc trái, phải, lên, hoặc xuống để di chuyển gương.

■ Cụp gương cửa*

Ấn nút cụp để cụp các gương cửa vào trong và ra ngoài.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa*

■ Cụp các gương cửa vào

Ấn nút khoá trên chìa khoá điều khiển từ xa hoặc ấn nút khoá cửa trên cửa bất kỳ.

- Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

■ Mở các gương cửa ra

Mở khoá tất cả các cửa và nắp khoang hành lý bằng bộ truyền tín hiệu từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa. Mở cửa phía người lái.

- Các gương bắt đầu tự động mở ra.

⊠ Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa*

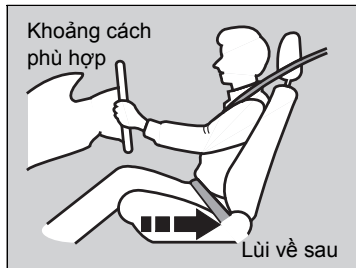
Bạn không thể sử dụng chức năng duỗi gương ra tự động nếu chúng đã được cụp vào bằng nút cụp.

Các gương cửa sẽ không tự động cụp khi xe được khoá từ bên trong bằng vấu khoá hoặc công tắc khoá cửa chính.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Chỉnh Ghế Ngồi

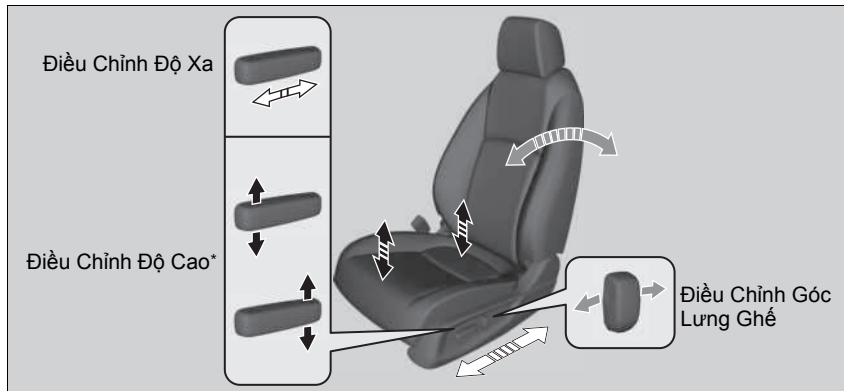
Ghế Trước



Điều chỉnh ghế người lái càng xa về phía sau càng tốt đồng thời vẫn cho phép bạn điều khiển xe tốt. Bạn nên ngồi thẳng, sát vào lưng ghế và có thể dễ dàng nhấn bàn đạp phanh mà không cần nghiêng về phía trước và điều khiển vô lăng thoải mái. Ghế của hành khách cần được điều chỉnh theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

Điều Chỉnh Vị Trí Ghế ngồi

Điều chỉnh ghế điện phía trước*



Điều Chỉnh Ghế Ngồi

⚠ CẢNH BÁO

Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo điều khiển xe thoải mái.

Để điều chỉnh ghế, bạn có thể điều chỉnh vô-lăng lên, xuống, vào, ra. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô-lăng và ngực người lái là 25cm.

Luôn luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

■ Điều chỉnh các ghế phía trước bằng tay*

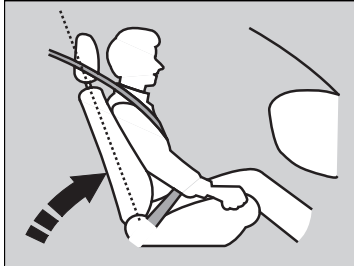


►► Điều chỉnh các ghế phía trước bằng tay*

Khi đã điều chỉnh đúng, đẩy ghế tiến và lùi để đảm bảo ghế đã được khóa chặt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Điều Chỉnh Lưng Ghế



Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, vuông góc, để một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế phía trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến một vị trí thoải mái, vuông góc.

Ngả lưng ghế quá nhiều sẽ làm cho phần đai vai của dây đai không còn thắt qua ngực người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây đai. Nó cũng làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai khi va chạm và dẫn đến trọng thương. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

►► Điều Chỉnh Lưng Ghế

⚠ CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá xa có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí vuông góc, và dựa thoải mái trên lưng ghế.

Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn.

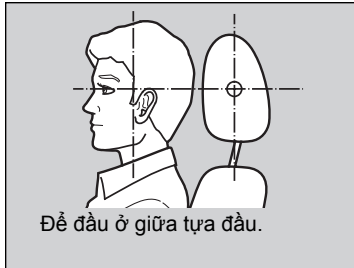
Làm vậy có thể làm giảm tác dụng của dây đai hoặc túi khí.

Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp.

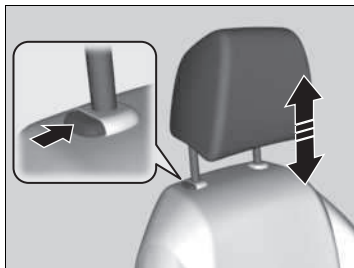
Tựa Đầu

Xe bạn được trang bị các tựa đầu ở tất cả các vị trí ngồi.

■ Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước



Các tựa đầu ghế trước có tác dụng bảo vệ để tránh tổn thương do dây đai siết lại và tổn thương do va chạm từ phía sau, khi phần giữa phía sau đầu của người sát với phần giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với phần giữa của tựa đầu.



Để nâng tựa đầu:

Kéo lên.

Để hạ tựa đầu:

Ấn xuống đồng thời ấn nút nhỏ.

►►Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước

⚠CẢNH BÁO

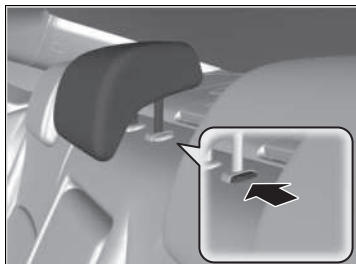
Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ bị giảm hiệu quả sử dụng và làm tăng nguy cơ trọng thương khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh hợp lý trước khi lái.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động đúng cách:

- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí thích hợp.

■ Điều Chỉnh Vị Trí Tựa Đầu Ghế Sau*



Hành khách ngồi ở ghế sau nên điều chỉnh độ cao của tựa đầu tới vị trí phù hợp trước khi xe bắt đầu di chuyển.

Để nâng tựa đầu:

Kéo lên.

Để hạ tựa đầu:

Ấn xuống đồng thời ấn nút nhỏ.

■ Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

Có thể tháo các tựa đầu để lau chùi hoặc sửa chữa.

Tháo tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó ấn nút nhỏ đồng thời kéo lên và kéo tựa đầu ra.

Lắp lại tựa đầu:

Lắp các chân vào lỗ, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến một độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhỏ. Kéo tựa đầu lên để đảm bảo nó đã được chốt chặt.

► Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

⚠ CẢNH BÁO

Lắp tựa đầu không chính xác có thể dẫn đến trọng thương khi có va chạm.

Luôn điều chỉnh các tựa đầu trước khi lái.

Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

Sau khi tắt cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu và đã thắt dây đai, điều quan trọng là họ phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn, cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ đã tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi va chạm. Ví dụ, ngã dài người trên ghế, nằm trên ghế, quay ngang quay dọc, ngồi sát về phía trước, ngã người về phía trước hoặc sang bên cạnh, để chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi va chạm sẽ rất lớn hơn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí trước đang nổ.

►► Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

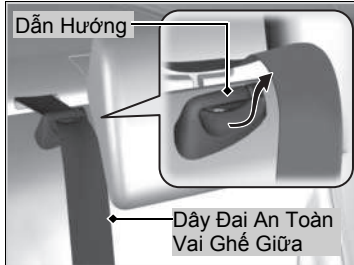
⚠ CẢNH BÁO

Ngồi không đúng cách hoặc ngồi lệch có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

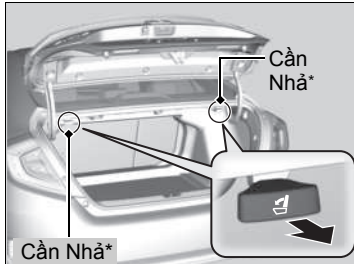
Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

Ghế Sau

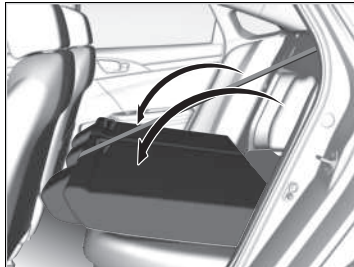
■ Gấp các Ghế Sau Xuống*



1. Gấp tựa tay vào lưng ghế.
2. Tháo dây đai an toàn vai ghế giữa ra khỏi dẫn hướng.



3. Kéo cần nhà trong nắp khoang hành lý để mở khoá.



4. Gấp lưng ghế xuống.

►► Gấp các Ghế Sau Xuống*

⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo lưng ghế đã được chốt chặt trước khi lái xe.

Có thể gập lưng ghế xuống để tạo khoảng trống cho các vật cồng kềnh trong khoang hành lý.

Không lái xe trong khi lưng ghế được gập xuống và cửa hậu mở.

➤ **Khí Xả Nguy Hiểm** Tr. 101

Để đặt lại lưng ghế ở vị trí thẳng, kéo nó về phía sau cho đến khi nó khoá lại.

Khi đẩy lưng ghế về vị trí ban đầu, đẩy mạnh nó về phía sau. Đồng thời, đảm bảo tất cả các dây đai an toàn vai ghế sau đều ở phía trước lưng ghế.

Đảm bảo lưng ghế đã gập không đè lên ghế hành khách phía trước, vì điều này sẽ làm cho cảm biến phát hiện người ngồi* ở hàng ghế hành khách phía trước hoạt động không đúng cách.

➤ **Đèn Báo Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách*** Tr. 67

► Gấp các Ghế Sau Xuống*

Đảm bảo các đồ vật trong khoang hành lý hoặc các đồ vật gác lên các ghế sau phải được buộc chặt. Đồ vật buộc lỏng có thể bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.

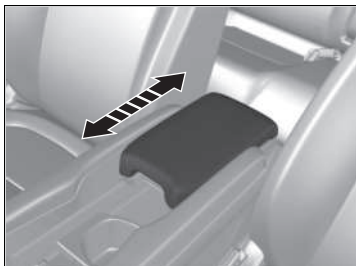
Các ghế trước phải cách các ghế sau một khoảng để không cản trở các ghế sau khi gấp chúng xuống.

Điều Khiển

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tựa Tay

■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Trước



Nắp hộp đựng đồ có thể dùng làm tựa tay.

Để điều chỉnh:

Trượt tựa tay đến vị trí mong muốn.

■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Sau

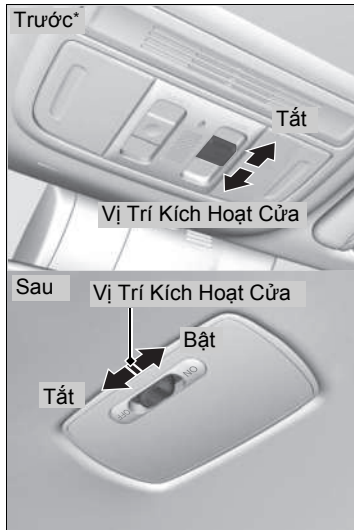


Kéo tựa tay ở lưng ghế giữa xuống.

Đèn Trong Xe/Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong

Đèn Trong Xe

Công Tác Đèn Trong Xe



■ BẬT

Các đèn trong xe sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

■ Kích hoạt cửa

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi bất cứ cửa nào mở.
- Khi bạn mở cửa phía người lái.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Bạn rút chìa khoá ra khỏi ổ khoá điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Khi chế độ nguồn được đặt ở TẮT MÁY (KHÓA).

■ TẮT

Các đèn trong xe không sáng dù cửa có mở hay không.

⌘ Công Tác Đèn Trong Xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây.

Các đèn tắt sau 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi bạn mở khoá cửa phía người lái nhưng không mở cửa.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Khi bạn rút chìa khoá ra khỏi ổ khoá điện nhưng không mở cửa nào.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA), nhưng không mở cửa nào.

Loại Xe có Màn Hình Âm Thanh

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ dần của các đèn trong xe.

🔍 Tính Năng Tùy chọn Tr. 353

Đèn trong xe tắt ngay lập tức trong những trường hợp sau:

- Khi bạn khoá cửa người lái.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Khi đóng cửa người lái bằng chìa khoá điện.
- Khi bạn xoay khoá điện đến BẬT II.

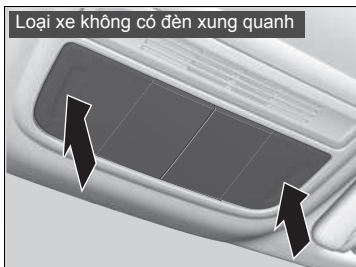
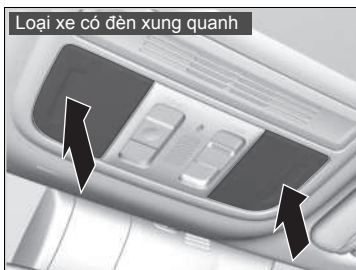
Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Khi bạn đóng cửa phía người lái với chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN.
- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Để tránh làm hao điện ắc quy, không để đèn trong xe bật trong thời gian dài khi động cơ hoặc hệ thống điện tắt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Đọc Sách



Có thể bật hoặc tắt đèn đọc sách bằng cách ấn vào các thấu kính.

►►Công Tắc Đèn Trong Xe

Nếu bạn để cửa bất kỳ mở ở chế độ TẮT MÁY (KHÓA)*, hoặc chìa khoá không cắm trong ổ khoá điện*, đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

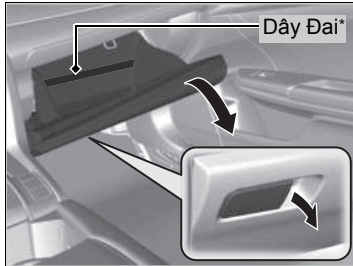
►►Đèn Đọc Sách

Loại xe có cửa sổ trời

Khi công tắc đèn bên trong ở vị trí kích hoạt cửa và có cửa nào đó mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn vào các thấu kính.

Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong

■ Hộp Đựng Đồ



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

▣ Hộp Đựng Đồ

⚠ CẢNH BÁO

Hộp đựng đồ có thể làm cho hành khách bị trọng thương khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt dây đai an toàn.

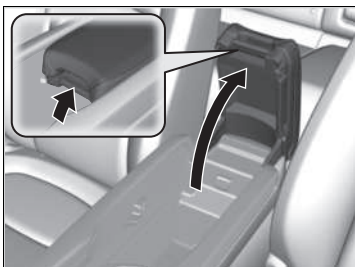
Luôn đóng hộp đựng đồ trong khi lái xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

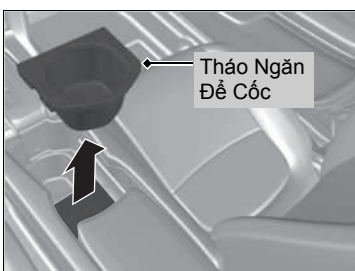
Còn nữa

Điều Khiển

Hộp Đựng Đồ Trung Tâm

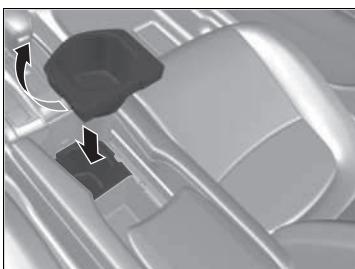


Xe của bạn có hộp đựng đồ trung tâm đa năng. Nó có một hộp đựng đồ và tựa tay. Trượt tựa tay hết cỡ về phía sau. Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.



Tháo Ngăn Để Cốc

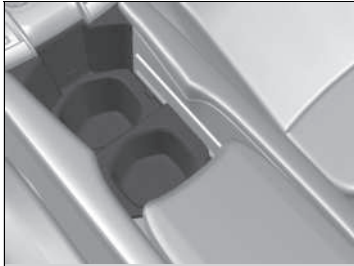
Bạn có thể tạo không gian rộng hơn bằng cách tháo ngăn để cốc.



Nếu bạn muốn tận dụng hơn nữa hộp đựng đồ:

1. Nâng ngăn để cốc có thể tháo và lật ngược lại.
2. Đặt ngăn để cốc có thể tháo lên ngăn để cốc ở phía trước.

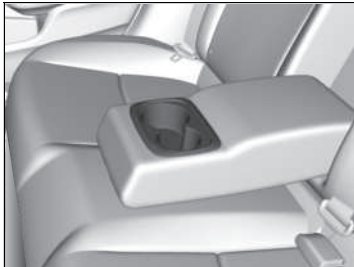
■ Ngăn Để Cốc



■ Ngăn để cốc ghế trước

Được đặt ở giữa các ghế trước.

- Trượt tựa tay về phía sau để sử dụng các ngăn để cốc



■ Ngăn để cốc ghế sau

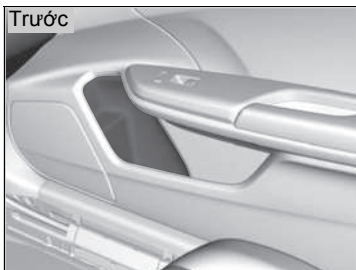
Gấp tựa tay xuống để sử dụng các ngăn để cốc ghế sau.

►►Ngăn Để Cốc

CHÚ Ý

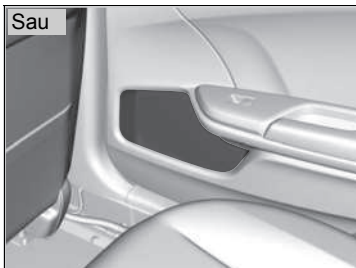
Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các thiết bị điện trong xe.

Cẩn thận khi bạn đang sử dụng ngăn để cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.



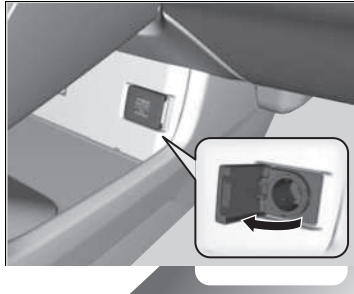
■ Ngăn để cốc ở cửa

Được đặt ở cả hai hốc ở cánh cửa trước và sau.



■ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

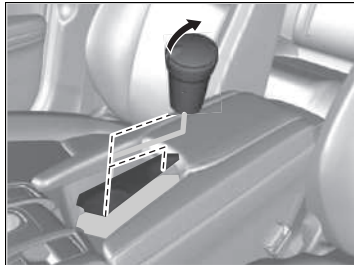
Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi khoá điện ở PHỤ KIỆN I hoặc BẬT II*1.



■ Hộp đựng đồ trung tâm

Mở nắp để sử dụng.

■ Gạt Tàn Thuốc Lá*



Gạt tàn được đặt trong các vòng để cốc có thể tháo ra được. Kéo nắp lên để mở.

⊗ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

CHÚ Ý

Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này.

Điều này có thể làm ổ cắm bị quá nhiệt.

Ổ cắm điện phụ kiện được thiết kế để cung cấp nguồn điện một chiều 12 vôn với công suất 180 W trở xuống (15 ampe).

Để tránh ác quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang chạy

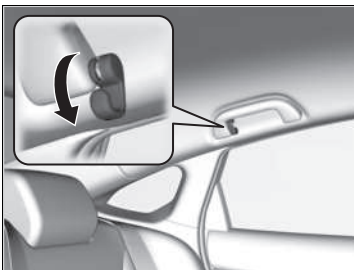
⊗ Gạt Tàn Thuốc Lá*

Để tránh hỏa hoạn có thể xảy ra và làm hỏng xe, chỉ sử dụng gạt tàn để đựng tàn thuốc lá.

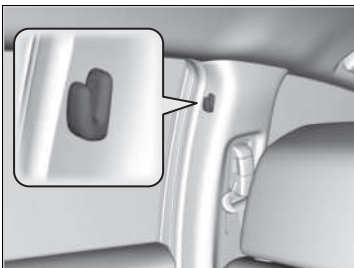
*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Móc Treo Áo*



Có một móc treo áo trên tay cầm sau trái* hoặc sau phải*. Kéo xuống để sử dụng.



Có các móc treo áo trên trụ cửa trái và phải.

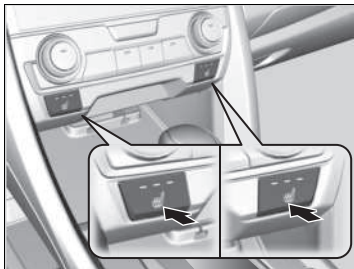
►► Móc Treo Áo*

Móc áo không được thiết kế để treo các đồ vật to hoặc nặng.

■ Bộ Sưởi Ghế Trước*



Khoá điện phải ở BẬT **II***¹ để sử dụng bộ sưởi ghế.



Ấn nút bộ sưởi ghế:

- Một lần - Chế độ HI (ba đèn báo sáng)
- Hai lần - Chế độ MID (hai đèn báo sáng)
- Ba lần - Chế độ L (một đèn báo sáng)
- Bốn lần - Chế độ OFF (không đèn báo sáng)

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Bộ Sưởi Ghế Trước*

⚠CẢNH BÁO

Khi sử dụng bộ sưởi ghế, nhiệt có thể gây ra cháy.

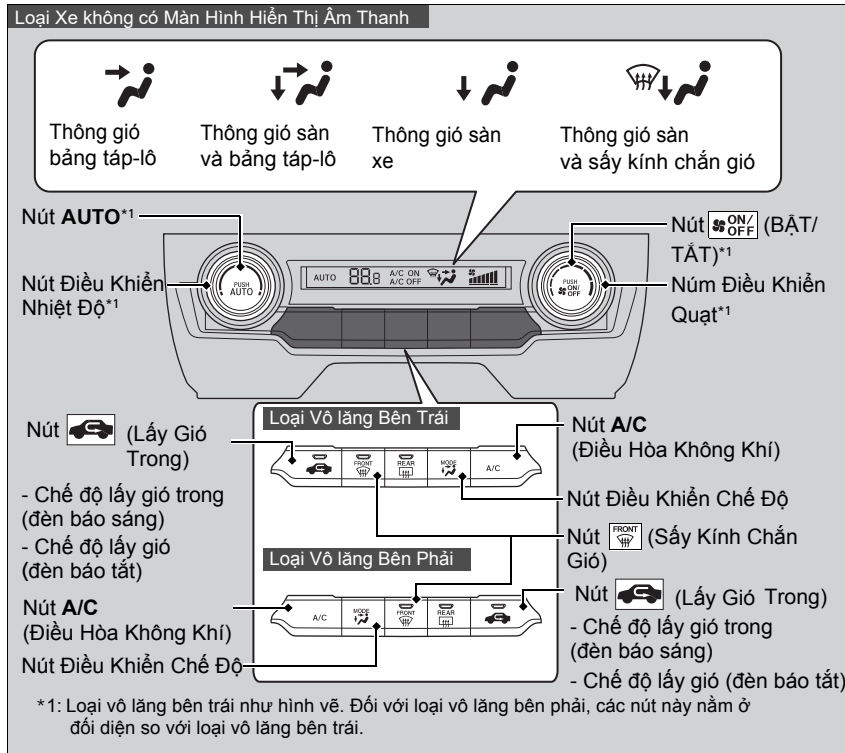
Với những người có khả năng cảm nhận nhiệt độ bị giảm (ví dụ người bị tiểu đường, dây thần kinh chi dưới bị tổn thương, hoặc bị bại liệt) hoặc người có da nhạy cảm thì không nên dùng bộ sưởi ghế.

Khi động cơ đã tắt, không nên sử dụng bộ sưởi ghế kể cả ở chế độ LO. Vì nếu dùng, ắc quy có thể bị yếu, làm động cơ khó khởi động.

Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu

Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Hệ thống điều khiển khí hậu tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ điều chỉnh nhiệt độ một cách hợp lý để làm tăng hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.



Sử dụng hệ thống khí động cơ đang chạy.

1. Ấn nút **AUTO**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng cách sử dụng nút điều khiển nhiệt độ.
3. Ấn nút **ON/OFF (BẬT/TẮT)** để hủy.

► Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Ấn nút **CLIMATE** để hiển thị **A/C**, **MODE** và thông tin điều khiển quạt trên màn hình âm thanh/thông tin để vận hành thường. Chọn biểu tượng để bật hoặc tắt **A/C**, thay đổi chế độ thông gió, hoặc thay đổi tốc độ quạt.

Nếu bạn ấn nút nào đó khi hệ thống điều khiển khí hậu đang ở tự động, chức năng của nút đó sẽ được ưu tiên.

Đèn báo **AUTO** tắt, những chức năng không liên quan đến nút mà bạn đã ấn sẽ vẫn ở chế độ tự động.

Để ngăn khí lạnh thổi vào từ bên ngoài, cánh quạt có thể khởi động với tốc độ thấp trong một lúc khi mà nút **AUTO** được ấn.

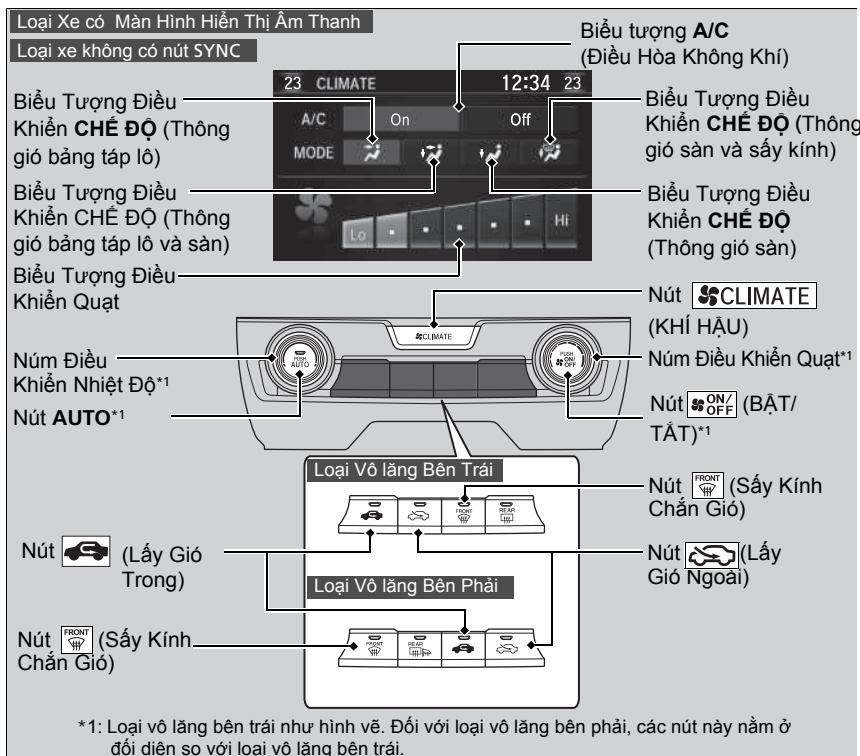
Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở một phần cửa kính, chuyển hệ thống sang chế độ tự động và cài đặt nhiệt độ xuống thấp. Chuyển chế độ lấy gió ngoài sang chế độ lấy gió trong cho đến khi nhiệt độ trong xe mát trở lại.

Loại xe có bộ sưởi

Khi bạn cài đặt nhiệt độ đến mức giới hạn trên hoặc dưới, **Lo** hoặc **Hi** được hiển thị.

Loại xe không có bộ sưởi

Khi bạn cài đặt nhiệt độ ở mức giới hạn dưới hoặc trên, **Lo** hoặc **28** sẽ hiển thị.



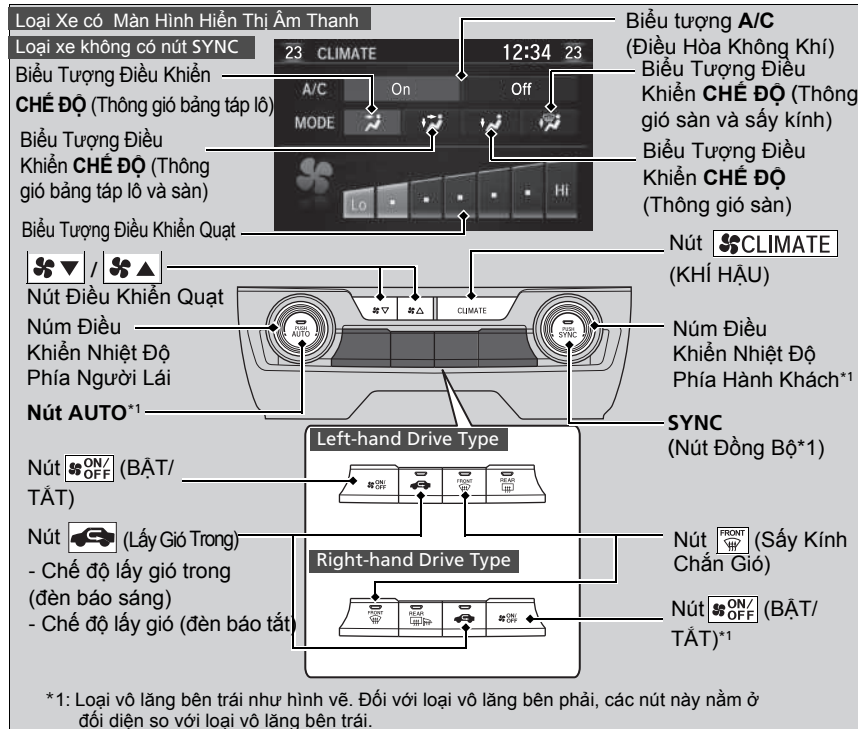
Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Ấn nút **AUTO**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng cách sử dụng nút điều khiển nhiệt độ.
3. Ấn nút **ON/OFF** (BẬT/TẮT) để huỷ.

►► Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động

Ấn nút **ON/OFF** để bật và tắt hệ thống điều khiển khí hậu. Hệ thống sẽ chọn chế độ mà bạn đã chọn lần cuối cùng.

Khi kích hoạt chế độ ECON, hiệu suất làm mát của hệ thống điều khiển khí hậu sẽ bị giảm.




Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Ấn nút **AUTO**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng cách sử dụng núm điều khiển nhiệt độ.
3. Ấn nút **ON/OFF** (BẬT/TẮT) để huỷ.

■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu



Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh và nút SYNC


Ấn nút  (lấy gió trong) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.


Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh không có nút SYNC

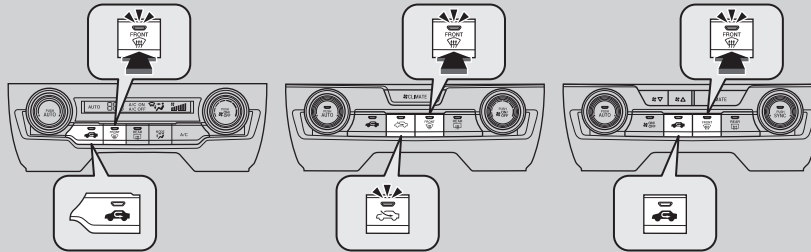
Ấn nút  (lấy gió trong) hoặc  (lấy gió ngoài) để chuyển chế độ tùy thuộc vào điều kiện môi trường.

Chế độ lấy gió trong  (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

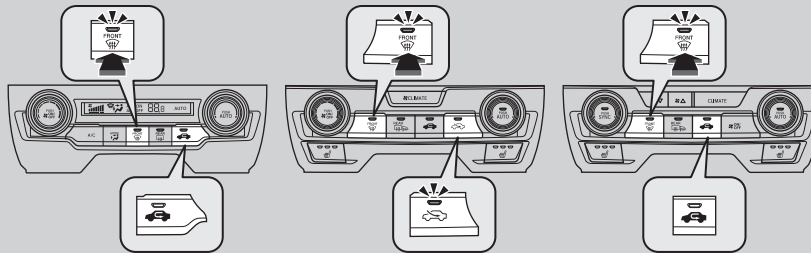
Chế độ lấy gió ngoài  (đèn báo sáng): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.


Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính


Loại Vô Lãng Bên Trái



Loại Vô Lãng Bên Phải



Ấn nút  (sấy kính chắn gió) để bật hệ thống điều hoà không khí và tự động chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Ấn lại nút  để tắt hệ thống, hệ thống sẽ trở về cài đặt trước đó.

►► Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

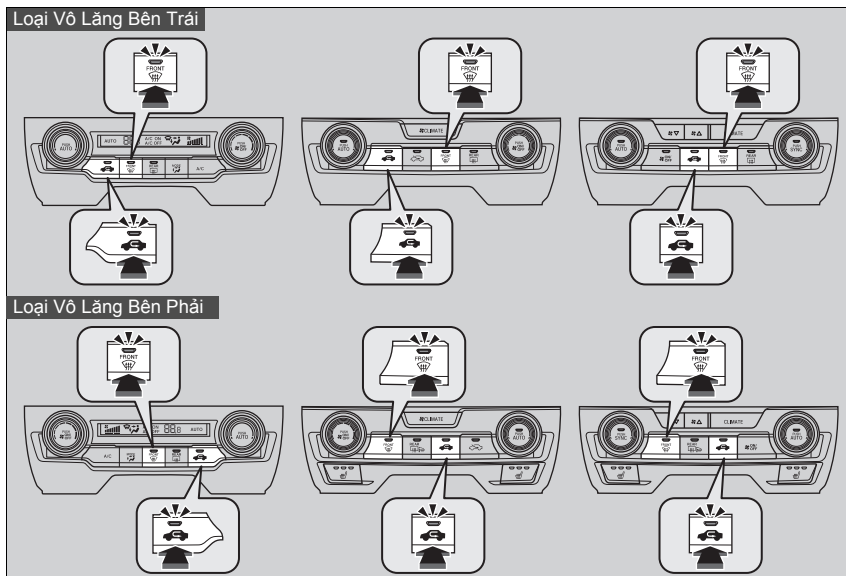
Vi sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.



Không đặt nhiệt độ gần mức giới hạn trên hoặc dưới.

Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

Nếu các cửa kính bên bị đọng sương, điều chỉnh thông gió sao cho khí phả vào các cửa kính bên.

■ Làm tan sương các cửa kính nhanh

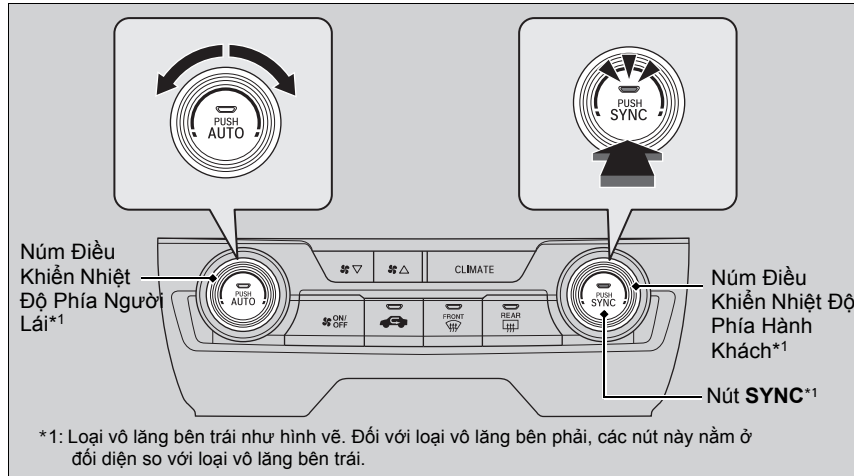


1. Ấn nút .
2. Ấn nút .

►► Làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương, chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ tuần hoàn khí trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm. Điều này có thể làm giảm tầm nhìn.

Chế Độ Đồng Bộ*



Bạn có thể cài đặt đồng thời nhiệt độ phía người lái và hành khách ở chế độ đồng bộ.

1. Ấn nút **SYNC**.


► Hệ thống chuyển sang chế độ đồng bộ.

2. Điều chỉnh nhiệt độ bằng cách sử dụng núm điều khiển phía người lái.

Ấn nút **SYNC** hoặc thay đổi cài đặt nhiệt độ phía hành khách để trở lại chế độ điều hoà hai vùng.

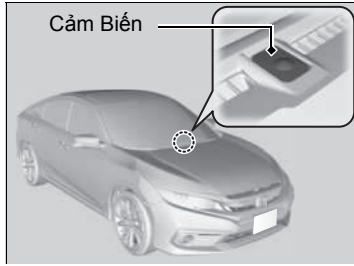
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Chế Độ Đồng Bộ*

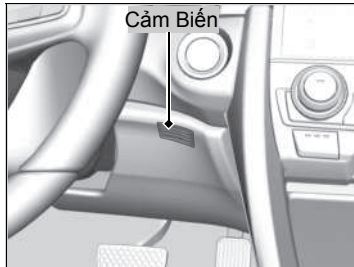
Khi ấn nút , hệ thống sẽ chuyển sang chế độ đồng bộ.

Khi hệ thống ở chế độ điều hoà hai vùng, nhiệt độ phía người lái và nhiệt độ phía hành khách có thể được cài đặt riêng biệt.

Các Cảm Biến Điều Khiển Khí Hệu Tự Động



Hệ thống điều khiển khí hệu tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm tràn chất lỏng vào các cảm biến này.



Tính Năng

Chương này mô tả cách vận hành các tính năng công nghệ.

Hệ Thống Âm Thanh*

Hệ Thống Âm Thanh	254
(Các) Cổng USB	255
Cổng HDMI™*	256
Bảo Vệ Hệ thống Âm Thanh*	257
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa	258

Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống

Âm Thanh	262, 283
Thông Báo Lỗi Âm Thanh	338

Thông Tin Chung Về Hệ Thống Âm

Thanh	340
Tính Năng Tùy Chọn	346, 353

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh

Tay	377, 398
-----------	----------

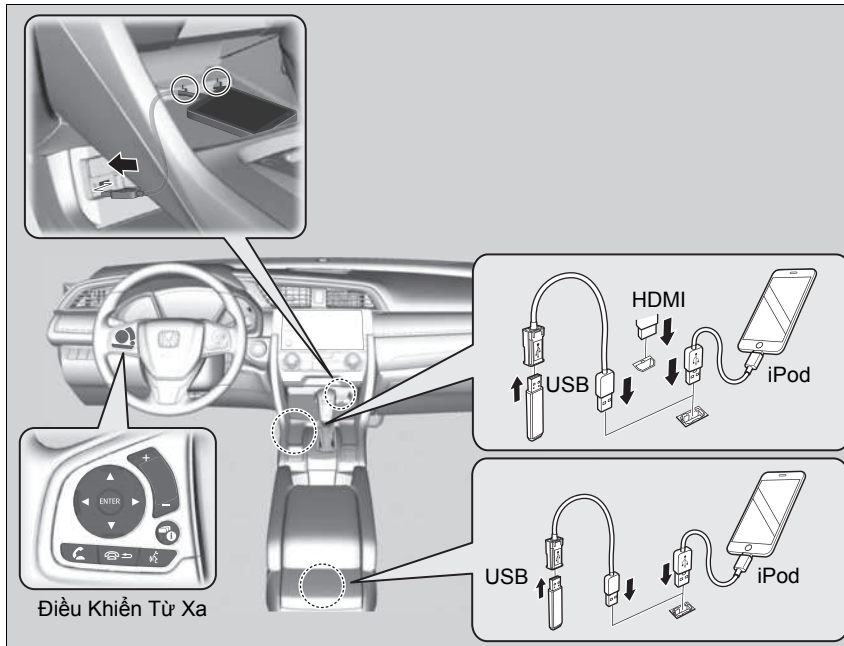
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Âm Thanh*

Hệ Thống Âm Thanh

Hệ thống âm thanh có tính năng đài AM/FM. Hệ thống này cũng có thể phát USB, iPod, iPhone, *Bluetooth*[®] và các thiết bị HDMI[™].*

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh bằng các nút và các công tắc trên bảng điều khiển, điều khiển từ xa trên vô lăng, hoặc các biểu tượng trên màn hình cảm ứng*.

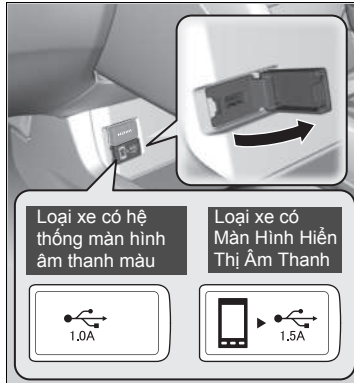


Tính Năng

»Hệ Thống Âm Thanh

iPod, iPhone và iTunes là thương hiệu của Tập Đoàn Apple.

(Các) Cổng USB



Cắm đầu kết nối thiết bị USB hoặc USB vào cổng USB.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

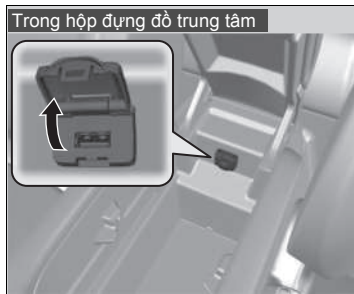
- Có thể sử dụng cổng USB (1,0 A) để phát các file âm thanh trong USB, kết nối điện thoại di động và nạp điện các thiết bị.

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

- Có thể sử dụng USB (1,5 A) để nạp điện các thiết bị, phát các file âm thanh và kết nối các điện thoại tương thích với kết nối điện thoại thông minh, Apple CarPlay hoặc Android Auto.
- Để tránh các vấn đề tiềm ẩn, hãy sử dụng Đầu nối được Apple MFi chứng nhận cho Apple CarPlay, và cho Android Auto, cáp USB phải đạt tiêu chuẩn USB 2.0 của USB-IF .

■ Trong hộp đựng đồ trung tâm*

Có thể sử dụng cổng USB (1,0 A) để phát các file âm thanh trong USB, kết nối điện thoại di động và nạp điện các thiết bị.



*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► (Các) Cổng USB

- Không để iPod hoặc USB trong xe. Nhiệt độ cao và ánh nắng mặt trời trực tiếp có thể làm hỏng chúng.
- Bạn nên sử dụng nắp mở rộng cho cổng USB.
- Không nối iPod hoặc USB bằng bộ nối ngoài.
- Không sử dụng thiết bị như: đầu đọc thẻ, ổ cứng, vì thiết bị hoặc các tệp tin có thể bị hỏng.
- Bạn nên lưu trữ dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

Nếu hệ thống âm thanh không nhận diện iPod, thử kết nối lại vài lần hoặc khởi động lại thiết bị. Để khởi động lại, làm theo chỉ dẫn của nhà sản xuất trong cuốn hướng dẫn đi kèm với iPod hoặc truy cập trang web www.apple.com/ipod.

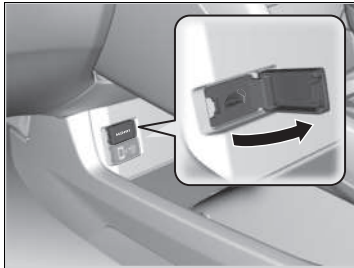
Nạp điện qua cổng USB

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 1,0A/1,5A. Nó không cấp đầu ra 1,0 A/1,5 A nếu thiết bị không yêu cầu.

Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần nạp. Trước tiên, xoay khóa điện đến PHỤ KIỆN hoặc BẬT *1.

Ở điều kiện nhất định, thiết bị được nối với cổng có thể gây nhiễu khi bạn nghe radio.

Cổng HDMI™*



1. Mở nắp.
2. Cắm đầu cáp HDMI™ vào cổng HDMI™.

⌘ Cổng HDMI™*


- Không được để thiết bị đã kết nối HDMI™ trong xe. Ánh nắng trực tiếp từ mặt trời và nhiệt độ cao có thể làm hỏng nó.
- Bạn nên lưu trữ dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

Thuật ngữ HDMI và HDMI High-Definition Multimedia Interface và Logo HDMI là các thương hiệu đã được đăng ký nhãn hiệu bởi HDMI Licensing LLC tại Mỹ và các quốc gia khác.

Bảo Vệ Hệ thống Âm Thanh*

Hệ thống âm thanh không hoạt động khi không có điện, ví dụ: khi tháo ắc quy hoặc ắc quy hết điện. Trong một số trường hợp, hệ thống có thể hiển thị nhập mã trên màn hình. Nếu điều này xảy ra, hãy kích hoạt lại hệ thống âm thanh.

■ Kích hoạt lại hệ thống âm thanh

1. Xoay khoá điện đến BẬT *1.
2. Bật hệ thống âm thanh.
3. Ấn và giữ nút nguồn hệ thống âm thanh trong hơn hai giây.
 - Hệ thống âm thanh được kích hoạt lại khi bộ điều khiển âm thanh thiết lập một kết nối với bộ điều khiển của xe. Nếu bộ điều khiển xe không nhận diện được bộ điều khiển âm thanh, hãy đến đại lý để kiểm tra bộ âm thanh.

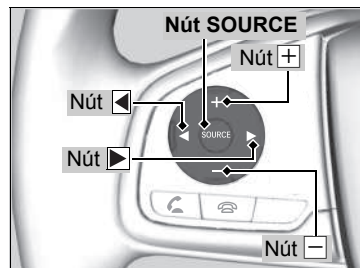
*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe.




Nút SOURCE

Thứ tự các chế độ âm thanh như sau:
FM1 → FM2 → LW → AM → USB/iPod →
Bluetooth® Audio

Các nút (Âm Lượng) + -


Ấn : Để tăng âm lượng.

Ấn : Để giảm âm lượng.


Các nút

- Khi nghe radio


Ấn : Để chọn kênh radio cài đặt sẵn tiếp theo.


Ấn : Để chọn kênh radio cài đặt sẵn trước đó.

Ấn và giữ : Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.


Ấn và giữ : Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.


- Khi nghe iPod, USB, hoặc âm thanh *Bluetooth®*

Ấn : Để bỏ qua sang bài tiếp theo.

Ấn : Để trở lại phần đầu của bài hát hiện tại hoặc bài trước.

- Khi nghe USB hoặc âm thanh *Bluetooth®*

Ấn và giữ : Để bỏ qua sang thư mục tiếp theo.

Ấn và giữ : Để trở lại thư mục trước đó.

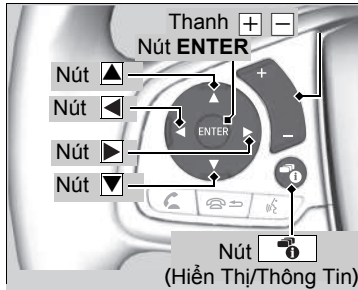
►► Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth®* mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không có trong hệ thống âm thanh.

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh khi đang lái xe. Thông tin hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



Các nút ▲ ▼

Ấn ▲ hoặc ▼ xem theo thứ tự các chế độ âm thanh như sau:

FM → DAB* → AM → USB → iPod → *Bluetooth*® Audio → Apps* → Audio Apps*
→ AUX-HDMI™

Nút ENTER

- Khi nghe radio

1. Trên màn hình âm thanh ở giao diện thông tin cho người lái, ấn **ENTER** để chuyển sang hiển thị danh sách kênh cài đặt sẵn mà bạn lưu bằng các nút cài đặt sẵn.

2. Ấn ▲ hoặc ▼ để chọn một cài đặt sẵn, sau đó ấn **ENTER**.

- Khi nghe nhạc bằng USB

1. Trên màn hình âm thanh ở giao diện thông tin cho người lái, ấn **ENTER** để hiển thị danh sách thư mục.

2. Ấn ▲ hoặc ▼ để chọn thư mục.

3. Ấn **ENTER** để hiển thị danh sách bài hát trong thư mục đó.


4. Ấn ▲ hoặc ▼ để chọn bài, sau đó ấn **ENTER**.


* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa









Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.



Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không có trong hệ thống âm thanh.


Ấn nút  (Gác máy/Trở lại) để trở lại lệnh trước đó hoặc huỷ một lệnh.

Ấn nút  (Hiển Thị/Thông Tin) để chuyển đổi màn hình hiển thị.

► Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị Tr. 284

- Khi nghe iPod
 1. Trên màn hình âm thanh ở màn hình giao diện thông tin cho người lái, ấn **ENTER** để hiển thị danh sách nhạc iPod.
 2. Ấn  hoặc  để chọn hạng mục.
 3. Ấn **ENTER** để hiển thị các mục trong hạng mục.
 4. Ấn  hoặc  để chọn một mục, sau đó ấn **ENTER**.
 - Ấn **ENTER** và ấn đi ấn lại  hoặc  cho đến khi hiển thị chế độ mà bạn muốn nghe.
- Khi nghe Âm Thanh *Bluetooth*[®]
 1. Trên màn hình âm thanh ở giao diện thông tin cho người lái, ấn **ENTER** để hiển thị danh sách bài hát.
 2. Ấn  hoặc  để chọn một bài, sau đó ấn **ENTER**.

Thanh   (Âm Lượng)

Ấn : Để tăng âm lượng.

Ấn : Để giảm âm lượng.

Các nút ◀ ▶

- Khi nghe radio

Ấn ▶ : Để chọn kênh radio cài đặt sẵn tiếp theo.

Ấn ◀ : Để chọn kênh radio cài đặt sẵn trước đó.

Ấn và giữ ▶ : Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.
Để chọn dịch vụ tiếp theo (DAB).*

Ấn và giữ ◀ : Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.
Để chọn dịch vụ trước đó (DAB).*

- Khi nghe iPod, USB hoặc Âm Thanh *Bluetooth*®

Ấn ▶ : Để bỏ qua sang bài tiếp theo.

Ấn ◀ : Để trở lại phần đầu của bài hát hiện tại hoặc bài trước đó.

- Khi nghe USB

Ấn và giữ ▶ : Để bỏ qua sang thư mục theo.

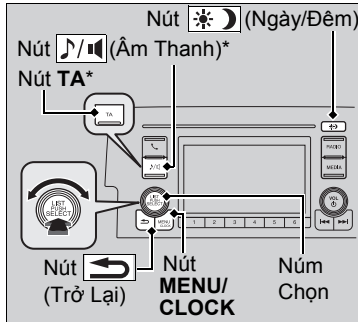
Ấn và giữ ◀ : Để trở lại thư mục trước đó.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Để sử dụng hệ thống âm thanh, khoá điện phải ở PHỤ KIỆN I hoặc BẬT II*1.



Sử dụng nút chọn hoặc nút **MENU/CLOCK** để truy cập một số chức năng âm thanh.

Ấn để chuyển đổi giữa hiển thị thường và mở rộng đối với một số chức năng.

Nút chọn: Xoay sang trái hoặc phải để di chuyển đến các mục lựa chọn có sẵn. Ấn để thiết lập lựa chọn.

Nút MENU/CLOCK: Ấn để chọn chế độ bất kỳ.

Chế độ có sẵn gồm hình nền, màn hình hiển thị, đồng hồ, cài đặt ngôn ngữ và chế độ phát. Có thể chọn các chế độ phát từ chế độ scan (quét), random (ngẫu nhiên), repeat (lặp Lại) và các chế độ khác.

Nút [Back] (Trở Lại): Ấn để quay trở lại màn hình hiển thị trước.

Nút [Music] (Âm Thanh)*:

Ấn để chọn chế độ cài đặt âm thanh.

Nút TA*: Ấn để kích hoạt kênh TA.

Nút : [Sun/Moon] (Ngày/Đêm): Ấn để thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin.

Ấn nút sau đó điều chỉnh độ sáng bằng nút .

► Mỗi khi bạn ấn nút , màn hình sẽ chuyển sang chế độ ban ngày, ban đêm và chế độ tắt.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

» Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Các ký hiệu này được sử dụng để hiển thị cách vận hành nút chọn.

Xoay để chọn.

Ấn để thực hiện.

Các Mục Danh Mục

► **Điều Chỉnh Đồng Hồ** Tr. 170

► **Cài Đặt Hình Nền** Tr. 265

► **Cài Đặt Hiển Thị** Tr. 268

► **Quét** Tr. 270, 279

► **Chế Độ Phát** Tr. 276, 279

► **Cài Đặt RDS** Tr. 271

► **Bluetooth** Tr. 280

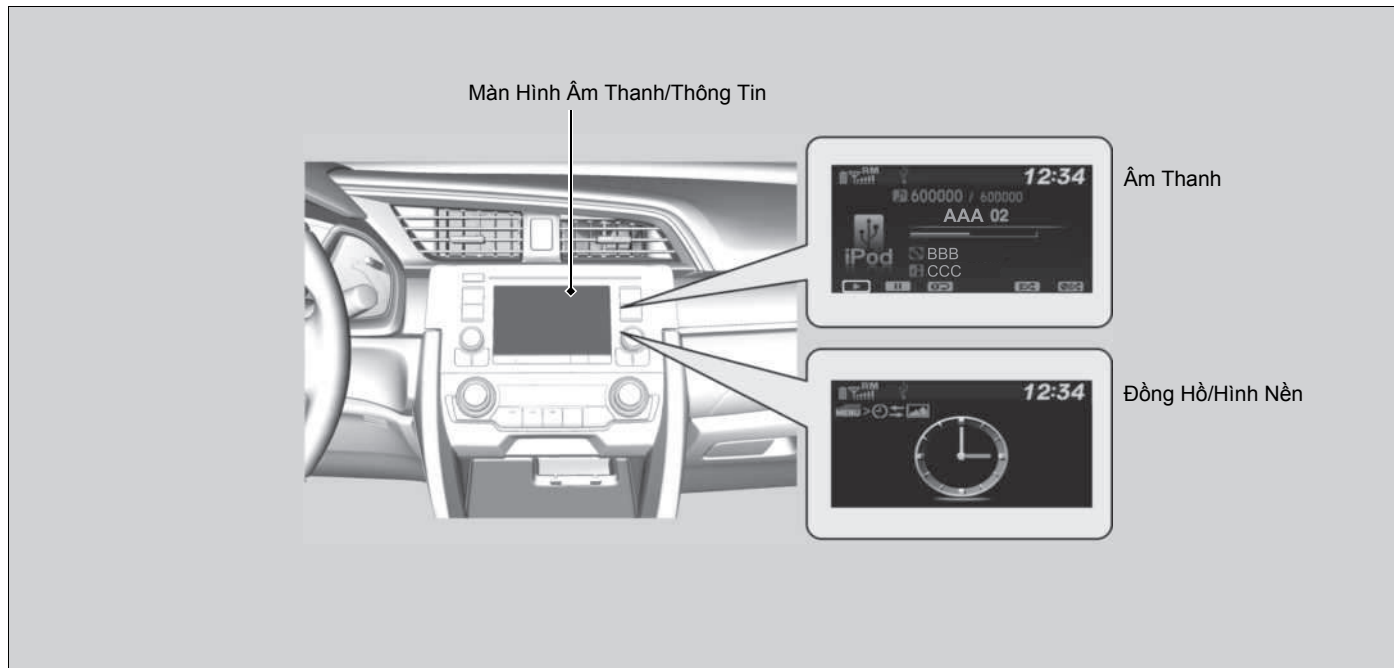
Ấn nút **SOURCE**, , , hoặc trên vô lăng để thay đổi cài đặt âm thanh.

► **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa** Tr. 258

Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và hình nền. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị









■ Âm Thanh

Hiển thị thông tin âm thanh đang phát.

■ Đồng Hồ/Hình Nền

Hiển thị màn hình đồng hồ và hình ảnh bạn nhập.

■ Thay đổi màn hình

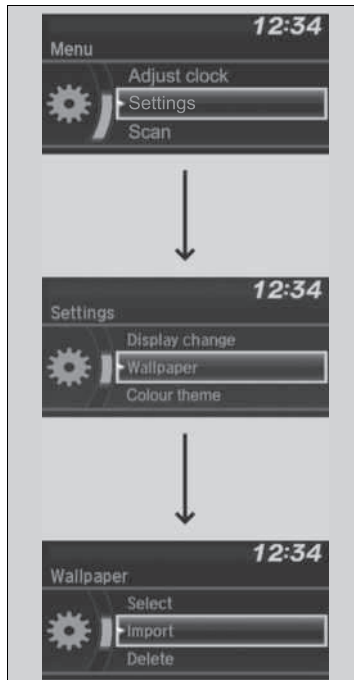
1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Display change**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn .
 - Nếu bạn muốn trở lại màn hình âm thanh/thông tin, chọn **Audio**.

■ Cài Đặt Hình Nền

Bạn có thể thay đổi, lưu và xoá hình nền trên màn hình âm thanh/thông tin.

■ Nhập hình nền

Bạn có thể nhập lần lượt lên tới ba hình ảnh từ USB làm hình nền.











1. Cắm USB vào cổng USB.
 ► (Các) Cổng USB Tr. 255
2. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
3. Xoay để chọn **Settings**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn .
5. Xoay để chọn **Import**, sau đó ấn .
 ► Tên hình ảnh được hiển thị trong danh sách.
6. Xoay để chọn hình ảnh bạn muốn, sau đó ấn .
 ► Hình ảnh đã chọn được hiển thị.
7. Ấn để lưu hình ảnh.
8. Ấn để chọn **OK**.
9. Xoay để chọn vị trí lưu hình ảnh, sau đó ấn .
 ► Màn hình hiển thị sẽ trở lại màn hình cài đặt hình nền.









► Cài Đặt Hình Nền

- Khi nhập tệp tin hình nền, hình ảnh phải nằm trực tiếp trong USB. Không thể nhập các hình ảnh trong một thư mục con.
- Tên hình ảnh phải ít hơn 64 ký tự.
- Định dạng hình ảnh có thể nhập là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Giới hạn dung lượng ảnh là 2 MB.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 1.920 × 936 pixels. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 480 × 234 pixels, hình ảnh được hiển thị ở giữa màn hình bao quanh bởi phông nền đen.
- Số lượng hình ảnh có thể chọn lên đến 255.
- Nếu trong USB không có hình ảnh nào, thông báo lỗi sẽ xuất hiện.











■ Chọn hình nền

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Select**, sau đó ấn .
► Màn hình chuyển sang danh sách hình nền.
5. Xoay  để chọn hình nền bạn muốn, sau đó ấn .


■ Xem hình nền đã được cài đặt

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Display change**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn .
► Màn hình chuyển sang danh sách hình nền.
5. Xoay  để chọn hình nền bạn muốn, sau đó ấn .

■ Xoá hình nền

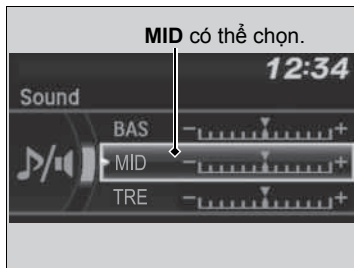
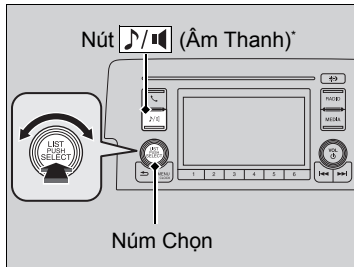
1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Wallpaper**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Delete**, sau đó ấn .
► Màn hình chuyển sang danh sách hình nền.
5. Xoay  để chọn hình nền bạn muốn xoá, sau đó ấn .
6. Xoay  để chọn **Yes**, sau đó ấn .
► Màn hình hiển thị sẽ trở lại màn hình cài đặt hình nền.

▣ Cài Đặt Hình Nền

Để trở lại màn hình trước đó, ấn nút (Back) .

Nếu kích thước ảnh lớn, phải mất một thời gian để hiển thị ảnh.

Điều Chỉnh Âm Thanh

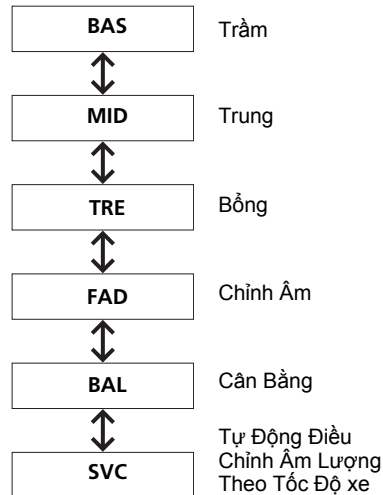


Loại xe có nút Âm Thanh (âm thanh)

Ấn nút Âm Thanh (âm thanh), và xoay để xem qua các lựa chọn sau:

Loại xe không có nút Âm Thanh (âm thanh)

Ấn nút MENU/CLOCK và xoay để chọn **Sound**, sau đó ấn . Xoay để xem qua các lựa chọn sau:



Xoay để điều chỉnh cài đặt âm thanh, sau đó ấn .

►► Điều Chỉnh Âm Thanh

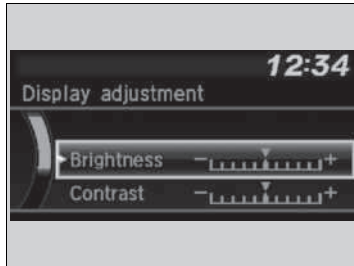
SVC có bốn chế độ: **Off** (Tắt), **Low** (Nhỏ), **Mid** (Trung bình), và **High** (To). SVC điều chỉnh mức âm lượng dựa vào tốc độ của xe. Khi bạn đi nhanh hơn, âm lượng âm thanh tăng. Khi xe đi chậm lại, âm lượng âm thanh giảm.





* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

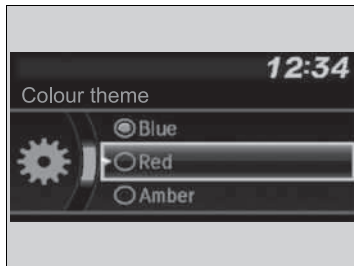
Bạn có thể thay đổi độ sáng, màu nền của màn hình âm thanh/thông tin.







Thay Đổi Độ Sáng Màn Hình



1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Display adjustment**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Brightness**, sau đó ấn .
5. Xoay  để điều chỉnh cài đặt, sau đó ấn .

Thay Đổi Màu Nền Của Màn Hình

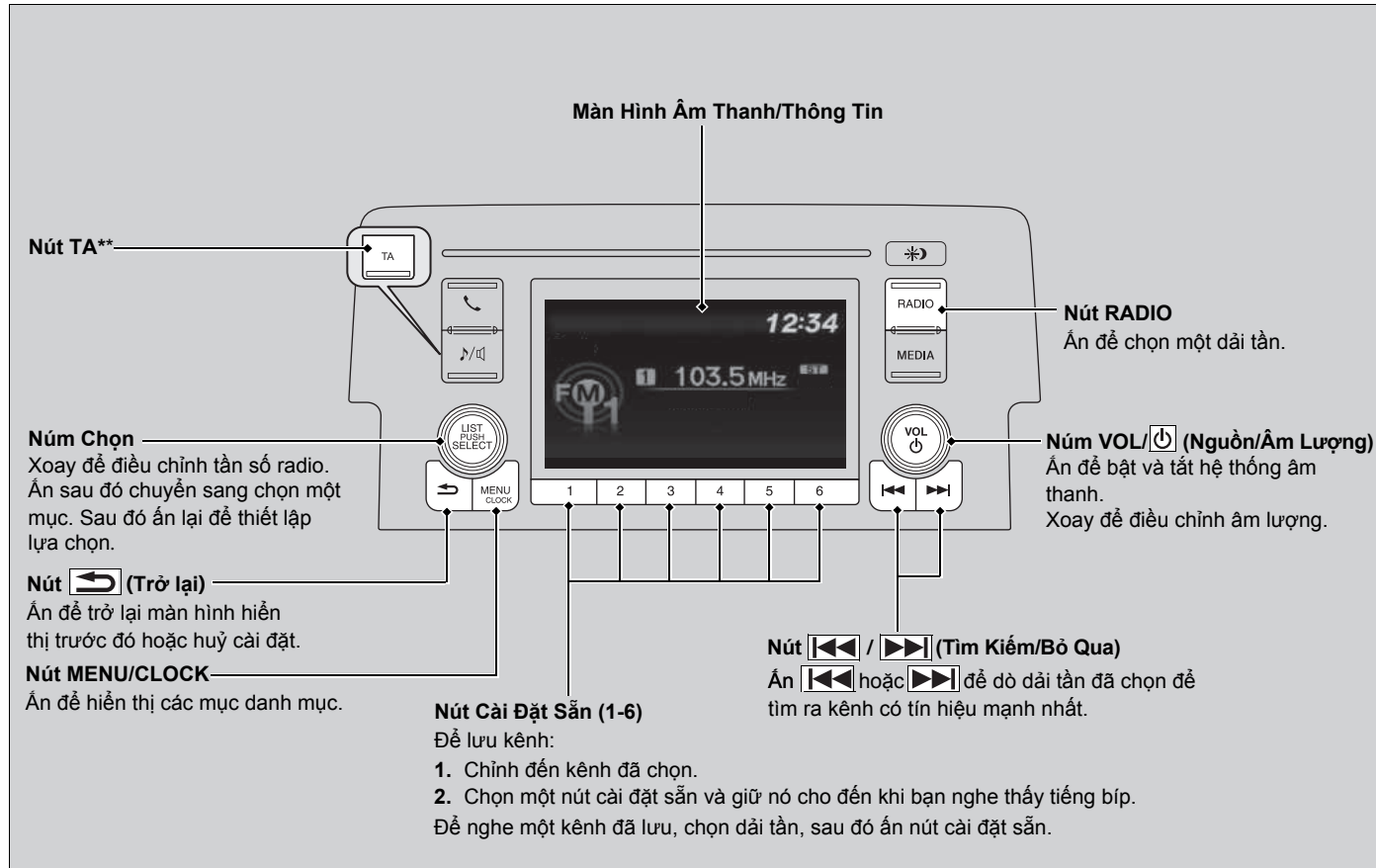


1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Colour theme**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn cài đặt bạn muốn, sau đó ấn .

Thay Đổi Độ Sáng Màn Hình

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Contrast (Độ tương phản)** và **Black level (Độ tối)** theo cách này.

Bật Đài AM/FM






Tính Năng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe




■ Danh Sách Kênh

Danh sách các kênh có tần số mạnh nhất trong dải được chọn.

1. Ấn  khi đang nghe radio.
2. Xoay  để chọn kênh, sau đó ấn .



■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.

1. Ấn  khi đang nghe radio.
2. Xoay  để chọn **Update list**, sau đó ấn .

■ Quét

Nghe thử từng kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần được chọn trong khoảng 10 giây.

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn Scan, sau đó ấn .

Để tắt quét, ấn .

►►Bật Đài AM/FM

Đèn báo **ST** xuất hiện trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi. Đài AM âm thanh nổi chưa được tái tạo.

Chuyển Đổi Chế Độ Âm Thanh

Ấn nút **SOURCE** trên vô lăng.




► **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa** Tr. 258

Bạn có thể lưu 6 kênh AM và 12 kênh FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn. Mỗi FM1 và FM2 cho phép bạn lưu được 6 kênh.

Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

Cung cấp thông tin dữ liệu văn bản liên quan đến kênh FM có RDS đã chọn.

■ Để tìm một kênh RDS từ Danh Sách Kênh

1. Ấn  trong khi nghe kênh FM.
2. Xoay  để chọn kênh, sau đó ấn .






■ Cập Nhật Danh Sách

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn bất cứ khi nào.

1. Ấn  trong khi nghe kênh FM.
2. Xoay  để chọn **Update list**, sau đó ấn .







■ Dữ liệu văn bản Radio

Hiển thị thông tin văn bản radio của kênh RDS đã chọn.

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **RDS settings**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **Radio text**, sau đó ấn .
 - ▶ Chọn lại **Radio text** để tắt nó.

■ Tần Số Thay Thế (AF)

Tự động chuyển sang tần số của kênh tương tự khi di chuyển sang vùng khác.


1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **RDS settings**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **AF**, sau đó ấn .
 - ▶ Chọn lại **AF** để tắt nó.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

▶▶ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*







Khi bạn chọn kênh FM có RDS, RDS tự động bật và màn hình hiển thị tần số sẽ chuyển sang hiển thị tên kênh. Tuy nhiên, khi các tín hiệu của kênh yếu, màn hình hiển thị sẽ chuyển từ hiển thị tên kênh sang hiển thị tần số.

Khi bật và tắt chức năng Tần số Thay thế (AF) thì RDS cũng bật và tắt tương ứng.

Ấn  để chuyển giữa bật và tắt chức năng.







■ Kênh Trong Vùng (REG)

Giữ tần số của các kênh tương tự trong vùng kể cả khi tín hiệu yếu.

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **RDS settings**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **REG**, sau đó ấn 
 - Chọn lại **REG** để tắt nó.

■ Thời Sự

Tự động chỉnh sang chương trình thời sự.

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **RDS settings**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn **News**, sau đó ấn 
 - Chọn lại **News** để tắt nó.

■ Nút bản tin giao thông (TA)

Chức năng chờ TA cho phép hệ thống chờ các bản tin giao thông ở bất kỳ chế độ nào. Kênh được chỉnh cuối cùng phải là kênh chương trình giao thông có RDS.

Để bật chức năng này: Ấn nút **TA**. Khi bản tin giao thông bắt đầu phát ở kênh được chỉnh lần cuối, hệ thống sẽ tự động chuyển sang chế độ FM. TA-INFO hiển thị trên màn hình. Hệ thống sẽ trở lại chế độ được chọn lần cuối sau khi kết thúc bản tin giao thông.

Nếu bạn muốn trở lại chế độ đã chọn lần cuối trong khi đang có bản tin giao thông, ấn lại nút **TA**.

Để huỷ chức năng này: Ấn nút **TA**.

⌘ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

TA*

Khi bạn ấn nút **TA**, đèn báo **TA** sẽ hiển thị trên màn hình.

Nếu bạn chọn **Scan** trong khi chức năng chờ TA đang bật, hệ thống sẽ chỉ tìm kiếm kênh TP.

Ấn nút **TA** trong khi bản tin giao thông đang bật sẽ không huỷ chức năng chờ TA.

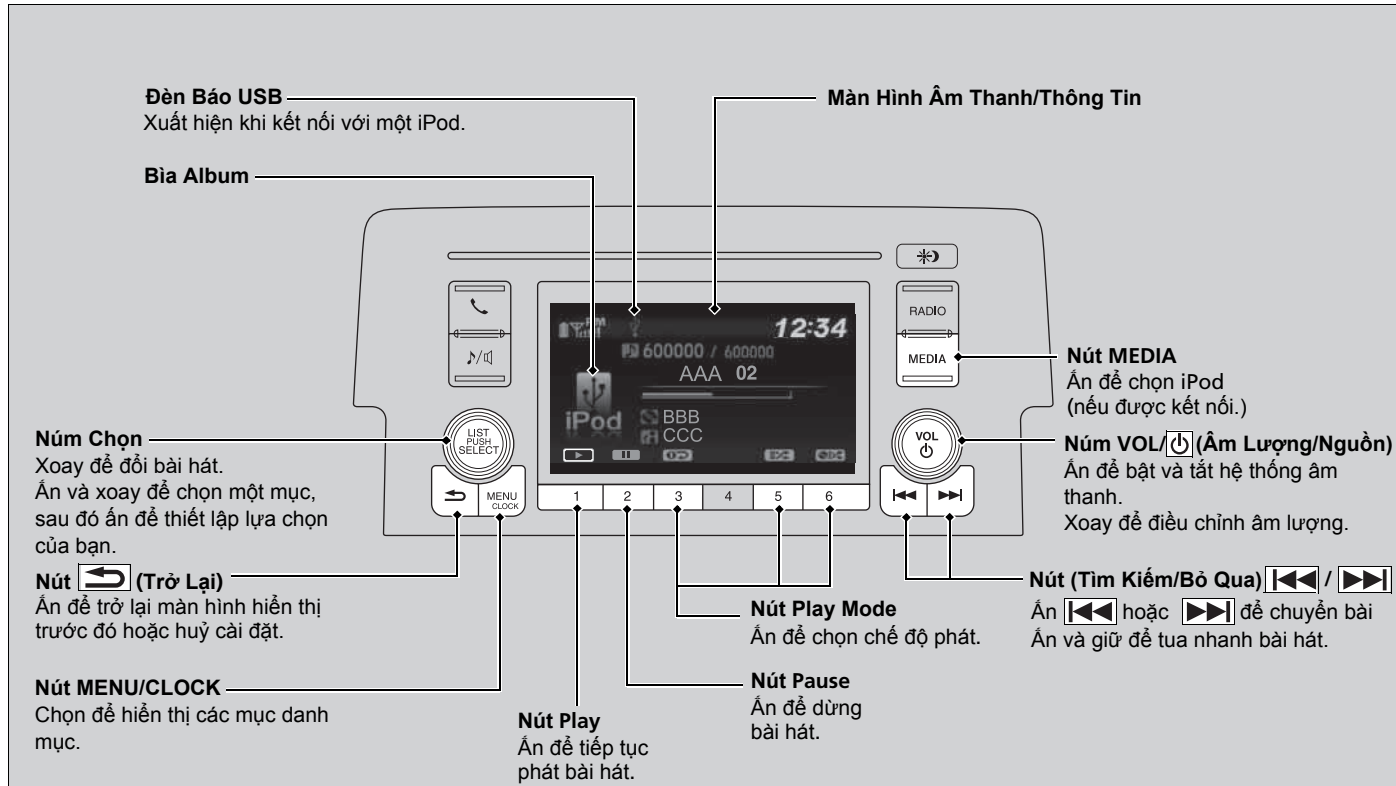
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bật iPod

Nối iPod với cổng USB bằng đầu nối USB, sau đó ấn nút **MEDIA**.


► (Các) Cổng USB Tr. 255


Tính Năng








Cách Chọn Bài Hát từ Danh Sách Bài Hát trong iPod bằng Núm Chọn



1. Ấn  để hiển thị danh sách bài hát trong iPod.

2. Xoay  để chọn hạng mục.

3. Ấn  để hiển thị các mục trong danh sách các hạng mục.

4. Xoay  để chọn một mục, sau đó ấn .
► Ấn  và xoay  nhiều lần cho đến khi hiển thị mục mà bạn muốn nghe.

►► Bật iPod

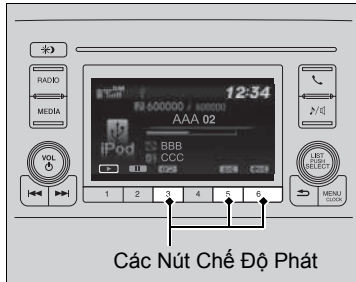
Các chức năng hoạt động là khác nhau tùy theo loại xe hoặc phiên bản xe. Một số chức năng có thể không có trên hệ thống âm thanh của xe.

Nếu có sự cố, một thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

► iPod/USB Tr. 338

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ lặp lại hoặc trộn bài trong một danh mục bài hát.



Các Nút Chế Độ Phát

Biểu tượng chế độ có trong danh sách sẽ xuất hiện phía trên các nút chế độ phát. Ấn vào nút chế độ nào mà bạn muốn chọn.

■ Tắt một chế độ phát

Ấn nút đã chọn.

►► Cách Chọn Chế Độ Phát

Các Chế Độ Phát

Phát ngẫu nhiên các album: Phát tất cả các album trong hạng mục đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, thể loại, hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.

Phát ngẫu nhiên tất cả các bài hát: Phát tất cả các bài hát trong hạng mục đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, thể loại, hoặc nhạc sỹ) theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp lại một bài hát: Lặp lại bài hát hiện tại.

Bạn có thể chọn chế độ phát bằng cách ấn nút **MENU/CLOCK**.

Xoay để chọn **Play mode**, sau đó ấn .

Xoay để chọn một chế độ, sau đó ấn .

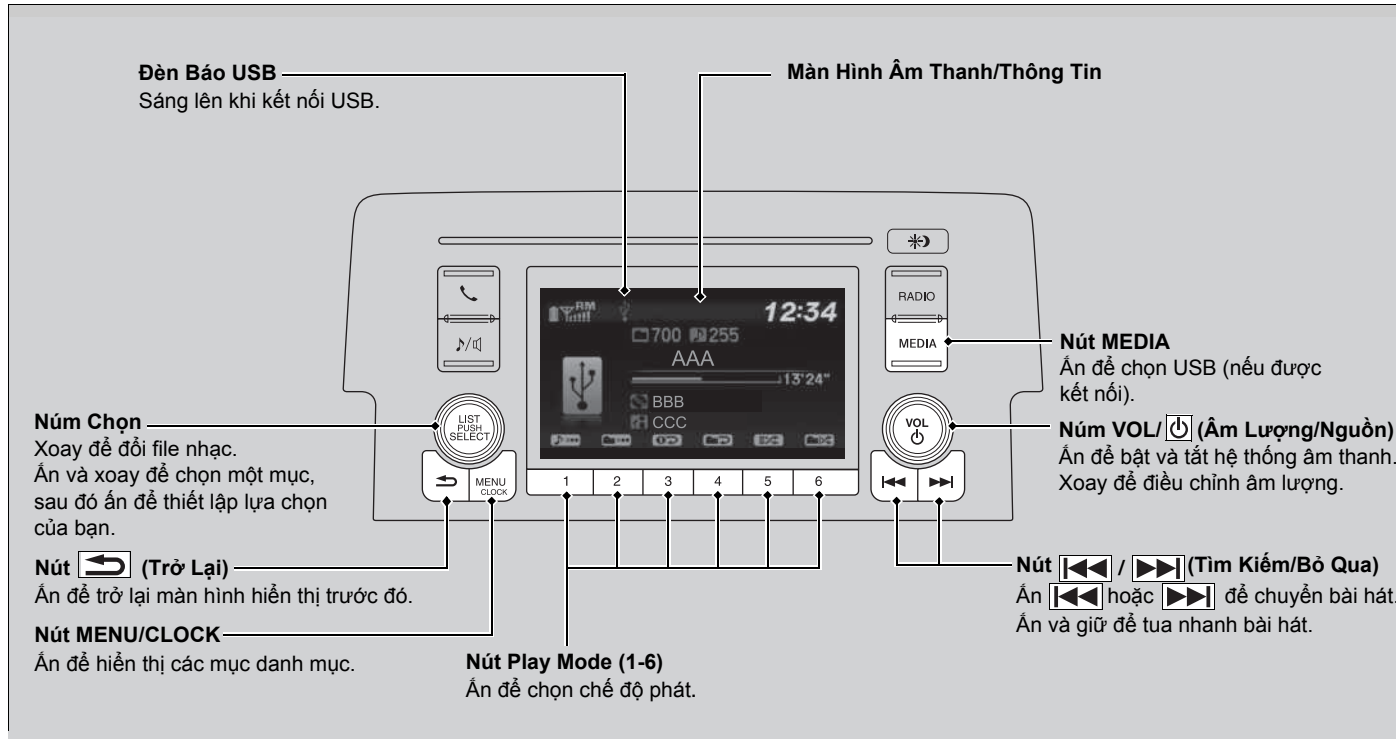
Để tắt nó, xoay để chọn **Normal play**, sau đó ấn .

Bật USB

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các bài hát trong USB ở định dạng MP3, WMA hoặc AAC*1.

Nối USB với cổng USB, sau đó ấn nút **MEDIA**.

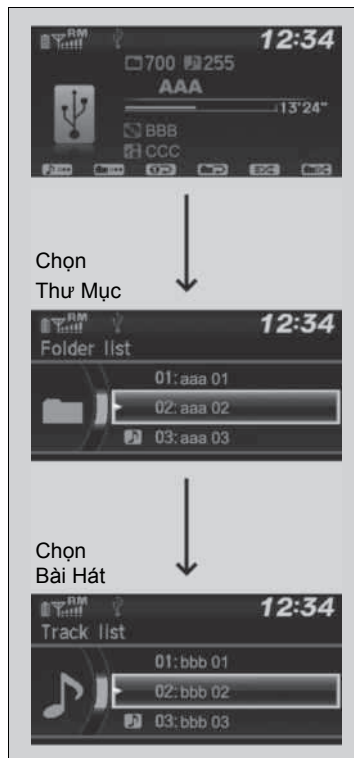
► (Các) Cổng USB Tr. 255



Tính Năng

*1: Chỉ các file nhạc định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên bộ này.

Cách Chọn Bài Hát trong Thư Mục bằng Nút Chọn



Tính Năng

1. Ấn để hiển thị danh sách thư mục.

2. Xoay để chọn một thư mục.

3. Ấn để hiển thị danh sách các bài hát trong thư mục đó.

4. Xoay để chọn một bài hát, sau đó ấn .

►► Bật USB

Sử dụng USB khuyến dùng.

► **Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh**
Tr. 340

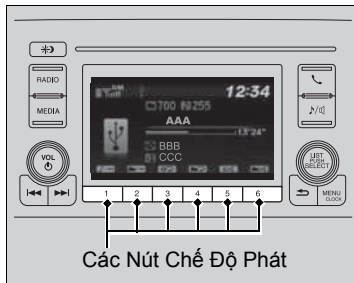
Không thể phát được các file định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền số (DRM). Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File**, sau đó bỏ qua đến bài hát tiếp theo.

Nếu có sự cố, sẽ có một thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

► **iPod/USB** Tr. 338

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn các chế độ lặp lại, ngẫu nhiên, và quét khi đang phát bài hát.



Biểu tượng chế độ có trong danh sách sẽ xuất hiện phía trên các nút chế độ phát. Ấn vào nút chế độ nào mà bạn muốn chọn.

■ Tắt một chế độ phát

Ấn nút đã chọn.

☒ Cách Chọn Chế Độ Phát

Các Mục Chế Độ Phát

Lặp lại

Lặp lại một thư mục: Lặp lại các bài hát trong thư mục hiện tại.

Lặp lại một bài hát: Lặp lại file hiện tại.

Ngẫu nhiên

Ngẫu nhiên trong thư mục: Phát tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

Ngẫu nhiên tất cả các bài hát: Phát tất cả các bài hát theo thứ tự ngẫu nhiên.

Quét

Quét các thư mục: Nghe thử 10 giây bài hát đầu tiên trong từng thư mục chính.

Quét các bài hát: Nghe thử 10 giây tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại.

Bạn có thể chọn chế độ phát bằng cách ấn nút **MENU/CLOCK**.

Xoay chọn **Play mode**, sau đó ấn .

Xoay để chọn một chế độ, sau đó ấn .

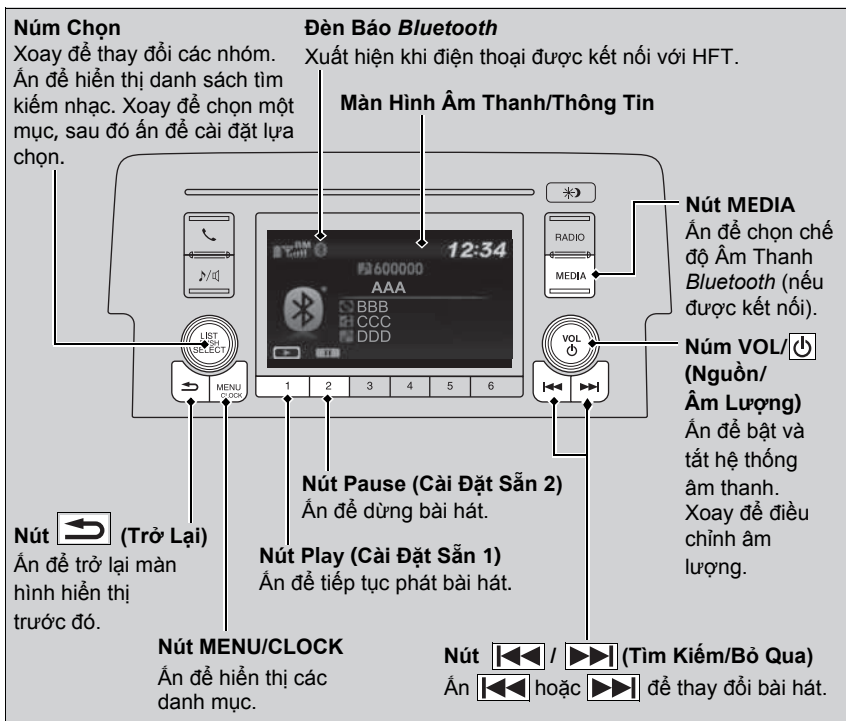
Để tắt nó, xoay để chọn **Normal play**, sau đó ấn .

Bật Âm Thanh Bluetooth®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích Bluetooth.

Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT).

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 383



►► Bật Âm Thanh Bluetooth®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh Bluetooth đều tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

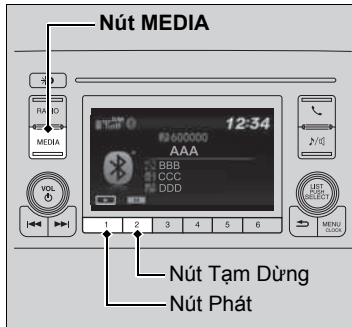
Mỗi lần chỉ có thể sử dụng một điện thoại với HFT. Khi có nhiều hơn hai điện thoại đã ghép đôi ở trong xe, thì điện thoại ghép đôi đầu tiên sẽ được tự động kết nối với hệ thống.

Nếu có nhiều điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên tác giả, album, bài hát có thể không hiển thị đúng.

Một số chức năng có thể không có sẵn trên một số thiết bị.

■ Phát Nhạc Qua Bluetooth®



1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với HFT.
2. Ấn nút **MEDIA** cho đến khi Âm Thanh Bluetooth® Audio được lựa chọn.

Nếu điện thoại không được nhận diện, có khả năng một loại điện thoại tương thích với HFT khác mà không tương thích với Âm Thanh Bluetooth® đã được kết nối.

■ Tạm dừng hoặc phát tiếp một bài hát

Ấn nút **Play** hoặc **Pause** để chọn một chế độ.

▣ Phát Nhạc Qua Bluetooth®

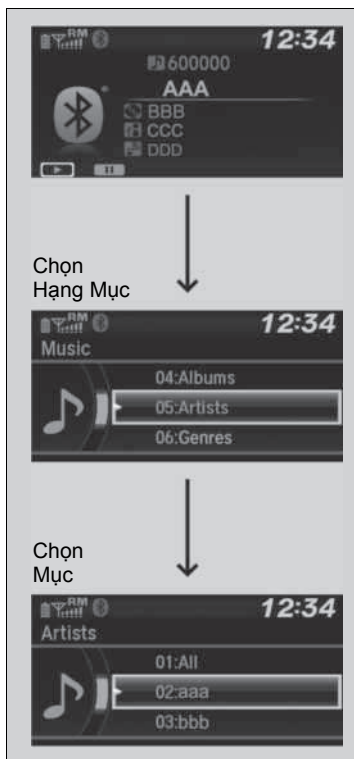
Để phát nhạc, có thể bạn cần kích hoạt điện thoại. Nếu vậy, hãy làm theo các hướng dẫn vận hành của nhà sản xuất.

Chức năng tạm dừng có thể không có trên một số điện thoại.


Nếu bất cứ thiết bị âm thanh nào được nối với cổng USB, bạn cần ấn nút **MEDIA** nhiều lần để chọn hệ thống Âm Thanh Bluetooth®.


Chuyển sang một chế độ khác sẽ làm dừng nhạc đang phát trên điện thoại của bạn.





Cách Chọn Bài Hát trong Danh Sách Tìm Kiếm bằng Nút Chọn



1. Ấn  để hiển thị danh sách tìm kiếm nhạc.

2. Xoay  để chọn hạng mục.

3. Ấn  để hiển thị danh sách các mục trong hạng mục.



4. Xoay  để chọn một mục, sau đó ấn .
► Ấn  và xoay  nhiều lần cho đến khi hiển thị mục mà bạn muốn nghe.

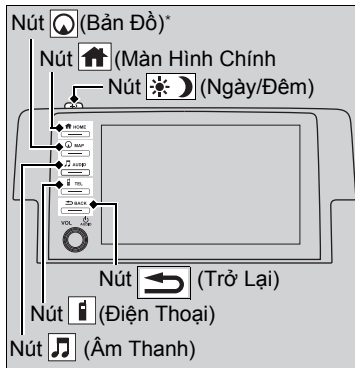
►► Cách Chọn Bài Hát trong Danh Sách Tìm Kiếm bằng Nút Chọn


Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả các hạng mục có thể sẽ không hiển thị.

Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh


Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh


Để sử dụng hệ thống âm thanh, khoá điện phải ở PHỤ KIỆN  hoặc BẬT *1.





Nút  (Màn Hình Chính): Ấn để chuyển sang màn hình chính.


► **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr. 284




Nút  (Bản Đồ)*: Ấn để hiển thị màn hình bản đồ. Ấn để hiển thị màn hình bản đồ.


Nút  (Âm Thanh): Ấn để hiển thị màn hình âm thanh.

Nút  (Điện Thoại): Ấn để hiển thị màn hình điện thoại.

Nút  (Trở Lại): Ấn để trở lại màn hình hiển thị trước đó.

Nút  (Ngày/Đêm): Ấn để thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin.

Ấn nút  một lần và chọn  hoặc  để thực hiện điều chỉnh..

► Khi bạn ấn nút , bạn có thể thay đổi giữa các chế độ ban ngày, ban đêm và chế độ tắt.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe đời xe

► Vận Hành Cơ Bản Hệ Thống Âm Thanh

Các Danh Mục Âm Thanh

► **Danh Sách Kênh** Tr. 310, 311

► **Danh Sách Tìm kiếm Nhạc** Tr. 316, 319

► **Quét** Tr. 310, 320


► **Chế Độ Phát** Tr. 317, 320

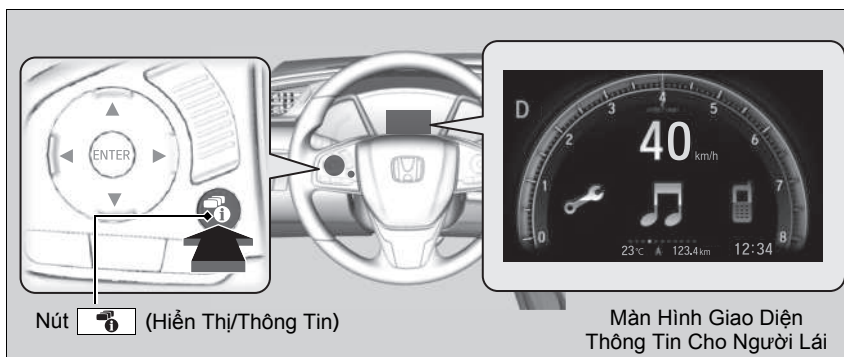
Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và hình nền. Từ màn hình này, bạn có thể vào các tùy chọn cài đặt khác nhau.

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

■ Sử dụng nút (hiển thị/thông tin)

Ấn nút  (hiển thị/thông tin) để chuyển đổi màn hình hiển thị.

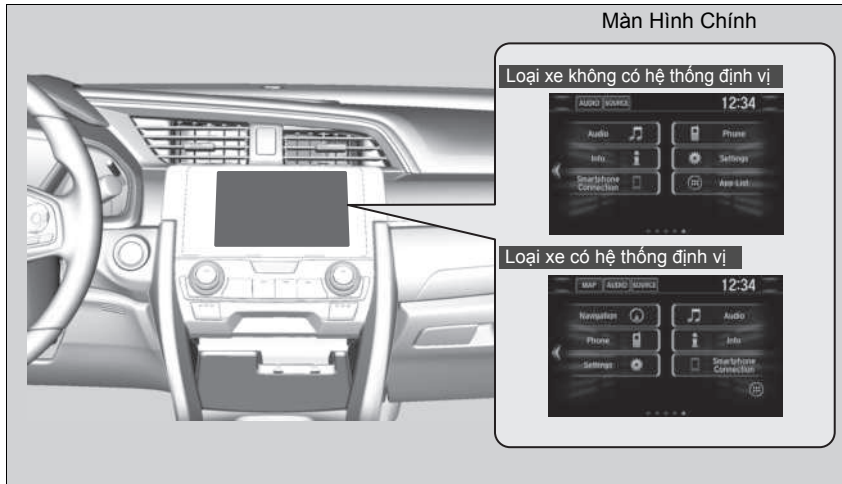


►► Sử dụng nút (hiển thị/thông tin)


Bạn có thể chỉnh sửa, bổ sung và xoá nội dung trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

►► **Tùy Chọn Đồng Hồ Đo** Tr. 353

■ Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin



Ấn nút  để chuyển sang màn hình chính.

Chọn **Phone** (Điện Thoại), **Info** (Thông Tin), **Audio** (Âm Thanh), **Settings** (Cài Đặt), **Navigation*** (Định Vị), **Smartphone Connection** (Kết Nối Điện Thoại Thông Minh) (Ứng dụng **Apple CarPlay**, Ứng dụng **Android Auto**), **App List*** (Danh Sách Ứng Dụng*)/ (biểu tượng APPS)* hoặc **Instrument Panel** (Bảng Điều Khiển).

■ Điện Thoại

Hiển thị thông tin HFT.

► **Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay** Tr. 398

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin

Vận hành màn hình cảm ứng

- Thực hiện các thao tác đơn giản như bấm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng âm thanh.
- Một số mục có thể chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi dừng xe hoặc yêu cầu bằng giọng nói.
- Đeo ghế tay có thể làm giảm độ nhạy hoặc hạn chế khả năng phản hồi của màn hình cảm ứng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 353

■ Thông Tin

Hiển thị **Trip Computer** (Đồng Hồ Đo Hành Trình) hoặc **Clock/wallpaper** (Đồng Hồ/hình nền). Chọn **MENU** trên màn hình **Info Menu** để xem tất cả các lựa chọn có sẵn: **Trip Computer** (Đồng Hồ Đo Hành Trình), **Clock/wallpaper** (Đồng Hồ/hình nền) và **System/device information** (Hệ Thống/thông tin thiết bị).

Đồng Hồ Đo Hành Trình:

- Thẻ **Current Drive**: Hiển thị thông tin hành trình hiện tại.
- Thẻ **History of Trip A**: Hiển thị thông tin ba hành trình lái trước đó. Mỗi khi bạn cài đặt lại Đồng Hồ Đo Hành Trình A, thông tin trên màn hình hiển thị sẽ được lưu lại.
Để xoá lịch sử bằng tay, chọn **Delete history** trên thẻ **History of Trip A**. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình, sau đó chọn **Yes**.

Clock/wallpaper (Đồng Hồ/hình nền): Hiển thị đồng hồ và hình nền.

System/device information (Hệ Thống/thông tin thiết bị):

- **System Info**: Hiển thị phiên bản phần mềm của hệ thống âm thanh.
- **USB info**: Hiển thị trạng thái sử dụng bộ nhớ của USB.

■ Âm Thanh

Hiển thị thông tin âm thanh hiện tại.

■ Các Cài Đặt

Vào màn hình danh mục tùy chọn.

☑ **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353**

■ Hệ Thống Định Vị*

Hiển thị màn hình hệ thống định vị.

☑ **Tham Khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Hệ Thống Định Vị**

■ Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

Hiển thị ứng dụng Apple CarPlay hoặc ứng dụng Android Auto.

► Ứng Dụng **Apple CarPlay** Tr. 331

► Ứng Dụng **Android Auto** Tr. 334

■ Danh Sách Ứng Dụng

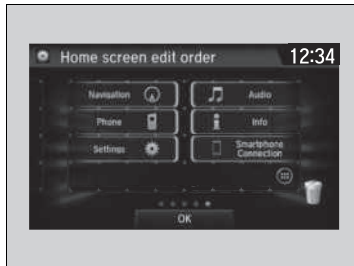
Bổ sung hoặc xoá bỏ các ứng dụng hoặc các công cụ trên màn hình chính.


► **Màn Hình Chính** Tr. 294

■ Bảng Điều Khiển

Chọn ba cài đặt tùy chọn đối với màn hình giao diện thông tin cho người lái.

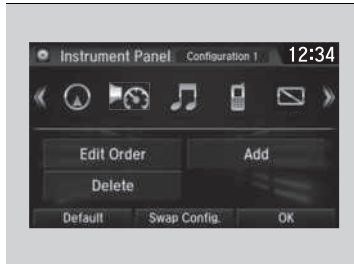
Thay Đổi Bố Trí Biểu Tượng Màn Hình Chính



1. Ấn nút .
2. Chọn và giữ một biểu tượng.
 - Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
3. Kéo và thả biểu tượng tại vị trí bạn muốn.
4. Chọn **OK**.
 - Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

Tùy Chọn Đồng Hồ Đo

Bạn có thể chỉnh sửa, bổ sung hoặc xoá nội dung trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.




1. Ấn nút .
2. **Cài Đặt**
3. **Hệ Thống**
4. **Cấu Hình Bảng Điều Khiển**

►► Tùy Chọn Đồng Hồ Đo

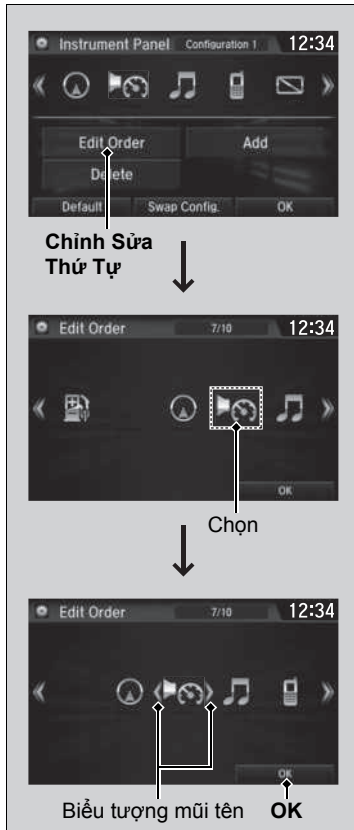
Bạn có thể lưu tới ba cấu hình tùy chọn. Để chọn hoặc tùy chỉnh một cấu hình, ấn **Swap Config.**

Khi bạn chọn **Swap Config.** trong khi tùy chỉnh, các cài đặt mà bạn thay đổi sẽ được lưu lại.

Khi bạn chọn  trong khi tùy chỉnh, các cài đặt mà bạn thay đổi sẽ không được lưu lại và bạn sẽ phải trở lại màn hình **Instrument Panel** (Bảng Điều Khiển).

■ Chỉnh sửa thứ tự

Để thay đổi thứ tự các biểu tượng trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Chọn:



1. Edit Order

2. Chọn biểu tượng mà bạn muốn di chuyển.
► Bạn sẽ nhìn thấy các mũi tên ở cả hai bên của biểu tượng đã chọn

3. Chọn mũi tên chỉ sang trái hoặc phải nhiều lần để di chuyển biểu tượng đến vị trí bạn muốn.

4. Chọn **OK**.
► Màn hình sẽ trở lại màn hình **Instrument Panel**.

Còn nữa

☒ Chỉnh sửa thứ tự

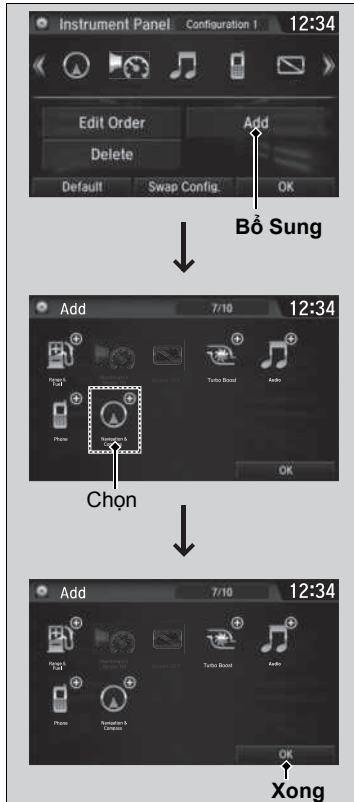
Bạn có thể sử dụng cách khác để thay đổi thứ tự các biểu tượng. Chọn:

1. **Edit Order**
2. Chọn và giữ biểu tượng bạn muốn di chuyển.
3. Kéo và thả biểu tượng tại vị trí bạn muốn.
4. Chọn **OK**.

► Màn hình sẽ trở lại màn hình **Instrument Panel**.

■ Bổ sung nội dung

Bạn có thể bổ sung thêm nội dung trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Để bổ sung, chọn:



1. Add

2. Chọn biểu tượng mà bạn muốn bổ sung.

- Bạn sẽ thấy dấu cộng ở góc bên phải phía trên của biểu tượng đã được chọn.

3. Chọn OK.

- Màn hình sẽ trở lại màn hình **Instrument Panel**.

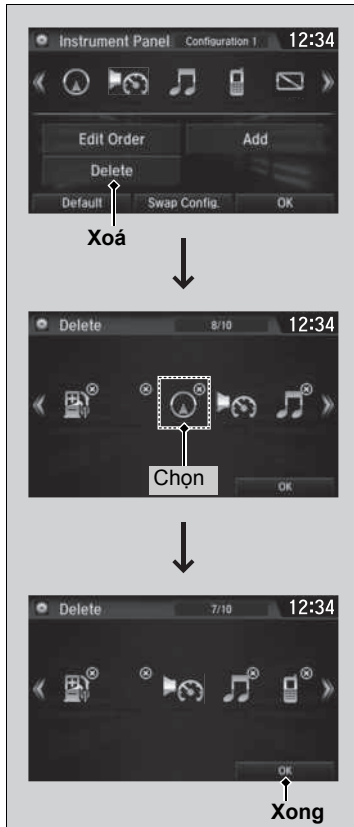
»» Bổ sung nội dung

Không thể chọn các biểu tượng hiển thị màu xám.

Biểu tượng mà có dấu cộng ở góc bên phải phía trên tức là biểu tượng đó đã được bổ sung.

■ Xoá nội dung

Để xoá nội dung trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, chọn:



1. Delete: (Xóa)

2. Chọn biểu tượng mà bạn muốn xoá.

- Có thể xoá biểu tượng có dấu X ở góc bên phải phía trên.

3. Chọn OK.

- Màn hình sẽ trở lại màn hình **Instrument Panel**.

►► Xoá nội dung

Bạn có thể xoá nội dung bằng cách chọn:

1. Delete hoặc Edit Order

- Chọn và giữ biểu tượng mà bạn muốn.
- Kéo và thả biểu tượng vào vùng biểu tượng thùng rác.
- Chọn **OK**.

- Màn hình sẽ trở lại màn hình **Instrument Panel**.

■ Cài Đặt Hình Nền

Bạn có thể thay đổi, lưu và xoá hình nền trên màn hình âm thanh/thông tin.

■ Nhập hình nền

Đối với hình nền từ USB, bạn có thể nhập 5 hình ảnh cùng một lúc.




1. Cắm USB vào cổng USB.
 ► (Các) Cổng USB Tr. 255
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Clock**.
4. Chọn **Clock/Wallpaper Type**, sau đó chọn thẻ **Wallpaper**.
5. Chọn **Add New**.
 ► Tên hình ảnh được hiển thị trong danh sách.
6. Chọn hình ảnh yêu thích.
 ► Hình ảnh đã chọn được hiển thị bên trái màn hình.
7. Chọn **Start Import** để lưu dữ liệu.
 ► Màn hình sẽ chuyển sang danh sách hình nền.

►► Cài Đặt Hình Nền

Hình nền cài đặt trên **Clock/Wallpaper Type** không thể hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

- Khi nhập tệp tin hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc ở USB.
Không thể nhập các hình ảnh trong một thư mục.
- Tên file hình ảnh phải ít hơn 64 ký tự.
- Định dạng hình ảnh có thể nhập là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Giới hạn dung lượng ảnh là 5 MB.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 × 4.096 pixel. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 800 × 480 pixel, hình ảnh sẽ hiển thị ở giữa màn hình được bao quanh bởi phông nền đen.
- Nếu trong USB không có hình ảnh nào, thông báo **No files detected**, xuất hiện trên màn hình.

Sau khi thay đổi thiết kế giao diện màn hình, bạn có thể thay đổi hình nền bằng cách thực hiện quy trình sau.

1. Ấn nút .
2. Chọn và giữ một khoảng trống trên màn hình chính.
Cửa sổ danh mục sẽ xuất hiện trên màn hình.
3. Chọn **Change wallpaper**.
4. Chọn **Gallery**, **Live wallpapers**, hoặc **Wallpapers**.

■ Chọn hình nền

1. Chọn **Settings**.
2. Chọn **Clock**.
3. Chọn **Clock/Wallpaper Type**, sau đó chọn thẻ **Wallpaper**.
 - Màn hình chuyển sang danh sách hình nền.
4. Chọn hình nền yêu thích.
 - Hình ảnh đã chọn được hiển thị bên trái màn hình.
 - Cửa sổ danh mục xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Set**.
 - Màn hình sẽ trở lại danh sách hình nền.

■ Xem hình nền đã được cài đặt

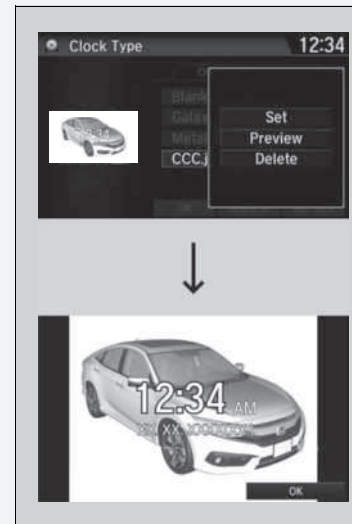
1. Ấn nút .
2. Chọn **Info**.
3. Chọn **MENU**.
4. Chọn **Clock/wallpaper**.


■ Xoá hình nền

1. Chọn **Settings**.
2. Chọn **Clock**.
3. Chọn **Clock/Wallpaper Type**, sau đó chọn thẻ **Wallpaper**.
 - Màn hình chuyển sang danh sách hình nền.
4. Chọn hình nền bạn muốn xoá.
 - Hình ảnh đã chọn được hiển thị bên trái màn hình.
 - Cửa sổ danh mục xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Delete**.
 - Thông báo xác nhận xuất hiện trên màn hình.
6. Chọn **Yes** để xoá hoàn toàn.
 - Màn hình sẽ trở lại danh sách hình nền.

► Cài Đặt Hình Nền

Từ cửa sổ danh mục, chọn **Preview** để xem hình ảnh ở dạng toàn màn hình.



Để trở lại màn hình trước đó, chọn **OK**, hoặc chọn .

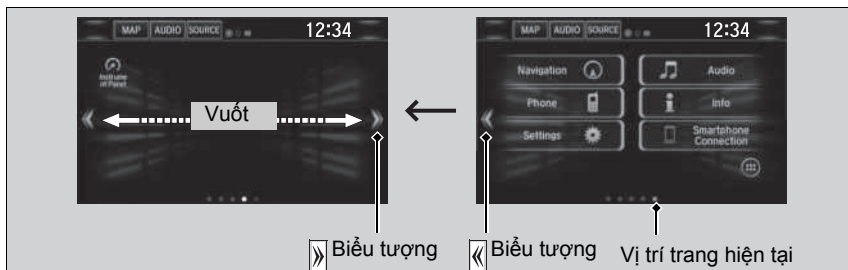
Nếu kích thước ảnh lớn, phải mất một thời gian để hiển thị ảnh.

Để xoá hình nền bạn thêm, chọn **Delete All**, sau đó chọn **Yes**.

Còn nữa

■ Màn Hình Chính

■ Chuyển sang màn hình tiếp theo



Chọn hoặc , hoặc vuốt màn hình sang trái hoặc phải để chuyển sang màn hình tiếp theo.

Tình Năng



►► Màn Hình Chính

Màn hình chính có 5 trang (cố định). Bạn có thể bổ sung thêm một số trang.

Ấn nút để quay trở lại trang đầu tiên của màn hình chính từ trang bất kỳ.

■ Sử dụng các ứng dụng hoặc công cụ



1. Ấn nút .
2. Chọn **App List** .
 - Xuất hiện màn hình ứng dụng.
3. Chọn ứng dụng hoặc công cụ bạn muốn sử dụng.

Danh sách ứng dụng đã cài đặt trước:

- **Browser:** Hiển thị chương trình duyệt web đã được sử dụng trên điện thoại và kết nối Wi-Fi.
- **Calculator:** Hiển thị Máy Tính.
- **Gallery:** Hiển thị hình ảnh.
- **Downloads:** Hiển thị dữ liệu đã được tải từ trình duyệt web, v.v.
- **App Installer:** Liên hệ với đại lý của Honda để biết các ứng dụng có thể cài đặt.
- **Search:** Hiển thị màn hình tìm kiếm.

⌘ Sử dụng các ứng dụng hoặc công cụ

Chọn và giữ các ứng dụng hoặc công cụ đã chọn để thêm biểu tượng của các ứng dụng hoặc công cụ trên màn hình chính.

Các ứng dụng đã cài đặt trước có thể không khởi động bình thường. Nếu điều này xảy ra, bạn cần cài đặt lại hệ thống.

➤ **Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt** Tr. 376

Nếu bạn tiến hành **Cài Đặt Lại Dữ Liệu Gốc**, hệ thống có thể cài đặt lại tất cả các cài đặt được nhà máy mặc định.

➤ **Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt** Tr. 376


Trong trường hợp các ứng dụng đó vẫn không khởi động bình thường cả sau khi khôi phục dữ liệu gốc. Liên hệ với Đại lý Honda ủy quyền.

Các trình duyệt web có thể bị đóng trong khi chạy ứng dụng. Trong trường hợp này, màn hình sẽ hiển thị lại trước khi khởi động trình duyệt.

Không cài đặt các ứng dụng ngoài các ứng dụng đã được đại lý của Honda xác nhận. Cài đặt các ứng dụng này có thể dẫn đến nguy cơ bị lấy cắp thông tin về xe và thông tin cá nhân của bạn.

► Sử dụng các ứng dụng hoặc công cụ

Bạn có thể xoá các ứng dụng mà người sử dụng đã cài đặt theo quy trình sau.


1. Ấn nút .
- 2..Chọn **Settings**.
- 3..Chọn **System**.
4. Chọn thẻ **Others**.
5. Chọn **Detailed Information**.
6. Chọn một Ứng Dụng bạn muốn xoá.
7. Chọn **Delete**.

Không thể xoá được các ứng dụng đã được cài đặt sẵn.

■ **Thêm các biểu tượng của ứng dụng hoặc công cụ trên màn hình chính**

Có thể thêm các biểu tượng của ứng dụng hoặc công cụ vào màn hình chính.



1. Ấn nút .
2. Chọn và giữ một khoảng trống trên màn hình chính.
 - Cửa sổ danh mục xuất hiện trên màn hình.
3. Chọn **Add App** hoặc **Add Widget**.
 - Xuất hiện màn hình ứng dụng.



4. Chọn và giữ biểu tượng của ứng dụng hoặc công cụ mà bạn muốn thêm.
 - Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
5. Kéo và thả biểu tượng đến vị trí mà bạn muốn.
6. Chọn **OK**.
 - Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

■ Di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể thay đổi vị trí của biểu tượng trên màn hình chính.



1. Chọn và giữ biểu tượng.
 - Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
2. Kéo và thả biểu tượng đến vị trí mà bạn muốn.
3. Chọn **OK**.
 - Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

►► Di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể di chuyển các biểu tượng **Phone**, **Info**, **Audio**, **Settings**, **Navigation**, **Smartphone Connection**, **App List** (☰), và **Instrument Panel** theo cách này.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Xoá các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể xoá các biểu tượng trên màn hình chính



1. Chọn và giữ một biểu tượng.
 - Màn hình chuyển sang màn hình tùy chỉnh.
2. Kéo và thả biểu tượng mà bạn muốn xóa vào biểu tượng thùng rác.
 - Biểu tượng đã bị loại bỏ khỏi màn hình chính.
3. Chọn **OK**.
 - Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

» Xoá các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn không thể xoá các biểu tượng **Phone, Info, Audio, Settings, Navigation, Smartphone Connection, App List** (☰) và **Instrument Panel**.

Các ứng dụng hoặc công cụ sẽ không bị gỡ bỏ nếu chỉ xoá biểu tượng trên màn hình chính.

■ Thay đổi hình nền của màn hình chính

Bạn có thể thay đổi hình nền của màn hình chính




1. Chọn và giữ một khoảng trống trên màn hình chính.
 - Cửa sổ danh mục sẽ xuất hiện trên màn hình.
2. Chọn **Change wallpaper**.
 - Cửa sổ danh mục sẽ xuất hiện trên màn hình.



3. Chọn ứng dụng để chọn hình nền.
4. Chọn hình nền bạn muốn thay đổi.
5. Chọn **Set wallpaper**.
 - Hình nền được thay đổi, sau đó màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

Vùng Trạng Thái




1. Vuốt vùng phía trên của màn hình xuống.
► Vùng trạng thái sẽ xuất hiện.
2. Chọn một mục để xem chi tiết.
3. Ấn nút  hoặc vuốt thanh công cụ ở phía dưới cùng cùng lên để đóng vùng trạng thái.

Thay Đổi Giao Diện Màn Hình


Bạn có thể thay đổi giao diện màn hình.



1. Ấn nút .
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn thẻ **Others**.
5. Chọn **Change Skin**.
6. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

Thay Đổi Giao Diện Màn Hình

Sau khi thay đổi giao diện màn hình, bạn có thể thay đổi hình nền bằng cách thực hiện quy trình sau.

1. Ấn nút .
2. Chọn và giữ một khoảng trống trên màn hình chính.
Cửa sổ danh mục sẽ xuất hiện trên màn hình.
3. Chọn **Change wallpaper**.
4. Chọn **Gallery**, **Live wallpapers**, hoặc **Wallpapers**.

Nếu bạn thay đổi giao diện màn hình, một số mục cài đặt sẽ thay đổi.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353**

■ Danh Mục Tùy Chọn

Bạn có thể thay đổi biểu tượng danh mục ở bên phải màn hình **Audio**, **Phone** và **Info**



1. Chọn và giữ biểu tượng danh mục.
2. Chọn biểu tượng ◀ hoặc ▶, sau đó chọn **Audio**, **Phone**, hoặc **Info** từ **Menu Customize**.
3. Chọn và giữ biểu tượng danh mục mà bạn muốn thay đổi sau đó kéo và thả biểu tượng xuống phía cuối.
4. Chọn và giữ biểu tượng danh mục mà bạn muốn bổ sung, sau đó kéo và thả biểu tượng lên phía trên.
5. Chọn **OK**.

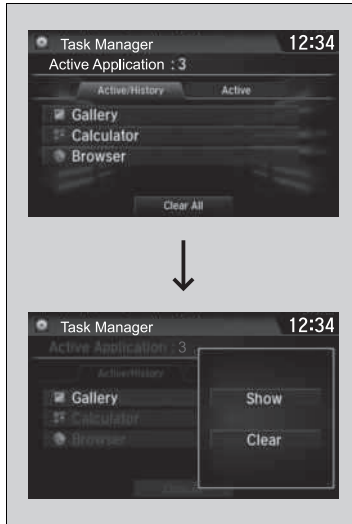
» Danh Mục Tùy Chọn


Bạn cũng có thể sử dụng cách dưới đây để thay đổi biểu tượng danh mục:

Chọn **Settings** → **System** → Thẻ **Home** → **Menu icon position**

■ Đóng Các Ứng Dụng

Bạn có thể đóng các ứng dụng riêng biệt đang chạy ngầm trong hệ thống.



1. Chọn và giữ nút .
2. Chọn thẻ **Active**.
 - Nếu bạn chọn thẻ **Active/History**, bạn có thể đóng các ứng dụng đang chạy và xoá lịch sử của ứng dụng cùng một lúc.
3. Chọn ứng dụng bạn muốn đóng.
4. Chọn **Clear**.
 - Màn hình sẽ quay trở lại danh sách ứng dụng.

▣ Đóng Các Ứng Dụng

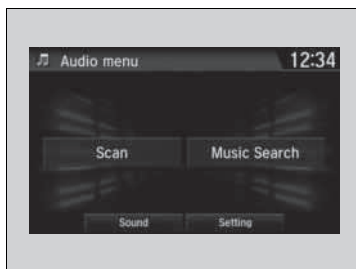
Nếu có nhiều ứng dụng đang chạy ngầm và chúng không tương thích với hệ thống âm thanh, các ứng dụng này có thể không hoạt động đúng, hãy đóng tất cả các ứng dụng và mở lại ứng dụng/các ứng dụng mà bạn muốn.


Để đóng tất cả các ứng dụng trong hệ thống, chọn **Clear All**, sau đó chọn **Yes**.

Bạn không thể đóng ứng dụng của Garmin*.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

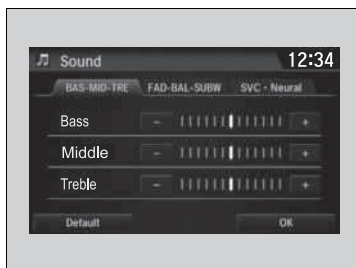
Điều Chỉnh Âm Thanh



1. Ấn nút .
2. Chọn **MENU**.
3. Chọn **Sound**.

Chọn một thẻ trong danh sách sau:

- **BAS-MID-TRE**: Trầm, Trung, Cao
- **FAD-BAL*/FAD-BAL-SUBW***: Loa Trầm, Loa Cân Bằng, Loa Siêu Trầm*
- **SVC*/SVC-Neural***: Điều Chỉnh Âm Lượng Theo Tốc Độ Xe, Âm Thanh DTS Neural™



►► Điều Chỉnh Âm Thanh

SVC có bốn chế độ: **Off** (Tắt), **Low** (Nhỏ), **Mid** (Trung Bình) và **High** (To). SVC điều chỉnh mức âm lượng dựa vào tốc độ của xe. Khi bạn đi nhanh hơn, âm lượng tăng. Khi bạn đi chậm lại, âm lượng giảm.

Bạn cũng có thể bật và tắt cài đặt Âm Thanh DTS Neural Surround™* bằng cách chọn **Neural** trên màn hình âm thanh/thông tin.

Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể thay đổi độ sáng, màu nền của màn hình âm thanh/thông tin.


Thay đổi Độ sáng Màn hình



1. Ấn nút .
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn thẻ **Display**.
5. Chọn **Display Settings**.
6. Chọn cài đặt bạn muốn.
7. Chọn **OK**.

Thay Đổi Màu Nền Của Màn Hình



1. Ấn nút .
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn thẻ **Display**.
5. Chọn **Background Colour**.
6. Chọn cài đặt bạn muốn.
7. Chọn **OK**.

Thay Đổi Độ Sáng Màn Hình

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Contrast** (Độ Tương Phản) và **Black Level** (Độ Tối) theo cách này.

■ Chọn Nguồn Âm Thanh



Chọn biểu tượng nguồn hiện tại, sau đó chọn một biểu tượng trong danh sách nguồn để thay đổi nguồn âm thanh.

■ Các Hạn Chế khi Kích Hoạt Bằng Tay

Một số chức năng kích hoạt bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang di chuyển.

Bạn không thể chọn mục màu xám cho đến khi xe dừng lại.

» Chọn Nguồn Âm Thanh

Nếu bạn khởi động các ứng dụng âm thanh được cài đặt trước, **AUDIO Apps** được hiển thị bên phải phía dưới màn hình.

Các ứng dụng đã cài đặt trước này không thể hiển thị trên màn hình nguồn đã chọn.

Bạn có thể khởi động các ứng dụng âm thanh này từ **AUDIO Apps**.

Bật Đài AM/FM

Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

Biểu Tượng Scan
Chọn để quét đến từng kênh có tín hiệu mạnh.

Nút (Âm Thanh)
Ấn để hiển thị màn hình âm thanh.

Biểu Tượng (Trở Lại)
Chọn để trở lại màn hình hiển thị trước đó.

Biểu Tượng /AUDIO (Âm Lượng/ Nguồn/Âm Thanh)
Chọn để bật và tắt hệ thống âm thanh.

Biểu Tượng Dò
Chọn hoặc để dò tần số đài.

MENU
Chọn để hiển thị các mục danh mục.

Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Biểu Tượng Mờ/Đóng^{*1}
Hiển thị/ẩn thông tin chi tiết.

Biểu Tượng Tìm Kiếm
Chọn hoặc để dò lên hoặc dò xuống các dải đã chọn cho kênh có tần số mạnh nhất.

Biểu Tượng Cài Đặt Sẵn
Chỉnh tần số đài cài đặt sẵn. Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó. Chọn để hiển thị 7 tần số cài đặt sẵn trước đó.

Tính Năng

*1: Một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Để lưu một kênh:

1. Điều chỉnh đến kênh đã chọn.
2. Chọn và giữ số đã cài đặt sẵn mà bạn muốn lưu kênh.

Bạn cũng có thể lưu kênh cài đặt sẵn theo quy trình sau:

1. Điều chỉnh đến kênh đã chọn.
2. Chọn biểu tượng mở/đóng để hiển thị danh sách.
3. Chọn thẻ **Preset**.
4. Chọn và giữ số đã cài đặt sẵn mà bạn muốn lưu kênh.

■ Danh Sách Kênh

Danh sách các kênh có tần số mạnh nhất trong dải được chọn.


1. Chọn biểu tượng mở/đóng để hiển thị danh sách.
2. Chọn thẻ **Station List**.
3. Chọn kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn bất cứ khi nào.

1. Chọn biểu tượng mở/đóng để hiển thị danh sách.
2. Chọn thẻ **Station List**.
3. Chọn **Refresh**.

■ Quét

Nghe thử từng kênh có tần số mạnh nhất trong dải tần được chọn khoảng 10 giây. Để dừng quét, chọn **Cancel** hoặc ấn nút .

►►Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Đèn báo **ST** xuất hiện trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi. Không có đài AM âm thanh nổi.

Chuyển Đổi Chế Độ Âm Thanh

Chọn nút  hoặc  trên vô lăng hoặc chọn

SOURCE trên màn hình.

 **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa** Tr. 258

Bạn có thể lưu 6 kênh AM và 12 kênh FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

■ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

Cung cấp thông tin dữ liệu văn bản liên quan đến kênh FM có RDS đã chọn.

■ Tìm một kênh RDS từ Danh Sách Kênh

1. Chọn biểu tượng mở/đóng để hiển thị danh sách trong khi đang nghe kênh FM.
2. Chọn thẻ **Station List**.
3. Chọn một kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn bất cứ khi nào.

1. Chọn biểu tượng mở/đóng để hiển thị danh sách trong khi đang nghe kênh FM.
2. Chọn thẻ **Station List**.
3. Chọn **Refresh**.

■ Dữ liệu văn bản Radio

Hiển thị thông tin văn bản radio của kênh RDS đã chọn.

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **View Radio Text**.

⌘ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

Khi bạn chọn kênh FM có RDS, RDS tự động bật và màn hình hiển thị tần số sẽ chuyển sang hiển thị tên kênh. Tuy nhiên, khi các tín hiệu của kênh yếu, màn hình hiển thị sẽ chuyển từ hiển thị tên kênh sang hiển thị tần số.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Phát DAB (Phát Thanh Kỹ Thuật Số)*

Tính Năng

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

MENU
Chọn để điện thị các danh mục âm thanh.

Màn Hình Âm Thanh/ Thông Tin

Nút (Âm Thanh)
Ấn để hiển thị màn hình âm thanh.

Nút (Trở Lại)
Ấn để trở lại màn hình hiển thị trước đó.

Núm VOL/ AUDIO (Âm Lượng/Nguồn/Âm Thanh)
Ấn để bật và tắt hệ thống âm thanh.
Xoay để điều chỉnh âm lượng.

Biểu Tượng Quét
Chọn để quét từng chương trình phát sóng hoặc dịch vụ nhận được.

Biểu Tượng Ensemble
Chọn hoặc dò chương trình phát sóng.
Chọn và giữ hoặc để tìm kiếm dịch vụ đã chọn từ trên xuống dưới đối với một chương trình phát sóng cho đến khi tìm thấy chương trình phát sóng.

Biểu Tượng Mờ/Đóng^{*1}
Hiện thị/ẩn thông tin chi tiết.

Biểu Tượng Dịch Vụ
Chọn hoặc để chỉnh bộ phận dịch vụ.

Biểu Tượng Cài Đặt Sẵn
Chỉnh tần số cài đặt sẵn. Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó. Chọn để hiển thị 7 chương trình cài đặt sẵn về phía trước.

*1: Một vài hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Để lưu dịch vụ:

1. Chỉnh đến dịch vụ đã chọn.
2. Chọn và giữ số dịch vụ cài đặt sẵn mà bạn muốn lưu.

Bạn có thể lưu dịch vụ cài đặt sẵn theo quy trình sau.

1. Chỉnh đến dịch vụ đã chọn.
2. Chọn biểu tượng mở/đóng để hiển thị danh sách.
3. Chọn thẻ **Preset**.
4. Chọn và giữ số cài đặt sẵn cho dịch vụ mà bạn muốn lưu.

■ Danh Sách Chương Trình Phát Sóng

Danh sách chương trình phát sóng trên dịch vụ đã chọn.

1. Chọn biểu tượng mở/đóng để hiển thị danh sách.
2. Chọn thẻ **Ensemble List**.
3. Chọn **Ensemble**.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách chương trình phát sóng có sẵn bất cứ lúc nào.

1. Chọn biểu tượng mở/đóng để hiển thị danh sách.
2. Chọn thẻ **Ensemble List**.
3. Chọn **Update List**.

⊞ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Chuyển Đổi Chế Độ Âm Thanh

Ấn nút ▲ hoặc nút ▼ trên vô lăng hoặc chọn

SOURCE trên màn hình.

⊞ **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa** Tr. 258

Bạn có thể lưu 12 kênh DAB vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

■ Quét

Nghe thử từng chương trình phát sóng hoặc dịch vụ ở phần dịch vụ đã chọn trong 10 giây.

1. Chọn **Scan**.
2. Chọn **Scan Ensemble** hoặc **Scan All Service**.

Để tắt chức năng quét, chọn **Cancel**.

■ Dữ liệu văn bản radio

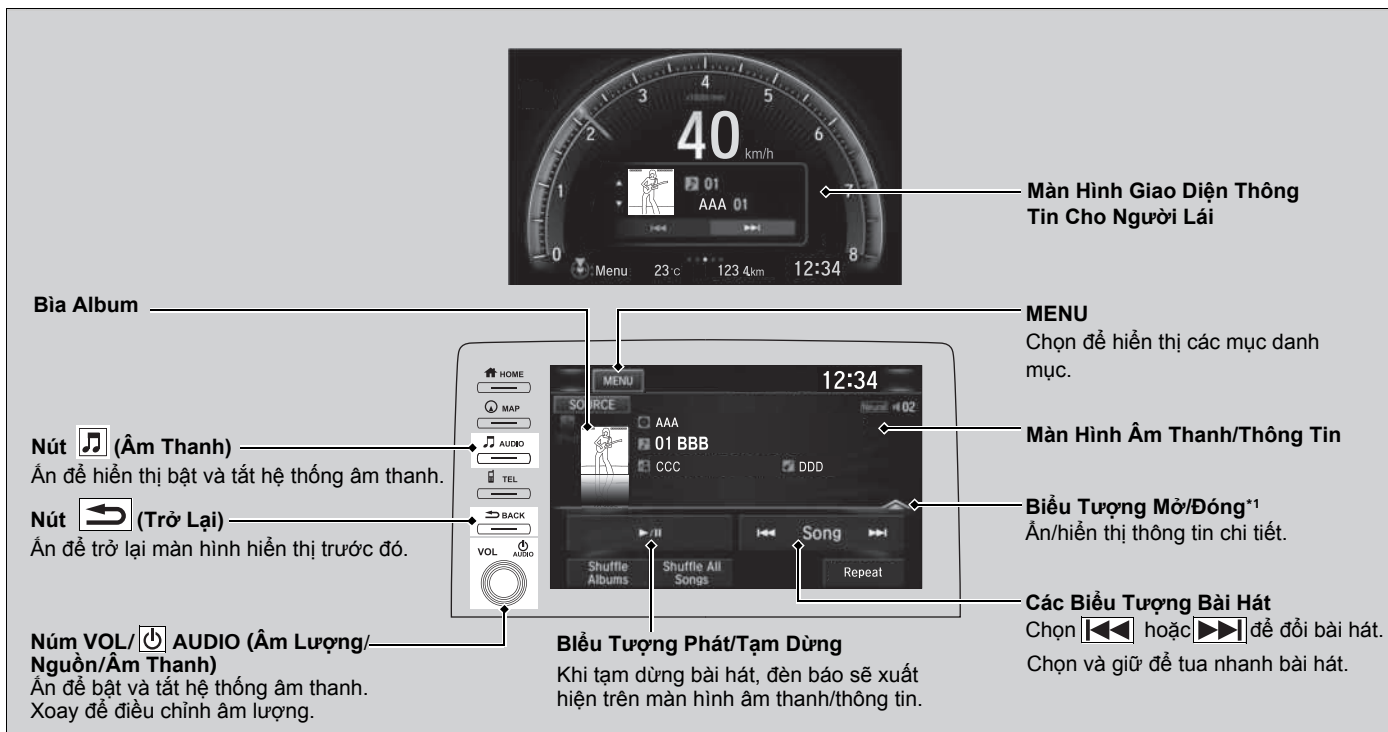
Hiển thị thông tin văn bản radio của kênh DAB đã chọn.

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **View Radio Text**.

Bật iPod

Nối iPod với cổng USB bằng đầu nối USB, sau đó chọn chế độ iPod.

► (Các) Cổng USB Tr. 255

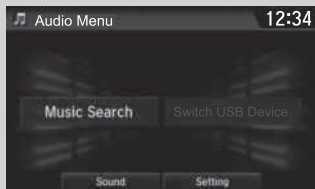


*1: Một vài hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

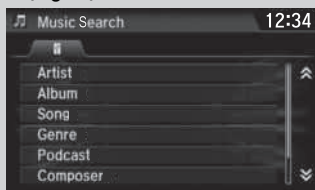
Tính Năng

Cách Chọn Bài Hát trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc

1. Chọn **MENU** và chọn **Music Search**.

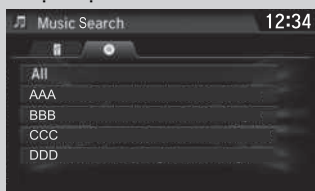


Chọn
Hạng Mục



2. Chọn các mục trong danh mục đó.

Chọn Mục



►► Bật iPod

Các chức năng vận hành có sẵn sẽ khác nhau giữa các đời xe và các phiên bản. Một số chức năng có thể không có trên hệ thống âm thanh của xe.

Nếu có sự cố, bạn có thể thấy thông báo lỗi trên màn hình âm thanh/thông tin.

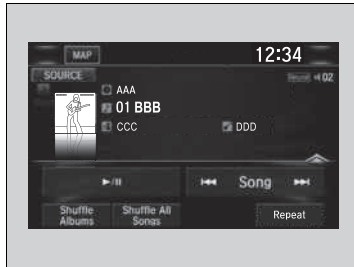
►► iPod/USB Tr. 338

Nếu bạn chạy ứng dụng nhạc bất kỳ trên iPhone/iPod khi điện thoại đã được kết nối với hệ thống âm thanh, bạn không thể chạy được ứng dụng đó trên màn hình âm thanh/thông tin. Hãy kết nối lại thiết bị nếu cần thiết.

Nếu điện thoại iPhone được kết nối qua ứng dụng Apple CarPlay, nguồn iPod/USB không có sẵn và các file âm thanh trên điện thoại chỉ có thể được phát trên ứng dụng Apple CarPlay.

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi phát bài hát.
Chọn một chế độ.



■ Tắt chế độ phát

Chọn chế độ bạn muốn tắt.

☒ Cách Chọn Chế Độ Phát

Các Chế Độ Phát

Shuffle Albums: Phát tất cả các album trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, file âm thanh, thể loại, nhạc sỹ, hoặc sách nói) theo thứ tự ngẫu nhiên.

Shuffle All Songs: Phát tất cả các bài hát trong danh sách đã chọn (danh sách phát, nghệ sỹ, album, bài hát, thể loại, nhạc sỹ, hoặc sách nói) theo thứ tự ngẫu nhiên.

Repeat: Lặp lại bài hát hiện tại.

Bật USB

Hệ thống âm thanh của bạn đọc và phát các file âm thanh và video trong USB ở định dạng MP3, WMA, AAC*1, WAV hoặc MP4. Nối USB với cổng USB, sau đó chọn chế độ USB.

► (Các) Cổng USB Tr. 255

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

MENU
Chọn để hiển thị các mục danh mục.

Nút (Âm Thanh)
Ấn để hiển thị bật và tắt hệ thống âm thanh.

Nút (Trở Lại)
Ấn để trở lại màn hình hiển thị trước đó.

Nút VOL/ (Âm Lượng/Nguồn/Âm Thanh)
Ấn để bật và tắt hệ thống âm thanh. Xoay để điều chỉnh âm lượng.

BIỂU TƯỢNG Thư Mục
Chọn để chuyển sang thư mục tiếp theo, và để chuyển sang phần đầu của thư mục trước.

Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

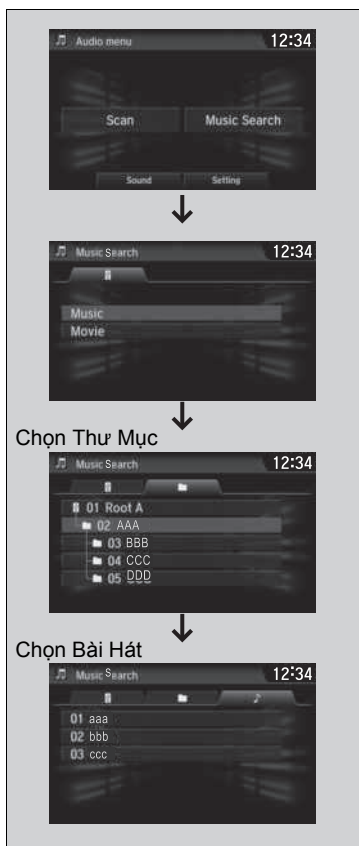
BIỂU TƯỢNG MỜ/ĐÓNG*2
Ấn/hiển thị thông tin chi tiết.

BIỂU TƯỢNG Bài Hát
Chọn hoặc để thay đổi bài hát. Chọn và giữ để tua nhanh bài hát.

*1: Chỉ có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên thiết bị này.

*2: Một vài hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

■ Cách Chọn Bài Hát trong Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc



1. Chọn **MENU** và chọn **Music Search**.

2. Chọn **Music** hoặc **Movie**.

3. Chọn một thư mục.

4. Chọn một bài hát.

»» Bật USB

Sử dụng loại USB khuyến dùng.
▶ **Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh**
Tr. 340

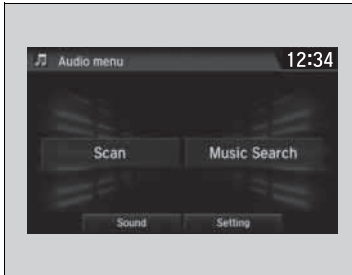
Không thể phát được các file định dạng WMA được bảo vệ bằng quản lý bản quyền số (DRM). Hệ thống âm thanh hiển thị **Unplayable File**, sau đó bỏ qua đến bài hát tiếp theo.

Nếu xảy ra sự cố, thông báo lỗi sẽ hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin.
▶ **iPod/USB** Tr. 338

Tính Năng

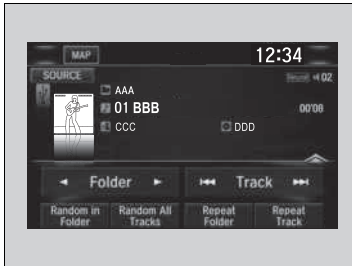
■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn quét, lặp lại, ngẫu nhiên khi phát bài hát.



■ Scan (Quét)

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Scan**.
3. Chọn một chế độ phát.



■ Random/Repeat (Ngẫu Nhiên/Lặp Lại)

Chọn một chế độ phát.

■ Tắt một chế độ

Để dừng Quét, ấn nút  hoặc chọn **Cancel**.

Để tắt chế độ ngẫu nhiên hoặc lặp lại, chọn chế độ bạn muốn tắt.

» Cách Chọn Chế Độ Phát

Các Chế Độ Phát

Scan (Quét)

Scan Folders (Quét Các Thư Mục): Nghe thử 10 giây bài hát đầu tiên trong từng thư mục chính.

Scan Tracks (Quét các Bài Hát): Nghe thử 10 giây tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại.

Random/Repeat (Ngẫu Nhiên/Lặp Lại)

Random in Folder (Ngẫu Nhiên trong Thư Mục): Phát tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

Random All Tracks (Ngẫu Nhiên Tất cả các Bài Hát): Phát tất cả các bài hát theo thứ tự ngẫu nhiên.

Repeat Folder (Lặp Lại Thư Mục): Lặp lại tất cả các bài hát trong thư mục hiện tại.

Repeat Track (Lặp Lại Bài Hát): Lặp lại bài hiện tại.

Khi đang phát một video:

Play/Pause (Phát/Tạm Dừng): Phát hoặc tạm dừng phát một video.

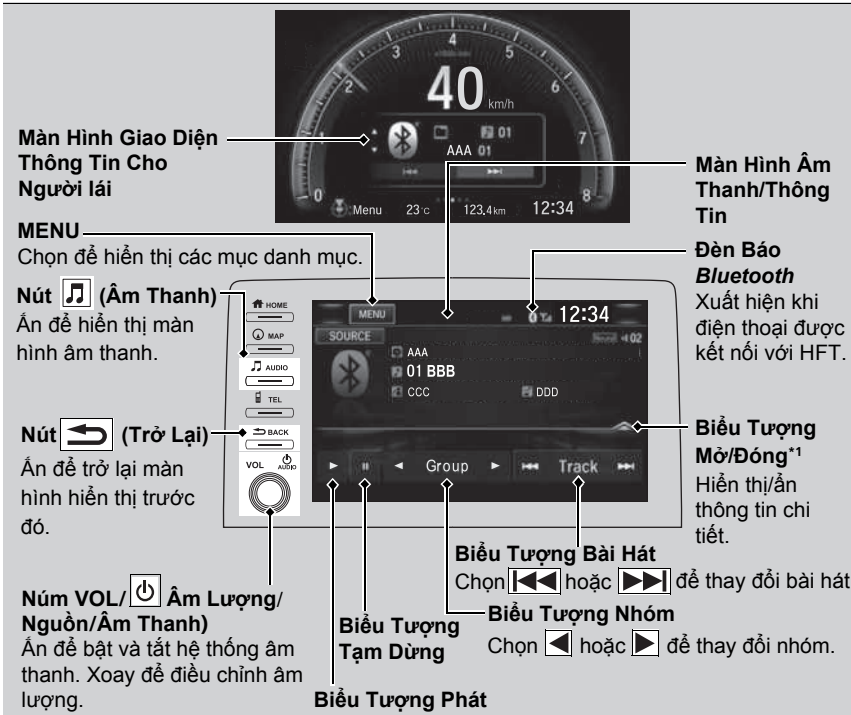
Stop (Dừng): Dừng phát một video.

Bật Âm Thanh Bluetooth®

Thông qua hệ thống âm thanh bạn có thể nghe nhạc từ điện thoại tương thích Bluetooth.

Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT).

▣ Cài Đặt Điện thoại Tr. 405



*1: Tùy thuộc vào thiết bị Bluetooth® bạn kết nối, một số hoặc tất cả các danh sách không được hiển thị.

Còn nữa

▣ Bật Âm Thanh Bluetooth®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh Bluetooth đều tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích hay không.

Sử dụng các chức năng của thiết bị dữ liệu trong khi lái xe có thể là phạm luật.

Mỗi lần chỉ có thể sử dụng một điện thoại để kết nối với HFT. Khi có từ hai chiếc điện thoại trở lên trong xe được kết nối, thì chiếc điện thoại đầu tiên được ghép đôi với hệ thống sẽ được tự động kết nối. Bạn có thể ưu tiên cho một điện thoại trong phần Cài Đặt Thiết Bị Ưu Tiên.

▣ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353

Điện thoại được kết nối với Âm Thanh Bluetooth® có thể khác nhau.

Nếu có từ hai chiếc điện thoại trở lên được ghép đôi với hệ thống HFT, có thể mất nhiều thời gian hơn khi bắt đầu phát.

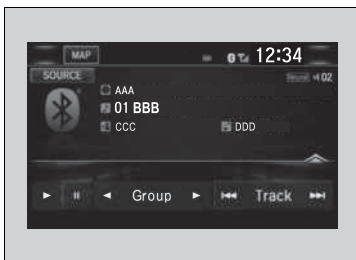
Trong một số trường hợp, tên tác giả, album, bài hát có thể không hiển thị đúng.

Một số chức năng có thể không có sẵn trên một số thiết bị.

Nếu một điện thoại đang được kết nối qua ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, thì Âm Thanh Bluetooth® từ điện thoại đó không hoạt động. Tuy nhiên, điện thoại thứ hai đã được ghép đôi trước đó có thể truyền Âm Thanh Bluetooth® bằng cách chọn **Connect** từ màn hình **Bluetooth device list** (danh sách thiết bị Bluetooth).

▣ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 405

■ Phát Nhạc Qua *Bluetooth*®



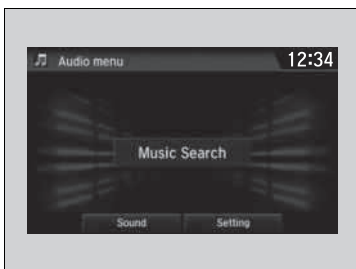
1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.
 ▶ **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 405
2. Chọn chế độ Âm Thanh *Bluetooth*®

Nếu điện thoại không được nhận diện, có khả năng một điện thoại tương thích với HFT khác mà không tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*® đã được kết nối.

■ Tạm dừng hoặc phát tiếp một bài

Chọn biểu tượng phát hoặc tạm dừng.

■ Tìm Kiếm Nhạc



1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Music Search**.
3. Chọn mục tìm kiếm (ví dụ: các Album).
4. Chọn một mục.
 ▶ Bắt đầu phát mục được lựa chọn.

▶▶ Phát Nhạc Qua *Bluetooth*®

Để phát nhạc, có thể bạn cần kích hoạt điện thoại của bạn. Nếu vậy, hãy làm theo các hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

Chuyển sang một chế độ khác sẽ làm ngưng nhạc đang phát trên điện thoại của bạn.

Bạn có thể thay đổi điện thoại đã được kết nối trong các cài đặt *Bluetooth*® trên màn hình **Audio Menu** theo quy trình sau:

1. Chọn **MENU**.
2. Chọn **Setting**.

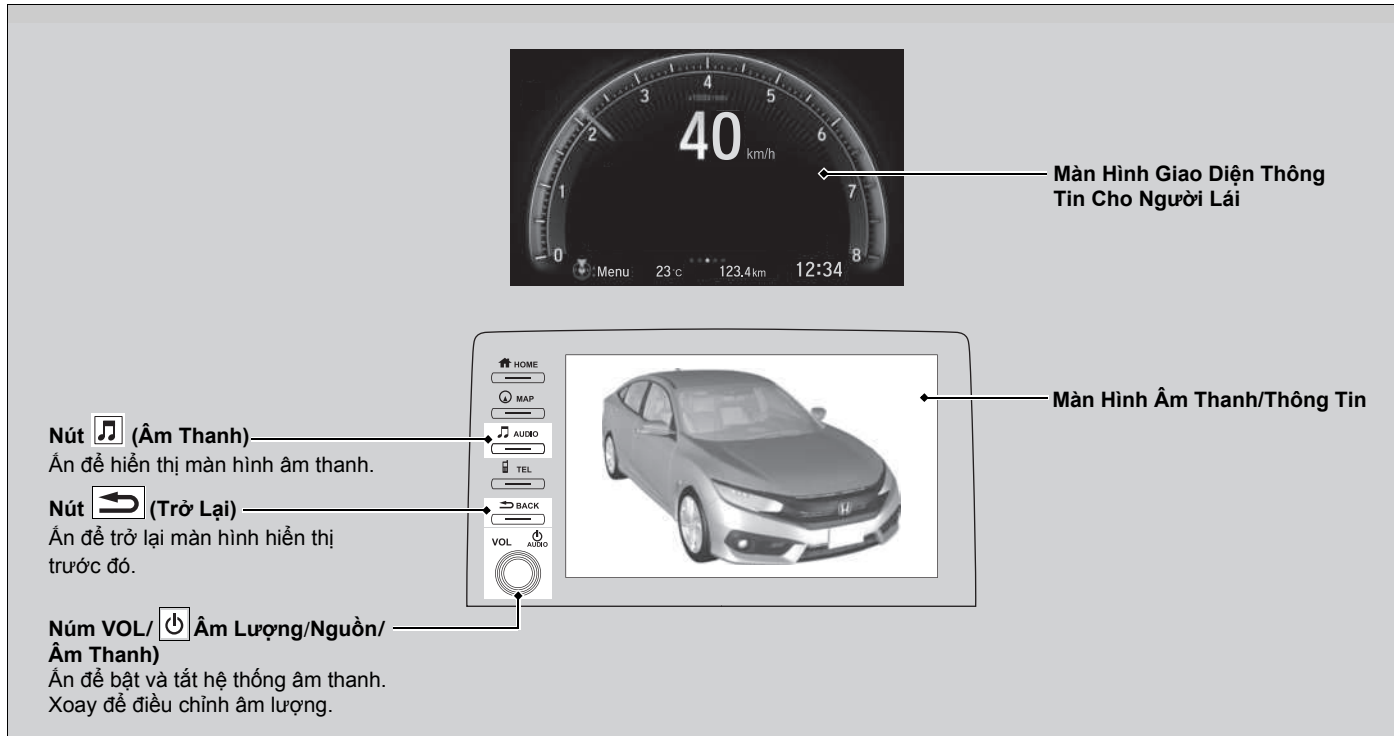
▶▶ Tìm Kiếm Nhạc

Phụ thuộc vào thiết bị *Bluetooth*® bạn kết nối, một số hoặc tất cả các danh sách có thể không được hiển thị.

Phát Video Bằng HDMI™

Hệ thống âm thanh cho phép bạn phát video từ thiết bị tương thích HDMI. Kết nối thiết bị bằng dây cáp HDMI™, sau đó chọn chế độ HDMI™.

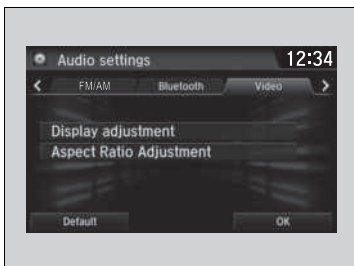
▶ Cổng HDMI™* Tr. 256




Tính Năng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thay Khung Màn Hình



1. Ấn nút  .
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Audio**.
4. Chọn thẻ **Video**.
5. Chọn **Aspect Ratio Adjustment**.
6. Chọn cài đặt bạn muốn.
7. Chọn **OK**.

Phát Video Bằng HDMI™

Tính năng này bị hạn chế trong khi lái xe. Để phát video, hãy dừng xe và kéo phanh đỗ.

Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

Một số ứng dụng trên điện thoại của bạn có thể hiển thị và được kích hoạt trên màn hình âm thanh/thông tin khi điện thoại được kết nối với hệ thống âm thanh. Bạn có thể kết nối điện thoại với hệ thống bằng cáp nối hoặc mạng không dây.

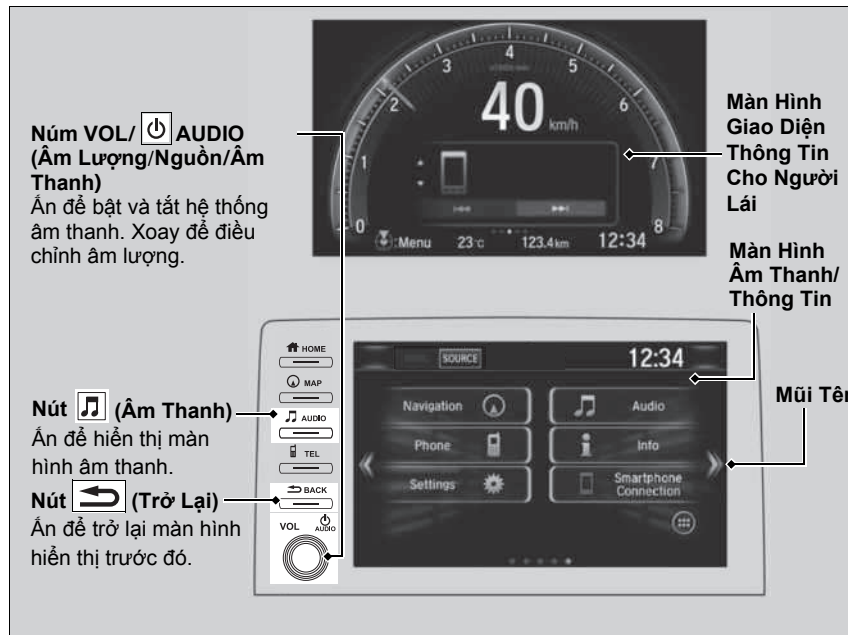
► **Kết Nối Điện Thoại iPhone** Tr. 326

► **Kết Nối Điện Thoại Thông Minh** Tr. 327

► **Chế Độ wifi (cài đặt lần đầu tiên)** Tr. 328

Để sử dụng kết nối điện thoại thông minh, trước tiên bạn cần phải ghép đôi điện thoại thông minh của bạn với hệ thống âm thanh qua *Bluetooth*®.

► **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 405



Còn nữa

►►Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

Đỗ xe nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại và trong khi chạy ứng dụng đã hiển thị.

Không phải tất cả các điện thoại đều tương thích với hệ thống. Hệ thống không hiển thị tất cả các ứng dụng có sẵn trên điện thoại của bạn, và một số ứng dụng cần phải cài đặt trước. Tham khảo đại lý để biết thêm chi tiết.

Bạn cần phải chuyển kết nối *Bluetooth*® với điện thoại thông minh của bạn nếu hệ thống đã kết nối với thiết bị điện tử khác.

► **Thay đổi điện thoại đang ghép đôi** Tr. 406

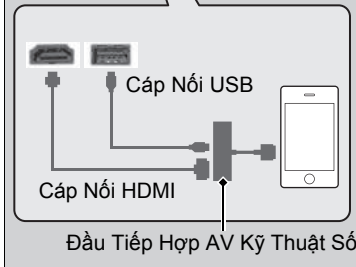
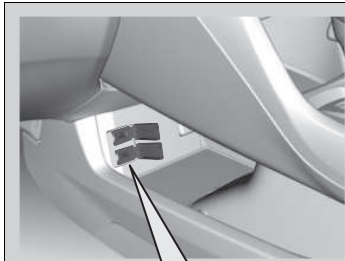
Các mục sau có thể khác nhau tùy theo loại điện thoại:

- Cách kết nối điện thoại thông minh với hệ thống.
 - Ứng dụng có thể chạy trên màn hình.
 - Hiển thị thời gian phản hồi/thời gian cập nhật.
- Chúng tôi không hỗ trợ chạy tất cả các ứng dụng trên hệ thống âm thanh.

Hãy hỏi nhà cung cấp ứng dụng khi có bất kỳ thắc mắc nào về tính năng của ứng dụng.

Không thực hiện bất kỳ thao tác nào trên màn hình hiển thị trong khi xe đang chạy.

■ Kết Nối Điện Thoại iPhone



1. Kết nối điện thoại của bạn với hệ thống âm thanh thông qua *Bluetooth*®.

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 405

2. Cắm đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số vào cổng HDMI™.


3. Nối đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số với điện thoại iPhone.

► Đợi cho đến khi có mũi tên xuất hiện trên màn hình chính.

4. Chọn mũi tên để hiển thị các ứng dụng có sẵn của điện thoại thông minh trên màn hình âm thanh/thông tin.

► Có thể bạn cần phải thao tác trên điện thoại.

5. Chọn một ứng dụng bạn muốn chạy trên màn hình âm thanh/thông tin.

► Để trở lại màn hình trước đó, ấn nút .

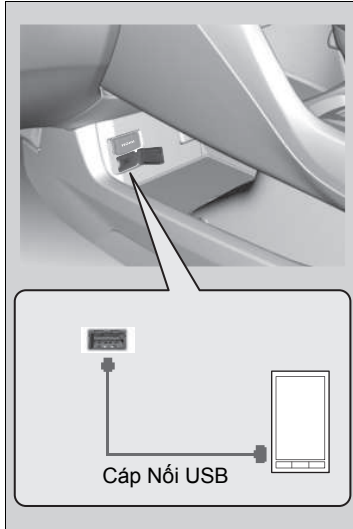
► Kết Nối Điện Thoại iPhone


Đảm bảo bạn đã cắm đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số vào cổng HDMI™ trước tiên. Nếu không, kết nối điện thoại thông minh có thể không hoạt động đúng.

Để nạp điện cho điện thoại, kết nối điện thoại với cổng USB.

Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin về việc mua đầu tiếp hợp AV kỹ thuật số hoặc cáp nối HDMI™.

■ Kết Nối Điện Thoại Thông Minh



1. Kết nối điện thoại của bạn với hệ thống âm thanh thông qua *Bluetooth*®.
▶ **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 405
2. Nối điện thoại vào cổng USB.
▶ Có thể bạn cần thao tác trên điện thoại.
▶ Đợi cho đến khi có mũi tên xuất hiện trên màn hình chính.
3. Chọn mũi tên để hiển thị các ứng dụng có sẵn của điện thoại thông minh trên màn hình âm thanh/thông tin.
4. Chọn một ứng dụng bạn muốn chạy trên màn hình âm thanh/thông tin.
▶ Để trở lại màn hình trước đó, ấn nút .

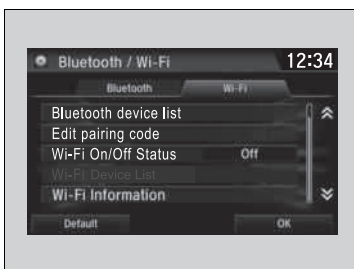
▣ Kết Nối Điện Thoại Thông Minh




Điện thoại có thể được nạp điện trong khi đang được kết nối với cổng USB. Tuy nhiên, điện thoại sẽ bị nhanh hết pin nếu bạn chạy quá nhiều ứng dụng.

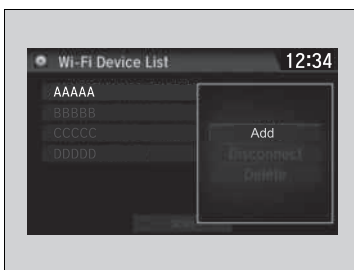
Kết Nối Wi-Fi

Bạn có thể kết nối Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh với mạng Internet thông qua Wi-Fi. Bạn cũng có thể lướt web hoặc sử dụng dịch vụ online trên màn hình âm thanh/thông tin. Nếu điện thoại của bạn có khả năng phát wifi, hệ thống có thể kết nối được với điện thoại. Thực hiện các bước sau để cài đặt.

■ Chế độ Wi-Fi (cài đặt lần đầu)



1. Ấn nút .
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Bluetooth / Wi-Fi**.
4. Chọn thẻ **Wi-Fi**.
5. Chọn **Wi-Fi On/Off Status**, sau đó chọn **On**.
6. Chọn **Wi-Fi Device List**.
 - Đảm bảo cài đặt Wi-Fi của điện thoại ở chế độ điểm (phạm vi) truy cập.
 - Chọn điện thoại mà bạn muốn kết nối với hệ thống.
 - Nếu bạn không tìm thấy điện thoại muốn kết nối trong danh sách, chọn **Scan**.
7. Chọn **Add**.
 - Nếu cần, nhập mật khẩu cho điện thoại của bạn và chọn **OK**.
 - Khi kết nối thành công, biểu tượng  được hiển thị ở phía trên màn hình.
8. Ấn nút  để trở lại màn hình chính.




⌘ Chế Độ Wi-Fi (cài đặt lần đầu)

Bạn không thể hoàn thành quy trình cài đặt trong khi xe di chuyển. Để xe nơi an toàn để cài đặt hệ thống âm thanh kết nối với Wi-Fi.

Một số hãng viễn thông tính phí và trừ vào tài khoản điện thoại của bạn khi bạn truy cập mạng. Hãy kiểm tra gói đăng ký điện thoại của bạn.

Kiểm tra điện thoại để tìm hiểu xem điện thoại có kết nối Wi-Fi không.

Bạn có thể xác nhận xem kết nối Wi-Fi đang bật hay tắt bằng biểu tượng  hiển thị trong **Wi-Fi Device List** (Danh Sách Mạng Wi-Fi). Tốc độ truyền tín hiệu sẽ không hiển thị trên màn hình.

■ Chế độ Wi-Fi (sau khi hoàn thành cài đặt lần đầu)


Đảm bảo cài đặt Wi-Fi của điện thoại ở chế độ điểm (phạm vi) truy cập.

☒ Chế độ Wi-Fi (sau khi hoàn thành cài đặt lần đầu)

Người sử dụng iPhone

Có thể bạn cần cài đặt lại kết nối Wi-Fi lần nữa sau khi bạn khởi động lại điện thoại.

Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

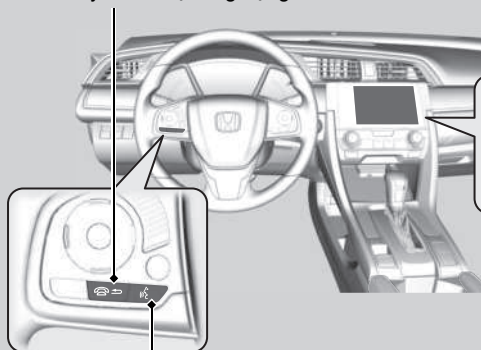
Bạn có thể nói chuyện qua ứng dụng Siri bằng cách ấn nút  (Nói) trên vô lăng khi điện thoại iPhone được ghép đôi với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT).

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 405

Sử Dụng Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

Nút  (Gác Máy/Trở Lại)

Ấn để hủy kích hoạt ứng dụng Siri Rảnh Mắt.



Nút  (Nói)

Ấn và giữ đến khi màn hình hiển thị thay đổi như hình vẽ.

Voice Recognition

Xuất hiện khi Siri được kích hoạt ở chế độ Siri Rảnh Mắt

Khi ở chế độ Siri Rảnh Mắt: Màn hình vẫn hiển thị tương tự. Không có phản hồi hoặc lệnh xuất hiện.

►► Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

Siri là sản phẩm của Tập Đoàn Apple.

Kiểm tra trên trang web của tập đoàn Apple để biết thêm chi tiết về các tính năng có sẵn của Siri.

Bạn không nên sử dụng ứng dụng Siri trừ ứng dụng Siri Rảnh Mắt khi lái xe.

►► Sử Dụng Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt

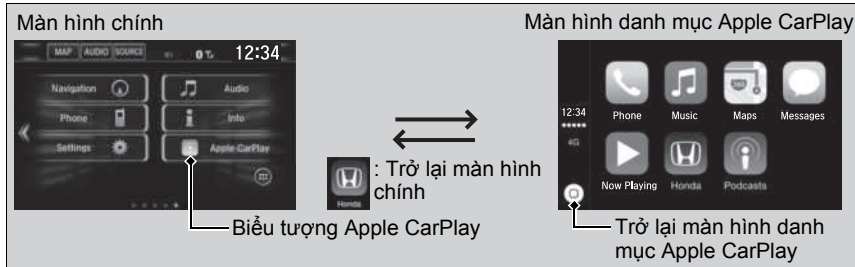
Một số lệnh chỉ hoạt động trên các ứng dụng hoặc tính năng cụ thể của điện thoại.

Ứng Dụng Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối hệ thống với điện thoại iPhone có ứng dụng Apple CarPlay tương thích qua cổng USB 1.5A, bạn có thể sử dụng màn hình âm thanh/thông tin thay cho màn hình điện thoại iPhone, để thực hiện cuộc gọi, nghe nhạc, xem bản đồ (hệ thống định vị) và xem tin nhắn.

► (Các) Cổng USB Tr. 255

Danh Mục Ứng dụng Apple CarPlay



■ Điện Thoại

Truy cập danh bạ, thực hiện cuộc gọi, hoặc nghe thư thoại.

■ Tin Nhắn

Kiểm tra và trả lời các tin nhắn văn bản, hoặc đọc tin nhắn.

■ Âm Nhạc

Phát nhạc được lưu trên điện thoại iPhone.

► Ứng Dụng Apple CarPlay

Chỉ iPhone 5 hoặc phiên bản mới hơn có hệ điều hành iOS 8.4 hoặc cao hơn tương thích với ứng dụng Apple CarPlay.

Đỗ xe nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với ứng dụng Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Để sử dụng ứng dụng Apple CarPlay, kết nối cáp USB với cổng USB 1.5A. Cổng USB ở hộp đựng đồ trung tâm sẽ không cho phép chạy ứng dụng Apple CarPlay.

► (Các) Cổng USB Tr. 255

Để sử dụng trực tiếp chức năng của điện thoại có ứng dụng Apple CarPlay, chọn **Phone** trên màn hình chính. Trong khi kết nối với Apple CarPlay, các cuộc gọi chỉ được thực hiện qua Apple CarPlay. Nếu bạn muốn thực hiện cuộc gọi bằng hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay, hãy tắt ứng dụng Apple CarPlay hoặc tháo cáp nối USB ra khỏi iPhone.

► Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay Tr. 332

Khi iPhone được kết nối với Apple CarPlay, nó không thể sử dụng được cùng với Hệ Thống Âm Thanh *Bluetooth*[®] hoặc Điện Thoại Rảnh Tay. Tuy nhiên, các điện thoại khác được ghép đôi trước đó có thể phát âm thanh qua *Bluetooth*[®] trong khi kết nối với ứng dụng Apple CarPlay.

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 405

Để biết thêm chi tiết về các quốc gia và khu vực cho phép sử dụng ứng dụng Apple CarPlay cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang chủ của Apple.

■ Bản Đồ

Hiện thị bản đồ trên Apple CarPlay và sử dụng chức năng định vị trên điện thoại iPhone khi bạn muốn.

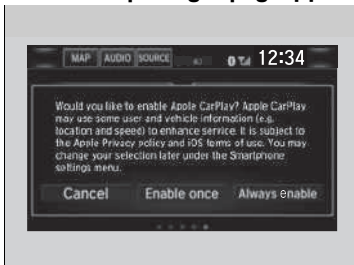
Loại xe có hệ thống định vị

Chỉ một hệ thống định vị (hệ thống định vị hoặc ứng dụng Apple CarPlay được cài đặt trước) có thể dẫn hướng tại một thời điểm. Khi bạn đang sử dụng một hệ thống, các hướng chỉ tới địa điểm ưu tiên bất kỳ đã được thiết lập trên hệ thống khác sẽ bị huỷ và hệ thống mà bạn đang sử dụng sẽ chỉ hướng cho bạn.

■ Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay

Sau khi điện thoại iPhone đã được kết nối với hệ thống qua cổng USB 1.5A, áp dụng quy trình sau để cài đặt ứng dụng Apple CarPlay. Việc sử dụng ứng dụng Apple CarPlay sẽ truyền thông tin của người sử dụng hiện tại và thông tin của xe (ví dụ như: vị trí của xe, tốc độ và trạng thái) tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng ứng dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên Màn Hình Hiện Thị Âm Thanh.

■ Kích Hoạt Ứng Dụng Apple CarPlay



Enable once: Chỉ cho phép một lần. (Lời nhắc được hiển thị lại trong lần tiếp theo.)
Always enable: Luôn cho phép. (Lời nhắc không hiển thị lại nữa.)
Cancel: Không đồng ý với thoả thuận này.

Bạn có thể thay đổi các thoả thuận cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone**.

►► Ứng Dụng Apple CarPlay

Các Giới Hạn & Điều Kiện Vận Hành Ứng Dụng Apple CarPlay


Ứng dụng Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối điện thoại di động và sử dụng gói dịch vụ dữ liệu. Giá cước dữ liệu của nhà mạng sẽ được áp dụng.

Thay đổi trong các hệ thống đang vận hành, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng mà Ứng dụng Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của ứng dụng Apple CarPlay. Honda không thể và không đưa ra bất kỳ bảo hành hoặc đảm bảo nào đối với tính năng hoặc chức năng của ứng dụng Apple CarPlay.

Có thể phải sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba nếu hệ thống không tương thích với ứng dụng Apple CarPlay. Tham khảo trên trang chủ của Apple để biết thêm chi tiết về các ứng dụng tương thích.

►► Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay


Bạn cũng có thể cài đặt ứng dụng Apple CarPlay như sau:

Ấn nút  → Chọn Settings → Smartphone → Apple CarPlay

Sử dụng thông tin của người sử dụng và thông tin của xe

Việc sử dụng và thao tác của người sử dụng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua ứng dụng Apple CarPlay và được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính Sách Bảo Mật Riêng của Apple.

■ Vận Hành Apple CarPlay bằng Ứng Dụng Siri

Ấn và giữ nút Talk  (Nói) để kích hoạt Ứng dụng Siri.



► Vận Hành Apple CarPlay bằng Ứng Dụng Siri

Dưới đây là ví dụ về câu hỏi và lệnh đối với ứng dụng Siri.

- Hôm nay có những bộ phim nào đang được phát?
- Gọi bố ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày hôm qua như thế nào?
- Đọc Email mới nhất của tôi

Để biết thêm thông tin chi tiết vui lòng truy cập trang web: www.apple.com/ios/siri.

Ứng Dụng Android Auto

Khi bạn kết nối điện thoại chạy hệ điều hành Android với hệ thống Âm Thanh qua cổng USB 1.5A, ứng dụng Android Auto sẽ tự động khởi động. Khi kết nối điện thoại thông qua ứng dụng Android Auto, bạn có thể sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để truy cập điện thoại iPhone, Google Maps (Hệ Thống Định Vị), Google Play Music (Nghe Nhạc Của Google), và các chức năng của ứng dụng Google Now (Ứng Dụng Tìm Kiếm). Khi bạn sử dụng ứng dụng Android Auto lần đầu tiên, thì các hướng dẫn sẽ xuất hiện trên màn hình.

Bạn hãy đỗ xe ở vị trí an toàn để xem tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng Android Auto.

► (Các) Cổng USB Tr. 255

► Kết Nối Ghép Đôi Tự Động Tr. 336

CHÚ Ý:

Ứng dụng Android Auto có thể không có sẵn ở quốc gia hay khu vực bạn ở. Để biết chi tiết về ứng dụng Android Auto, tham khảo trang Web hỗ trợ của Google.

►► Ứng Dụng Android Auto

Để sử dụng Android Auto, bạn cần phải tải ứng dụng Android Auto từ Google Play cho điện thoại của bạn.

Ứng dụng Android Auto chỉ tương thích với hệ điều hành Android 5.0 (Lollipop) hoặc phiên bản cao hơn.

Bluetooth A2DP không thể sử dụng cùng với điện thoại có ứng dụng Android Auto.

Hãy đỗ xe ở vị trí an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Để sử dụng ứng dụng Android Auto, nối cáp USB vào cổng USB 1.5A. Cổng USB ở mặt sau của hộp đựng đồ trung tâm sẽ không cho phép vận hành ứng dụng Android Auto.

► (Các) Cổng USB Tr. 255

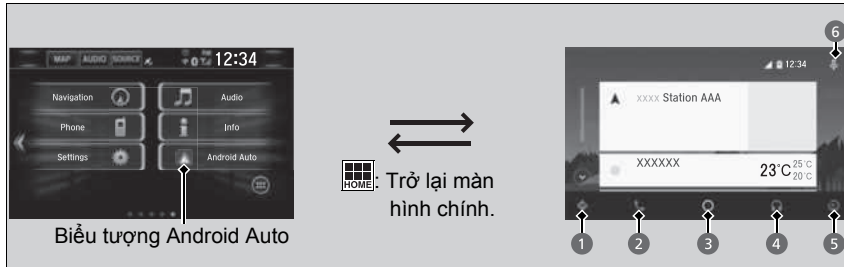
Để truy cập trực tiếp chức năng của điện thoại có ứng dụng Android Auto, chọn **Phone** trên màn hình chính.

► Kết Nối Ghép Đôi Tự Động Tr. 336

Khi điện thoại Android được kết nối với Android Auto, không thể sử dụng Âm thanh *Bluetooth*[®]. Tuy nhiên, các điện thoại khác đã được ghép đôi trước đó có phát âm thanh qua *Bluetooth*[®] khi kết nối với ứng dụng Android Auto.

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 405

Danh Mục Ứng Dụng Android Auto



1 Bàn Đò (Hệ Thống Định Vị)

Hiển thị Google Maps và sử dụng chức năng định vị ngay khi bạn sử dụng điện thoại chạy hệ điều hành Android. Khi xe đang di chuyển, bạn không thể truy cập vào ứng dụng bằng bàn phím. Để xe ở vị trí an toàn để thực hiện tìm kiếm hoặc nhập dữ liệu.

Loại xe có hệ thống định vị

Chỉ một hệ thống định vị (hệ thống định vị được cài đặt trước hoặc ứng dụng Android Auto) có thể dẫn hướng tại một thời điểm. Khi bạn đang sử dụng một hệ thống, các hướng chỉ tới địa điểm ưu tiên bất kỳ đã được thiết lập trên hệ thống khác sẽ bị huỷ và hệ thống mà bạn đang sử dụng sẽ chỉ hướng cho bạn. Màn hình âm thanh/thông tin hiển thị lần lượt các hướng lái để chỉ hướng cho bạn.

2 Điện Thoại (Liên Lạc)

Thực hiện và nhận các cuộc gọi cũng như nghe thư thoại.

3 Google Now (Màn hình chính)

Hiển thị thông tin hữu dụng của Android Auto trong các thẻ đơn giản và nó chỉ xuất hiện khi cần.

Ứng Dụng Android Auto

Để biết thêm thông tin chi tiết về các quốc gia và các vùng miền có ứng dụng Android Auto, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang chủ của ứng dụng Android Auto.

Điều Kiện Vận Hành & Các Hạn Chế Của Ứng Dụng Android Auto

Ứng dụng Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối điện thoại di động và sử dụng gói dịch vụ dữ liệu. Giá cước dữ liệu của nhà mạng sẽ được áp dụng.

Thay đổi trong các hệ thống đang vận hành, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp để thực hiện chức năng của Android Auto, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm bớt hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của Android Auto. Honda không thể và không cung cấp bất kỳ bảo hành hoặc đảm bảo nào đối với tính năng hoặc chức năng của Android Auto.

Bạn có thể phải sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba nếu chúng tương thích với Android Auto. Tham khảo trên trang chủ của Android Auto để biết thêm chi tiết về các ứng dụng tương thích.

4 Âm nhạc và âm thanh

Phát Google Play Music và các ứng dụng nghe nhạc tương thích với ứng dụng Android Auto. Để chuyển đổi giữa các ứng dụng nghe nhạc, hãy chọn biểu tượng này.

5 Chuyển sang Màn Hình Chính.

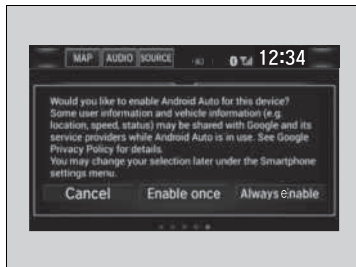
6 Giọng Nói

Vận hành ứng dụng Android Auto bằng giọng nói của bạn.

■ Kết Nối Ghép Đôi Tự Động

Khi bạn kết nối điện thoại chạy hệ điều hành Android qua cổng USB 1.5A, ứng dụng Android Auto sẽ tự động khởi tạo.

■ Kích Hoạt Ứng Dụng Android Auto



Enable once: Chỉ kích hoạt một lần. (Lời nhắc được hiển thị lại trong lần tiếp theo.)

Always enable: Luôn cho phép. (Lời nhắc không hiển thị lại nữa.)


Cancel: Không cho phép nội dung này.

Bạn có thể thay đổi các thoả thuận cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone**.

►► Kích Hoạt Ứng Dụng Android Auto

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi xe đã được đỗ ở vị trí an toàn. Khi lần đầu tiên kết nối điện thoại với ứng dụng Android Auto, bạn phải cài đặt điện thoại để tự động ghép đôi. Tham khảo tài liệu hướng dẫn đi kèm với điện thoại.


Bạn cũng có thể thay đổi các cài đặt của ứng dụng Android Auto sau khi bạn đã hoàn thành cài đặt ban đầu như sau:

Ấn nút  → Chọn Settings → Smartphone → Android Auto

Việc sử dụng thông tin của người sử dụng và thông tin của xe

Việc sử dụng, xử lý thông tin của người sử dụng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại qua ứng dụng Android Auto là Chính Sách Bảo Mật Riêng Của Google.

■ Vận Hành Ứng Dụng Android Auto bằng Nhận Dạng Giọng Nói

Ấn và giữ nút Talk  (Nói) để kích hoạt ứng dụng Android Auto bằng giọng nói.




▣ Vận Hành Ứng Dụng Android Auto bằng Nhận Dạng Giọng Nói

Dưới đây là ví dụ về câu hỏi và lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời bằng văn bản.
- Gọi vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cửa hàng bán hoa.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng tham khảo trang chủ Android Auto.

Bạn có thể kích hoạt chức năng nhận dạng bằng giọng nói bằng cách ấn vào biểu tượng  nằm ở góc phía trên bên phải của màn hình.

Thông Báo Lỗi Âm Thanh

iPod/USB

Nếu có một lỗi xảy ra khi đang bật iPod hoặc USB, bạn có thể thấy các thông báo lỗi sau. Nếu bạn không thể xoá các thông báo lỗi, hãy liên hệ với đại lý.

Thông Báo Lỗi	Giải Pháp
USB error^{*1} USB Error^{*2}	Xuất hiện khi hệ thống âm thanh có sự cố. Kiểm tra xem thiết bị có tương thích với hệ thống âm thanh không.
Incompatible USB device Please check owners manual.^{*1} A charging error has occurred with the connected USB device. When safe please check the compatibility of the device and USB cable and try again.^{*2}	Xuất hiện khi thiết bị không tương thích được kết nối. Ngắt kết nối thiết bị. Sau đó tắt hệ thống âm thanh và bật lại. Không kết nối lại với thiết bị gây ra lỗi này.
Unsupported ver^{*1} Unsupported Version^{*2}	Xuất hiện khi kết nối với một iPod không được hỗ trợ. Nếu thông báo xuất hiện khi đã kết nối một iPod được hỗ trợ, thì cập nhật phiên bản phần mềm iPod mới nhất.
Retry connection^{*1} Connect Retry^{*2}	Xuất hiện khi hệ thống không nhận iPod. Hãy kết nối lại iPod.
Unplayable file^{*1} Unplayable File^{*2}	Xuất hiện khi các bài hát trong USB được bảo vệ bản quyền hoặc định dạng không được hỗ trợ. Thông báo lỗi này sẽ xuất hiện khoảng 3 giây, sau đó chuyển sang bài tiếp theo.
No song^{*1} No Data^{*2}	iPod Xuất hiện khi iPod không có nội dung. USB Xuất hiện khi USB trống hoặc không có file định dạng MP3, WMA, AAC, WAV ^{*2} hoặc MP4 ^{*2} trong USB. iPod và USB Kiểm tra xem thiết bị có lưu trữ các bài hát tương thích không.

*1: Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

*2: Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Thông Báo Lỗi	Giải Pháp
Unsupported *1, *2	Xuất hiện khi kết nối với thiết bị không được hỗ trợ. Nếu thông báo xuất hiện khi kết nối một khi thiết bị được hỗ trợ, hãy kết nối lại thiết bị đó

*1: Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

*2: Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Hệ Điều Hành Android/Các Ứng Dụng

Nếu xảy ra lỗi trong khi sử dụng hệ thống âm thanh hoặc các ứng dụng, bạn có thể thấy các thông báo lỗi sau. Nếu bạn không thể xoá các thông báo lỗi, hãy liên hệ với đại lý.

Thông Báo Lỗi*1	Giải Pháp
Unfortunately, **** has stopped.	Lỗi xảy ra khi chạy ứng dụng, chọn OK trên màn hình để đóng ứng dụng.
**** is not responding. Would you like to close it?	<p>Ứng dụng không phản hồi. Chọn Wait nếu bạn có thể đợi phản hồi từ ứng dụng. Nếu nó không phản hồi ngay cả khi bạn đợi lâu, chọn OK để đóng ứng dụng và khởi động lại ứng dụng. Nếu thông báo lỗi vẫn xuất hiện, thực hiện Factory Data Reset (Cài Đặt Lại Dữ liệu Gốc).</p> <p>➤ Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt Tr. 376</p>

*1: Phần **** là các ký tự khác nhau và sẽ thay đổi tùy thuộc vào lỗi xảy ra

Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh

iPod, iPhone và USB Tương Thích

Loại iPod và iPhone Tương Thích

Loại
iPod (thế hệ thứ 5)
iPod classic 80GB/160GB (ra đời năm 2007)
iPod classic 120GB (ra đời năm 2008)
iPod classic 160GB (ra đời năm 2009)
iPod nano (thế hệ thứ 1 đến thứ 7) phát hành từ năm 2005 đến 2012
iPod touch (thế hệ thứ 1 đến thứ 5) phát hành từ năm 2007 đến 2012
iPhone 3G/iPhone 3GS/iPhone 4/iPhone 4S/iPhone 5/iPhone 5c ^{*1} /iPhone 5s ^{*1} /iPhone 6 ^{*1} /iPhone 6 Plus ^{*1}

*1:Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

USB

- Sử dụng USB khuyến dùng có dung lượng từ 256 MB trở lên.
- Một số đầu phát âm thanh kỹ thuật số có thể không tương thích.
- Một số USB (ví dụ: thiết bị có khóa bảo vệ) có thể không hoạt động.
- Một số tập tin phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị văn bản dữ liệu.
- Một số phiên bản định dạng MMP3, WMA, AAC, WAV*, hoặc MP4* không được hỗ trợ.

Loại iPod và iPhone Tương Thích

Hệ thống này có thể không hoạt động được với tất cả các phiên bản phần mềm của các thiết bị này.

USB

Các tệp tin trong USB được phát theo thứ tự được lưu. Thứ tự này có thể khác so với thứ tự được hiển thị trên máy tính hoặc thiết bị khác.

Loại Xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

■ Các Thiết Bị Khuyến Dùng

Thiết Bị	USB	
Profile (phiên bản MP4)	Mức Cơ bản 3 (MPEG4-AVC), Mức Đơn 5 (MPEG4)	
Đuôi tệp tin (phiên bản MP4)	.mp4/.m4v	
Codec âm thanh tương thích	AAC	MP3
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)
Hình ảnh tối đa	720 x 576 pixel	

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Thông Tin Pháp Lý về Ứng Dụng Apple CarPlay/Android Auto

■ BẢN QUYỀN TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY TUÂN THEO THỎA THUẬN GIỮA BẠN VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY, BAO GỒM CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG HỆ ĐIỀU HÀNH IOS CỦA APPLE. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY QUY ĐỊNH APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG ĐÚNG HAY BỊ NGỪNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE, VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY, BAO GỒM: KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. HÃY XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT RIÊNG CỦA APPLE ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH SỬ DỤNG CỦA APPLE VÀ VIỆC XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI ỨNG DỤNG CARPLAY.

VIỆC SỬ DỤNG ANDROID AUTO TUÂN THEO THỎA THUẬN CỦA BẠN VỀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO VÀ PHẢI ĐƯỢC CHẤP THUẬN KHI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO ĐƯỢC TẢI VỀ ĐIỆN THOẠI CHẠY HỆ ĐIỀU HÀNH ANDROID CỦA BẠN. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO QUY ĐỊNH GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG ĐÚNG HAY BỊ NGỪNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE, VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO, BAO GỒM: KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. HÃY XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT RIÊNG CỦA GOOGLE ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH SỬ DỤNG CỦA GOOGLE VÀ VIỆC XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO.

■ THÔNG BÁO MIỄN TRỪ BẢO HÀNH; GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM





BẠN HOÀN TOÀN HIỂU VÀ ĐỒNG Ý RẰNG VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY HOẶC ANDROID AUTO ("CÁC ỨNG DỤNG") LÀ CÓ RỦI RO, RẰNG BẠN SẼ CHỊU TOÀN BỘ RỦI RO Ở MỨC CAO NHẤT LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG, HIỆU SUẤT, ĐỘ CHÍNH XÁC VÀ ỨNG SUẤT CỦA CÁC ỨNG DỤNG THEO LUẬT HIỆN HÀNH CHO PHÉP ĐỒNG THỜI BẠN CŨNG CHẤP NHẬN RẰNG CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐƯỢC CUNG CẤP VỚI ĐIỀU KHOẢN "NGƯỜI SỬ DỤNG CHỊU HOÀN TOÀN CÁC LỖI GÂY RA MÀ KHÔNG PHẢI DO PHẦN MỀM", CHO TẤT CẢ CÁC LỖI VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÔNG PHẢI BẢO HÀNH BẤT KỲ LỖI NÀO. HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỚI MỌI HÌNH THỨC BẢO HÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN NÀO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN ỨNG DỤNG. CÁC THÔNG TIN ĐÓ CÓ THỂ ĐƯỢC NÊU RA RÕ RÀNG, ĐƯỢC NGẮM ĐỊNH HAY THEO LUẬT ĐỊNH BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, CÁC BẢO ĐẢM VÀ/HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN NGẮM ĐỊNH VỀ TÍNH THƯƠNG MẠI CỦA SẢN PHẨM, SỰ HÀI LÒNG VỀ CHẤT LƯỢNG, SỰ PHÙ HỢP VỚI MỖI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐỘ CHÍNH XÁC, VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH, VÀ KHÔNG VI PHẠM BẢN QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA. HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC THÔNG TIN TRUYỀN MIỆNG HOẶC BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI KHUYÊN ĐƯỢC HONDA HOẶC ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN CỦA HONDA ĐƯA RA. VÍ DỤ, VÀ KHÔNG HẠN CHẾ, HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CUNG CẤP DỮ LIỆU BỞI CÁC ỨNG DỤNG NHƯ: ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA CÁC HƯỚNG DẪN, THỜI GIAN HÀNH TRÌNH ƯỚC TÍNH, CÁC GIỚI HẠN TỐC ĐỘ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐƯỜNG XÁ, BẢN TIN, THỜI TIẾT, GIAO THÔNG, VÀ NỘI DUNG KHÁC ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI APPLE, GOOGLE, CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HỌ, HOẶC BÊN CUNG CẤP THỨ BA; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO GIÚP BẠN TRÁNH ĐƯỢC VIỆC BỊ MẤT DỮ LIỆU ỨNG DỤNG VÌ CÁC DỮ LIỆU ỨNG DỤNG CÓ THỂ BỊ MẤT BẤT CỨ KHI NÀO; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG CÁC ỨNG DỤNG HOẶC BẤT KỲ DỊCH VỤ NÀO ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG QUA GOOGLE VÀ APPLE, V.V. SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP Ở BẤT CỨ THỜI GIAN NÀO, VÀ KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG ỨNG DỤNG BẤT KỲ HOẶC TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ SẼ CÓ SẴN TRONG MỘT THỜI GIAN HOẶC VỊ TRÍ CỤ THỂ. VÍ DỤ: CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ BỊ NGỪNG HOẶC GIÁN ĐOẠN MÀ KHÔNG CÓ THÔNG BÁO VỀ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, SỬA LỖI BẢO MẬT, CẬP NHẬT, V.V. CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ KHÔNG CÓ SẴN TRONG KHU VỰC HOẶC VỊ TRÍ CỦA BẠN, V.V. NGOÀI RA, BẠN CŨNG HIỂU RẰNG CÁC THAY ĐỔI VỀ CÔNG NGHỆ CỦA BÊN THỨ BA HOẶC QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ CÓ THỂ GIỚI HẠN CÁC DỊCH VỤ VÀ/HOẶC CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LỖI THỜI VÀ/HOẶC KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC.

TRONG PHẠM VI LUẬT CHO PHÉP, HONDA VÀ CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG TÍCH, HOẶC BẤT KỲ THIỆT HẠI NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT, GIÁN TIẾP HOẶC CÁC THIỆT HẠI MANG TÍNH HẬU QUẢ NÀO BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, NHỮNG THIỆT HẠI GÂY THUA LỖ, LÀM HỒNG HOẶC MẤT DỮ LIỆU, KHÔNG TRUYỀN HOẶC NHẬN ĐƯỢC DỮ LIỆU, GIÁN ĐOẠN CÁC GIAO DỊCH KINH DOANH HOẶC BẤT KỲ THIỆT HẠI HOẶC THUA LỖ TRONG KINH DOANH PHÁT SINH THÊM HAY LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC CÁC ỨNG DỤNG HAY THÔNG TIN VỀ CÁC ỨNG DỤNG, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ, KHÔNG PHẢI DO VẤN ĐỀ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ (HỢP ĐỒNG, SAI SÓT HOẶC CÁC VẤN ĐỀ KHÁC) VÀ NGAY CẢ NẾU HONDA ĐÃ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ VỀ KHẢ NĂNG XÂY RA NHỮNG TỒN HẠI NHƯ VẬY. MỘT SỐ KHU VỰC, QUỐC GIA CÓ THỂ KHÔNG CHẤP NHẬN VIỆC LOẠI TRỪ VÀ HẠN CHẾ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIỆT HẠI ĐÃ XẢY RA, VÌ THẾ NHỮNG GIỚI HẠN VÀ LOẠI TRỪ NÀY CÓ THỂ SẼ KHÔNG ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO BẠN. CÁC GIỚI HẠN TRÊN SẼ ĐƯỢC ÁP DỤNG NGAY CẢ KHI CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC NẾU TRÊN KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC


Giấy Phép Mã Nguồn Mở

Để xem thông tin giấy phép mã nguồn mở, thực hiện theo các bước sau.

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

1. Ấn nút **MENU/CLOCK**.
2. Xoay  để chọn **Settings**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **OSS Licenses**, sau đó ấn .

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

1. Ấn nút .
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn thẻ **Others**.
5. Chọn **Detailed Information**.
6. Chọn **About device**.
7. Chọn **Legal information**.
8. Chọn **Open-source licences**.

►► Giấy Phép Mã Nguồn Mở

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

GIẤY PHÉP: Copyright © 2001 Bob Trower, Trantor Standard Systems Inc.

Giấy phép này được cấp miễn phí cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào có được một bản sao của phần mềm này và các file tài liệu liên quan (gọi chung là "Phần mềm"), để sử dụng phần mềm không hạn chế, bao gồm không giới hạn quyền sử dụng, sao chép, sửa đổi, sát nhập, xuất bản, phân phối, cấp phép, và/hoặc bán các bản sao của Phần mềm, và cho phép những người được cung cấp phần mềm có thể làm như vậy, tùy thuộc vào các điều kiện sau đây:

Các thông báo bản quyền trên đây và thông báo cho phép này sẽ có trong tất cả các bản sao hoặc các phần quan trọng của Phần mềm.

PHẦN MỀM ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG" KHÔNG CÓ BẢO ĐẢM NÀO RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN CÁC BẢO ĐẢM VỀ THƯƠNG MẠI, PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG BẤT CỨ TRƯỜNG HỢP NÀO, TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM CHO BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIỆT HẠI HAY TRÁCH NHIỆM KHÁC, DÙ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG PHÁT SINH SỰ CỐ HAY VẤN ĐỀ GÌ KHÁC CÓ LIÊN QUAN HOẶC KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN PHẦN MỀM HAY SỬ DỤNG HOẶC GIAO DỊCH KHÁC BẰNG PHẦN MỀM.

Loại xe có màn hình hiển thị âm thanh

Thông Tin Giấy Phép

■ DOLBY DIGITAL

Việc sản xuất được cấp phép bởi Dolby Laboratories. Dolby và biểu tượng hai chữ D là các nhãn hiệu của Dolby Laboratories.



■ DTS

Về bản quyền sáng chế của công ty DTS, tham khảo trang web <http://patents.dts.com>. Việc sản xuất được cấp phép bởi DTS Licensing Limited. DTS, Biểu Tượng, & DTS và Biểu Tượng đều được đăng ký thương hiệu, và DTS Digital Surround và Neural Surround là nhãn hiệu của DTS, Inc. © DTS, Inc. Tất Cả Bản Quyền Được Bảo Hộ.




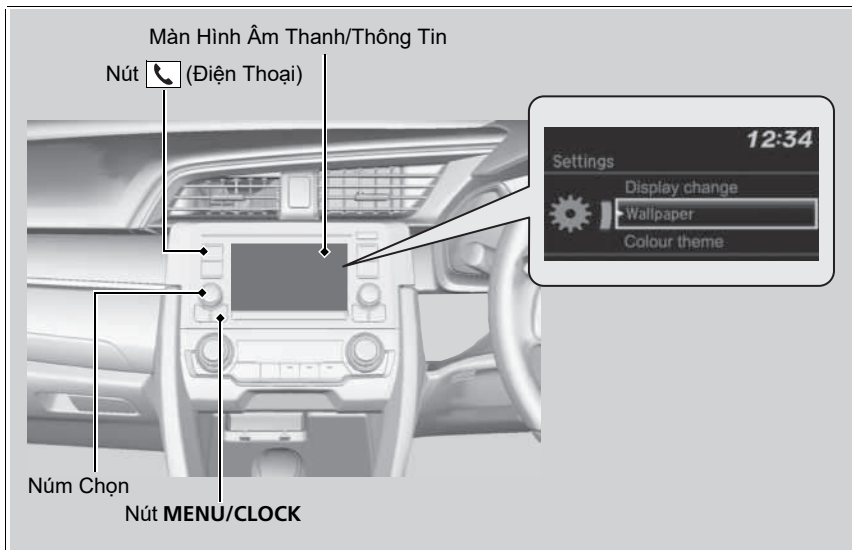
Tính Năng Tùy Chọn

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chọn

Trong khi xe dừng hẳn mà khoá điện ở BẬT **II***1, ấn nút **MENU/CLOCK**, sau đó chọn **Settings**. Để tùy chọn các cài đặt điện thoại, ấn nút , sau đó chọn **Phone setup**.



*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

» Tính Năng Tùy Chọn


Khi bạn tùy chọn cài đặt:



- Đảm bảo xe dừng hoàn toàn.
- Sang số đến **P**.

» Cách tùy chọn

Những đèn báo này được sử dụng để hiển thị cách vận hành nút chọn.

Xoay  để chọn.

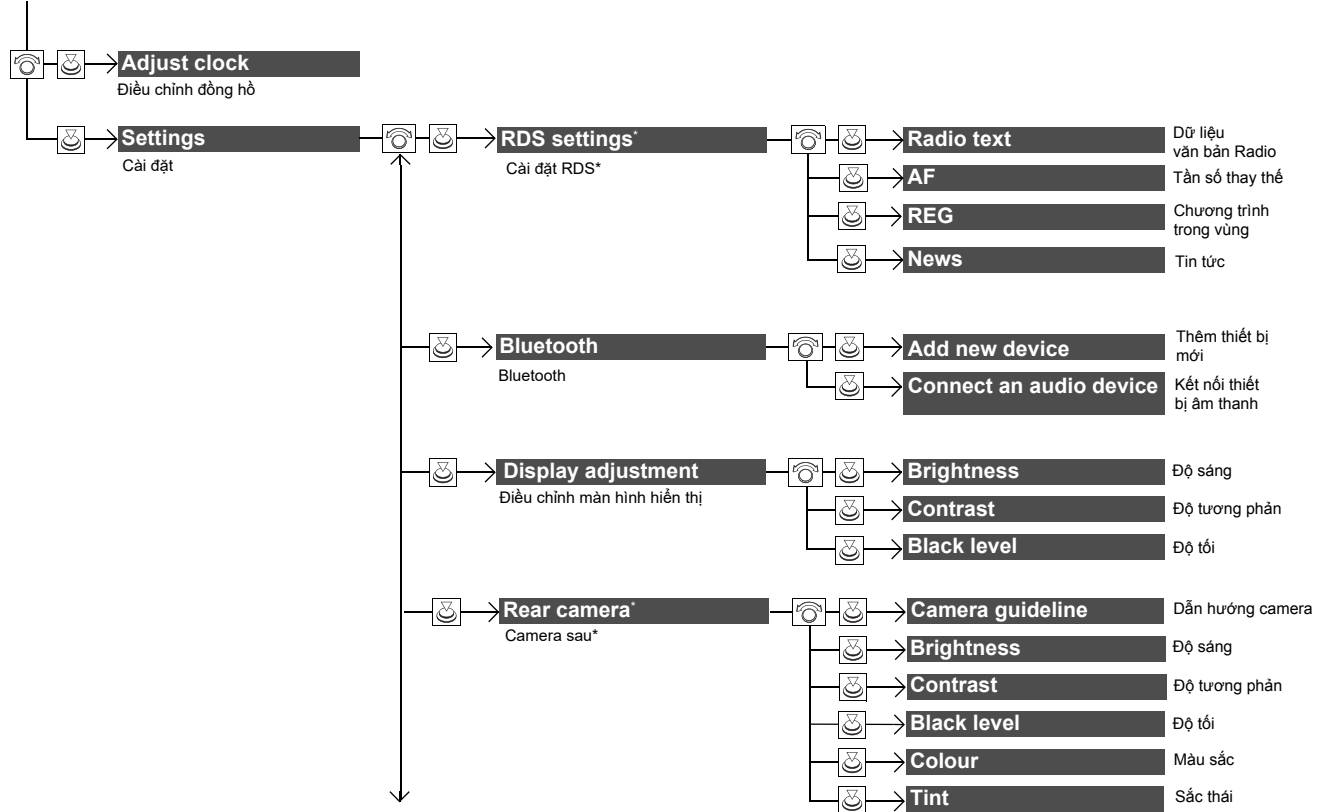
Ấn  để thực hiện.

Để tùy chọn các tính năng khác, chọn **Settings**, xoay , sau đó ấn .

➤ **Danh sách tính năng tùy chọn Tr. 350**

■ Các Bước Tùy Chỉnh

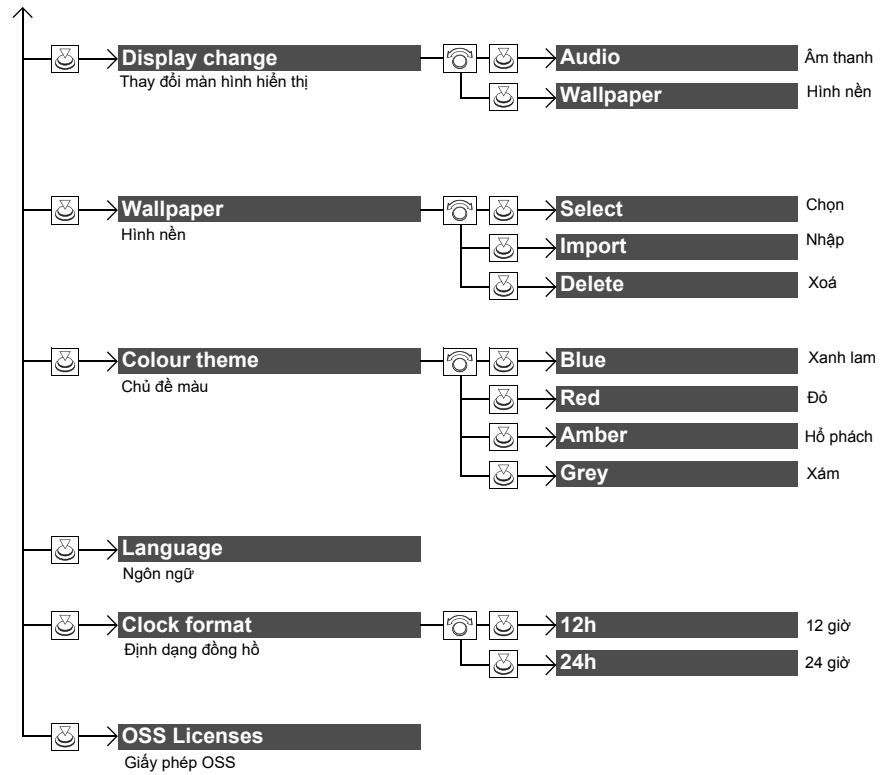
Ấn nút **MENU/CLOCK**.






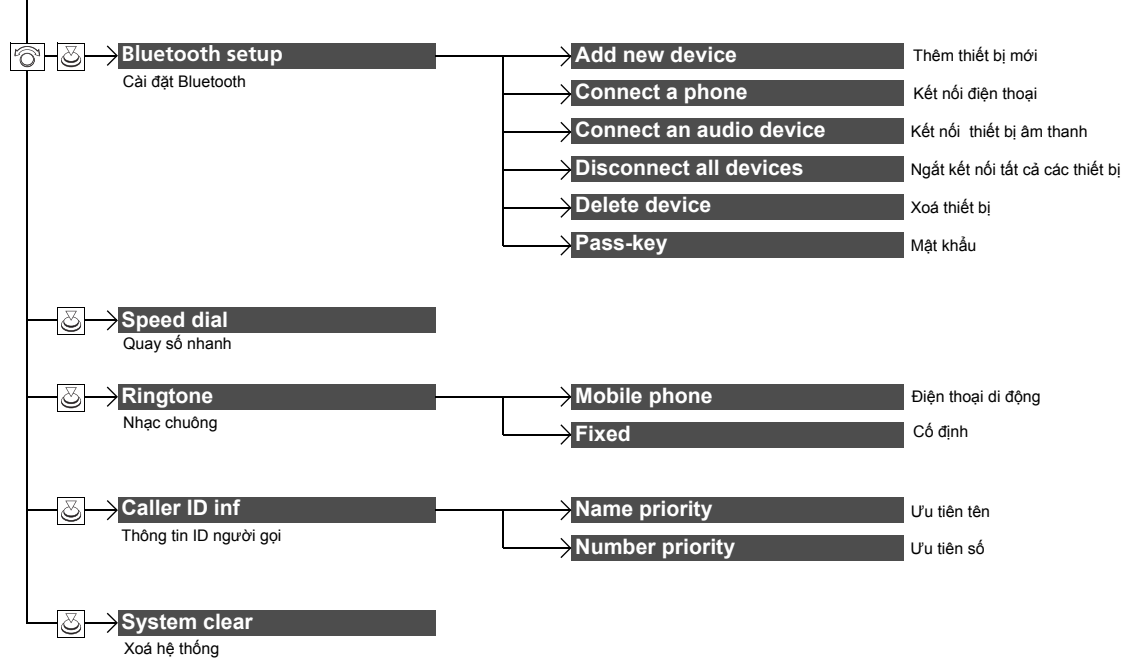
Tính Năng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tính Năng



Ấn nút  và xoay  để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .




Tính Năng

■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt	
Settings	Adjust clock	Điều chỉnh đồng hồ. ☑ Đồng Hồ Tr. 170	—	
	RDS settings*	Radio text	Hiển thị thông tin văn bản radio của kênh RDS đã chọn.	On/Off*1 (Bật/Tắt*1)
		AF	Tự động thay đổi tần số của cùng một chương trình khi bạn đi vào các vùng khác.	On*1/Off (Bật*1/Tắt)
		REG	Giữ tần số tương tự của các kênh trong vùng đó kể cả khi tín hiệu bị yếu.	On*1/Off (Bật*1/Tắt)
		News	Tự động bật và tắt để dò sang chương trình thời sự.	On/Off*1 (Bật/Tắt*1)
	Bluetooth	Add new device	Ghép đôi điện thoại mới với HFT, chỉnh sửa và xoá điện thoại đã ghép đôi và tạo mã cho điện thoại đã ghép đôi. ☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 383	—
		Connect an audio device	Kết nối, ngắt kết nối hoặc ghép đôi thiết bị Âm Thanh <i>Bluetooth</i> ® với HFT.	—
	Display adjustment	Brightness	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/ thông tin.	—
		Contrast	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/ thông tin.	—
		Black level	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/ thông tin.	—

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tựy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Settings	Rear camera*	Camera guideline	Chọn để xem dẫn hướng có sáng trên màn hình âm thanh/thông tin không. On**/Off (Bật*/Tắt)
		Brightness	
		Contrast	Xem Display adjustment Tr. 350
		Black level	
		Colour	Thay đổi màu sắc của màn hình âm thanh/thông tin. —
		Tint	Thay đổi trạng thái của màn hình âm thanh/thông tin. —
Settings	Display change	Thay đổi kiểu màn hình hiển thị. Audio**/Wallpaper (Âm thanh*/Hình nền)	
	Select	Thay đổi kiểu hình nền. Clock**/Image 1/Image 2/Image 3 (Đồng hồ**/Hình ảnh 1/Hình ảnh 2/Hình ảnh 3)	
	Wallpaper	Import	Nhập một hình ảnh làm hình nền mới. —  Cài Đặt Hình Nền Tr. 265
		Delete	Xoá một hình ảnh làm hình nền. Image 1**/Image 2/Image 3 (Hình ảnh1**/Hình ảnh 2/Hình ảnh 3)
	Colour theme	Thay đổi màu nền của màn hình âm thanh/thông tin. Blue**/Red/Amber/Grey (Xanh lam**1, Đỏ, Hồ phách/Xám)	
	Language	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị. UK English**1 or Thai**1 (Tiếng Anh Anh**1/Thái Lan**1) Xem các ngôn ngữ có thể chọn khác trên màn hình.	
	Clock format	Chọn hiển thị đồng hồ số: 12H hoặc 24H. 12h**/24h (12 giờ**/24 giờ)	
OSS licenses	Hiển thị thông tin hợp pháp. —		

*1:Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài đặt	
Phone setup	Add new device	Ghép đôi điện thoại mới với HFT. ☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 383	—	
	Bluetooth setup	Connect a phone	Ghép đôi điện thoại mới với HFT hoặc kết nối điện thoại đã ghép đôi với HFT. ☑ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 383	—
		Connect an audio device	Kết nối thiết bị Âm thanh <i>Bluetooth</i> ® với HFT.	—
		Disconnect all devices	Ngắt kết nối điện thoại đã ghép đôi với HFT.	—
		Delete device	Xoá điện thoại đã ghép đôi.	—
		Pass-key	Nhập và thay đổi mã cho điện thoại đã ghép đôi.	—
	Speed dial	Sửa, thêm hoặc xoá số quay nhanh. ☑ Quay Số Nhanh Tr. 392	—	
	Ringtone	Chọn nhạc chuông.	Mobile phone *1/ Fixed (Điện thoại di động*/Cố định)	
	Caller ID info	Ưu tiên tên hoặc số điện thoại của người gọi làm ID người gọi.	Name priority *1/ Number priority (Ưu tiên tên*1/Ưu tiên số điện thoại)	
	System clear	Hủy/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm Phone setup về mặc định.	—	

*1:Cài Đặt Mặc Định

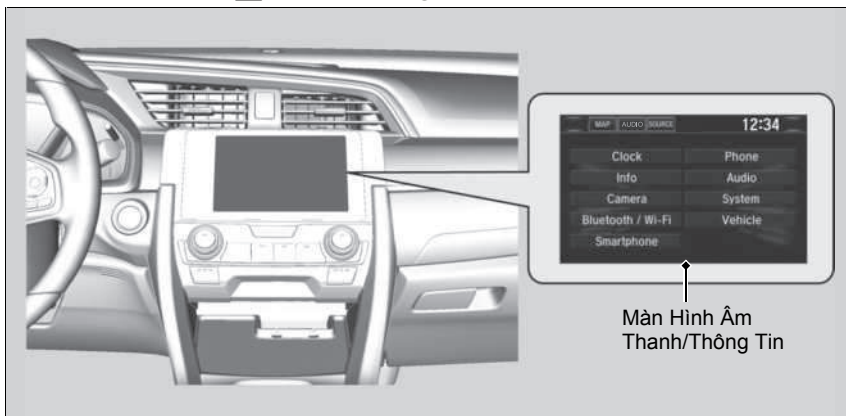
Tính Năng Tùy Chọn

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng nhất định.

■ Cách tùy chọn

Khi khóa điện ở BẬT **[II]***1, chọn **Settings** sau đó chọn một mục cài đặt.



*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

» Tính Năng Tùy Chọn

Khi bạn tùy chọn cài đặt:

- Đảm bảo xe dừng hoàn toàn.

Loại hộp số vô cấp

- Sang số đến **[P]**.

Loại hộp số thường

- Gài phanh đỗ.

Để tùy chọn các tính năng khác, chọn **Settings**.

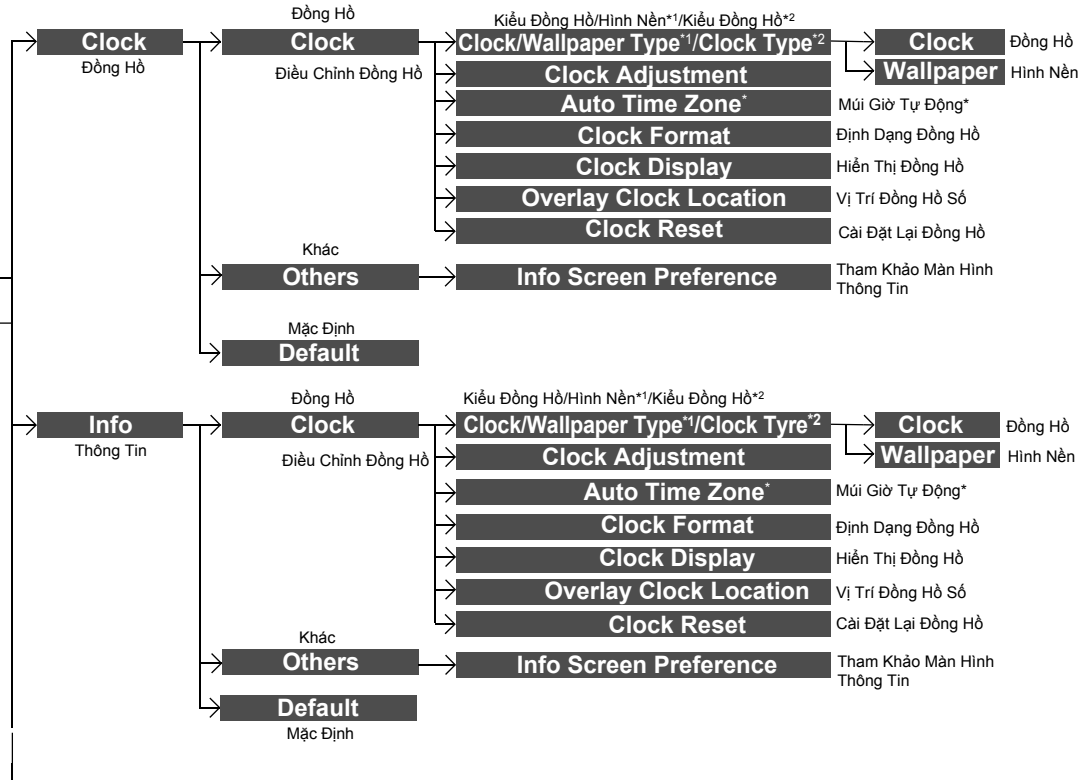
➤ **Danh sách tùy chọn Tr. 361**

■ Các bước tùy chỉnh

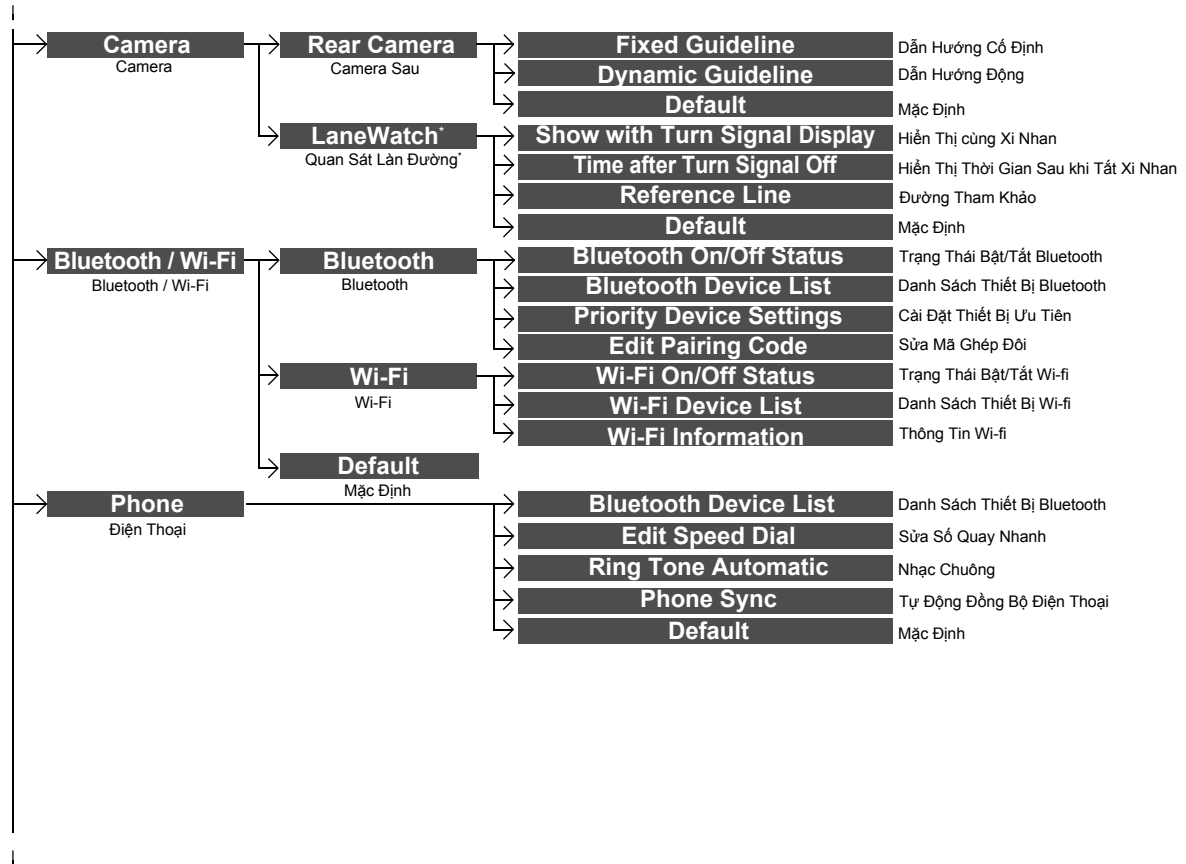
Chọn **Settings**.



Tính Năng

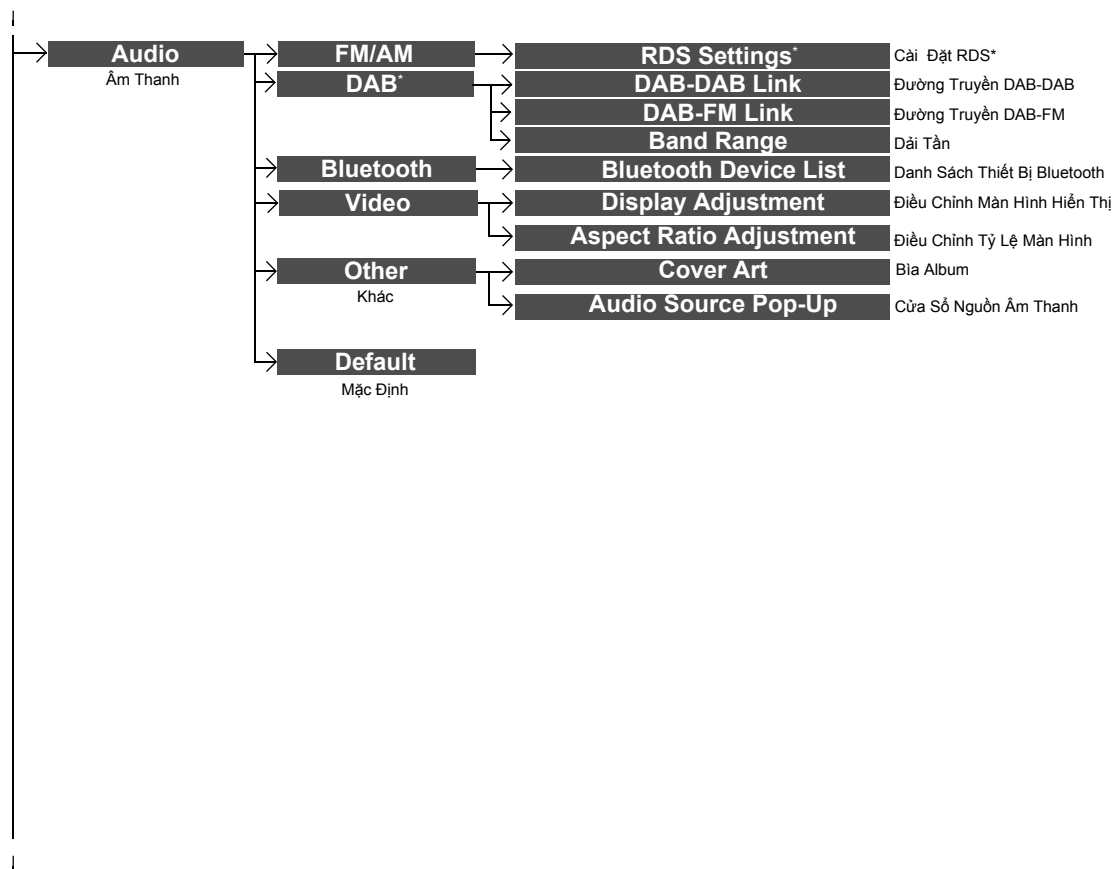


*1: Không xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.
 * 2: Chỉ xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.
 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

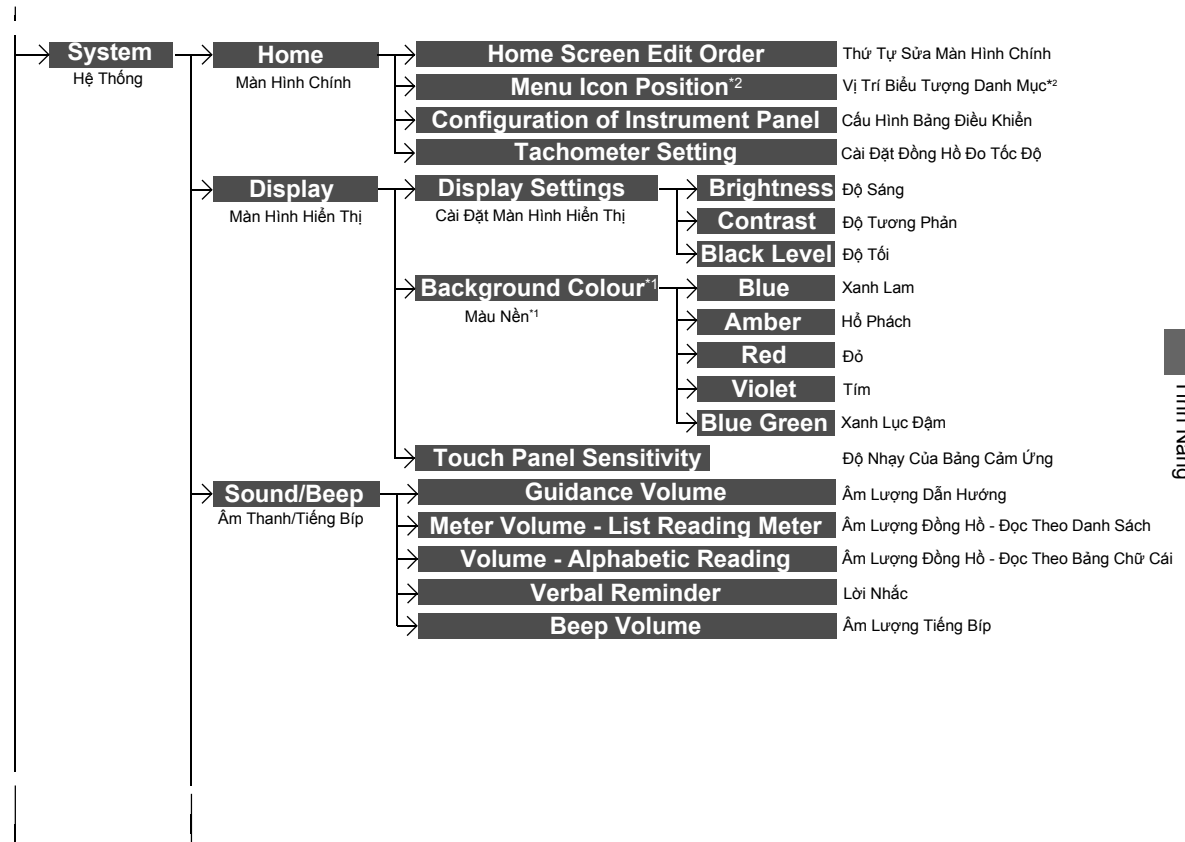


Tính Năng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

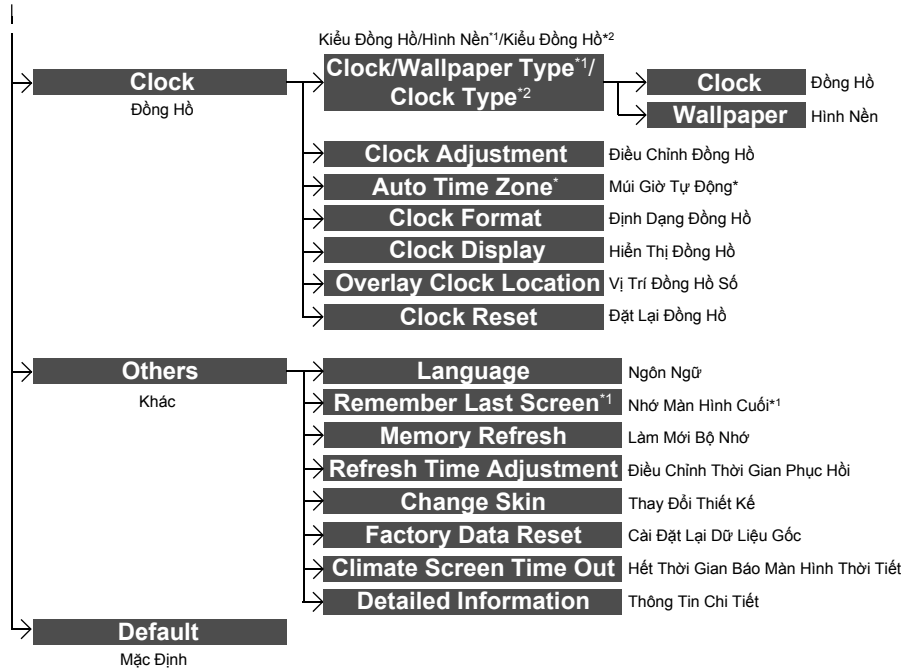


Tính Năng

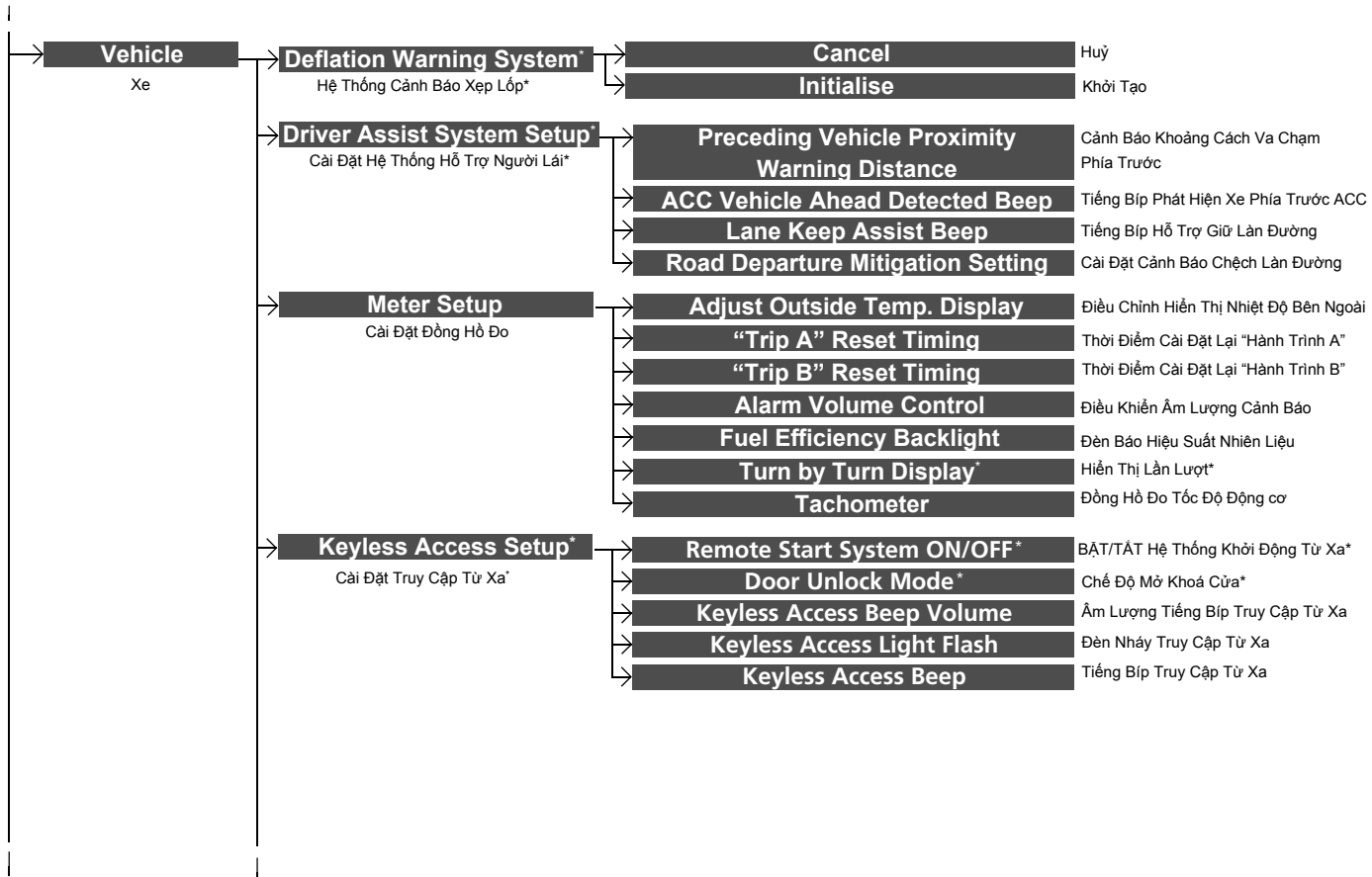


Tính Năng

*1: Không xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.
 *2: Chỉ xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.



*1: Không xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.
 *2: Chỉ xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.
 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

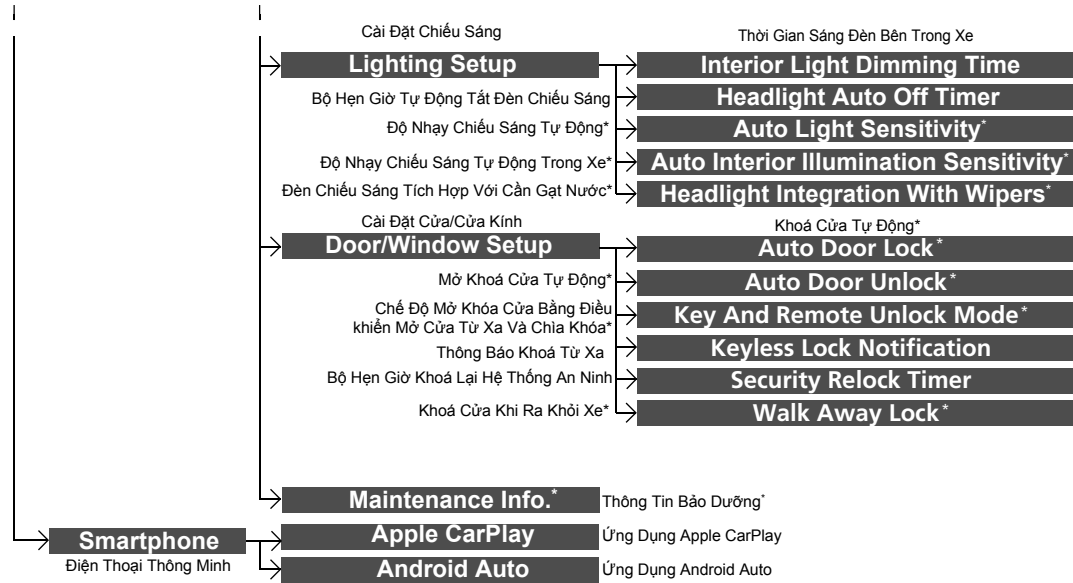


Tính Năng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Tính Năng Tùy Chọn ►

Tính Năng



■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Clock	Clock/Wallpaper Type¹/Clock Type²	Clock Wallpaper	Xem mục Info Tr. 362
	Clock Adjustment		
	Auto Time Zone¹		
	Clock Format		
	Clock Display		
	Overlay Clock Location		
	Clock Reset		
	Others	Info Screen Preference	
Default		Hủy/Cài Đặt Lại các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt Clock tùy chọn về mặc định	Yes/No (Có/Không)

*1: Không xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.

*2: Chỉ xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Tính Năng Tùy Chọn ►

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt	
Info	Clock/ Wallpaper Type ² / Clock Type ³	Clock	Thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ.	Analog/Digital¹/Small Digital/Off (Đồng Hồ Kim/ Số ¹ /Số Nhỏ/Tắt)
		Wallpaper	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi kiểu hình nền. Nhập một hình ảnh làm hình nền mới. Xoá một hình ảnh làm hình nền. 	Blank/Galaxy¹/Metallic (Trống/Đen Xám ¹ /Ánh Kim)
	Clock Adjustment	Điều Chỉnh Đồng Hồ.	—	
	Auto Time Zone [*]	Tự động điều chỉnh đồng hồ khi lái xe ở các múi giờ khác nhau.	On¹/Off (Bật ¹ /Tắt)	
	Clock Format	Chọn hiển thị đồng hồ số từ 12H thành 24H.	12H¹/24H (12 giờ ¹ /24 giờ)	
	Clock Display	Chọn hiển thị hoặc không hiển thị đồng hồ.	On¹/Off (Bật ¹ /Tắt)	
	Overlay Clock Location	Thay đổi sơ đồ hiển thị đồng hồ.	Right Upper¹/Left Upper/Right Lower/Left Lower/Off (Trên Phải ¹ /Trên Trái/Dưới Phải/Dưới Trái/Tắt)	
	Clock Reset	Cài đặt lại các cài đặt đồng hồ theo mặc định gốc.	Yes/No (Có/Không)	

* 1: Cài Đặt Mặc Định

* 2: Không xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.

* 3: Chỉ xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt	
Info	Others	Info Screen Preference	<p>Chọn danh mục trên cùng khi chọn Info.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Info Top- Danh mục tóm tắt xuất hiện. • Info Menu- Danh mục đầy đủ xuất hiện. • Off- Danh mục không nổi lên. 	<p>Info Top/Info Menu^{*1/Off}</p> <p>(Thông Tin Trên Cùng/ Danh Mục Thông Tin^{*1/Tắt})</p>
	Default		Hủy/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt Info về mặc định.	Yes/No (Có/Không)
Camera	Rear Camera	Fixed Guideline	<p>Chọn hiển thị hoặc không hiển thị dẫn hướng cố định trên màn hình camera quan sát sau.</p> <p>📺 Camera Lùi Đa Hướng[*] Tr. 530</p>	On ^{*1/Off} (Bật ^{*1/Tắt})
		Dynamic Guideline	<p>Chọn xem dẫn hướng có điều chỉnh theo hoạt động của vô lăng không.</p> <p>📺 Camera Lùi Đa Hướng[*] Tr. 530</p>	On ^{*1/Off} (Bật ^{*1/Tắt})
	Default	Hủy/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt Rear Camera về mặc định.	Yes/No (Có/Không)	
	LaneWatch [*]	Show with Turn Signal	Chọn hiển thị hoặc không hiển thị màn hình Quan Sát Làn Đường khi bạn gạt cần xi nhan để báo rẽ phải.	On ^{*1/Off} (Bật ^{*1/Tắt})
		Display Time after Turn Signal Off	Thay đổi thời gian hiển thị hoặc không hiển thị màn hình Quan Sát Làn Đường sau khi gạt cần xi nhan tới vị trí giữa.	<p>0 seconds^{*1/}</p> <p>2 seconds</p> <p>(0 giây^{*1/2} giây)</p>

* 1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►TÍNH NĂNG TỰY CHỌN►

Các Cài Đặt	Tính Năng TỰY CHỌN	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt	
Camera	LaneWatch*	Reference Line	Chọn xem vạch tham chiếu có sáng trên màn hình Quan Sát Làn Đường không.	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
		Default	Hủy/Cài Đặt Lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm LaneWatch làm mặc định.	Yes/No (Có/Không)
Bluetooth / Wi-Fi	Bluetooth	Bluetooth On/Off Status	Thay đổi trạng thái <i>Bluetooth</i> [®] .	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
		Bluetooth Device List	Ghép đôi điện thoại mới với HFT, sửa hoặc xóa một điện thoại đã ghép đôi. <input checked="" type="checkbox"/> Cài Đặt Điện Thoại Tr. 405	—
		Priority On/Off Status	Kích hoạt hoặc hủy kích hoạt hệ thống bằng cách thiết lập kết nối tự động với thiết bị <i>Bluetooth</i> [®] , thiết bị này được ấn định là ưu tiên.	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
		Audio	Chọn thiết bị ưu tiên qua việc ghép đôi với (các) thiết bị âm thanh khác.	—
		Phone	Chọn thiết bị ưu tiên qua (các) điện thoại đã được ghép đôi khác.	—
		Edit Pairing Code	Chỉnh sửa mã ghép đôi. <input checked="" type="checkbox"/> Đề thay đổi mã ghép đôi Tr. 406	Random/Fixed*¹ (Ngẫu Nhiên/Cố Định* ¹)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Bluetooth / Wi-Fi	Wi-Fi On/Off Status	Thay đổi chế độ Wi-Fi.	On/Off ^{*1} (Bật/Tắt ^{*1})
	Wi-Fi Device List	Kết nối, ngắt kết nối, hoặc xóa thiết bị Wi-Fi.	—
	Wi-Fi Information	Hiển thị thông tin Wi-Fi của thiết bị đầu.	—
	Default	Hủy/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm Bluetooth / Wi-Fi về mặc định.	Yes/No (Có/Không)
Phone	Bluetooth Device List	Ghép đôi điện thoại mới với HFT, nối hoặc ngắt kết nối điện thoại đã ghép đôi. <input checked="" type="checkbox"/> Cài Đặt Điện Thoại Tr. 405	—
	Edit Speed Dial	Sửa, thêm hoặc xóa số quay nhanh. <input checked="" type="checkbox"/> Quay Số Nhanh Tr. 410	—
	Ring Tone	Chọn nhạc chuông.	Fixed/Mobile Phone ^{*1} (Điện Thoại Cố Định/Di Động ^{*1})
	Automatic Phone Sync	Cài đặt danh bạ và dữ liệu lịch sử cuộc gọi để nhập tự động khi ghép đôi điện thoại với HFT.	On ^{*1} / Off (Bật ^{*1} /Tắt)
	Default	Hủy/Đặt lại tất cả các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt Phone về mặc định.	Yes/No (Có/Không)

*1: Cài Đặt Mặc Định

►►Tính Năng Tùy Chọn►

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt		
<div style="writing-mode: vertical-rl; transform: rotate(180deg);"> Tính Năng </div>	Chế độ FM/AM FM/AM	RDS Settings*	TA Information	Bật và tắt thông tin giao thông.	On/Off*¹ (Bật/Tắt* ¹)
			News	Bật và tắt để dò tự động chương trình thời sự.	On/Off*¹ (Bật/Tắt* ¹)
			REG	Bật và tắt để giữ kênh tương tự trong vùng ngay cả khi tín hiệu yếu.	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
			AF	Bật và tắt để thay đổi tự động tần số của chương trình tương tự khi bạn nhập vùng khác.	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
	Chế độ DAB DAB	DAB Settings*	DAB-DAB Link	Chọn xem hệ thống có tự động tìm kiếm kênh tương tự từ Ensembles không, và chuyển sang kênh đó.	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
			DAB-FM Link	Chọn xem hệ thống có tìm thấy kênh tương tự từ dải tần FM và tự động chuyển dải tần.	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
			Band Range	Chọn dải tần số cụ thể để giảm thời gian cập nhật danh sách và tìm kiếm kênh.	BOTH*¹/ BAND III/L-BAND (CẢ HAI)*¹/DẢI III/DẢI L
	Chế độ Bluetooth® Bluetooth	Bluetooth Device List	Ghép đôi điện thoại mới với HFT, sửa hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 405	—	

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
	Display Adjustment	<p>Brightness</p> <p>Contrast</p> <p>Black Level</p>	Xem Phần System Tr. 368
Video	Colour	Colour	Thay đổi màu sắc màn hình âm thanh/thông tin. —
		Tint	Thay đổi sắc thái của màn hình âm thanh/thông tin. —
Audio	Aspect Ratio Adjustment	Chọn chế độ hiển thị với tỷ lệ điều chỉnh màn hình: Original (chỉ USB), Normal , Full hoặc Zoom .	Original ^{*1} (chỉ USB)/ Normal/ Full/Zoom (Góc ^{*1} /Bình Thường/Toàn Màn Hình/Phóng To)
Other	Cover Art	Hiển thị hoặc không hiển thị bìa album.	On ^{*1} / Off (Bật ^{*1} /Tắt)
	Audio Source Pop-Up	Chọn xem danh sách nguồn âm thanh có thể bật có sáng không khi Audio được chọn trên màn hình chính.	On/Off ^{*1} (Bật/Tắt ^{*1})
Default		Hủy/Đặt lại các mục tùy chọn trong nhóm cài đặt Audio về mặc định.	Yes/No (Có/Không)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

►► Tính Năng Tùy Chọn ►►

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt		
System	Home	Home Screen Edit Order	Thay đổi sắp xếp biểu tượng màn hình chính.	—	
		Menu Icon Position ^{*2}	Thay đổi vị trí các biểu tượng danh mục trên màn hình Âm Thanh, Điện Thoại, Thông Tin .	—	
		Configuration of Instrument Panel	Thay đổi sắp xếp biểu tượng màn hình Bảng Điều Khiển .	—	
		Tachometer Setting	Bật và tắt hiển thị đồng hồ đo tốc độ xe.	On ^{*1} / Off (Bật ^{*1} /Tắt)	
	Display	System	Brightness	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.	—
			Display Settings	Contrast	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.
		Display		Black Level	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin.
			Background Colour ^{*2}	Thay đổi màu nền của màn hình âm thanh/thông tin.	Blue/Amber/Red ^{*3} / Violet/Blue Green ^{*3} (Xanh Lam/Hồ Phách/Đỏ ^{*3} / Tím/Xanh Lục Đậm ^{*3})
			Touch Panel Sensitivity	Cài đặt độ nhạy của màn hình bảng điều khiển bằng cảm ứng.	High/Low ^{*1} (Cao/Thấp ^{*1})

* 1: Cài Đặt Mặc Định

* 2: Chỉ xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.

* 3: Cài đặt mặc định thay đổi phụ thuộc vào loại xe.

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Sound/ Beep	Guidance Volume	Thay đổi âm lượng. Điều chỉnh âm lượng dẫn hướng của hệ thống định vị.	00~6*1~11
	Meter Volume - List Reading	Thay đổi âm lượng đọc theo danh sách.	00~6*1~11
	Meter Volume - Alphabetic Reading	Thay đổi âm lượng đọc theo bảng chữ cái.	00~6*1~11
	Verbal Reminder	Bật và tắt bộ nhắc.	On*1/Off (Bật*1/Tắt)
	Beep Volume	Thay đổi âm lượng tiếng bíp.	Off/1/2*1/3 (Tắt/1/2*1/3)
System	Clock/Wallpaper Type*2/Clock Type*3	Clock Wallpaper	Xem Phần Info Tr. 362
	Clock Adjustment		
	Auto Time Zone*		
	Clock Format		
	Clock Display		
	Overlay Clock Location		
	Clock Reset		

* 1: Cài Đặt Mặc Định

* 2: Không xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.

* 3: Chỉ xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng TỰY CHỌN	Mô Tả	LỰA CHỌN CÀI ĐẶT
System	Others	Language	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị. UK English^{*1} (Tiếng Anh ^{*1}) Xem các ngôn ngữ khác trên màn hình.
		Remember Last Screen^{*3}	Chọn xem thiết bị có nhớ màn hình cuối không. On/Off^{*1} (Bật/Tắt ^{*1})
		Memory Refresh	Bật tự động hệ thống âm thanh và lưu từng phần của bộ nhớ khi khoá điện ở KHÓA 0 ^{*2} . On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)
		Refresh Time Adjustment	Cài đặt thời gian cho Memory Refresh . —
		Change Skin	Thay đổi thiết kế giao diện màn hình. Yes/No (Có/Không)
		Factory Data Reset	Đặt lại tất cả cài đặt về mặc định gốc. ☑ Mặc Định Tất Cả Cài Đặt Tr. 376 Yes/No (Có/Không)
		Climate Screen Time Out	Thay đổi khoảng thời gian duy trì hiển thị điều khiển khí hậu khi bạn ấn nút CLIMATE . Never/5 Seconds/10 Seconds^{*1}/20 Seconds (Không Bao Giờ/5 Giây/10 Giây ^{*1} /20 Giây)
		Detailed Information	Hiển thị thông tin chi tiết về thiết bị đầu và thông tin vận hành hệ thống. —
Default	Hủy/Cài đặt lại tất cả các mục tuỳ chọn trong nhóm System về mặc định. Yes/No (Có/Không)		

* 1: Cài Đặt Mặc Định

*2: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*3: Chỉ xuất hiện khi bạn thay đổi thiết kế giao diện màn hình.

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Vehicle Driver Assist System Setup*	Deflation Warning System*	Khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp.	Cancel * ¹ / Initialise (Huỷ*/Khởi Tạo)
	Preceding Vehicle Proximity Warning Distance	Thay đổi khoảng cách cảnh báo Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS).	Far/Normal * ¹ / Near (Xa/Thường* ¹ /Gần)
	ACC Vehicle Ahead Detected Beep	Làm cho hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện có xe, hoặc khi xe đó đi ra ngoài phạm vi ACC.	On/Off * ¹ (Bật/Tắt* ¹)
	Lane Keep Assist Beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) bị treo.	On/Off * ¹ (Bật/Tắt* ¹)
	Road Departure Mitigation Setting	Thay đổi cài đặt cho hệ thống cảnh báo chệch làn đường.	Loại xe Châu Phi, Malaysia và Thái Lan Normal * ¹ / Delayed/Warning Only (Thường* ¹ /Trì Hoãn/Chỉ Cảnh Báo) Loại xe Australia và New Zealand Normal * ¹ / Delayed/Warning Only/Early (Thường* ¹ /Trì Hoãn/Chỉ Cảnh Báo/Sớm)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Tính Năng Tùy Chọn ►

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
	Adjust Outside Temp. Display	Điều chỉnh nhiệt độ hiển thị .	-3°C ~ ±0°C^{*1} ~ +3°C
	“Trip A” Reset Timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A và tiêu thụ nhiên liệu trung bình A.	When Refueled/When Ignition Is Turned Off/Manual Reset^{*1} (Khi Nạp Nhiên Liệu/Khi Tắt Khoá Điện/Cài Đặt Lại Bằng Tay ^{*1})
	“Trip B” Reset Timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B và tiêu thụ nhiên liệu trung bình B.	When Refueled/When Ignition Is Turned Off/Manual Reset^{*1} (Khi Nạp Nhiên Liệu/Khi Tắt Khoá Điện/Cài Đặt Lại Bằng Tay ^{*1})
Vehicle	Meter Setup	Alarm Volume Control	Thay đổi âm lượng báo như tiếng bíp, cảnh báo, tiếng xi nhan và các âm khác.
		Fuel Efficiency Backlight	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.
		Turn by Turn Display[*]	Được dùng để chọn xem màn hình hiển thị lần lượt sáng khi dẫn đường không.
		Tachometer	Chọn xem đồng hồ đo tốc độ cơ có sáng trên màn hình giao diện thông tin cho người lái không.
			Max/Mid^{*1}/Min (Cao Nhất/Trung Bình ^{*1} /Thấp Nhất)
			On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)
			On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)
			On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt	
Vehicle	Remote Start System ON/OFF*	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)	
	Door Unlock Mode*	Thay đổi này khiến cửa sẽ mở khoá khi bạn chạm vào tay nắm cửa người lái.	Driver Door Only^{*1}/All Doors (Chỉ Cửa Người Lái ^{*1} /Tất Cả Các Cửa)	
	Keyless Access Setup*	Keyless Access Beep Volume	Thay đổi âm lượng tiếng bíp truy cập từ xa.	High^{*1}/Low (To ^{*1} /Nhỏ)
	Keyless Access Light Flash	Làm cho số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khoá/khoá các cửa.	On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)	
	Keyless Access Beep	Phát tiếng bíp khi bạn mở khoá/khoá các cửa.	On^{*1}/Off (Bật ^{*1} /Tắt)	
	Interior Light Dimming Time	Thay đổi thời gian sáng của đèn bên trong xe sau khi bạn đóng cửa.	60sec/30sec^{*1}/15sec (60 giây/30 giây ^{*1} /15 giây)	
	Headlight Auto Off Timer	Thay đổi thời gian sáng của đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái.	60sec/30sec/15sec^{*1}/0sec (60 giây/30 giây/15 giây ^{*1} /0 giây)	
	Auto Light Sensitivity*	Thay đổi thời gian sáng của đèn.	Max/High/Mid^{*1}/Low/Min (Cao Nhất/Cao/Trung Bình ^{*1} /Thấp/Thấp Nhất)	
	Auto Interior Illumination Sensitivity*	Thay đổi độ nhạy của độ sáng của bảng điều khiển khi công tắc đèn chiếu sáng ở AUTO .	Min/Low/Mid^{*1}/High/Max (Thấp Nhất/Thấp//Trung Bình ^{*1} /Cao /Cao Nhất)	

* 1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►TÍNH NĂNG TỰ CHỌN►

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lighting Setup	Headlight Integration With Wipers*	Dùng để bật tự động các đèn chiếu sáng khi cần gạt nước được gạt nhiều lần trong khoảng thời gian nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở AUTO .	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)
	Auto Door Lock*	Dùng để thay đổi cài đặt khoá cửa tự động.	With Vehicle Speed*¹/Shift From P/Off (Tốc Độ Xe* ¹ /Sang Số Từ P/Tắt)
			Loại xe Đông Nam Á, ngoại trừ loại xe Brunei
			Shift to P*¹/IGN Off/Off (Sang Số tới P* ¹ /Khóa Điện Tắt/Tắt)
Vehicle Door/Window Setup	Auto Door Unlock*	Thay đổi cài đặt khi cửa tự động mở khoá.	Loại xe Châu Phi Driver Door with Shift to P*¹/All Doors with Shift to P/*¹/Driver Door with IGN Off/All Doors with IGN Off/Off (Cửa Người Lái với Cần Số ở P* ¹ / Tắt Cả các Cửa với Cần Số ở P/ Cửa Người Lái với Khóa Điện Tắt/Tắt Cả Các Cửa với Khóa Điện Tắt/Tắt)
	Key And Remote Unlock Mode*	Cài đặt mở khóa cửa phía người lái hoặc tất cả các cửa khi ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa.	Driver Door Only*¹/All Doors (Chỉ Cửa Người Lái* ¹ /Tất Cả Các Cửa)
	Keyless Lock Notification	KHOÁ/MỞ KHOÁ - Đèn ngoài xe nhấp nháy. KHOÁ (ấn lần 2) - Tiếng bíp vang lên.	On*¹/Off (Bật* ¹ /Tắt)

* 1: Cài Đặt Mặc Định

374 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

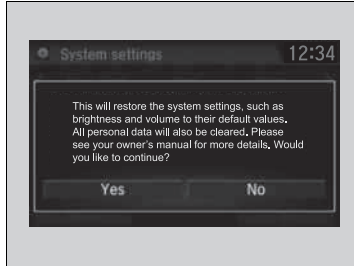
Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Vehicle	Door/ Window Setup	Security Relock Timer Thay đổi thời gian để các cửa khoá lại và hệ thống an ninh được thiết lập sau khi bạn mở khoá xe mà không mở bất kỳ cửa nào.	90sec/60sec/30sec * ¹ (90 giây/60 giây/30 giây* ¹)
		Walk Away Lock * Thay đổi cài đặt chức năng khoá tự động khi bạn ra khỏi xe.	On * ¹ / Off (Bật*/Tắt)
	Maintenance Info.*	Được sử dụng để cài đặt lại hiển thị tuổi thọ dầu động cơ khi thực hiện sửa chữa-bảo dưỡng.)	—
Smartphone	Apple CarPlay	Thiết lập kết nối ứng dụng Apple CarPlay.	—
	Android Auto	Thiết lập kết nối ứng dụng Android Auto.	—


* 1: Cài Đặt Mặc Định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt

Đặt lại tất cả danh mục và cài đặt tùy chọn như cài đặt gốc.



1. Chọn .
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn thẻ **Others**.
5. Chọn **Factory Data Reset**.
 - Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.
6. Chọn **Yes** để đặt lại cài đặt.
7. Chọn lại **Yes** để đặt lại cài đặt.
 - Thông báo xác nhận sẽ hiện ra trên màn hình. Chọn **OK**.
 - Sau khi chọn **OK**, hệ thống sẽ khởi động lại.

►► Mặc Định Tất Cả Các Cài Đặt

Khi bạn chuyển nhượng xe cho bên thứ ba, đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định và hãy xoá toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Cài Đặt Lại Dữ Liệu Gốc** nó sẽ thiết lập lại cài đặt sẵn các ứng dụng về mặc định gốc.

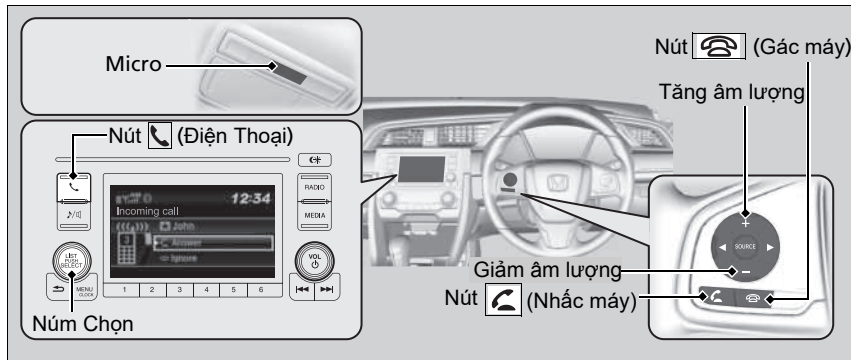
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn tạo và nhận cuộc gọi bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

Sử Dụng HFT

Nút HFT



Nút (Nhắc máy): Ấn trực tiếp lên màn hình điện thoại hoặc để trả lời cuộc gọi đến.

Nút (Gác máy): Ấn để kết thúc cuộc gọi hoặc hủy yêu cầu.

Nút (Điện thoại): Ấn trực tiếp lên màn hình điện thoại.

Nút Chọn: Xoay để chọn một mục trên màn hình, sau đó ấn.

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Đặt điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích *Bluetooth*. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi và các tính năng đặc biệt, liên hệ với đại lý Honda ở địa phương bạn.

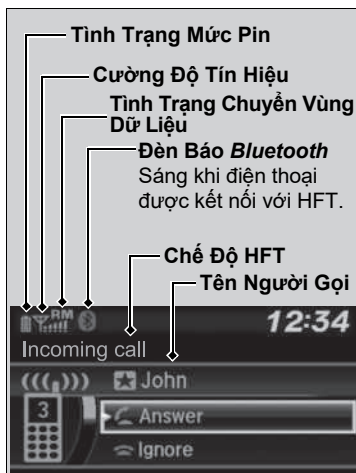
Nếu khi bạn đang sử dụng hệ thống âm thanh mà có cuộc gọi đến, hệ thống âm thanh sẽ tiếp tục phát sau khi cuộc gọi kết thúc.

Có thể nhập 20 đầu số quay số nhanh. Nếu không có số nào trong hệ thống, tính năng Quay Số Nhanh sẽ bị vô hiệu hoá.

Quay Số Nhanh Tr. 392

Có thể lưu 20 cuộc gọi trong lịch sử cuộc gọi. Nếu không có lịch sử cuộc gọi nào, Lịch Sử Cuộc Gọi sẽ bị vô hiệu hoá.

■ Hiện Thị Trạng Thái HFT



Màn hình âm thanh/thông tin sẽ gửi thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.

»» Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Công nghệ *Bluetooth*® Không Dây Nhân *Bluetooth*® và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth* SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và các tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn chế của HFT

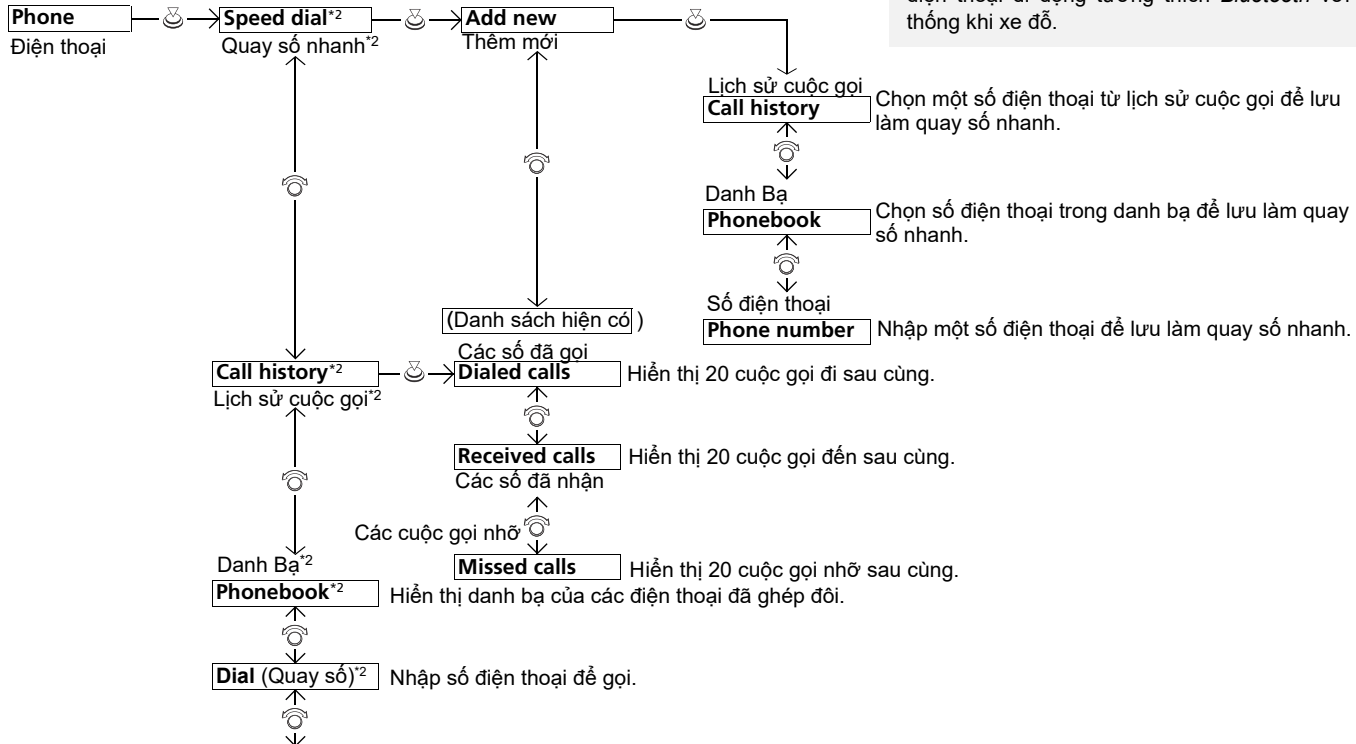
Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi nó đang bật. Nó sẽ tiếp tục lại khi cuộc gọi kết thúc.

»» Hiện Thị Trạng Thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

Danh Mục HFT

Khoá điện phải ở PHỤ KIỆN **I** hoặc BẬT **II** để sử dụng HFT.*¹



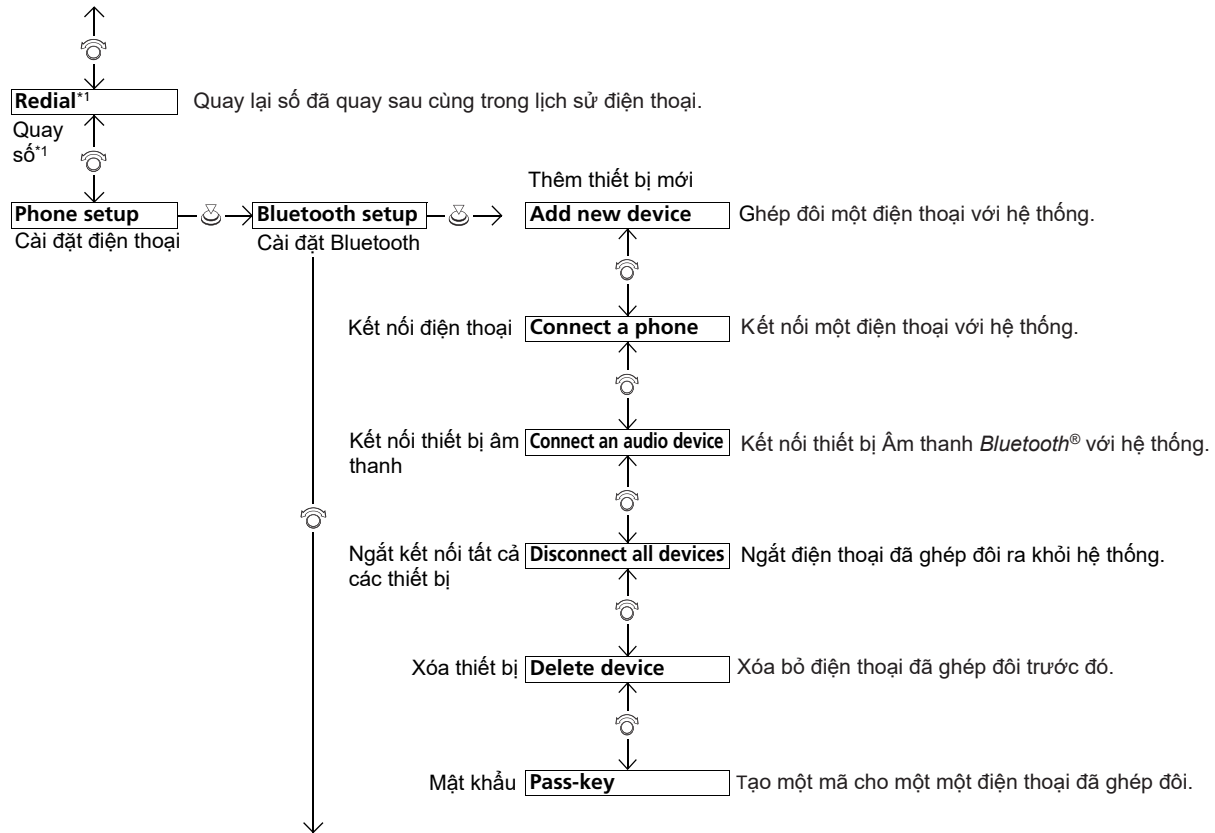
► Danh Mục HFT

Để sử dụng HFT, trước tiên bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích *Bluetooth* với hệ thống khi xe đỗ.

Tình Năng

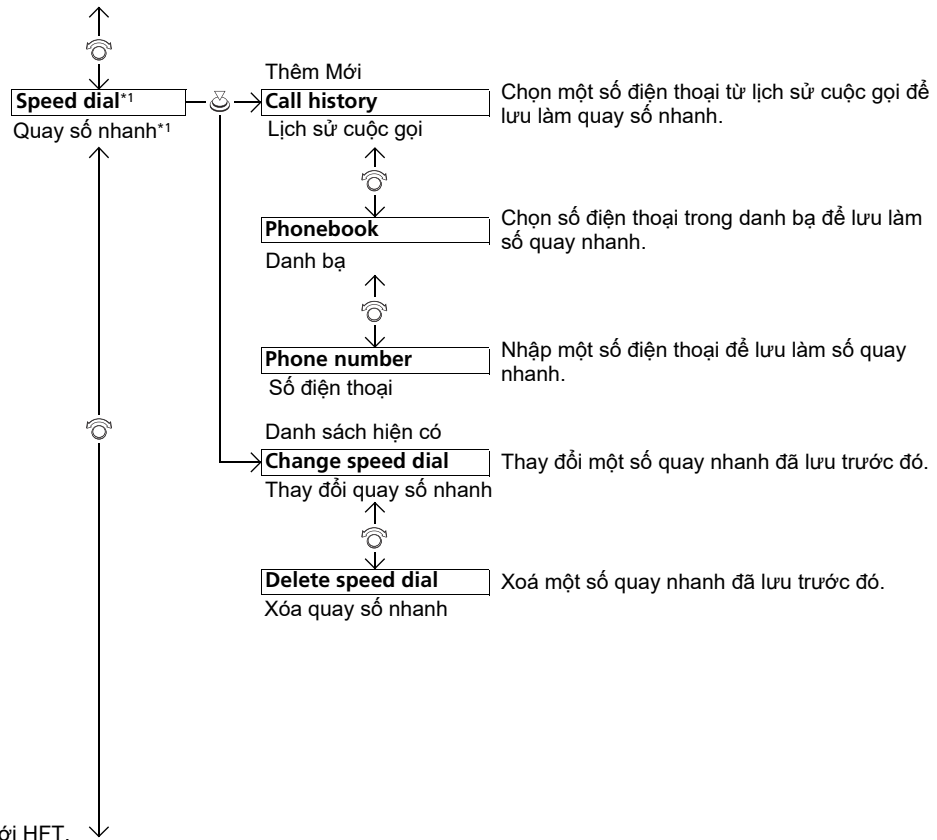
*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

*2: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với HFT.

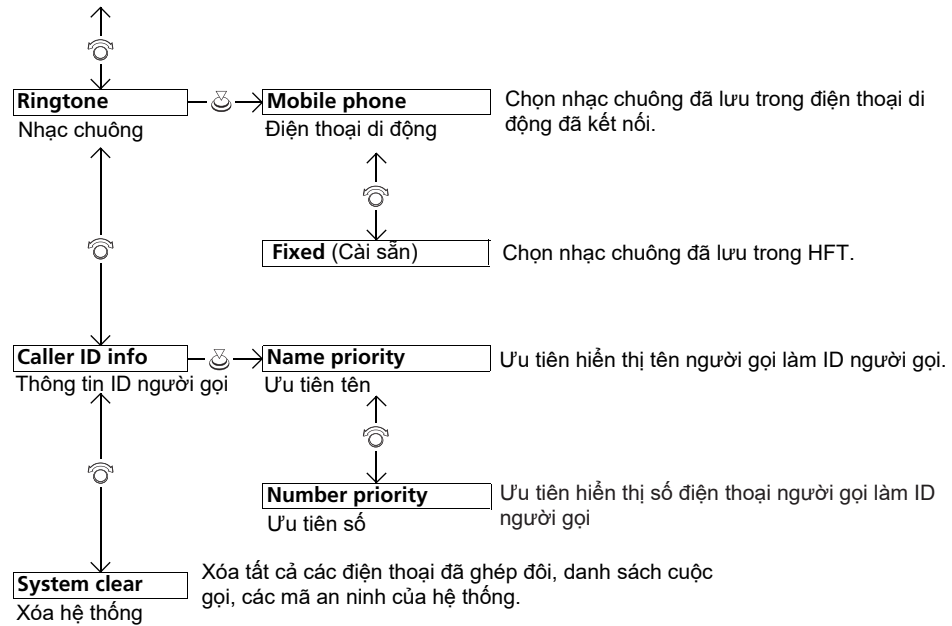


Tình Năng

*1: Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với HFT.



Tình Năng



Tính Năng

Cài Đặt Điện Thoại



■ Ghép đôi điện thoại di động (Chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .
3. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy, sau đó ấn .
 - HFT tự động tìm kiếm một thiết bị *Bluetooth*[®].
4. Khi điện thoại xuất hiện trên danh sách, chọn nó bằng cách ấn .
 - Nếu điện thoại của bạn không xuất hiện, chọn **Phone not found?** và tìm thiết bị Bluetooth bằng điện thoại của bạn, chọn **Honda HFT**.
5. Hệ thống gửi cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
 - Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và điện thoại của bạn khớp nhau. Điều này có thể thay đổi đối với từng loại điện thoại.
6. Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.

☒ Cài Đặt Điện Thoại

Điện thoại tương thích *Bluetooth* của bạn phải được ghép đôi với HFT trước khi bạn có thể tạo hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Các Lưu Ý Khi Ghép Đôi Điện Thoại:

- Bạn không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với HFT.
- Nếu điện thoại không sẵn sàng để ghép đôi hay hệ thống không tìm ra trong vòng ba phút, hệ thống sẽ ngừng và trở về chế độ không kích hoạt.

Khi bạn đã ghép đôi một điện thoại, bạn có thể thấy nó hiển thị trên màn hình với một hoặc hai biểu tượng bên phải.

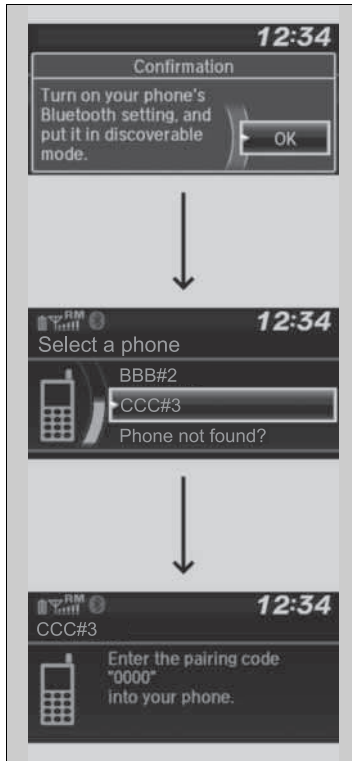
Những biểu tượng này hiển thị như sau:


- : Điện thoại có thể sử dụng bằng HFT.
- : Điện thoại có thể tương thích âm thanh *Bluetooth*[®]




■ Ghép đôi một điện thoại (Khi đã có một điện thoại được ghép đôi với hệ thống)

1. Ấn nút hoặc nút .
 - Nếu một nhắc nhở xuất hiện yêu cầu kết nối với điện thoại, chọn **No** và tiếp tục bước 2.
2. Xoay để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Add new device**, sau đó ấn .
- Màn hình thay đổi danh sách thiết bị.



5. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy, sau đó ấn .

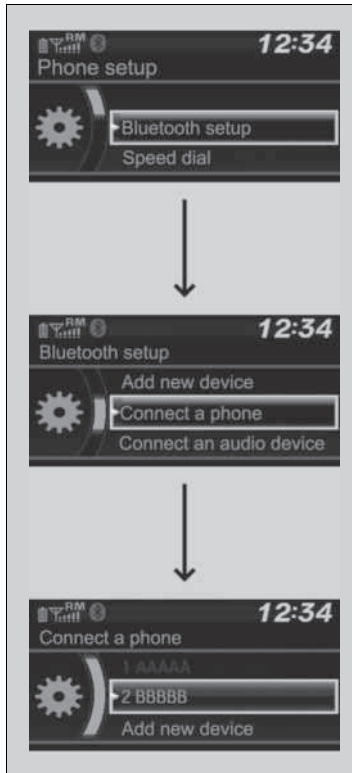
► HFT tự động tìm kiếm một thiết bị *Bluetooth*[®].

6. Khi điện thoại của bạn xuất hiện trong danh sách, chọn bằng cách ấn .

► Nếu điện thoại của bạn vẫn không xuất hiện, chọn **Phone not found?** và tìm thiết bị *Bluetooth*[®] bằng điện thoại của bạn. Từ điện thoại của bạn, chọn **Honda HFT**.

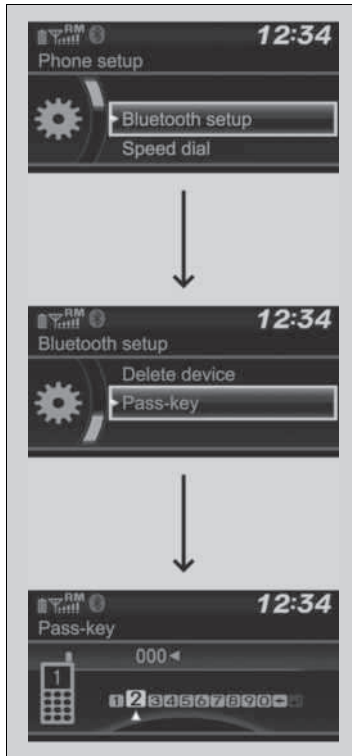
7. Hệ thống gửi cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.

► Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và trên điện thoại của bạn khớp nhau. Mã ghép đôi này có thể thay đổi đối với từng loại điện thoại.



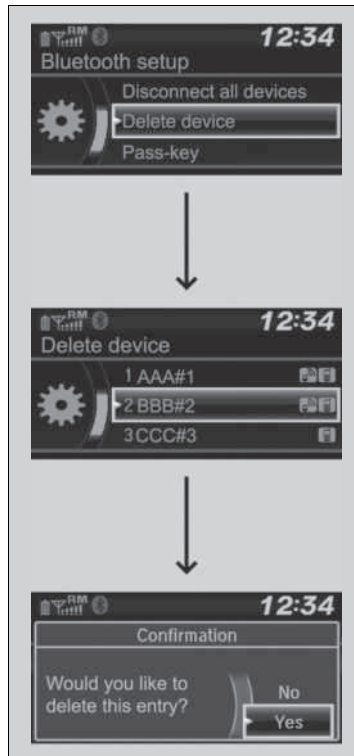
■ Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Connect a phone**, sau đó ấn .
► Màn hình chuyển sang danh sách thiết bị.
5. Xoay để chọn tên thiết bị mong muốn, sau đó ấn .
► HFT ngắt kết nối với điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm điện thoại đã ghép đôi khác.



■ **Thay đổi cài đặt mã ghép đôi**

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Pass-key**, sau đó ấn .
5. Nhập mã ghép đôi mới, sau đó ấn .



■ **Xóa điện thoại đã ghép đôi.**

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Bluetooth setup**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Delete device**, sau đó ấn .
► Màn hình thay đổi sang danh sách thiết bị.
5. Xoay để lựa chọn điện thoại bạn muốn xóa, sau đó ấn .
6. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .

■ Nhạc Chuông

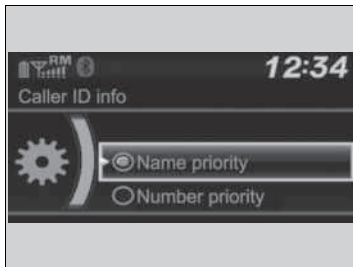
Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.



1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Ringtone**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Mobile phone** hoặc **Fixed** sau đó ấn .

■ Thông Tin ID Của Người Gọi

Bạn có thể chọn hiển thị thông tin của người gọi khi có cuộc gọi đến.



1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Caller ID info**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn chế độ bạn muốn, sau đó ấn .

▣ Nhạc Chuông

Điện thoại di động: Đối với các điện thoại đã được kết nối, nhạc chuông được lưu trong điện thoại phát ra từ loa.

Cài sẵn: Nhạc chuông mặc định phát ra từ loa.

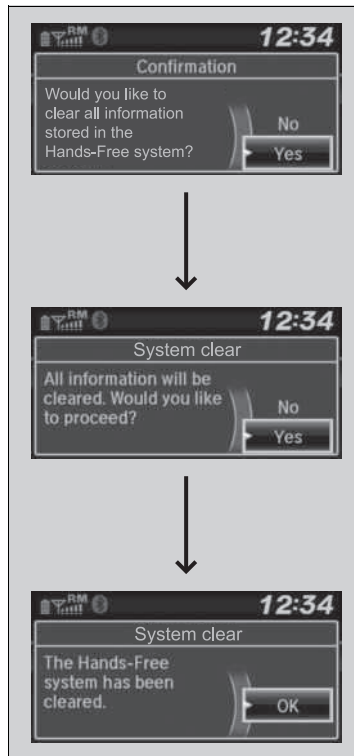
▣ Thông Tin ID Của Người Gọi

Ưu tiên tên: Tên người gọi được hiển thị nếu nó được lưu trong danh bạ điện thoại.

Ưu tiên số: Số điện thoại của người gọi được hiển thị.

Xóa Hệ Thống

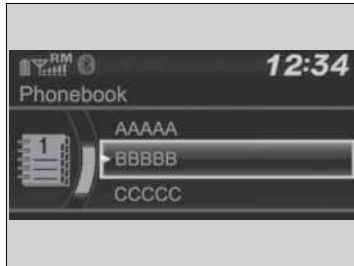
Các mã ghép đôi, điện thoại đã ghép đôi, tất cả mục quay số nhanh, tất cả dữ liệu lịch sử cuộc gọi và dữ liệu danh bạ đã nhập vào đều bị xóa.



1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **System clear**, sau đó ấn .
4. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .
5. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .
6. Thông báo xuất hiện trên màn hình. Ấn .

■ Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi

Khi điện thoại của bạn đã được ghép nối, các nội dung trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi được tự động nhập vào HFT.



►► Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi

Khi bạn chọn một người từ danh sách trong danh bạ điện thoại, bạn có thể thấy ba biểu tượng hạng mục. Các biểu tượng này hiển thị loại số được lưu cho tên đó.



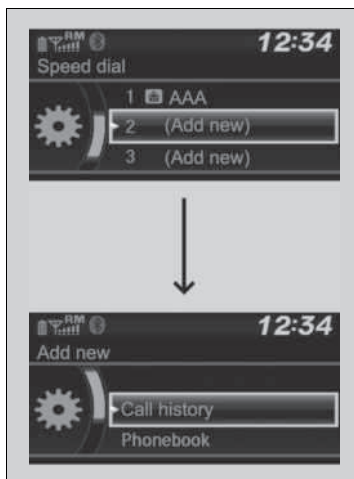
Nếu một tên có 4 số hoặc nhiều hơn, ... xuất hiện thay thế các biểu tượng mặc định.

Ở một số điện thoại, có thể không nhập được các biểu tượng hạng mục vào HFT.









Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối. Lịch sử được cập nhật sau mỗi lần kết nối hoặc gọi.

■ Quay Số Nhanh

Có thể lưu đến 20 số quay nhanh cho mỗi điện thoại.



Để lưu một số quay nhanh:

1. Ấn nút  hoặc nút .
2. Xoay  để chọn **Speed dial**, sau đó ấn .
3. Xoay  để chọn **Add new**, sau đó ấn .
4. Xoay  để chọn một mục để chọn một số, sau đó ấn .

Từ **Call history**:

- Chọn số điện thoại từ lịch sử cuộc gọi.

Từ **Phonebook**:

- Chọn số điện thoại đã kết nối từ danh bạ điện thoại đã được lưu.

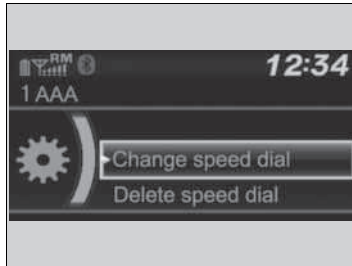
Từ **Phone number**:

- Nhập số bằng tay.

▣ Quay Số Nhanh

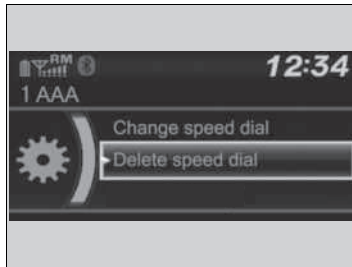
Bạn có thể sử dụng các nút cài đặt sẵn âm thanh trong khi gọi để lưu số quay nhanh:

1. Ấn và giữ nút cài đặt sẵn âm thanh mong muốn trong khi gọi.
2. Thông tin liên lạc cho cuộc gọi hiện thời sẽ được lưu cho số quay nhanh tương ứng.



■ Sửa số quay nhanh

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Speed dial**, sau đó ấn .
4. Chọn số quay nhanh có sẵn.
5. Xoay để chọn **Change speed dial**, sau đó ấn .
6. Chọn số quay nhanh mới, sau đó ấn .

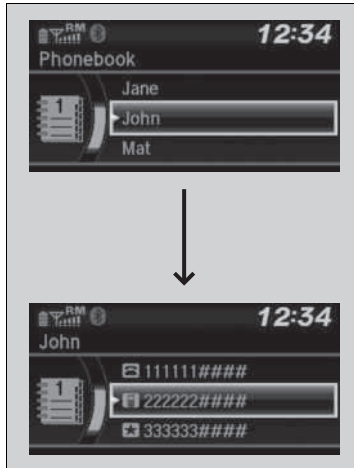
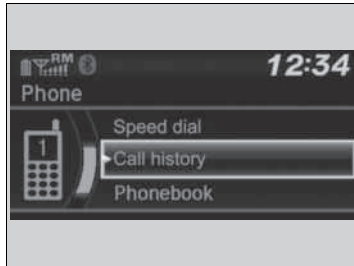


■ Xoá số quay nhanh

1. Ấn nút hoặc nút .
2. Xoay để chọn **Phone setup**, sau đó ấn .
3. Xoay để chọn **Speed dial**, sau đó ấn .
4. Chọn mục số quay nhanh có sẵn.
5. Xoay để chọn **Delete speed dial**, sau đó ấn .
 - Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Xoay để chọn **Yes**, sau đó ấn .

■ Tạo Cuộc Gọi

Bạn có thể tạo cuộc gọi bằng cách nhập bất kỳ số điện thoại nào, hoặc dùng danh bạ đã lưu, lịch sử cuộc gọi, số quay nhanh, hoặc gọi lại.



■ Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

Khi điện thoại của bạn được ghép đôi, nội dung của danh bạ sẽ tự động được nhập vào HFT.

1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Phonebook**, sau đó ấn .
 3. Danh bạ điện thoại được lưu theo thứ tự trong bảng chữ cái.
Xoay để lựa chọn chữ cái đầu của tên gọi, sau đó ấn .
 4. Xoay để chọn một tên, sau đó ấn .
 5. Xoay để chọn một số, sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

►► Tạo Cuộc Gọi

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn có thể nghe thấy giọng của người mà bạn đang gọi qua loa âm thanh.



■ Tạo cuộc gọi từ số điện thoại

1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Dial**, sau đó ấn .
 3. Xoay để chọn một số, sau đó ấn .
 4. Xoay để chọn , sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

■ Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại

1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Redial**, sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

■ Tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi được lưu bằng **Dialed calls**, **Received calls**, và **Missed calls**.

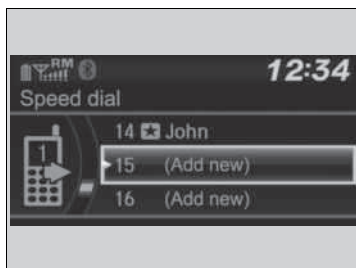
1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Call history**, sau đó ấn .
 3. Xoay để chọn **Dialed calls**, **Received calls**, hoặc **Missed calls**, sau đó ấn .
 4. Xoay để chọn một số, sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

►► Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại

Ấn và giữ nút để gọi lại số đã gọi gần đây nhất trong lịch sử điện thoại của bạn.

►► Tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi

Lịch sử cuộc gọi chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với HFT và hiển thị 20 cuộc gọi đi, gọi đến, hoặc gọi nhớ gần đây nhất.



■ Tạo cuộc gọi bằng số quay nhanh

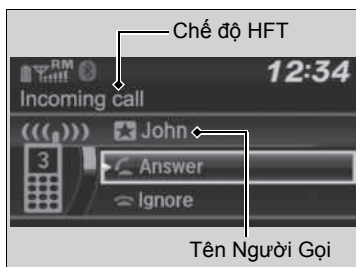
1. Ấn nút hoặc nút .
 2. Xoay để chọn **Speed dial**, sau đó ấn .
 3. Xoay để chọn một số, sau đó ấn .
- Quay số tự động bắt đầu.

▣ Tạo cuộc gọi bằng số quay nhanh

Trên màn hình **Phone**, có thể chọn trực tiếp 6 số nhanh đầu tiên trong danh sách bằng cách ấn các nút cài đặt sẵn âm thanh tương ứng (1-6).

Chọn **Others** để xem danh sách số quay nhanh của điện thoại đã được ghép đôi khác.

■ Nhận Cuộc Gọi



Khi có cuộc gọi đến, một thông báo âm thanh được phát ra và màn hình nhận cuộc gọi **Incoming call** sẽ hiện ra.

- Ấn nút để trả lời cuộc gọi.
Ấn nút để từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi.

▣ Nhận Cuộc Gọi

Cuộc gọi Chờ

Ấn nút để giữ cuộc gọi hiện tại để trả lời cuộc đang đến.

Ấn lại nút để nghe cuộc gọi đã giữ trước đó. Chọn **Ignore** để bỏ qua cuộc gọi đang đến nếu bạn không muốn trả lời.

Ấn nút nếu bạn muốn gác máy cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì nút và . Xoay để chọn một biểu tượng, sau đó ấn .

■ Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

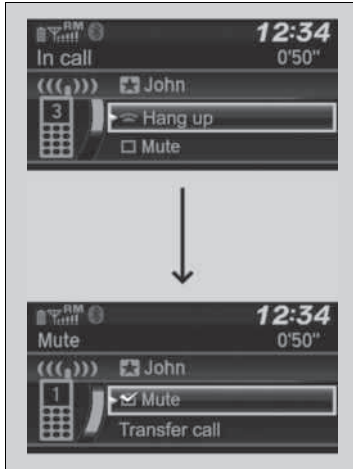
Có các tùy chọn khi đang gọi.




Swap call: Tạm giữ cuộc gọi hiện tại để trả lời cuộc gọi đến.

Mute: Tắt tiếng.

Transfer call: Chuyển cuộc gọi từ HFT tới điện thoại của bạn.

Dial tones: Gửi số trong khi gọi. Điều này thực sự hữu ích khi bạn gọi hệ thống điện thoại dưới dạng danh mục.



1. Để xem các lựa chọn có sẵn, ấn nút .
 2. Xoay  để chọn, sau đó ấn .
- Ô kiểm tra được tích khi chọn **Mute**. Chọn lại **Mute** để tắt.

☒ Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Dial tones: Sẵn có trên một số điện thoại.

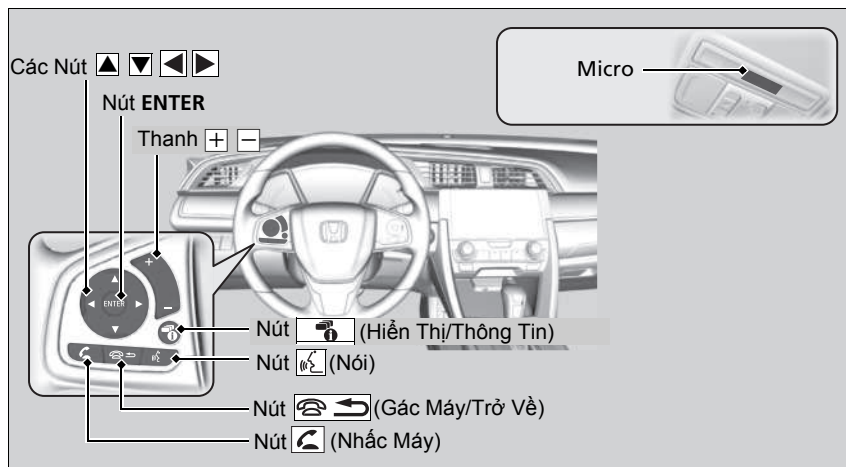
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Loại xe có Màn Hình Âm Thanh

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn gọi và nhận cuộc gọi bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

Sử Dụng HFT

Nút HFT



Tính Năng

» Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Để điện thoại của bạn ở nơi có sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích *Bluetooth*. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý Honda ở địa phương bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

Để sử dụng hệ thống, cài đặt **Bluetooth On/Off Status** ở chế độ **Bật**. Nếu có kết nối chủ động đồng với ứng dụng Apple CarPlay, HFT không khả dụng.

» Cách Tùy Chỉnh Tr. 353


Mẹo điều khiển bằng giọng nói


- Hướng cửa thông gió cách xa trần xe và gần cửa sổ, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió có thể làm nhiễu micro.
- Ấn nút [Phone Icon] khi bạn muốn gọi một số điện thoại bằng khẩu lệnh đã lưu. Nói rõ ràng và tự nhiên sau tiếng bíp.
- Nếu micro nhận diện giọng nói của người khác mà không phải là bạn, lệnh có thể bị hiểu sai.
- Để thay đổi âm lượng, sử dụng **VOL** (Âm lượng) của hệ thống âm thanh hoặc điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng.


Có đến năm số quay nhanh có thể hiển thị trong tổng số 20 số nhập vào.



» Quay Số Nhanh Tr. 410

Có đến năm cuộc gọi trước có thể được hiển thị tại một thời điểm trong tổng số 20 cuộc gọi được nhập vào. Nếu không có lịch sử cuộc gọi nào, Lịch Sử Cuộc Gọi đã bị vô hiệu hoá.

Nút  (Nhắc máy): Ấn để chuyển sang danh mục điện thoại trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hoặc để trả lời cuộc gọi đến.

Nút  (Gác máy/Trở về): Ấn để kết thúc cuộc gọi, trở về lệnh trước đó, hoặc hủy lệnh.


Nút  (Nói): Ấn để truy cập Cổng thông tin bằng Giọng nói.

Các nút   : Ấn để chọn mục hiển thị trên danh mục điện thoại trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nút ENTER: Ấn để gọi số đã được liệt kê trong mục lựa chọn trên danh mục điện thoại trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nút (Hiển Thị/Thông Tin)  : Chọn  và ấn **ENTER** để hiển thị **Speed Dial, Call History**, hoặc **Phonebook** trên danh mục điện thoại trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Để chuyển sang màn hình **Phone menu**:

1. Ấn nút  để chuyển màn hình sang màn hình điện thoại.
2. Chọn **MENU**.

►► Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

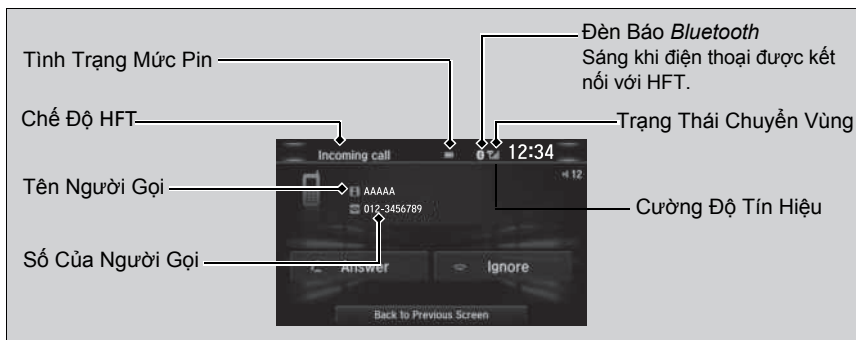
Công Nghệ *Bluetooth*[®] Không Dây Nhân *Bluetooth*[®] và các logo được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth SIG* sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và các tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn Chế của HFT

Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi nó đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.

■ Hiện Thị Trạng Thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin thông báo cho bạn có cuộc gọi đến.



Tính Năng

■ Các Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay

Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hiển thị được trong khi xe đang di chuyển. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Chỉ các mục quay số nhanh bằng giọng nói, tên danh bạ hoặc các số được lưu trữ trước đó có thể truy cập bằng giọng nói trong khi xe đang di chuyển.

► Quay Số Nhanh Tr. 410

►► Hiện Thị Trạng Thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

Danh Mục HFT

Khoá điện phải ở PHỤ KIỆN I hoặc BẬT II để sử dụng HFT.*1

■ Màn hình Phone Settings (Cài Đặt Điện Thoại)

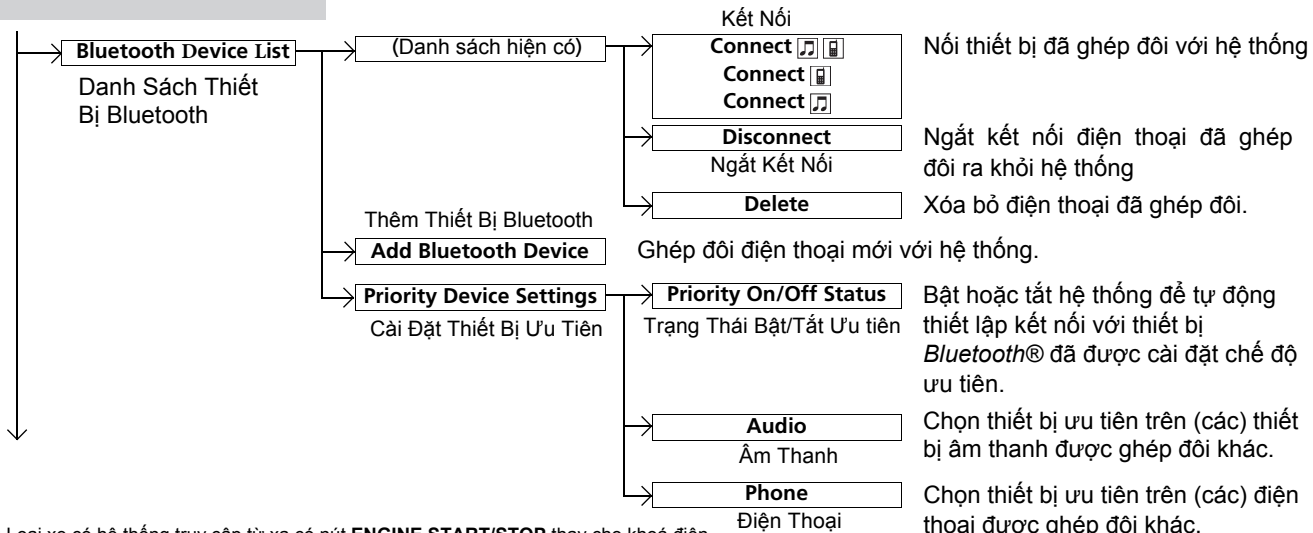


1. Ấn nút
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Phone**.

►► Danh Mục HFT

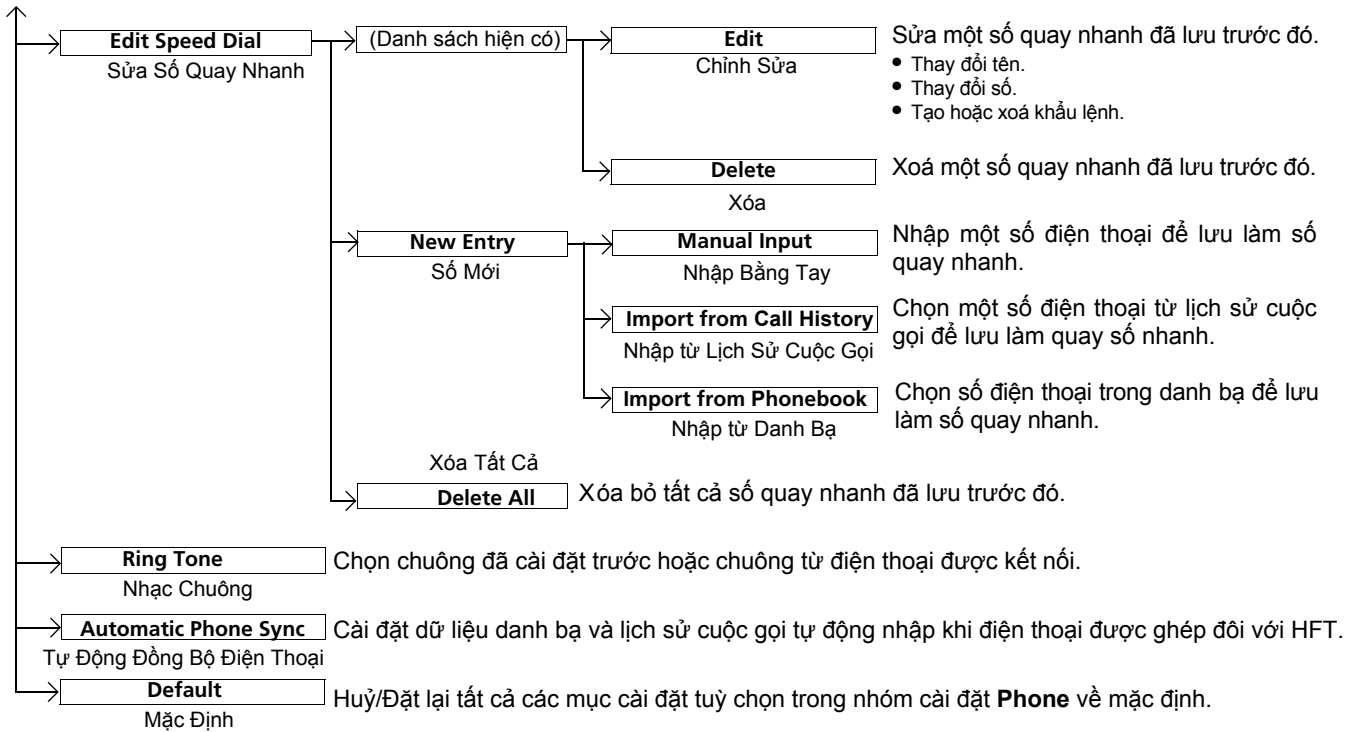
Để sử dụng HFT, trước tiên bạn phải ghép đôi điện thoại di động tương thích Bluetooth với hệ thống trong khi xe đang đỗ.

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe.

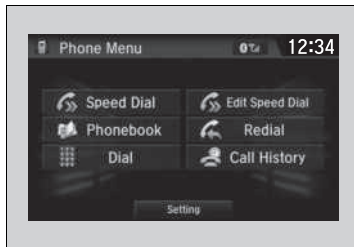


*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

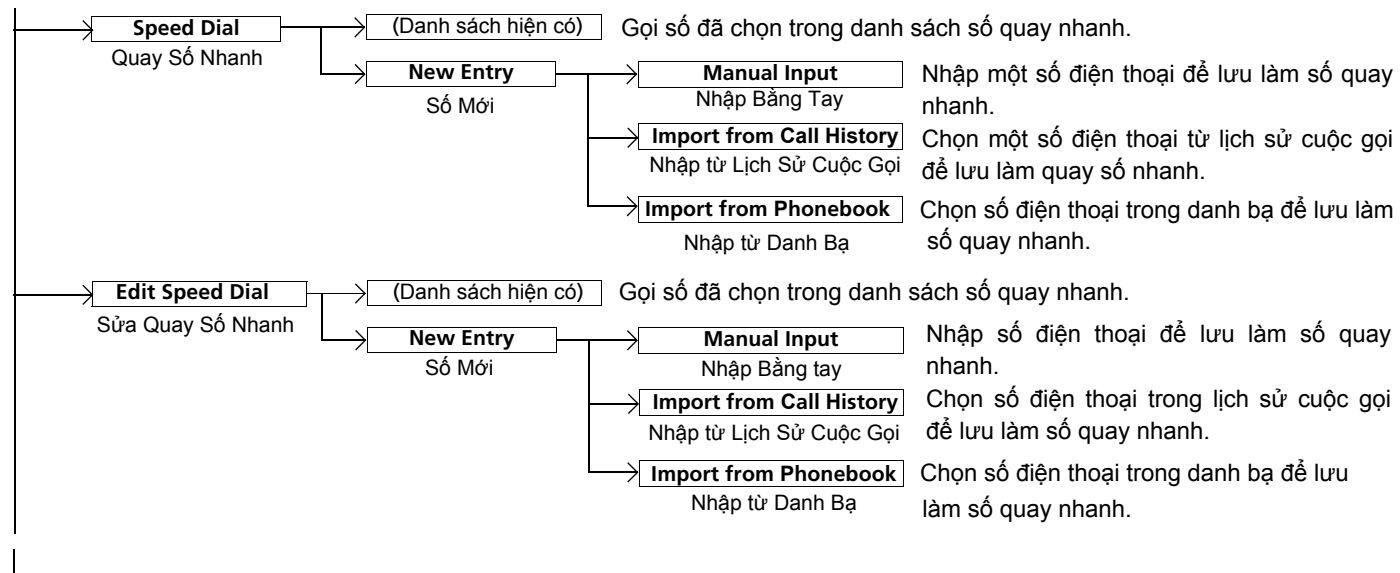
Còn nữa



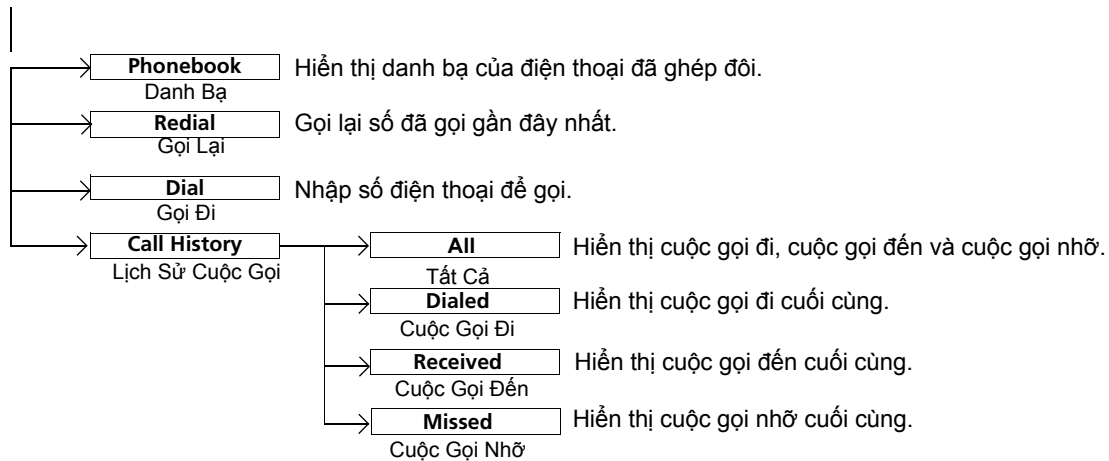
■ Màn hình Danh Mục Điện Thoại



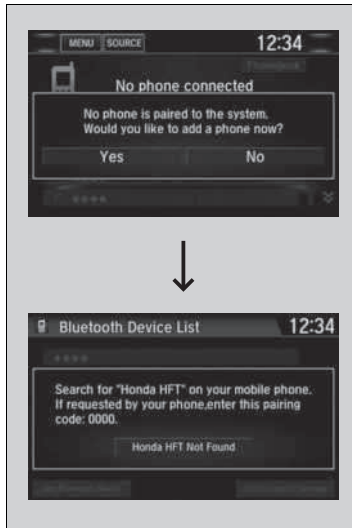
1. Ấn nút
2. Chọn MENU.



Trình Năng



Cài Đặt Điện Thoại



■ Ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Yes**.
3. Đảm bảo điện thoại ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
4. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại của bạn.
 - Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh, chọn **Honda HFT Not Found, Continue**, và sau đó chọn điện thoại của bạn khi nó xuất hiện trong danh sách. Nếu điện thoại của bạn không xuất hiện, bạn có thể chọn **Refresh** để tìm kiếm lại.
5. Hệ thống tạo cho bạn một mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
 - Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình khớp nhau. Điều này có thể thay đổi đối với từng loại điện thoại.
6. Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.
 - Bạn có thể ưu tiên thiết bị *Bluetooth®* cùng lúc. Chọn **Yes** và sau đó chọn thiết bị bạn muốn ưu tiên.

☒ Cài Đặt Điện Thoại

Điện thoại tương thích *Bluetooth* của bạn phải được ghép đôi với hệ thống trước khi bạn có thể gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Các Lưu Ý Khi Ghép Đôi Điện Thoại:

- Bạn không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi đến sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.
- Nếu điện thoại của bạn không sẵn sàng ghép đôi hoặc không được tìm thấy bởi hệ thống trong vòng ba phút, hệ thống sẽ ngừng và trở về chế độ chờ.

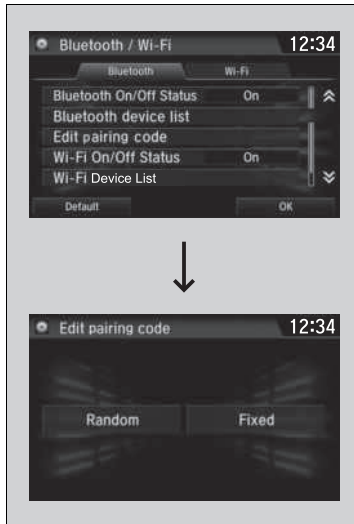
Khi bạn có điện thoại được ghép đôi, bạn có thể nhìn thấy nó được hiển thị trên màn hình với một hoặc hai biểu tượng bên phải.

Các biểu tượng này chỉ các mục sau:





: Điện thoại có thể sử dụng với HFT.

: Điện thoại tương thích với Âm thanh *Bluetooth®*.


Nếu có kết nối chủ động với ứng dụng Apple CarPlay, các thiết bị tương thích *Bluetooth* bổ sung sẽ không ghép đôi và mục **Add Bluetooth Device** chuyển sang màu xám từ màn hình **Bluetooth Device List**.



■ Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Chuyển sang màn hình **Phone Settings**.
 - Màn hình **Phone Setting** Tr. 401
2. Chọn **Bluetooth Device List**.
3. Chọn điện thoại để kết nối.
 - HFT ngắt điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm điện thoại đã ghép đôi khác.
4. Chọn **Connect**  , **Connect** , hoặc **Connect** .

■ Thay đổi cài đặt mã ghép đôi

1. Ấn nút .
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Bluetooth / Wi-Fi**.
4. Chọn thẻ **Bluetooth**.
5. Chọn **Edit Pairing Code**.
6. Chọn **Random** hoặc **Fixed**.

►► Thay đổi điện thoại đang ghép đôi

Nếu không có điện thoại nào được tìm thấy hoặc được ghép đôi khi chuyển sang một chiếc điện thoại khác, HFT sẽ thông báo cho bạn biết điện thoại đầu tiên đã được kết nối lại.

Để ghép đôi với điện thoại khác, chọn **Add List** từ màn hình **Bluetooth Device List**.

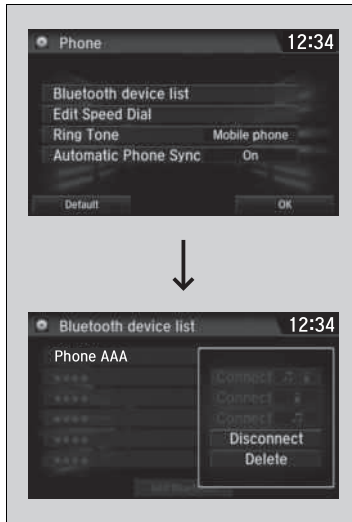
Để thay đổi cài đặt thiết bị ưu tiên kết nối *Bluetooth®*, chọn **Priority Device Settings** từ màn hình **Bluetooth Device List**.

►► Thay đổi cài đặt mã ghép đôi

Mã ghép đôi mặc định là **0000** đến khi bạn thay đổi cài đặt.

Để tạo mã cho riêng mình, chọn **Fixed**, xóa mã hiện tại, sau đó nhập một mã mới.

Để tạo mã ghép đôi được hình thành ngẫu nhiên mỗi khi ghép đôi một điện thoại, chọn **Random**.



■ Xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Chuyển sang màn hình **Phone Setting**.

➤ Màn hình **Phone Setting** Tr. 401

2. Chọn **Bluetooth Device List**.

3. Chọn điện thoại bạn muốn xóa.

4. Chọn **Delete**.

5. Một thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

■ Nhạc Chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

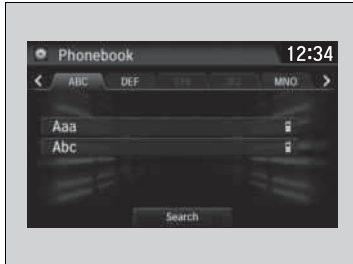


1. Chuyển sang màn hình **Phone Setting**.
 ▶ **Màn hình Phone Setting** Tr. 401
2. Chọn **Ring Tone**.
3. Chọn **Fixed** hoặc **Mobile Phone**.

▶▶ Nhạc Chuông

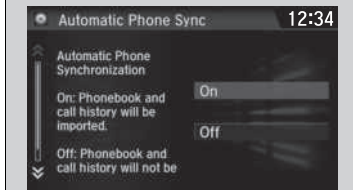
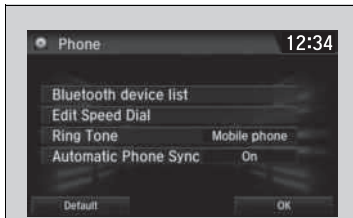
Fixed: Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.
Mobile Phone: Đối với các điện thoại đã được ghép đôi, nhạc chuông được lưu trong điện thoại phát ra từ loa.

■ Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi



■ Khi Bật Tự Động Đồng Bộ Điện Thoại:

Khi điện thoại của bạn đã ghép đôi, các nội dung trong danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi đều được tự động lưu vào hệ thống.



■ Thay đổi cài đặt Tự Động Đồng Bộ Điện Thoại

1. Chuyển sang màn hình **Phone Setting**
 - Màn hình Phone Setting Tr. 401
2. Chọn **Automatic Phone Sync**.

3. Chọn **On** hoặc **Off**.

►► Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi

Khi bạn chọn một người từ danh sách trong danh bạ điện thoại, bạn có thể thấy đến ba biểu tượng hạng mục. Các biểu tượng này hiển thị loại số điện thoại được lưu cho tên đó.



Ở một số điện thoại, có thể không nhập được các biểu tượng hạng mục vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối. Lịch sử cuộc gọi được cập nhật sau mỗi lần kết nối hoặc gọi.

■ Quay Số Nhanh

Có thể lưu đến 20 số quay nhanh cho mỗi điện thoại.



Tính Năng

Để lưu một số quay nhanh:

1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.

► Màn hình **Phone Menu** Tr. 403

2. Chọn **Speed Dial**.

3. Chọn **New Entry**.

Từ **Import from Call History**:

► Chọn số điện thoại từ lịch sử cuộc gọi.


Từ **Manual Input**:

► Nhập số bằng tay.


Từ **Import from Phonebook**:

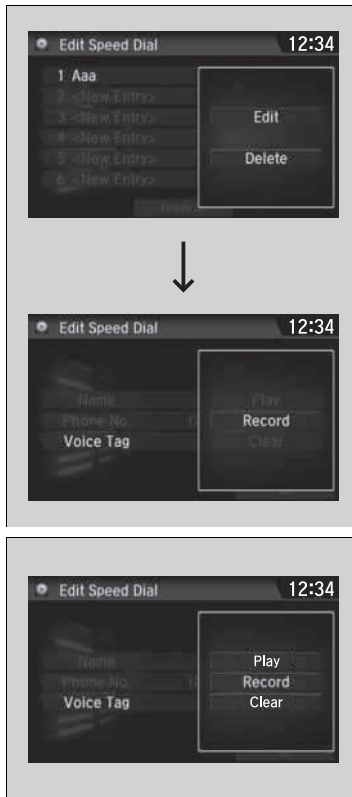
► Chọn số điện thoại từ danh bạ đã lưu của điện thoại đã kết nối.

4. Khi số quay nhanh được lưu thành công bạn sẽ được yêu cầu tạo khẩu lệnh cho số điện thoại. Chọn **Yes** hoặc **No**.


5. Chọn **Record**, hoặc dùng nút  theo hướng dẫn để hoàn thành khẩu lệnh.

►► Quay Số Nhanh

Khi khẩu lệnh được lưu, ấn nút  để gọi số bằng khẩu lệnh. Nói tên khẩu lệnh.



■ Thêm khẩu lệnh vào số quay nhanh đã lưu

1. Chuyển sang màn hình **Phone Settings**
 ► Màn hình **Phone Settings** Tr. 401
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh đang có.
 ► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Edit**.
4. Chọn **Voice Tag**.
 ► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Record**.
5. Chọn **Record**, hoặc dùng nút  và làm theo hướng dẫn để hoàn thành khẩu lệnh.

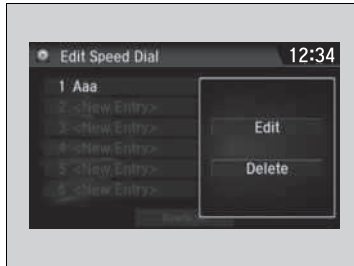
■ Xóa khẩu lệnh

1. Chuyển sang màn hình **Phone Settings**
 ► Màn hình **Phone Settings** Tr. 401
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh đang có.
 ► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Edit**.
4. Chọn **Voice Tag**.
 ► Từ danh mục cửa sổ, chọn **Clear**.
5. Bạn sẽ nhận được thông báo xác nhận trên màn hình. Chọn **Yes**.

☒ Quay Số Nhanh

Tránh lặp lại khẩu lệnh.
 Tránh dùng "home" làm khẩu lệnh.
 Hệ thống sẽ dễ dàng nhận ra tên đầy đủ hơn.
 Ví dụ, dùng "John Smith" thay cho "John."

Tình Năng



■ Sửa số quay nhanh

1. Chuyển sang màn hình **Phone Settings**.
 - Màn hình **Phone Settings** Tr. 401
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh đang có.
 - Từ danh mục cửa sổ, chọn **Edit**.
4. Chọn cài đặt bạn muốn.

■ Xóa số quay nhanh

1. Chuyển sang màn hình **Phone Settings**.
 - Màn hình **Phone Settings** Tr. 401
2. Chọn **Edit Speed Dial**.
3. Chọn số quay nhanh đang có.
 - Từ danh mục cửa sổ, chọn **Delete**.
4. Bạn sẽ nhận được thông báo xác nhận trên màn hình. Chọn **Yes**.


Tạo Cuộc Gọi



Bạn có thể tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ, hoặc dùng danh bạ, lịch sử cuộc gọi, số quay nhanh đã lưu, hoặc gọi lại.

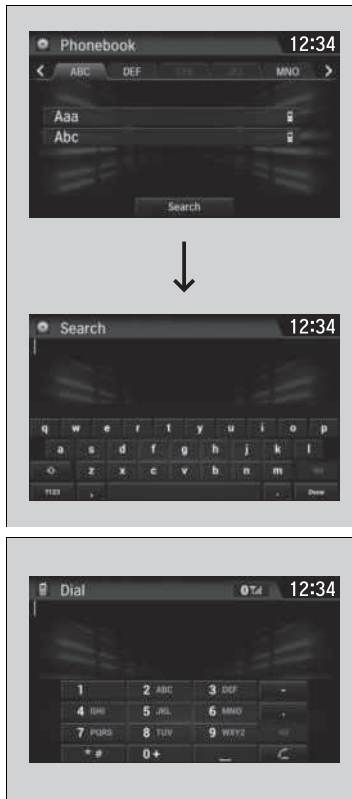
» Tạo Cuộc Gọi

Bất kỳ số quay nhanh dùng khẩu lệnh đều có thể tạo được cuộc gọi bằng giọng nói ở hầu hết các màn hình.

Ấn nút  và nói tên khẩu lệnh.

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn có thể nghe thấy giọng của người bạn đang gọi qua loa âm thanh.


Khi có kết nối chủ động với ứng dụng Apple CarPlay, chỉ có thể tạo cuộc gọi qua ứng dụng Apple CarPlay.



■ Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.
 - Màn hình **Phone Menu** Tr. 403
2. Chọn **Phonebook**.
3. Chọn một tên.
 - Bạn cũng có thể tìm bằng chữ cái. Chọn **Search**.
 - Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập tên, nếu có nhiều số, chọn một số.
4. Chọn một số.
 - Quay số tự động bắt đầu.

■ Tạo cuộc gọi từ số điện thoại

1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.
 - Màn hình **Phone Menu** Tr. 403
2. Chọn **Dial**.
3. Chọn một số.
 - Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số.
4. Chọn 
 - Quay số tự động bắt đầu.

►► Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

Bạn có thể gọi số quay nhanh đã lưu bằng giọng nói bằng cách sử dụng khẩu lệnh.

►► **Quay Số Nhanh** Tr. 410

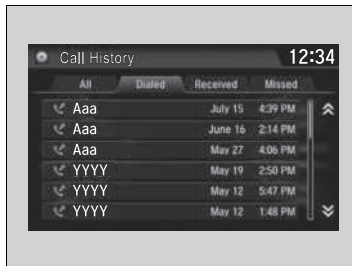
►► Tạo cuộc gọi từ danh bạ đã lưu

Bạn có thể gọi số quay nhanh đã lưu bằng giọng nói bằng cách sử dụng khẩu lệnh.

►► **Quay Số Nhanh** Tr. 410



- **Tạo cuộc gọi bằng cách gọi lại**
1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.
 ► Màn hình Phone Menu Tr. 403
 2. Chọn **Redial**.
 ► Quay số tự động bắt đầu.



- **Tạo cuộc gọi từ Lịch Sử Cuộc Gọi**
- Lịch sử cuộc gọi được lưu bằng **All, Dialed, Received, và Missed**.
1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.
 ► Màn hình Phone Menu Tr. 403
 2. Chọn **Call History**.
 3. Chọn **All, Dialed, Received, hoặc Missed**.
 4. Chọn một số.
 ► Quay số tự động bắt đầu.



- **Tạo cuộc gọi bằng Số Quay Nhanh**
1. Chuyển sang màn hình **Phone Menu**.
 ► Màn hình Phone Menu Tr. 403
 2. Chọn **Speed Dial**.
 3. Chọn một số.
 ► Quay số tự động bắt đầu.

►► Tạo cuộc gọi từ Lịch Sử Cuộc Gọi

Lịch sử cuộc gọi hiển thị 20 cuộc gọi gần nhất bao gồm tất cả các cuộc gọi đến, gọi đi, hoặc cuộc gọi nhớ.
 (Chỉ xuất hiện khi điện thoại được kết nối với hệ thống.)

►► Tạo cuộc gọi bằng Số Quay Nhanh

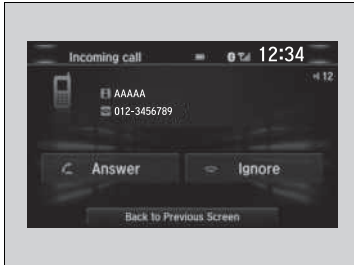
Khi khẩu lệnh được lưu, ấn nút để gọi điện thoại bằng khẩu lệnh.

► Quay Số Nhanh Tr. 410


Đều có thể dùng khẩu lệnh để tạo cuộc gọi với bất kỳ số quay nhanh nào ở hầu hết các màn hình.


Ấn nút và làm theo chỉ dẫn.

■ Nhận Cuộc Gọi




Khi có cuộc gọi đến, một thông báo âm thanh được phát ra (nếu kích hoạt) và màn hình nhận cuộc gọi **Incoming call** sẽ xuất hiện.


Ấn nút  để trả lời cuộc gọi.


Ấn nút  để từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi.



» Nhận Cuộc Gọi

Cuộc Gọi Chờ

Ấn nút  để giữ cuộc gọi hiện tại để trả lời cuộc đang đến.

Ấn lại nút  để nghe cuộc gọi đã giữ trước đó. Chọn **Ignore** để bỏ qua cuộc gọi đang đến nếu bạn không muốn trả lời.

Ấn nút  nếu bạn muốn gác máy cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì nút  và .

» Các Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Touch Tones: Có nhiều số điện thoại.

Bạn có thể chọn biểu tượng trên màn hình âm thanh /thông tin.

■ Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Có các tùy chọn sau khi đang gọi.

Mute: Tắt tiếng.

Transfer: Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.

Touch Tones: Gửi số trong khi gọi. Điều này thực sự hữu ích khi bạn gọi hệ thống điện thoại dưới dạng danh mục.



Các tùy chọn có sẵn được hiển thị ở phía dưới góc màn hình.

Chọn tùy chọn.

- Biểu tượng tắt tiếng hiện ra khi chọn **Mute**. Chọn lại **Mute** để tắt.

Lái Xe

Chương này bàn về vấn đề lái xe và nạp nhiên liệu.

Trước Khi Lái Xe

Chuẩn Bị Lái	418
Giới Hạn Tải.....	421

Kéo Rơ-moóc*

Chuẩn Bị Kéo.....	422
Lái Xe An Toàn với Rơ-moóc.....	425

Khi Lái Xe

Khởi Động Động Cơ	428
Hộp Số Vô Cấp*.....	438
Sang Số.....	439
Chế Độ ECON	447
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn định*	448
Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể điều chỉnh*	454

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe

(VSA).....	458
Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh	460
Quan Sát Làn Đường*	461
Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*	463
Điều Chỉnh Phân Phối Ánh Sáng.....	466
Honda Sensing*	467
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS).....	470
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)	481
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).....	496
Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường	504

Cảm Biến Camera Phía Trước

509

Cảm Biến Ra-đa.....

Phanh

Hệ Thống Phanh	512
----------------------	-----

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh

(ABS)	519
-------------	-----

Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh.....

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp	521
------------------------------	-----

Đổ Xe

522

Camera Lùi Đa Hướng*

530

Nạp Nhiên Liệu

532

Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái

CO2	537
-----------	-----

Xe Có Động Cơ Tăng Áp*

Lưu Ý Khi Xử Lý	538
-----------------------	-----

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Trước Khi Lái

Chuẩn Bị Lái

Kiểm tra các mục sau trước khi lái.

Kiểm Tra Bên Ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn bên ngoài hoặc các bộ phận khác của xe.
 - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
 - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái. Nếu tuyết đã đóng cứng, gạt bỏ khi đã tan bớt.
 - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, cần đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
 - ▶ Nếu nắp ca-pô mở khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
 - ▶ Kiểm tra áp suất không khí, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
📖 **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp** Tr. 595
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
 - ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

»KiểmTra Bên Ngoài

CHÚ Ý

Khi các cửa bị đóng băng, đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở chúng, vì nó có thể làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Khi đã xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa. Sẽ không thể cho chìa khóa vào ổ khóa nếu nước bị đóng băng trong ổ khóa.

Nhiệt từ động cơ và ống xả có thể làm cháy các vật liệu dễ cháy bám ở nắp ca-pô, gây cháy nổ. Nếu bạn đỗ xe lâu, hãy kiểm tra và loại bỏ rác xung quanh xe như cỏ và lá khô bị rơi xuống hoặc do động vật làm tổ. Đồng thời kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó vừa thực hiện bảo dưỡng xe.

Kiểm Tra Bên Trong

- Buộc hoặc giữ chặt các đồ vật chứa trong khoang để hành lý.
 - Chờ quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe, làm giảm độ an toàn.
 - **Giới Hạn Tải** Tr. 421
- Không để các đồ vật cao hơn ghế.
 - Nó có thể che tầm nhìn của bạn hoặc xô về phía trước trong trường hợp bạn phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo bạn cố định chặt thảm lót sàn.
 - Bờ vật đó hoặc thảm lót sàn lắp không chắc chắn sẽ cản trở bạn nhấn bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga trong khi lái.
- Nếu có động vật trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
 - Chúng có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt các cửa và nắp khoang hành lý.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
 - Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
 - **Điều Chỉnh Ghế Ngồi** Tr. 226
 - **Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước** Tr. 229
- Điều chỉnh gương và vô lăng phù hợp khi lái.
 - Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế thoải mái.
 - **Điều Chỉnh Gương** Tr. 223
 - **Điều Chỉnh Vô lăng** Tr. 222

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Kiểm Tra Bên Trong

Hướng của đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt, thường thì không cần điều chỉnh chúng. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý hoặc kéo rơ-móc, hãy đến đại lý để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng.

Loại xe có hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng thường

Bạn có thể tự điều chỉnh góc đèn chiếu gần.

➤ **Bộ Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*** Tr. 216

Loại xe có hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động

Xe của bạn được trang bị hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động, hệ thống này tự động điều chỉnh góc thẳng đứng của các đèn chiếu gần.

- Cần đảm bảo đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lấn dưới các ghế.
 - ▶ Nó có thể gây cản trở khả năng vận hành bàn đạp của người lái, hoặc việc vận hành các ghế.
- Mọi người trong xe phải thắt dây đai an toàn.
 - ▶ **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 48
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng đồng hồ tắt-lô sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
 - ▶ Nếu các đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
 - ▶ **Đèn Báo** Tr. 104

Giới Hạn Tải

Khi bạn chở hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

➔ **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 662

Loại xe Australia và New Zealand

Tải lên cầu trước và cầu sau cũng không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

➔ **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 662

⌘ Giới Hạn Tải

⚠ CẢNH BÁO

Tải quá nặng hoặc tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến điều khiển và cân bằng của xe và có thể gây ra những va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong. Làm theo tất cả các hướng dẫn về giới hạn tải và các hướng dẫn tải khác trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Lái Xe

Kéo Rơ-moóc*

Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia và New Zealand

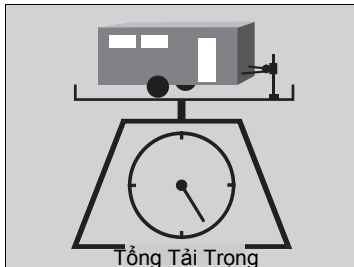
Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc. Nếu cố gắng kéo có thể làm mất hiệu lực bảo hành cho xe của bạn.

Loại xe Châu Phi, Australia và New Zealand

Chuẩn Bị Kéo

■ Giới Hạn Tải Trọng Kéo

Xe có thể kéo rơ-moóc nếu bạn tuân theo các giới hạn tải trọng, sử dụng đúng thiết bị và làm theo hướng dẫn kéo. Kiểm tra giới hạn trọng tải trước khi lái.



■ Tổng trọng lượng rơ-moóc

Tổng trọng lượng rơ-moóc và cáp kéo (dùng/không dùng phanh) cộng với đồ đạc trên xe không được phép vượt quá trọng lượng kéo tối đa.

Tải trọng kéo vượt quá trọng lượng kéo tối đa có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến điều khiển và vận hành của xe và cũng có thể làm hỏng động cơ và hệ thống truyền động.

»Giới Hạn Tải Trọng Kéo

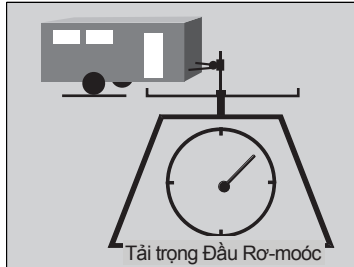
⚠CẢNH BÁO

Vượt quá giới hạn tải trọng hoặc kéo rơ-moóc không đúng cách có thể gây ra những va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Kiểm tra cẩn thận tải trọng của xe và rơ-moóc trước khi bắt đầu lái.

Kiểm tra xem tổng tải trọng có nằm trong tiêu chuẩn không. Nếu không có tải trọng tiêu chuẩn, cộng trọng lượng của tải trọng hàng hoá ước tính với trọng lượng rơ-moóc (theo hướng dẫn của nhà sản xuất), sau đó dùng cân phù hợp hoặc đồng hồ đo trực để đo hoặc ước lượng tải trọng của trục dựa vào hàng hóa. Tham khảo sách hướng dẫn sử dụng rơ-moóc để biết thêm thông tin chi tiết.

Thời Kỳ Chạy Rà Động cơ
Không kéo rơ-moóc khi xe chỉ mới đi được 1.000 km đầu tiên.



■ Tải trọng đầu rơ-moóc

Tải trọng đầu rơ-moóc không nên vượt quá 75 kg. Đây là trọng lượng mà rơ-moóc đặt lên thanh kéo khi đã tải đầy. Đây là quy tắc cho những rơ-moóc có trọng lượng nhỏ hơn 750 kg, tải trọng đầu rơ-moóc nên ở mức 10% tổng trọng lượng rơ-moóc.

- Tải trọng đầu rơ-moóc vượt mức quy định sẽ làm giảm khả năng bám đường của lốp xe trước và điều khiển vô lăng. Tải trọng đầu rơ-moóc quá nhỏ có thể làm rơ-moóc xoay và không ổn định.
- Để đạt tải trọng đầu rơ-moóc phù hợp, đặt 60% tải trọng của rơ-moóc về phía trước và 40% về phía sau. Điều chỉnh lại tải trọng khi cần.

► Giới Hạn Tải Trọng Kéo

Nếu bạn kéo rơ-moóc ở vùng đồi núi, nhớ giảm 10% trọng lượng của xe trong tổng trọng lượng kéo tối đa cho mỗi 1.000 mét độ cao.

Không được vượt quá trọng lượng kéo tối đa và giới hạn tải trọng cho phép.

► **Thông Số Kỹ Thuật Tr. 662**

■ Thiết Bị và Phụ Kiện Kéo

Sử dụng các thiết bị kéo tùy theo kích cỡ của rơ-moóc, tải trọng kéo và nơi bạn đang kéo.

■ Thanh kéo

Thanh kéo phải đúng loại và phải được gắn ở gầm xe.

■ Xích an toàn

Luôn dùng xích an toàn khi bạn kéo rơ-moóc. Để một khoảng chừng đủ để rơ-moóc có thể xoay dễ dàng, nhưng không được để xích tụt xuống mặt đất.

■ Phanh rơ-moóc

Nếu sử dụng rơ-moóc có phanh, đảm bảo là chúng được dẫn động điện tử. Không cố gắn vào hệ thống thủy lực của xe. Cho dù có thể gắn được nhưng nếu cố gắn các phanh của rơ-moóc vào hệ thống thủy lực của xe sẽ làm giảm hiệu quả của phanh và gây ra các nguy hiểm tiềm ẩn.

■ Thiết bị kéo bổ sung

Có một số luật yêu cầu phải có các gương bên ngoài chuyên dụng khi kéo rơ-moóc. Thậm chí nếu địa phương nơi bạn lái xe không yêu cầu có gương, bạn vẫn nên lắp các gương chuyên dụng nếu tầm nhìn bị hạn chế.

■ Đèn rơ-moóc

Các đèn rơ-moóc và các thiết bị phải phù hợp với các quy định của quốc gia nơi bạn đang lái xe. Kiểm tra yêu cầu này tại các điểm bán rơ-moóc và đại lý cho thuê ở khu vực mà bạn định dùng rơ-moóc.

»»Thiết Bị và Phụ Kiện Kéo

Đảm bảo tất cả các thiết bị được lắp đặt và bảo dưỡng đúng cách và đáp ứng các quy định của quốc gia nơi bạn đang lái xe.

Tham khảo ý kiến từ nơi bán rơ-moóc hoặc đại lý bán lẻ xem có cần bất cứ thiết bị hỗ trợ nào cho việc kéo rơ-moóc hay không.

Tham khảo ý kiến nhà sản xuất rơ-moóc để lắp và cài đặt thiết bị chính xác. Việc lắp và cài đặt sai có thể sẽ ảnh hưởng tới vận hành, tính ổn định và hiệu quả phanh của xe.

Đèn và dây của rơ-moóc có thể khác nhau theo loại và nhãn hàng. Nếu cần bộ kết nối, nên yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề cao lắp đặt.

Lái Xe An Toàn với Rơ-moóc

■ Những Điều Cần Biết Trước Khi Kéo Rơ-moóc

- Bảo dưỡng rơ-moóc hợp lý và bảo quản trong điều kiện tốt.
- Đảm bảo trọng lượng và tải trọng của xe nằm trong giới hạn.
 - ▣ Giới Hạn Tải Trọng Kéo Tr. 422
- Gắn chặt thanh kéo, xích an toàn, các bộ phận phụ kiện khác vào rơ-moóc.
- Buộc chặt tất cả các đồ vật lên trên hoặc trong rơ-moóc để nó không bị dịch chuyển khi lái.
- Kiểm tra các đèn và phanh rơ-moóc hoạt động đúng cách.
- Kiểm tra áp suất các lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng.
- Kiểm tra các quy định liên quan đến tốc độ tối đa hoặc tốc độ giới hạn khi xe kéo rơ-moóc. Nếu bạn lái xe ở các quốc gia khác, kiểm tra yêu cầu của mỗi quốc gia trước khi lái xe, vì các quy định có thể khác nhau.

▣ Lái Xe An Toàn với Rơ-moóc

Tốc độ tối đa vận hành khi kéo rơ-moóc không vượt quá 100 km/h.

Đỗ xe

Ngoài các lưu ý thông thường, chèn tất cả các lốp xe của rơ-moóc.

Bạn chỉ nên lái xe trên đồi hoặc khu vực có độ dốc dưới 12%. Làm theo khuyến cáo của nhà sản xuất rơ-moóc để lái trên đường phù hợp.

Xe có kích thước lớn đi qua có thể tạo ra gió mạnh làm dao động rơ-moóc, hãy giữ tốc độ không đổi và lái thẳng về phía trước.

Luôn lái xe chậm và có người dẫn hướng khi bạn lùi xe.

■ Tốc Độ và Số Kéo

- Lái chậm hơn bình thường.
- Tuân theo giới hạn tốc độ được dán trong xe khi kéo rơ-móc.
- Dùng số **D** khi kéo rơ-móc trên mặt đường bằng phẳng.

▣ Tốc Độ và Số Kéo

Khi kéo rơ-móc với khổ cố định (ví dụ, xe cắm trại), không được vượt quá 88 km/h. Ở tốc độ cao, rơ-móc có thể bị lắc lư hoặc ảnh hưởng đến việc điều khiển xe.

■ Rẽ và Phanh

- Rẽ chậm hơn và góc cua cũng rộng hơn bình thường.
- Thời gian và khoảng cách phanh dài hơn.
- Không phanh hoặc rẽ đột ngột.

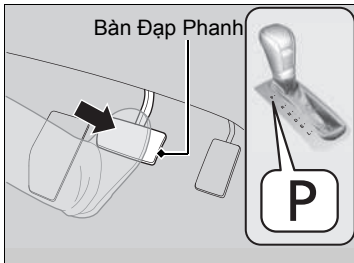
■ Lái Xe ở Địa Hình Đồi Núi

- Theo dõi đồng hồ đo nhiệt độ. Nếu gần chạm đến vạch màu trắng (Nóng), tắt hệ thống điều khiển khí hậu và giảm tốc độ. Nếu cần thiết, lái xe vào lề đường an toàn để giảm nhiệt độ động cơ.

Khi Lái Xe

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Khởi Động Động Cơ



1. Đảm bảo ấn công tắc phanh đỗ điện tử.
 - ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh sáng trong khoảng 15 giây khi bạn ấn công tắc phanh đỗ điện tử.

2. Đảm bảo cần số ở **P**, sau đó nhấn bàn đạp phanh.
 - ▶ Mặc dù có thể khởi động xe ở **N**, khởi động xe ở **P** vẫn an toàn hơn.

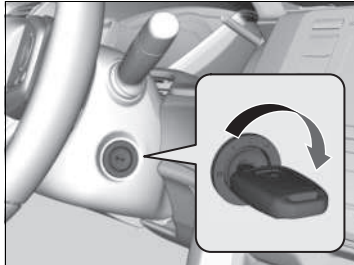
Khởi Động Động Cơ

Giữ chắc chân của bạn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và trong không khí loãng khi ở độ cao 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống điều khiển khí hậu và bộ sấy kính sau để giảm tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống xả phát ra âm thanh bất thường hoặc bạn có thể ngửi thấy khí xả bên trong xe, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả có sự cố.



3. Xoay khóa điện đến KHỞI ĐỘNG [III] mà không nhấn bàn đạp ga.

►►Khởi Động Động Cơ

Không giữ chìa khóa ở KHỞI ĐỘNG [III] quá 10 giây.

- Nếu động cơ không khởi động ngay, đợi ít nhất 30 giây trước khi thử lại.
 - Nếu động cơ khởi động, nhưng dừng ngay, đợi ít nhất 30 giây trước khi lặp lại bước 3 đồng thời nhấn nhẹ bàn đạp ga.
- Nhả bàn đạp ga khi động cơ đã khởi động.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng thiết bị khác có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ không hoạt động.

►►Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 195

■ Bắt Đầu Lái

1. Giữ chân phải của bạn trên bàn đạp phanh, để chân số ở **D**. Chọn **R** khi lùi xe.
2. Nếu đang gài phanh đỗ, nhả bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga.
 - Đảm bảo đèn báo phanh đỗ điện tử và hệ thống phanh (đỏ) đã tắt.
📌 **Phanh Đỗ** Tr. 512

■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc giữ phanh luôn phanh, giúp xe không bị lăn xuống dốc khi bạn rời chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Gạt cần số tới **D** hoặc **S** khi lên dốc, hoặc **R** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

»Bắt Đầu Lái

Bạn có thể nhả phanh đỗ bằng cách ấn công tắc phanh đỗ điện tử đồng thời nhấn bàn đạp phanh. Khi xuống dốc, nếu bạn nhả phanh đỗ bằng cách ấn công tắc phanh đỗ điện tử bằng tay thì sẽ làm cho xe khởi động trơn tru hơn so với việc bạn nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga.

»Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

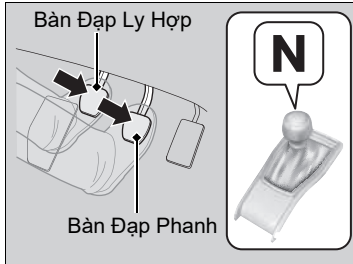
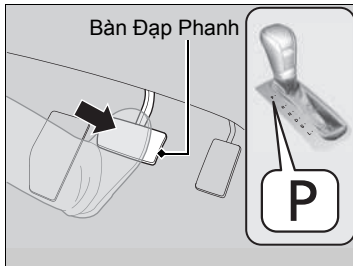
Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khởi lăn xuống khi dốc quá cao hoặc dựng đứng và sẽ không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Hỗ trợ khởi động ngang dốc sẽ hoạt động ngay cả khi VSA tắt.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Khởi Động Động Cơ



1. Đảm bảo ấn công tắc phanh đỗ điện tử.
 - Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh sẽ sáng trong khoảng 15 giây khi bạn ấn công tắc phanh đỗ điện tử.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Kiểm tra đảm bảo cần số ở **P**, sau đó nhấn bàn đạp phanh.
 - Mặc dù có thể khởi động xe ở **N**, nhưng khởi động xe ở **P** vẫn an toàn hơn.

Loại xe có hộp số thường

2. Đảm bảo cần số ở **N**. Sau đó nhấn bàn đạp phanh bằng chân phải, và nhấn bàn đạp ly hợp bằng chân trái.
 - Phải nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp mới khởi động được động cơ.

Khởi Động Động Cơ

Giữ chắc chân của bạn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và trong không khí loãng hơn ở độ cao 2.400 mét.

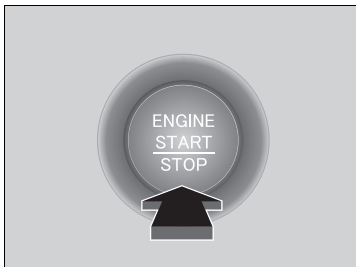
Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống điều khiển khí hậu và bộ sấy kính sau để giảm tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống khí xả phát ra âm thanh bất thường hoặc bạn có thể ngửi thấy khí xả bên trong xe, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả đã có sự cố.

Để điều khiển từ xa gắn nút **ENGINE START/STOP** nếu pin của chìa khóa điều khiển từ xa yếu.

► **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu**
Tr. 628

Động cơ có thể không khởi động được nếu điều khiển từ xa để gần sóng radio mạnh.



Tất cả các loại xe

3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** nhưng không nhấn bàn đạp ga.

Loại hộp số thường

- Nếu đèn báo bu gi sáng, nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp và đợi cho đến khi đèn đó tắt.
Động cơ khởi động tự động.

Dừng Động Cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

Loại xe chạy dầu đi-e-zen

Idle the engine for 10 seconds before turning off the engine.

Loại hộp số vô cấp

1. Sang số **[P]**.
2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Loại hộp số thường

- Nếu đang ở số **[N]**, ấn nút **ENGINE START/STOP**.
- Nếu cần số đang ở bất kỳ vị trí nào ngoài **[N]**, nhấn bàn đạp ly hợp, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

►► Khởi Động Động cơ

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động, đợi ít nhất 30 giây trước khi khởi động lại.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng thiết bị có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

► Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 195

Loại xe chạy dầu đi-e-zen

Khi nhiệt độ môi trường rất thấp, công suất tối đa của động cơ có thể bị hạn chế khi khởi động.

Điều này giúp cho dòng nhiên liệu hoạt động bình thường.

Loại xe chạy dầu đi-e-zen

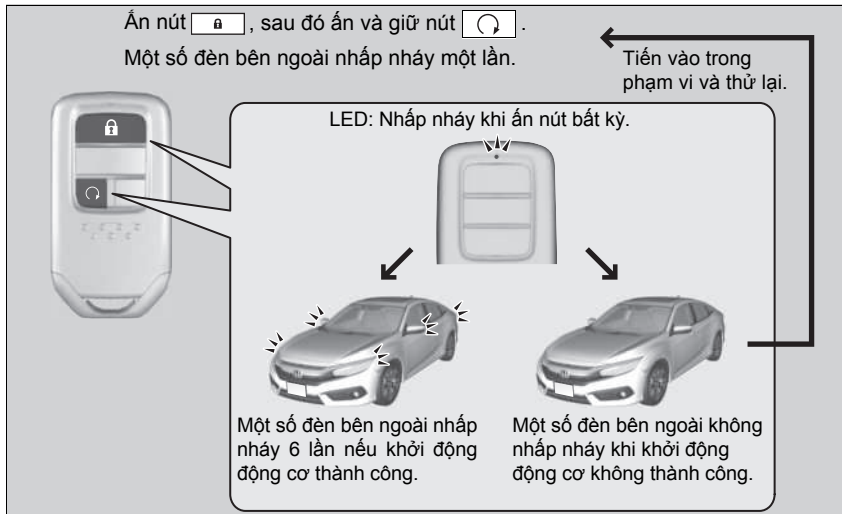
Để bôi trơn đúng cách, không được chạy quá tốc độ chạy không tải đến khi đèn báo áp suất dầu thấp tắt.

Tránh tăng tốc nhanh hoặc để động cơ vận hành mạnh trước khi đạt nhiệt độ hoạt động bình thường.



■ Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.

■ Khởi động động cơ



Khi khởi động động cơ từ xa, động cơ sẽ tự động tắt sau 10 phút chạy ở chế độ không tải và/hoặc bàn đạp phanh và nút **ENGINE START/STOP** không đồng thời được nhấn.

Để chạy thêm 10 phút khi khởi động lần đầu, ấn nút , sau đó ấn và giữ nút .

- Một số đèn bên ngoài nhấp nháy 6 lần nếu tín hiệu yêu cầu chạy thêm 10 phút được truyền thành công.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

⚠CẢNH BÁO

Khí xả có chứa CO.

Hít phải khí CO có thể gây chết người hoặc bất tỉnh.

Không được khởi động động cơ từ xa khi xe đang đỗ trong gara hoặc khu vực có hệ thống thông gió kém.

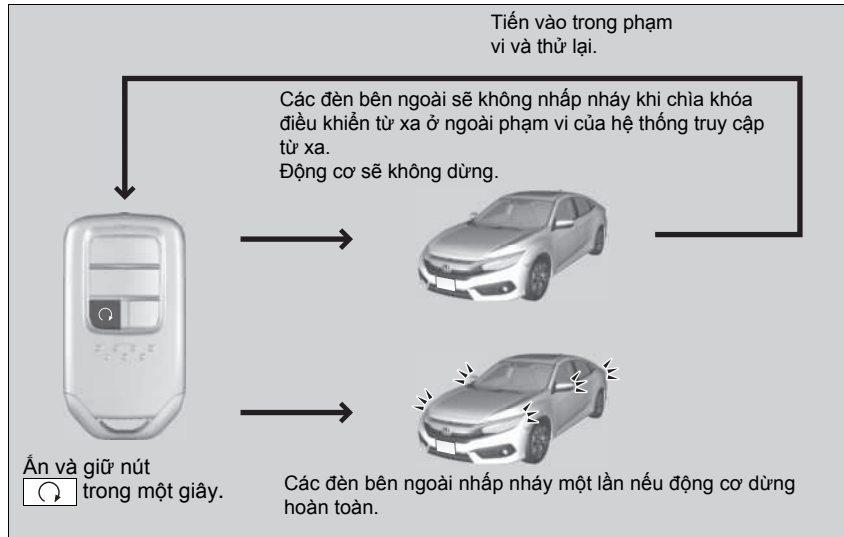
Khởi động động cơ từ xa có thể vi phạm các quy định ở địa phương. Trước khi khởi động động cơ từ xa, hãy xem lại các quy định của địa phương.

Nếu có toà nhà hay vật cản giữa xe và điều khiển động cơ từ xa, phạm vi sẽ bị thu hẹp. Khoảng cách có thể thay đổi do nhiễu điện từ tác động bên ngoài.

Động cơ sẽ không khởi động bằng khởi động động cơ từ xa nếu:

- Bạn đã vô hiệu hiệu hoá việc cài đặt khởi động động cơ từ xa bằng cách sử dụng màn hình âm thanh/thông tin*.
- Chế độ nguồn không ở TẮT MÁY (KHÓA).
- Cần số không ở [P].
- Nắp ca-pô được mở, cửa bất kỳ hoặc nắp khoang hành lý được mở khóa.

■ Dừng động cơ



Lái Xe

►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

- Bạn đã bấm chìa khóa điều khiển từ xa hai lần để khởi động động cơ.
- Một chìa khóa điều khiển từ xa khác đã được đăng ký vẫn để trong xe.
- Có lỗi bất kỳ ở ăng ten.
- Mở khoá cửa bằng chìa khoá tích hợp.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Hệ thống cảnh báo an ninh không được thiết lập.

Động cơ có thể dừng trong khi đang chạy nếu:

- Không khởi động xe trong vòng 10 phút bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Dừng động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Mở khoá cửa bằng chìa khoá tích hợp.
- Nắp ca-pô mở.
- Ấn nút nhà cần số.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Đèn Báo Sự Cố (MIL) sẽ sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải gặp sự cố.

►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

Khi động cơ đang chạy, xe sẽ tự động vận hành theo điều kiện cài đặt trước bên trong xe.

Khi ngoài trời ấm:

- Điều hòa không khí được kích hoạt ở chế độ lấy gió trong.

Khi ngoài trời lạnh:

- Bộ xông kính được kích hoạt ở nhiệt độ vừa phải
- Bộ sấy kính sau và bộ sưởi gương cửa được kích hoạt*.
- Bộ sưởi ghế được kích hoạt*.

► Bộ sưởi Ghế Trước* Tr. 243

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Bắt Đầu Lái

Khi khởi động động cơ bằng nút  * trên chìa khóa điều khiển từ xa

1. Nhấn bàn đạp phanh và đồng thời ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Khi khởi động động cơ trong trường hợp bất kỳ

2. Đẩy chân phải lên bàn đạp phanh, gạt cần số đến **[D]**. Chọn **[R]** khi lùi xe.
3. Khi nhấn phanh đỗ, nhả bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga.
 - Đảm bảo đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (đỏ) đã tắt.

■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc giữ phanh luôn bám giúp xe không bị lăn xuống dốc khi bạn rời chân từ bàn đạp phanh sang ga.

Loại xe có hộp số số cấp

Gạt cần số đến **[D]** hoặc **[S]** khi lên dốc, hoặc **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số thường

Nhấn bàn đạp ly hợp, và sang số đến một trong các số tiến khi lên dốc, hoặc **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

►► Bắt Đầu Lái

Khi khởi động động cơ bằng nút  trên chìa khóa điều khiển từ xa*

Động cơ dừng khi gạt cần số ra khỏi vị trí **[P]** trước khi ấn nút **ENGINE START/STOP**. Thực hiện bước 1 khi bắt đầu lái.

►► Khởi Động Động Cơ

Bạn có thể nhả phanh đỗ bằng cách ấn công tắc phanh đỗ điện tử đồng thời nhấn bàn đạp phanh. Khi xuống dốc, nếu bạn nhả phanh đỗ bằng cách ấn công tắc phanh đỗ điện tử bằng tay thì sẽ làm cho xe khởi động trơn tru hơn so với việc bạn nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga.

►► Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khởi lên xuống khi dốc quá cao hoặc dừng đứng và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vận hành khi VSA tắt.

Lưu Ý Khi Lái

■ Khi có Sương mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe bạn nên bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, đi theo vạch ở giữa đường, chú ý quan sát hàng rào an toàn và đèn hậu của xe phía trước.

■ Khi có Gió Mạnh

Khi đang lái xe nếu gió thổi mạnh, hãy giữ chặt tay lái. Từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cẩn thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông hay lái xe qua khu vực khai thác đá hoặc khi có một xe tải lớn đi qua.

■ Khi Trời Mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh, và lái xe đột ngột, nên cẩn thận hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường có nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước. Việc này có thể làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền động, gây hỏng các thiết bị điện tử.

☒ Lưu Ý Khi Lái

LƯU Ý: Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe chỗ nước sâu sẽ làm hỏng động cơ, hỏng các thiết bị điện tử và xe sẽ bị xuống cấp.

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Không gạt cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga. Nếu không bạn sẽ làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc xoay và giữ vô lăng sang phải hoặc trái một lúc, hệ thống lái trợ lực điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế vận hành. Sẽ càng khó khăn hơn khi vận hành vô lăng. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ được khôi phục.

Liên tục vận hành xe trong điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

■ Các Lưu Ý Khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu phía dưới xe.

Hộp Số Vô Cấp*

■ Chuyển động từ từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao thì xe sẽ tự chuyển động từ từ. Nhấn bàn đạp phanh chắc chắn khi dừng.

■ Nhảy về số

Nhấn bàn đạp ga nhanh trong khi lái xe lên dốc có thể làm xe nhảy về số thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Hãy nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái ở đường trơn và vòng cua.

Lái Xe

» Lưu Ý Khi Lái Xe

Nếu xoay khóa điện đến PHỤ KIỆN [I]*¹ trong khi lái, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ bị dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không để cần số ở [N], vì bạn sẽ làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Khi lái ở 1.000 km đầu tiên, tránh tăng ga đột ngột hoặc vận hành bướm ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền động.

Tránh phanh gấp trong 300 km đầu tiên. Bạn cũng nên thực hiện điều này khi thay các má phanh.

» Khi Trời mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe trên đường ngập đầy nước với tốc độ quá cao, nước dưới mặt đường sẽ bắn lên lớp xe. Nếu việc này xảy ra, sẽ không thể lái xe và phanh theo ý muốn.

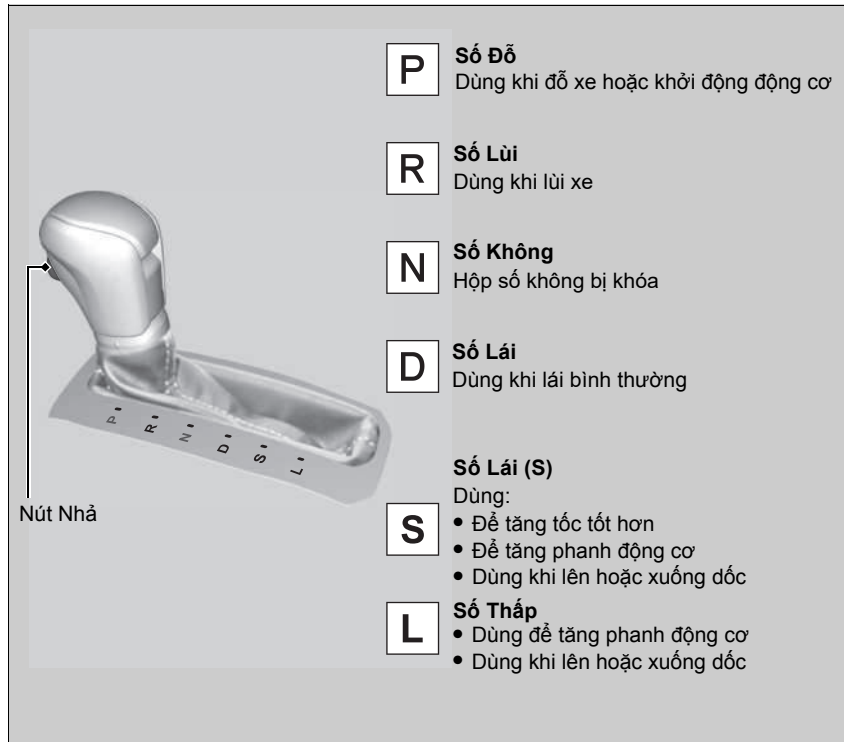
Từ từ giảm tốc khi bạn lùi số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột có thể khiến lốp bị trượt.

Hộp số vô cấp có 6 vị trí

Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Các vị trí cần số



Còn nữa

►► Sang Số

Bạn không thể xoay khóa điện đến KHÓA [0]*¹ và rút chìa khóa ra trừ khi cần số ở [P].

Xe có thể di chuyển nhẹ về phía trước khi ở [N] trong khi động cơ đã nguội. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh, khi cần, kéo phanh đỗ.

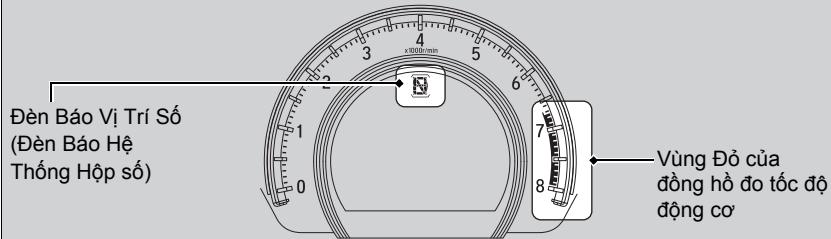
Khi các vị trí số ở nhiệt độ quá thấp (-30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí sang số được hiển thị. Luôn xác nhận bạn ở vị trí sang số đúng trước khi lái.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

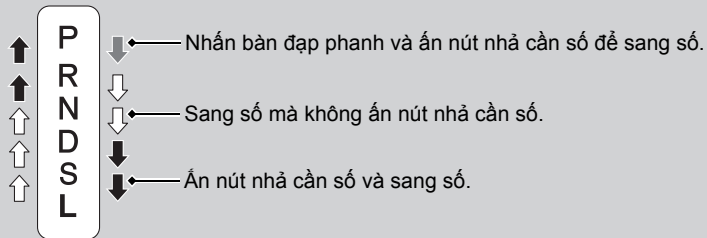
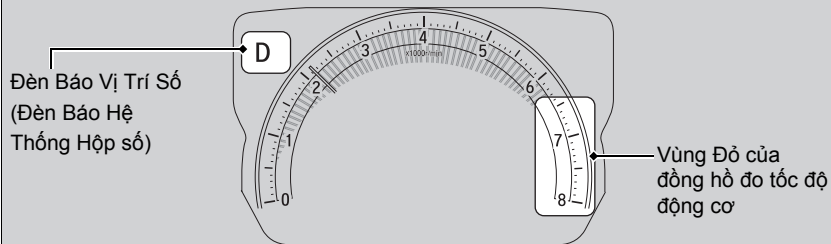
Lái Xe

▼ Vận Hành Cần Số

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái



►► Vận Hành Cần Số

CHÚ Ý

Khi bạn gạt cần số từ **D** sang **R** và ngược lại, dừng xe hoàn toàn và tiếp tục nhấn bàn đạp phanh.

Vận hành sang số trước khi xe dừng hoàn toàn có thể làm hỏng hộp số.

Nhìn đèn báo vị trí số để kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo cần số.

Nếu hệ thống đèn báo hộp số nhấp nháy khi lái xe ở bất cứ vị trí số nào, hộp số đang gặp sự cố.

Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể thấy rung nhẹ.

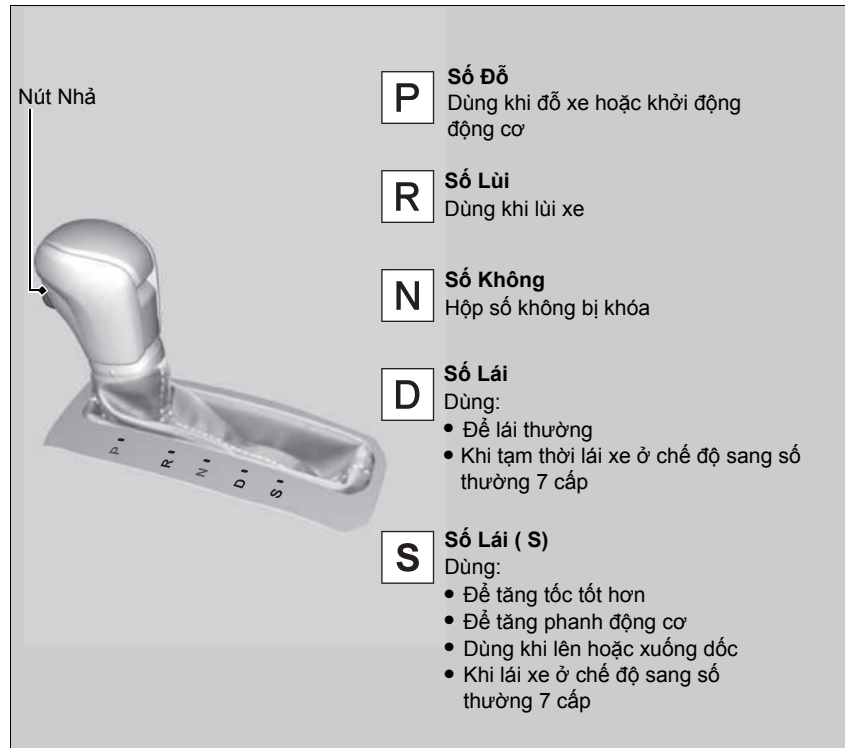
Cần số có thể không vận hành nếu đang nhấn bàn đạp phanh đồng thời ấn nút nhà cần số. Hãy nhấn bàn đạp phanh trước.

Loại hộp số vô cấp có 5 vị trí

Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Các vị trí cần số



Còn nữa

►► Sang số

Bạn không thể xoay khoá điện đến KHÓA [0]*1 và rút chìa khoá ra trừ khi cần số ở [P].

Xe có thể di chuyển nhẹ ngay cả khi ở [N] trong khi động cơ đã nguội.

Nhấn bàn đạp phanh chắc chắn, nếu cần thiết, kéo phanh đỗ.

Khi các vị trí số ở nhiệt độ quá thấp (-30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí sang số được hiển thị. Luôn xác nhận bạn ở vị trí sang số đúng trước khi lái.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

Lái Xe

▼ Vận Hành Cần Số

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Đèn Báo Vị Trí Cần Số (Đèn báo Hệ thống Hộp số)

Đèn Báo M (Chế Độ Sang Số Tự)/Đèn Báo Vị Trí Số

Vùng Đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Đèn Báo Vị Trí Cần Số (Đèn báo Hệ thống Hộp số)

Đèn Báo M (Chế Độ Sang Số Tự)/Đèn Báo Vị Trí Số

Vùng Đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ

↑
P
 ↑
R
 ↑
N
 ↑
D
 ↑
S

↙ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhà cần số để sang số.

↘ Sang số mà không ấn nút nhà cần số.

↙ Ấn nút nhà cần số và sang số.

► Vận Hành Cần Số

CHÚ Ý

Khi bạn gạt cần số từ **D** sang **R** và ngược lại, dừng xe hoàn toàn và tiếp tục nhấn bàn đạp phanh.
 Vận hành cần số trước khi xe dừng hoàn toàn có thể làm hỏng hộp số.

Nhìn vào đèn báo vị trí cần số để kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo hộp số nhấp nháy khi lái xe, ở bất cứ vị trí nào, hộp số đang gặp sự cố.
 Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe khi tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh đồng thời ấn nút nhà cần số.
 Hãy nhấn bàn đạp phanh trước.

■ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Dùng lẫy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp nếu bạn kéo cần số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

■ Khi cần số ở **D**:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp và số cấp sẽ được hiển thị trên đèn báo sang số.

Chế độ sang số thường 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ cố định hoặc tăng tốc và số cấp trên đèn báo sang số sẽ tắt.

Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lẫy sang số **+** trong vài giây.

Chế độ sang số thường 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

■ Khi cần số ở **S**:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp. Đèn báo **M** và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo sang số. Khi tốc độ xe giảm, hộp số sẽ tự động giảm số theo. Khi xe chuẩn bị dừng, nó sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe giảm và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Bạn chỉ có thể kéo lẫy khi ở số 1.

Nếu muốn hủy chế độ sang số thường 7 cấp, gạt cần số từ **S** sang **D**. Khi chế độ sang số thường 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo sang số sẽ tắt.

►►Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Ở chế độ sang số thường 7 cấp, hộp số tăng hoặc giảm theo vận hành của lẫy sang số trong những điều kiện sau:

Tăng Số: Tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí cấp cao hơn.

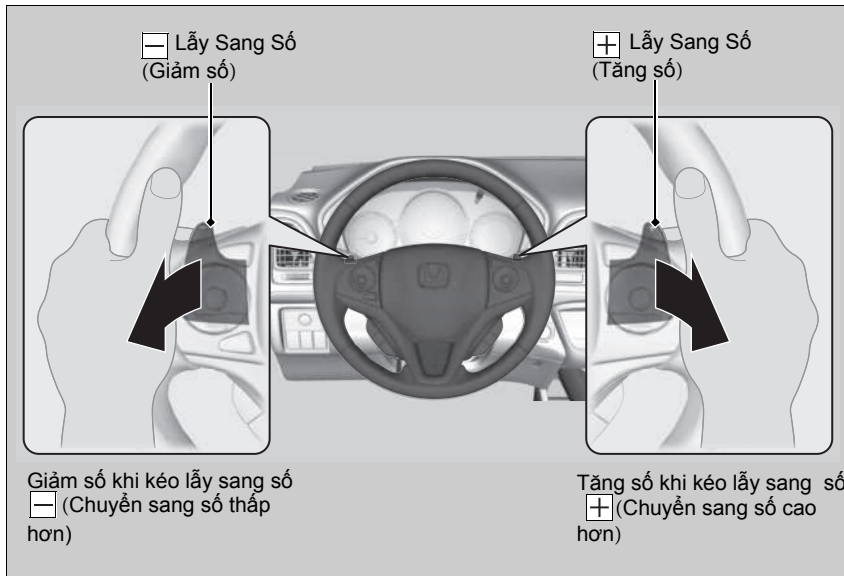
Giảm Số: Tốc độ động cơ đạt ngưỡng cao nhất của vị trí cấp thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí cấp đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành lẫy sang số trên bề mặt trượt có thể làm lớp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số thường 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường **D**.

■ Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp



▣ Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Mỗi vận hành lấy sang số sẽ tạo một thay đổi một cấp tốc độ.

Để thay đổi liên tục, nhả lấy sang số trước khi kéo lại để sang cấp tốc độ tiếp theo.

Đèn báo sang số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Nó thông báo cho bạn biết tốc độ xe của bạn không nằm trong phạm vi cho phép sang số.

Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

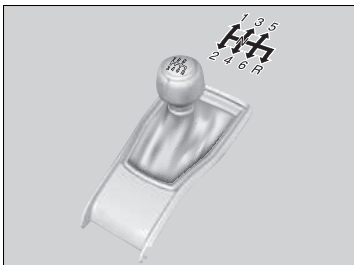
Loại xe có hộp số thường

Sang Số

Vận Hành Cần Số

Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để vận hành cần số và thay đổi số, sau đó nhả từ từ bàn đạp.

Nhấn bàn đạp ly hợp và dừng trong vài giây trước khi sang số đến **R**, hoặc sang số đến số tiến. Điều này giúp bánh răng không "cọ sát" vào nhau.



Khi không sang số, không đặt chân lên bàn đạp ly hợp. Nếu không sẽ làm ly hợp mòn nhanh hơn.

►►Sang Số

CHÚ Ý

Không sang số đến **R** trước khi xe dừng hoàn toàn.

Sang số đến **R** trước khi dừng xe có thể làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

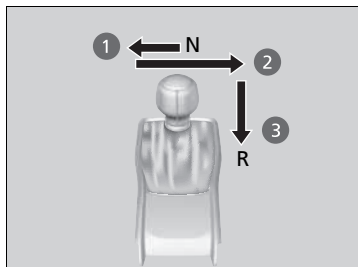
Trước khi giảm số, đảm bảo tốc độ động cơ không ở vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ. Nếu không sẽ làm hỏng động cơ nghiêm trọng.

Nếu chạy xe quá tốc độ tối đa của số hiện tại, tốc độ động cơ sẽ ở vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ. Nếu điều này xảy ra, bạn có thể thấy rung nhẹ.

■ Khóa Đảo Chiều

Hộp số thường có cơ chế khóa giúp bạn không sang số đột ngột từ số tiến sang **R** khi xe đang chạy ở một tốc độ nhất định.

Nếu bạn không thể sang số đến **R** khi xe dừng lại, hãy thực hiện các bước sau:

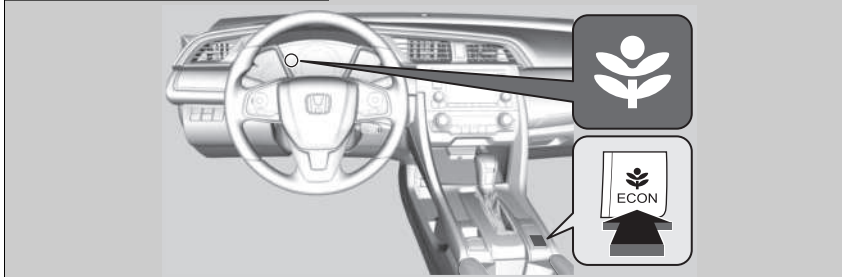


1. Nhấn bàn đạp ly hợp, gạt cần số hết cỡ sang trái và đến **R**.
2. Nếu bạn vẫn không thể sang số đến **R**, hãy nhấn phanh đỗ và xoay khóa điện đến PHỤ KIỆN **1** hoặc KHÓA **0**.
3. Nhấn bàn đạp ly hợp và sang số đến **R**.
4. Tiếp tục nhấn bàn đạp ly hợp và khởi động động cơ.

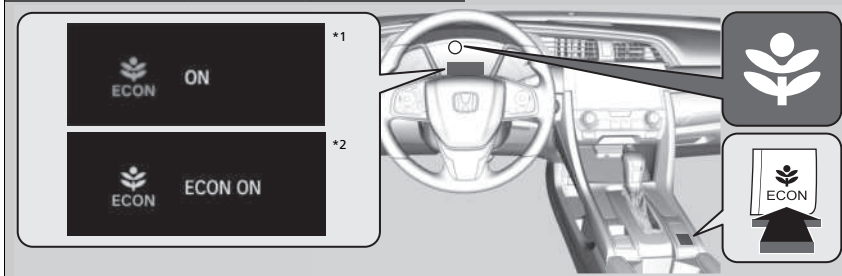
Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra nếu bạn phải thực hiện quy trình trên nhiều lần.

Chế Độ ECON

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái



Nút **ECON** bật và tắt chế độ ECO.

Chế độ ECON giúp tăng hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu bằng cách điều chỉnh hiệu suất của động cơ, hộp số, hệ thống điều khiển khí hậu và điều khiển chế độ chạy ổn định*.

*1: Loại xe Châu Phi

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Chế Độ ECON

Trong khi ở chế độ ECON, hệ thống điều khiển khí hậu sẽ dao động nhiệt độ lớn hơn.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*

Loại xe không có Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh

Duy trì tốc độ xe ổn định mà không để chân lên bàn đạp ga. Sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định trên đường cao tốc hoặc đường thoáng bởi khi đó bạn có thể lái với tốc độ ổn định mà ít khi phải tăng hay giảm tốc.

Thời điểm sử dụng

- Tốc độ xe phù hợp để vận hành tính năng điều khiển chế độ chạy ổn định: Tốc độ mong muốn ở mức trên 40 km/h ~

Loại xe có hộp số vô cấp

- Các vị trí số cho điều khiển chế độ chạy ổn định: **[D]** hoặc **[S]**

Luôn giữ một khoảng cách an toàn giữa xe bạn và xe phía trước.

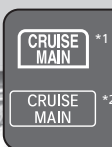


Lái Xe

Cách sử dụng

CRUISE MAIN sáng trên bảng điều khiển.
Điều khiển chế độ chạy ổn định sẵn sàng.

- Ấn nút **CRUISE** trên vô lăng.



*1: Loại xe có màn hình thông tin

*2: Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

►► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định không hợp lý có thể dẫn đến va chạm. Chỉ sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định khi lái xe ở đường cao tốc thoáng trong thời tiết tốt.

Không thể duy trì một tốc độ ổn định khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc.

Loại xe có hộp số thường

Khi giảm tốc độ động cơ, hãy giảm số. Bạn có thể duy trì tốc độ đã cài đặt nếu bạn chuyển số trong vòng năm giây.

Khi không sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định:
Tắt điều khiển chế độ chạy ổn định bằng cách ấn nút **CRUISE**.

Có thể phải mất thêm vài lần tăng tốc để duy trì tốc độ thiết lập trong chế độ ECON.

■ Thiết Lập Tốc Độ Xe



Thả chân ra khỏi bàn đạp ga và ấn nút **-/SET** khi bạn đạt tốc độ mong muốn.

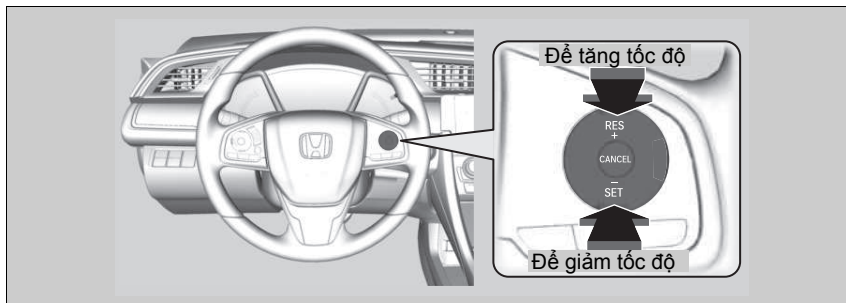
Khi bạn nhả nút **-/SET**, tốc độ thiết lập được cố định và điều khiển chế độ chạy ổn định bắt đầu. Đèn báo **CRUISE CONTROL** sáng.

Khi ở điều khiển chế độ chạy ổn định, Hỗ Trợ Lái Thẳng (một tính năng của Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện) được kích hoạt.

Bằng cách kích hoạt hệ thống lái để tự động cân bằng lực lái tự nhiên, Hỗ Trợ Lái Thẳng giúp bạn dễ dàng giữ xe trên một đường thẳng.

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Tăng hoặc giảm tốc độ xe bằng việc sử dụng các nút **RES/+** hoặc nút **-/SET** trên vô lăng.



- Mỗi lần bạn ấn nút, tốc độ của xe sẽ được tăng hoặc giảm khoảng 1,6 km/h.
- Nếu bạn tiếp tục ấn nút, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm cho đến khi bạn nhả nút. Sau đó tốc độ được thiết lập.

► Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Bạn có thể cài đặt tốc độ xe bằng nút **-/SET** trên vô lăng khi điều chỉnh tốc độ bằng bàn đạp ga và phanh.

► Hủy

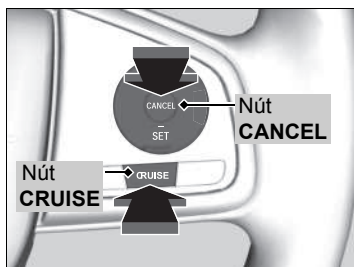
Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó:
Sau khi hủy điều khiển chế độ chạy ổn định, bạn vẫn có thể khôi phục tốc độ thiết lập trước đó bằng cách ấn nút **RES/+** trong khi lái xe ở tốc độ ít nhất là 40 km/h trở lên.

Bạn không thể thiết lập hoặc khôi phục lại trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ xe dưới 40 km/h
- Khi tắt nút **CRUISE**

Ở tốc độ xe 35 km/h trở xuống, điều khiển chế độ chạy ổn định có thể tự động hủy.

■ Hủy Chế Độ



Để hủy điều khiển chế độ chạy ổn định, thực hiện như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút **CRUISE**.
- Nhấn bàn đạp phanh.
- Nhấn bàn đạp ly hợp.

Đèn báo **CRUISE CONTROL** tắt.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*

Loại xe có Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh

Duy trì tốc độ xe ổn định mà không phải giữ chân trên bàn đạp ga. Sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định trên đường cao tốc hoặc đường thoáng bởi khi đó bạn có thể lái xe với tốc độ ổn định mà ít khi phải tăng hay giảm tốc.

Thời điểm sử dụng

- Tốc độ xe cho điều khiển chế độ chạy ổn định:

Tốc độ mong muốn nằm trong phạm vi từ khoảng 30km/h đến khoảng 200 km/h

- Các vị trí số cho điều khiển chế độ chạy ổn định:

Ở **D** hoặc **S**

Luôn giữ một khoảng cách an toàn giữa xe bạn và xe phía trước

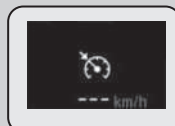


Cách sử dụng

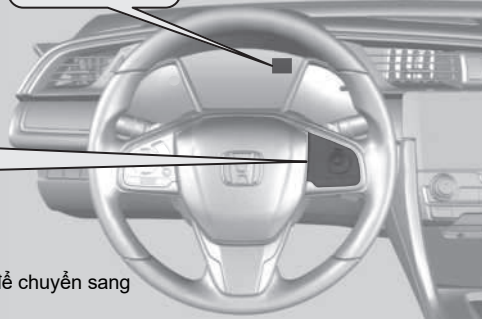
- Ấn nút **MAIN** trên vô lăng



Nếu có đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM** để chuyển sang điều khiển chế độ chạy ổn định.



Đèn Báo sáng trên bảng điều khiển.
Điều khiển chế độ chạy ổn định sẵn sàng.



►► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định*

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định không hợp lý có thể dẫn đến va chạm.

Sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định khi lái ở đường cao tốc thoáng trong thời tiết tốt.

Không thể duy trì một tốc độ ổn định khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc.

Khi không sử dụng điều khiển chế độ chạy ổn định:

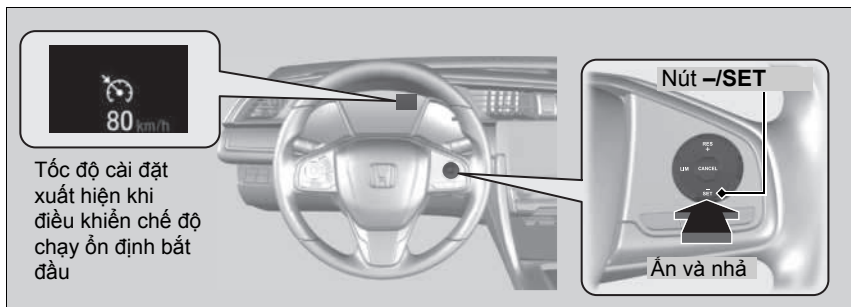
Tắt điều khiển chế độ chạy ổn định bằng cách ấn nút **MAIN**.

Khi ở chế độ **ECON**, có thể phải mất thêm thời gian tăng tốc để duy trì tốc độ thiết lập.

Bạn không thể dùng điều khiển chế độ chạy ổn định và bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh cùng một lúc.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Cài Đặt Tốc Độ Xe

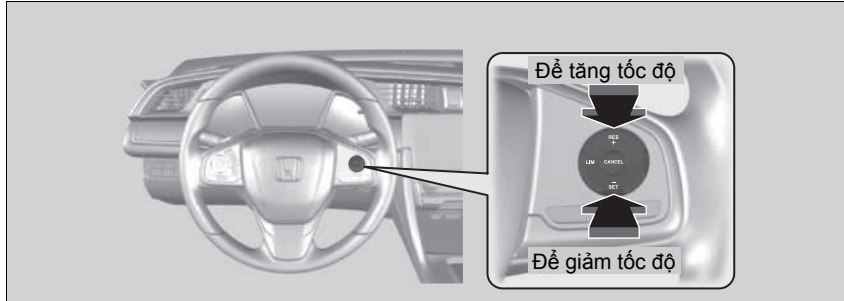


Thả chân ra khỏi bàn đạp ga và ấn nút **-/SET** khi bạn đạt tốc độ mong muốn.

Thời điểm bạn nhả nút **-/SET**, tốc độ cài đặt được cố định, và điều khiển chế độ chạy ổn định khởi động. Tốc độ cài đặt được hiển thị.

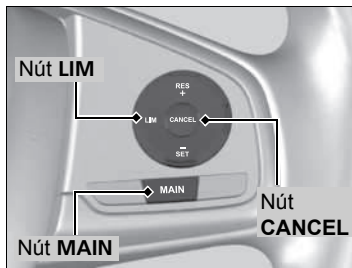
■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Tăng hoặc giảm tốc độ xe bằng cách sử dụng các nút **RES/+** hoặc nút **-/SET** trên vô lăng.



- Mỗi lần bạn ấn nút, tốc độ của xe sẽ được tăng hoặc giảm khoảng 1 km/h.
- Nếu bạn giữ nút đã ấn, tốc độ xe tăng hoặc giảm khoảng 10 km/h.

■ Hủy Chế Độ



Để hủy điều khiển chế độ chạy ổn định, thực hiện như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút **CRUISE**.
- Ấn nút **LIM**.
- Nhấn bàn đạp phanh.

Tốc độ cài đặt đang hiển thị sẽ tắt.

►► Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Bạn có thể cài đặt tốc độ xe bằng nút **-/SET** trên vô lăng khi điều chỉnh tốc độ bằng các bàn đạp ga và phanh.

►► Hủy

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó:

Sau khi hủy điều khiển chế độ chạy ổn định, bạn vẫn có thể khôi phục lại tốc độ cài đặt trước đó bằng cách ấn nút **RES/+** trong khi lái xe ở tốc độ ít nhất là 30 km/h trở lên.

Bạn không thể cài đặt hoặc khôi phục lại trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ xe dưới 30 km/h
- Khi tắt nút **MAIN**

Ở tốc độ xe 25 km/h trở xuống, điều khiển chế độ chạy ổn định có thể tự động hủy.

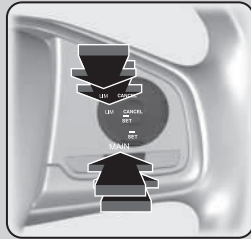
BỘ GIỚI HẠN TỐC ĐỘ CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH*

Hệ thống này cho phép bạn cài đặt một tốc độ tối đa không thể vượt quá ngay cả khi bạn nhấn bàn đạp ga.

Có thể cài đặt giới hạn tốc độ xe trong khoảng từ 30 km/h đến 250 km/h.

Cách sử dụng

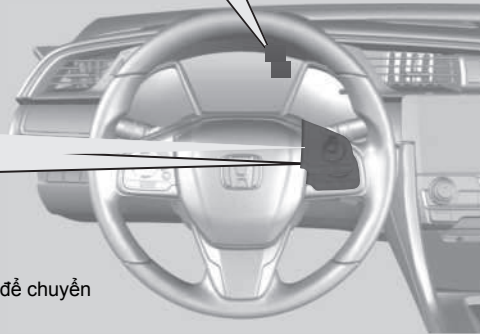
■ Ấn nút **MAIN** trên vô lăng



Nếu có đèn báo khác sáng, ấn nút **LIM** để chuyển sang giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh.



Đèn Báo sáng trên bảng điều khiển
Bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẵn sàng để sử dụng.



⚠ Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh*

⚠ CẢNH BÁO

Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh cũng có hạn chế nên bạn phải luôn chủ động điều chỉnh tốc độ xe theo giới hạn tốc độ thực tế, và vận hành xe an toàn.

⚠ CẢNH BÁO

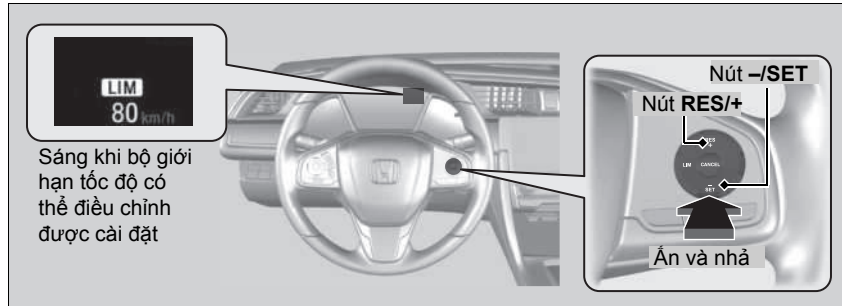
Không nhấn bàn đạp ga quá mức cần thiết. Duy trì vị trí bàn đạp ga tùy thuộc vào tốc độ xe.

Bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh không thể giữ tốc độ cài đặt giới hạn khi đang lái xuống dốc. Nếu việc này xảy ra, giảm tốc độ bằng cách nhấn bàn đạp phanh.

Khi không sử dụng bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh:
Tắt bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh bằng cách ấn nút **MAIN**.

Bạn không thể dùng bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh và điều khiển chế độ chạy ổn định*/ Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có LSF* cùng một lúc.

■ Cài Đặt Tốc Độ Xe



- Thả chân ra khỏi bàn đạp ga và ấn nút **-/SET** khi bạn đạt tốc độ mong muốn. Thời điểm bạn nhả nút **-/SET**, tốc độ giới hạn được cố định, và bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh được cài đặt. Tốc độ giới hạn được hiển thị.
- Bạn có thể cài đặt giới hạn tốc độ cài đặt trước đó nếu ấn nút **RES/+**.

▣ Cài Đặt Tốc Độ Xe

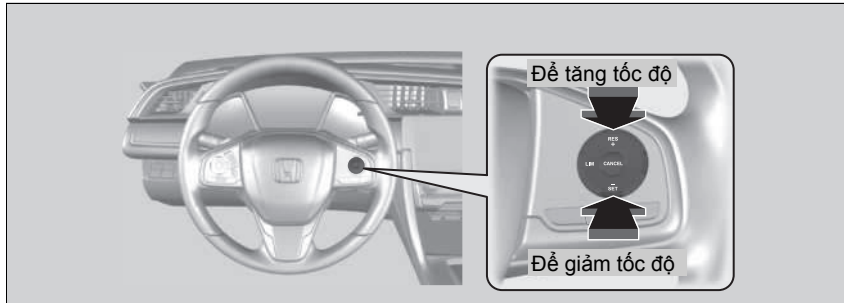
Nếu bạn cài đặt giới hạn tốc độ khi lái xe với tốc độ dưới 30 km/h, giới hạn tốc độ được cài đặt đến 30km/h.

Tiếng bíp vang lên và giới hạn tốc độ đang hiển thị sẽ nhấp nháy nếu tốc độ xe vượt quá giới hạn 3km/h trở lên trên dốc đứng.

Bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh có thể được cài đặt đến tốc độ hiện tại nếu nó cao hơn giới hạn tốc độ cài đặt trước đó khi bạn ấn nút **RES/+**.

■ Điều Chỉnh Giới Hạn Tốc Độ

Dùng nút **RES/+** hoặc **-/SET** trên vô lăng để tăng hoặc giảm giới hạn tốc độ.



- Mỗi lần bạn ấn nút, giới hạn tốc độ có thể tăng hoặc giảm 1 km/h.
- Nếu bạn ấn giữ nút, giới hạn tốc độ có thể tăng hoặc giảm theo mức 10 km/h mỗi 0.5 giây đến khi đạt đến giới hạn hệ thống.
- Tốc độ có thể tăng hoặc giảm đến khi đạt được tốc độ cài đặt.

■ Vượt Quá Giới Hạn Tốc Độ Tạm Thời

Giới hạn tốc độ có thể bị vượt quá nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

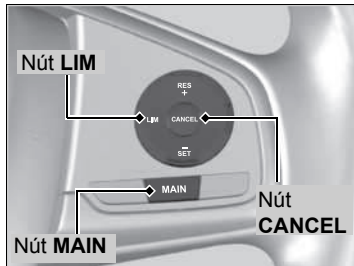
- Đèn báo giới hạn tốc độ sẽ nhấp nháy.
- Tiếng bíp vang lên khi giới hạn tốc độ bị vượt quá.

► Vượt Quá Giới Hạn Tốc Độ Tạm Thời

Tiếng bíp vang lên khi tốc độ xe cao hơn giới hạn tốc độ xe đã cài đặt bằng cách nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẽ hoạt động trở lại khi tốc độ xe trở lại mức thấp hơn giới hạn tốc độ đã cài đặt.

Hủy Chế Độ



Để hủy bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh, thực hiện như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút **MAIN**.
- Ấn nút **LIM**.

»Hủy

Bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẽ chuyển sang điều khiển chế độ chạy ổn định*/Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)* nếu nút **LIM** được ấn.



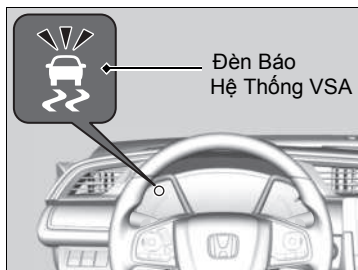
Nếu có sự cố với hệ thống mà bạn đang sử dụng bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh, tiếng bip vang lên và đèn báo **OFF** sáng. Bộ giới hạn tốc độ có thể điều chỉnh sẽ tắt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi rẽ nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. Nó cũng hỗ trợ trong việc duy trì lực bám trên các bề mặt trơn. Hệ thống này có thể thực hiện như vậy bằng cách điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

■ Vận Hành VSA



Khi VSA kích hoạt, bạn phải chú ý rằng động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy âm thanh từ hệ thống thủy lực. Bạn cũng sẽ thấy đèn báo nhấp nháy.

►► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA có thể không thực hiện đúng chức năng nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích thước và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức tiêu chuẩn.

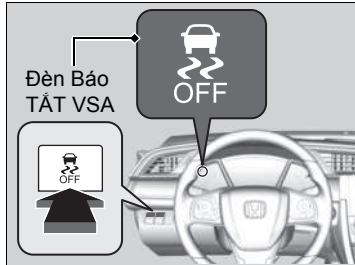
Nếu đèn báo hệ thống VSA sáng lên và tiếp tục sáng trong khi lái thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái thông thường, nhưng bạn vẫn nên đưa xe đến đại lý kiểm tra ngay.

VSA không thể nâng cao tính ổn định của xe trong mọi điều kiện và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và cua với tốc độ phù hợp ở mọi điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng chính của hệ thống VSA được hiểu chung là Điều Khiển Ổn Định Điện Tử (ESC). Hệ thống cũng có chức năng điều khiển lực kéo.


Trong một số điều kiện bất thường nhất định như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe có thể dễ dàng thoát ra hơn khi tạm thời tắt VSA.

■ Bật và Tắt VSA




Nút này ở trên bảng điều khiển phía người lái. Để vô hiệu hóa một phần chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

Xe của bạn sẽ có khả năng phanh và rẽ bình thường, nhưng khả năng bám đường sẽ giảm.

Để khôi phục một phần chức năng/tính năng của VSA, ấn nút  (tắt VSA) cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

VSA được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, cho dù nếu bạn đã tắt nó vào lần lái xe gần đây nhất.

▣ Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

Khi nút  được ấn, khả năng bám đường sẽ giảm. Điều này cho phép bánh xe quay tự do hơn với tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo VSA đã được bật lại. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)*, Cảnh Báo Chệch Làn Đường*, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)*, có thể sáng lên cùng với thông báo hiển thị trên Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái* sau khi nối lại ắc quy. Hãy lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo cần phải tắt. Nếu đèn không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

Nếu cần, hãy phanh nhẹ bánh trước khi bạn xoay vô lăng, điều này sẽ giúp hỗ trợ ổn định và vận hành xe trong khi rẽ.

►► Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

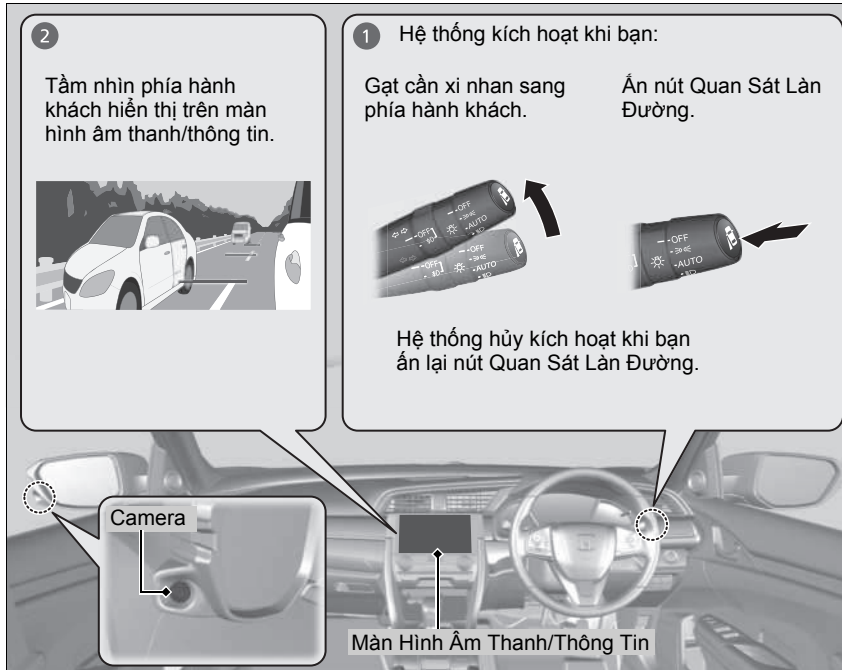
Chức năng hỗ trợ xử lý nhanh không thể nâng cao tính ổn định của xe trong mọi điều kiện lái. Bạn vẫn cần lái và rẽ với tốc độ phù hợp trong mọi điều kiện và luôn giữ khoảng cách đủ an toàn.

Khi đèn báo hệ thống VSA bật và tiếp tục sáng trong khi lái, chức năng hỗ trợ xử lý nhanh sẽ không hoạt động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh từ khoang động cơ khi chức năng hỗ trợ xử lý nhanh được kích hoạt. Điều này là bình thường.

Quan Sát Làn Đường*

Quan Sát Làn đường là hệ thống hỗ trợ giúp bạn kiểm tra khu vực sau phía hành khách được hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin khi gạt cần xi nhan sang phía hành khách. Camera trong gương cửa hành khách sẽ theo dõi khu vực này và giúp bạn kiểm tra được xe, đồng thời kiểm tra bằng hình ảnh và sử dụng gương cửa hành khách. Bạn cũng có thể bật hệ thống để thuận tiện trong khi lái xe.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

☒Quan Sát Làn Đường*

⚠CẢNH BÁO

Nếu trước khi chuyển làn đường mà bạn không thể xác nhận bằng trực quan về mức độ an toàn của việc chuyển làn đường đó thì rất dễ xảy ra va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Không nên quá phụ thuộc vào hệ thống Quan sát Làn Đường khi lái xe.

Luôn luôn nhìn vào gương ở một trong hai bên xe và đằng sau bạn để quan sát các xe khác trước khi chuyển làn đường.

⚠Nhắc Nhở An Toàn Quan Trọng

Như các hệ thống hỗ trợ khác, Quan sát Làn Đường cũng có hạn chế. Nếu bạn quá phụ thuộc vào Quan sát Làn Đường có thể dẫn đến va chạm.

Chức năng của Quan sát Làn Đường có thể bị ảnh hưởng bởi thời tiết, ánh sáng (gồm đèn chiếu sáng và góc mặt trời thấp), độ tối xung quanh xe, tình trạng camera, và tình trạng tải của xe.

Quan sát Làn Đường không thể cung cấp hình ảnh về tình trạng giao thông ở bên cạnh và phía sau xe trong các trường hợp sau:

- Hệ thống treo của xe bạn bị thay đổi, làm thay đổi độ cao của xe.
- Lốp xe quá căng hoặc quá non.
- Lốp xe hoặc bánh xe khác nhau về kích thước và cấu tạo.

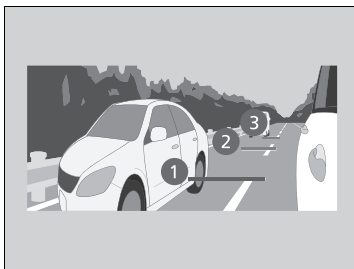
■ Tùy chọn cài đặt Quan Sát Làn Đường*

Bạn có thể tùy chọn các mục sau bằng cách sử dụng màn hình âm thanh/thông tin.

- **Show with Turn Signal:** Chọn hiển thị hoặc không hiển thị màn hình Quan Sát Làn Đường khi vận hành cần xi nhan.
- **Display Time after Turn Signal Off:** Thay đổi độ dài thời gian màn hình Quan Sát Làn Đường sáng sau khi bạn kéo cần xi nhan về phía sau.
- **Reference Line:** Chọn hiển thị hoặc không hiển thị vạch khoảng cách trên màn hình Quan Sát Làn Đường.
- **Display:** Cho phép điều chỉnh hiển thị các mục như độ sáng, độ tương phản và độ đen. Cài đặt này là một phần của nhóm cài đặt **Hệ Thống**.

📺 **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 353

■ Các Vạch Khoảng Cách



Ba vạch kẻ xuất hiện trên màn hình có thể đưa ra nhận định về khoảng cách tương ứng từ xe của bạn đến xe khác hoặc đến vật thể. Nếu vật thể ở gần vạch 1 (màu đỏ), tức là vật thể đó ở gần xe của bạn trong khi nếu vật thể ở vạch kẻ thứ 3 thì có nghĩa nó cách xa xe bạn.

►► Quan Sát Làn Đường*

Tầm quan sát của camera Quan Sát Làn Đường rất hạn chế. Thấu kính của nó làm cho vật thể trông khác hơn một chút so với thực tế.

Màn hình Quan Sát Làn Đường không sáng khi cần số ở [R].

Để hệ thống Quan sát Làn đường hoạt động tốt:

- Hãy đặt camera trong gương cửa phía hành khách. Luôn giữ cho camera sạch sẽ. Nếu thấu kính camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính.
- Không che phủ thấu kính camera bằng bất kỳ loại nhãn dán hoặc tấm dính nào.
- Không chạm vào thấu kính camera.

►► Các Vạch Khoảng Cách

Khu vực xung quanh vạch 1 (màu đỏ) rất gần xe của bạn. Phải đảm bảo xác nhận mức độ an toàn khi thay đổi làn đường bằng cách quan sát trước khi chuyển làn.

Khoảng cách giữa xe của bạn và các vạch 1,2,3 trên màn hình phụ thuộc vào điều kiện đường xá và tải trọng của xe. Ví dụ, vạch khoảng cách trên màn hình có thể hiện ra gần hơn khoảng cách thực tế khi phía sau xe của bạn đang tải nặng.

Liên hệ với đại lý nếu:

- Gương cửa bên người lái, hoặc khu vực xung quanh bị tác động mạnh dẫn đến thay đổi góc camera.
- Màn hình Quan Sát Làn Đường không hoạt động.

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống cảnh báo xẹp lốp trên xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hay nhiều lốp bị non hơi. Điều này sẽ làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

► **Kiểm Tra Lốp Xe** Tr. 595

Đảm bảo:

- Xe dừng hoàn toàn.
- Xe ở số **P**.
- Khóa điện ở **BẬT** **II***1.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và có thể làm cho đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng.

Kiểm tra áp suất lốp và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm, lốp sẽ trở nên bị non khi thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh, lốp sẽ trở nên quá căng khi thời tiết ẩm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp có thể không thực hiện đúng chức năng nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích thước và chủng loại.

► **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp Xe** Tr. 595

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng chậm hoặc không sáng chút nào khi:

- Bạn tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng đột ngột.
- Bạn lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp có thể sáng trong những điều kiện sau:

- Sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ.
- Có một lốp phải tải nặng hơn hoặc các lốp tải không đều như khi kéo rơ-móc so với điều kiện hiệu chỉnh.
- Sử dụng xích bọc lốp.



Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng tính năng tùy chọn trên màn hình âm thanh/thông tin.

1. Xoay khóa điện đến BẬT [II]*1.
2. Ấn nút [Home].
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Vehicle**.
5. Chọn **Deflation Warning System**
6. Chọn **Cancel** hoặc **Initialise**.

- Nếu thông báo **Failed** xuất hiện, lặp lại bước 4-5.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

►► Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

- Có thể không hiệu chỉnh được Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp nếu lắp lốp dự phòng loại nhỏ.
- Quy trình hiệu chỉnh phải mất xấp xỉ 30 phút tính theo thời gian lái xe với tốc độ từ 48 -105 km/h.
- Trong khoảng thời gian này, nếu khoá điện được bật và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, bạn có thể thấy đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng trong một thời gian ngắn. Điều này là bình thường và thể hiện rằng quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.

Nếu sử dụng xích bọc lốp, tháo chúng ra trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng ngay cả khi đã lắp lốp được bơm đúng chỉ định, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp cùng nhãn hiệu, cùng chủng loại và cùng kích thước với lốp ban đầu. Liên hệ với đại lý để biết chi tiết.

►► Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)*, Cảnh Báo Chệch Làn Đường*, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, và Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)* có thể sáng lên cùng với thông báo hiển thị trên Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái sau khi nối lại ắc quy.

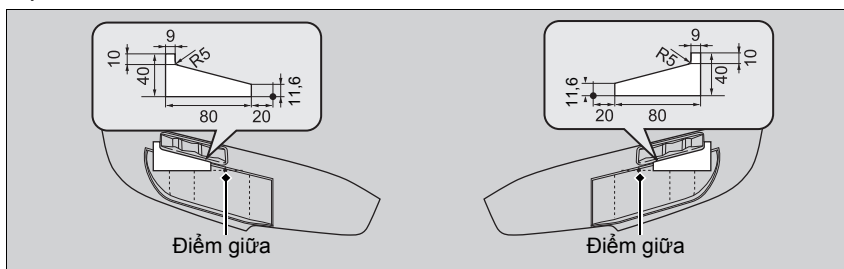
Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ hơn 20 km/h. Đèn báo cần phải tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Điều Chỉnh Phân Bố Ánh Sáng Đèn

Lái loại xe có vô lăng bên phải ở bên phải đường, hay lái loại xe có vô lăng bên trái ở bên trái đường sẽ khiến đèn chiếu sáng làm chói xe đang đến gần. Bạn cần thay đổi phân bố ánh sáng đèn chiếu xa bằng cách sử dụng băng dính bề mặt.



1. Chuẩn bị hai miếng băng dính hình chữ nhật, rộng 40 mm và dài 80 mm.
 - Sử dụng băng dính bề mặt có thể cản được ánh sáng, như loại keo dán nhựa không thấm nước.
2. Dán băng dính vào thấu kính như hình vẽ.

►► Điều Chỉnh Phân Bố Ánh Sáng Đèn

Cẩn thận không dán băng dính sai vị trí. Nếu ánh sáng đèn chiếu sáng được phân bố không đúng cách, nó có thể không phù hợp với yêu cầu về pháp lý của quốc gia mà bạn đang lái xe. Liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.

Honda Sensing*

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe có sử dụng hai loại cảm biến khác nhau, một cảm biến ra-đa nằm ở lưới tản nhiệt phía trước và một camera cảm biến phía trước được gắn phía bên trong của kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.

Honda Sensing có các chức năng sau.

■ Các tính năng không cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) 📄 Tr. 470
- Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường 📄 Tr. 504

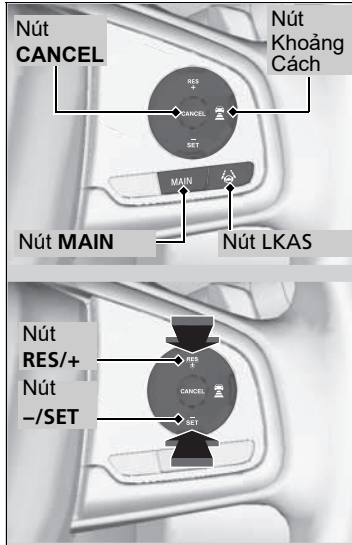
■ Các tính năng cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF) 📄 Tr. 481
- Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) 📄 Tr. 496

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

■ Vận hành các công tắc với ACC có LSF/LKAS



■ Nút MAIN

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho ACC có LSF và LKAS. Hoặc ấn để hủy những hệ thống này.

■ Nút LKAS


Ấn để kích hoạt hoặc hủy LKAS.

■ Nút RES/+/-/SET

Ấn **RES/+** để tiếp tục ACC có LSF hoặc tăng tốc độ xe.

Ấn **-/SET** để thiết lập ACC có LSF hoặc giảm tốc độ xe.

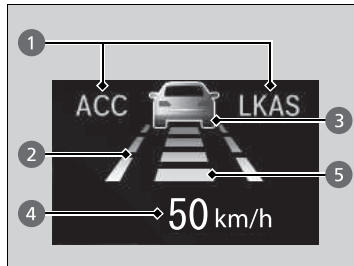
■ Nút Khoảng Cách

Ấn nút  (khoảng cách) để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC có LSF.

■ Nút CANCEL

Ấn để hủy tính năng ACC có LSF.

■ Nội Dung Hiển Thị Trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái



Bạn có thể thấy được trạng thái hiện tại của ACC có LSF và LKAS.

- 1 Cho biết ACC có LSF, và LKAS đã sẵn sàng để kích hoạt.
- 2 Cho biết LKAS đã được kích hoạt và các vạch báo làn đường có được phát hiện không.
- 3 Cho biết có phát hiện xe phía trước không.
- 4 Cho biết tốc độ xe.
- 5 Cho biết khoảng cách xe đã thiết lập.

Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Có thể hỗ trợ bạn khi xe bạn có nguy cơ va chạm với xe hoặc người đi bộ phía trước. CMBS được thiết kế để cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời giảm tốc độ xe giúp giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm trong trường hợp xác định được chắc chắn xảy ra va chạm.

☒ Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Nhắc Nhở An Toàn Quan Trọng

CMBS được thiết kế để giảm thương vong do va chạm không thể tránh khỏi. Nó không thể giúp xe tránh bị va chạm hay dừng xe tự động. Bạn cần vận hành bàn đạp phanh và vô lăng phù hợp với điều kiện lái.

CMBS không thể kích hoạt hay phát hiện xe phía trước trong các trường hợp nhất định:

☒ **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 475

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trang bị cho hệ thống này.

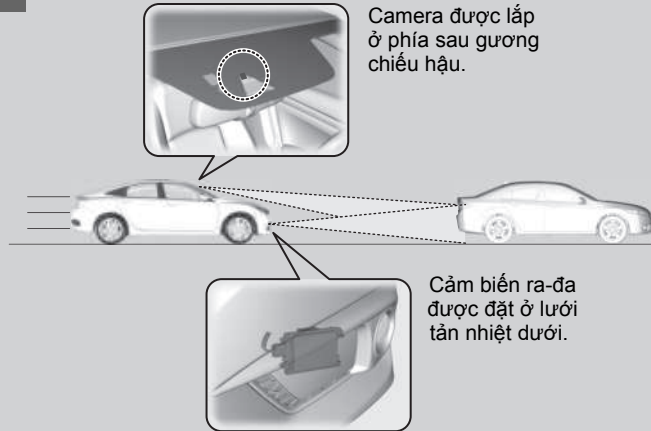
☒ **Cảm Biến Camera Trước** Tr. 509

Để biết chi tiết về cách xử lý đúng cảm biến radar, hãy tham khảo trang sau.

☒ **Cảm Biến Ra-đa** Tr. 511

■ Cách hoạt động của hệ thống

Khi sử dụng



Hệ thống bắt đầu giám sát đoạn đường phía trước khi tốc độ xe của bạn khoảng 5 km/h và có xe phía trước bạn.

CMBS kích hoạt khi:

- Phát hiện ra chênh lệch giữa tốc độ xe của bạn và xe hoặc người đi bộ phía trước khoảng từ 5km trở lên và có khả năng xảy ra va chạm.
- Tốc độ xe bạn khoảng 100 km/h trở xuống và hệ thống xác nhận có khả năng xảy ra va chạm với:
 - Xe phía trước khi xe đó không chuyển động, đang đến gần hoặc đi cùng chiều với xe của bạn.
 - Người đi bộ phía trước xe bạn.
- Tốc độ xe bạn trên 100 km/h và hệ thống xác định có thể xảy ra va chạm với xe phía trước đi cùng chiều với xe của bạn.

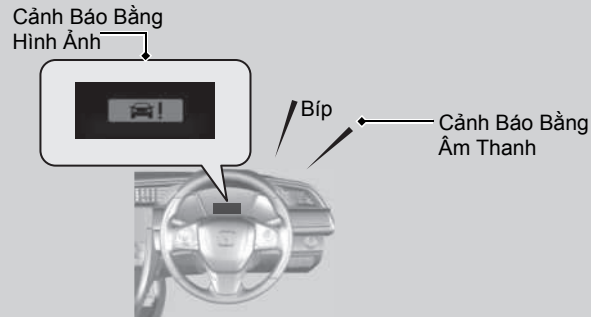
▶▶Cách hoạt động của hệ thống

Khi CMBS kích hoạt, nó sẽ tự động phanh. Nó sẽ bị huỷ khi xe bạn dừng hay không xác định được khả năng va chạm.

■ Khi hệ thống hoạt động

Hệ thống cung cấp cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh giúp nhận biết khả năng xảy ra va chạm và dừng lại nếu tránh được va chạm.

- Thực hiện hành động phù hợp để tránh va chạm (dùng phanh, chuyển làn đường, v.v).



Ở giai đoạn cảnh báo va chạm sớm nhất của hệ thống, bạn có thể thay đổi khoảng cách (**Xa, Trung bình, Gần**) giữa các xe để cảnh báo thông qua tùy chọn cài đặt màn hình âm thanh/thông tin.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 353

►► Khi hệ thống hoạt động

Camera được thiết kế ở CMBS để phát hiện người đi bộ.

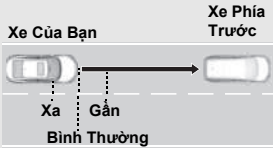
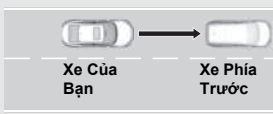

Tuy nhiên, tính năng phát hiện người đi bộ này không hoạt động hoặc không thể phát hiện ra người đi bộ phía trước xe của bạn ở các điều kiện nhất định.

Tham khảo thông tin về hạn chế phát hiện người đi bộ.

► **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 475

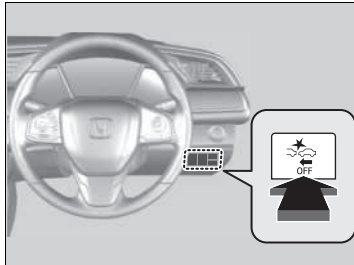
■ Giai Đoạn Cảnh Báo Va Chạm

Hệ thống có ba giai đoạn cảnh báo khả năng va chạm. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp, CMBS có thể không thực hiện tất cả các giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn cuối.

Khoảng cách giữa các xe	CMBS		
	Cảm biến ra-đa phát hiện xe	CẢNH BÁO bằng Âm Thanh và Hình Ảnh	Phanh
<p>Giai đoạn một</p> 	Có khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước.	Khi cài đặt ở Xa , cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sáng ở khoảng cách xa hơn từ xe phía trước so với cài đặt ở Bình Thường và ở Gần , ở khoảng cách gần hơn ở Bình Thường .	—
<p>Giai đoạn hai</p> 	Khả năng xảy ra va chạm tăng lên, thời gian phản ứng giảm.	Các cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh	Nhấn nhẹ
<p>Giai đoạn ba</p> 	CMBS xác định không thể tránh khỏi va chạm.		Nhấn mạnh

Lái Xe

■ **Bật và Tắt CMBS**



Ấn nút này cho đến khi tiếng bíp vang lên để bật và tắt hệ thống.

Khi CMBS tắt:

- Đèn báo CMBS ở bảng điều khiển sáng.
- Thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái nhắc bạn hệ thống đã tắt.

CMBS sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

▣ Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo CMBS sáng ở các điều kiện nhất định:

▣ **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 475

Khi CMBS được kích hoạt, nó sẽ tiếp tục vận hành thậm chí bàn đạp ga được nhấn một phần. Tuy nhiên nó sẽ được hủy nếu nhấn mạnh bàn đạp ga.

Các đèn báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF), Cảnh Báo Chệch Làn Đường, hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, và Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) có thể sáng lên cùng với thông báo hiển thị trên Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái sau khi nối lại ắc quy.

Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ hơn 20 km/h. Đèn báo cần phải tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS

Hệ thống có thể tắt tự động và đèn báo CMBS sáng ở các điều kiện nhất định. Sau đây là một số ví dụ. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của CMBS.

📷 **Cảm Biến Camera Phía Trước** Tr. 509

■ Điều kiện môi trường

- Trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm.
- Sự khác biệt giữa vật thể và nền không gian là không rõ ràng.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Tia sáng mạnh phản chiếu trên đường cao tốc.
- Lái xe dưới bóng cây, toà nhà v.v.
- Các vật cản hoặc cấu tạo đường xá gây hiểu nhầm là xe hay người đi bộ.
- Phản chiếu bên trong kính chắn gió.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong điều kiện tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra người đi bộ hay xe khác).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt (khiến vạch chia làn đường bị che khuất, vệt xe, ánh sáng phản chiếu, vệt phun trên đường, độ tương phản cao).
- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh hay mấp mô.
- Ở đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.

■ **Điều kiện xe**

- Thấu kính đèn chiếu sáng bị bẩn hoặc đèn chiếu sáng không được điều chỉnh đúng.
- Phía ngoài kính chắn gió bị bám bụi, bùn, lá bẩn, tuyết ẩm, v.v.
- Phía trong kính chắn gió bị mờ.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo thay đổi, lốp bơm không đúng, lốp dự phòng nhỏ, v.v.)
- Khi lắp xích bọc lốp.*
- Xe bị nghiêng do tải trọng nặng hay do thay đổi hệ thống treo.
- Nhiệt độ camera quá cao.
- Lái xe khi nhấn phanh đỗ.
- Khi cảm biến ra-đa ở tầm cận bên dưới bị bẩn.
- Xe đang kéo rơ-móc.*
- Lái xe vào ban đêm hoặc nơi tối (ví dụ: hầm) với đèn chiếu sáng bị tắt.

■ **Hạn chế khả năng phát hiện**

- Khi xe hay người đi bộ bất ngờ cắt ngang qua phía trước xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe hay người đi bộ phía trước quá ngắn.
- Xe cắt ngang ở phía trước xe bạn chạy với tốc độ thấp và phanh đột ngột.
- Khi bạn tăng tốc nhanh và đến gần xe hay người đi bộ phía trước với tốc độ cao.
- Xe phía trước xe bạn là xe máy, xe đạp, xe lăn điện, xe ba bánh hay xe cỡ nhỏ khác.
- Khi có động vật chạy phía trước xe bạn.
- Khi lái trên đường quanh co, gập ghềnh hay mấp mô làm cảm biến khó phát hiện xe hay người đi bộ phía trước.
- Sự chênh lệch tốc độ giữa xe bạn và xe hay người đi bộ phía trước quá lớn.
- Xe đang đến gần đột nhiên cắt ngang phía trước xe bạn.
- Một chiếc xe khác đột ngột cắt ngang phía trước xe bạn ở ngã tư, v.v...
- Xe của bạn bất ngờ cắt ngang phía trước xe đang đến gần.
- Khi lái qua cầu sắt chật hẹp.
- Khi xe phía trước giảm tốc đột ngột.

Hạn chế trong việc phát hiện người đi bộ

- Khi có nhóm người đi bộ dàn hàng ngang phía trước xe bạn.
- Các điều kiện xung quanh hay đồ dùng của người đi bộ làm thay đổi hình dạng người đi bộ, khiến hệ thống không nhận ra đó là người đi bộ.
- Khi người đi bộ thấp hơn 1 mét hay cao hơn 2 mét.
- Khi người đi bộ lẫn với nền không gian.
- Khi người đi bộ cúi xuống hay ngồi xổm, hoặc khi họ giơ tay hay chạy.
- Khi có nhiều người đi bộ phía trước theo từng nhóm.
- Khi camera không nhận diện đúng có người đi bộ do họ có hình dạng bất thường (như khi họ mang hành lý, khi họ thay đổi tư thế).

■ Tự động tắt

CMBS có thể tự động tắt và đèn báo CMBS sáng khi:

- Nhiệt độ bên trong hệ thống cao.
- Bạn lái xe trên đường gồ ghề hoặc đường núi, hoặc quanh co và gập ghềnh trong thời gian dài.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (lốp sai kích thước, lốp bị xẹp, v.v.)
- Camera phía sau gương chiếu hậu, hay khu vực quanh camera, kính chắn gió bị bẩn.

Khi các tình trạng làm CMBS tắt được cải thiện hoặc được xử lý (ví dụ làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm

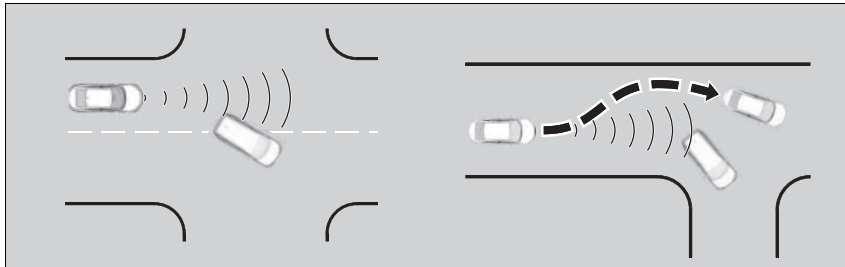
CMBS có thể kích hoạt ngay cả khi bạn biết có xe ở phía trước xe mình, hoặc khi không có xe nào phía trước. Dưới đây là một vài ví dụ cho trường hợp này:

■ Khi Vượt

Xe của bạn tiến gần xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.

■ Ở khu vực đường giao nhau

Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc phải.



▣ Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

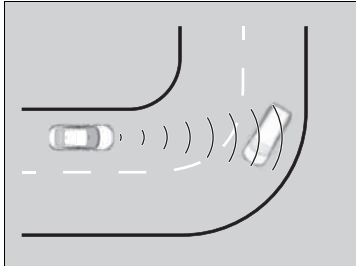
Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra nếu phát hiện hệ thống có gì bất thường (như thông báo cảnh báo xuất hiện liên tục).

Nếu phần trước xe bị tác động trong các trường hợp sau, cảm biến ra-đa không thể hoạt động tốt. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra:

- Xe chạy vào chỗ ổ gà, rìa đường, đôn kê, ụ đất giữa đường, v.v.
- Lái vào chỗ vũng nước sâu.
- Xe bạn bị va chạm từ phía trước.

■ **Trên khúc cua**

Khi lái qua các khúc cua, xe của bạn sẽ đến một điểm mà xe đang đến gần ở bên phải ngay phía trước xe của bạn.

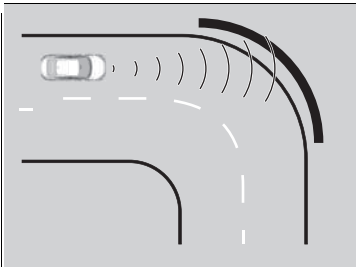


■ **Đi qua cầu thấp ở tốc độ cao**

Bạn lái xe dưới một cây cầu thấp hoặc hẹp ở tốc độ cao.

■ **Vạch giảm tốc độ, khu vực đang sửa đường, đường ray, vật thể bên đường, v.v.**

Bạn lái qua vạch giảm tốc độ, tấm thép trên đường, v.v. hoặc xe di chuyển gần đến đường tàu hoặc các vật thể bên đường (chẳng hạn như biển báo giao thông và hàng rào bảo vệ) trên khúc cua hoặc khi đỗ xe, xe đứng im và tường.



Lái Xe

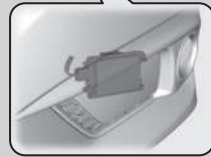
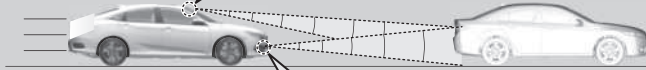
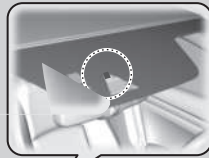
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)

Duy trì tốc độ ổn định cho xe và khoảng cách an toàn giữa xe của bạn với xe phía trước, nếu xe phía trước được phát hiện chuẩn bị dừng thì hệ thống có thể giảm tốc độ và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Khi ACC có LSF làm giảm tốc độ xe của bạn bằng cách sử dụng phanh, đèn phanh sẽ sáng.

Khi sử dụng

Camera được lắp phía sau gương chiếu hậu.



Cảm biến ra-đa được đặt bên dưới tấm cản.

Cẩn thận không va chạm vào vỏ cảm biến ra-đa. Tác động mạnh có thể làm hỏng nó.

- Tốc độ xe với ACC có LSF: **Một xe được phát hiện ở phía trước nằm trong phạm vi của ACC có LSF** – ACC có LSF vận hành ở tốc độ lên tới 180 km/h. **Nếu không có xe được phát hiện trong phạm vi của ACC có LSF** – ACC có LSF sẽ vận hành ở tốc độ từ 30km/h trở lên.

- Vị trí sang số cho ACC có LSF: Ở D hoặc S.

ⓘ Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng ACC có LSF không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng ACC có LSF khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện thời tiết tốt.

⚠ CẢNH BÁO

ACC có LSF giới hạn khả năng phanh và không dừng xe bạn đúng lúc để tránh va chạm với xe đột ngột dừng phía trước xe bạn.

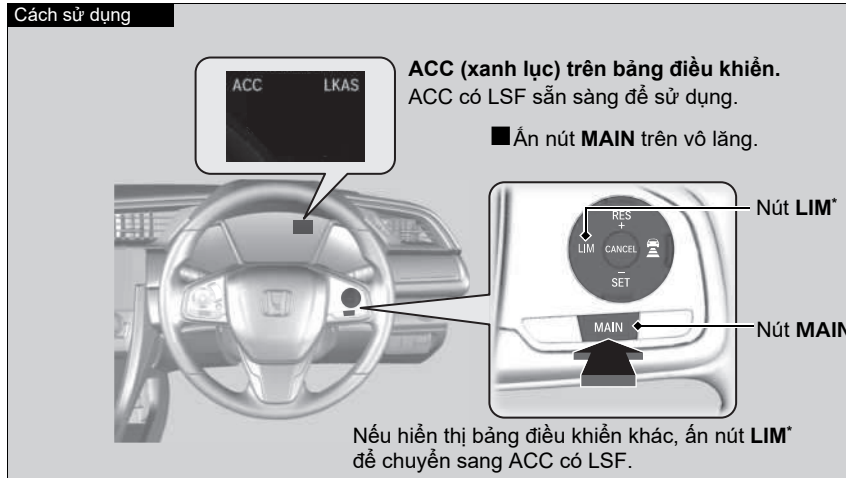
Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

Nhắc Nhở Quan Trọng

Như bất kỳ hệ thống nào, ACC có LSF cũng có những hạn chế. Sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần, và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn với các xe khác.

Lái Xe

■ Cách kích hoạt hệ thống



Lái Xe

▶▶Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)

Để điều khiển cảm biến camera đúng cách, tham khảo trang sau.

▶▶Cảm Biến Ra-đa Tr. 511

Bạn có thể đọc thông tin điều khiển của camera trang bị cho hệ thống này.

▶▶Cảm Biến Camera Trước Tr. 509

Khi ấn nút **MAIN**, hệ thống ACC có LSF và Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) đều bật hoặc tắt.

ACC có LSF không hoạt động tốt trong một số điều kiện nhất định.

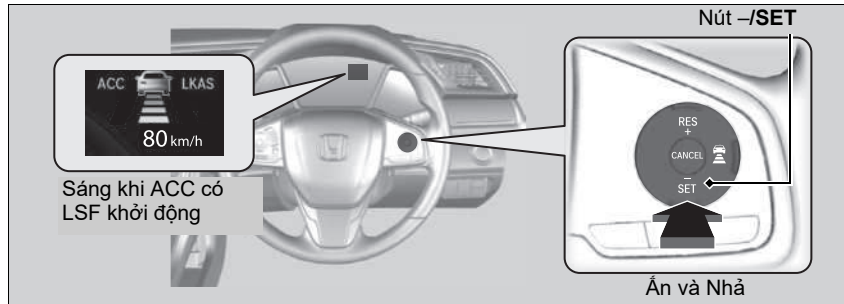
▶▶Điều Kiện và Giới Hạn của ACC có LSF Tr. 488

Khi không sử dụng ACC có LSF: Ấn nút **MAIN** để tắt điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng. Việc này sẽ tắt Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).

Không sử dụng ACC có LSF trong những điều kiện sau:

- Trên đường quá đông hoặc trong tình trạng xe phải dừng và đi liên tục.
- Trên đường có cua gấp.
- Trên đường có dốc dựng đứng, tốc độ xe đã được thiết lập có thể trở nên quá cao do đang lao xuống dốc. Trong những tình huống đó, ACC có LSF sẽ không dùng đến phanh để duy trì tốc độ đã thiết lập.
- Trên đường có các thiết bị soát vé hay các vật thể khác chắn giữa làn đường hay khu vực đỗ xe hay có các thiết bị truy cập khi lái.

■ Thiết Lập Tốc Độ Xe



Khi lái xe ở khoảng 30 km/h hoặc hơn: Thả chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **-/SET** khi bạn đã đạt đến tốc độ mong muốn. Vào thời điểm bạn ấn nút, tốc độ đã thiết lập sẽ được cố định, và ACC có LSF sẽ bắt đầu hoạt động.

Khi lái xe dưới 30 km/h: Nếu xe đang di chuyển mà bàn đạp ga không được nhấn, hãy ấn nút để cố định tốc độ đã thiết lập đến 30km/h mà không cần quan tâm đến tốc độ xe hiện tại. Nếu xe của bạn đứng yên, bạn có thể thiết lập tốc độ xe của bạn ngay cả khi đang nhấn bàn đạp phanh.

▶▶ Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)

Loại xe Thái Lan

CHÚ Ý: Khi vận hành thiết bị này nên để cách xa kết nước hoặc cách xa người ít nhất 20 cm trở lên (không bao gồm tứ chi: tay, cổ tay, bàn chân và mắt cá chân).

Thiết bị viễn thông này phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của NTC.

Thiết bị viễn thông này có tần số EMF phù hợp với tiêu chuẩn phơi nhiễm EMF của NTC.

Các đèn báo Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF), Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp* và Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) có thể sáng đồng thời thông báo sẽ xuất hiện trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái sau khi lắp lại ắc quy.

Lái xe quãng đường ngắn với vận tốc hơn 20km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Honda Sensing►Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)



Khi ACC có LSF bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các khoảng cách và tốc độ được thiết lập sẽ xuất hiện trên giao diện thông tin cho người lái.

Khi sử dụng ACC có LSF, Hỗ trợ Lái Thẳng (tính năng của hệ thống Lái Trợ lực Điện) sẽ được kích hoạt.

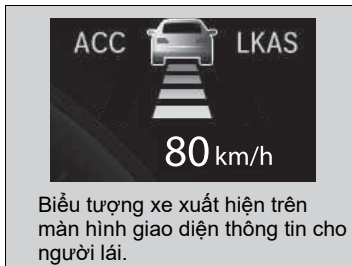
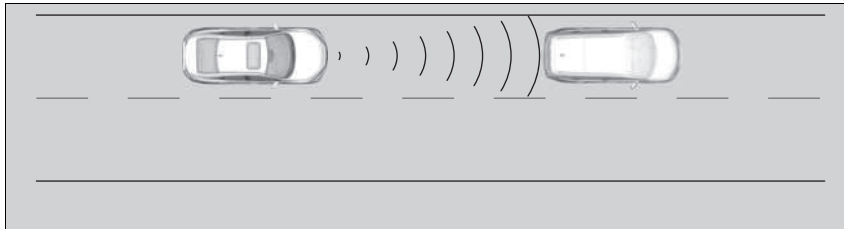
Bằng cách kích hoạt hệ thống lái để tự động cân bằng lực lái tự nhiên, Hỗ trợ Lái Thẳng giúp bạn lái xe theo một đường thẳng dễ dàng hơn.

■ Khi Vận Hành

■ Có xe phía trước

ACC có LSF sẽ giám sát nếu xe phía trước bạn đi vào phạm vi ACC có LSF. Trong trường hợp này, hệ thống ACC có LSF sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ xe đã được thiết lập để giữ khoảng cách đã thiết lập với xe phía trước.

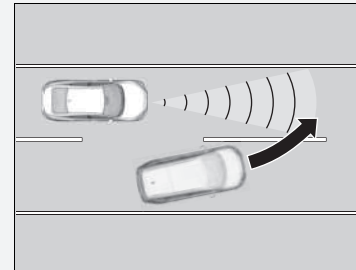
➤ **Thiết Lập hay Thay Đổi Khoảng Cách Giữa Các Xe** Tr. 492



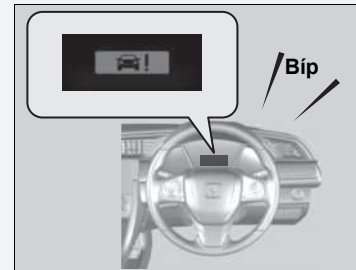
Khi có một xe phía trước xe bạn có tốc độ thấp hơn tốc độ bạn cài đặt nằm trong phạm vi ACC có LSF hoặc cắt ngang qua đầu xe bạn và được ra-đa và camera phát hiện ra, xe của bạn bắt đầu giảm tốc.

⊠ Khi Vận Hành

Nếu xe phía trước giảm tốc độ bất ngờ, hoặc có xe khác cắt ngang ở phía trước, tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.



Lái Xe

■ Không có xe phía trước



■ Khi bạn nhấn bàn đạp ga

Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có âm thanh hay hình ảnh gì thông báo cho bạn nếu có xe ở trong phạm vi của ACC có LSF.

ACC có LSF tiếp tục hoạt động trừ khi bạn hủy nó. Khi bạn nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ trở lại tốc độ phù hợp để giữ khoảng cách với xe phía trước nếu xe phía trước được phát hiện ở trong phạm vi của ACC có LSF.

Xe của bạn duy trì tốc độ đã được thiết lập mà không phải dùng chân giữ bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Nếu trước đó có phát hiện ra xe phía trước khiến xe của bạn không thể giữ tốc độ đã được thiết lập, ACC có LSF sẽ tăng tốc trở lại tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.

☒ Khi Vận Hành

Ngay cả khi khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước ngắn, ACC có LSF có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước chạy với tốc độ tương tự như xe của bạn hoặc nhanh hơn.
- Xe cắt ngang phía trước xe của bạn chạy với tốc độ nhanh hơn xe của bạn, dần dần bỏ xa xe bạn.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát tiếng bip khi xe phía trước đi vào hoặc ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC có LSF.

Thay đổi cài đặt **ACC Vehicle Ahead**

Detected Beep (Tiếng Bip Phát Hiện Xe Phía Trước ACC).

☒ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 353

Hạn chế


Bạn có thể cần đến phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC có LSF. Bên cạnh đó, ACC có LSF có thể hoạt động không đúng trong một số điều kiện nhất định.

☒ **Điều kiện và Hạn chế của ACC có LSF**

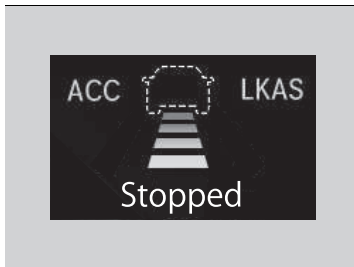
Tr. 488

■ Giảm tốc độ và dừng khi phát hiện xe phía trước ở trong phạm vi ACC có LSF



Xe của bạn cũng tự động dừng. Thông báo  xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Khi xe phía trước tiếp tục chạy, biểu tượng xe trên màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ nhấp nháy. Nếu bạn ấn nút **RES** / + hoặc - / **SET**, hoặc nhấn bàn đạp ga, ACC có LSF sẽ vận hành lại với phạm vi tốc độ đã cài đặt trước đó.



Nếu không có xe nào phía trước xe bạn, trước khi bạn tiếp tục lái xe, nhấn bàn đạp ga và ACC có LSF sẽ hoạt động lại với phạm vi tốc độ đã cài đặt trước đó.

▶▶Phát hiện xe phía trước trong phạm vi ACC có LSF di chuyển chậm để dừng lại

⚠ CẢNH BÁO

Khi xe đã dừng và bạn ra khỏi xe trong khi ACC có LSF vẫn đang vận hành có thể làm xe di chuyển mà không kiểm soát được.

Xe di chuyển không có kiểm soát có thể dẫn đến va chạm, gây trọng thương hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi xe dừng bằng ACC có LSF.

Lái Xe

■ Điều Kiện và Hạn Chế Của ACC có LSF

Hệ thống có thể tự động tắt và đèn báo **ACC** sẽ sáng trong những điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng ACC.

📷 **Cảm Biến Camera Trước** Tr. 509

■ Điều kiện về môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết v.v).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường đầy tuyết hay ướt (khiến vạch phân cách làn đường bị che khuất, vệt xe, ánh sáng phản chiếu, vệt phun trên đường, độ tương phản cao).

■ Điều kiện xe

- Kính chắn gió bị che do bụi bẩn, bùn đất, lá cây, tuyết v .v.
- Điều kiện lốp hoặc bánh xe bất thường (Sai kích thước, kích thước hoặc cấu tạo của các lốp khác nhau, lốp bơm không chuẩn, lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v).
- Nhiệt độ camera quá cao.
- Phanh đỗ được giải.
- Khi tầm cản phía dưới bị bẩn.
- Xe bị nghiêng do tải nặng hoặc thay đổi hệ thống treo.
- Khi lắp xích bọc lốp.*

►►Điều Kiện và Hạn Chế Của ACC có LSF

ACC có LSF dùng chung cảm biến ra-đa với hệ thống phanh làm giảm va chạm (CMBS).

📷 **Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)** Tr. 470

Luôn giữ vỏ cảm biến ra-đa sạch sẽ.

Không được dùng dung môi hóa học hoặc bột đánh bóng để làm sạch vỏ cảm biến. Làm sạch cảm biến bằng nước hoặc chất tẩy trung tính.

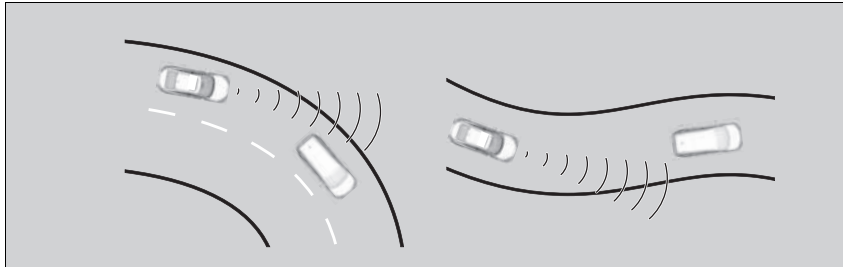
Không dán nhãn lên nắp cảm biến ra-đa hay thay thế nắp cảm biến ra-đa.

Nếu bạn cần sửa chữa, hoặc tháo cảm biến ra-đa hoặc vỏ cảm biến ra-đa bị tác động mạnh, tắt hệ thống bằng cách ấn nút **MAIN** và đưa xe đến đại lý.

Đến đại lý để kiểm tra nếu thấy hệ thống bất thường (ví dụ thông báo cảnh báo xuất hiện quá nhiều).

■ Hạn chế phát hiện

- Khi xe hay người đi bộ bất ngờ cắt ngang phía trước xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe hay người đi bộ phía trước quá ngắn.
- Xe cắt ngang phía trước xe bạn chạy với tốc độ thấp và phanh đột ngột.
- Khi bạn tăng tốc nhanh và đến gần xe hay người đi bộ phía trước với tốc độ cao.
- Xe phía trước xe bạn là xe máy, xe đạp, xe lăn điện, xe ba bánh hay xe cỡ nhỏ khác.
- Khi có động vật chạy phía trước xe bạn.
- Khi lái trên đường quanh co, gập ghềnh hay nhấp nhô làm cảm biến khó phát hiện xe hay người đi bộ phía trước.



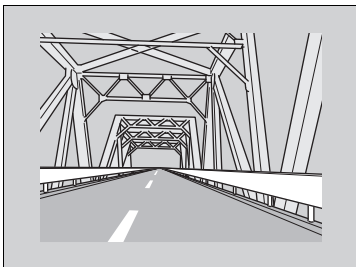
- Chênh lệch tốc độ giữa xe bạn và xe hay người đi bộ phía trước quá lớn.
- Xe đang đến gần đột nhiên cắt ngang phía trước xe bạn.
- Xe của bạn bất ngờ cắt ngang phía trước xe đang đến gần.

⌘Điều Kiện và Hạn Chế Của ACC có LSF

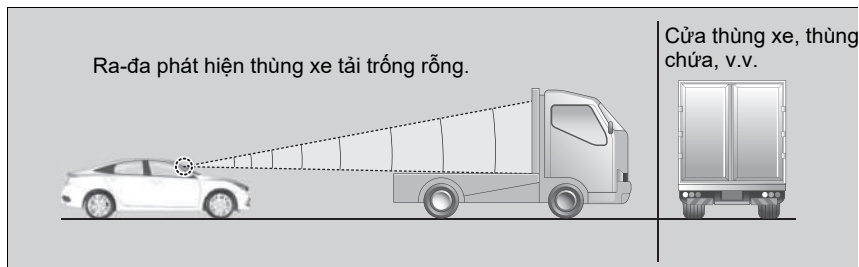
Nếu phần trước xe bị tác động trong các tình huống sau, cảm biến ra-đa không thể hoạt động tốt. Cần đưa xe đến đại lý để kiểm tra:

- Xe chạy vào chỗ ổ gà, rìa đường, đôn kê, ụ đất giữa đường v.v.
- Bạn lái xe vào vũng nước sâu.
- Xe bạn bị va chạm ở phía trước.

- Khi lái qua cầu sắt chật hẹp.



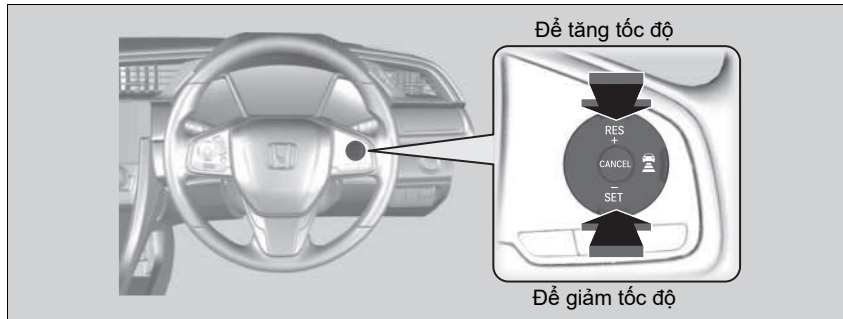
- Khi xe phía trước phanh gấp.
- Khi xe phía trước có hình dáng kỳ lạ.



- Khi cả xe của bạn và xe phía trước đi ở mép của làn đường.

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Tăng hoặc giảm tốc độ xe bằng cách sử dụng các nút **RES/+** hoặc **-/SET** trên vô lăng.



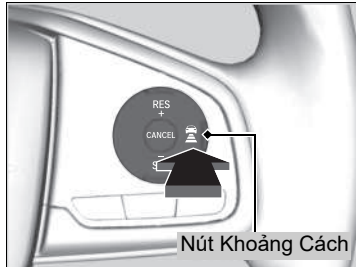
- Mỗi lần bạn ấn nút **RES/+** hoặc **-/SET**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h.
- Nếu bạn giữ nút **RES/+** hoặc **-/SET**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 10 km/h.


▣ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Nếu xe phía trước được phát hiện đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc, ACC có LSF không thể tăng tốc độ xe của bạn. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã cài đặt giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi bạn nhấn bàn đạp ga, sau đó ấn và nhả nút **- / SET**, tốc độ xe khi đó được cài đặt.





■ Cài Đặt hay Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác



Ấn nút  (khoảng cách) để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC có LSF. Mỗi khi ấn nút, chu kỳ thiết lập khoảng cách với xe khác (khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước được phát hiện) chuyển từ rất xa, xa, trung bình và gần.

Xác định khoảng cách lái với xe khác phù hợp nhất tùy theo điều kiện lái cụ thể. Đảm bảo tuân theo quy định của địa phương về khoảng cách lái.

Tốc độ xe bạn càng cao, khoảng cách giữa hai xe ở các mức gần, trung bình, xa và rất xa càng trở lên lớn hơn. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

Khoảng cách xe		Khi Tốc Độ Được Thiết lập Là:	
		80 km/h	104 km/h
Gần		24,7 mét 1,1 giây	31,5 mét 1,1 giây
Trung Bình		34,2 mét 1,5 giây	43,4 mét 1,5 giây
Xa		46,8 mét 2,1 giây	60,8 mét 2,1 giây
Rất Xa		63,5 mét 2,9 giây	83,4 mét 2,9 giây

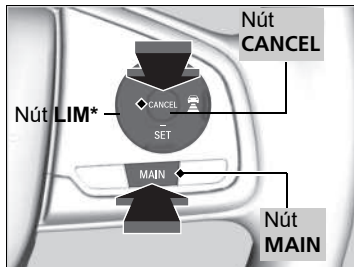
Khi xe bạn được dừng tự động do phát hiện xe phía trước dừng, khoảng cách giữa hai xe sẽ thay đổi dựa vào cài đặt khoảng cách ACC có LSF.

ⓘ Cài Đặt hay Thay Đổi Khoảng Cách Với Xe Khác

Người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước trong mọi trường hợp và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu và thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật Giao Thông ở địa phương và trách nhiệm của người lái là phải tuân thủ luật.

Lái Xe

Hủy Chế Độ



Để hủy ACC có LSF, thực hiện như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút **MAIN**.
 - Đèn báo ACC có LSF tắt.
- Ấn nút **LIM***.
- Nhấn bàn đạp phanh.
 - Khi chức năng LSF làm dừng xe, bạn không thể hủy ACC có LSF bằng cách nhấn bàn đạp ga.

►Hủy Chế Độ

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó: Sau khi hủy ACC có LSF, bạn có thể khôi phục tốc độ cài đặt trước đó trong khi nó vẫn được hiển thị. Ấn nút **RES/+**.

Không thể thiết lập hay khôi phục tốc độ đã được thiết lập khi ACC có LSF được tắt bằng nút **MAIN**. Ấn nút **MAIN** để kích hoạt hệ thống sau đó cài đặt tốc độ mong muốn.

■ Hủy tự động

Tiếng bíp vang lên và thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi ACC có LSF bị hủy tự động. Bất kỳ trường hợp nào sau đây có thể làm ACC có LSF tự động bị hủy:

- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v).
- Khi cảm biến ra-đa ở cản phía dưới bị bẩn.
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện ra tình trạng lốp xe bất thường, hoặc lốp xe bị trượt.
- Lái trên đường đồi núi, lái ở đường khó đi trong thời gian dài.
- Xoay vô lăng đột ngột.
- Kích hoạt ABS, VSA hoặc CMBS.
- Đèn báo ABS hoặc VSA sáng.
- Khi xe dừng trên dốc đứng.
- Khi gạt phanh đỗ bằng tay.
- Khi phát hiện xe nằm trong phạm vi ACC quá gần với xe bạn.
- Camera phía sau gương chiếu hậu, hay khu vực quanh camera, kính chắn gió bị bẩn.
- Khi vượt quá Giới Hạn Tải Tối Đa.
- Khi đi qua khu vực kín ví dụ như đường hầm.

ACC có LSF có thể bị hủy tự động do các nguyên nhân dưới đây. Trong những trường hợp này, phanh đỗ sẽ tự động được gạt.

- Dây đai an toàn người lái không được thắt khi xe đứng yên.
- Xe dừng trong hơn 10 phút.
- Động cơ bị tắt.

☒ Hủy tự động

Mặc dù ACC có LSF tự động hủy, bạn vẫn có thể khôi phục tốc độ đã được thiết lập trước đó. Đợi đến khi nguyên nhân làm hủy ACC có LSF được cải thiện, ấn nút **-/SET**.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Bằng việc điều khiển hệ thống lái, xe được giữ ở giữa làn đường, các cảnh báo xúc giác và hình ảnh sẽ xuất hiện nếu xe nằm ngoài làn đường mà xe đã xác nhận.

■ Hỗ trợ hệ thống lái

Hệ thống tác dụng mô-men lực lên hệ thống lái nhằm giữ xe ở giữa vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải. Mô-men lực sẽ lớn dần khi xe đến gần một trong hai vạch.

■ Cảm biến camera trước Giám sát vạch phân cách làn đường



■ Cảnh báo bằng xúc giác và hình ảnh Vô lăng rung liên tục và cảnh báo sẽ hiển thị để báo cho bạn biết xe bạn đang đi ra ngoài làn đường đã được xác nhận.



Khi bạn bật xi nhan để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ tạm dừng và tiếp tục hoạt động sau khi tắt xi nhan.

Nếu bạn chuyển làn đường mà không bật xi nhan, cảnh báo LKAS sẽ kích hoạt và lực mô-men sẽ được tác động vào hệ thống lái.

*1: Loại xe Châu Phi

*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

ⓘ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

⚠ Nhắc Nhở An Toàn Quan Trọng

LKAS giúp đem lại thuận tiện cho bạn. Nó không thể thay thế cho việc điều khiển xe của bạn. Hệ thống không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

ⓘ Cảnh Báo và Thông Báo Trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái* Tr. 136

Không đặt bất cứ vật gì lên bảng điều khiển. Vì nó có thể bị phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.

LKAS chỉ cảnh báo khi phát hiện chệch làn đường mà không dừng xi nhan. Hệ thống LKAS không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường, hay làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường. Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm.

LKAS rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường co hai làn xe.

LKAS không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

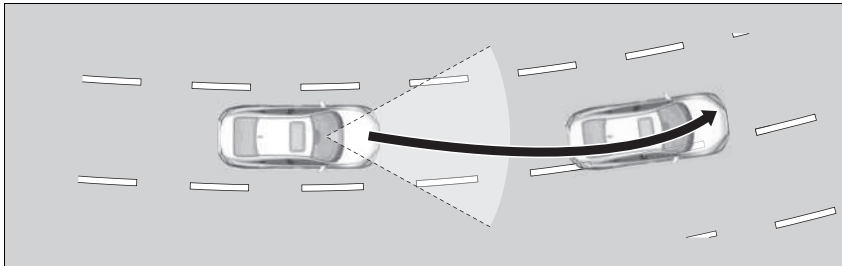
ⓘ Điều Kiện Hoạt Động và Hạn Chế của LKAS Tr. 501

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cùng hệ thống này.

ⓘ Cảm Biến Camera Trước Tr. 509

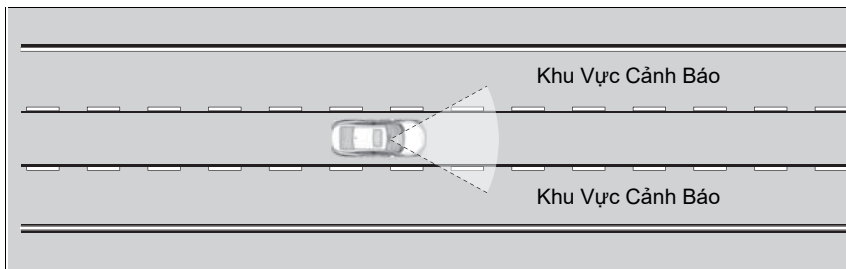
■ Chức Năng Hỗ Trợ Giữ Làn Đường

Hỗ trợ xe đi giữa làn đường. Khi xe đi gần vạch trắng hoặc vàng, lực lái của hệ thống trợ lực điện sẽ tăng lên.



■ Chức Năng Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời hiển thị cảnh báo.



⊠Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

LKAS có thể không thực hiện đúng chức năng như thiết kế khi lái xe trong điều kiện giao thông đông đúc hay trên đường ngoằn ngoèo.

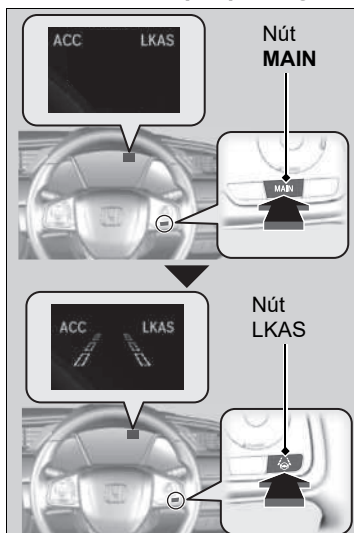
Nếu LKAS không phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tạm thời bị huỷ. Khi làn đường được phát hiện, hệ thống sẽ tự động được khôi phục lại.

■ Hệ Thống có thể Được Sử Dụng

Có thể sử dụng hệ thống trong các trường hợp sau.

- Làn đường đang lái có các vạch báo làn đường để phát hiện ở cả hai bên đường, và xe nằm giữa làn đường.
- Tốc độ xe khoảng từ 72 đến 180 km/h.
- Lái trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Tắt xi nhan.
- Không nhấn bàn đạp phanh.
- Cần gạt nước không vận hành liên tục.

■ Cách kích hoạt hệ thống



1. Ấn nút MAIN.

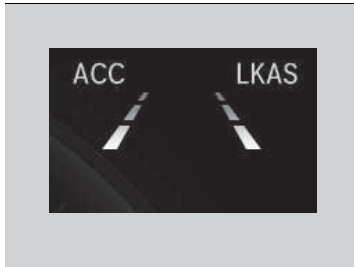
- LKAS sáng trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hệ thống sẵn sàng để sử dụng.

2. Ấn nút LKAS.

- Hình ảnh làn đường xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hệ thống được kích hoạt.

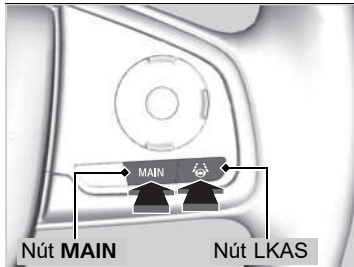
⊠ Hệ Thống có thể Được Sử Dụng

Nếu xe tạt sang làn đường bên trái hoặc phải do mô-men xoắn tác dụng lên hệ thống, tắt LKAS và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.



3. Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.
 - ▶ Đường viền chấm chuyển sang đậm khi hệ thống bắt đầu vận hành sau khi phát hiện các biển báo làn đường bên trái và bên phải.

■ Huỷ Hệ Thống



Để huỷ LKAS:
Ấn nút **MAIN** hoặc nút LKAS.

LKAS tắt khi bạn dừng động cơ, ngay cả khi bạn bật nó vào làn lái xe gần đây nhất.

»Huỷ

Ấn nút **MAIN** cũng có thể bật và tắt ACC có LSF.

Lái Xe



Khi LKAS bị treo, các vạch phân cách trên màn hình giao diện thông tin cho người lái chuyển thành đường viền, và tiếng bíp vang lên (nếu được kích hoạt).

■ **Vận hành hệ thống sẽ tạm dừng nếu bạn:**

- Cài đặt cần gạt nước ở HI.
 - ▶ Tắt cần gạt nước hoặc cài đặt cần gạt nước ở LO thì LKAS sẽ hoạt động
- Giảm tốc độ xe xuống 64 km/h hoặc thấp hơn.
 - ▶ Tăng tốc độ xe lên 72 km/h hoặc hơn, LKAS sẽ hoạt động trở lại.
- Nhấn bàn đạp phanh.
 - ▶ LKAS tiếp tục hoạt động và lại bắt đầu phát hiện vạch phân cách làn đường khi nhả bàn đạp phanh.
- Lái xe sang phải hoặc sang trái làn đường.

■ **LKAS có thể tự động tạm dừng khi:**

- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
- Vô lăng bị xoay nhanh.
- Xe bị mất lái.
- Lái xe trên đường có góc cua hẹp.
- Khi lái ở tốc độ hơn 180 km/h.

LKAS sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

■ **LKAS có thể tự động huỷ khi:**

- Nhiệt độ camera quá cao hoặc thấp.
- Camera phía sau gương chiếu hậu, hay khu vực quanh camera, kính chắn gió bị bẩn.
- Khi hệ thống ABS hoặc VSA được kích hoạt.

Nếu LKAS bị tự động huỷ thì hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp.

■ **Điều Kiện và Hạn Chế Của LKAS**

Hệ thống không thể phát hiện vạch phân cách làn đường và vì thế không thể giữ xe ở giữa làn đường trong các trường hợp sau:

■ **Điều kiện về môi trường**

- Lái trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết v.v).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi vào hay đi ra khỏi đường hầm.
- Sự khác biệt giữa vạch chia làn đường và bề mặt đường là không rõ ràng.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Tia sáng mạnh phản chiếu ở lòng đường.
- Lái xe dưới bóng cây, toà nhà v.v.
- Bóng của vật thể gần đây song song với biển báo làn đường.
- Các vật cản hoặc cấu tạo đường xá gây hiểu nhầm là vạch báo làn đường.
- Phản chiếu bên trong kính chắn gió trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc điều kiện tối như khi đi qua hầm.

■ Điều kiện đường xá

- Lái trên đường đầy tuyết hay ướt (khiến vạch phân cách làn đường bị che khuất, vết xe, ánh sáng phản chiếu, vết phun trên đường, độ tương phản cao).
- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Nhiều vạch phân cách khác nhau có thể nhìn thấy trên vỉa hè do sửa đường hoặc vạch phân cách đã cũ.

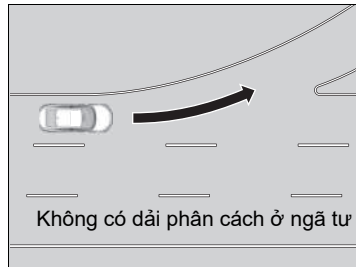


- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hay cắt nhau (ví dụ ở đoạn đường giao nhau hay đường dành cho người đi bộ).
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.



- Xe phía trước xe bạn đi gần vạch chia làn đường.
- Ở đoạn đường đồi hoặc lái gần đến đỉnh đồi.
- Lái trên đường gồ ghề hay không lát đá, mặt đường mấp mô.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, hàng rào an toàn, cột điện v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hay màu vàng).

- Lái trên đường có vạch phân cách làn đường kép.



■ Điều kiện xe

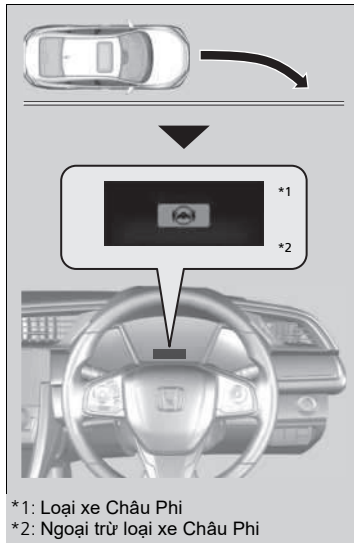
- Thấu kính đèn chiếu sáng bị bẩn hoặc đèn chiếu sáng không được điều chỉnh đúng.
- Phía ngoài kính chắn gió bị bẩn hoặc bị bám đầy bụi, bùn, lá cây, tuyết ẩm, v.v.
- Phía trong kính chắn gió bị mờ.
- Nhiệt độ camera quá cao.
- Tình trạng lốp xe hay bánh xe bất thường (sai kích cỡ, kích cỡ hay cấu tạo khác nhau, lốp được bơm không đúng cách, lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v).
- Xe bị nghiêng do tải trọng nặng hoặc thay đổi hệ thống treo.
- Xe đang kéo rơ-móc.*

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định khả năng xe bạn vô tình cắt ngang qua vạch phân cách làn đường và/hoặc ra khỏi làn đường xe chạy.


■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống



*1: Loại xe Châu Phi
*2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Camera trước gắn ở sau gương chiếu hậu sẽ giám sát vạch phân cách làn đường bên trái và phải (màu trắng hoặc màu vàng). Nếu xe của bạn chạy quá gần với vạch phân cách làn đường được phát hiện mà không bật xi nhan, ngoài việc xuất hiện cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác động lực vào hệ thống lái và thông báo cho bạn biết bằng cách rung nhanh vô lăng để giúp bạn đi đúng làn đường được phát hiện.

▶ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353

Để cảnh báo, thông báo  sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nếu hệ thống xác định hệ thống lái không thể giữ xe đi đúng làn đường, hệ thống có thể kích hoạt phanh.

▶ Hệ thống chỉ kích hoạt phanh khi vạch phân cách làn đường là những vạch liền đậm.

Hệ thống sẽ hủy hỗ trợ vận hành khi bạn xoay vô lăng để tránh cắt ngang qua vạch phân cách làn đường được phát hiện.

Nếu hệ thống vận hành vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn.

▶▶Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

▶ Nhớ An Toàn Quan Trọng

Như các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường cũng có hạn chế. Quá phụ thuộc vào hệ thống Cảnh báo Chệch Làn đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn cần giữ xe đi đúng làn đường.

Hệ thống Cảnh báo Chệch Làn đường chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện chệch làn đường mà không dùng xi nhan. Hệ thống Cảnh báo Chệch Làn đường không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường, làn đường hay vạch xuất phát, đường bộ; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường. Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm. Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cùng hệ thống này.

▶ Cảm Biến Camera Trước Tr. 509

Hệ thống Cảnh báo Chệch Làn đường không thể hoạt động tốt ở các điều kiện nhất định:

▶ Điều Kiện và Hạn Chế Của Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 507

Đôi khi bạn không thể nhận thấy các chức năng Cảnh Báo Chệch Làn Đường do hoạt động của xe hoặc tình trạng mặt đường.

Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống sẵn sàng tìm kiếm vạch phân cách làn đường khi được đáp ứng các điều kiện sau:

- Tốc độ của xe khoảng từ 72 đến 180 km/h.
- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Xi nhan tắt.
- Không nhấn bàn đạp phanh.
- Cần gạt nước không vận hành liên tục.
- Không ga hoặc phanh và không xoay vô lăng.
- Hệ thống xác định được người lái không chủ động tăng tốc, phanh hay xoay vô lăng.

▶▶ Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường


Loại xe Australia và New Zealand

Nếu LKAS tắt và bạn đã chọn **Early** từ các tính năng tùy chọn bằng thông báo bảo trên màn hình hiển thị âm thanh/thông tin, thông báo bên dưới sẽ xuất hiện trong trường hợp xác định khả năng xe đi qua các vạch phân cách làn đường.

▶▶ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 353



▶▶ Cách Kích Hoạt Hệ Thống

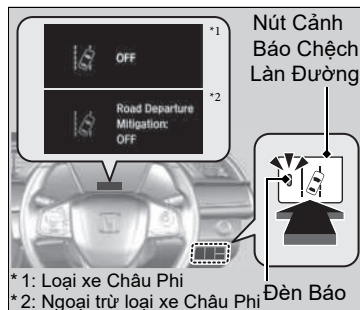
Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể tự động tắt và đèn báo  duy trì sáng.

▶▶ **Đèn báo** Tr.104

Chức năng Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể bị ảnh hưởng khi xe:

- Không lái đúng làn đường.
- Lái trên mép của đường vòng hay ngoài làn đường.
- Lái ở làn đường hẹp.

■ Bật và Tắt Cảnh Báo Chệch Làn Đường



Ấn Nút Cảnh Báo Chệch Làn Đường để bật và tắt hệ thống.

- Đèn báo trên nút sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống được bật.

►► Bật và Tắt Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Khi bạn chọn **Warning Only** từ các tính năng tùy chọn trên màn hình âm thanh/thông tin, hệ thống sẽ không vận hành vô lăng và phanh.

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 353

Các đèn báo Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF), Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp* và Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) có thể sáng đồng thời thông báo sẽ xuất hiện trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái sau khi nối lại ắc quy.

Lái xe quãng đường ngắn với vận tốc hơn 20km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Điều Kiện và Hạn Chế Của Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Hệ thống không thể phát hiện đúng vạch phân cách làn đường và vị trí của xe trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

■ Điều kiện môi trường

- Trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hay ra khỏi đường hầm.
- Sự khác biệt giữa vạch chia làn đường và bề mặt đường là không rõ ràng.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc chạng vạng).
- Tia sáng mạnh phản chiếu ở lòng đường.
- Lái xe dưới bóng cây, toà nhà v.v.
- Bóng của vật thể gần đó song song với biển báo làn đường.
- Các vật cản hoặc cấu tạo đường xá gây hiểu nhầm là vạch báo làn đường.
- Phản chiếu ở mặt trong kính chắn gió trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối như trong đường hầm.

■ Điều kiện đường xá

- Lái trên đường đầy tuyết hay ướt (khiến vạch phân cách làn đường bị che khuất, vết xe, ánh sáng phản chiếu, vết phun trên đường, độ tương phản cao).
- Lái trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Nhiều vạch phân cách khác nhau có thể nhìn thấy trên vỉa hè do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ.
- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hay cắt nhau (ví dụ ở đoạn đường giao nhau hay đường dành cho người đi bộ).
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.
- Xe phía trước xe bạn lái gần vạch phân cách làn đường.
- Ở đoạn đường đồi hoặc lái gần đến đỉnh đồi.
- Lái trên đường gồ ghề hay không lát đá, mặt đường mấp mô.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, hàng rào an toàn, cột điện v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hay màu vàng).
- Lái trên đường có vạch phân cách làn đường kép.

■ Điều kiện xe

- Thấu kính đèn chiếu sáng bị bẩn hoặc đèn chiếu sáng không được điều chỉnh đúng.
- Phía ngoài kính chắn gió bị bẩn hoặc bị bám đầy bụi, bùn, lá cây, tuyết ẩm, v.v.
- Phía trong kính chắn gió bị mờ.
- Nhiệt độ camera quá cao.
- Tình trạng lốp xe hay bánh xe bất thường (sai kích cỡ, kích cỡ hay cấu tạo khác nhau, lốp được bơm không đúng cách, lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v).
- Xe bị nghiêng do tải trọng nặng hoặc thay đổi hệ thống treo.
- Khi lắp xích bọc lốp.*
- Xe đang kéo rơ-móc.*

Cảm Biến Camera Trước

Camera được dùng trong các hệ thống như Hệ thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS), Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) và Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS), được thiết kế để phát hiện vật thể làm cản trở các hệ thống này vận hành chức năng của nó.

■ Các Lưu Ý Khi Lắp Đặt và Xử Lý Camera



Camera này được đặt ở phía sau gương chiếu hậu.

Để tránh tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến camera tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm hoặc để phía trước xe không bị ánh sáng mặt trời chiếu vào. Nếu bạn dùng tấm phản chiếu ánh sáng, không được để nó che phần vỏ camera. Nếu che như thế sẽ tập trung hơi nóng ở đó.

⊗Cảm Biến Camera Trước

Không được dán phim hoặc gắn vật thể lên kính chắn gió, nắp ca-pô hay lưới tản nhiệt phía trước bởi nó có thể cản tầm nhìn của camera và khiến hệ thống hoạt động bất thường.

Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong vùng tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió thay thế ở ngoài thị trường có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường.

Sau khi thay kính chắn gió, hãy đưa xe đến đại lý để hiệu chỉnh camera. Cần hiệu chỉnh camera đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Không đặt vật thể lên bảng điều khiển, nó có thể bị phản chiếu lên kính chắn gió và làm hệ thống không thể phát hiện ra vạch phân cách làn đường.

⌘Cảm Biến Camera Trước

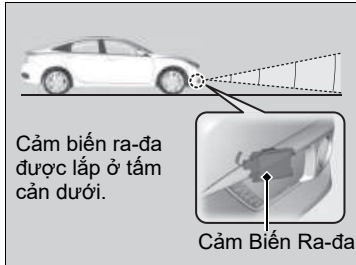
Nếu thông báo  xuất hiện:

- Sử dụng hệ thống điều khiển khí hậu để làm mát bên trong xe, nếu cần, có thể sử dụng chế độ sấy với hướng gió hướng thẳng vào camera.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, đồng thời sẽ làm giảm nhiệt độ xung quanh camera.

Nếu thông báo  xuất hiện:

- Đỗ xe nơi an toàn và lau sạch kính chắn gió. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn đã lau sạch kính chắn gió và lái xe đi được một đoạn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Cảm Biến Ra-đà



Cảm biến ra-đà được lắp ở tầm cản dưới.

▶▶ Cảm Biến Ra-đà

Tránh tác động mạnh vào vỏ cảm biến ra-đà.

Để hệ thống CMBS hoạt động tốt:

Luôn giữ vỏ cảm biến ra-đà sạch.

Không sử dụng dung môi hóa học hoặc bột đánh bóng để làm sạch vỏ cảm biến. Làm sạch bằng nước hoặc chất tẩy rửa trung tính.

Không được dán nhãn lên vỏ cảm biến ra-đà hoặc thay vỏ cảm biến ra-đà.

Nếu bạn cần sửa cảm biến ra-đà, hoặc tháo hoặc vỏ cảm biến ra-đà bị va chạm mạnh, sử dụng công tắc hỗ trợ an toàn để tắt hệ thống và đưa xe đến đại lý.

▶▶ **Bật và Tắt CMBS** Tr. 474

Nếu xe của bạn gặp phải bất kỳ tình huống nào sau đây, cảm biến ra-đà có thể không hoạt động tốt. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra:

- Xe bị va chạm phía trước.
- Xe đi qua hay bị ngập ở vùng nước sâu.
- Xe bạn bị va đập mạnh vào lề đường, tằm chèn, hoặc nền đường đắp sẽ làm rung cảm biến.

Phanh

Hệ Thống Phanh

Phanh Đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ. Bạn có thể gài, nhả bằng tay hoặc tự động.



■ Gài bằng tay

Phanh đỗ điện có thể được gài bất cứ khi nào xe có ắc quy, cho dù khóa điện*1 ở vị trí nào.

Kéo công tắc phanh đỗ điện lên nhẹ nhàng và chắc chắn.

- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh sáng.
- ▶ Đèn báo trên công tắc sáng.

■ Nhả bằng tay

Xe phải ở BẬT [II]*1 để nhả phanh đỗ điện.

1. Nhấn bàn đạp phanh.
 - ▶ Đèn báo trên công tắc tắt.
 - ▶ Đèn báo hệ thống phanh và phanh đỗ (đỏ) tắt.

Nhả phanh đỗ bằng cách dùng tay ấn công tắc giúp xe bạn khởi động từ từ và trơn tru khi đi xuống dốc cao.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

▶▶Phanh Đỗ

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành hệ thống phanh đỗ điện từ khu vực bánh xe khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ. Điều này là bình thường.

Khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ, bàn đạp phanh sẽ di chuyển nhẹ do hệ thống phanh đỗ điện đang vận hành. Điều này là bình thường.

Bạn không thể nhấn hoặc nhả phanh đỗ nếu ắc quy 12 vôn hết điện.

▶ **Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài Tr. 630**

Nếu bạn kéo lên và giữ công tắc phanh đỗ trong khi lái, bốn bánh xe sẽ được phanh bằng hệ thống VSA cho đến khi xe dừng. Sau đó gài phanh đỗ điện và công tắc được nhả.

Trong các trường hợp sau, phanh đỗ tự động vận hành.

- Khi xe dừng bằng hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt trong hơn 10 phút.
- Khi dây đai an toàn người lái không được thắt trong khi xe dừng và gài giữ phanh.
- Khi động cơ tắt trong khi gài giữ phanh.
- Khi có sự cố với hệ thống giữ phanh trong khi gài giữ phanh.

■ Nhả phanh tự động

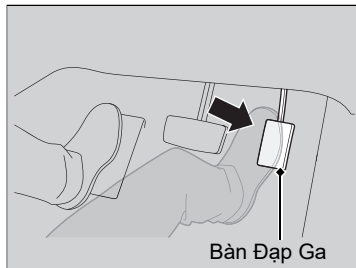
Sử dụng bàn đạp phanh để nhả phanh đỗ điện khi bạn bắt đầu lên dốc hoặc khi bị tắc nghẽn giao thông.

Loại xe có hộp số vô cấp

Nhấn bàn đạp ga sẽ làm nhả phanh đỗ điện.

Loại xe có hộp số thường

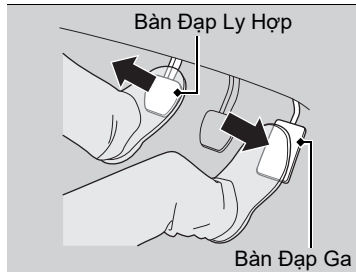
Nhấn bàn đạp ga đồng thời nhả bàn đạp ly hợp và nhả phanh đỗ điện.



Loại xe có hộp số vô cấp

Nhấn nhẹ bàn đạp ga. Khi lên dốc cần nhấn bàn đạp ga sâu hơn để nhả.

- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh tắt.



Loại xe có hộp số thường

Nhấn nhẹ bàn đạp ga và nhả bàn đạp ly hợp.

- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh tắt.

►►Phanh Đỗ

Loại xe có ACC có LSF

- Khi xe dừng hơn 10 phút trong khi ACC có LSF được kích hoạt.
- Khi chưa thắt dây an toàn người lái trong khi xe dừng tự động bởi ACC có LSF.
- Khi động cơ tắt trong khi ACC có LSF được kích hoạt.

Nếu phanh đỗ không thể nhả tự động, hãy nhả bằng tay.

Khi xe lên dốc, cần nhấn bàn đạp ga mạnh hơn để phanh đỗ điện nhả tự động.

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo sự cố
- Đèn báo hộp số

Lái Xe

Bạn có thể nhả phanh đỗ tự động khi:

- Bạn thắt dây đai an toàn người lái.
- Động cơ đang chạy.

Loại xe có hộp số vô cấp

- Hộp số không ở **P** hoặc **N**.

Loại xe có hộp số thường

- Hộp số không ở **N**.

Lái Xe

►►Phanh Đỗ

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh
- Đèn báo hệ thống VSA
- Đèn báo **ABS**
- Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ

Gài phanh đỗ bằng cách kéo công tắc phanh đỗ điện trong khi xe đang di chuyển.

■ Phanh Chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở cả bốn bánh xe. Trợ lực chân không sẽ giúp giảm lực tác dụng cần thiết lên bàn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp làm tăng lực phanh khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

▶ **Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp** Tr. 520

▶ **Hệ Thống Chống Bó Cống Phanh (ABS)** Tr. 519

▶▶Phanh Chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc đường có nhiều nước. Nếu cần, làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít phát ra do kim loại cọ sát khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.


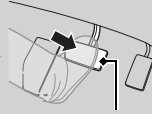
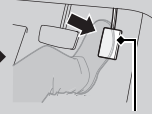
Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Hãy dùng phanh động cơ bằng cách nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga và giảm tốc độ đến vị trí số/tốc độ thấp hơn. Với hộp số thường sử dụng số thấp hơn để có lực phanh động cơ mạnh hơn.

Không đặt chân lên phanh khi đang lái, vì nó sẽ tác dụng nhẹ lên phanh và làm giảm hiệu quả và giảm tuổi thọ má phanh. Nó cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng vì đèn phanh xe bạn luôn sáng.

Giữ Phanh Tự Động

Loại xe có hộp số vô cấp

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi bàn đạp ga được nhấn. Bạn có thể sử dụng hệ thống này trong khi dừng xe tạm thời, như khi bạn dừng xe tại trạm đèn giao thông hoặc khi tắc đường.

■ Bật hệ thống	■ Kích hoạt hệ thống	■ Hủy hệ thống
 <p>Nút Giữ Phanh Tự Động</p>	 <p>Bàn Đạp Phanh</p>	 <p>Bàn Đạp Ga</p>
<p>Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.</p> <ul style="list-style-type: none"> Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống được bật. 	<p>Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn. Cần số không được ở P hoặc R.</p> <ul style="list-style-type: none"> Đèn báo giữ phanh tự động sẽ sáng. Giữ phanh trong 10 phút. Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng. 	<p>Nhấn bàn đạp ga trong khi cần số ở ngoài vị trí P hoặc N. Giữ phanh sẽ tự nhả ra và xe bắt đầu di chuyển.</p> <ul style="list-style-type: none"> Đèn báo giữ phanh tự động tắt. Hệ thống sẽ tự động nhả phanh.

Lái Xe

Giữ Phanh Tự Động

⚠CẢNH BÁO

Kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt vẫn cho phép xe di chuyển nếu bạn bỏ chân khỏi bàn đạp phanh.

Nếu xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Không được kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động hoặc dựa vào nó để giữ xe không di chuyển khi dừng xe trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt.

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng hệ thống giữ phanh tự động để đỗ xe có thể dẫn đến xe di chuyển bất ngờ.

Nếu xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.


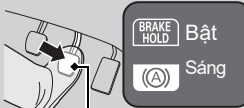

Không được ra khỏi xe khi đang phanh xe tạm thời bằng hệ thống giữ phanh tự động và luôn đỗ xe bằng cách sang số **P** và nhấn phanh đỗ.

Loại xe có hộp số thường

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi bạn sang một số trừ số **N** và:

- Nhả bàn đạp ly hợp trên đường bằng phẳng hoặc khi xuống dốc.
- Nhả bàn đạp ly hợp và nhấn bàn đạp ga khi lên dốc.

Bạn có thể sử dụng hệ thống này khi dừng xe tại trạm đèn giao thông hoặc khi tắc đường.

■ Bật hệ thống	■ Kích hoạt hệ thống	■ Hủy hệ thống
 <p>Nút Giữ Phanh Tự Động</p>	 <p>Bàn Đạp Phanh</p>	<p>Bàn Đạp Ly Hợp</p>  <p>Bàn Đạp Ga</p>
<p>Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống bật. 	<p>Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đèn báo giữ phanh tự động sẽ sáng. Giữ phanh trong 10 phút. • Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng. 	<p>Sang một số trừ số N và:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhả bàn đạp ly hợp trên đường bằng phẳng hoặc khi xuống dốc. • Nhả bàn đạp ly hợp và nhấn bàn đạp ga khi lên dốc. <p>Hệ thống dừng hoạt động và xe bắt đầu di chuyển.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đèn báo giữ phanh tự động tắt. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động.

Còn nữa

■ Hệ thống tự động hủy khi:

- Bạn gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

- Bạn nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số đến **P** hoặc **R**.

■ Hệ thống tự động hủy và phanh đỗ được gài khi:

- Phanh được giữ trong hơn 10 phút.
- Không thắt dây đai an toàn người lái.
- Động cơ tắt.
- Hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.

Loại xe có hộp số thường

- Động cơ chết máy.

■ Tắt hệ thống giữ phanh tự động



Nút Giữ Phanh Tự Động

Trong khi hệ thống bật, ấn lại nút giữ phanh tự động.

- Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động tắt.

Nếu bạn muốn tắt giữ phanh tự động trong khi hệ thống đang vận hành, ấn nút giữ phanh tự động đồng thời nhấn bàn đạp phanh.

»Giữ Phanh Tự Động

Khi hệ thống được kích hoạt, bạn có thể tắt động cơ hoặc đỗ xe theo quy trình như bạn vẫn làm thông thường.

► Khi Dừng Tr. 522

Cho dù hệ thống có được bật, hoặc được kích hoạt hay không, giữ phanh tự động sẽ tắt khi động cơ tắt.

Loại xe có hộp số thường

Hệ thống tắt nếu động cơ chết máy trong khi giữ phanh tự động đang hoạt động hoặc hệ thống bật.

»Tắt hệ thống giữ phanh tự động

Đảm bảo tắt hệ thống giữ phanh tự động trước khi sử dụng rửa xe tự động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành nếu xe di chuyển trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang vận hành.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

■ ABS

Giúp ngăn các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát được việc lái xe nhờ việc nhấp nhả phanh rất nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD), một phần của ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và sau theo tải trọng xe.

Bạn không nên nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hoạt động thay bạn bằng cách luôn giữ một lực chắc chắn, ổn định. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và lái.”

■ Vận hành ABS

Bàn đạp phanh có thể rung động nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ bàn đạp phanh chắc chắn. Trên đường khô, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS hoạt động. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS hoạt động ngay lập tức nếu bạn đang cố dừng xe trên đường băng hoặc tuyết.

ABS có thể được kích hoạt khi nhấn bàn đạp phanh trên đường:

- Đường ướt hoặc có tuyết phủ.
- Đường rải đá.
- Đường có bề mặt gồ ghề, như có ổ gà, bị nứt, có hố ga, v.v...

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h, ABS sẽ ngừng hoạt động.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

CHÚ Ý

ABS có thể không thực hiện đúng chức năng nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại và kích cỡ.

Khi đèn báo **ABS** sáng trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố.

ABS có thể không hoạt động ngay cả khi phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay lập tức.

ABS không được thiết kế với mục đích làm giảm thời gian và khoảng cách để dừng xe: Nó được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh để tránh tình trạng xe bị trượt và mất kiểm soát lái.

Trong các trường hợp sau, xe của bạn có thể cần khoảng cách xa hơn để dừng xe so với xe không có ABS:

- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết.
- Lốp được lắp xích bọc lốp.*

Trường hợp sau có thể quan sát được khi có hệ thống ABS:

- Tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ khi nhấn phanh hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi động cơ đã được khởi động và trong khi xe đang tăng tốc.
- Bàn đạp phanh và/hoặc thân xe rung lên khi kích hoạt ABS.

Những tiếng rung và âm thanh này là bình thường đối với hệ thống ABS và không cần lo ngại.

Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

Được thiết kế để hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra một lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

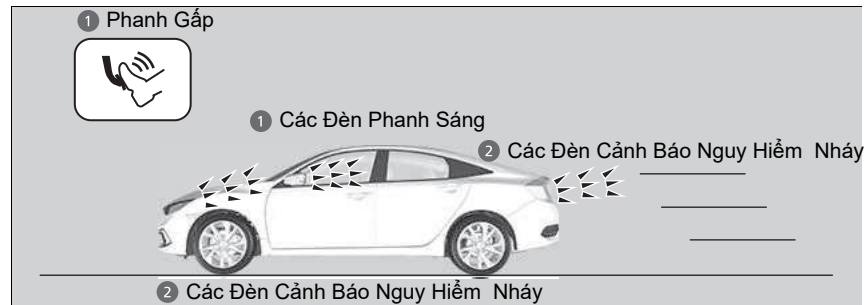
Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

Khi hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp vận hành, bàn đạp phanh có thể lắc nhẹ và có tiếng động phát ra. Điều này là bình thường. Hãy nhấn bàn đạp phanh thật mạnh.

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Kích hoạt khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái ở tốc độ 60 km/h hoặc cao hơn nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh khẩn cấp bằng cách nhấp liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe của bạn.

■ Khi hệ thống kích hoạt:



Đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nhấp khi:

- Bạn nhả bàn đạp phanh.
- ABS bị vô hiệu hoá.
- Tốc độ giảm tốc xe của bạn trở nên vừa phải.
- Bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

►►Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm phía sau có khả năng xảy ra do phanh gấp. Các đèn cảnh báo sẽ nhấp khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không kích hoạt khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

Đỗ Xe

Khi Đã Dừng

1. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.
2. Khi nhấn bàn đạp phanh, kéo từ từ công tắc phanh đỗ điện nhưng không kéo hết cỡ.

Loại xe có hộp số vô cấp

3. Gạt cần số sang **P**.

Loại xe có hộp số thường

3. Gạt cần số sang **R** hoặc **1**.

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

4. Để động cơ chạy không tải trong khoảng 10 giây.

Tắt cả các loại xe

5. Tắt động cơ.

- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh tắt trong khoảng 15 giây.

Luôn xác nhận đã cài đặt phanh đỗ điện, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

»»Đỗ Xe

⚠CẢNH BÁO

Xe có thể bị trượt nếu không đảm bảo đã gài phanh Đỗ. Xe bị trượt có thể gây ra tai nạn dẫn đến trọng thương hoặc tử vong. Luôn giữ chân trên bàn đạp phanh đến khi bạn xác nhận **P** được hiển thị trên đèn báo vị trí cần số.

Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa, như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ. Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.

»»Khi Đã Dừng

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số tới **P** trước khi xe dừng hẳn.

►►Khi Đã Dừng

Ở điều kiện thời tiết quá lạnh, phanh đĩa có thể bị đóng băng khi đã gài. Nếu gặp phải tình trạng thời tiết như vậy, không gài phanh đĩa, nhưng nếu đỗ xe trên dốc, bạn cần đánh lái sao cho các bánh trước quay vào sát gờ lề đường nếu xe có xu hướng lăn xuống, hoặc cần chèn các bánh xe để cho xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị lăn bất ngờ, gây va chạm.

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

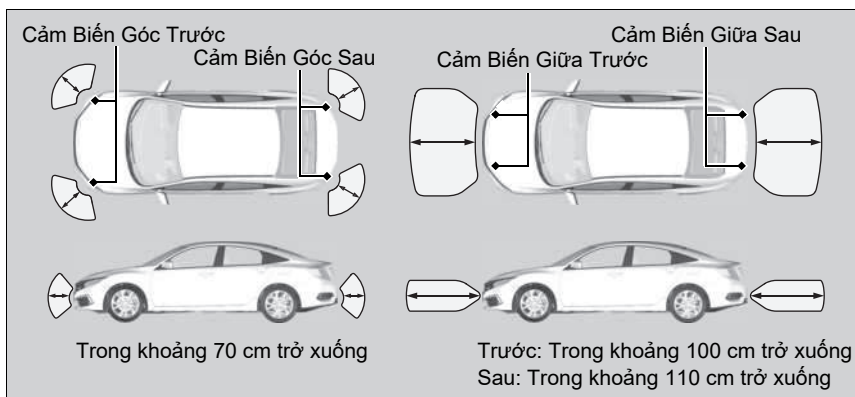
Ở một số quốc gia không cho phép chạy không tải. Kiểm tra và thực hiện các yêu cầu pháp lý của địa phương.

Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Loại xe có 8 cảm biến

Các cảm biến góc và cảm biến giữa theo dõi các vật cản gần xe. Bộ phát tiếng bíp và màn hình âm thanh/thông tin sẽ giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

■ Vị trí và phạm vi của cảm biến



Lái Xe

►►Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Thậm chí khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác minh xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động đúng cách khi:

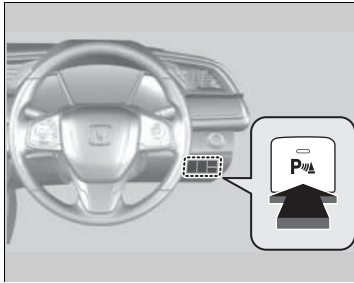
- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi che phủ.
- Xe đi ở nơi không bằng phẳng, như có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Xe đỗ bên ngoài trong thời tiết nóng hoặc lạnh.
- Hệ thống bị ảnh hưởng từ các thiết bị điện tử phát ra sóng siêu âm.
- Lái xe trong thời tiết xấu.

Hệ thống có thể không cảm nhận được:

- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, băng, hoặc xốp.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Không đặt các phụ kiện lên trên hoặc xung quanh cảm biến.

■ Bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ



Khi chế độ nguồn ở BẬT, ấn nút hệ thống cảm biến đỗ để bật hoặc tắt hệ thống. Đèn báo trên nút sẽ sáng khi bật hệ thống.

Cảm biến góc trước và cảm biến giữa trước bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở bất kỳ vị trí nào trừ **P** hoặc **R**, và tốc độ xe thấp hơn 8 km/h.

Các cảm biến góc trước, cảm biến góc sau và cảm biến giữa sau bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở **R**, và tốc độ xe dưới 8 km/h.

■ Khi khoảng cách giữa xe và chướng ngại vật ngắn hơn

Độ dài tiếng bíp gián đoạn	Khoảng cách giữa Tấm Cản và Vật Cản		Đèn Báo	Màn hình âm thanh/thông tin
	Cảm Biến Góc	Cảm Biến Giữa		
Trung bình	—	Trước: Khoảng 100-60 cm Sau: Khoảng 110-60 cm	Nhấp Nháy Màu Vàng* ¹	 <p>Các đèn báo sáng khi cảm biến phát hiện vật cản</p>
Ngắn	Khoảng 70-45 cm	Khoảng 60-45 cm	Nhấp Nháy Màu Hở Phách	
Rất ngắn	Khoảng 45-35 cm	Khoảng 45-35 cm		
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Khoảng 35 cm trở xuống	Nhấp Nháy Màu Đỏ	

*1: Ở giai đoạn này, chỉ các cảm biến giữa phát hiện các vật cản.

■ Tắt Tắt Cả Cảm Biến Sau

1. Đảm bảo hệ thống cảm biến đỗ không kích hoạt. Cài đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHOÁ).
2. Ấn và giữ nút hệ thống cảm biến đỗ, và đặt chế độ nguồn ở BẬT.
3. Ấn và giữ nút trong 10 giây. Nhả nút khi đèn báo trên nút nhấp nháy.
4. Ấn nút lần nữa. Đèn báo trên nút sẽ tắt.
 - Tiếng bíp vang lên hai lần. Lúc này, các cảm biến sau sẽ tắt.

Để bật lại cảm biến sau, làm theo quy trình bên trên. Tiếng bíp vang lên ba lần khi bật lại các cảm biến sau.

►►Tắt Tắt Cả Cảm Biến Sau

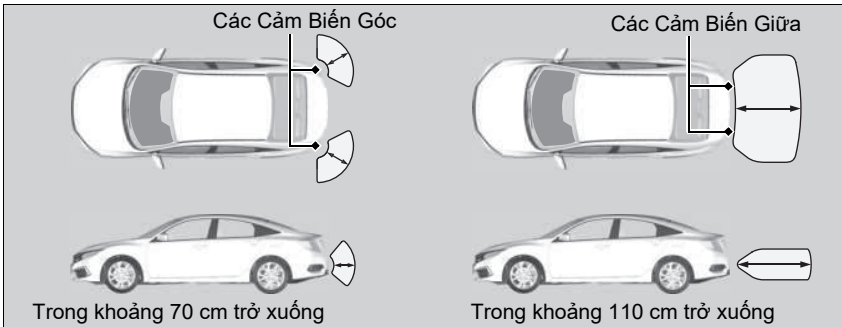
Khi bạn gạt cần số đến [R], đèn báo trên nút hệ thống cảm biến đỗ sẽ nhấp nháy để nhắc nhở cảm biến sau đã tắt.

Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

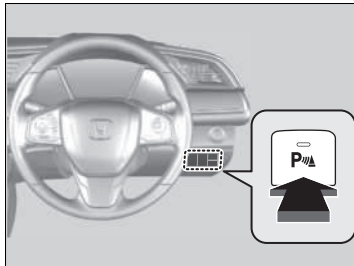
Loại xe có 4 cảm biến

Cảm biến góc sau và cảm biến giữa theo dõi các vật cản phía sau xe bạn, và tiếng bíp và màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình hiển thị âm thanh/thông tin sẽ báo cho bạn biết khoảng cách tương đối giữa xe bạn và vật cản.

■ Vị trí và phạm vi cảm biến



■ Bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ



Khi khóa điện ở BẬT **[II]***¹, ấn nút hệ thống cảm biến đỗ để bật hoặc tắt hệ thống. Đèn báo trên các nút sẽ sáng khi hệ thống bật.

Hệ thống kích hoạt khi cần số ở **[R]**.

►►Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Mặc dù khi hệ thống bật, phải luôn xác nhận rằng không có vật cản ở gần xe của bạn trước khi đỗ xe.

Hệ thống có thể không hoạt động đúng khi:

- Các cảm biến bị phủ tuyết, băng, bùn đất hoặc bụi bẩn.
- Xe chạy ở nơi không bằng phẳng, như trên cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Xe ở bên ngoài trong thời tiết nóng hoặc lạnh.
- Hệ thống bị ảnh hưởng từ các thiết bị phát ra sóng siêu âm.
- Lái xe trong thời tiết xấu.

Hệ thống có thể không cảm nhận được:

- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc xốp.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Không để bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh cảm biến.

►►Bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ*

Khi bạn xoay khóa điện đến BẬT **[II]***¹, hệ thống sẽ ở trong điều kiện đã được chọn trước đó.

* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

■ Khi khoảng cách giữa xe và chướng ngại vật ngắn hơn

Độ dài tiếng bíp gián đoạn	Khoảng cách giữa tấm cản và vật cản		Đèn Báo	Màn hình âm thanh/thông tin* / Giao diện thông tin cho người lái*
	Cảm biến góc	Cảm biến giữa		
Trung bình	—	Khoảng 110-60 cm	Nhấp nháy màu vàng ^{*1}	<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px;">Loại xe không có camera quan sát sau</div>  <p>Đèn báo nơi cảm biến phát hiện vật cản.</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px;">Loại xe có camera quan sát sau</div>  <p>Đèn báo sáng nơi cảm biến phát hiện vật cản.</p>
Ngắn	Khoảng 70-45 cm	Khoảng 60-45 cm	Nhấp nháy màu hổ phách	
Rất ngắn	Khoảng 45-35 cm	Khoảng 45-35 cm		
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Khoảng 35 cm trở xuống	Nhấp nháy màu đỏ	

*1: Ở giai đoạn này, chỉ các cảm biến giữa phát hiện các vật cản.

Lái Xe

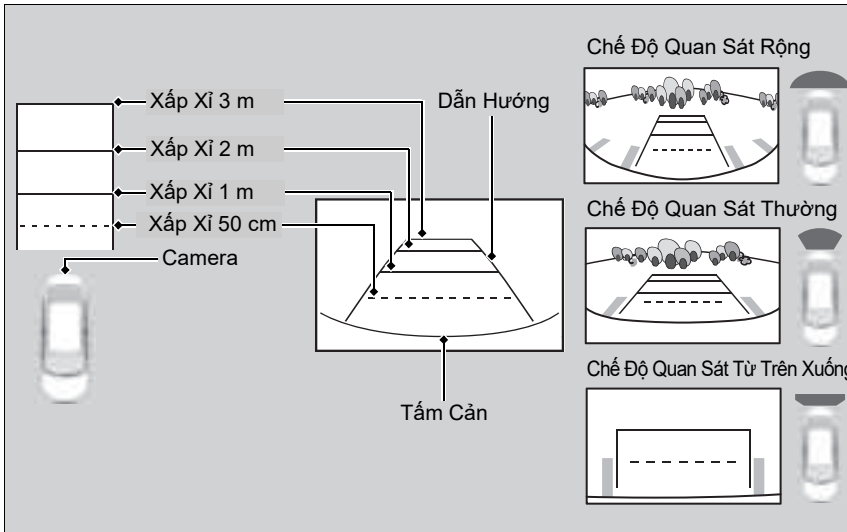
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Camera Lùi Đa Hướng*

Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Màn hình âm thanh/thông tin có thể hiển thị tầm nhìn sau xe bạn. Màn hình sẽ tự động chuyển sang tầm nhìn sau khi cần số được gạt sang **R**.

Vùng Hiển Thị Camera Lùi Đa Hướng



Camera Lùi Đa Hướng

Tầm nhìn camera quan sát sau bị hạn chế. Bạn không thể nhìn thấy các đuôi góc của tấm cản hoặc vật nằm dưới tấm cản. Thấu kính của nó làm cho vật thể trông gần hơn hoặc xa hơn so với thực tế.

Hãy xác nhận bằng mắt về độ an toàn trước khi lùi xe. Các điều kiện cụ thể (như thời tiết, ánh sáng, và nhiệt độ cao) cũng có thể làm hạn chế tầm nhìn sau. Không nên phụ thuộc vào màn hình hiển thị tầm nhìn sau vì nó không thể cung cấp cho bạn tất cả thông tin về tình hình phía sau xe của bạn.

Nếu thấu kính bị bụi bẩn hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để làm sạch thấu kính.


Bạn có thể quan sát các chế độ camera khác nhau trên màn hình quan sát sau.


Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu


Ấn nút chọn để chuyển chế độ.

Loại xe có Màn Hình Âm thanh

Chọn vào các biểu tượng thích hợp để chuyển chế độ quan sát.

 : Chế độ quan sát rộng

 : Chế độ quan sát thường

 : Chế độ quan sát từ trên xuống

Tất cả các loại xe

- Nếu chế độ quan sát sử dụng lần trước là Rộng hoặc Bình Thường, thì chế độ đó sẽ được chọn ở lần tiếp theo khi gạt cần số đến **[R]**.
- Trước khi bạn tắt động cơ, nếu chế độ quan sát được sử dụng lần trước là Quan sát từ trên xuống, thì chế độ Quan Sát Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn xoay khóa điện đến BẬT **[II]**^{*1}, và gạt cần số đến **[R]**.
- Nếu chế độ Quan sát từ trên xuống được sử dụng lần trước trong hơn 10 giây sau khi bạn gạt cần số ra khỏi **[R]**, thì chế độ Quan Sát Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn sang số đến **[R]**.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

►► Camera Lùi Đa Hướng

Loại xe có hệ thống màn hình âm thanh màu

Bạn có thể thay đổi cài đặt **BẬT** hoặc **TẮT Camera Guideline**.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

Loại xe có Màn Hình Hiển Thị Âm Thanh Màu

Bạn có thể thay đổi cài đặt **Fixed Guideline** và **Dynamic Guideline**.

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 353

Fixed Guideline (Dẫn Hướng Cố Định)

On: Dẫn hướng xuất hiện khi bạn sang số đến **[R]**.

Off: Dẫn hướng không xuất hiện.

Dynamic Guideline (Dẫn Hướng Động)

On: Dẫn hướng di chuyển theo hướng quay của vô lăng.

Off: Dẫn hướng không di chuyển.

Nạp Nhiên Liệu

Loại xe có động cơ xăng

Thông Tin Nhiên Liệu

■ Nhiên liệu khuyến dùng

Loại xe Thái Lan có động cơ 1.8 L

Xăng/dầu không chì lên đến E85 (15% xăng và 85% ethanol), chỉ số Ớc-tan 91 trở lên

Sử dụng xăng/dầu có chỉ số Ớc-tan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn làm hỏng động cơ.

Loại xe Thái Lan có động cơ 1.5 L

Xăng/dầu không chì lên đến E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Ớc-tan 91 trở lên

Sử dụng xăng/dầu có chỉ số Ớc-tan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn làm hỏng động cơ.

Loại xe Indonesia

Xăng không chì, chỉ số Ớc-tan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Ớc-tan thấp hơn thỉnh thoảng sẽ gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ dẫn đến làm giảm hiệu suất động cơ.

Sử dụng xăng có chỉ số Ớc-tan thấp hơn 88 có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe Pakistan có động cơ 1.8 L

Xăng không chì, chỉ số Ớc-tan 87 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Ớc-tan thấp hơn có thể để lại cặn, gây ra tiếng gõ kim loại lớn làm hỏng động cơ.

»Nạp Nhiên Liệu

Loại xe Thái Lan có động cơ 1.8 L

Ngay sau khi nạp nhiên liệu, đặc biệt là khi bạn đã chuyển sang một loại nhiên liệu khác, động cơ và hệ thống nhiên liệu có thể chuyển sang giai đoạn bù hiệu suất nhiên liệu.

Hãy lái xe ở tốc độ ổn định trong khoảng 10 phút, mà không tăng tốc nhanh khi điều kiện giao thông cho phép. Trong giai đoạn này, bạn có thể nghe thấy tiếng gõ động cơ.

»Thông Tin Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những nguy hại sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ trung hòa khí xả
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng đến động cơ và các hệ thống khác

Loại xe Pakistan có động cơ 1.5 L

Xăng không chì, chỉ số Ôc-tan 91 trở lên

Xe của bạn được thiết kế để vận hành bằng xăng không chì có chỉ số ốc-tan 91 trở lên.

Nếu không có loại xăng đó, có thể tạm thời sử dụng xăng Không chì thông thường có chỉ số ốc-tan 87 hoặc cao hơn.

Sử dụng xăng không chì thông thường có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và dẫn đến giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng thông thường trong thời gian dài sẽ làm hỏng động cơ.

Các loại xe khác

Xăng không chì, chỉ số Ôc-tan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số ốc-tan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn trong thời gian dài làm hỏng động cơ.

■ **Dung tích bình nhiên liệu: 47 lít**

Loại động cơ 1.5 L

■ **Dung dịch vệ sinh động cơ**

Cần sử dụng chất Phụ Gia Vệ Sinh Kim Phun thường xuyên tùy thuộc vào chất lượng nhiên liệu ở nơi bạn lái xe.

Loại xe có động cơ chạy dầu đi-ê-zen

Thông Tin Nhiên Liệu

■ Nhiên liệu khuyến dùng

Nhiên Liệu Đi-ê-zen

Sử dụng nhiên liệu đi-ê-zen quy định có chỉ số cetane từ 51 trở lên và hàm lượng lưu huỳnh lên đến 350 ppm.

Chọn nhiên liệu sạch và chất lượng phù hợp theo điều kiện khu vực và khí hậu. Sử dụng nhiên liệu không phù hợp có thể làm giảm công suất động cơ.

■ Dung tích bình nhiên liệu: 47 L

►► Thông Tin Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Có thể xảy ra hư hỏng nghiêm trọng nếu sử dụng xăng cho động cơ chạy dầu đi-ê-zen.

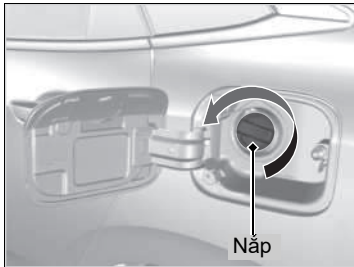
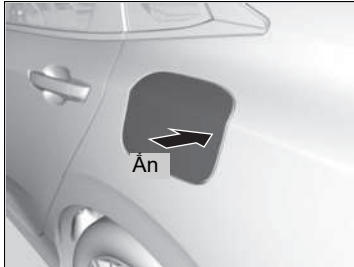
Xe của bạn không được thiết kế để sử dụng dầu đi-ê-zen sinh học (tinh khiết hoặc nồng độ cao hơn 7%). Tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.


Không sử dụng nhiên liệu đi-ê-zen khuyến dùng có thể làm giảm hiệu suất của động cơ.

Không được sử dụng dầu đốt hoặc dầu hàng hải.

Bạn nên thay bộ lọc dầu trước khi bắt đầu lái xe nếu xe bạn để lâu không đi. Bộ lọc dầu có thể sẽ bị tắc nhanh hơn đi thường xuyên.

Cách Nạp Nhiên Liệu



1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở bên trái và phía sau xe.
2. Tắt động cơ.
3. Mở khoá cửa người lái bằng công tắc khoá cửa chính hoặc vấu khoá.
 - Cửa nạp nhiên liệu ở bên ngoài xe sẽ mở khoá.
-  **Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong**
 Tr. 183
4. Ấn lên mép cửa nạp nhiên liệu để nó bật nhẹ lên.
5. Từ từ xoay nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, đợi đến khi không còn tiếng xì, xoay núm từ từ để mở nắp bình nhiên liệu.
6. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.
7. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào.
 - Khi bình nhiên liệu đầy, vòi phun sẽ tự động ngắt. Nó sẽ để lại khoảng trống trong bình phòng khi nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

►► Cách Nạp Nhiên Liệu

⚠ CẢNH BÁO

Xăng có khả năng cháy và nổ rất cao. Bạn có thể bị bỏng hoặc bị trọng thương khi xử lý nhiên liệu.

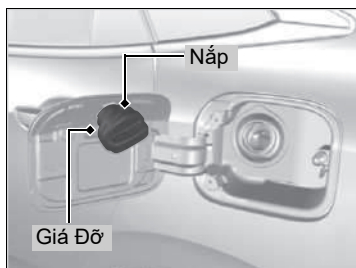
- Dừng động cơ, và để xe tránh xa nhiệt, các tia lửa, và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn ra.

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu để phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động dừng. Nhiên liệu bổ sung có thể vượt quá dung tích bình nhiên liệu.

Dùng vấu khoá hoặc công tắc khoá cửa chính để mở khoá cửa nạp nhiên liệu. Các cửa xe và cửa nạp nhiên liệu sẽ tự động khoá lại nếu sử dụng chức năng mở khoá từ xa. Có thể tắt chức năng này bằng cách mở và đóng nhanh cửa người lái.

Cửa nạp nhiên liệu và cơ cấu chốt cửa nó có thể hỏng nếu cửa nạp nhiên liệu bị đóng ép khi cửa người lái đã khoá.



- 8.** Sau khi đổ đầy, đậy nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.
- Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO₂

Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Tiết kiệm nhiên liệu và giảm thiểu khí thải CO₂ phụ thuộc vào một số điều kiện như điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng của xe. Tùy theo các điều kiện này và một số điều kiện khác, bạn không đạt được tính tiết kiệm nhiên liệu định mức cho xe.

■ Bảo Dưỡng và Tiết Kiệm Nhiên Liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách. Làm theo lịch bảo dưỡng trong sổ bảo hành kèm theo xe.

➤ **Lịch Bảo Dưỡng*** Tr. 552

- Sử dụng dầu động cơ với độ nhớt phù hợp.
- **Dầu Động Cơ Khuyến Dùng** Tr. 566
- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không chở đồ quá trọng lượng cho phép.
- Vệ sinh xe sạch sẽ. Tuyệt hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

☒ Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái.

$$\begin{array}{ccccccc} 100 & \times & \text{Lit nhiên liệu} & \div & \text{Kilomet đi được} & = & \text{Lit trên 100 km} \\ \text{Kilomet đi được} & \div & \text{Lit nhiên liệu} & = & \text{Kilomet trên Lit} & & \end{array}$$

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Nhãn hiệu: HONDA

Nhà sản xuất/Nhập khẩu: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Loại nhiên liệu: XĂNG KHÔNG CHỈ

Chu trình thử: QCVN 86:2015/BGTVT

Số loại	Chu trình tổ hợp	Chu trình đô thị cơ bản	Chu trình đô thị phụ
CIVIC RS (FC168KEN)	6,1	8,1	5
CIVIC G (FC661KLNX)	6,2	8,5	4,8
CIVIC E (FC663KL)	6,2	8,5	4,9

Đơn vị: Lit/100km

Ghi chú: mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.

Xe Có Động Cơ Tăng Áp*

Lưu Ý Khi Xử Lý

Tu-bô tăng áp là thiết bị có độ chính xác cao để đạt được công suất cao hơn bằng cách cung cấp một lượng khí nén lớn vào động cơ sử dụng tua-bin được điều khiển bởi áp suất khí thải của động cơ.

- Khi động cơ nguội ngay sau khi khởi động, tránh tăng tốc động cơ hoặc tăng ga đột ngột.
- Luôn thay dầu động cơ và lọc dầu động cơ theo thông tin trên hệ thống Giám Sát Dầu. Tốc độ quay tua-bin cao nhất là hơn 100.000 rpm và nhiệt độ của nó lên tới hơn 700°C. Nó được bôi trơn và làm mát bằng dầu động cơ. Nếu bạn không thay dầu động cơ và bộ lọc theo quãng đường hoặc thời gian trên lịch bảo dưỡng, dầu động cơ đã bị nhiễm bẩn có thể gây ra sự cố như làm kẹt hoặc có tiếng ồn bất thường ở vòng bi tua-bin.

Lái Xe

*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

*2: Loại xe Châu Phi

»Xe Có Động Cơ Tăng Áp*

Thời gian để bảo dưỡng định kỳ để thay dầu động cơ và bộ lọc được hiển thị trên màn hình thông tin*/màn hình giao diện thông tin cho người lái*. Hãy làm theo chỉ dẫn về thời gian thay.

»Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu Tr. 543, 547

Vạch báo trên đồng hồ đo nhiệt độ sẽ ở [H]^{*1} hoặc mức cao hơn^{*2} khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe ở điều kiện tải cao như tốc độ cao hoặc ở địa hình đồi núi. Điều này là bình thường. Vạch báo trên đồng hồ đo sẽ ở mức thấp hơn sau khi bạn lái xe không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

Bảo Dưỡng

Chương này đề cập đến quy trình bảo dưỡng cơ bản.



Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng	540
An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng..	541
Phụ Tùng và Dầu Dùng trong Bảo Dưỡng	542

Hệ Thống Giám Sát Dầu*

Lịch Bảo Dưỡng*	552
-----------------------	-----

Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Chi Tiết Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô	561
Mở Nắp Ca-pô	564
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng	566
Kiểm Tra Dầu	568
Bổ Sung Dầu Động Cơ	571

Nước Làm Mát Động Cơ	572
Dầu Hộp Số	576
Dầu Phanh/Ly Hợp*	577
Bổ Sung Nước Rửa Kính.....	578
Lọc Nhiên Liệu	579

Thay Bóng Đèn.....

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưới Gạt Nước	580
Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp	592

Kiểm Tra Lốp	595
Vạch Báo Độ Mòn Lốp	596
Túi Thỏ Lốp	596
Thay Lốp và Bánh Xe	597

Đảo Lốp	598
Thiết Bị Bám Đường Tuyệt.....	600

Ắc Quy

Kiểm Tra Ắc Quy	602
Nạp Ắc Quy.....	604

Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Thay Pin	606
----------------	-----

Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu

Lọc Gió Điều Hoà.....	608
-----------------------	-----

Vệ Sinh

Vệ Sinh Nội Thất	610
Vệ Sinh Ngoại Thất	612

Phụ Kiện và Điều Chỉnh.....

.....	615
-------	-----

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện ra bất kỳ sự cố nào (tiếng ồn, mùi, thiếu dầu phanh, cạn dầu trên đất, v.v.), hãy đến đại lý kiểm tra xe. Tham khảo Sổ Bảo Dưỡng* đi cùng với xe/lich bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin về quy trình kiểm tra và bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng*** Tr. 552

Phân Loại Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

■ Kiểm tra hàng ngày

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh hàng tháng.
 - 📖 **Dầu Phanh/Ly Hợp*** Tr. 577
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra gân lốp có bị mòn và dính bất kỳ vật gì không.
 - 📖 **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp** Tr. 595
- Kiểm tra các bóng đèn bên ngoài hàng tháng.
 - 📖 **Thay Bóng Đèn** Tr. 580
- Kiểm tra tình trạng của các lưới gạt nước ít nhất sáu tháng một lần.
 - 📖 **Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưới Gạt Nước** Tr. 592

An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Phần này đề cập đến một số biện pháp an toàn quan trọng nhất. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện các công việc bảo dưỡng đã đưa ra hay không.

An Toàn Khi Bảo Dưỡng

- Để giảm khả năng cháy nổ, hãy để ắc quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Không để vải vụn, giẻ lau, hoặc các vật dễ cháy dưới nắp ca-pô.
 - Nhiệt nóng từ động cơ và khí xả có thể bắt lửa gây cháy.
- Để làm sạch các phụ tùng, dùng bình xịt hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng, không dùng xăng.
- Đeo kính bảo vệ mắt và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa cacbon monoxit rất độc hại và có thể gây chết người.
 - Chỉ vận hành động cơ trong khu vực có thông gió tốt.

An Toàn Cho Xe

- Xe phải ở trong tình trạng dừng.
 - Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, cài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận nóng có thể khiến bạn bị bỏng.
 - Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi tiếp xúc với các bộ phận trên xe.
- Lưu ý rằng các bộ phận di chuyển trên xe có thể khiến bạn bị thương.
 - Không khởi động động cơ trừ khi được chỉ dẫn và không chạm tay vào các bộ phận đang di chuyển.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

► An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

⚠ CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không điều chỉnh đúng trước khi lái có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các khuyến nghị và lịch trình về kiểm tra, bảo dưỡng trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng/Sổ Bảo Dưỡng này*.

⚠ CẢNH BÁO

Không thực hiện đúng theo các chỉ dẫn và biện pháp bảo dưỡng có thể khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và lưu ý trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Phụ Tùng và Dầu Dùng trong Bảo Dưỡng

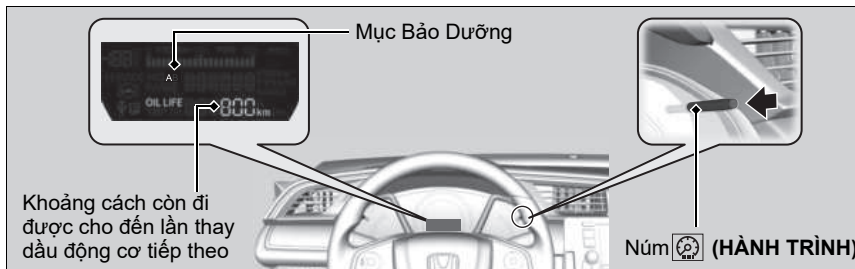
Hãy dùng các phụ tùng và các loại dầu chính hiệu Honda khi bảo dưỡng và bảo trì xe. Các phụ tùng chính hiệu Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao được sử dụng cho các xe của Honda.


Hệ Thống Giám Sát Dầu*


Đèn báo hệ thống giám sát dầu sẽ nhắc bạn khi cần thay dầu động cơ, hoặc khi cần đưa xe đến đại lý để bảo dưỡng theo lịch.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu



1. Cài đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút  (**HÀNH TRÌNH**) liên tục cho đến khi tuổi thọ dầu động cơ hiển thị trên màn hình thông tin.

Đèn báo hệ thống giám sát dầu  sẽ tiếp tục sáng trên bảng điều khiển khi đến thời gian bảo dưỡng. Hãy đưa xe ngay đến đại lý để bảo dưỡng.

❏ Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

Dựa vào điều kiện vận hành của động cơ và dầu động cơ, khoảng cách còn đi được cho tới lần bảo dưỡng tiếp theo sẽ được tính toán và hiển thị.

Tùy theo điều kiện lái, quãng đường di chuyển thực tế có thể ngắn hơn quãng đường được hiển thị.






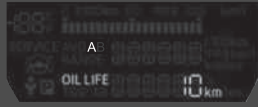
Loại bảo dưỡng và mục bảo dưỡng như bên dưới:

- A. Thay dầu động cơ
- B. Thay dầu động cơ và lọc dầu



Không nên phụ thuộc vào thông tin hệ thống giám sát dầu, hãy thực hiện bảo dưỡng sau một năm kể từ lần thay dầu trước đó.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu Trên Màn Hình Thông Tin

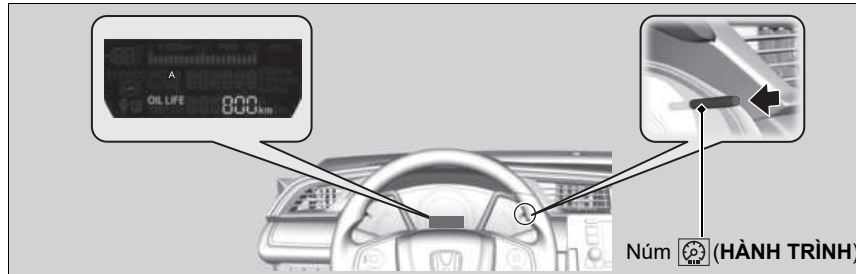
Đèn Báo Hệ Thống Giám Sát Dầu	Màn Hình Thông Tin	Thông Tin
—		<p>Khi bạn thiết lập lại quãng đường còn đi được sau khi thay dầu, một dòng dấu chấm sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị tuổi thọ dầu động cơ. Những dấu chấm này sẽ vẫn xuất hiện cho đến khi hệ thống xác định được quãng đường xe còn đi được cho đến lần thay dầu tiếp theo dựa vào các điều kiện lái.</p>
		<p>Khi bạn chọn màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu, nó sẽ hiển thị mã của mục bảo dưỡng cho lần thay dầu tiếp theo, tùy theo quãng đường còn đi được.</p>
 Bắt đầu sáng khi bật nguồn. Nó tắt khi nút  được ấn.		<p>Dầu động cơ sắp hết tuổi thọ.</p>
		<p>Dầu động cơ gần như đã hết tuổi thọ và các mục bảo dưỡng phải được kiểm tra và bảo dưỡng càng sớm càng tốt.</p>




Bảo Dưỡng

Đèn Báo Hệ Thống Giám Sát Dầu	Màn Hình Thông Tin	Thông Tin
 <p>Sáng lên để nhắc nhở cho đến khi hệ thống giám sát dầu được thiết lập lại.</p>	 <p>Quãng đường nhấp nháy</p>	<p>Tuổi thọ dầu động cơ đã hết. Phải kiểm tra và bảo dưỡng các mục bảo dưỡng ngay lập tức.</p>

■ Thiết Lập Lại Màn Hình

Thiết lập lại thông tin hệ thống giám sát dầu nếu bạn thực hiện bảo dưỡng.



1. Xoay khóa điện đến BẬT II*¹ và dừng xe hoàn toàn.
2. Hiện thị tuổi thọ dầu động cơ bằng cách ấn đi ấn lại nút  (HÀNH TRÌNH).
3. Ấn và giữ nút  trong 10 giây hoặc hơn.
 - Màn hình sẽ nhấp nháy để thể hiện nó đang trong chế độ thiết lập lại.
4. Ấn và giữ nút  cho đến khi màn hình thay đổi.
 - Khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu được thiết lập lại, tuổi thọ dầu động cơ được thiết lập lại đến ----- km.

►►Thiết Lập Lại Màn Hình

CHÚ Ý

Nếu không thiết lập lại tuổi thọ dầu động cơ sau khi bảo dưỡng sẽ làm hệ thống hiển thị sai thời gian bảo dưỡng và có thể dẫn đến sự cố cơ học nghiêm trọng.

Bạn có thể hủy màn hình thiết lập lại theo một trong các cách dưới đây trong khi màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu nhấp nháy.

- Không vận hành bất cứ bộ phận nào trong 30 giây.
- Tắt động cơ.

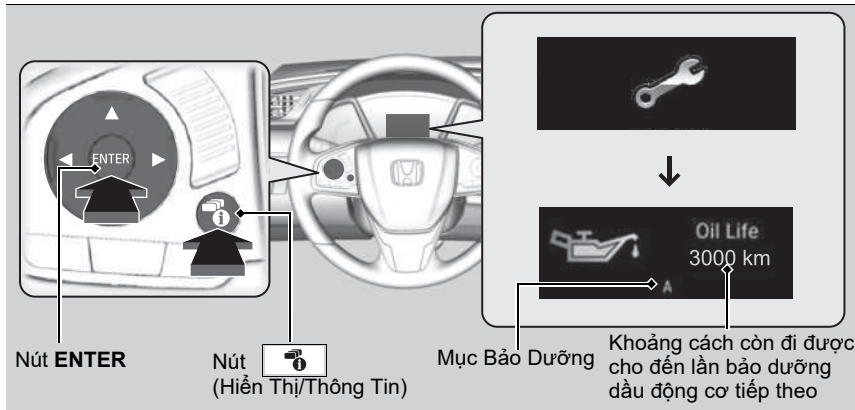
Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình hiển thị tuổi thọ dầu động cơ sau khi hoàn thành bảo dưỡng được yêu cầu. Nếu đại lý không thực hiện bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

Các mục bảo dưỡng sắp đến hạn cùng với tuổi thọ dầu còn lại được ước tính sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Bạn có thể quan sát nó trên màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu bất cứ lúc nào.



1. Xoay khóa điện đến **BẬT II***1.
2. Ấn nút (Hiển Thị/Thông Tin) vài lần cho đến khi (Hiển Thị/Thông Tin) được hiển thị.
3. Ấn **ENTER** để chuyển sang màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu. Mục bảo dưỡng và khoảng cách còn đi được sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái cùng với mục bảo dưỡng sắp đến hạn.

Đèn báo thông báo hệ thống (i) tiếp tục sáng trên bảng điều khiển khi đến thời kỳ bảo dưỡng. Hãy đến ngay đại lý để bảo dưỡng.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện

Còn nữa

►► Hiển Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

Dựa vào điều kiện vận hành của động cơ và dầu động cơ, khoảng cách xe còn đi được cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo sẽ được tính toán và hiển thị.

Tùy theo điều kiện lái, quãng đường di chuyển thực tế có thể ngắn hơn quãng đường được hiển thị.

Loại bảo dưỡng và mục bảo dưỡng như bên dưới:

- A. Thay dầu động cơ
- B. Thay dầu động cơ và lọc dầu

Không nên phụ thuộc vào thông tin hệ thống giám sát dầu, hãy thực hiện bảo dưỡng sau một năm kể từ lần thay dầu trước đó.

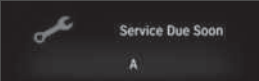
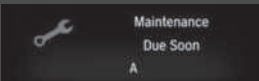

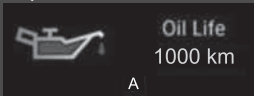
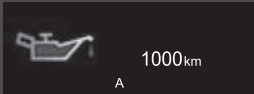
Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu Trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

Thông Tin Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông Tin
<p>BÌNH THƯỜNG</p>	<p>*1, *2</p>  <p>*3</p> 	<p>Khi bạn chọn thiết lập lại quãng đường còn đi được sau khi thay dầu, một dãy dấu chấm sẽ xuất hiện trên màn hình tuổi thọ dầu. Những dấu chấm này sẽ vẫn hiển thị cho đến khi hệ thống xác định được quãng đường xe còn đi được cho đến lần thay dầu tiếp theo dựa vào các điều kiện lái.</p>
	<p>*1, *2</p>  <p>*3</p> 	<p>Khi bạn chọn màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu, nó sẽ hiển thị mã của mục bảo dưỡng cho lần thay dầu tiếp theo, cùng với quãng đường còn đi được.</p>

*1: Ngoại trừ các loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*2: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

*3: Loại xe Châu Phi

Thông Tin Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông Tin
<p>ĐẾN HẠN BẢO DƯỠNG</p> <p>*1</p>  <p>*2</p>  <p>*3</p> 	<p>*1, *2</p>  <p>*3</p> 	<p>Tuổi thọ dầu động cơ sắp đến hạn.</p>

* 1: Ngoại trừ các loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 3: Loại xe Châu Phi

Bảo Dưỡng

Thông Tin Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông Tin
<p>ĐẾN HẠN BẢO DƯỠNG</p> <p>*1</p> <p>Service Due Now A</p> <p>*2</p> <p>Maintenance Due Now A</p> <p>*3</p> <p>A</p>	<p>*1, *2</p> <p>Oil Life 100 km A</p> <p>*3</p> <p>100 km A</p>	<p>Tuổi thọ dầu động cơ sắp đến hạn, và nên kiểm tra và bảo dưỡng càng sớm càng tốt.</p>
<p>QUÁ HẠN BẢO DƯỠNG</p> <p>*1</p> <p>Service Over Due A</p> <p>*2</p> <p>Maintenance Past Due A</p> <p>*3</p> <p>A</p>	<p>*1, *2</p> <p>Oil Life -10 km A</p> <p>*3</p> <p>-10 km A</p>	<p>Tuổi thọ dầu động cơ đã quá hạn. Phải kiểm tra và bảo dưỡng ngay lập tức.</p>

Bảo Dưỡng

* 1: Ngoại trừ các loại xe Châu Phi, Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 2: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

* 3: Loại xe Châu Phi

■ Thiết Lập Lại Màn Hình

Bạn có thể thiết lập lại hiển thị thông tin hệ thống giám sát dầu bằng cách sử dụng màn hình âm thanh/thông tin.

➤ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 353

»»Thiết Lập Lại Màn Hình

CHÚ Ý

Không thiết lập lại tuổi thọ dầu động cơ sau khi bảo dưỡng sẽ làm hệ thống hiển thị sai thời gian bảo dưỡng và có thể dẫn đến sự cố cơ học nghiêm trọng.

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ sau khi hoàn thành bảo dưỡng được yêu cầu. Nếu đại lý không thực hiện bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ.

Lịch Bảo Dưỡng*

Nếu xe của bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ này. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt các mục bảo dưỡng tối thiểu cần thiết mà bạn nên thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi vận hành. Do sự khác nhau về khí hậu và vùng miền, sẽ có thêm một số mục bảo dưỡng cần thiết. Hãy tham khảo sổ tay bảo hành để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý ủy quyền của bạn sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Ngoại trừ các loại xe Australia, New Zealand, An Độ và Nam Phi

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000	tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
			12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ*1	Không Có Turbo	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
		Khắc Nghiệt	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng									
	Turbo	Khi đèn báo sáng hoặc 1 năm										
Thay lọc dầu động cơ*1	Không Có Turbo	Bình Thường	Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm									
		Khắc Nghiệt	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
	Turbo	Khi đèn báo sáng hoặc 2 năm										
Bổ sung dung dịch vệ sinh kim phun chính hiệu*2	Loại kim phun trực tiếp		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay màng lọc gió			Sau mỗi 30.000 km									
Kiểm tra khe hở xu-páp	Ngoại Trừ E8		Sau mỗi 120.000 km*3									
	E85		Sau mỗi 40.000 km									
Thay lọc nhiên liệu*4						•				•		
Thay bugi	Iridium		Sau mỗi 100.000 km									
	Iridium+E85		Sau mỗi 60.000 km									
Kiểm tra dây đai truyền động				•		•		•		•		•
Thay nước làm mát động cơ			Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm									
Thay bộ trung hòa khí xả*5			Sau mỗi 30.000 km									

* 1: Chỉ một số quốc gia yêu cầu lịch bảo dưỡng khắc nghiệt: tham khảo sổ bảo hành tại quốc gia đó.

* 2: Sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun thông thường cho các loại xe Grand Cayman.
Có thể sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun thông thường cho các loại xe của các quốc gia sau, sẽ phụ thuộc vào chất lượng nhiên liệu sử dụng. Tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết: Bangladesh, Bermuda, Botswana, Brunei, Campuchia, Indonesia, Jamaica, Kenya, Lesotho, Mauritius, Mozambique, Nepal, Philippin, Seychelles, Sri Lanka, Swaziland, Tanzania, Việt Nam và Zambia.

* 3: Phương Pháp Cảm Nhận
Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu xảy ra ồn.

* 4: Tham khảo thông tin thay thế trong điều kiện lái khắc nghiệt ở trang 579.

* 5: Loại xe Pakistan có động cơ 1.5 L

►►Lịch Bảo Dưỡng►

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
Thay dầu hộp số	CVT		•		•		•		•		•
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Thay lọc gió điều hoà		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Đảo lốp (Kiểm tra xẹp lốp và tình trạng lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									
Kiểm tra bằng mắt các mục sau:											
Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi Thành phần hệ thống treo Chấn bụi trực truyền động		Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS) Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

Loại xe chạy xăng

Loại xe Ấn Độ

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tuỳ theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200	
		12	24	36	48	60	72	84	96	108	120	
Thay dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm										
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng										
Thay lọc dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm										
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm										
Thay màng lọc gió		Sau mỗi 20.000 km										
Kiểm tra khe hở xu páp		Sau mỗi 120.000 km ^{*1}										
Thay lọc nhiên liệu	Bình Thường				•				•			
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 40.000 km hoặc 2 năm ^{*2}										
Thay bugi	Iridium	Sau mỗi 100.000 km										
Kiểm tra dây đai truyền động			•		•		•		•		•	
Thay nước làm mát động cơ		Ở 200.000 km hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm										
Thay dầu hộp số	M-CVT		•		•		•		•		•	

* 1: Phương Pháp Cảm Nhận

Điều chỉnh xu-páp khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu thấy tiếng ồn.

* 2: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu bị tắc.

►► Lịch Bảo Dưỡng ►

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Thay lọc gió điều hoà		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Đảo lốp (Kiểm tra xẹp lốp và tình trạng lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									
Kiểm tra bằng mắt các mục sau:											
Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi Thành phần hệ thống treo Chấn bụi trực truyền động		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS) Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

Loại xe Ấn Độ

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
Thay dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng									
Thay lọc dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng									
Thay màng lọc gió		Sau mỗi 20.000 km									
Thay lọc nhiên liệu		Sau mỗi 20.000 km									
Kiểm tra dây đai truyền động			•		•		•		•		•
Thay nước làm mát động cơ						•			•		
Thay dầu hộp số	MT	Bình Thường					•				
		Khắc Nghiệt		•			•			•	
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Thay lọc gió điều hoà		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Đào lốp (Kiểm tra xẹp lốp và tình trạng lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									

►►Lịch Bảo Dưỡng►►

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km X 1.000 tháng	20 12	40 24	60 36	80 48	100 60	120 72	140 84	160 96	180 108	200 120
Kiểm tra bằng mắt các mục sau:											
Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi Thành phần hệ thống treo Chấn bụi trực truyền động	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm										
Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS) Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu											

Nếu lái xe trong điều kiện khắc nghiệt, phải bảo dưỡng các chi tiết sau theo lịch bảo dưỡng cho điều kiện lái Khắc Nghiệt

Chi Tiết	Điều Kiện
Dầu động cơ và lọc dầu	A, B, C, D và E
Dầu hộp số	B và D

⌘ Lịch Bảo Dưỡng*

Các điều kiện sau được cho là điều kiện lái khắc nghiệt:

- A. Trong mỗi chuyến đi, lái dưới 8 km, hoặc dưới 16 km trong nhiệt độ đóng băng.
- B. Nhiệt độ quá nóng trên 35°C.
- C. Chạy không tải trong thời gian dài hoặc xe phải đi trong tình trạng dừng và đi trong thời gian dài.
- D. Kéo rơ-moóc*, tải nặng trên nóc xe, hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- E. Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Lịch Bảo Dưỡng ► Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Trên Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)*

Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Trên Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)*

Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand và Nam Châu Phi

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết dưới đây. Giữ lại các biên lai cho tất cả các công việc bảo dưỡng đã thực hiện.

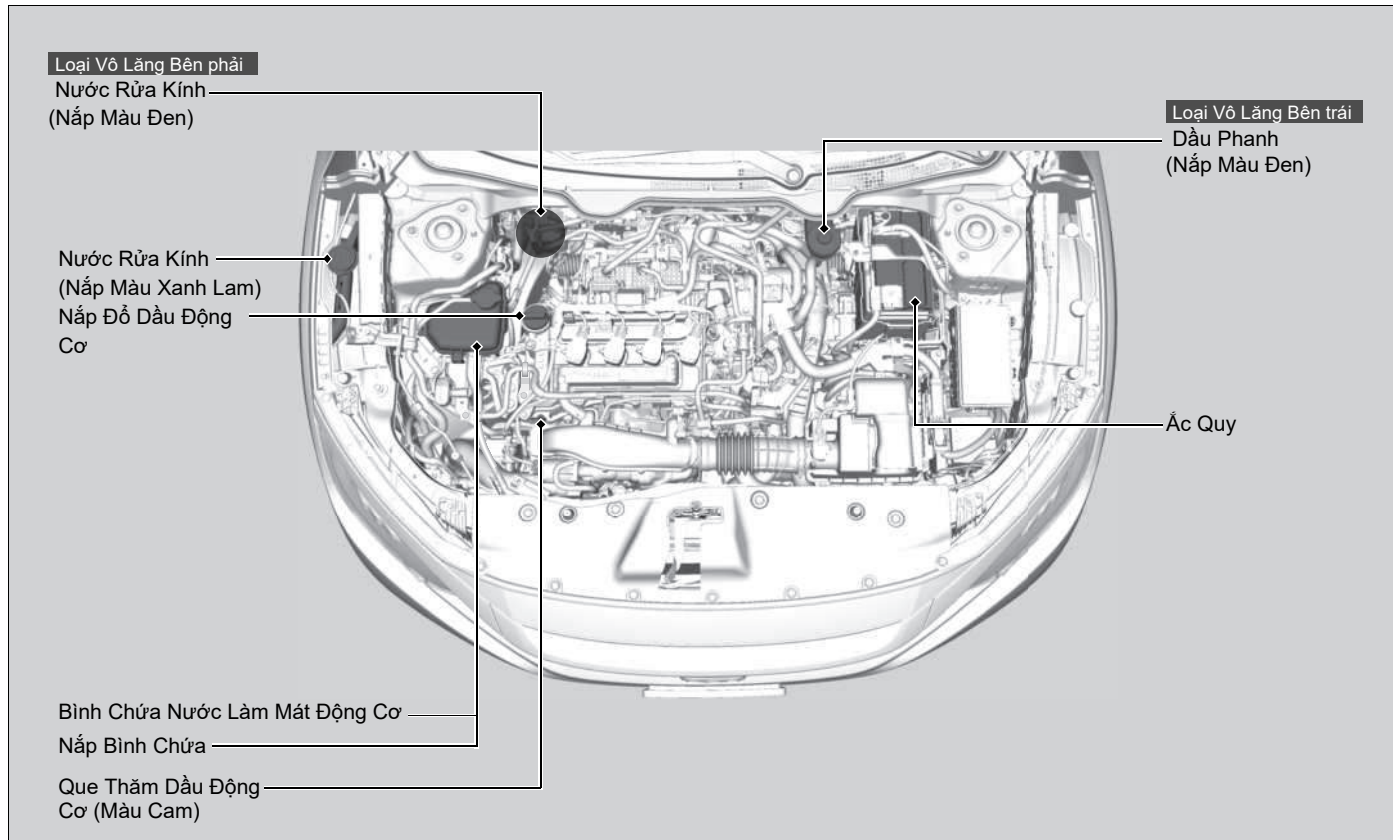
	Km hoặc Tháng	Ngày	Chữ Ký hoặc Đóng Dấu
	20.000 km (hoặc 12 Tháng)		
	40.000 km (hoặc 24 Tháng)		
	60.000 km (hoặc 36 Tháng)		
	80.000 km (hoặc 48 Tháng)		
	100.000 km (hoặc 60 Tháng)		
	120.000 km (hoặc 72 Tháng)		
	140.000 km (hoặc 84 Tháng)		
	160.000 km (hoặc 96 Tháng)		
	180.000 km (hoặc 108 Tháng)		
	200.000 km (hoặc 120 Tháng)		

Bảo Dưỡng

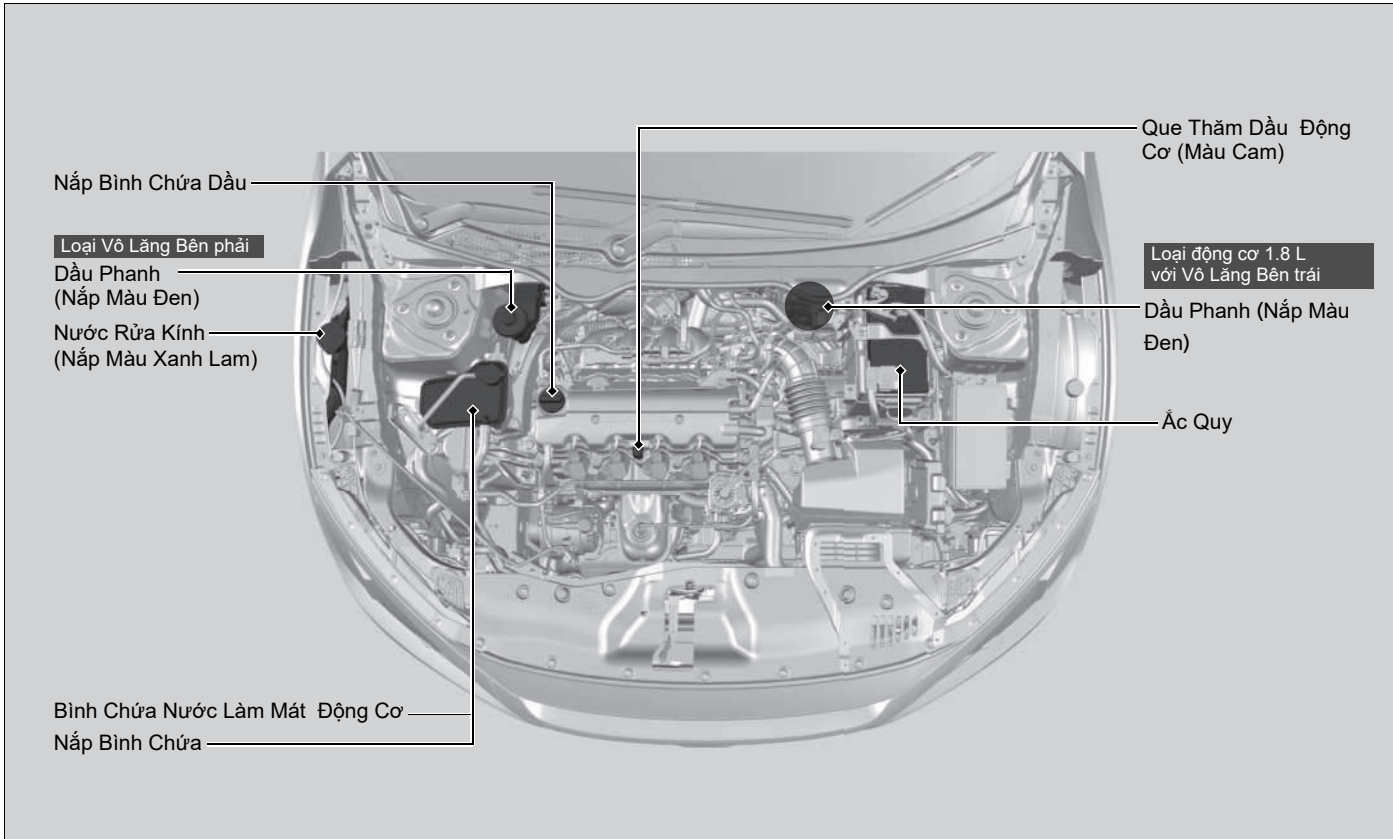
Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Loại xe chạy xăng có động cơ 1.5 L



Loại xe chạy xăng có động cơ 1.6 L và 1.8 L



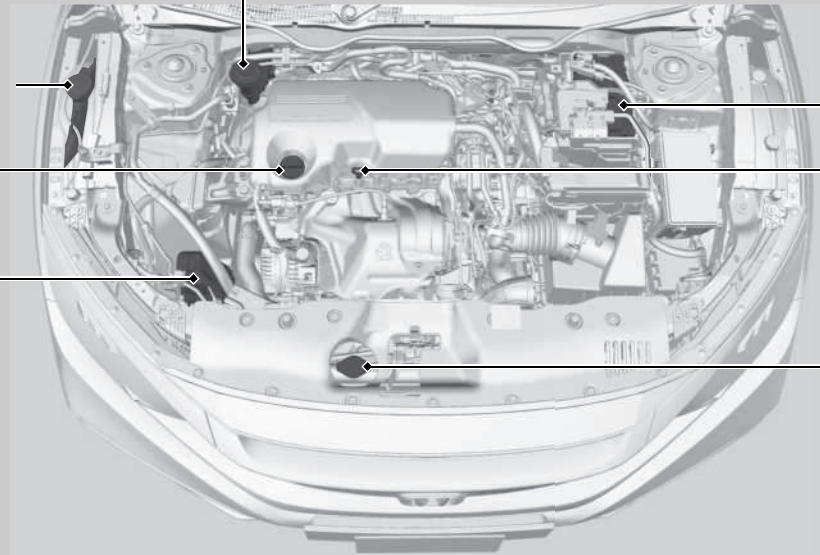
Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

Dầu Phanh/Ly Hợp
(Nắp Màu Đen)

Nước Rửa Kính
(Nắp Màu Xanh Lam)

Nắp Đổ Dầu Động Cơ

Bình Chứa Nước
Làm Mát Động Cơ

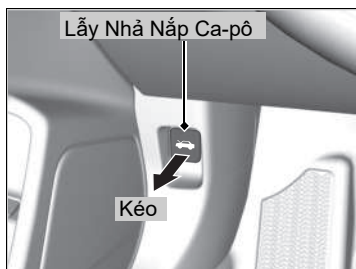


Ấc Quy

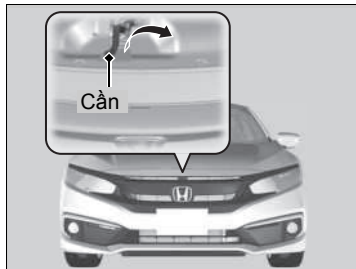
Que Thăm Dầu Động Cơ
(Màu Cam)

Nắp Két Nước

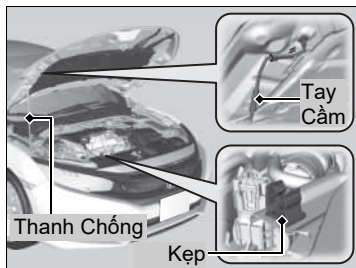
Mở Nắp Ca-pô



1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và gài phanh đỗ.
2. Kéo lấy mở nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài phía dưới bảng táp-lô phía người lái.
► Nắp ca-pô sẽ nảy lên.



3. Kéo cần chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của góc ca-pô ra giữa) và mở nắp ca-pô.
Khi bạn mở nhẹ nắp ca-pô, bạn có thể nhả lẫy.



4. Dùng tay cầm gạt thanh chống nắp ca-pô ra khỏi kẹp. Đặt thanh chống nắp ca-pô vào phía trong nắp ca-pô.

Khi đóng, bỏ thanh chống ra và xếp gọn vào kẹp, sau đó hạ nhẹ nắp ca-pô. Hạ nắp xuống thấp khoảng 30 cm, rồi thả tay ra để đóng nắp ca-pô.

►► Mở Nắp Ca-pô

⚠ CẢNH BÁO

Thanh chống nắp ca-pô có thể rất nóng do nhiệt thoát ra từ động cơ.

Để không bị bỏng, không nắm vào phần kim loại của thanh chống: Hãy nắm vào tay cầm xốp.

CHÚ Ý

Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang được nâng lên.

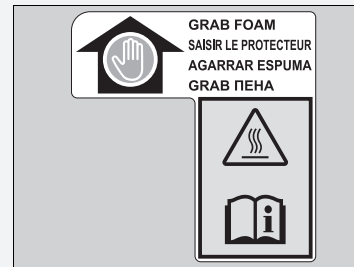
Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước, dẫn đến hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

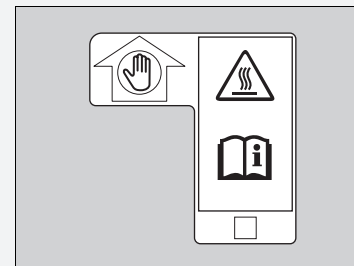
Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nâng cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn chốt.

►► Mở Nắp Ca-pô

Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Ấn Độ Indonesia và Thái Lan



Loại xe Ấn Độ



- Cầm vào tay nắm xốp.
- Thanh chống rất nóng.
- Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng.



Bảo Dưỡng

DẦU ĐỘNG CƠ KHUYẾN DÙNG

Sử dụng dầu động cơ chính hiệu hoặc các loại dầu động cơ khác có độ nhớt (phù hợp đối với nhiệt độ môi trường) như hình vẽ dưới đây.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp khi lái, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Loại xe chạy xăng

Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
<ul style="list-style-type: none"> Dầu Chính Hiệu Honda Motor 	<ul style="list-style-type: none"> Dầu đạt API cấp SM hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn ACEA A5 hoặc B5

* 1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

»» Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ
Xe của bạn không cần thêm chất phụ gia cho dầu động cơ. Thực chất, nó có thể gây tác dụng ngược đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
<ul style="list-style-type: none"> • Dầu Đi-ê-zen Honda Chính Hiệu #1.0 • Dầu Đi-ê-zen Honda Chính Hiệu #2.0 	<ul style="list-style-type: none"> • ACEA C2 hoặc C3

Dầu động cơ chính hiệu Honda giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

Kiểm Tra Dầu

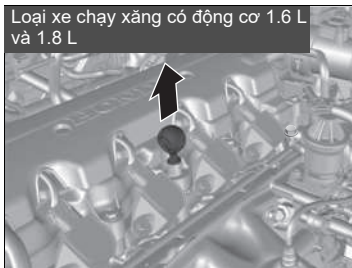
Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ bất cứ khi nào nạp nhiên liệu.
Đỗ xe nơi bằng phẳng.
Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.

►► Kiểm Tra Dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

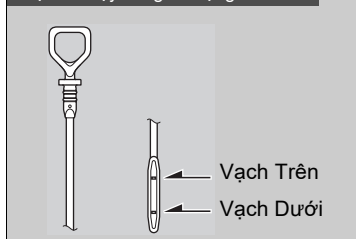
Lượng dầu tiêu thụ phụ thuộc vào cách lái xe và điều kiện thời tiết, đường xá. Tỷ lệ tiêu thụ có thể lên đến 1 lít trên 1.000 km.

Lượng tiêu thụ có thể cao hơn khi động cơ còn mới.



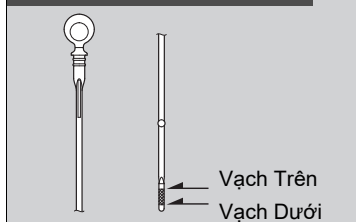
1. Rút que thăm dầu ra (màu cam).
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu trở lại vị trí ban đầu, cắm hết cỡ vào đúng vị trí.

Loại xe chạy xăng có động cơ 1.5 L

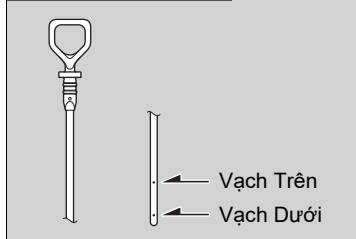


4. Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Nó phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

Loại xe chạy xăng có động cơ 1.6 L và 1.8 L



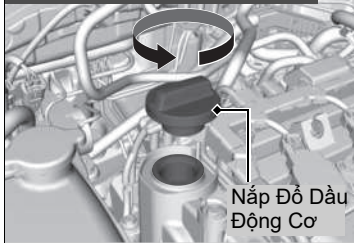
Loại xe chạy dầu đi-ê-zen



Bảo Dưỡng

Bổ Sung Dầu Động Cơ

Loại xe chạy xăng có động cơ 1.5 L



Loại xe chạy xăng có động cơ 1.6 L và 1.8 L



Loại xe chạy dầu đi-ê-zen



1. Xoay để tháo nắp bình chứa dầu động cơ.
2. Đổ từ từ dầu vào bình.
3. Lắp lại nắp bình chứa dầu động cơ và siết thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

►►Bổ Sung Dầu Động Cơ

CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch giới hạn phía trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu tràn dầu, hãy lau sạch ngay lập tức. Dầu tràn có thể làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

Loại xe chạy xăng

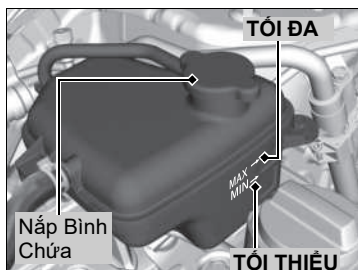
Nước Làm Mát Động Cơ

Nước làm mát chỉ định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không bổ sung chất chống đông và nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

Kiểm Tra Nước Làm Mát



1. Đảm bảo động cơ và bình chứa nguội.
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
 - Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN**, bổ sung nước làm mát vào bình chứa đến vạch **MAX**.
3. Kiểm tra rò rỉ hệ thống làm mát.

►► Nước Làm Mát Động Cơ

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp bình chứa khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nghiêm trọng.

Luôn để động cơ nguội trước khi tháo nắp bình chứa.

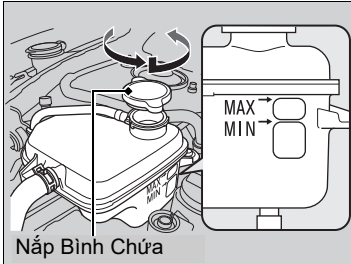
CHÚ Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên thấp hơn -30°C , thì nên thay đổi hỗn hợp làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat để thay thế tạm thời. Kiểm tra nó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyến dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng lâu nước làm mát không phải của Honda có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hiệu Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các bộ phận của động cơ.

■ BỔ SUNG NƯỚC LÀM MÁT



1. **Đảm bảo động cơ và bình chứa đều nguội.**
2. Xoay nắp bình chứa 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn và xoay nắp bình chứa ngược chiều kim đồng hồ để mở nó ra.
4. Đổ nước làm mát vào bình chứa cho đến khi đến vạch **MAX**.
5. Đóng nắp bình chứa lại và siết thật chặt.

▣ BỔ SUNG NƯỚC LÀM MÁT

CHÚ Ý

Từ từ đổ dầu vào và cẩn thận không làm tràn ra. Lau sạch ngay nếu dầu bị tràn ra; nếu không nó có thể làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

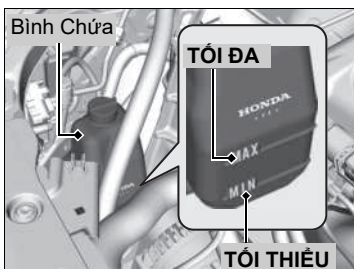
Nước Làm Mát Động Cơ

Nước làm mát chỉ định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2

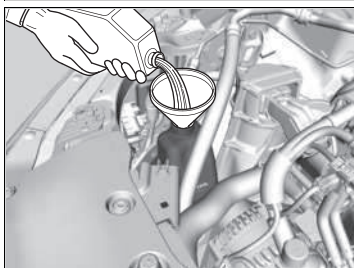
Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không bổ sung chất chống đông và nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Trước tiên kiểm tra bình chứa. Nếu bình chứa cạn, đồng thời kiểm tra mức nước làm mát trong két nước. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

Bình Chứa



1. Đảm bảo động cơ và két nước nguội.
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
 - Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN**, bổ sung nước làm mát vào bình chứa đến vạch **MAX**.
3. Kiểm tra rò rỉ hệ thống làm mát.



►► Nước Làm Mát Động Cơ

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nghiêm trọng.

Luôn để động cơ nguội trước khi tháo nắp két nước.

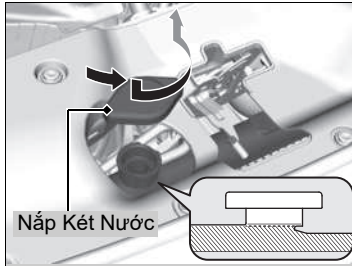
CHÚ Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên thấp hơn -30°C, thì nên thay đổi hỗn hợp làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat để thay thế tạm thời. Kiểm tra nó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyến dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng lâu nước làm mát không phải của Honda có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hiệu Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các bộ phận của động cơ.

■ Két Nước



1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Xoay nắp két nước 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nó ra.
4. Đổ đầy nước làm mát đến chân cổ bình chứa. Nếu nó ở dưới mức đó, bổ sung nước làm mát.
5. Đậy nắp két nước và vặn nắp thật chặt.

► Két Nước

CHÚ Ý

Từ từ đổ dầu vào và cẩn thận không làm nó tràn ra. Lau sạch ngay dầu tràn để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Dầu Hộp Số

Loại xe có hộp số vô cấp

Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

Dầu chỉ định: Dầu Hộp Số Honda HCF-2

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết.
Tuân theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng*** Tr. 552

Không cố tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp.

Loại xe có hộp số thường

Dầu Hộp Số Thường

Dầu chỉ định: MTF

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết. Tuân theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số thường.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng*** Tr. 552

Không cố tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số thường.

►► Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

CHÚ Ý

Không pha dầu hộp số Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác

Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền hộp số của xe và gây hỏng hộp số. Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

►► Dầu Hộp số Thường

Nếu không có sẵn dầu hộp số Honda MTF, bạn có thể sử dụng tạm thời dầu động cơ có độ nhớt SAE 0W-20 hoặc 5W-20 theo tiêu chuẩn API. Sử dụng loại dầu MTF càng sớm càng tốt. Nếu tiếp tục sử dụng dầu động cơ không chứa chất phụ gia phù hợp cho hộp số có thể làm giảm hiệu suất sang số và làm hỏng hộp số.

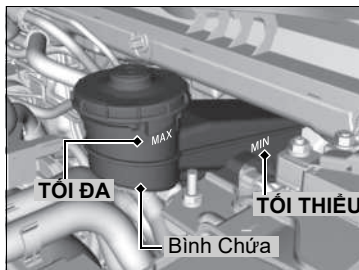
Dầu Phanh/Ly Hợp*

Dầu chỉ định: Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4

Sử dụng cùng loại dầu đối với phanh và ly hợp*.

■ Kiểm Tra Dầu Phanh

Loại Vô Lãng Bên trái

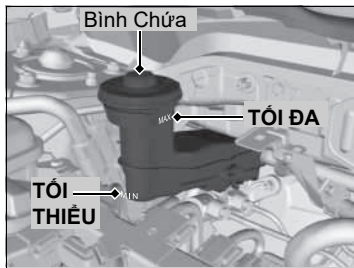


Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** và **MAX** ở sườn bình chứa.

Loại xe có hộp số thường

Không cần kiểm tra mức dầu ly hợp, bình chứa dầu phanh cũng có thể được sử dụng để chứa dầu ly hợp của xe. Miễn là bạn duy trì mức dầu phanh theo chỉ dẫn ở trên.

Loại Vô Lãng Bên phải



►► Dầu Phanh/Ly Hợp*

CHÚ Ý

Dầu phanh loại DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

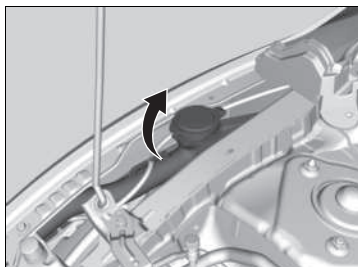
Bạn nên sử dụng sản phẩm chính hiệu.

Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức **MIN**, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bổ Sung Nước Rửa Kính

Mở nắp và kiểm tra mức nước rửa kính.



Nếu nó ở mức thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để nó tràn ra bình chứa.

►► Bổ Sung Nước Rửa Kính

CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giấm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió. Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn xe. Dung dịch giấm/nước có thể làm hỏng bơm rửa kính chắn gió.

Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.

Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tạo thành mảng bám.

Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Ngoại trừ loại xe Australia, New Zealand, Nam Phi và Ấn Độ

Sau mỗi 40.000 km, hoặc 2 năm nên thay lọc nhiên liệu nếu bạn nghi ngờ nhiên liệu đang dùng bị nhiễm bẩn. Trong môi trường bụi bặm, lọc nhiên liệu có thể nhanh bị tắc.

Loại xe Australia, New Zealand và Nam Phi

Thay lọc nhiên liệu sau mỗi 45.000 km, hoặc 3 năm nếu bạn nghi ngờ nhiên liệu đang dùng bị nhiễm bẩn. Trong môi trường bụi bặm, lọc nhiên liệu có thể nhanh bị tắc.

Tất cả các loại xe

Phải để kỹ thuật viên lành nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể chảy ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

Thay Bóng Đèn

Bóng Đèn Chiếu Sáng

Khi thay, sử dụng các bóng sau.

Đèn chiếu sáng chiếu xa: 60 W (HB3 cho loại bóng đèn halogen)*

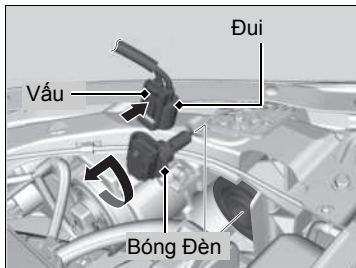
Đèn chiếu sáng chiếu xa: Loại đèn LED*

Đèn chiếu sáng chiếu gần: 55 W (H11 cho loại bóng đèn halogen)*

Đèn chiếu sáng chiếu gần: Loại đèn LED*

Đèn Chiếu Sáng Chiếu Xa

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen



1. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
2. Xoay bóng đèn cũ sang bên trái để tháo ra.
3. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn chiếu sáng và xoay sang bên phải.
4. Luồn đui bóng vào trong đầu nổi của bóng đèn.

»»Bóng Đèn Chiếu Sáng

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

CHÚ Ý

Bóng đèn halogen rất nóng khi sáng. Dầu, mồ hôi, hoặc vết xước trên kính có thể khiến bóng đèn quá nóng và vỡ vụn.

Hướng đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt, thường thì không cần điều chỉnh chúng. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý hoặc kéo rơ-moóc*, hãy để đại lý hoặc kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

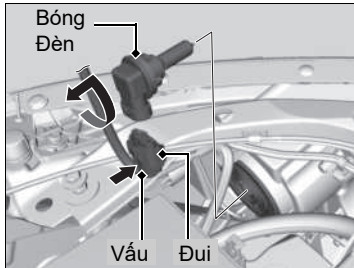
Khi thay bóng đèn halogen, cầm ở đế và tránh để vỏ bóng tiếp xúc với da bạn hoặc với các vật cứng. Nếu chạm phải vỏ bóng, hãy lau bóng bằng rượu đã metyl hoá và khăn sạch.

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

Bóng đèn chiếu sáng là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

■ Đèn Chiếu Sáng Chiếu Gần

Loại xe có đèn chiếu sáng halogen

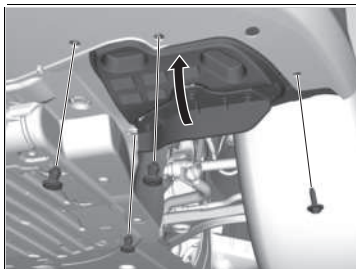


1. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
2. Xoay bóng đèn cũ sang bên trái để tháo ra.
3. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn chiếu sáng và xoay sang bên phải.
4. Luồn đui bóng vào trong đầu nối của bóng đèn.

Bóng Đèn Sương Mù*

Khi thay bóng đèn, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Sương Mù: 35 W (H8 cho loại bóng đèn halogen)*
Loại đèn LED***



1. Tháo các kẹp bằng tua-vít đầu dẹt, tháo bu-lông và đẩy nắp phía dưới lên.

»»Bóng Đèn Sương Mù*

Loại xe có đèn sương mù LED

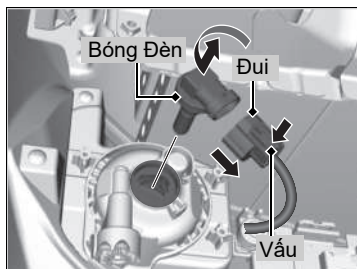
Các đèn sương mù là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Loại xe có đèn sương mù halogen

CHÚ Ý

Bóng đèn halogen rất nóng khi sáng. Dầu, mồ hôi, hoặc vết xước trên kính có thể làm bóng đèn quá nóng và vỡ vụn.

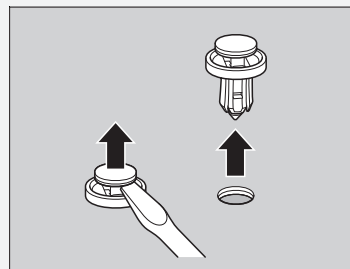
Khi thay bóng đèn halogen, cầm ở đế và tránh để vỏ bóng tiếp xúc với da bạn hoặc với các vật cứng. Nếu chạm phải vỏ bóng, lau bóng bằng rượu đã methyl hoá và khăn sạch.



2. Đẩy vấu để tháo đui đèn.
3. Xoay bóng đèn cũ sang bên trái để tháo ra.
4. Lắp bóng đèn mới vào cụm đèn sương mù và xoay nó sang bên phải.
5. Luồn đui bóng vào trong đầu nối của bóng đèn.

☒ Bóng Đèn Sương Mù*

Đưa tua-vít đầu dẹt vào, nâng và tháo chốt giữa để tháo kẹp.



Luồn kẹp vào trong khi nâng chốt giữa lên và đẩy cho đến khi nó phẳng.

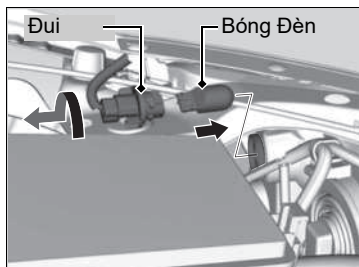


* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bóng Đèn Xi Nhan Trước

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

**Đèn Xi Nhan Trước: Loại 21 W (HỒ PHÁCH)*
Đèn LED***



1. Xoay đui sang bên trái và tháo nó ra.
2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới.

►►Bóng Đèn Xi Nhan Trước

Loại xe có đèn chiếu sáng LED

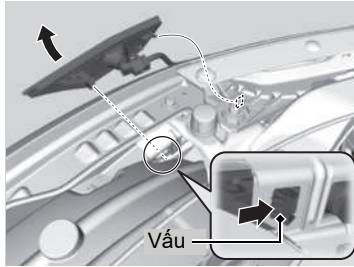
Đèn xi nhan trước là đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Bảo Dưỡng

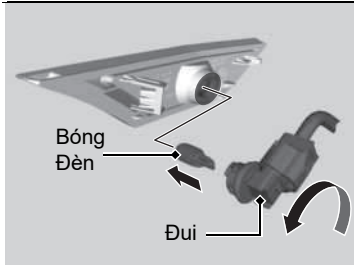
Bóng Đèn Bên Hông*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Bên Hông: 5 W (Hỗ Phách)

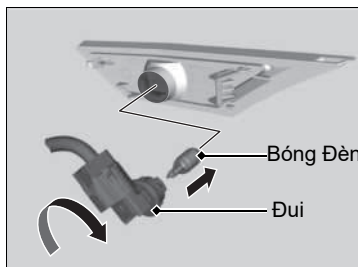


1. Ấn vấu để tháo cụm đèn.
2. Ấn vấu để tháo khớp nối.



Bên trái

3. Xoay đui đèn sang trái để tháo nó, sau đó tháo bóng đèn cũ.
4. Lắp bóng đèn mới.



Bên phải

4. Xoay đui bóng đèn theo chiều kim đồng hồ để tháo nó, sau đó tháo bóng đèn cũ.

5. Lắp bóng đèn mới.

Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn Cấp

Loại gương cửa

Đèn xi nhan bên là loại đèn LED. Đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Loại vè xe

Các bóng đèn xi nhan bên và các bóng đèn bên hông* cùng loại.

► **Các Bóng Đèn Bên Hông*** Tr. 585

Các Bóng Đèn Phanh, Đèn Hậu, Đèn Xi Nhan Sau và Đèn Lùi

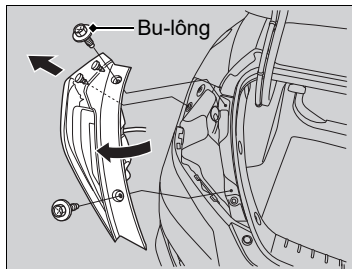
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Phanh: 21 W

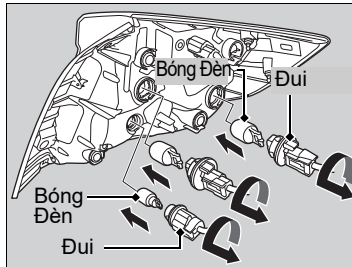
Đèn Hậu: Loại đèn LED

Đèn Xi Nhan Sau: 21 W (Hỗ Phách)

Đèn Lùi: 16 W



1. Sử dụng tua-vít đầu Phillip hoặc khẩu nối để tháo các bu-lông.
2. Kéo cụm đèn ra khỏi trụ sau.



3. Xoay đui bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
4. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới.
5. Trượt cụm bóng đèn vào dẫn hướng trên thân xe.
6. Căn chỉnh các chốt thẳng với các vòng đệm trên thân xe, sau đó ấn cho đến khi nó được cố định hoàn toàn.

► Các Bóng Đèn Phanh, Đèn Hậu, Đèn Xi Nhan Sau và Đèn Lùi

Đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Hậu

Đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

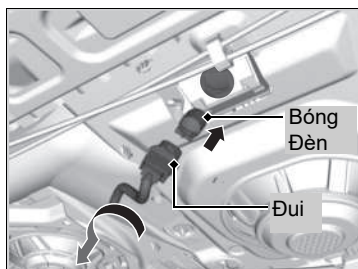
Đèn Biển Số Sau

Đèn biển số sau là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Bóng Đèn Phanh Cao

Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

**Đèn Phanh Cao: 21 W
Loại Đèn LED***



1. Mở nắp khoang hành lý.
2. Xoay đui sang trái để tháo nó ra.
3. Tháo bóng cũ ra và lắp bóng mới vào.

►►Bóng Đèn Phanh Cao

Loại có đèn phanh cao loại đèn LED

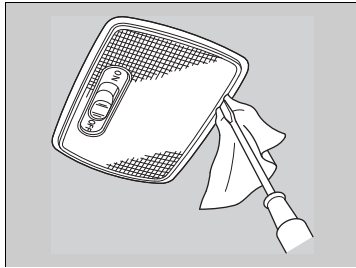
Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Các Bóng Đèn Khác

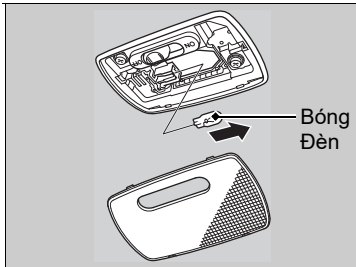
■ Bóng Đèn Trần*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Trần: 8 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt để tẩy lớp vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



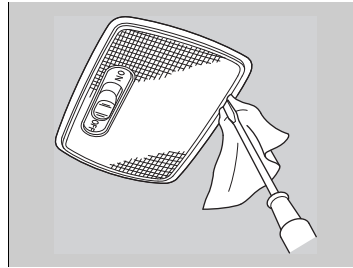
2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

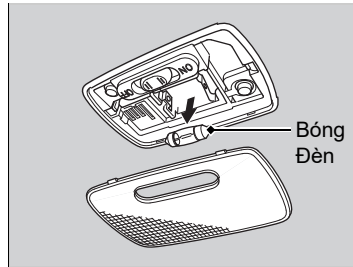
■ Bóng Đèn Trần*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Trần: 8 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt để tẩy lớp vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



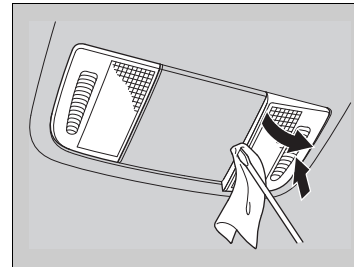
2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

Loại xe có công tắc cửa sổ trời và đèn viền xung quanh

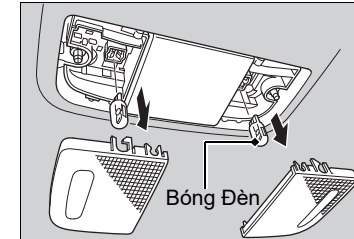
■ Bóng Đèn Đọc Sách

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Đọc Sách: 8 W



1. Đẩy chốt đèn của bên đối diện bạn đang thay.
2. Sử dụng tua-vít đầu dẹt để tẩy lớp vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

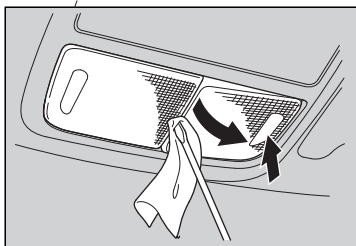
Còn nữa 589

Loại xe không có công tắc cửa sổ trời hoặc đèn viền xung quanh

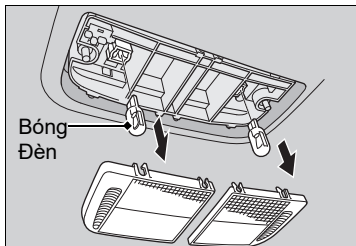
Bóng Đèn Đọc Sách

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Đọc Sách: 8 W



1. Đẩy chốt đèn của bên đối diện bạn đang thay.
2. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



3. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới vào.

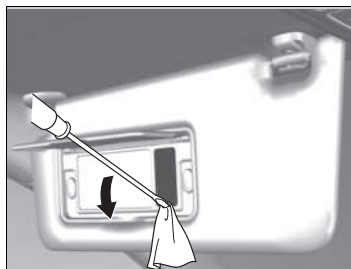
Bảo Dưỡng

590 * Không áp dụng cho tất cả các đời xe

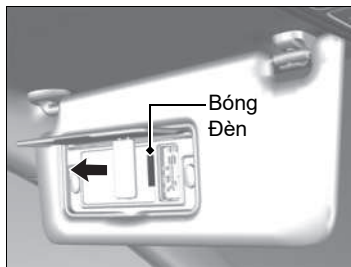
Bóng Đèn Gương Cá Nhân*

Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

Gương Cá Nhân: 2 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

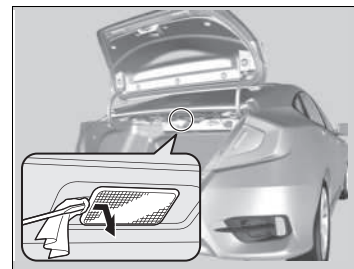


2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới vào.

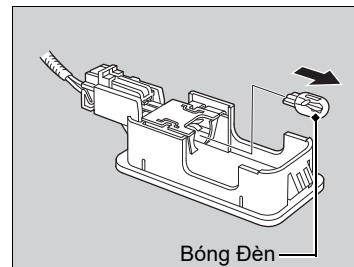
Bóng Đèn Khoang Hành Lý

Khi thay bóng, sử dụng các bóng sau.

Đèn Khoang Hành Lý: 5 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới vào.

■ Bóng Đèn Hộp Đựng Đồ*

Nếu bạn cần thay bóng đèn, tham khảo đại lý.

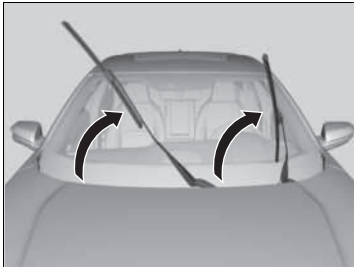
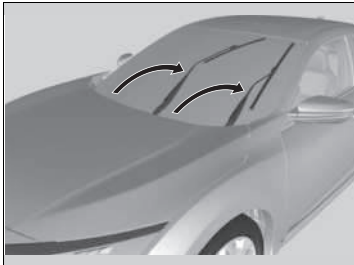
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lưỡi Gạt Nước

Kiểm Tra Lưỡi Gạt Nước

Nếu miếng cao su lưỡi gạt nước xuống cấp, nó sẽ để lại các vết bẩn và bề mặt lưỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước



Bảo Dưỡng

1. Xoay khóa điện đến TẮT **0***1.
2. Trong khi giữ công tắc gạt nước ở vị trí **MIST**, xoay khóa điện đến BẬT **II***1, sau đó đến KHOÁ **0***1.
▶ Cả hai cần gạt nước được đặt ở vị trí bảo dưỡng như hình vẽ hiển thị.

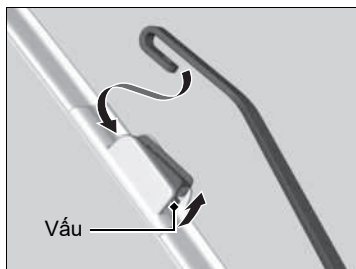
3. Nâng cả hai cần gạt nước.

Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước

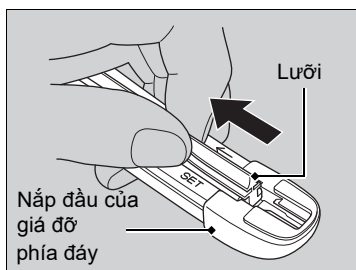
CHÚ Ý

Tránh thả mạnh cần gạt nước vào kính chắn gió, nó có thể làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.

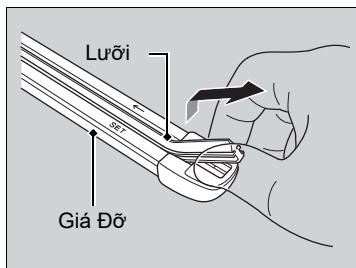
*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.



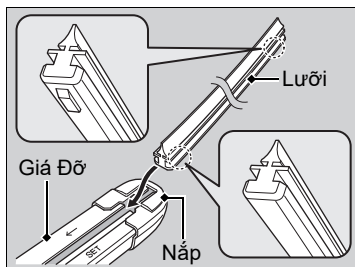
4. Ấn và giữ vấu, sau đó trượt cần gạt nước ra khỏi giá đỡ.



5. Kéo đầu lưới gạt theo hướng mũi tên như hình vẽ cho đến khi nó ra khỏi nắp đầu giá đỡ.



6. Kéo lưới gạt theo hướng ngược lại để trượt nó ra khỏi giá đỡ.



7. Đẩy mặt phẳng của lưới cần gạt mới vào sâu dưới đáy của giá đỡ. Đẩy hết cỡ lưới cần gạt.
8. Trượt đầu lưới gạt vào nắp.
9. Trượt giá đỡ vào càng gạt cho đến khi nó khoá lại.
10. Hạ thấp cả hai càng gạt.
11. Xoay khoá điện sang BẬT **II**^{*1} và giữ công tắc gạt ở vị trí **MIST** cho đến khi cả hai càng gạt trở lại vị trí chuẩn.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng Lốp

Kiểm Tra Lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp đúng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp, và áp suất lốp đúng tiêu chuẩn.

■ Hướng dẫn bơm lốp

Áp suất lốp phù hợp sẽ giúp việc điều khiển xe dễ dàng hơn, nâng cao tuổi thọ lốp và tiện lợi. Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp chỉ định.

Lốp quá non hơi sẽ bị mòn không đều, làm ảnh hưởng đến việc điều khiển xe và tiết kiệm nhiên liệu và dễ hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp quá căng sẽ gây khó khăn khi lái xe, và dễ bị hư hỏng hơn khi đụng phải chướng ngại vật trên đường và làm lốp bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý các lốp. Nếu một trong các lốp có vẻ không căng như các lốp kia, kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp xe.

Ít nhất một tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, đo áp suất ở các lốp xe bằng đồng hồ đo áp suất lốp, cả lốp dự phòng. Ngay cả khi lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10 đến 20 kPa (0,1 đến 0,2 bar, 1 đến 2 psi) mỗi tháng.

■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van.

Hãy kiểm tra:

- Chỗ lõm hoặc chỗ phình trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn trên mặt lốp. Thay nếu thấy lốp mòn đến lớp vải hoặc lớp thép.
- Để loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ khí.
- Xem nếu độ mòn lốp không đều, đưa xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.

📖 **Vạch Báo Độ Mòn Lốp** Tr. 596

- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

📖 Kiểm Tra Lốp

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến tai nạn gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng về bơm căng lốp và bảo dưỡng lốp xe.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội. Điều này có nghĩa là đã đỗ xe ít nhất được ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xì bớt hơi ra cho đến khi đạt áp suất quy định.

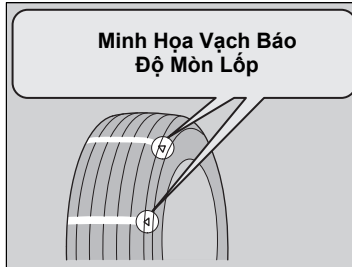
Nếu kiểm tra lốp khi nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 bar, 4–6 psi) so với kiểm tra lúc nguội.

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp*.

📖 **Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*** Tr. 463

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp xe nếu cảm nhận thấy độ rung khi lái xe. Mỗi khi thay lốp mới hay tháo lốp ra rồi lắp lại đều phải cân chỉnh lại bánh xe.

Vạch Báo Độ Mòn Lốp



Rãnh lốp là nơi có vạch báo mòn lốp. Rãnh thường nông hơn 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp xe. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay.

Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.

Tuổi Thọ Lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thói quen điều khiển xe, điều kiện mặt đường, tải trọng xe, áp suất lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp xe, bạn nên tiến hành kiểm tra lốp thường niên khi đã sử dụng lốp được 5 năm. Tất cả lốp xe, gồm cả lốp dự phòng cần phải được thay sau 10 năm kể từ ngày sản xuất, không kể điều kiện và độ mòn lốp lúc đó.

►►Kiểm Tra Lốp

Lái xe tốc độ cao

Bạn không nên lái xe nhanh hơn giới hạn tốc độ và điều kiện cho phép. Nếu bạn thường xuyên lái xe ở tốc độ cao (trên 160km/h), hãy điều chỉnh áp suất lốp nguội như bên dưới để tránh bị quá nhiệt và hỏng lốp đột ngột.

Kích Thước Lốp	215/50R17 91V
Áp Suất	Trước: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi) Sau: 230 kPa (2,3 bar, 33 psi)

Thay Lốp và Bánh Xe

Thay lốp xe mới cùng kích thước, giới hạn tải, giới hạn tốc độ, định mức áp suất lốp ngụy tối đa (được ghi ở thành lốp). Sử dụng lốp không cùng kích thước, cấu tạo sẽ làm cho các hệ thống ABS, và Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) vận hành kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể, hãy thay hai lốp trước cùng lúc và hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

►►Thay Lốp và Bánh Xe

⚠CẢNH BÁO

Lắp lốp mới không phù hợp có thể gây ảnh hưởng đến vận hành và ổn định xe. Việc này có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

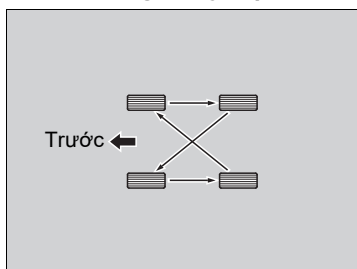
Luôn sử dụng lốp xe có thông số kỹ thuật như trên nhãn thông tin dán trên xe.

Đào Lốp

Đào lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mài mòn và gia tăng tuổi thọ cho lốp.

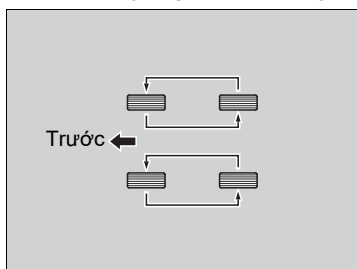
Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ

■ Lốp không có ký hiệu chiều quay



Đào lốp như hình vẽ dưới đây.

■ Lốp có ký hiệu chiều quay

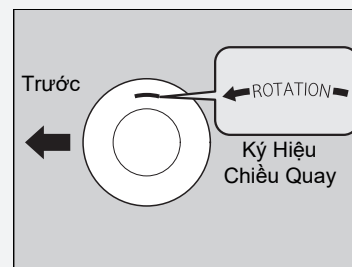


Đào lốp như hình vẽ dưới đây.

Bảo Dưỡng

►►Đào Lốp

Lốp xe loại hướng quay một chiều chỉ được đào từ trước ra sau (không đảo từ bên này sang bên khác). Hướng lắp của lốp phải giống với dấu hướng quay trên lốp như hình vẽ dưới đây.



Khi đào lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

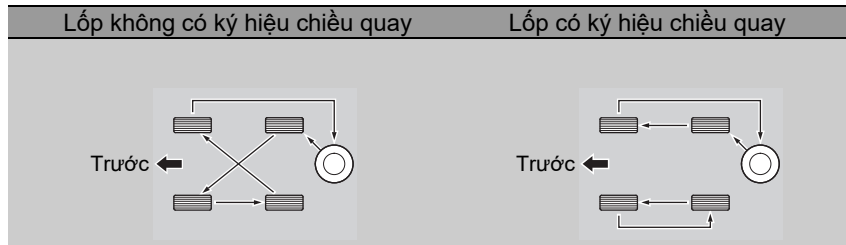
Mỗi khi đào lốp, hãy hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp*.

► Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* Tr. 463

Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ

■ **Ký hiệu chiều đảo lốp xe của bạn**

Đảo lốp xe như hình bên dưới



Thiết Bị Bám Đường Tuyệt

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ; và duy trì khoảng cách với xe khác khi lái.

Chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trơn trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp các mùa theo quy định của pháp luật.

Khi lắp lốp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:

- Chọn các lốp có kích thước và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

Về loại xích bọc lốp:

- Liên hệ với đại lý khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc lốp cho lốp trước.
- Vì xe của bạn có giới hạn bề mặt lốp, bạn nên sử dụng các loại xích sau:

Kích Thước Lốp Ban Đầu ^{*1}	Loại Xích
215/55R16 93H	RUD-matic classic 48489^{*2}
215/50R17 91V	

* 1: Kích thước lốp ban đầu được nêu trong nhãn thông tin lốp xe trên thanh đọc cửa người lái.

* 2: Ngoại trừ loại xe Campuchia, Ấn Độ, Indonesia, Lào, Malaysia, Pakistan, Philippin, Thai và Việt Nam

►►Thiết Bị Bám Đường Tuyệt

⚠CẢNH BÁO

Sử dụng sai xích bọc lốp, hoặc lắp xích không đúng cách, có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng, phần chọn và sử dụng xích bọc lốp.

CHÚ Ý

Sử dụng thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc lắp không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe, và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

Khi lắp xích bọc lốp, làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan đến giới hạn vận hành của xe.

- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất khi lắp lốp xe. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh và hệ thống treo.
- Lái xe chậm.

►►Thiết Bị Bám Đường Tuyết

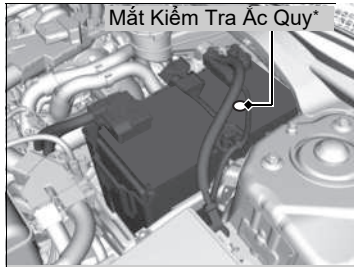
Chỉ sử dụng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định pháp luật.

Bạn cần chú ý hơn khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc lốp.

Nếu xe của bạn được trang bị lốp chạy trong điều kiện thời tiết mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không thích hợp trong điều kiện thời tiết mùa đông. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại lý.

Ắc Quy

Kiểm Tra Ắc Quy



Loại xe có mắt kiểm tra trên ắc quy

Kiểm tra ắc quy hàng tháng. Nhìn vào mắt kiểm tra ắc quy và kiểm tra mức độ mòn của các cực.

Tình trạng ắc quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm. Nếu cảm biến này có sự cố, thông báo cảnh báo sẽ hiện lên trên màn hình thông tin*/màn hình giao diện thông tin cho người lái*. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe không có mắt kiểm tra trên ắc quy

Tình trạng ắc quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm. Nếu cảm biến này có sự cố, màn hình thông tin*/màn hình giao diện thông tin cho người lái* sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra ăn mòn các cực ắc quy hàng tháng.

»Ắc Quy

⚠CẢNH BÁO

Ắc quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc lửa có thể làm nổ ắc quy gây tử vong hoặc bị trọng thương.

Đề tắt cả các tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa tránh xa ắc quy.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc quy.

⚠CẢNH BÁO

Ắc quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn và độc hại cao.

Để chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ khi làm việc hoặc đứng gần ắc quy.

Nuốt chất điện phân có thể gây tử vong nếu không được xử lý kịp thời.

ĐỂ XA TÀM TAY TRẺ EM


Nếu ắc quy bị tháo hoặc hết điện:

- Hệ thống âm thanh không hoạt động*
 - ▶ **Kích hoạt lại hệ thống âm thanh** Tr. 257
- Cài đặt lại đồng hồ*.
 - ▶ **Đồng Hồ** Tr. 170

Bảo Dưỡng

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nạp Ắc Quy

Tháo cả hai cáp ắc quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp âm  trước và nối lại cáp này sau cùng.

»Ắc Quy

Thông tin về màu của đèn báo kiểm tra có trên ắc quy.

Phương Pháp Sơ Cứu Khẩn Cấp

Mắt: Rửa bằng nước lấy từ cốc hoặc thùng chứa khác trong khoảng ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Da: Thay quần áo bị dính axit. Rửa sạch da bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Nuốt phải: Uống nước hoặc sữa. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, lau sạch các cực ắc quy bằng dung dịch bột nở và nước. Lau sạch các cực bằng khăn ẩm. Dùng vải/khăn mềm lau khô ắc quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ắc quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ắc quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.

Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

▶▶ Ác Quy

Các đèn báo Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, Hệ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)*, Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường*, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Hệ Thống Phanh Giảm Va chạm (CMBS)*, Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp* có thể sáng đồng thời thông báo sẽ xuất hiện trên Màn Hình Giao Giệm Thông Tin Cho Người Lái* khi bạn xoay khóa điện đến BẬT [II]*¹ sau khi lắp lại ác quy. Lái xe quãng đường ngắn với vận tốc trên 20km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Loại xe có hệ thống chia khóa truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** trên khóa điện.

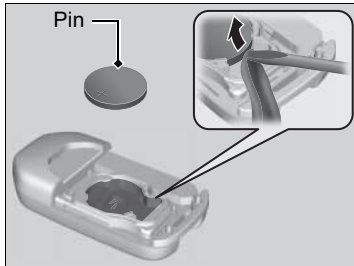
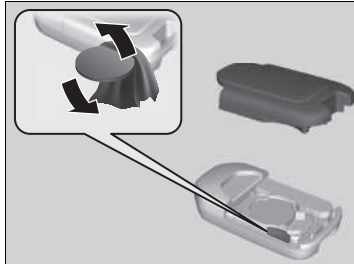
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảo Dưỡng Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa

Thay Pin Cúc

Khi ấn nút mà không thấy đèn sáng, phải thay pin điều khiển.

Chìa Khóa Có Thể Gập*



Loại Pin: CR2032

1. Tháo nửa trên của vỏ chìa khoá bằng cách cạy cẩn thận phần mép vỏ bằng miếng kim loại mỏng.
▶ Bọc miếng kim loại bằng miếng vải để tránh làm trầy xước chìa khoá.
2. Tháo pin cúc bằng tua-vít đầu dẹt nhỏ.
3. Đảm bảo thay pin mới đúng đầu cực.

Thay Pin Cúc

⚠ CẢNH BÁO

NGUY HIỂM BÔNG HÓA CHẤT

Nếu nuốt phải pin cấp điện cho bộ truyền tín hiệu từ xa có thể gây bỏng nặng và thậm chí có thể gây tử vong.

Đề pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em.

Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay sở y tế để được can thiệp kịp thời.

CHÚ Ý

Thải pin không đúng cách có thể gây hại cho môi trường. Luôn tuân thủ quy định của địa phương khi thải pin.

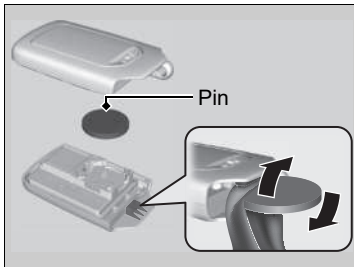
Thay pin có trên thị trường hoặc mua tại đại lý.

■ Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



Loại pin: CR2032

1. Tháo chìa khóa tích hợp.



2. Tháo nửa trên của vỏ chìa khóa bằng cách cạy cẩn thận mép vỏ bằng miếng kim loại mỏng.
- Bọc miếng kim loại bằng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.
 - Tháo cẩn thận để tránh mất các nút
3. Đảm bảo thay pin mới đúng đầu cực.

Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu

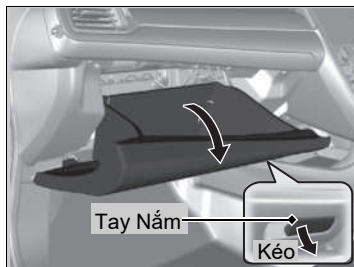
Lọc Gió Điều Hoà

■ Khi Thay Lọc Gió Điều Hoà

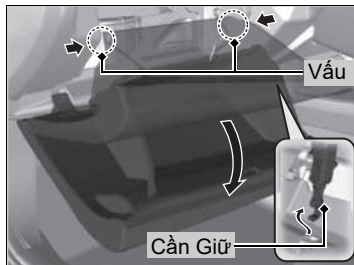
Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng khuyến dùng. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng*** Tr. 552

■ Cách Thay Lọc Gió Điều Hoà



1. Mở hộp đựng đồ.



Loại xe có giảm chấn hộp đựng đồ

2. Đẩy cần giữ của hộp đựng đồ phía người lái để tháo nó ra khỏi hộp đựng đồ.

Tất cả các loại xe

3. Tháo hai vấu bằng cách ấn lên hai tấm ốp bên.

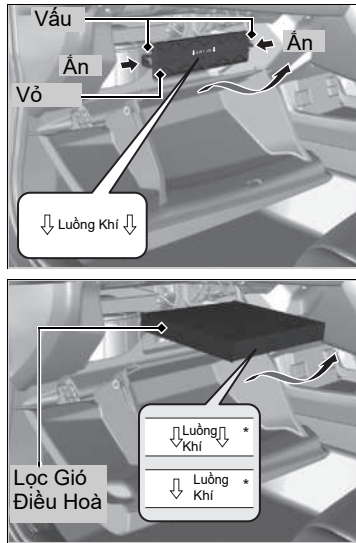
4. Xoay hết cỡ hộp đựng đồ ra.

» Lọc Gió Điều Hoà

Nếu luồng khí từ hệ thống điều khiển khí hậu bị giảm đáng kể, và cửa kính nhanh bị đọng sương, đó là lúc cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

Lọc gió điều hoà có tác dụng hút bụi, phấn hoa và mảnh vụn nhỏ trong không khí.

Nếu bạn không biết thay lọc gió điều hoà, hãy đưa xe đến đại lý để thay.



5. Ấn vào vấu ở góc của vỏ lọc gió điều hoà, và tháo nó ra.

6. Tháo lọc gió ra khỏi hộp.

7. Lắp lọc mới vào hộp.

► Đặt mũi tên **LUỒNG KHÍ** hướng xuống dưới.

►► Lọc Gió Điều Hoà

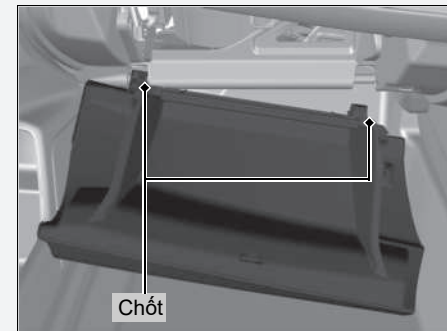
Loại xe có giảm chấn hộp đựng đồ

CHÚ Ý

Lắp lọc gió điều hoà:

1. Lắp vỏ lọc gió điều hoà.
2. Tháo chốt ở đáy của hộp đựng đồ phía người lái.
3. Xoay hộp đựng đồ vào đúng vị trí. Lắp các vấu trở lại đúng vị trí.
4. Mở hộp đựng đồ một góc khoảng 30°.
5. Lắp phần móc của cần giữ lên hộp đựng đồ. Khi lắp cần giữ, bỏ tay ra khỏi đáy hộp đựng đồ.
6. Lắp chốt vào đáy hộp đựng đồ.

Sau khi lắp hộp đựng đồ, mở và đóng vài lần để đảm bảo hộp đựng đồ được lắp chính xác.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

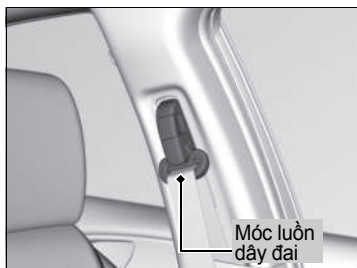
Vệ Sinh

Vệ Sinh Nội Thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau sạch.
Dùng vải ướt với dung dịch trung tính và nước ấm để làm sạch bụi.
Dùng vải sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

Vệ Sinh Dây Đai An Toàn

Dùng khăn mềm, xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn. Để dây đai an toàn tự khô. Dùng vải sạch lau sạch móc luồn dây đai an toàn.



Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

Bảo Dưỡng

Vệ Sinh Nội Thất

Không làm đổ chất lỏng ra xe.
Thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất thơm có silicon lên thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc.
Làm như vậy có thể khiến thiết bị hỏng hoặc cháy bên trong xe.
Nếu không may để chất thơm có silicon rây vào thiết bị điện tử, liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần hóa học, chất thơm có thể làm các thiết bị nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt.
Không dùng dung môi alkali hoặc dung môi hữu cơ như benzene hoặc xăng.

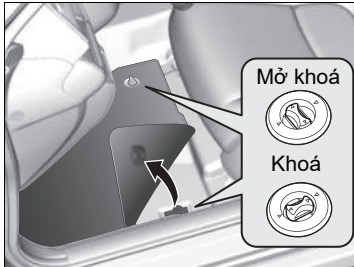
Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ.
Không để giẻ bẩn lên các thiết bị nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài.

Chú ý không làm đổ chất thơm ra xe.

Vệ Sinh Cửa Kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau.
Dùng giẻ mềm để lau kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.
Cẩn thận không làm tràn các chất lỏng như nước hoặc chất tẩy kính lên trên hoặc xung quanh nắp của cả camera cảm biến phía trước* và cảm biến mưa/ánh sáng*.

■ Thảm Lót Sàn*



Thảm lót sàn phía người lái được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt. Khi lột thảm để vệ sinh, xoay núm móc neo đến vị trí mở khoá. Khi lắp lại thảm sau khi vệ sinh, xoay núm móc neo đến vị trí khoá.

Không lắp thêm thảm lên móc neo thảm lót sàn.

■ Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Để làm sạch đồ da đúng cách:

1. Trước tiên dùng máy hút bụi trước khi dùng khăn khô mềm để lau sạch bụi, vết bẩn.
2. Làm sạch da bằng vải mềm ướt với tỷ lệ 90% nước và 10% dung dịch xà phòng trung tính.
3. Dùng khăn ướt lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn đọng lại và để đồ da vào chỗ khô, thoáng mát.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Thảm Lót Sàn*

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn thiết kế cho loại xe của bạn, đảm bảo phải sử dụng loại thảm thiết kế cho loại xe cụ thể, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe. Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu cố định không đúng, thảm sàn có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

►► Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn và bụi càng nhanh càng tốt. Nước tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Chất bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo màu tối có thể chà xát vào ghế da sẽ làm thay đổi màu hoặc làm ố da.

Vệ Sinh Ngoại Thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe.

Thường xuyên kiểm tra xe và các vết xước trên bề mặt sơn. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

Rửa Xe

Rửa xe thường xuyên. Hơn nữa, phải đảm bảo rửa xe trong trong các điều kiện sau:

- Lái trên đường có muối.
- Lái trên đường bờ biển.
- Lái trên đường nhựa, có muội than, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

Sử Dụng Máy Rửa Xe Tự động

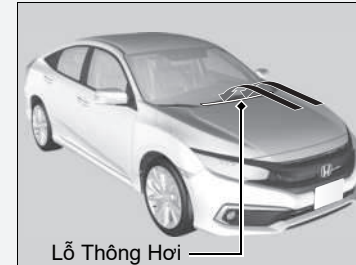
- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Cụp gương cửa lại.
- Đối với loại xe được trang bị cần gạt nước gián đoạn tự động, tắt cần gạt.

Sử Dụng Máy Rửa Xe Áp Suất Cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh các cửa kính. Đứng quá gần cửa kính có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.

Rửa Xe

Không được phun nước vào các lỗ thông hơi. Nếu không có thể gây ra sự cố.



Không phun nước trực tiếp lên cửa nạp nhiên liệu. Áp suất cao khi phun nước có thể làm cửa nạp nhiên liệu mở.

Nếu bạn muốn nâng càng gạt ra khỏi kính chắn gió, trước tiên hãy đặt càng gạt vào vị trí bảo trì.

► Thay Lưới Cao Su Cần Gạt Nước Tr. 592

■ Sử Dụng Sáp

Một lớp sáp phủ tốt sẽ giúp bảo vệ lớp sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Qua thời gian, sáp sẽ bai dần đi làm cho lớp sơn xe bị hờ ra và dễ bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài, vì vậy hãy phủ lại sáp ngay khi cần thiết.

■ Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, hay dung dịch làm mát hoặc dung dịch ắc quy lên các bộ phận tráng nhựa có thể làm các bộ phận này bị mất màu hoặc bị bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

■ Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

■ Vệ Sinh Bánh Xe Vành Nhôm*

Vành nhôm dễ bị hỏng nếu mặt đường có muối hoặc các chất nhiễm bẩn khác. Khi cần, dùng miếng xốp và chất tẩy rửa nhẹ để lau sạch những chỗ bẩn. Không sử dụng chổi cứng hoặc hóa chất mạnh (bao gồm một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp mạ nhôm trên vành nhôm khiến vành nhôm bị ăn mòn. Tùy vào loại sơn phủ mà vành bánh xe có thể mất đi độ sáng bóng hoặc bị trầy xước. Để tránh bị gỉ do nước dính vào, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi nó còn ướt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Sử Dụng Sáp

CHÚ Ý

Chất dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, kim loại, và nhựa trên xe. Nếu để tràn ra xe, lau ngay lập tức.

►► Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ phận Tráng Nhựa Khác

Liên hệ với đại lý để có vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận tráng nhựa.

■ Chóa Đèn Bên Ngoài Bị Mờ

Các chóa bên trong của đèn bên ngoài (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong chóa đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong chóa đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là tình trạng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn bên ngoài.

Đặc tính thiết kế của chóa đèn có thể dẫn đến việc tăng độ ẩm trên bề mặt khung của chóa đèn. Điều này cũng không phải là sự cố.

Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong chóa đèn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Phụ Kiện và Điều Chỉnh

Phụ Kiện

Khi lắp phụ kiện, kiểm tra các mục sau:

- Không lắp các phụ kiện lên kính chắn gió. Chúng sẽ cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.

Loại xe không có túi khí rèm bên

- Không lắp phụ kiện lên các khu vực đánh dấu SRS Airbag (Túi khí SRS), lên cạnh hoặc phía sau các ghế trước, lên các trụ bên.
Lắp phụ kiện ở các khu vực này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí nổ.

Loại xe có túi khí rèm bên

- Không lắp phụ kiện lên các khu vực đánh dấu SRS Airbag (Túi khí SRS), lên cạnh hoặc phía sau các ghế trước, lên các trụ trước hoặc trụ bên hoặc gần các cửa kính bên.
Lắp phụ kiện ở các khu vực này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí nổ.

Tất cả các loại xe

- Đảm bảo các phụ kiện điện không vượt quá tải các mạch điện hoặc không gây cản trở cho việc vận hành xe.
 ➡ **Cầu Chi Tr.** 646
- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện nào, yêu cầu thợ lắp đặt liên hệ với đại lý để hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

»» Phụ Kiện và Điều Chỉnh

⚠ CẢNH BÁO

Lắp thêm phụ kiện hoặc điều chỉnh xe không phù hợp có thể ảnh hưởng khả năng xử lý, tính ổn định và hiệu suất của xe và gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các chỉ dẫn trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng liên quan đến phụ kiện và điều chỉnh.

Khi lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo động, máy bộ đàm, ăng ten radio và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không gây cản trở các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng phụ kiện Chính Hiệu Honda để đảm bảo cho xe vận hành đúng cách.

Điều Chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp vì sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định và chắc chắn của xe, hay lắp các thành phần hay phụ kiện không phải của Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự như vậy.

Thậm chí điều chỉnh một phần hệ thống xe cũng có thể gây ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành của toàn bộ xe. Luôn đảm bảo lắp và bảo dưỡng đúng cách tất cả thiết bị và đáp ứng các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Cổng chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được lắp trên xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị tương thích khác của Honda. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng hoặc làm hỏng các hệ thống điện tử của xe, có thể làm hệ thống gặp sự cố như mất điện, hoặc các sự cố không mong muốn khác.

Không điều chỉnh hoặc cố gắng sửa bất kỳ thiết bị điện nào.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

Chương này giải thích cách xử lý các tình huống bất ngờ.

Dụng Cụ	
Loại Dụng Cụ	618
Nếu Lốp Xe Bị Xẹp	
Thay Lốp Xẹp	619
Động Cơ Không Khởi Động	
Kiểm Tra Động Cơ	626
Nếu Pin Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa	
Yếu	628
Dừng Động Cơ Khẩn Cấp	629
Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài	630
Không Gạt Được Cần Số	634
Quá Nhiệt	636

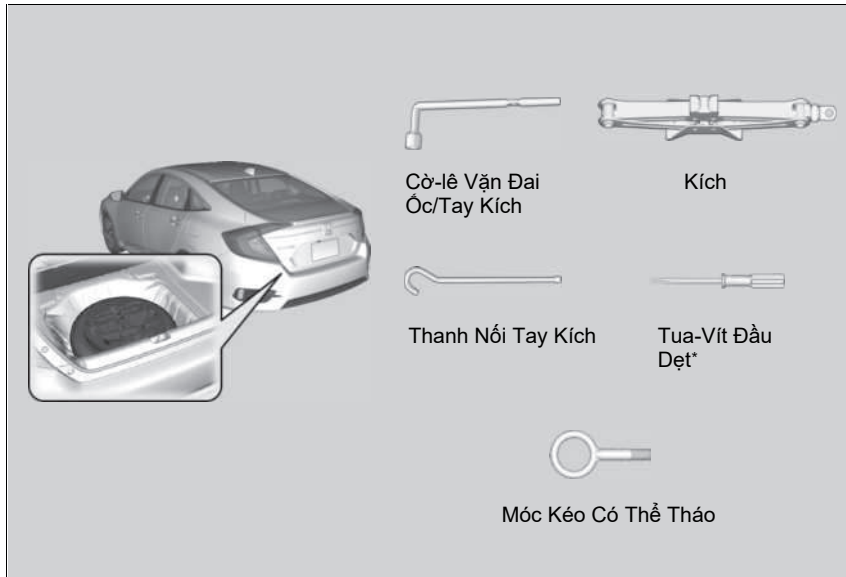
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo, Sáng/Nhấp Nháy	
Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	
Sáng	639
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	
Sáng	639
Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc	
Nhấp Nháy	640
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ)	
Sáng hoặc Nhấp Nháy	641
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) sáng	
hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ	
thống Phanh (Hở Phách) cũng sáng	642

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện	
(EPS) Sáng	643
Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/Hệ Thống	
Cảnh Báo Xẹp Lốp* Sáng hoặc	
Nhấp Nháy	644
Nếu Biểu Tượng PGM-FI Xuất Hiện	645
Cầu Chì	
Vị Trí Cầu Chì	646
Kiểm Tra và Thay Cầu Chì	655
Kéo Xe Khẩn Cấp	656
Khi Bạn Không Thể Mở Khóa Cửa Nạp	
Nhiên Liệu	659
Khi Bạn Không Thể Mở Cửa Hậu	660

Dụng Cụ

Các Loại Dụng Cụ



Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

▣ Các Loại Dụng Cụ

Dụng cụ được cất trong khoang hành lý.

Nếu Lốp Xe Bị Xẹp

Thay Lốp Xẹp

Nếu bị xẹp lốp xe khi đang lái, cầm chắc vô lăng và phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, đỗ xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng loại nhỏ¹/ lốp cùng kích cỡ^{*}. Hãy đưa xe đến đại lý càng nhanh càng tốt để sửa chữa hoặc thay lốp cùng kích cỡ.

1. Đỗ xe nơi bằng phẳng, có bề mặt cứng không trơn và kéo phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Gạt cần số đến **P**.

Loại xe có hộp số thường

2. Gạt cần số đến **R**.

Tất cả các loại xe

3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và xoay khóa điện đến KHÓA **0**¹.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Còn nữa

Thay Lốp Xẹp

Làm theo các chú ý sau đối với loại lốp nhỏ:

Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng loại nhỏ¹. Áp suất lốp phải đúng chỉ định.
Áp suất Chỉ định: 420 kPa (4,2 kgf/cm², 60 psi)

Khi lái xe sử dụng loại lốp dự phòng loại nhỏ¹, giữ tốc độ xe dưới 80 km/h. Thay bằng lốp cùng kích cỡ càng sớm càng tốt.

Lốp và bánh xe dự phòng loại nhỏ¹ ở xe bạn chuyên dụng cho loại xe này. Không sử dụng nó cho xe khác. Không sử dụng loại lốp hoặc bánh xe dự phòng loại nhỏ¹ khác cho xe của bạn.

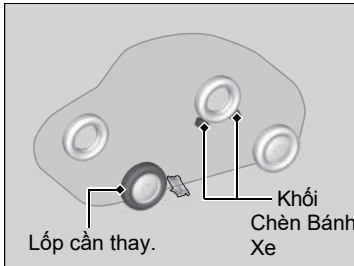
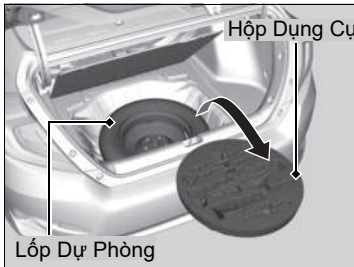
Không gắn xích bọc lốp vào lốp dự phòng loại nhỏ¹. Nếu lốp xe trước gắn xích bị xẹp, tháo một trong hai lốp cùng kích cỡ phía sau ra và thay bằng lốp dự phòng loại nhỏ¹. Tháo lốp trước bị xẹp ra và thay bằng lốp sau cùng kích cỡ đã tháo ra. Gắn xích lên lốp trước.

Lốp dự phòng loại nhỏ¹ gây khó khăn khi lái và giảm lực bám trên một số bề mặt đường. Cần thận trọng hơn khi lái.

Không dùng nhiều lốp dự phòng loại nhỏ¹ cùng lúc.

Lốp dự phòng loại nhỏ¹ nhỏ hơn lốp thường. Khoảng sáng gầm xe bạn sẽ giảm khi lắp lốp dự phòng loại nhỏ¹. Lái xe trên đường có mảnh vụn nhỏ hoặc ổ gà có thể làm hỏng gầm xe.

Chuẩn Bị Thay Lốp Xẹp



1. Mở nắp khoang chứa đồ dưới sàn xe.

2. Lấy hộp dụng cụ trong khoang chứa đồ ra.

3. Lấy kích và cờ-lê vặn đai ốc trong hộp dụng cụ ra.

4. Tháo bu-lông tai và tháo đệm côn. Sau đó, tháo lốp dự phòng.

5. Chèn khối chèn bánh xe hoặc hòn đá vào phía trước và phía sau của bánh chéo với bánh xe cần thay.

Thay Lốp Xẹp

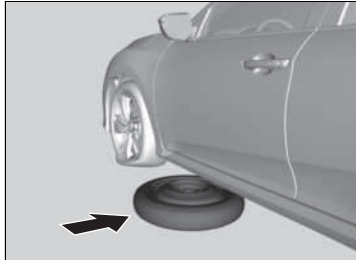
CẢNH BÁO: Kích chỉ có thể được sử dụng để hỗ trợ những xe bị xẹp lốp khẩn cấp, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hay cho bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường khác.

CHÚ Ý

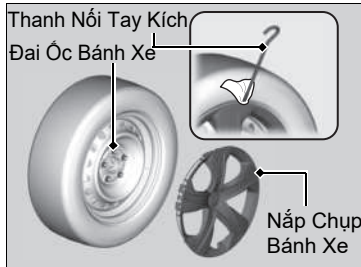
Không dùng kích nếu nó không hoạt động đúng. Liên hệ với đại lý hoặc gọi dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

Chuẩn Bị Thay Lốp Xẹp

Cẩn thận tránh bị thương khi tháo hoặc cất giữ lốp dự phòng.



6. Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, ở gần lốp cần được thay.



Loại xe có nắp chụp bánh xe

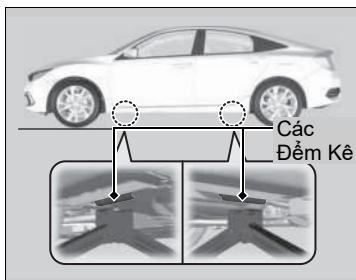
7. Đưa đầu dẹt của thanh nối tay kích vào mép của nắp chụp bánh xe. Cẩn thận khi cạy mép và tháo nắp chụp.
► Dùng giẻ bọc quanh phần đầu dẹt của thanh nối tay kích để tránh làm xước nắp chụp.



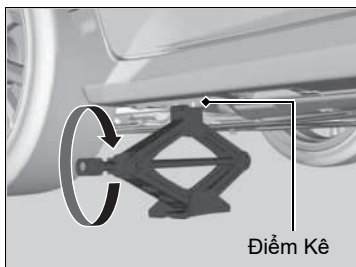
Tất cả các loại xe

8. Nới lỏng từng đai ốc bánh xe khoảng một vòng bằng cờ lê vặn đai ốc.

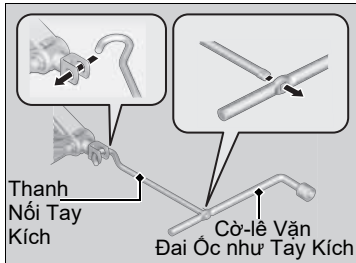
Cách Lắp Kịch



1. Đặt kịch bên dưới điểm kê gần nhất với lốp xe cần thay.



2. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình vẽ cho đến khi đầu kịch chạm vào điểm kê.
► Đảm bảo rằng vấu điểm kê tỳ vào rãnh kịch.



3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kịch và tay kịch cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

Cách Lắp Kịch

⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng bị trượt ra khỏi kịch, gây trọng thương cho người ở dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn để thay lốp, không được để ai lại gần hoặc ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.

CẢNH BÁO: Kịch phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn bằng với bề mặt đang đỡ xe.

Không dùng kịch khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

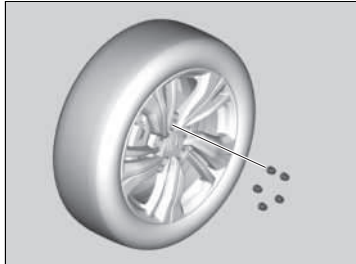
Dùng kịch đi kèm với xe của bạn.

Các kịch khác có thể không phù hợp với cân nặng ("tải trọng") hoặc không vừa điểm kịch.

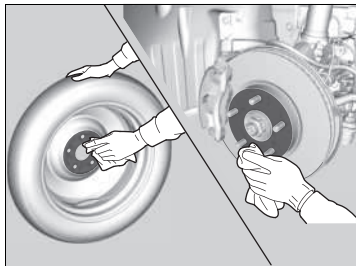
Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kịch an toàn:

- Không dùng kịch khi động cơ đang chạy.
- Chỉ sử dụng kịch trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kịch tại điểm kịch.
- Không được vào xe khi xe đang dùng kịch.
- Không đặt bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kịch.

Thay Lốp Xẹp



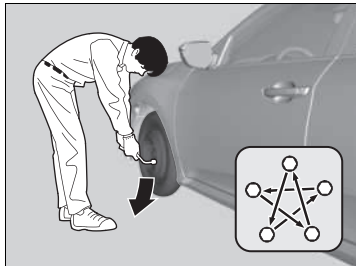
1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.



2. Lau sạch bề mặt lắp ghép bánh xe bằng vải sạch.

3. Lắp lốp dự phòng loại nhỏ*/lốp dự phòng cùng kích cỡ* vào.

4. Vận đai ốc bánh xe đến khi nó chạm vào miệng xung quanh lỗ gắn, sau đó ngừng vận.



5. Hạ thấp xe và tháo kích ra. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình vẽ. Siết lần lượt mỗi ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.

Lực siết đai ốc bánh xe:
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

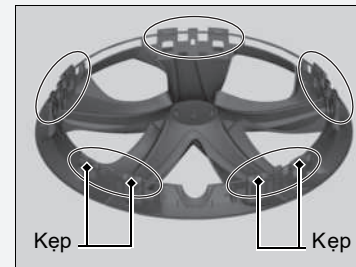
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thay Lốp Xẹp

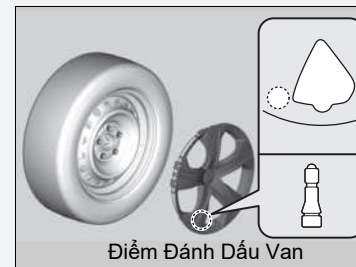
Không siết đai ốc bánh xe quá chặt bằng chân hay ống nối.

Loại xe có nắp chụp bánh xe

Đảm bảo vòng hỗ trợ dây được móc vào trong các kẹp xung quanh gờ của nắp chụp bánh xe.

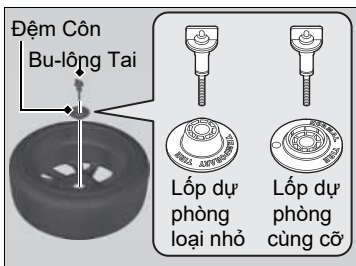
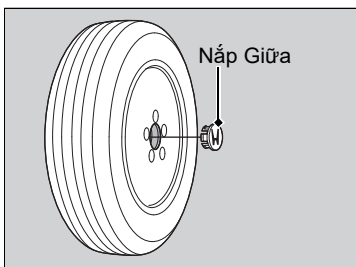


Căn thẳng điểm đánh dấu van trên nắp chụp bánh xe với van lốp trên bánh xe, sau đó lắp nắp chụp bánh xe.



Còn nữa

Cắt Giữ Lốp Xẹp



Loại xe có bánh xe vành nhôm

1. Tháo nắp giữa.

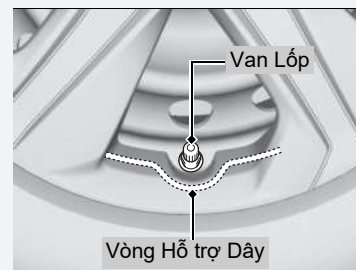
Tất cả các loại xe

2. Đặt lốp xẹp vào khoang chứa lốp dự phòng.
3. Tháo đệm côn ra khỏi bu lông tai, lật ngược nó lại và lắp lại vào bu lông. Giữ lốp xẹp bằng bu lông tai.
4. Cắt cẩn thận kích, cờ lê vặn đai ốc và thanh nối tay kích vào hộp dụng cụ. Cắt hộp dụng cụ vào trong khoang chứa đồ dưới sàn xe.

Thay Lốp Xẹp

Loại xe có nắp chụp bánh xe

Đảm bảo vòng hỗ trợ dây nằm ở bên ngoài van lốp như hình vẽ .




Cắt Giữ Lốp Xẹp

⚠ CẢNH BÁO

Vật dụng không được cắt giữ cẩn thận có thể văng trong xe gây trọng thương cho người ngồi trong xe.
Cắt bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

■ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp và Lốp Dự Phòng*

Nếu như bạn thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng, đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ sáng trong khi bạn đang lái xe. Sau khi lái được vài kilomet, đèn báo sẽ bắt đầu nhấp nháy trong khoảng thời gian ngắn và sau đó tiếp tục sáng.  sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, nhưng điều này là bình thường.

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp khi bạn thay lốp bằng một lốp bình thường đạt tiêu chuẩn.

➤ **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 463

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Động Cơ Không Khởi Động

Kiểm Tra Động Cơ

Nếu động cơ không khởi động, kiểm tra bộ khởi động.

➤ Kiểm Tra Động cơ

Nếu cần khởi động xe ngay, dùng ắc quy nối ngoài để khởi động động cơ.

➤ **Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài** Tr. 630
Không giữ nút **ENGINE START/STOP*** quá 15 giây.

Tình trạng bộ khởi động

Danh mục kiểm tra

Bộ khởi động không khởi động hoặc khởi động quá chậm.

Có thể ắc quy chết. Kiểm tra từng chi tiết bên phải xem có hoạt động không.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Kiểm tra thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*.

- Nếu xuất hiện thông báo **To Start, Hold Remote Near Start Button** (Để Khởi Động, Hãy Giữ Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Gần Nút Khởi Động)
 - **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Mở Cửa Từ Xa Yếu** Tr. 628
 - ▶ Đảm bảo điều khiển mở cửa từ xa nằm trong phạm vi vận hành của nó.
 - **Phạm Vi Vận Hành Nút ENGINE START/STOP** Tr. 204

Kiểm tra độ sáng của các đèn trong xe.

Bật các đèn trong xe lên và kiểm tra độ sáng.

- Nếu các đèn trong xe mờ hoặc không sáng lên được.
 - **Ắc Quy** Tr. 602
- Nếu các đèn trong xe sáng bình thường ➤ **Cầu Chì** Tr. 646

Bộ khởi động hoạt động bình thường nhưng động cơ không khởi động.

Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng chi tiết bên phải xem có hoạt động bình thường không.

Xem lại quy trình khởi động.

Làm theo các hướng dẫn, và cố gắng khởi động lại động cơ. ➤ **Khởi Động Động Cơ** Tr. 428, 431

Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy.

Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ.

➤ **Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 195

Kiểm tra mức nhiên liệu.

Cần có đủ nhiên liệu trong bình. ➤ **Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu** Tr. 159

Kiểm tra cầu chì.

Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

➤ **Kiểm Tra và Thay Cầu Chì** Tr. 655

Nếu sự cố vẫn còn:

➤ **Kéo Xe Khẩn Cấp** Tr. 656

Tình trạng bộ khởi động	Danh mục kiểm tra
Bộ khởi động hoạt động bình thường nhưng động cơ không khởi động. Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục bên phải xem có hoạt động bình thường không.	Loại xe chạy dầu đi-ê-zen Kiểm tra lọc nhiên liệu để xả nước. Thông báo Water In Fuel Filter (Có Nước Trong Lọc Nhiên Liệu) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái ☒ Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin Trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin cho Người Lái* Tr. 136

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Nếu Pin Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

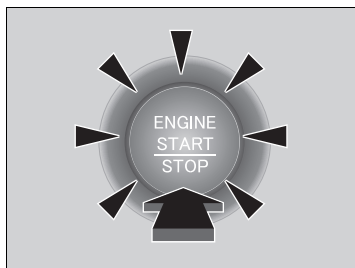
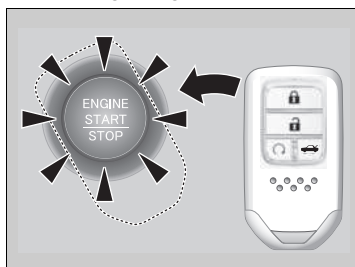
Nếu hệ thống cảnh báo phát ra tiếng bip, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy và động cơ không khởi động.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Thông báo **To Start, Hold Remote Near Start Button** (Để Khởi Động, Hãy Giữ Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa Gần Nút Khởi Động) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái

Tất cả các loại xe

Khởi động động cơ như sau:



1. Áp logo chữ **H** trên chia khoá điều khiển từ xa vào giữa nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** đang nhấp nháy. Mặt có các nút bấm phải quay về phía bạn.
► Nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy trong khoảng 30 giây.

2. Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong 10 giây sau khi hệ thống cảnh báo phát ra tiếng bip và nút **ENGINE START/STOP** thay đổi từ nhấp nháy sang sáng hẳn.
► Nếu bạn không nhấn bàn đạp phanh, chế độ sẽ chuyển sang PHỤ KIỆN.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Bạn có thể dừng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong tình huống khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, thực hiện một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khoá.

Loại xe có hộp số vô cấp

Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN khi động cơ tắt.

Để chuyển chế độ sang TẮT MÁY (KHOÁ), gạt cần số đến **P** sau khi xe dừng hoàn toàn. Sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số thường

Chế độ nguồn chuyển sang TẮT MÁY (KHÓA).

» Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

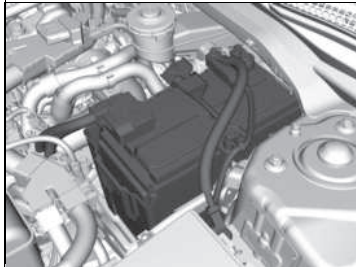
Không ấn nút **ENGINE START/STOP** khi đang lái xe trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ.

Nếu ấn nút **ENGINE START/STOP** khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ vang lên.

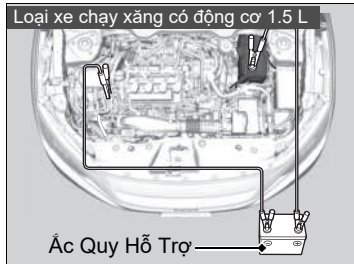
Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.



1. Mở nắp hộp cầu chì ở cực dương (+) ắc quy của xe.
2. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực (+) của ắc quy xe.
3. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ nhất vào cực (+) của ắc quy hỗ trợ.
 - ▶ Chỉ sử dụng ắc quy hỗ trợ loại 12 vôn.
 - ▶ Khi sử dụng bộ nạp ắc quy ô tô để hỗ trợ ắc quy 12 vôn, chọn điện áp nạp dưới 15 vôn. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ nạp để cài đặt cho phù hợp.
4. Nối đầu dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực (-) ắc quy hỗ trợ.



Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

⚠ CẢNH BÁO

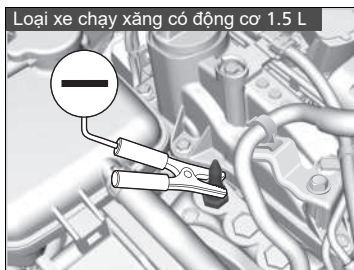
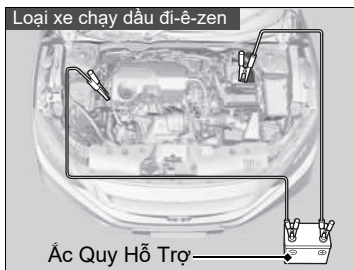
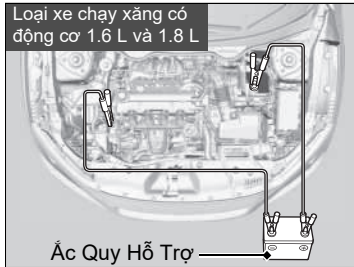
Ắc quy có thể nổ nếu không làm đúng theo quy trình, gây trọng thương cho bất kỳ ai ở gần ắc quy.

Đề tắt cả các tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa tránh xa ắc quy.

CHÚ Ý

Nếu để ắc quy trong điều kiện nhiệt độ thấp, chất điện phân có thể bị đông lại. Khởi động bằng ắc quy nối ngoài bị đông có thể gây đứt mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để nó không tuột khi động cơ rung. Chú ý không để lộn xộn cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi đang gắn hoặc tháo rời các cáp nối ngoài.



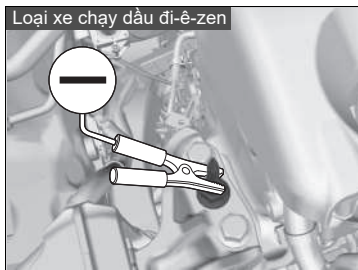
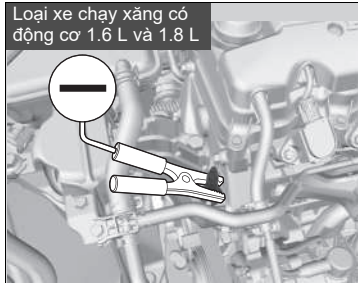
5. Nối đầu còn lại của dây cáp thứ hai vào bu lông gắn động cơ như hình vẽ. Không nối dây cáp nối ngoài vào bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu cáp nối ngoài được nối với xe khác, khởi động động cơ xe hỗ trợ và ga nhẹ.
7. Cố khởi động động cơ xe. Nếu xe khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài đã được nối đúng chưa.

Còn nữa

►►Khởi Động BằngẮc Quy Nối Ngoài

Ắc quy để trong điều kiện nhiệt độ thấp sẽ hoạt động kém hiệu quả và làm động cơ khó khởi động.

▶▶ Khởi Động BằngẮc Quy Nối Ngoài▶▶



Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

■ Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Sau khi đã khởi động được động cơ, tháo dây cáp nối ngoài ra theo trình tự dưới đây.

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi tiếp mát xe.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực \ominus của ắc quy hỗ trợ.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực \oplus của ắc quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực \oplus của ắc quy hỗ trợ.

Đưa xe đến gara gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

▣ Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Các đèn báo Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)*, Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường*, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Hệ Thống Phanh Giảm Va chạm (CMBS)*, Hệ Thống Cảnh Báo áp suất lốp thấp/ Xẹp Lốp* có thể sáng đồng thời thông báo sẽ xuất hiện trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái* khi bạn xoay khóa điện đến BẬT II*^{*1} sau khi nối lại ắc quy. Lái xe quãng đường ngắn với vận tốc hơn 20km/h. Đèn báo phải tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

*1: Loại xe có hệ thống chìa khóa truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

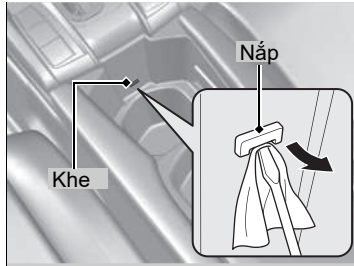
Không Gạt Được Cần Số

Loại hộp số vô cấp

Làm theo quy trình dưới đây nếu không thể gạt được cần số ra khỏi vị trí **P**.

Nhả Khóa

Loại xe có Vô lăng Bên Trái



1. Gài phanh đỗ.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

2. Rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

2. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.

Tất cả các loại xe

3. Dịch chuyển tựa tay về phía sau.

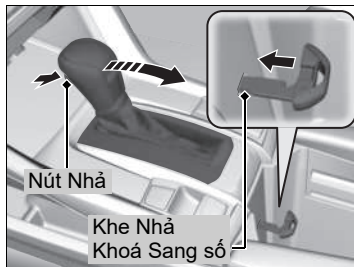
➤ Ngăn để cốc ghế trước Tr. 239

4. Bọc vải xung quanh đầu tua vít dẹt. Đưa nó vào trong khe nhà khóa sang số như trong hình vẽ và tháo nắp ra.

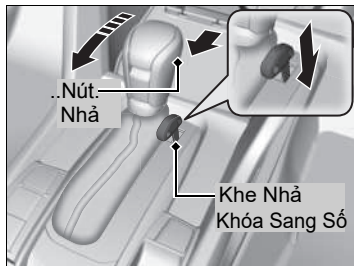
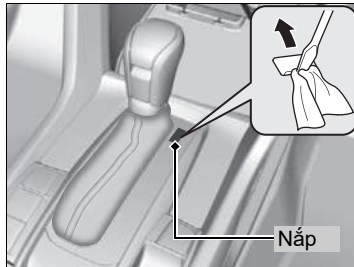
5. Cắm chìa khóa vào khe nhà khóa sang số.

6. Trong khi ấn chìa khóa xuống, bấm nút nhà cần số và gạt cần số đến **N**.

▶ Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.



Loại xe có Vô lăng Bên phải



1. Gài phanh đỗ.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

2. Rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa điện.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

2. Tháo chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khoá điều khiển từ xa.

Tất cả các loại xe

3. Bọc vải xung quanh đầu tua vít để tháo nắp của khe nhà khóa sang số. Đưa nó vào trong khe nhà khóa sang số như trong hình vẽ và tháo nắp ra.

4. Cắm chìa khóa vào khe nhà khóa sang số.

5. Cắm chìa khóa vào rãnh nhà khóa sang số.

6. Trong khi ấn chìa khóa xuống, bấm nút nhà cần số và gạt cần số đến **N.**

► Lúc này khóa đã nhả ra. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.

Quá Nhiệt

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

Dấu hiệu động cơ bị quá nhiệt:

- Vạch báo đồng hồ đo nhiệt độ hiển thị đến dấu [H]^{*1} hoặc mức cao hơn^{*2} hoặc động cơ đột ngột giảm công suất.
- Thông báo **Stop Driving When Safe. Engine Temperature Too Hot** (Hãy Đỗ Xe Vào Nơi An Toàn. Động Cơ Đang Bị Quá Nhiệt) xuất hiện trên giao diện thông tin cho người lái.*
- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

■ Bước đầu tiên

1. Đỗ xe nơi an toàn ngay lập tức.
2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.
 - ▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.
 - ▶ **Hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Tắt động cơ và đợi đến khi hơi hoặc tia nước không còn bắn ra. Sau đó mở nắp ca-pô.

*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

*2: Loại xe Châu Phi

» Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠ CẢNH BÁO

Hơi nước và tia nước bắn ra do động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

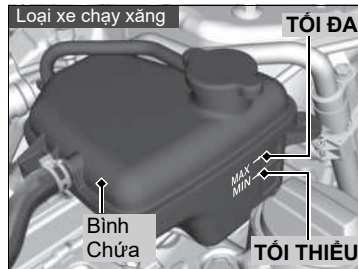
Không mở nắp ca-pô khi có hơi nước đang bắn ra.

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe với vạch báo đồng hồ đo nhiệt độ hiển thị đến dấu [H]^{*1} hoặc mức cao hơn^{*2} có thể làm hỏng động cơ.

Tiếp tục lái xe với thông báo **Stop Driving When Safe. Engine Temperature Too Hot** (Hãy Đỗ Xe Vào Nơi An Toàn. Động Cơ Đang Bị Quá Nhiệt) xuất hiện trên giao diện thông tin cho người lái* có thể làm hỏng động cơ.

■ Bước tiếp theo



Loại xe chạy xăng

1. Kiểm tra quạt làm mát đang vận hành và dừng động cơ khi vạch báo đồng hồ đo nhiệt độ hạ xuống.
 - Nếu quạt làm mát không hoạt động, hãy tắt động cơ ngay.
2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
 - Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, bổ sung nước làm mát cho đến khi nó đến vạch **MAX**.
 - Nếu không có nước làm mát trong bình, kiểm tra xem bình có mát không. Bọc nắp bình bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cở lọc và đóng nắp lại.

»» Cách Xử Lý Quá Nhiệt

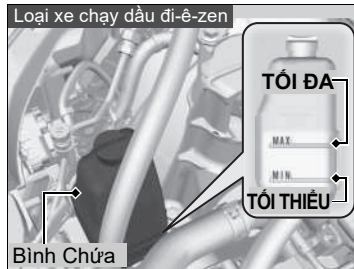
⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp bình chứa khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và bình chứa nguội trước khi tháo nắp bình chứa.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy đưa xe đến đại lý để thay nước làm mát chính hãng càng sớm càng tốt.



Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

1. Kiểm tra quạt làm mát đang vận hành và dừng động cơ khi vạch báo đồng hồ đo nhiệt độ hạ xuống.
 - Nếu quạt làm mát không hoạt động, hãy tắt động cơ ngay.
2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
 - Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, bổ sung nước làm mát cho đến khi nó đến vạch **MAX**.
 - Nếu không có nước làm mát trong bình, kiểm tra xem bình có mát không. Bọc nắp bình bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cổ lọc và đóng nắp lại.

■ Bước cuối cùng

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại và kiểm tra đồng hồ đo nhiệt độ. Nếu vạch báo đồng hồ đo nhiệt độ hiển thị ở mức thấp, tiếp tục lái xe. Nếu không, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

►►Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠CẢNH BÁO

Tháo nắp bình chứa khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và bình chứa nguội trước khi tháo nắp bình chứa.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy đưa xe đến đại lý để thay nước làm mát chính hãng càng sớm càng tốt.

Đèn Báo, Sáng/Nhấp Nháy

Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng lên khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ Làm gì ngay khi đèn báo sáng

1. Đỗ xe nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.
 - ▶ **Kiểm Tra Dầu** Tr. 568
3. Khởi động động cơ và kiểm tra đèn báo áp suất dầu thấp.
 - ▶ Đèn tắt: Tiếp tục lái xe.
 - ▶ Đèn không tắt trong vòng 10 giây: Dừng động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa ngay lập tức.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng khi không nạp được ắc quy.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tắt hệ thống điều khiển khí hậu, bộ sấy sau và các hệ thống điện khác và liên hệ ngay với đại lý để sửa chữa.

»Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng

CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể làm động cơ hư hỏng nghiêm trọng.

»Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng

Nếu cần dừng tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm ắc quy nhanh hết điện.

Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng nếu có vấn đề ở hệ thống kiểm soát khí xả động cơ.

Loại xe chạy xăng

- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

- Sáng khi có khí lọt vào hệ thống nhiên liệu.

Loại xe chạy xăng

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh lái xe ở tốc độ cao và đưa xe đến ngay đại lý để kiểm tra.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy ở gần, đợi ít nhất 10 phút hoặc hơn trong khi động cơ dừng đến khi nguội.

»»Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy

CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí xả và động cơ có thể bị hỏng.

Loại xe chạy xăng

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ 50 km/h hoặc thấp hơn để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy



(Đỏ)

■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Dầu phanh thấp.
- Có sự cố ở hệ thống phanh.

■ Làm gì khi đèn báo sáng trong khi đang lái

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất phanh.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số để giảm tốc độ sử dụng phanh động cơ.

■ Các nguyên nhân đèn báo nhấp nháy

- Có sự cố với hệ thống phanh đỗ điện.
- **Làm gì khi đèn báo nhấp nháy**
 - Tránh sử dụng phanh đỗ và đưa xe của bạn đến đại lý để kiểm tra ngay lập tức.

►► Nếu Đèn Báo Hệ thống Phanh (Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy

Đưa xe đi sửa chữa ngay lập tức.
Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm.
Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, dừng xe ngay lập tức ở nơi an toàn. Nếu cần, giảm số.

Nếu đèn báo hệ thống phanh và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp.
Hãy đưa xe đến đại lý ngay lập tức để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ thống Phanh (Đỏ) nhấp nháy cùng lúc khi Đèn Báo Hệ thống Phanh (Hỗ Phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động.
Tránh dùng phanh đỗ và đưa xe đến đại lý để kiểm tra ngay lập tức.

►► Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hỗ Phách) Sáng Tr. 642

Nếu bạn lặp lại vận hành phanh đỗ điện trong khoảng thời gian ngắn, phanh sẽ dừng hoạt động để tránh làm nóng hệ thống và đèn báo sẽ nhấp nháy.
Nó quay trở về trạng thái ban đầu trong xấp xỉ 1 phút.

►►Đèn Báo, Sáng/Nhấp Nháy►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hở Phách) cũng sáng

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hở Phách) cũng sáng



(Đỏ)



(Hở Phách)

■ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) sáng hoặc nhấp nháy cùng lúc khi Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hở Phách) cũng sáng, nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động

➤ Phanh Đỗ Tr. 512

- Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) tiếp tục sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hở Phách) cũng sáng, hãy dừng xe nơi an toàn và đến đại lý kiểm tra ngay lập tức.

➤ **Tránh làm xe di chuyển**

Loại xe có hộp số vô cấp

Gạt cần số đến **P**.

Loại xe có hộp số thường

Gạt cần số đến **1** hoặc **R**.

- Nếu chỉ có Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) tắt, tránh dùng phanh đỗ và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

☒ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hở Phách) cũng sáng

Nếu bạn gài phanh đỗ, bạn có thể sẽ không nhả được.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) và Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hở Phách) sáng cùng một lúc, phanh đỗ đang hoạt động.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Hở Phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động bởi vì nó đang kiểm tra hệ thống.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.
- Nếu liên tục nhấn bàn đạp ga để tăng tốc độ động cơ khi động cơ đang ở chế độ chạy không tải, đèn báo sẽ sáng và đôi khi sẽ rất khó để vận hành vô lăng.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

- Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.
Nếu đèn báo vẫn tiếp tục sáng, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Áp suất lốp quá thấp, hoặc hệ thống cảnh báo xẹp lốp không được hiệu chỉnh. Nếu có vấn đề với hệ thống cảnh báo xẹp lốp hoặc lốp dự phòng loại nhỏ* được lắp, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút và sau đó sáng.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận và tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức chỉ định. Áp suất lốp chỉ định có ở nhãn dán trên khung cửa phía người lái.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

➤ **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 463

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt. Nếu lốp dự phòng loại nhỏ làm đèn báo nhấp nháy, thay lốp bằng lốp có cùng kích cỡ.

Đèn tắt sau khi xe đi được vài kilomet.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi thay lốp cùng kích cỡ.

➤ **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp** Tr. 463

►► Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* Sáng hoặc Nhấp nháy

CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp xe bị quá nhiệt. Lốp quá nhiệt có thể bị hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức chỉ định.

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

Nếu Biểu Tượng PGM-FI Xuất Hiện

PGM-FI

■ Lý do biểu tượng xuất hiện trong khi động cơ đang chạy

- Có sự cố trong hệ thống điều khiển động cơ.

■ Làm gì khi biểu tượng xuất hiện lần đầu

1. Dừng xe ở nơi an toàn.
2. Dừng động cơ khoảng 30 giây và khởi động động cơ.
3. Lặp lại bước 2 ít nhất 3 lần.

■ Làm gì khi biểu tượng lại xuất hiện

- Tránh tăng tốc hết mức và lái với tốc độ cao. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

»»Nếu Biểu Tượng PGM-FI Xuất Hiện

CHÚ Ý

Tiếp tục lái xe mà có biểu tượng này có thể làm hỏng điều khiển khí xả và động cơ. Những sửa chữa này không được bảo hành.

Cầu Chì

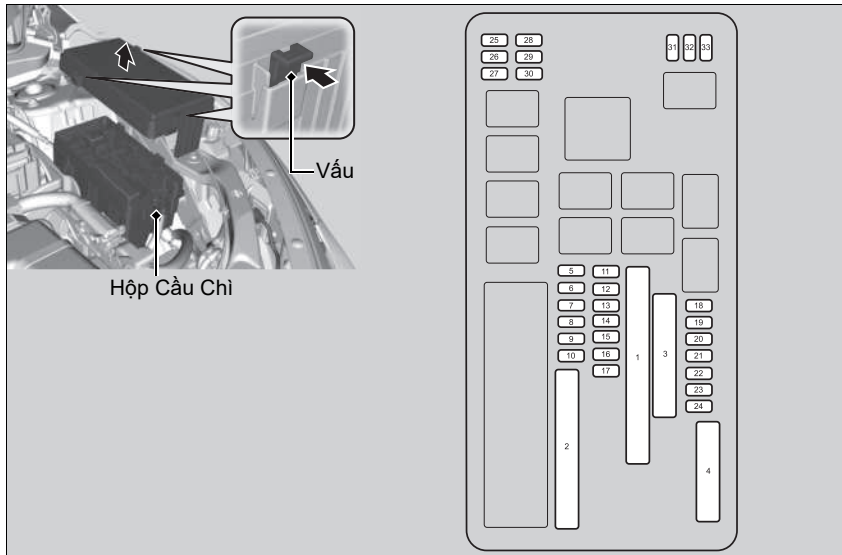
Vị Trí Cầu chì

Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, xoay khoá điện đến KHOÁ 0*¹ và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

Hộp Cầu Chì Khoang Động Cơ

Loại xe không có nhân cầu chì

Được đặt gần ắc quy. Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.
Các vị trí cầu chì được thể hiện trong hình minh họa dưới đây.
Đặt cầu chì đúng thứ tự theo số cầu chì trong hình ảnh và sơ đồ bên dưới.



*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	-	-
	-	(30 A)
	Quạt Làm Mát	30 A ^{*1} 50 A ^{*2}
	-	-
	IG Chính 2*	(30 A)
	Đèn Chiếu Xa Chính	30 A
	Ắc Quy	100 A ^{*1} 125 A ^{*2}
	EPS	70 A
	IG Chính	30 A ^{*3} 50 A ^{*4}
	2	Hộp Cầu Chi Tự Chọn
Hộp Cầu Chi Chính		60 A
Mô-tơ Cản Gạt Nước Trước		30 A
Đèn Chiếu Gần Chính		30 A
Bộ Sấy Kính Sau		40 A
3	Mô-tơ Bộ Khởi Động*	(30 A)
	Hộp Cầu Chi Chính 2	40 A
	Mô-tơ ABS/VSA	40 A
	ABS/VSA FSR	40 A
	Mô-tơ Quạt Gió	40 A
	-	-
4	-	-
	-	-
	-	-
	-	-

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
5	Quạt Làm Mát	(5 A)
6	Bộ Rửa Kính	15 A
7	IGP	15 A
8	Đèn Phanh	10 A
9	DBW	15 A
10	Kim Phun	(15 A)
11	LAF	(5 A)
12	FI ECU	(10 A)
13	Nguy Hiểm	15 A
14	-	-
15	Cuộn IG	15 A
16	Hộp Số	(15 A)
17	Đèn Ban Ngày	(10 A)
18	Đèn Dự Phòng	10 A
19	Âm Thanh	(15 A)
20	Đèn Vị Trí	10 A
21	Đèn Trong Xe	10 A
22	Đèn Sương Mù*	(15 A)
23	Máy Nén A/C	10 A
24	Còi	10 A
25	-	-
26	Đèn Chiếu Gần Trái	10 A
27	Đèn Chiếu Gần Phải	10 A
28	Tín Hiệu Công tắc Dừng	(5 A)
29	Đèn Chiếu Xa Trái	10 A
30	Đèn Chiếu Xa Phải	10 A
31	-	-

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
32	-	-
33	VB ACT*	(5 A)

* 1: Loại động cơ 1.6 L và 1.8 L

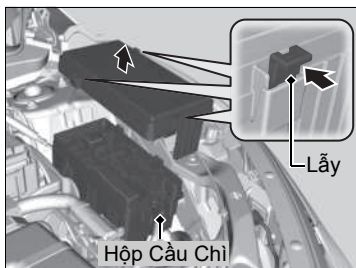
* 2: Loại động cơ 1.5 L

* 3: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

* 4: Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Loại xe có nhân cầu chì

Vị trí cầu chì có ở trên vỏ hộp cầu chì. Đặt cầu chì đúng thứ tự theo số cầu chì và số ở vỏ hộp cầu chì. Đặt gần ắc quy. Ấn vào lẫy để mở hộp.



Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Tùy Chọn 1	(60 A)
	-	(30 A)
	Quạt Làm Mát	30 A ^{*1, *3} 50 A ^{*2}
	Bộ Khuếch Đại Âm Thanh*	(30 A)
	IG Chính 2*	(30 A)
	Đèn Chiếu Xa Chính	30 A
	Ắc Quy	100 A ^{*1} 125 A ^{*2} 150 A ^{*3}
	EPS	70 A
	IG Chính	30 A ^{*4} 50 A ^{*5}
	2	Hộp Cầu Chì Tùy Chọn
Hộp Cầu Chì Chính		60 A
Mô-tơ Gạt Nước Trước		30 A
Đèn Chiếu Gần Chính		30 A

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
3	Bộ Sấy Kính Sau	40 A
	Mô-tơ Bộ Khởi Động*	(30 A)
	Hộp Cầu Chì Chính 2	40 A
	Mô-tơ ABS/VSA	40 A
	ABS/VSA FSR	40 A
	Mô-tơ Quạt Gió	40 A
	-	(40 A) ^{*1, *2}
	BU-GI SẤY	(60 A) ^{*3}
	-	(40 A)
4	-	(40 A) ^{*1, *2} (30 A) ^{*3}
	-	(40 A) ^{*1, *2} (30 A) ^{*3}
	-	(30 A) ^{*3}
5	Quạt Làm Mát IGP2	(5 A) ^{*1, *2} (10 A) ^{*3}
	Bộ Rửa Kính	15 A
7	IGP	15 A ^{*1, *2} 20 A ^{*3}
8	Đèn Phanh	10 A
9	DBW	15 A

* 1: Loại động cơ 1.6 L và 1.8 L

* 2: Loại động cơ 1.5 L

* 3: Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

* 4: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

* 5: Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
10	 Kim Phun	(15 A) ^{*1, *2, *3} (30 A) ^{*4}
11	 LAF	(5 A) ^{*1, *4} 5 A ^{*2, *3}
12	 FI ECU	(10 A) ^{*1, *4} 10 A ^{*2, *3}
13	 Cảnh báo nguy hiểm	15 A
14	 --	(15 A)
15	 Cuộn Đánh Lửa LAFF	15 A ^{*1, *2, *3} 10 A ^{*4}
16	 Hộp Số	(15 A)
17	 Đèn Ban Ngày	(10 A)
18	 Đèn Lùi	10 A
19	 Âm Thanh	(15 A)
20	 Đèn Vị Trí	10 A
21	 Đèn Trong Xe	10 A
22	 Đèn Sương Mù [†]	(15 A)
23	 Máy Nén A/C	10 A
24	 Còi	10 A
		-- ^{*1, *2}
25	-	-- ^{*3}
		-- ^{*4} (30 A)
26	 Đèn Chiếu Gần Trái	10 A

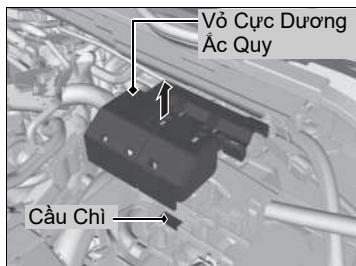
	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
27	 Đèn Chiếu Gần Phải	10 A
	 Tín Hiệu Công Tắc Dừng ^{*1, *2}	(5 A)
28	-	-- ^{*3}
		-- ^{*4} (30 A)
29	 Đèn Chiếu Xa Trái	10 A
30	 Đèn Chiếu Xa Phải	10 A
31	 Trượt Ghế Điện Hành Khách ^{*/* 1,}	(20 A)
	-	-- ^{*4}
32	 Ngả Ghế Điện Hành Khách ^{*/* 1, *2, *3}	(20 A)
	-	-- ^{*4}
	-	-- ^{*1, *4}
33	 VB ACT ^{*2, *3}	(5 A)

- * 1: Loại động cơ 1.6 L và 1.8 L
- * 2: Loại động cơ 1.5 L có hệ thống truy cập từ xa
- * 3: Loại động cơ 1.5 L không có hệ thống truy cập từ xa
- * 4: Loại động cơ đi-ê-zen

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

Nằm gần cực \oplus trên ắc quy.



Kéo vỏ lên.

Nên thay cầu chì này ở đại lý.

Vị trí cầu chì trên ở hình vẽ nằm ở phía sau vỏ cực dương ắc quy.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1 -	70 A

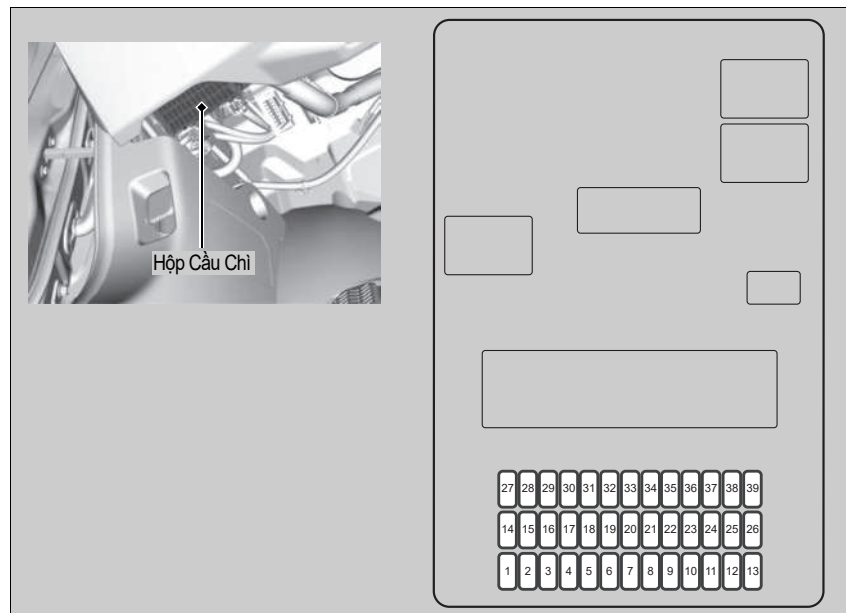
■ Hộp Cầu Chi Bên Trong

Loại xe không có nhân cầu chi

Đặt dưới băng tấp-lô.

Các vị trí cầu chi được thể hiện trong hình minh họa dưới đây.

Đặt cầu chi đúng thứ tự theo số cầu chi trong hình ảnh và sơ đồ bên dưới.



■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Phụ Kiện	10 A
2	Khoá Cửa Khoá	(5 A)
3	Tùy Chọn	(10 A)
4	Quạt Làm Mát* ¹	(5 A)
	Hộp Số ²	(10 A)
5	Tùy Chọn	10 A
6	Đèn Báo SRS	10 A
7	Đồng Hồ	10 A
8	Bơm Nhiên Liệu	15 A
9	ĐIỀU HÒA	10 A
10	-	(20 A)
11	Điều Khiển Động Cơ	5 A
12	Khoá Cửa Bên Phải	10 A
13	Mở Khóa Cửa Sau Bên Trái	10 A
14	Cửa Kính Điện Sau Bên Trái	(20 A)
15	Cửa Kính Điện Hành Khách Trước	20 A
16	Khóa Cửa	20 A
17	Hộp Số ¹	(10 A)
	Quạt Làm Mát ²	(5 A)
18	Đệm Lưng Điện*	(10 A)
19	Cửa Sổ Trời*	(20 A)
20	Bộ Khởi Động IG1	(10 A)
21	ACG	10 A
22	Đèn Ban Ngày	(10 A)
23	Đèn Sương Mù Sau*	-

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
24	Cảm Biến Camera Trước	(5 A)
25	Khoá Cửa Người Lái	(10 A)
26	Mở Khóa Cửa Bên Phải	10 A
27	Cửa Kính Điện Sau Phải	(20 A)
28	Cửa Kính Điện Người Lái	20 A
29	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước	20 A
30	Mở Cửa Từ Xa* ¹	(10 A)
	STS ²	(5 A)
31	Ngả Ghế Điện Người Lái*	(20 A)
32	Bộ Sưởi Ghế Trước*	(20 A)
33	Trượt Ghế Điện Người Lái*	(20 A)
34	VSA/ABS	10 A
35	SRS	10 A
36	-	-
37	Tùy Chọn	(10 A)
38	Khóa Cửa Sau Trái	(10 A)
39	Mở Khóa Cửa Người Lái	(10 A)

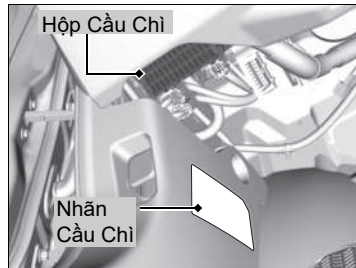
* 1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

* 2: Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

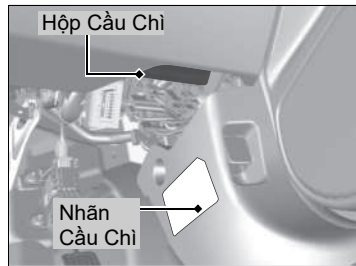
Loại xe có nhãn cầu chi

Đặt dưới bảng táp-lô.

Loại Vô lăng Bên trái



Loại Vô lăng Bên phải



Các vị trí cầu chi có ở trên nhãn cầu chi ở táp ốp bên.

Đặt cầu chi đúng thứ tự theo số cầu chi và số trên nhãn cầu chi.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe




■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường độ
1	Phụ Kiện	10 A
2	Khoá Chia Khoá	(5 A)
3	Tùy Chọn	(10 A)
4	Quạt Làm Mát *1 Hộp Số ²	(5 A) (10 A)
5	Tùy Chọn	(10 A)
6	Đèn Báo SRS	(10 A)
7	Đồng Hồ	10 A
8	Bơm Nhiên Liệu	15 A
9	ĐIỀU HÒA	10 A
10	-	(20 A)
11	Điều Khiển Động Cơ	5 A
12	Khoá Cửa Bên Phải	10 A
13	Mở Khoá Cửa Sau Bên Trái	10 A
14	Cửa Kính Điện Sau Trái	(20 A)
15	Cửa Kính Điện Hành Khách Trước	20 A
16	Khoá Cửa	20 A
17	Hộp Số ¹ Quạt Làm Mát ²	(10 A) (5 A)
18	Đệm Lưng Điện	(10 A)
19	Cửa Sổ Trời*	(20 A)

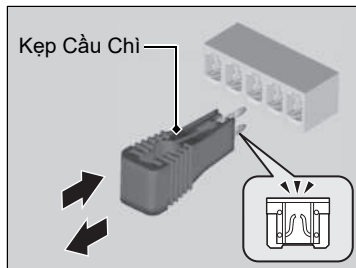
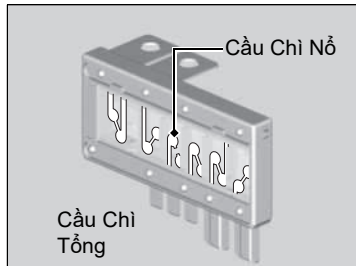
	Mạch Được Bảo vệ	Cường độ
20	Bộ Khởi Động IG1	(10 A)
21	ACG	10 A
22	Các Đèn Ban Ngày	(10 A)
23	Đèn Sương Mù Sau*	(10 A)
24	Camera Cảm Biến Trước*	(5 A)
25	Khoá Cửa Người Lái	(10 A)
26	Mở Khoá Cửa Bên Phải	(10 A)
27	Cửa Kính Điện Sau Bên Phải	(20 A)
28	Cửa Kính Điện Người Lái	20 A
29	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước	20 A
30	Mở Cửa Từ xa*1 STS*2	(10 A) (5 A)
31	Ngả Ghế Điện Người Lái*	(20 A)
32	Bộ Sưởi Ghế Trước*	(20 A)
33	Trượt Ghế Điện Người Lái*	(20 A)
34	VSA/ABS	10 A

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

*2: Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

	Mạch Được Bảo vệ	Cường độ
35	 SRS	10 A
36	-	-
37	 Tùy Chọn	(10 A)
38	 Khóa Cửa Sau Bên Trái	10 A
39	 Mở Khóa Cửa Người Lái	(10 A)

Kiểm Tra và Thay Cầu Chì



1. Xoay khoá điện đến KHOÁ [0]*1. Tắt các đèn chiếu sáng và tắt cả các phụ kiện.
2. Tháo vỏ hộp cầu chì.
3. Kiểm tra cầu chì tổng trong khoang động cơ.
 - Nếu cầu chì nổ, dùng tua vít đầu Phillip để tháo vít và thay cầu chì mới.
4. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và bên trong xe.
 - Nếu có cầu chì bị nổ, tháo nó bằng kẹp tháo cầu chì và thay cái mới.

» Kiểm Tra và Thay Cầu Chì

CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng hơn.

Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.

Xác nhận cường độ dòng điện quy định bằng cách sử dụng sơ đồ Vị Trí Cầu Chì.

► Vị Trí Cầu Chì Tr. 646, 651

Có một kẹp tháo cầu chì ở phía sau vỏ hộp cầu chì trong khoang động cơ.

*1: Loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

Kéo Xe Khẩn Cấp

Hãy gọi đội dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe bạn.

■ Thiết bị kéo sàn phẳng

Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.

Đây là cách tốt nhất để di chuyển xe của bạn.

■ Thiết bị nhấc bánh xe

Xe kéo chuyên dụng sử dụng hai tay nâng để nâng hai lốp trước lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

»Kéo Xe Khẩn Cấp

CHÚ Ý

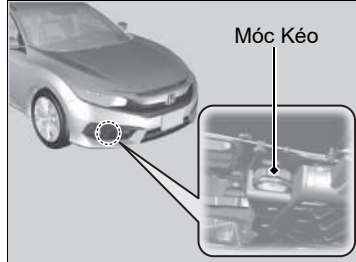
Cổ nâng hoặc kéo xe bằng tấm cản sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cản không được thiết kế để nâng đỡ trọng lượng của xe.

Kéo xe không đúng cách, như kéo bằng nhà di động hay xe chạy bằng động cơ khác để kéo có thể làm hỏng hộp số.

Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích. Điều này rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể di chuyển từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt.

Loại xe có hộp số thường

■ Nếu phải kéo xe với các bánh trước trên mặt đất:



1. Móc thiết bị kéo vào móc kéo.

2. Khởi động động cơ.

▶ Nếu khó khởi động động cơ, xoay khoá điện đến PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

Nhấn bàn đạp phanh.

3. Sang số **N**.

4. Nhả phanh đỗ.

ⓘ Nếu phải kéo xe với các bánh trước trên mặt đất:

Ở một số nước có luật cấm kéo xe. Kiểm tra và tuân theo các quy định pháp lý của nước mà bạn đang lái xe trước khi kéo xe.

Nếu bạn không thể làm theo quy trình chính xác, không được kéo xe với các bánh trước trên mặt đất.

Nếu bạn không thể khởi động động cơ, bạn có thể gặp phải những vấn đề trong khi kéo xe.

- Kiểm tra vô lăng không bị khóa.
- Phanh khô do hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp không hoạt động.
- Vô lăng nặng khó xoay do hệ thống hỗ trợ lái điện không hoạt động.
- Cài đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY (KHÓA) làm vô lăng bị khóa.

Đảm bảo nhả phanh đỗ. Nếu bạn không thể nhả phanh đỗ, phải kéo xe bằng thiết bị kéo xe sàn phẳng.

☑ **Phanh Đỗ** Tr. 512

Xuống dốc dài làm phanh nóng lên. Việc này có thể làm phanh hoạt động không đúng. Nếu bạn cần phải kéo xe trên dốc, hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp.

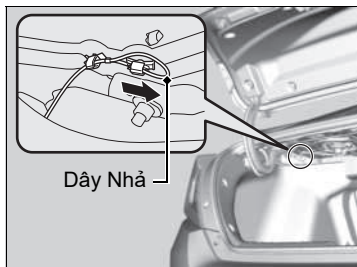
►► Nếu phải kéo xe với các bánh trước trên mặt đất:

Với các bánh trước ở trên mặt đất, tốt nhất là kéo xe trong phạm vi không quá 80 km và duy trì tốc độ dưới 55 km/h.

Không giẫm chân lâu lên bàn đạp ly hợp để tránh làm xe bị chết máy. Điều này sẽ làm hộp số nóng lên và bị hư hỏng.

Khi Bạn Không Thể Mở Cửa Nạp Nhiên Liệu

Nếu bạn không thể mở cửa nạp nhiên liệu, hãy làm theo quy trình sau.



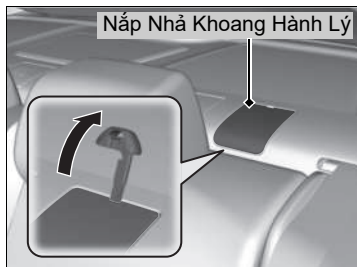
1. Mở khoang hành lý.
2. Kéo dây nhả màu xanh bên dưới khay sau sang bên phải.
 - ▶ Dây nhả sẽ mở khóa cửa nạp nhiên liệu khi nó được kéo.

ⓘ Khi Bạn Không Thể Mở Cửa Nạp Nhiên Liệu

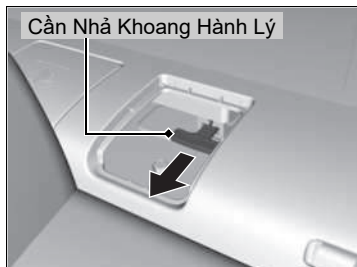
Sau khi tiến hành các bước này hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Khi Bạn Không Thể Mở Khoang Hành Lý

Nếu bạn không thể mở khoang hành lý, hãy làm theo quy trình sau.



1. Sử dụng chìa khóa để tháo nắp.
 - ▶ Bọc chìa khóa bằng một miếng vải để tránh làm xước nắp.



2. Kéo cần nhả.
3. Thay nắp.

⌘ Khi Bạn Không Thể Mở Khoang Hành Lý

Bước tiếp theo:

Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

Thông Tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng và các thông tin khác theo quy định.

Thông Số Kỹ Thuật	662
Số Nhận Dạng Xe	
Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và	
Số Hộp Số	669
Thiết Bị Phát Sóng Radio*	671

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thông Số Kỹ Thuật

Loại xe chạy xăng

■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại Xe	Civic
	Loại xe có động cơ 1.5 L
	1.287 - 1.326 kg ^{*1}
	1.297 - 1.306 kg ^{*2}
	1.301 - 1.305 kg ^{*3}
	1.305 kg ^{*4}
	1.310 kg ^{*5, *6}
	1.311 - 1.314 kg ^{*7}
	1.314 kg ^{*8}
	1.314 - 1.327 kg ^{*9}
	1.315 - 1.319 kg ^{*10}
	1.316 kg ^{*11}
	Loại xe có động cơ 1.6 L
Trọng Lượng	1.228 - 1.232 kg ^{*3}
	1.237 kg ^{*5}
	1.259 kg ^{*12}
	1.265 kg ^{*7}
	Loại xe có động cơ 1.8 L
	1.223 - 1.227 kg ^{*4}
	1.225 - 1.237 kg ^{*2}
	1.226 - 1.238 kg ^{*6}
	1.235 - 1.250 kg ^{*1}
	1.251 kg ^{*9}
	1.258 - 1.268 kg ^{*7}
	1.267 - 1.282 kg ^{*11}
	1.268 - 1.300 kg ^{*13}

	Loại xe có động cơ 1.5 L	
	1.715 kg ^{*2, *4}	
	1.720 kg ^{*10}	
	1.740 kg ^{*14}	
	1.745 kg ^{*7}	
	1.785 kg ^{*15}	
	1.810 kg ^{*16}	
	Loại xe có động cơ 1.6 L	
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	1.670 kg ^{*17}	
	1.700 kg ^{*7}	
	Loại xe có động cơ 1.8 L	
	1.640 kg ^{*2}	
	1.670 kg ^{*4, *6, *9}	
	1.690 kg ^{*11}	
	1.700 kg ^{*7}	
	1.710 kg ^{*13}	
	1.715 kg ^{*1}	
	875 kg ^{*18}	
	880 kg ^{*19, *20}	
	885 kg ^{*21}	
Trước	900 kg ^{*22}	
	930 kg ^{*23}	
	935 kg ^{*24}	
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	940 kg ^{*25}	
	800 kg ^{*26, *27}	
	810 kg ^{*25}	
	830 kg ^{*23}	
Sau	835 kg ^{*28, *29}	
	850 kg ^{*21}	
	870 kg ^{*24}	

- *1: Loại xe Australia và New Zealand
 *2: Loại xe Thái Lan
 *3: Loại xe Bangladesh, Bhutan, Brunei, Nepal và Sri Lanka
 *4: Loại xe Campuchia, Lào và Philippin
 *5: Loại xe Singapore

- *6: Loại xe Việt Nam
 *7: Loại xe Châu Phi
 *8: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Đông Nam Á, Australia, Bangladesh, Bhutan, Nepal, New Zealand, Pakistan và Sri Lanka
 *9: Loại xe Malaysia
 *10: Loại xe Indonesia
 *11: Loại xe Pakistan
 *12: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Đông Nam Á, Bangladesh, Bhutan, Nepal và Sri Lanka
 *13: Loại xe Ấn Độ
 *14: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia, Campuchia, Indonesia, Lào, New Zealand, Philippin và Thái Lan
 *15: Loại xe Australia và New Zealand có bánh xe 17 inch
 *16: Loại xe Australia và New Zealand có bánh xe 18 inch
 *17: Ngoại trừ loại xe Châu Phi
 *18: Loại xe Singapore có động cơ 1.6 L
 *19: Loại xe có động cơ 1.6 L ngoại trừ loại xe Singapore
 *20: Loại xe Châu Phi và Malaysia có động cơ 1.8 L
 *21: Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.8 L
 *22: Loại xe Pakistan có động cơ 1.8 L
 *23: Loại xe Châu Phi có động cơ 1.5 L
 *24: Loại xe Australia và New Zealand có động cơ 1.5 L
 *25: Loại xe có động cơ 1.5 L ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia, Campuchia, Indonesia, Lào, New Zealand, Philippin, Thái Lan và Việt Nam
 *26: Loại xe có động cơ 1.6 L ngoại trừ loại xe Châu Phi
 *27: Loại xe Malaysia và Pakistan có động cơ 1.8 L
 *28: Loại xe Châu Phi có động cơ 1.6 L
 *29: Loại xe Châu Phi có động cơ 1.8 L

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	4 xy lanh thẳng hàng làm mát bằng nước DOHC ^{*1} 4 xy lanh thẳng hàng làm mát bằng nước SOHC ^{*2, *3}
Đường Kính x Hành Trình	73,0 x 89,5 mm ^{*1} 81,0 x 77,5 mm ^{*2} 81,0 x 87,3 mm ^{*3}
Dung Tích	1.498 cm ^{3*1} 1.597 cm ^{3*2} 1.799 cm ^{3*3}
Tỷ Số Nén	9,7 : 1 ^{*4} 10,6 : 1 ^{*1, *5} 10,7 : 1 ^{*2}
Bugì	ILZKAR8H8S ^{*1} NGK SILZKR7C11S ^{*2, *6} SILZKR7C11DS ^{*7}

*1: Loại xe có động cơ 1.5 L

*2: Loại xe có động cơ 1.6 L

*3: Loại xe có động cơ 1.8 L

*4: Loại xe Pakistan có động cơ 1.8 L

*5: Loại xe có động cơ 1.8 L ngoại trừ loại xe Pakistan

*6: Loại xe có động cơ 1.8 L ngoại trừ loại xe Thái Lan

*7: Loại xe Thái Lan có động cơ 1.8 L

■ Nhiên Liệu

Loại	Loại xe Thái Lan có động cơ 1.8 L Xăng không chì/pha cồn lên tới E85 (15% xăng và 85% ethanol), chỉ số ốctan 91 trở lên
Loại	Loại xe Thái Lan có động cơ 1.5 L Xăng không chì/pha cồn lên tới E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số ốctan 91 trở lên
Nhiên Liệu:	Loại xe Pakistan có động cơ 1.8 L Xăng không chì có chỉ số ốctan 87 trở lên
	Loại xe khác Xăng không chì có chỉ số ốctan 91 trở lên
Dung Tích Bình	47 L
Nhiên Liệu	

■ Ấc Quy

Dung Tích	36AH(5)/47AH(20) ^{*1} 38AH(5)/47AH(20) ^{*2}
-----------	--

*1: Ngoại trừ loại xe Ấn Độ

*2: Loại xe Ấn Độ

■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình Nhiên Liệu	2,5 L
---------------------------	-------

■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)	55 W (H11)* LED*
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)	60 W (HB3)* LED*
Đèn Sương Mù*	35 W (H8)* LED*
Các Đèn Xi Nhan Trước	21 W (Hỗ Phách)* LED*
Các Đèn Bên Hồng*	5 W (Hỗ Phách)
Các Đèn Vị Trí/Ban Ngày	LED
Các Đèn Xi Nhan Bên	5 W (Hỗ Phách)* LED*
Đèn Phanh	21 W
Đèn Hậu	LED
Các Đèn Xi Nhan Sau	21 W (Hỗ Phách)
Các Đèn Lùi	16 W
Đèn Phanh Cao	21 W* LED*
Đèn Biển Số Sau	LED
Các Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách	8 W
Đèn Trần	8 W
Đèn Gương Cá Nhân*	2 W
Đèn Hộp Đựng Đồ*	3,4 W
Đèn Khoang Hành Lý	5 W

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Điều Hoà Không Khí

Loại Ga Lạnh	HFC-134a (R-134a)
	Loại xe có động cơ 1.5 L
	405 - 455 g ^{*1}
	435 - 485 g ^{*2}
	Loại xe có động cơ 1.6 L
Khối Lượng Nạp	405 - 455 g
	Loại xe có động cơ 1.8 L
	375 - 425 g ^{*1}
	405 - 455 g ^{*2}

*1: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam
*2: Ngoại trừ loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Việt Nam

■ Dầu Phanh

Quy Định	Dầu Phanh có DOT3 hoặc DOT4
----------	-----------------------------

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp

Quy Định	Honda HCF-2	
Dung Tích	Thay	3,5 L ^{*1}
		3,7 L ^{*2}

*1: Loại động cơ 1.6 L và 1.8 L
*2: Loại động cơ 1.5 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Nghị	Dầu Chính Hãng Honda Motor 0W-20, 0W-30, 5W-30, 10W-30 ACEA A5/B5, API cấp SM hoặc cao hơn 0W-20, 0W-30, 5W-30, 10W-30	
	Thay	3,2 L ^{*1}
		3,5 L ^{*2}
Dung Tích	Thay bao gồm lọc	3,5 L ^{*1}
		3,7 L ^{*2}

*1: Loại xe có động cơ 1.5 L
*2: Loại xe có động cơ 1.6 L và 1.8 L

■ Nước Làm Mát Động Cơ

Chỉ Định	Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2
Tỷ Lệ	50/50 nước chưng cất
	Loại xe có động cơ 1.5 L
	4,92 L (thay cả 0,58 L còn lại trong bình chứa)
	Loại xe có động cơ 1.6 L
	5,96 L ^{*1} 6,00 L ^{*2} (thay cả 0,58 L còn lại trong bình chứa)
	Loại xe có động cơ 1.8 L
	5,80 L ^{*3} 5,94 L ^{*4} 6,00 L ^{*5} (thay cả 0,58 L còn lại trong bình chứa)
Dung Tích	

*1: Loại xe Singapo
*2: Ngoại trừ loại xe Singapo
*3: Loại xe Malaysia và Thái Lan
*4: Loại xe Campuchia, Lào và Phillipin
*5: Ngoại trừ loại xe Campuchia, Lào, Malaysia, Philippin, và Thái Lan

■ **Lốp Xe**

Thường	Kích Thước	215/55R16 93H ^{*1} 215/50R17 91V ^{*2} 235/40ZR18 95Y ^{*3}
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
	Kích Thước Dự Phòng	T125/80D16 97M T125/70D17 98M
Loại Nhỏ*	Áp Suất	420 (4,2 [60]) kPa (kgf/cm ² [psil])
	Kích Thước Dự Phòng (Cùng Kích Cỡ)	215/55R16 93H 215/50R17 91V
Kính Thước Bánh Xe	Áp Suất	Giống như lốp thường. Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
	Thường	16X7J ⁻¹ 17X7J ⁻² 18X8J ⁻³
	Dự Phòng Loại Nhỏ*	16X4T 17X4T
	Cùng Kích Cỡ*	16X7J 17X7J

- *1: Loại xe có bánh xe 16 inch
- *2: Loại xe có bánh xe 17 inch
- *3: Loại xe có bánh xe 18 inch

■ **Chi loại xe Ấn Độ**

Lốp xe lắp cho loại xe này đáp ứng yêu cầu của BIS và tuân thủ theo quy định về luật xe hơi (CMVR), 1989.

■ **Phanh**

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Đĩa đặc
Đổ	Phanh Đổ Điện

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ **Kích Thước Xe**

Chiều Dài	4.620.2 mm ^{*4}
	4.648 mm ^{*5}
	4.648.46 mm ^{*6}
	4.656 mm ^{*7}
	4.657.77 mm ^{*8}
	4.659 mm ^{*9}
	4.662 mm ^{*10}
Chiều Rộng	4.662.08 mm ^{*11}
	1.799 mm ^{*12, *13, *14}
Chiều Cao	1.799.3 mm ^{*15, *16, *17}
	1.416 mm ^{*18}
Chiều Dài Cơ Sờ	1.432.8 mm ^{*4}
	1.433 mm ^{*7}
Vệt Bánh Xe ^{*1, *2}	2.698 mm ^{*19, *20}
	2.700 mm ^{*21, *22, *23}
Vệt Bánh Xe ^{*3}	Trước 1.543 mm ^{*24}
	Sau 1.547 mm ^{*18}
	Trước 1.557 mm ^{*24}
	Sau 1.563 mm ^{*22, *25, *26}
	1.575 mm ^{*9}
	1.576 mm ^{*27}
	Trước 1.537 mm
	Sau 1.553 mm ^{*28}
	1.565 mm ^{*27}

- *1: Loại xe có bánh xe 16 inch
- *2: Loại xe có bánh xe 17 inch
- *3: Loại xe có bánh xe 18 inch
- *4: Loại xe Pakistan
- *5: Loại xe Indonesia, Malaysia và Việt Nam
- *6: Loại xe Campuchia, Lào, Philippin và Thái Lan
- *7: Loại xe Ấn Độ
- *8: Loại xe Châu Phi có động cơ 1.6 L
- *9: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có động cơ 1.6 L
- *10: Loại xe Australia, New Zealand và Singapo
- *11: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia, Campuchia, Ấn Độ, Indonesia, Lào, Malaysia, New Zealand, Philippin, Singapo, Pakistan, Thái Lan và Việt Nam

- *12: Loại xe Châu Phi, Australia, Indonesia, Malaysia, New Zealand, Singapo và Việt Nam có động cơ 1.5 L
- *13: Loại xe Singapo có động cơ 1.6 L
- *14: Loại xe Châu Phi, Australia, Ấn Độ, Malaysia, New Zealand và Việt Nam có động cơ 1.8 L
- *15: Loại xe có động cơ 1.5 L ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia, Indonesian, Malaysia, New Zealand, Singapo và Việt Nam
- *16: Loại xe có động cơ 1.6 L ngoại trừ loại xe Singapo
- *17: Loại xe có động cơ 1.8 L ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia, Ấn Độ, Malaysia, New Zealand và Việt Nam
- *18: Ngoại trừ loại xe Ấn Độ và Pakistan
- *19: Loại xe Châu Phi, Australia, New Zealand và Thái Lan có động cơ 1.5 L
- *20: Loại xe Châu Phi, Australia, New Zealand và Thái Lan có động cơ 1.8 L
- *21: Loại xe có động cơ 1.5 L ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia, New Zealand và Thái Lan
- *22: Loại xe có động cơ 1.6 L
- *23: Loại xe có động cơ 1.8 L ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia, New Zealand và Thái Lan
- *24: Loại xe Ấn Độ và Pakistan
- *25: Loại xe có động cơ 1.5 L ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia, New Zealand và Pakistan
- *26: Loại xe có động cơ 1.8 L ngoại trừ loại xe Châu Phi, Australia, Ấn Độ, New Zealand và Pakistan
- *27: Loại xe Australia và New Zealand
- *28: Loại xe Campuchia, Lào, Malaysia, Philippin và Việt Nam

■ **Trọng Lượng Kéo Xe Tối Đa^{*1}**

Rơ-moóc có phanh	800 kg ^{*2} 1.000 kg ^{*3}
Rơ-moóc không có phanh	500 kg
Tải trọng thẳng đứng tối đa cho phép trên thiết bị nổi khi kéo xe	75 kg

- *1: Loại xe Châu Phi, Australia và New Zealand
- *2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi có động cơ 1.5 L
- *3: Loại xe Châu Phi có động cơ 1.5 L

Loại xe chạy dầu đi-ê-zen

■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại	Civic
Trọng Lượng Xe	1.325 - 1.353 kg
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	1.800 kg

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	4 xy lạnh thẳng hàng làm mát bằng nước DOHC
Đường Kính x Hành Trình	76,0 x 88,0 mm
Dung Tích	1.597 cm ³
Tỷ Số Nén	16,0 : 1

■ Nhiên Liệu

Loại Nhiên Liệu:	Nhiên liệu Đi-ê-zen
Dung Tích Bình Nhiên Liệu	47 L

■ Ấc Quy

Dung Lượng	38AH(5)/47AH(20)
------------	------------------

■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình	2,5 L
----------------	-------

■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)	55 W (H11)* LED*
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)	60 W (HB3)* LED*
Đèn Sương Mù	35 W (H8)* LED*
Các Đèn Xi Nhan Trước	21 W (Hỗ Phách)* LED*
Các Đèn Bên Hồng	5 W (Hỗ Phách)
Các Đèn Vị Trí/Ban Ngày	LED
Các Đèn Xi Nhan Bên	LED
Đèn Phanh	21 W
Đèn Hậu	LED
Các Đèn Xi Nhan Sau	21 W (Hỗ Phách)
Các Đèn Lùi	16 W
Đèn Phanh Cao	21 W
Đèn Biển Số Sau	LED
Các Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách	8 W
Đèn Trần	8 W
Đèn Gương Cá Nhân	2 W
Đèn Hộp Đựng Đồ	3,4 W
Đèn Khoang Hành Lý	5 W

■ Điều Hoà Không Khí

Loại Ga Lạnh	HFC-134a (R-134a)
Khối Lượng Nạp	385 - 435 g

■ Dầu Phanh/Ly Hợp

Quy Định	Dầu Phanh có DOT3 hoặc DOT4
----------	-----------------------------

■ Dầu Hộp Số Thường

Quy Định	Honda MTF
Dung Tích	Thay 1,9 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Nghị	Dầu đi-ê-zen Honda #1.0
	Dầu đi-ê-zen Honda #2.0
	ACEA C2 hoặc C3 0W-30, 5W-30
Dung Tích	Thay 3,9 L
	Thay cả lọc 4,3 L

■ Nước Làm Mát Động Cơ

Chỉ Định	Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2
Tỷ Lệ	50/50 nước chưng cất
Dung Tích	5,18 L (thay cả 0,58 L còn lại trong bình chứa)

■ **Lốp Xe**

Thường	Kích Thước	215/55R16 93H ^{*1} 215/50R17 91V ^{*2}
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
Dự Phòng (Cùng Kích Cỡ)	Kích Thước	215/55R16 93H ^{*1} 215/50R17 91V ^{*2}
	Áp Suất	Giống như lốp thường. Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
Kích Thước Bánh Xe	Thường	16X7J ^{*1} 17X7J ^{*2}
	Cùng Kích Cỡ	16X7J ^{*1} 17X7J ^{*2}

*1: Loại xe có bánh xe 16 inch

*2: Loại xe có bánh xe 17 inch

Chỉ loại xe Ấn Độ

Lốp xe lắp cho loại xe này đáp ứng yêu cầu của BIS và tuân thủ theo quy định về luật xe hơi (CMVR), 1989.

■ **Phanh**

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Đĩa đặc
Đỗ	Phanh Đỗ Điện

■ **Kích Thước Xe**

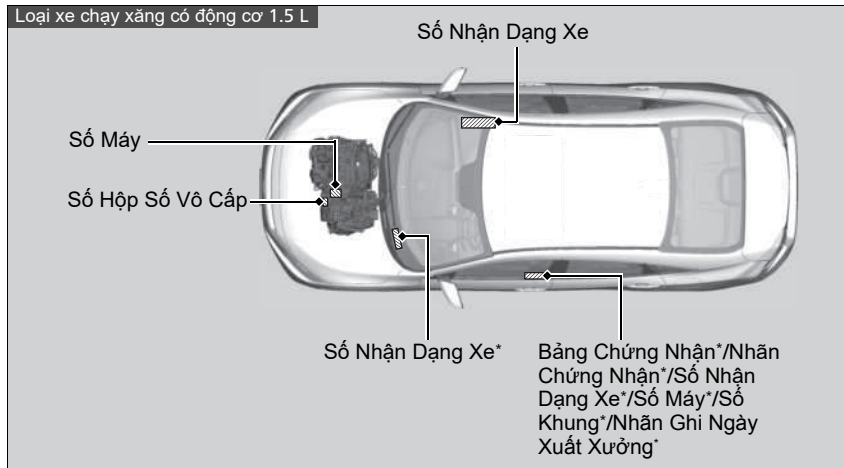
Chiều Dài	4.656 mm
Chiều Rộng	1.799 mm
Chiều Cao	1.433 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.700 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.543 mm
	Sau 1.557 mm

Số Nhận Dạng

Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Xe có số nhận dạng 17 ký tự (VIN) dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp bằng và bảo hiểm.

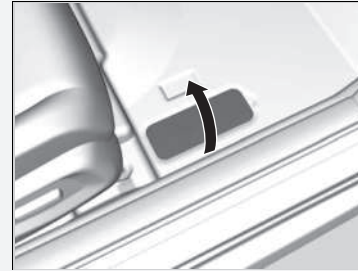
Xem hình ảnh bên dưới để biết vị trí của số VIN, số máy và số hộp số.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

☒Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

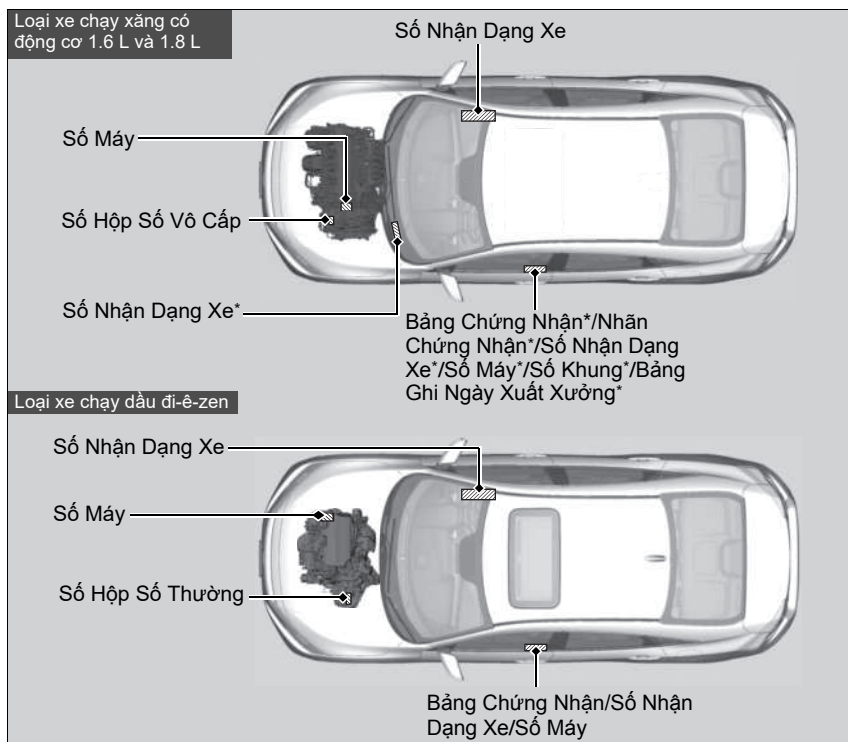
Số Nhận Dạng Xe (VIN) ở phía dưới nắp đầu xe.



Loại xe Australia

Ngày xuất xưởng là tháng và năm khung xe và các cụm chi tiết của cơ cấu truyền động được lắp ráp và xe được di chuyển ra khỏi dây chuyền sản xuất.






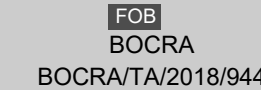
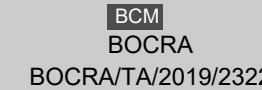


►► Số Nhận Dạng ► Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số



Thông Tin

Thiết Bị Phát Sóng Radio*







Các thiết bị và hệ thống sau trên xe phát sóng radio khi vận hành.

	Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa*		Hệ Thống Chống Nổ Máy*		Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*	
Loại xe Nam Phi						
Loại xe Singapo	-	-				
Loại xe Botswana	BOCRA BOCRA/TA/2018/1524	BOCRA BOCRA/TA/2018/1523				
Loại xe Zambia	-	-				

Thông Tin

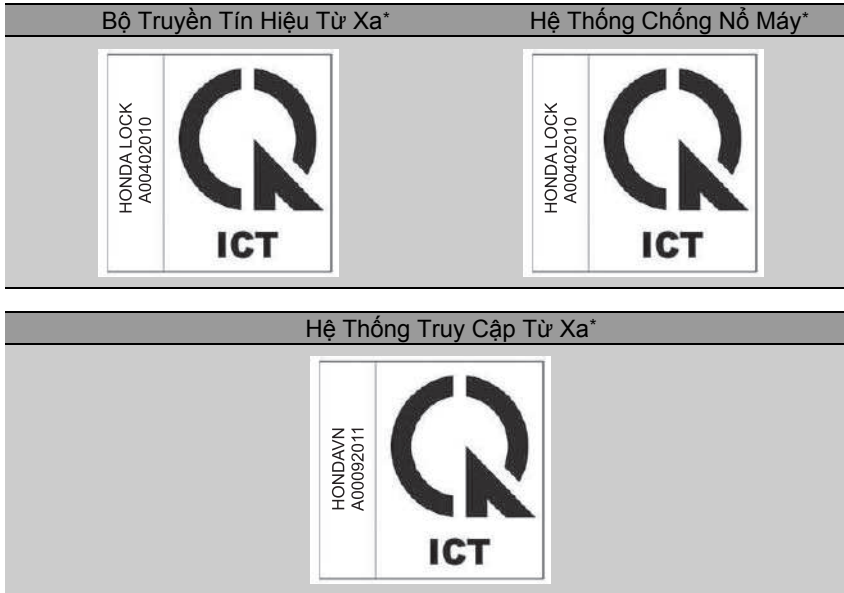
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►►Thiết Bị Phát Sóng Radio*►

	Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*/Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)	Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay* (Loại xe có màn hình âm thanh màu)	Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay* (Loại Xe có Màn Hình Âm Thanh)
Loại xe Nam Phi			
Loại xe Singapo	-	-	Complies with IMDA Standards DA01740A
Loại xe Botswana	BOCRA BOCRA/TA/2016/2470	BTA BOCRA/TA/2015/2132	BTA BOCRA/TA/2015/2219
Loại xe Zambia			

Thông Tin

Loại xe Việt Nam



Thông Tin

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Mục Lục

A

ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh)	519
An Toàn Cho Trẻ	72
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	184
Áp Suất Khí	665, 668

Ă

Ăc Quy	602
Bảo Dưỡng (Kiểm Tra Ăc Quy).....	602
Bảo Dưỡng (Thay).....	606
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	109, 639
Khởi Động Bằng Ăc Quy Nổi Ngoài.....	630
Ăc Quy Chết	630

Â

Ăm Thanh Bluetooth®	280, 321
----------------------------------	----------

B

Bảng Điều Khiển	103
Điều Chỉnh Độ Sáng.....	221
Bảng Thông Số Kỹ Thuật Chất Bôi Trơn	664, 667
Bảo Dưỡng	539
An Toàn.....	541
Ăc Quy	602
Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa.....	606
Dầu	568

Dầu Hộp Số	576
Dầu Phanh.....	577
Dưới Nắp Ca-pô	561
Két Nước	573, 575
Lốp Xe	595
Lưu Ý.....	540
Nước Làm Mát	572, 574
Thay Bóng Đèn.....	580
Vệ Sinh	610
Bật Ăm Thanh Bluetooth®	280, 321
Biểu Tượng PGM-FI	158
Bộ Giới Hạn Tốc Độ Có Thể Điều Chỉnh	454
Bộ Rửa Kính	217
Bổ Sung/Nạp Nước Rửa Kính.....	578
Công Tác	217
Bổ Sung	571
Dầu Động Cơ.....	571
Nước Làm Mát	572, 574
Nước Rửa Kính	578
Bộ Sưởi Ghế Trước	243
Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa	179
Bóng Đèn Halogen	580, 582
Bu-gi	663

C

Cài Đặt Đồng Hồ	170
Cài Đặt Lại Đồng Hồ Đo Hành Trình	161, 165
Cài Đặt Màn Hình Hiện Thị	268, 307
Cảm Biến Camera Phía Trước	509
Cảm Biến Nhiệt Độ	166, 252
Cảm Biến Ra-đar	511

Camera Lùi Đa Hướng	530
Cần Gạt Nước và Bộ Rửa	217
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Cần Gạt Nước.....	592
Cần Số	439, 441, 445
Không Gạt Được	634
Nhả	634
Vận Hành.....	439, 441, 445
Cảnh Báo và Thông Báo Thông Tin	135, 136
Cầu Chì	646
Kiểm Tra và Thay Thế	655
Vị Trí.....	646, 651
Chất Phụ Gia, Dầu Động Cơ	566
Chế Độ ECON	447
Chìa Khóa	172
Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa	179
Cửa Sau Không Mở	184
Không Xoay Được.....	32
Loại và Chức Năng.....	172
Nhấn Mã Số	173
Chiếu Sáng Tự Động	210
Chờ Hành Lý	419, 421
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	81
Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa	225
Chuyển Động Từ Từ (Hộp Số Vô Cấp)	438
Cờ-lê Vận Đại Ốc (Tay Kịch)	622
Cổng HDMI™	256
Công Tác (Quanh Vô Lăng)	4, 5, 6, 203
Cổng USB	255
Cửa	172
Chìa Khóa.....	172
Đèn Báo Cửa Mở	41, 118
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài	175
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong	183

Cửa Kính (Mở và Đóng).....	198
Cửa Nạp Nhiên Liệu.....	28, 535
Cửa Sổ Trời.....	201

D

DAB	312
Dầu	
Bộ Rửa Kính Chắn Gió.....	578
Dầu Phanh.....	577
Hộp Số Thường	576
Hộp Số Vô Cấp	576
Nước Làm Mát Động Cơ	572, 574
Dầu (Động Cơ)	566
Bổ Sung	571
Kiểm Tra	568
Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	107, 639
Hệ Thống Giám Sát Dầu	543
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng.....	566
Độ Nhớt	566
Dây Đai An Toàn	42
Bộ Nhắc	45
Đèn Cảnh Báo	45, 110
Điều chỉnh Móc Neo Vai	50
Kiểm Tra	52
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai	92
Phụ Nữ Mang Thai	51
Thắt.....	48
Dây Đai An Toàn (Ghế)	42
Dụng Cụ	618
Dừng Xe	522

Đ

Đài AM/FM	269, 309
Đèn	209, 580
Công Tắc Đèn.....	209
Đèn Ban Ngày	212
Đèn Báo Chiều Xa	121
Đèn Báo Đèn Chiều Sáng Bật.....	121
Đèn Sương Mù	212
Thay Bóng Đèn	580
Trong Xe	235
Tự Động.....	210
Xi Nhan	208
Đèn Ban Ngày	212
Đèn Báo	104
ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh)	113
Áp Suất Dầu Thấp	107
Bộ Giới Hạn Tốc Độ.....	126
Chế Độ ECON	124
Chệch Làn Đường	128, 129
Chiều Xa	121
Cửa Mở.....	118
Đèn Báo Bật/Tắt Túi Khí Trước Phía Hành Khách	115
Đèn Báo Sự Cố	108
Đèn Chiều Sáng Bật.....	121
Đèn Sương Mù Trước	121
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ôn Định	125, 448, 451
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ôn Định Chính	125, 448, 449, 451, 452
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ôn Định Thích Ứng (ACC) có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF).....	130, 481
Giữ Phanh Tự Động	107, 516
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	114

Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	123
Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp/Áp Suất Lốp Thấp	119, 120
Hệ Thống Chống Nổ Máy	123
Hệ Thống EPS (Lái Trợ Lực Điện)	118
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)	131, 496
Hệ Thống Nạp Điện	109
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)	132, 133, 134
Hệ Thống Phanh và Phanh Đỗ	104
Hệ Thống Phanh và Phanh Đỗ (Hỗ Phách).....	105, 106
Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	124
Hệ Thống VSA (Hỗ Trợ Ổn Định Xe).....	116
Hộp Số	109
Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	110
Nhấn Phanh.....	127
Nhiên Liệu Thấp.....	112, 113
Quay Vô Lãng	127
Sang Số Đỗ.....	127
Sấy Nóng	111
TẮT VSA	117, 459
Thông Báo Hệ Thống.....	120
Vị Trí Cản Sổ	109
Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm	121
Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	639
Đèn Báo Chiều Xa	121
Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước	121
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	109, 639
Đèn Báo Hệ Thống Phanh và Phanh Đỗ (Đỗ)	104
Đèn Báo Hệ Thống Phanh và Phanh Đỗ (Hỗ Phách)	105, 106
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	112, 113
Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy	639
Đèn Báo Sự Cố	108, 640

Đèn Báo Tắt Túi Khí Hành Khách	67
Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống	120
Đèn Báo Vị Trí Cản Số	109, 440, 442
Đèn Báo Vượt	209
Đèn Chiếu Sáng	209
Bộ Điều Chỉnh.....	216
Cần Chỉnh.....	580
Chiếu Xa Tự Động.....	213
Làm Mờ.....	209, 212
Vận Hành Tự Động.....	210
Vận Hành.....	209
Đèn Đọc Sách	236
Đèn Trong Xe	235
Điều Chỉnh	
Đèn Chiếu Sáng.....	216
Ghế Sau.....	232
Ghế Trước.....	226
Gương.....	223
Nhiệt Độ.....	166
Tựa Đầu Ghế Trước.....	229
Tựa Tay.....	234
Vô Lãng.....	222
Điều Chỉnh (và Phụ Kiện)	615
Điều Chỉnh Âm Thanh	267, 306
Điều Chỉnh Độ Sáng (Bảng Điều Khiển)	221
Điều Khiển	169
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa	258
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ôn	
Định	448, 451
Đèn Báo.....	125
Điều Khiển Chiếu Sáng	221
Núm.....	221
Độ Nhớt (Dầu)	566, 664, 667
Động Cơ	
Bộ Phát Tiếng Bíp.....	203
Dầu.....	566

Khởi Động.....	428, 431
Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài.....	630
Nước Làm Mát.....	572, 574
Số Máy.....	669
Đồng Hồ	170
Đồng Hồ Đo	159
Đồng Hồ Đo Hành Trình	161, 164
Đồng Hồ Đo Quãng Đường	160, 164
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ	159
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe	159

G

Gấp các Ghế Sau Xuống	232
Ghế Lót Đặc Biệt (Cho Trẻ Em)	99
Ghế Ngồi	226
Bộ Sưởi Ghế Trước.....	243
Điều Chỉnh.....	226
Ghế Sau.....	232
Ghế Trước.....	226
Ghế Trước	226
Điều Chỉnh.....	226
Ghế Sau (Gấp Xuống)	232
Giấy Phép Mã Nguồn Mở	344
Giới Hạn Tải	421
Giữ Phanh Tự Động	516
Đèn Báo.....	516
Gương	223
Bên Ngoài.....	224
Chiếu Hậu Trong Xe.....	223
Cửa.....	224
Điều Chỉnh.....	223
Gương Bên Ngoài	224
Gương Cá Nhân	9
Gương Chiếu Hậu	223
Gương Chiếu Hậu Trong Xe	223

Gương Cửa	224
------------------------	-----

H

Hành Lý (Giới Hạn Tải)	421
Hệ Thống Âm Thanh	254
Âm Thanh <i>Bluetooth</i> [®]	280, 321
Cài Đặt Hình Nền.....	265, 292
Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị.....	268, 307
Chọn Nguồn Âm Thanh.....	308
Chống Trộm.....	257
Cổng HDMI [™]	256
Cổng USB.....	255
DAB.....	312
Đài AM/FM.....	269, 309
Danh Mục Tùy Chọn.....	304
Điều Chỉnh Âm Thanh.....	267, 306
Điều Khiển Từ Xa.....	258
Đóng Các Ứng Dụng.....	305
Hạn Chế khi Kích Hoạt Bằng Tay.....	308
iPod.....	274, 315
Kết Nối Điện Thoại Thông Minh.....	325
Kết Nối Wi-Fi.....	328
Kích Hoạt Lại.....	257
Mã An Ninh.....	257
Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin.....	263, 284
Màn Hình Chính.....	294
MP3/WMA/AAC.....	277, 318
MP4.....	318
Phát Video Bằng HDMI [™]	323
Thay Đổi Bố Trí Biểu Tượng Màn Hình Chính.....	288
Thay Đổi Giao Diện Màn Hình.....	303
Thiết Bị Khuyến Dừng.....	341
Thông Báo Lỗi.....	338
Thông Tin Chung.....	340

Tuỳ Chọn Đồng Hồ Đo.....	288	Tự Động Nhập Danh Bạ Điện Thoại và Lịch Sử Cuộc Gọi.....	409	Đèn Báo Hệ Thống.....	116
Ứng Dụng Android Auto.....	334	Tuỳ Chọn Khi Đang Gọi.....	397, 416	Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	643
Ứng Dụng Apple CarPlay.....	331	Hệ Thống Điều Hoà Không Khí (Hệ Thống Điều Khiển Khí Hậu)	244	Đèn Báo.....	118, 643
Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt.....	330	Cảm Biến.....	252	Hệ Thống phanh Giảm Va Chạm (CMBS)	470
USB.....	277, 318, 340	Chế Độ Đồng Bộ.....	251	Hệ Thống Phanh	512
Vùng Trạng Thái.....	302	Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài ...	248	Dầu.....	577
WAV.....	318	Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính.....	249	Đèn Báo.....	104
Hệ Thống An Ninh	195	Lọc Gió Điều Hoà.....	608	Giữ Phanh Tự Động.....	516
Đèn Báo Cảnh Báo Hệ Thống An Ninh..	123	Sử Dụng Điều Khiển Khí Hậu Tự Động.....	244	Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS).....	519
Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	123	Thay Đổi Chế Độ.....	248	Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp	520
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)	57	Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ôn Định Thích Ứng (ACC) Có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp (LSF)	130, 481	Phanh Chân.....	515
Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô	68	Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)	271, 311	Phanh Đổ.....	512
Bảo Dưỡng Hệ Thống Bật Nắp Ca-pô.....	71	Hệ Thống EPS (Lái Trợ Lực Điện)	118, 643	Hiện Thị Nhiệt Độ Bên Ngoài	166
Hệ Thống Cảm Biến Đổ	524, 528	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	72	Hình Nền	265, 292
Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.....	504	Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.....	81	Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh	460
Bật và Tắt.....	506	Ghế Lót Đặc Biệt.....	99	Honda Sensing	29, 467
Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp	463	Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Nhỏ.....	80	Hộp Đựng Đồ	237
Đèn Báo.....	119, 120	Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Sơ Sinh.....	77	Hộp Đựng Đồ Trung Tâm	238
Hiệu Chỉnh.....	463	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Quay Mặt Về Phía Sau.....	77	Hộp Số	439, 441, 445
Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động	213	Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em có Dây Đai Hồng/Vai.....	92	Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp.....	443
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	519	Sử Dụng Dây Thắt.....	95	Dầu.....	576
Đèn Báo.....	113	Trẻ Lớn.....	98	Đèn Báo Vị Trí Cản Số.....	109, 440, 442
Hệ Thống Chống Nổ Máy	195	Hệ Thống Hỗ Trợ Eco	11	Đèn Báo Vị Trí Số.....	110
Đèn Báo.....	123	Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)	496	Hộp Số Thường.....	445
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT)	377, 398	Hệ Thống Hỗ Trợ Ôn Định Xe (VSA)	458	Hộp Số Vô Cấp.....	438, 441, 445
Cài Đặt Điện Thoại.....	383, 405	Đèn Báo TẮT.....	117	Số.....	669
Danh Mục HFT.....	379, 401	Công Tắc Tắt.....	459	Hộp Số Thường	445
Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay.....	400			Hộp Số Vô Cấp	438
Hiện Thị Trạng Thái HFT.....	378, 400			Chuyển Động Từ Từ.....	438
Nhạc Chuông.....	389, 408			Dầu.....	576
Nhận Cuộc Gọi.....	396, 416			Nhảy Về Số.....	438
Nút HFT.....	377, 398			Vận Hành Cản Số.....	26, 439, 440, 441, 442
Quay Số Nhanh.....	392, 410			Không Gạt Được Cản Số.....	634
Tạo Cuộc Gọi.....	394, 413			Sang Số.....	439, 441

I	
iPod	274, 315
K	
Kéo Rơ-moóc	422
Giới Hạn Tải	422
Thiết Bị và Phụ Kiện	424
Kéo Xe	
Khăn Cáp	656
Kết Nối Điện Thoại Thông Minh	325
Kết Nối Wi-Fi	328
Két Nước	573, 575
Khăn Cáp	656
Khí CO	101
Khí Xả Nguy Hiểm (CO)	101
Khoá Điện	203
Khoá/Mở Khoá Cửa Tự Động	
Tùy Chọn	186
Khoá/Mở Khoá	172
Chìa Khoá	172
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	184
Sử Dụng Chìa Khoá	181
Từ Bên Ngoài	175
Từ Bên Trong	183
Khoang Hành Lý	192
Bóng Đèn	590
Cần Nhà	660
Không Thể Mở	660
Nắp	192
Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài	630
Khởi Động Động Cơ	428, 431
Bộ Phát Tiếng Bíp Động Cơ	203
Khởi Động Bằng Ác Quy Nối Ngoài	630
Không Khởi Động	626
Kích (Cờ-lê Vận Đai Ốc)	622

Kiểm Tra An Toàn	41
Kính (Vệ Sinh)	610, 613
Kính Chắn Gió	217
Cần Gạt Nước và Bộ Rửa	217
Lưỡi Gạt	592
Nước Rửa Kính	578
Sấy Kính/Làm Tan Sương	249
Vệ Sinh	613

L

Lái Xe	417
Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định	448, 451
Hộp Số Vô Cấp	438
Khởi Động Động Cơ	428, 431
Phanh	512
Sang Số	439, 441, 445
Lái Xe An Toàn	37
Làm Mờ	
Đèn Chiếu Sáng	209
Gương Chiếu Hậu	223
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính	249
Lấy Sang Số (Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp)	26, 443, 444
Lọc	
Lọc Gió Điều Hoà	608
Lọc Gió Điều Hoà	608
Lốp	595
Áp Suất Khí	665, 668
Đào Lốp	598
Kiểm Tra	595
Kiểm Tra và Bảo Dưỡng	595
Lốp Dự Phòng	619, 665, 668
Mùa Đông	600
Thùng (Lốp Xẹp)	619

Vạch Báo Độ Mòn	596
Xích Bọc Lốp	600
Lốp Bị Mòn	595
Lốp Dự Phòng	619, 665, 668
Lốp Dự Phòng Loại Nhỏ	619, 665
Lốp Mùa Đông	600
Xích Bọc Lốp	600
Lốp Xẹp	619
Lượng Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình	161, 165
Lưu Ý Khi Lái	437
Trời Mưa	437

M

Mặt Định Tất Cả Các Cài Đặt	376
Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin	263, 284
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái	163
Mờ	
Khoang Hành Lý	660
Mờ Khoá Cửa	175
Mờ Khoá Cửa Trước từ Bên Trong	183
Mở/Đóng	
Cửa Kính Điện	198
Cửa Sổ Trời	201
Khoang Hành Lý	192
Nắp Ca-pô	564
Móc Neo Phía Dưới	88
Móc Neo Vai	50
Móc Treo Áo	242
MP3	277, 318
MP4	318

N

Nạp Ác Quy Yếu	639
Nắp Bình Nhiên Liệu	28, 535
Nạp Nhiên Liệu	532
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	112, 113
Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu	159
Xăng	532, 663, 666
Ngăn Đẻ Cốc	239
Nhãn An Toàn	102
Nhãn Cảnh Báo	102
Nhãn Chứng Nhận	669
Nhãn Mã Số Chia Khoá	173
Nhảy Về Số (Hộp Số Vô Cấp)	438
Nhiên Liệu	28, 532
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	112, 113
Đồng Hồ Đo	159
Khoảng Cách	161, 165
Khuyến Dùng	532, 534
Nạp Nhiên Liệu	532, 534
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái CO ₂	537
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	161, 165
Nhiên Liệu Chỉ Định	532, 534
Nhiệt Độ	
Hiện Thị Nhiệt Độ Bên Ngoài	166
Núm Chọn (Âm Thanh)	262
Núm Hành Trình	160, 164
Nước Làm Mát Động Cơ	572, 574
Bổ Sung vào Bình Chứa	572, 574
Bổ Sung vào Két Nước	573, 575
Quá Nhiệt	636
Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm	4, 5
Nút Engine Start/Stop	204
Nút Màn Hình/Thông Tin	163, 284
Nút Sấy Kính Sau/Sấy Gương Cửa	220
Nút Start/Stop	204

O

Oát	663, 666
------------------	----------

Ô

Ô Cắm Điện Phụ Kiện	241
----------------------------------	-----

P

Phanh Chân	515
Phanh Đỗ	512
Phụ Kiện và Điều Chỉnh	615
Phụ Nữ Mang Thai	51

Q

Quá Nhiệt	636
Quan Sát Làn Đường	461
Que Thăm Dầu (Dầu Động Cơ)	568
Quy Định	671

R

RDS (Hệ Thống Dữ Liệu Radio)	271, 311
---	----------

S

Sang Số (Hộp Số)	439, 441, 445
Sấy Gương Cửa	220
Số Nhận Dạng	669
Số Máy và Hộp Số	669
Số Nhận Dạng Xe	669
Số Nhận Dạng Xe	669

SỐ

Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp	443
--	-----

T

Tải Trọng Tối Đa Cho Phép	421
Thâm Lót Sàn	611
Thay	
Ác Quy	606
Bóng Đèn	580
Cao Su Lưỡi Gạt Nước	592
Cầu Chì	646, 651
Lốp Xe	619
Thay Bóng Đèn	580
Đèn Bên Hồng	585
Đèn Biển Số Sau	588
Đèn Chiếu Sáng	580
Đèn Đọc Sách	589, 590
Đèn Gương Cá Nhân	590
Đèn Hậu	587, 588
Đèn Hộp Đựng Đồ	591

Đèn Khoang Hành Lý.....	590
Đèn Lùi.....	587
Đèn Phanh.....	587
Đèn Phanh Cao.....	588
Đèn Sương Mù.....	582
Đèn Trần.....	589
Đèn Trong Xe.....	589
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày.....	586
Đèn Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn Cấp.....	586
Đèn Xi Nhan Sau.....	587
Đèn Xi Nhan Trước.....	584
Thiết Bị Phát Sóng Radio.....	671
Thời Gian (Cài Đặt).....	170
Thời Gian Chạy.....	165
Thông Báo An Toàn.....	0
Thông Số Kỹ Thuật Bóng Đèn.....	663, 666
Thông Số Kỹ Thuật.....	662
Thùng (Lốp).....	619
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái	
CO₂.....	537
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp.....	521
Tín Hiệu Rẽ (Xi Nhan).....	208
Tính Năng.....	253
Tính Năng Tùy Chọn.....	346, 353
Tốc Độ Trung Bình.....	165
Tựa Đầu Ghế Trước.....	229
Tựa Tay.....	234
Túi Khí.....	55
Cảm Biến.....	55
Đèn Báo Tắt Túi Khí Phía Hành Khách.....	67
Đèn Báo.....	66, 114
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí.....	67
Sau Va Chạm.....	58
Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố.....	1
Túi Khí Bên.....	62

Túi Khí Rèm.....	64
Túi Khí Trước (SRS).....	57
Túi Khí Bên.....	62
Túi Khí Rèm.....	64
Túi Khí Trước (SRS).....	57

U

USB.....	277, 318, 340
-----------------	----------------------

U'

Ứng Dụng Android Auto.....	334
Ứng Dụng Apple CarPlay.....	331
Ứng Dụng Siri Rảnh Mắt.....	330

V

Vạch Báo Độ Mòn (Lốp).....	596
Vệ Sinh Ngoại Thất.....	612
Vệ Sinh Nội Thất.....	610
Vị Trí Cần Số	
Hộp Số Thường.....	445
Hộp Số Vô Cấp.....	439, 441
Vô Lãng.....	222
Điều Chính.....	222
VSA (Hỗ Trợ Ổn Định Xe).....	458

W

WAV.....	318
WMA.....	277, 318

X

Xăng.....	28, 532
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp.....	112, 113
Đồng Hồ Đo.....	159
Nạp Nhiên Liệu.....	532
Thông Tin.....	532, 534
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái CO ₂	537
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời.....	161, 165
Xi Nhan.....	208
Đèn Báo (Bảng Điều Khiển).....	121
Xử Lý Sự Cố.....	617
Bàn Đạp Phanh Rung.....	32
Cầu Chì Bị Nổ.....	646, 651
Cửa Sau Không Mở.....	33
Đèn Cảnh Báo.....	104
Động Cơ Không Khởi Động.....	626
Kéo Xe Khẩn Cấp.....	656
Không Gạt Được Cần Số.....	634
Lốp Thủng/Xẹp.....	619
Quá Nhiệt.....	636
Tiếng Bíp Vang Lên Khi Mở Cửa.....	33
Tiếng Òn Khi Phanh.....	35

